

LIÊN ĐOÀN CÔNG GIÁO VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

HÔN NHÂN và GIA ĐÌNH



Mat. Nguyễn Khắc Hy, P.S.S.
Chủ biên

2015

Lời giới thiệu:



Đức cha Đaminh Mai Thanh Lương

Orange 12 tháng 1 năm 2015

Tôi rất phấn khởi khi được tin Cha Nguyễn Khắc Hy P.S.S, tu hội Xuân Bích, cùng với một số anh chị em đang sống và sinh hoạt trên đất Hoa Kỳ cộng tác soạn thảo và phát hành cuốn sách ***Hôn Nhân và Gia Đình***. Tập tài liệu này rất khẩn thiết và thiết thực vì những lý do sau đây:

- Rất nhiều nhà thần học và xã hội học đều có một quan điểm là các gia đình đang trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng.
- Đức Giáo Hoàng Phanxicô mặc dù mới lên ngôi chưa được ba năm nhưng Ngài đã rất quan tâm đến vấn đề này, nên đã kêu gọi và triệu tập Đại Hội Mục Vụ Gia Đình về Roma để họp bàn về vấn đề mục vụ khẩn thiết này. Ngoài ra, Ngài còn đặc phái văn phòng Tông Đồ Giáo Dân của Tòa Thánh cộng tác với Tổng Giáo Phận Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania tổ chức một Đại Hội Thế Giới về Gia Đình tại thành phố lịch sử này vào ngày 22-27 tháng 9, năm 2015 tới đây, và đây cũng là năm mà Giáo Hội dành cho Gia Đình.

Để chuẩn bị cho Đại Hội Thế Giới Về Gia Đình, nhóm linh mục, nam nữ tu sĩ và giáo dân này đã dày công soạn cuốn sách ***Hôn Nhân và Gia Đình*** nhằm giúp mọi người hiểu thấu đáo hơn về vai trò của từng cá nhân trong gia đình qua Lời Chúa trong Kinh Thánh, qua tín lý thần học, và qua những phương tiện tâm lý xã hội.

Tôi chân thành cảm kích nỗ lực này của nhóm cộng tác đã soạn thảo cuốn sách giá trị này. Nguyên xin Chúa Thánh Thần và Thánh Gia Thất luôn phù trợ cho quý vị và tất cả các gia đình. Mong mọi người sẽ tìm đọc cuốn sách này để giúp nhau nên Thánh trong đời sống gia đình hằng ngày.

Trong Chúa Kitô,

Đức Cha Đaminh Mai Thanh Lương

Giám Mục Phụ Tá Giáo Phận Orange, California



Lời Giới Thiệu của Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ

Đức ông Giuse Trịnh Minh Trí, Ed. D.

Philadelphia ngày 5 tháng 1, 2015

“Dạy con từ thuở còn thơ...” Đây là một câu ca dao rất là quen thuộc và thân thương cho người Việt Nam khắp mọi nơi và mọi tôn giáo. Đối với người Công Giáo chúng ta, trong Nghi Thức Rửa Tội Trẻ Em, phần ban phép lành cho cha mẹ có lời như sau:

“Xin Thiên Chúa là Đấng ban sự sống tự nhiên và siêu nhiên chúc lành cho người Cha của em nhỏ này, để họ cùng với bạn mình là những người đầu tiên dạy dỗ con cái trong Đức Tin, biết dùng lời nói và gương lành làm chứng tá Đức Tin cho con cái, trong Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta.”

Trong tông huấn về gia đình, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II nói: *“Gia đình là trường học đầu tiên dạy các đức tính xã hội mà không đoàn thể nào khác có thể vượt qua”* (GD số 3). Là những *“thầy và cô”* có trách nhiệm quan trọng *“Dạy Con”* trong những ngôi *“trường học đầu tiên”* này, câu hỏi luôn được đặt ra cho cha mẹ mọi thời, nhất là thời nay, là liệu những người lãnh trách nhiệm quan trọng này có được đào tạo và chuẩn bị sẵn sàng chưa, hay vì nhiều lý do khác nhau khiến họ trở thành những nhà giáo dục *“bất đắc dĩ”* với tầm ảnh hưởng hết sức lớn lao cho nhiều thế hệ mai sau.

Chúng ta thường dành rất nhiều thời gian và tiền bạc để đầu tư đào tạo một kỹ sư, nhà giáo, y sĩ, nha sĩ, luật sư, nhà tâm lý, bác sĩ hay giáo sĩ. Thời gian 4 đến 8 năm trên ghế đại học để có một văn bằng *“hành nghề”* trong thời gian có hạn, nhưng chúng ta lại không quan tâm nhiều để xây dựng một

“ngôi trường” dành riêng trong việc huấn luyện và hướng dẫn cho những bậc làm cha mẹ mà ảnh hưởng “hành nghề” của họ vượt trên thời gian, qua bao thế hệ con cháu. Những “*thầy cô*” trong “*ngôi trường đầu tiên*” này cần phải có kiến thức phổ thông rộng lớn và sự hy sinh sẵn sàng để việc giáo dục được hiệu quả.

Nhận thức được những nhu cầu cần thiết này, Giáo Hội Công Giáo hoàn vũ lại đứng ra tổ chức Đại Hội Thế Giới về Gia Đình lần thứ 8 tại Philadelphia từ ngày 22 tháng 9 đến ngày 27 tháng 9 năm 2015 với sự có mặt của Đức Thánh Cha Phanxicô. Đây là một cơ hội 3 năm 1 lần nhằm quy tụ những nhà thần học và giáo dục Công Giáo từ khắp các Châu để cùng nhau chia sẻ, học hỏi nhằm củng cố vai trò làm cha mẹ trong các gia đình Công Giáo, là những Thầy - Cô trong ngôi trường đầu tiên của con cái.

Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ hiểu được tầm quan trọng của vai trò những người làm Cha, Mẹ trong gia đình, và những thách đố họ đang gặp khi giáo dục con cái trong môi trường tục hoá ngày nay. Với ý thức đó, Liên Đoàn đã mời Cha Nguyễn Khắc Hy P.S.S., Giáo sư Đại chủng viện, hướng dẫn trong việc cùng nhau học hỏi và chuẩn bị cho Năm Gia Đình 2015.

Tuyển tập này được thực hiện là sự hy sinh của Cha Nguyễn Khắc Hy cùng với sự cộng tác của những thành viên trong Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ. Đây là một sáng kiến rất hay nhằm thu thập những chia sẻ của khối người Công Giáo Việt Nam trí thức đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Tuyển tập này được gởi đến như một món quà tinh thần, tổng hợp những tinh hoa của nhiều khía cạnh trong gia đình Công Giáo Việt Nam và trong môi trường sinh hoạt của người Việt Nam trên đất nước Hoa Kỳ trong 40 năm qua.

Trong tâm tình hiệp thông và cảm tạ, thay mặt cho Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ con xin chân thành cảm ơn Quý Cha, Quý Thầy, Quý Soeur, Quý Tu Sĩ Nam Nữ cùng Quý Anh Chị Em đã góp phần làm nên cuốn sách này, nhằm giúp các Gia Đình hiểu rõ hơn về sứ vụ và trách nhiệm của mình trong cuộc sống ngày nay theo tinh thần Phúc Âm và lời dạy bảo của Giáo Hội. Xin Thiên Chúa chúc lành và thưởng công bội hậu cho Quý vị.

Cùng với Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, chúng con ao ước được đón chào Quý Đức Cha, Quý Đức Ông, Quý Cha, Quý Thầy, Quý Soeur, Quý Tu Sĩ Nam Nữ cùng Quý Ông Bà Anh Chị Em khắp năm Châu đến tham dự ngày Đại Hội Thế Giới Về Gia Đình lần thứ 8 tại Philadelphia.

Thân mến trong Chúa Kitô.

Đức Ông Giuse Trịnh Minh Trí, Ed. D.

Tiến sĩ Giáo Dục

Chủ Tịch Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ



Lời Dẫn

Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S.

Để chuẩn bị cho Năm Gia Đình, và nhân dịp Đức Thánh Cha Phanxicô về dự Đại Hội Gia Đình Thế Giới tại Philadelphia, Hoa Kỳ, tháng 9 năm 2015, đức ông Trịnh Minh Trí, chủ tịch Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, có gợi ý với tôi là làm thế nào chuẩn bị cho giáo dân Việt Nam tại Hoa Kỳ có được một tài liệu để học hỏi và sống Năm Gia Đình cách tích cực và hữu hiệu.

Sau khi tham khảo ý kiến với những người có trách nhiệm, tôi đã mời gọi một số anh chị em Việt Nam hiện đang sống và làm việc tại Hoa Kỳ cộng tác viết những bài trong chuyên môn của mình để giúp giáo dân hiểu hơn về Hôn Nhân và Gia Đình theo lời dạy của Giáo Hội Công Giáo, và để giáo dân ý thức hơn vai trò làm nhân chứng cho Tin Mừng trong xã hội đang muốn từ chối mọi giáo huấn của Thiên Chúa qua những giải thích của Giáo Hội.

Thành quả của ước vọng đó là tập sách nhỏ bé này với những bài viết gồm bảy mục cơ bản: văn hóa, kinh thánh, thần học tín lý, luân lý, giáo luật, linh đạo Công Giáo, và tâm lý xã hội.

Tập sách bắt đầu với những bài viết về giá trị đạo đức gia đình theo văn hoá Việt Nam nhằm giúp thế hệ cha mẹ tìm lại giá trị mà mình đã cam kết khi thề hứa sống đời đôi bạn, và giúp con em Việt Nam sinh trưởng ở hải ngoại hiểu thêm về căn tính và giá trị đạo đức mà cha mẹ họ trân quý.

Những bài viết trên cơ sở Kinh Thánh nhắc nhở chúng ta yếu tố diễn dịch đức tin căn bản phải có gốc rễ trong Lời Chúa, Lời Hằng Sống.

Những bài viết về thần học tín lý cắt nghĩa và thuyết phục người đọc về nội dung tín lý của Giáo Hội được rút ra từ Kinh Thánh và đúc kết qua kinh nghiệm sống thực tế của con cái Chúa trong lịch sử.

Những bài về luân lý giúp các gia đình hiểu và an tâm hơn khi phải có những quyết định cần thiết trong hoàn cảnh nguy kịch và phức tạp.

Những bài giáo luật cho ta thấy luật Giáo Hội nhằm giúp cuộc sống Hôn Nhân và Gia Đình tìm được bình an, đem con người về với Thiên Chúa, chứ luật không nhằm trừng phạt.

Những bài về linh đạo Công Giáo giúp chúng ta sống thánh thiện hơn theo lời mời gọi “các con hãy nên hoàn thiện như Cha trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mt 5:48).

Và sau cùng, những bài về tâm lý, xã hội và truyền thông là những bài thiết thực và gần gũi nhất với tất cả mọi gia đình, không phân biệt tôn giáo.

Những đóng góp của tập sách nhỏ này đến từ lòng nhiệt thành của những cộng tác viên trong thời gian ngắn (không quá hai tháng) nên còn nhiều thiếu sót. Tập sách mang tính đa dạng với những người viết gồm linh mục, tu sĩ nam nữ, phó tế vĩnh viễn, giáo dân nam, nữ, trẻ, già; và những người viết cũng đến từ những trường học Đông và Tây phương. Chính sự đa dạng này làm tập sách thêm phong phú về cả hình thức lẫn nội dung.

Xin đặc biệt cảm ơn Đức Cha Mai Thanh Lương, Giám Mục Phụ Tá giáo phận Orange, đã khuyến khích tôi và những anh chị em cộng tác viên trong cố gắng nhỏ mọn này.

Xin Thiên Chúa ban ơn lành xuống cho mọi gia đình.

Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S.

Trưởng Ban Thần Học Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ

Mục Lục

HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Lời dẫn *Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S.*

I. Văn Hoá Việt Nam

1. Gia Đình Trong Truyền Thống Văn Hoá Việt Nam (Lm. Francis Xavier Hồ Văn Mậu SDD – Pensacola, FL).
2. Đạo Hiếu Trong Văn hoá Việt Nam (Lm. Giuse Cao Phương Kỳ P.S.S. – Carthage, MO).
3. Phong Tục Tập Quán Việt Nam về Tình Yêu và Gia Đình Qua Ca Dao (Dr. Bùi Hữu Thư – Arlington, VA).
4. Gia Đình Di Dân Việt Nam: Sự Đa Dạng và Phức Tạp của Hôn Nhân và Gia Đình (Lm. Phêrô Nguyễn Cao Sâm S.V.D. – Seoul, Hàn Quốc)

II. Thần Học Kinh Thánh

1. Thảo Kính Cha Mẹ Là Luật Chúa Trong Cựu Ước (Lm. Đinh Minh Tiên O.P. – Houston, TX).
2. Hôn Nhân Và Gia Đình theo Thánh Phaolô (Lm. Martin Trần Đức – Orange, CA).
3. Priscilla và Aquila: Gia Đình Kitô Hữu Gương Mẫu (Lm. Nguyễn Văn Thanh S.V.D. – Chicago, IL).

III. Thần Học Tín Lý và Bí Tích

1. Tính Bất khả Phân Ly trong Hôn Nhân (Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S. – San Antonio, TX).
2. Hôn Nhân Liên Tôn: Bản Khoản và Hy Vọng (Lm. Nguyễn Thảo S.J. – Santa Clara, CA).
3. Bảo Vệ Hôn Nhân Truyền Thống Nam Nữ (Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S. – San Antonio, TX).

IV. Thần Học Luân Lý

1. Đầu Đời và Cuối Đời: Mục Vụ Luân Lý giúp Trẻ Sinh Sản - Mục Vụ Luân Lý giúp Hội Sinh và giúp Kéo Dài Sự Sống (Lm. Joseph Nguyễn Thanh Sơn – Orange, CA).
2. Thánh Gioan Phaolô II và Thần Học Thân Xác (Lm. Gioan Thành M. Trần Quốc Toàn CMC - Carthage MO).

V. Giáo Luật

1. Tiêu Hôn: Vai Trò Tòa Án Trong Giáo Hội (Lm. Peter Hồ Việt – Orange, CA).
2. Giáo Hội - Tiêu Hôn: Tiến Trình và Ý Nghĩa (Lm. Gioan Vianney Nguyễn ngọc Thụ - Houston, TX).
3. Lịch Sử Hôn Nhân Công Giáo: Dưới Nhãn Quan Giáo Luật (Lm. Dominic Nguyễn Đức Hạnh O.S.B. – Dallas, TX).
4. Sự Quan Tâm Đến Mục Vụ Chuẩn Bị Hôn Nhân – Vai Trò Địa Phận, Giáo Xứ, Linh Mục (Lm. John Baptist Nguyễn Quang Trực – Los Angeles, CA).

VI. Linh Đạo Công Giáo

1. Cung Thánh Tại Gia của Giáo Hội (Lm. Phaolô Nguyễn Luật Khoa OFM – Cromwell, CT).
2. Gia Đình và Con Đường Nên Thánh (Sr. Mary Margaret Phan Miên Miên & Sr. Claire Marie Phạm Thanh Thư, Mến Thánh Giá Qui Nhơn – Oakland, CA).
3. Mục Vụ Cho Người Sống Chung: Hợp Nhau - Hợp Luật - Hợp Đạo (Lm. Anthony Đào Quang Chính – San Bernardino, CA).

VII. Tâm Lý - Xã Hội - Truyền Thông

1. Gia Đình Và Ảnh Hưởng Truyền Thông Ngày Nay Qua Internet (Lm. John Trần Công Nghị - Los Angeles, CA).
2. Đời Sống Tính Dục và Hạnh Phúc Hôn Nhân (Dr. Trần Mỹ Duyệt – Orange, CA).

3. Bạo Hành Trong Gia Đình (John Mừng Lê - Marie Lan Lê – Orange, CA).
4. Vai Trò Khải Dẫn Tâm Lý Trong Đời Sống Hôn Nhân Gia Đình (Dr. Trần Mỹ Duyệt – Orange, CA).
5. Giáo Dục Con Cái trên đất Mỹ: Hội Nhập Không Quên Truyền Thống (Dr. Lê Xuân Hy – Seattle WA).
6. Con Cái: Quà Tặng Của Thiên Chúa (Phó tế Trần Văn – Bakersfield, CA).
7. Giáo Dục Con Cái: Chia Sẻ Cảm Nghiệm Sống (Nguyễn Văn Nhuệ - Nhi – Orange, CA).

Lời Kết

Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S.

CHƯƠNG I

VĂN HOÁ VIỆT NAM

GIA ĐÌNH TRONG TRUYỀN THỐNG VĂN HOÁ VIỆT NAM

Lm. Francis Xavier Hồ Văn Mậu SDD

DẪN NHẬP

Mọi người biết điều gì đó về gia đình. Các hiểu biết có thể đến từ những sưu tập album để tìm những kỷ niệm; có thể đến từ những kinh nghiệm quý báu của một cuộc sống trưởng thành và ổn định. Các hiểu biết cũng có thể đến từ những tình cảm thân thương, triu mến, chua chát hay cay đắng của những tháng ngày sống chung. Truyền thống xã hội và văn hóa lại cho chúng ta những điều hiểu biết khác về gia đình. Các chương trình truyền hình lại giới thiệu cho chúng ta các bức tranh gia đình truyền thống hay không theo truyền thống, kể cả các thứ hình thức gia đình pha tạp khác. Các nhà vận động chính trị lại dẫn đưa chúng ta vào những khẩu hiệu mạnh mẽ: “giữ vững các giá trị gia đình,” “củng cố giá trị gia đình” như là những chiêu bài chính trị. Gia đình quả thực có ý nghĩa rất quan trọng, đó là điều không ai chối bỏ. Gia đình tồn tại trước khi các đoàn thể và các chính phủ được hình thành. Chắc chắn gia đình vẫn trường tồn ngay cả khi các đoàn thể ấy bị suy tàn. Ngay cả khi người ta chưa đồng ý với nhau chức năng và tính chất cơ bản của gia đình thì gia đình vẫn mang trong chính nó một ý nghĩa quan trọng. Điều này dẫn chúng ta về với một truyền thống gia đình mà một thời đã làm cho xã hội Việt nam ổn định. Nghiên cứu ngắn gọn này tập chú vào Gia đình trong truyền thống Việt nam với niềm vui và trân trọng.

I - GIA ĐÌNH

Các hình thức tổ chức các gia đình đã biến dạng theo lịch sử, và vì thế người ta không dễ gì đồng ý với nhau về định nghĩa của gia đình, ngay cả định nghĩa của George Murdock, một chuyên gia Hoa Kỳ về lịch sử xã hội. Murdock định nghĩa gia đình là một nhóm xã hội được xác định bởi một nơi cư trú chung có sự cộng tác và tái sản xuất về kinh tế, bao gồm những người trưởng thành của hai giới, trong đó có ít nhất là hai người duy trì mối quan hệ tình dục được xã hội công nhận và một hoặc nhiều đứa trẻ, là con đẻ hay con nuôi của những người trưởng thành có mối quan hệ như vợ chồng với

nhau.¹ Theo định nghĩa này, gia đình được tạo thành từ những người sống chung với nhau trong một thời gian kéo dài. Họ được gắn kết bởi những thỏa thuận pháp lý hay những cam kết tình cảm, hoặc cả hai. Và cuối cùng, họ có thể chăm sóc cho một hoặc nhiều hơn các thân quyến phụ thuộc là trẻ con, người tàn tật hay già cả. Định nghĩa trên đã bỏ qua nhiều vai trò và chức năng căn bản của gia đình, cũng như không cho thấy sự phân công trách nhiệm vốn là thực tế trong các gia đình, vì do đó, mà nảy sinh ra trong lịch sử các chế độ mẫu hệ, phụ hệ và gia trưởng. Quan trọng hơn, định nghĩa trên không chứng tỏ được tính chất nòng cốt của gia đình vốn mang trong chính nó mối tương quan hòa thuận và gia giáo, thông qua giáo dục. Dầu sao ý tưởng chính vẫn là sự gắn kết trong cuộc sống vật chất và tinh thần, nhờ sự gắn kết này mà các quyền lợi của cá nhân và gia đình được bảo đảm.² Tình yêu và trách nhiệm trong hôn nhân là phẩm chất chính yếu và tốt đẹp nhất của đời sống gia đình.

Nhưng với Trost, tác giả của tác phẩm *Married and Unmarried Cohabitation* đã cho ta một nhận định khác về hai quan hệ chủ yếu nhất “quan hệ vợ chồng” và “quan hệ bố mẹ - con cái.”³ Theo Trost, khi nói về gia đình người ta thường nghĩ tới một nhóm người sống chung một mái nhà, có mối quan hệ huyết thống qua hôn nhân hay cam kết. Ta cũng nghĩ tới gia đình như một tập thể có mục đích chung là nuôi nấng dậy dỗ, kế thừa truyền thống, giá trị và trách nhiệm đối với hạnh phúc của các thành viên gia đình. Sự gắn bó với nhau và chung lưng đấu cật là đề phong phú hóa cuộc sống của gia đình và của mỗi thành viên. Tiên sĩ Mortimer J. Adler, trong tác phẩm *Great ideas from the great books* đã thừa nhận rằng từ thế chiến thứ II, cuộc sống gia đình có một tầm quan trọng rất lớn, ngay cả những người trí thức và bọn trẻ con cũng muốn có một cuộc sống gia đình lành mạnh. Trong các thời đại và những nơi chốn khác nhau thì gia đình có khác nhau về tổ chức, điều hành và vai trò xã hội, nhưng luôn luôn có chức năng căn bản là sinh sản và nuôi dưỡng. Đây là mục đích tự nhiên của gia đình.⁴

¹ George Murdock, *Social Structure*, NY, Macmillan, 1949, 45.

² Ibid, 79.

³ Charles L. Jones, Lorne Tepperman, *The Future of the Family*, V.Q.Hà dịch, nxb Đại Học QG Hà Nội, 2000, 44.

⁴ Mortimer J. Adler, *Great Ideas from the Great Books*, NXB Văn Hóa Thông Tin, 237.

Chúng ta có lẽ dễ đồng thuận hơn khi hiểu gia đình là một nhóm căn bản xã hội, hình thành qua một nghi lễ được xã hội hay truyền thống thừa nhận. Như thế gia đình có mục đích thực hiện một số chức năng mà xã hội ấn định như ^{5 6}: Chức năng truyền sinh: lưu truyền sự sống thông qua mối liên hệ trong hôn nhân; Chức năng giáo dục (Xã hội hóa), giáo dục và truyền ban những giá trị được gia đình, gia tộc hay cộng đồng xã hội thừa nhận; Chức năng lao động: nuôi sống mọi người trong gia đình bằng đóng góp công và sức lao động. Chức năng tôn giáo, tín ngưỡng: gia đình là nơi tôn kính, thờ tự, (đặc biệt trong các gia đình theo đạo thờ kính ông bà), bảo tồn và lưu truyền niềm tin tín ngưỡng cho các thế hệ kế tục. Những giá trị của gia đình trên, dĩ nhiên chưa phải là tất cả nếu nhìn dưới góc độ giá trị của cộng đoàn nhân vị, sự sống và dâng hiến phục vụ, dầu sao, cũng đã kết thành ý nghĩa phổ quát của cơ cấu gia đình; chính những giá trị này làm nên nét đặc trưng của hôn nhân và gia đình.⁷

II - GIA ĐÌNH THEO TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Phạm Côn Sơn đề cập đời nghiên cứu và giảng dạy về Văn Hóa Việt Nam cho rằng gia đình Việt Nam là một tổ hợp lớn, luôn phát triển không chỉ bao gồm vợ chồng con cái như kiểu Tây phương, nhưng gia đình còn có ông bà, cháu, chắt, chít chít nữa.⁸ Phạm Côn Sơn đã trích dẫn nhận định của giáo sư Vũ Ngọc Khánh trong tác phẩm của mình: *“Gia đình, theo nghĩa Việt Nam phải được hiểu theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Về nghĩa rộng, gia đình có liên quan đến cả gia tộc, đến những người thân cùng huyết thống. Cả dân tộc là một đại gia đình vì từ nguồn gốc đều cùng một mẹ mà ra. Mẹ và cha khác giống nhau, ở xa nhau, nhưng đã thống nhất lại để thành gia đình... Gia đình, gia tộc đều có chung một tinh thần, một ý nghĩa, không hiểu điều đó để tách bạch gia đình hạt nhân và gia đình mở rộng, là không tìm tới gốc... Còn nghĩa hẹp, tức là xét đến gia đình hạt nhân trong truyền*

⁵ Trần Ngọc Thêm, *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, nxb TPHCM, 1996, 291.

⁶ *Luật Hôn Nhân và Gia Đình* của CHXHCNVN, 29/12/1986, điều 19.

⁷ Tông Huấn *Familiaris Consortio* số 18 xác định gia đình không chỉ là thực tại văn hóa, xã hội, lịch sử, mà còn là một thực tại thiêng liêng. Vì thế gia đình có 4 nhiệm vụ chính: 1. thành lập nên cộng đoàn nhân vị; 2. Phục vụ cho sự sống, sinh sản; 3. Tham gia vào việc phát triển xã hội; 4. Chung phần sứ vụ của Giáo Hội.

⁸ Phạm Côn Sơn, *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, NXB Văn Hóa Dân Tộc, 2002, 364.

thống Việt Nam. Tôi thấy hình như có khá nhiều chi tiết mà gia đình truyền thống của ta khác với cách quan niệm của những gia đình hạt nhân ngày nay... Cách xây dựng gia đình hạt nhân trong truyền thống Việt Nam xưa, nhân mạnh tới vai trò bố mẹ.”⁹

Từ lâu truyền thống Việt Nam đã dành cho gia đình một chỗ đứng quan trọng không chỉ trong công việc xây dựng xã hội quốc gia, mà cả trong việc đào tạo con người nữa. Truyền thống văn hóa Việt Nam coi gia đình là con đường phải qua nếu các cá nhân muốn thành đạt và được kính trọng ngoài xã hội. Tư tưởng này đã ăn sâu trong quan niệm thăng tiến xã hội của con người Việt Nam: muốn ổn định thiên hạ thì phải có khả năng trị quốc; muốn trị được quốc điều trước tiên là phải tề gia.¹⁰ Phần quan trọng nhất trong văn hóa làm người Việt Nam là phải tuân thủ gia đạo. Đạo là con đường dẫn từ khởi điểm tới đích điểm. Gia đạo chính là những nguyên tắc cơ bản và ổn định, những bổn phận phải làm và những điều phải tránh trong sinh hoạt gia đình. Đây chính là cái khung tiêu chuẩn của đạo lý con người. Những điều này được chỉ dạy cho mọi thành viên trong gia đình. Khi mọi người một mực trung thành tuân giữ, người ta gọi là người có gia giáo. Một cách đơn giản, gia giáo là sự chỉ dạy cách ăn nết ở trong gia đình, ngoài xã hội, nơi làng nước. Thường những lời chỉ dạy này xuất phát từ kinh nghiệm sống của người trước về cách cư xử, phép tắc, thói tục; các kinh nghiệm này đã được xã hội hóa. Người lớn trong gia đình đóng vai trò làm gương sáng, chỉ dạy cho trẻ nhỏ. Một gia đình có gia giáo là gia đình có nề nếp, tôn ti trật tự, kính trên nhường dưới.¹¹

Xã hội Việt Nam chịu ảnh hưởng Nho giáo của Trung Hoa, nên gia đình Việt Nam truyền thống cũng ảnh hưởng “lễ” của Nho giáo. Lễ (một trong năm đức tính giữ gia đình, quốc gia an khang bình trị) có ảnh hưởng tới đối nhân xử thế, tới những mối quan hệ, giao dịch. Mỗi người sống trong xã hội ít nhiều gì cũng phải tuân theo những quy ước, những tục lệ của xã hội ấy trong việc giao tiếp liên hệ với mọi người chung quanh, từ thân đến sơ, từ ông bà cha mẹ đến bạn bè con cháu. Dân tộc ta từ xưa đến nay vẫn tôn

⁹ Phạm Côn Sơn, *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, NXB Văn Hóa Dân Tộc, 2002, 367.

¹⁰ Ibid. 376.

¹¹ Ibid. 368.

trọng lễ giáo. Xin đừng hiểu “lễ” là những tập tục ràng buộc của gia tộc, cũng đừng hiểu rằng “lễ” là những lễ nghi xưa cũ, càng không phải là lễ nghi của Tàu. Phạm Côn Sơn cắt nghĩa: “Lễ là tình trạng kiến văn của một hành vi quan trọng trong mọi xã hội, mọi tư tưởng tiến bộ đã có từ khi con người được khai hóa.” Học giả Thu Giang Nguyễn Duy Cần nhận định: “Lễ, theo Á đông, chẳng những có ý nghĩa là tự trị, tự chủ, mà cũng có nghĩa là nhân nữa. Nói tắt một lời, thì: *“tất cả thuật xử thế của người Á đông, đều ở trong một chữ lễ.”*¹²

III - BẢN SẮC GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Để có một cái nhìn tương đối chính xác và tổng quát, chúng ta nhìn vào các yếu tố ảnh hưởng của Nho giáo trên gia đình Việt Nam.¹³ Sau hàng ngàn năm Bắc thuộc, với ý đồ đồng hóa người Việt Nam như là một bộ phận, Trung Hoa luôn tìm mọi cách để tẩy não di sản Bách Việt từ trong cơ cấu xã hội đến nếp sống, nếp nghĩ của người dân Việt Nam. Hệ thống giáo dục con người và xã hội của Nho giáo là một phương tiện để thực hiện cho ý đồ này¹⁴. Thậm chí có nơi và có thời hệ thống giáo dục Nho giáo đã trở thành mực thước, tiêu chuẩn và lối sống của người Việt, từ thượng tầng cơ sở tới sinh hoạt cơ bản của người dân, từ ngoài xã hội đến trong tình cảm gia đình. Quan niệm xã hội trọng nam, khinh nữ (nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô), quan niệm nhất vua, nhì thầy, thứ ba mới tới cha mẹ (quân, sư, phụ), tam cương ngũ thường, tam tông tứ đức, đã hun đúc nên nề nếp và gia phong, gia đạo của người Việt Nam.¹⁵ Một cách khái quát, dưới ba góc độ: đời sống nông nghiệp, hệ thống luân lý và quan điểm nhân văn, chúng ta có thể nhận ra các yếu tố nho giáo ảnh hưởng đến bản sắc gia đình Việt nam như thế nào.

-Dưới góc độ kinh tế, hơn 80% Người Việt Nam gắn liền và chọn nông nghiệp làm kinh tế chủ yếu. Đời sống của họ có lo toan bận bịu với ngày mùa nhưng cũng thanh thản để tổ chức hội hè, đình đám, và lễ nhạc. Tất cả nhịp sống người Việt xoay quanh những biểu tượng thôn trang, làng

¹² Phạm Côn Sơn, *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, NXB Văn Hóa Dân Tộc, 2002, 373.

¹³ Lê Ý Thu, *Cuộc Sống Gia Đình*, nxb Phụ Nữ, Hà Nội, 2000, trang 8-18.

¹⁴ Trần Ngọc Thêm, *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, nxb TPHCM, 1996, 98.

¹⁵ *Ibid.*, 527.

xã, lũy tre làng, cái đình, gốc đa, bờ chuối. Quan niệm gia đình đông con là phúc đức của ông bà, cũng đã xuất phát từ thực tiễn của cuộc sống nông nghiệp. Sinh con là để có người lo việc đồng áng, và lập gia đình để có người phụ giúp nông trang.

- **Hệ thống luân lý Nho giáo** đã ăn sâu và trở thành chuẩn mực của các cách cư xử giữa người với người. Nhân, Giáo và Đạo đó là một loạt giá trị đạo đức theo tiêu chuẩn Nho giáo. Người ta không theo chuẩn mực đó sẽ bị khinh bỉ, không đạo đức, bất nhân, và vô giáo. Nền luân lý gia đình và xã hội Việt Nam đặt nặng trên tình tương thân tương trợ, trên trật tự chung, trên quyền lợi gia đình và tập thể, trên khế ước và giao kèo, trên hy sinh, hiếu hòa và lấy gia đình làm quan trọng nhất. Những mẫu số chung giá trị của truyền thống văn hóa Việt Nam ấy đã va chạm không ít với môi trường mới, lối sống và cấu trúc thành thị mới trong thời cận và hiện đại; trong đó, hệ thống giá trị đặt nền tảng trên bình đẳng, tinh thần dân chủ, tự do cá nhân, luật lệ, thụ hưởng, cá nhân là quan trọng.¹⁶

- **Xã hội Việt Nam** nhìn nhận gia đình là một thực thể nền tảng của xã hội. Tinh thần Nho giáo với tư tưởng, học thuật, nếp sống, phong tục đã chi phối và trở thành nền tảng cho việc xây dựng xã hội, quốc gia Việt Nam. Xã hội là một đại gia đình, trong đó vua là thiên tử, và có sứ mạng truyền mệnh trời xuống cho toàn dân. Vua coi dân như con đẻ, và cai trị dân bằng Nhân và Đức. Xã hội Việt Nam được chi phối bởi nhân trị thay cho pháp trị. Mỗi người, mỗi giai cấp sống đúng với Danh của mình.¹⁷

Tinh thần Việt Nam ảnh hưởng bởi Nho giáo thật khác xa với tinh thần xã hội Âu Mỹ. Nơi đây, chữ hiếu, chữ trung, không còn là đạo đức và tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá một con người. Tình cảm và hạnh phúc con người trong xã hội mới là căn bản; nam nữ bình đẳng trước pháp luật. Xã hội có luật pháp chi phối mọi thành phần và mọi ứng xử, bảo đảm quyền lợi đồng đều, ngay cả quyền được ly hôn và quyền của cha mẹ cũng bị giới hạn.¹⁸

IV - CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH VIỆT NAM

¹⁶ Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn Trường Tộ, *Tình Yêu Gia Đình và Hội Nhập*, Đình Hương Tùng Thư 2000, 69.

¹⁷ Ibid., 72.

¹⁸ Ibid. 73.

Sự hình thành gia đình là căn bản trong tiến trình tiến hóa xã hội. Chế độ mẫu hệ được nhận thức từ trong chế độ công xã thị tộc và là bước phát triển khi con người bước ra khỏi cuộc sống quần hôn, mối liên hệ trai gái chưa quan niệm được là vợ chồng, và con cái chỉ biết có mẹ.¹⁹ Ý niệm gia đình được sáng rõ hơn khi con người ý thức được mối tương quan vợ chồng, con cái. Trong xã hội mà gia đình chưa đòi hỏi phải tích lũy nhiều tài sản, cuộc mưu sinh chủ yếu cấy cày và gặt hái. Đây là công việc thường xuyên người phụ nữ đóng vai trò chủ động bên cạnh sinh sản và chăm sóc nuôi dưỡng con cái. Gia đình Trung Hoa theo chế độ phụ hệ từ thời nhà Hán (hai ngàn năm trước Tây lịch) và truyền sang Việt Nam từ thời Bắc thuộc lần thứ hai, khoảng 1000 năm trước Tây lịch.²⁰ Dĩ nhiên đây không phải là tiến trình tự nhiên mà là do bởi áp lực chính trị và xã hội của Trung Hoa áp đặt. Ngay trong áp lực này, xã hội Việt Nam cũng không hoàn toàn nhắm mắt đưa chân. Các gia đình Việt Nam vẫn dành cho người mẹ, người vợ một lòng trân trọng đáng kể. Nói chung, gia đình trên phương diện xã hội bao gồm một số các chức năng căn bản. Theo giáo sư Phạm Hồng Lam, đó là:

- **Chức năng truyền sinh:** gia đình là định chế duy nhất trong đó sự liên hệ tình dục được xã hội chấp nhận để lưu truyền sự sống, tiếp nối dòng tộc.

- **Chức năng giáo dục:** gia đình là môi trường chính yếu và đầu đời trong việc giáo dục con cái và giúp chúng học tập các vai trò sau này.

- **Chức năng phân phối lao động và chăm lo kinh tế:** phân công lao động để nuôi sống mọi thành viên, chăm sóc cuộc sống vật chất.

- **Chức năng tôn giáo:** đặc biệt trong các xã hội theo tôn giáo truyền thống, thờ ông bà tổ tiên, gia đình là nơi tồn trữ và truyền bá niềm tin và việc thờ tự.²¹ Ngoài ra người ta còn đề cập tới chức năng điều hòa tình cảm và giải trí của gia đình. Các chức năng cổ điển của định chế gia đình là phổ quát và quyết định trong xã hội cổ xưa lấy nông nghiệp làm căn bản.

Theo Lê Ý Thu trong tác phẩm *Cuộc Sống Gia Đình* được biên soạn theo tác phẩm *Familyhood* của nhà xuất bản Simons Shuster, 1992, thì ản

¹⁹ Ibid.

²⁰ Lm Nguyễn Thái Hợp, *Một Nửa Hành Trình*, nxb Chân Lý, 1997, 55.

²¹ *Tình Yêu, Gia Đình và Hội Nhập*, Định Hướng Tùng Thư xuất bản, 2002, 57.

chứa sau những ngôn từ khô khan biểu hiện các chức năng gia đình, người ta nhận ra được ý nghĩa gắn kết, chăm lo và dậy dỗ. Những ý nghĩa sau đây luôn đi liền với tình cảm và giá trị của gia đình ở mọi thời đại và mọi nơi.

- **Sự gắn kết:** đòi buộc vợ chồng yêu thương, chung lưng đấu cật để mang lại phúc lợi lâu dài cho mọi thành viên.

- **Sự chăm lo:** diễn đạt qua những từ ngữ chia sẻ, nuôi dưỡng, quan tâm mà ai cũng thừa nhận và thường hiểu chỉ có trong gia đình.

- **Sự dạy dỗ những giá trị:** là chức năng gắn bó mật thiết với đời sống gia đình, vì gia đình là nơi duy nhất hầu hết các giá trị cơ bản được thấm nhuần và truyền đạt.²²

V - HỘI NHẬP

“Xã hội Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung đang chuyển mình một cách mạnh mẽ với những thay đổi tích cực nhưng cũng với những mất mát to lớn, trong đó đáng kể nhất là những giá trị cơ bản liên quan đến sự bền vững của hôn nhân – gia đình và tình liên đới giữ các thành viên.”²³

Làn sóng di dân, tình trạng đô thị hóa, xu hướng toàn cầu hóa, đã thúc đẩy hàng triệu người Việt nam chuyển mình và ra đi để mưu sinh và tồn tại. Thực trạng này không thể đảo ngược; do đó, các gia đình Việt Nam phải đối diện với những thách thức hội nhập vào một văn hóa mới, một lối sống mới với những ứng xử khác biệt, nhiều khi thật xa lạ với những gì mà họ đã được hấp thụ từ trong truyền thống. Thực trạng xuất hiện những biến dạng về gia đình và Tình yêu - hôn nhân, như ly dị, sống chung, sống thử, tự do luyện ái... đã là những buồn thảm luôn ám ảnh. Người ta luôn tự nhắc nhở với nhau cần phải hội nhập để tồn tại. Nhưng hiểu và sống thế nào cho đúng với hội nhập?

Hội nhập (integration) khác xa với đồng hóa (assimilation). Đồng hóa là hòa tan, biến mất căn tính của mình trong khi hội nhập là một tiến trình thâm hóa, chọn lọc. Phạm Hồng Lam đã định nghĩa đồng hóa là sự tan biến của một thiểu số vào trong đa số. Hội nhập cũng không hẳn là thích ứng, vì thích ứng là sự điều tiết một chiều của một yếu tố vào một toàn thể. Hội

²² *Cuộc Sống Gia Đình*, NXB Phụ Nữ, 1999, 40.

²³ HĐGMVN. *Thư mục vụ về Môi Trường Giáo dục Gia đình Công giáo*, 5-12-2008.

nhập là một tiến trình thâm hóa hai chiều có ý thức, trong đó đa số chấp nhận thiểu số với cái cá biệt của họ và ngược lại, thiểu số chấp nhận quy luật của đa số nhưng đồng thời vẫn không để mình bị biến mất trong cái đa số ấy. Một hội nhập văn hóa thành công là khi văn hóa thiểu số sẵn sàng hòa mình vào văn hóa đa số, chấp nhận thâm hóa những cái đáng theo của người mà vẫn giữ được cái độc đáo của mình.²⁴

Giữ gìn bản sắc dân tộc là một đòi hỏi thiết yếu để gia đình Việt nam không bị tan biến. Văn hóa là đặc trưng của xã hội loài người, luôn mang dấu vết của con người. Văn hóa truyền thống Việt Nam xây dựng trên cơ sở nông nghiệp, thì cũng đã định hình nên con người Việt Nam. Người Việt gắn bó mật thiết với thiên nhiên và vũ trụ, sống hiền hòa, tình cảm, mềm dẻo, kín đáo, tinh tế, linh hoạt. Quy tắc xử sự của Việt Nam ngày xưa là luật và lệ (luật vua thua lệ làng), nhờ khuynh hướng hiền hòa, nhu mì, mà tính cứng nhắc của luật pháp được làm mềm đi. Tinh thần tương thân tương trợ đã hình thành và chi phối mối tương quan mật thiết trong gia đình, làng xã, và xã hội. Sự liên kết chặt chẽ cũng phát xuất từ môi trường thiên nhiên vốn dĩ hay gây lụt lội, bão táp. Yếu tố gia tộc có một sức mạnh đoàn kết, yêu thương, đùm bọc nhau. Có lẽ trong ngôn ngữ loài người không có quốc gia nào có đủ ngôn ngữ để chỉ gia tộc lên tới chín đời (thế hệ): kì, cụ, ông, cha, tôi, con, cháu, chắt, chít. Hệ thống gia tộc như vậy cho phép người ta đùm bọc, yêu thương, dù có sa cơ thất thế, bất hạnh thế nào, người ta cũng không bơ vơ cô cút.²⁵ Sự nâng đỡ thương yêu đùm bọc không chỉ ở mặt vật chất mà cả mặt tinh thần nữa. Vì thế chữ Hiếu được coi như chất keo sơn gắn bó các thành viên gia tộc, gia đình; bất hiếu luôn được coi là trọng tội. Hệ thống tổ chức gia tộc, gia đình, tâm tình yêu thương đùm bọc, kính trên nhường dưới; gia đình ổn định hài hòa là những nét nổi bật và căn bản của văn hóa Việt Nam.²⁶

Gìn giữ bản sắc văn hóa gia đình là nhiệm vụ hàng đầu và cần thiết đối với các gia đình Việt Nam.²⁷ Mô hình này đã được phát huy và thành công ở nhiều cộng đồng người Việt. Nhờ đó, họ đã đùm bọc nhau không chỉ

²⁴ Phạm Hồng Lam, *Tình Yêu – Gia Đình và Vấn Đề Hội Nhập*, 63.

²⁵ *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, 210.

²⁶ *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, 364.

²⁷ *Hội Nhập Văn Hóa Trong Hôn Nhân và Gia Đình Việt Nam*, 17.

vượt qua được giai đoạn đầu nhập cư ở xứ lạ, mà còn giúp nhau thăng tiến trong cuộc sống ở những môi trường xã hội mới lạ. Thật là may mắn, các giá trị đạo đức, các tập tục truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt, người Việt vẫn còn tiếp tục và trân trọng trong các thế hệ con cháu ta ngày nay.²⁸ Nhưng cũng thật tiếc, một số không ít gia đình trong xu thế thời đại mới, đã không cho thấy được những nét đáng yêu và những giá trị đáng bảo tồn trong văn hóa Việt Nam. Xã hội càng ngày càng có cái nhìn rộng rãi và bao dung hơn về mặt văn hóa. Nhiều truyền thống văn hóa sống chung trong hài hòa muôn vẻ thì vẫn tuyệt vời hơn là mỗi người một cách sống đóng kín. Vì vậy, trong những biến chuyển gay gắt của xã hội ngày nay, nhiệm vụ giáo dục của cha mẹ đối với con cái là làm sao để sau này đưa trẻ lớn lên, chúng có dịp so sánh phân tích các nền văn hóa, chúng không than trách, oán hận là cha mẹ chúng đã không dạy gì cho chúng về truyền thống văn hóa Việt Nam.

VI - PHÁT HUY NHỮNG YẾU TỐ TÍCH CỰC TRONG TRUYỀN THỐNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Trong tác phẩm *Gia Đình Trên Hết*, tiến sĩ Phil McGraw, tác giả của những cuốn sách về gia đình bán chạy nhất của New York Times, đã ngỏ lời với các bậc cha mẹ: *“Tôi muốn nói với bạn về chuyện gia đình. Tôi biết và cảm nhận rằng là cha mẹ, các bạn và tôi cùng chia sẻ những vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu. Cũng như bạn, tôi yêu gia đình tôi hơn bất cứ thứ gì trên thế giới này, và tôi muốn tất cả chúng ta được an toàn... Những người theo thuyết khổ hạnh sẽ bảo rằng xã hội có nhịp sống gấp gáp như thế này, gia đình đã trở nên lỗi thời, rằng gia đình đã trở nên một khái niệm lạc lõng, và bị chôn vùi trong một thế giới bận rộn. Tôi ở đây để nói với các bạn biết rằng điều đó không đúng, thậm chí không còn quan trọng hơn trước kia, và sự xói mòn của gia đình không thể chấp nhận được. Đây là một cuộc tranh đấu mà chúng ta sẽ thắng nếu chúng ta thực hiện bổn phận của mình và hòa hợp”*²⁹ Theo Phạm Côn Sơn, trong quá trình hội nhập vào xã hội mới, trong thời đại mới, các gia đình Việt Nam đang khi du nhập một số các yếu tố tích cực nhằm thăng tiến gia đình và cá nhân, họ còn giữ được nhiều

²⁸ *Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, 626.

²⁹ Dr. Phil McGraw, *Family First*, NXB Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, 2005, trang bìa.

yếu tố tích cực của truyền thống Việt Nam. Chỉ có những rác rến và loại cây rong rêu bị cuốn trôi đi trong dòng chảy cuộc đời.³⁰

VI. 1. - Gia Đình Là Nền Tảng: Gia tộc, Xóm làng, Quốc gia

Gia tộc: Trong nếp sống văn hóa dân tộc, sự tương thân tương trợ giữa mọi người theo tiến trình gia đình, gia tộc, quốc gia, nhân loại. Ý thức gia tộc trong đời sống dân tộc Việt nam thật đậm nét vì nông nghiệp là chính. Một gia đình lẻ tẻ sẽ khó có khả năng đảm đương vụ mùa và đối phó kịp thời với môi trường thiên nhiên. Gia tộc và cộng đồng làng xã là một quần thể gồm các gia đình ruột thịt, họ hàng xa gần nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống và việc làm ăn. Giáo sư Trần Ngọc Thêm nhận xét: *“Sức mạnh gia tộc thể hiện ở tinh thần đùm bọc, thương nhau. Sống trong họ tộc có trách nhiệm cứu mang nhau về mặt vật chất: “sẩy cha còn chú, sẩy mẹ bú dì”; hỗ trợ nhau về trí tuệ tinh thần: “nó lú chú nó khôn”; và dắt dìu nhau, làm chỗ dựa cho nhau về chính trị: “một người làm quan, cả họ được nhờ.”*³¹ Trong *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*, Đào Duy Anh đã viết: *“Gia tộc Việt Nam xưa nay có hai bậc, một là nhà hay tiểu gia đình gồm vợ chồng, con cái; hai là đại gia đình gồm chung đàn ông, đàn bà cùng một ông tổ sinh ra; gia tộc phụ hệ ấy thường gọi là họ nội, gồm một chi trưởng và một chi thứ: lấy một người làm gốc, thì ở trên người đó có cha mẹ, trên cha mẹ có ông bà nội gọi là tổ phụ mẫu, trên ông bà có cụ gọi là tông tổ phụ mẫu, trên cụ có kỵ gọi là cao tổ phụ mẫu, rồi đến cao cao tổ... Ở dưới người ấy, thì có con, dưới con thì có cháu hoặc tôn, dưới cháu có chắt hoặc tăng tôn... Từ cao tổ tới niên tôn là cứu tộc. Đồng hạng với người ấy là anh chị em ruột.”*³²

Nhiều ca dao tục ngữ đã diễn tả đậm nét vai trò và tinh thần dân tộc: *chết cả đống, còn hơn sống một mình; Thà ăn bắp hột chà voi, chảng thà giàu có mồ côi một mình; Con người có tổ có tông; Như cây có cội như sông có nguồn; Một người làm quan cả họ được nhờ.* Mỗi gia đình có bàn thờ ông bà, cha mẹ; trong mỗi giòng tộc có từ đường để thờ kính tổ tiên năm đời. Từ

³⁰ Phạm Côn Sơn, *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, nxb Văn Hóa Dân Tộc, 2002, 365.

³¹ Trần Ngọc Thêm, *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, nxb TPHCM, 1966, 203.

³² Đào Duy Anh, *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương*, 385.

năm đời trở lên thì thờ ở đình làng. Theo sách *Thọ Mai Gia Lễ*³³ bàn về vấn đề tang chế của những người trong họ hàng, thì ta càng thấy tình họ hàng gia tộc thiêng liêng và thấm thiết. Mỗi dịp ma chay, cưới hỏi, khao vọng, dịp vui, dịp buồn là ta nhận ra tinh thần đoàn kết gắn bó của gia tộc, gia đình. Theo truyền thống, với tôn tri trật tự trong tổ chức gia tộc, vai trò tộc trưởng, gia trưởng giữ một vị thế đặc biệt. Các truyền thống và kiến thức cũng được truyền đạt theo tổ chức này. Trong tất cả mọi mối quan hệ gia tộc, đạo hiếu được xem là đức tính cao cả và cơ bản nhất, là keo sơn nối kết mọi người dù sống hay chết.

Xóm làng: Theo Nhất Thanh trong *Đất Lề Quê Thói*, lịch sử nguồn gốc làng xóm của ta khá rõ rệt. Vua Hùng Vương thứ III có 22 người con, trừ Lang Liên được kế nghiệp vua, cai trị nước, còn lại các em khác được vua cho giữ những phiên trấn, tử thủ núi sông, dựng hàng rào để che chở. Sau này các vua kế tiếp phát triển các cơ cấu này, và tổ chức quy củ thành làng thành xã. Làng xã (thôn xóm) là đơn vị hành chính cơ sở của quốc gia. Thông thường, làng là nơi tập trung người cùng huyết tộc, họ hàng xa gần, hoặc cùng một ngành nghề tương đồng và nương tựa lẫn nhau. Vì hơn 80% người Việt sống với đồng lúa, nông thôn, nên đại đa số đều xuất thân từ làng xã. Cây đa, bến nước, giếng nước, bờ giậu, lũy tre, tất cả đã đậm nét trong lòng người Việt. Càng sâu đậm hơn, nơi làng xã có mồ mã tổ tiên ông bà, là nơi chôn nhau cắt rốn, là nơi có họ hàng thân thích bạn bè. Đi làm ăn xa, cũng mong trở về cố hương. Thành đạt trên quan trường cũng phải trở về làng thôn để vinh quy bái tổ. Khi về già hưu dưỡng cũng muốn quay về làng ở ẩn, an dưỡng tuổi già để rồi chết có làng nước chôn cất bên cạnh mồ mã tổ tiên. Tinh thần làng xã của người Việt vẫn còn tồn tại, không chỉ tại quê nhà mà ngay cả nơi người Việt hải ngoại. Nhiều hội đồng hương đã được thành lập, và nhiều lễ hội được cử hành nhằm bảo vệ và phát huy truyền thống, giúp người Việt gắn bó với dân tộc và quê hương. Nhưng người Việt cũng

³³ “Khởi đầu, vào thời Bắc thuộc, người nước ta hay dùng những nghi thức của Chu Văn Công, bên Tàu soạn ra. Những tục lệ này là của một nhà nặng phong tục Hán Tộc. Vào đời nhà Trần, ông Hồ Sĩ Dương, người làng Hải Thượng, tỉnh Hải Dương, hiện là Thọ Mai, có soạn ra bộ sách gọi là “Thọ mai gia lễ.” So với sách “Chu Công gia lễ,” “Thọ Mai gia lễ” có những đặc điểm theo phong tục của nước ta. Từ đó, người dân áp dụng những nghi lễ theo bộ sách này” (*Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, Phạm Côn Sơn, NXB Văn Hóa Dân Tộc, 2002, 375).

biết hội nhập vào xã hội mới, để đừng biến thành những ốc đảo xa rời xã hội thực tế. Điều quan trọng hơn là giáo dục văn hóa cho giới trẻ hiểu ý nghĩa tốt đẹp của truyền thống dân tộc.

Công việc đồng áng cấy cấy, gặt hái nặng nhọc và nhiều khê, không ai một mình, một gia đình có thể cày cấy mọi việc. Việc đổi công qua lại giữa gia tộc, chòm xóm để phụ giúp nhau làm mùa dần dần dẫn đến thắm thiết tình nghĩa, tình đồng hương, đồng bào từ đó đâm rễ sâu vào tâm hồn Việt. Tinh thần tương trợ, hợp quần gây sức mạnh không chỉ xuất phát từ hoàn cảnh cụ thể của xã hội vốn lấy nông nghiệp làm căn bản, nhưng còn biết bao nhiêu mối đe dọa khác, nhất là mối đe dọa từ phương Bắc. Nhờ tình đồng bào ruột thịt, nhờ cùng một dòng máu Lạc Hồng tổ tiên, dân tộc Việt đã đoàn kết, hợp quần chống trả để giữ gìn bờ cõi giang sơn.

Quốc gia: Luân lý và văn hóa Việt Nam không đề cao cá nhân, nhưng lấy gia đình làm đơn vị căn bản xã hội, dân tộc. Tiến sĩ Hồng Kim Linh, xét mối tương quan ngôn ngữ giữa tiếng gia (nhà), và quốc (nước) như sau: *“Tổ quốc, quốc gia, quốc tổ, đất tổ, quê cha đất tổ gồm có ba chữ chính là quốc, gia và tổ là ba chữ gốc Hán; chữ tổ nhắc đến nguồn gốc tổ tiên xuống đến cha mẹ. Ở đây chữ Mẹ hội tụ nhiều nghĩa hơn cả chữ CHA và TỔ phối hợp lại, nên một mình QUÊ cộng với MẸ đủ để diễn tả ý niệm “quê cha đất tổ.” Còn từ GIA có nghĩa là NHÀ thì cũng đứng đằng sau chữ QUỐC. Rõ ràng, GIA nằm ở vị thế PHỤ cho QUỐC, cũng như NHÀ cho nước nhà. Tuy nhiên, NHÀ và GIA có nội dung nghĩa giống nhau, nhưng có thể trở thành chính đứng trước để tạo nên một nghĩa mới trong danh từ NHÀ NƯỚC, còn GIA thì cứ phải đứng sau trong QUỐC GIA, BANG GIA, nó mãi là từ phụ. GIA là NHÀ có mặt ở đây để chỉ sự quy tụ dưới một mái nhà dân tộc Việt, như một đại gia đình có cùng một mẫu tổ. Hai chữ NHÀ và GIA bổ túc cho nhau trong đó có cha có mẹ, anh em, con cháu. NHÀ nhắm vào một vị trí cộng đồng cùng hưởng và cần phải bảo vệ xây đắp. GIA nhắm vào tình trạng máu mủ ruột thịt. NƯỚC NHÀ nhắm vào biên giới địa phận. Còn QUỐC GIA nhắm vào một thực tế tinh thần, một ý thức khái quát về quyền làm chủ của một dân tộc.”*³⁴ Những giá trị của gia đình truyền thống như phép tắc, gia giáo, lễ nghĩa, nhân ái, bao dung và tâm lý trung dung hài hòa, đã làm cho xã hội ổn định, trật tự và dễ thương hơn. Gia đình là trường dạy

³⁴ Hồng Kim Linh, *Người Việt*, Hồng Lĩnh xuất bản, 1985, 87.

cho người ta biết kiểm chế mình, biết khắc phục khó khăn và xung khắc, biết cởi mở và đón nhận trong tình tương thân tương ái và phục vụ lẫn nhau. Xã hội thiếu vắng những giá trị này sẽ bị đảo lộn. Gia đình Việt Nam đã và đang duy trì và phát huy những nét đặc thù này, bất cứ ở môi trường văn hóa nào.³⁵

VI. 2 - Gia Đình Thừa Hưởng Phúc Đức Của Trời Đất, Ông Bà, Tổ Tiên:

Người Việt Nam quen với đời sống nông nghiệp, gần gũi với trời đất, thiên nhiên và vạn vật. Ngôi nhà của gia đình Việt Nam nép mình bên dòng suối, bờ sông, dưới gốc đa, tàn lá, được bảo bọc che chở bởi lũy tre xanh, bởi đồng lúa vàng, luôn tìm sự nương tựa vào thiên nhiên, đất trời. Người Việt luôn ý thức trên đầu mình, trong nhà ngoài ngõ, nơi sông núi và ngoài đại dương luôn có những lực lượng thần thiêng chi phối cuộc sống và an sinh của mình. Tình cảm tín ngưỡng này đã ăn sâu trong văn hóa gia đình Việt Nam. Các lễ nghi cúng vái thờ thần luôn được thể hiện trong cuộc sống gia đình và làng nước. Tin vào lẽ phải thiêng liêng và đó là lẽ trời luôn thúc giục người ta biết ăn ở ngay lành, làm điều thiện được phúc đức, làm điều ác sẽ bị quả báo trừng phạt.³⁶ *“Ai ơi, chớ ở đây vui. Trời cao không phụ lòng người hiếu trung.”* Người thành công trong công ăn việc làm, cha mẹ đông con, gia đạo bằng yên hạnh thông đều nhờ lộc trời, ân đất. Quan điểm về phúc đức này đã ăn sâu vào tâm hồn Việt Nam: *“trời cho thanh cao mới được phần thanh cao.”* Nhưng phúc đức cũng có thể do bởi ông bà cha mẹ nữa, *“Cây xanh thì lá cũng xanh. Cha mẹ hiền lành để đức cho con.”*

Phúc đức của ông bà cha mẹ lưu lại cho con cái được gọi là phúc âm truyền đời, là phúc tổ. Đào Duy Anh trong *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* nhìn nhận nhân sinh quan này là nét văn hóa trong đời sống gia đình: *“Người thì hoặc cho nhân loại tiến bộ vô cùng nên loài người cần phải ra sức phấn đấu, tiến thủ (như người Châu Âu), hoặc cho nhân gian là mộng ảo, huyền ảo, loài người không cần phải hành động làm gì (người Ấn Độ), hoặc cho nhân sinh là chốc lát như bóng số, như gang tay, ta nên hành lạc kéo già (khoái lạc chủ nghĩa). Người Việt Nam có cái kiến giải tâm thường và chắc*

³⁵ *Văn Hóa Việt Nam, Truyền Thống và Hiện Đại*, 284.

³⁶ *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, 272.

chấn hơn, chỉ trông cậy vào con cháu để lưu truyền nòi giống và tiếp nối sự nghiệp của tổ tiên. Người ta đã có quan niệm ấy thì sợ dĩ làm điều thiện ở đời, sợ dĩ có lúc hy sinh, không phải cốt cầu vinh nhục, cũng không mong giải thoát khỏi vòng luân hồi, mà chỉ cốt lưu chút phúc ạ̉m cho con cháu đời sau. Người có lòng ác cũng không sợ ngày thẩm phán cuối cùng hoặc ở hình phạt địa ngục mà chỉ sợ con cháu bị ác báo mà thôi.”³⁷ Tóm lại, phúc và đức từ trời, từ ông bà cha mẹ là chất keo sơn đã gắn liền con người Việt vào cuộc sống xã hội, và gắn bó cha mẹ với con cái trong gia đình Việt Nam.³⁸

VI. 3 – Đạo Hiếu, Mẫu Số Chung Của Gia Đình Truyền Thống Việt Nam:

Văn hóa Việt Nam chịu ảnh hưởng của Nho giáo trọng chữ tình chữ nghĩa, khác xa văn hóa Âu châu đề cao duy lý, cá nhân chủ nghĩa. Đề cao tính tập thể gia đình làng nước là nét đặc trưng nổi bật nơi gia đình Việt, và chữ Hiếu là nét sinh lực của tinh thần tập thể đó. Có thể nói Hiếu là đạo sống của người Việt. Có người gọi đó là tính đạo Việt, là nguyên lý chi phối và nối kết mọi thể hệ trong xã hội Việt Nam, là yếu tố quyết định mọi tương quan gia đình và xã hội. Chữ Hiếu cũng lý giải mọi phong tục tập quán, tín ngưỡng trong xã hội truyền thống Việt Nam. Theo *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam* của Phạm Côn Sơn, thì: “Người xưa giữ đạo hiếu rất nghiêm. Chẳng những các nhà Nho nghiêm túc, giới sĩ phu triệt để mà dân dã cũng phải giữ nền nếp, không làm việc gì để tiếng xấu tới ông cha, dù còn sống hay đã mất phần. Để ông cha phải mang tiếng xấu là tội đại bất hiếu.”³⁹

Lịch sử còn chứng minh nhiều nhân sĩ trí thức, quan lại đã từ chức để thọ tang cha mẹ. Sách *Đại Nam nhất thống chí* của triều Nguyễn có chép nhiều chuyện về đạo hiếu. Và các vua chúa đã răn dạy nhiều về đạo hiếu cho con dân, cũng như ra nhiều sắc chỉ, sắc phong cho những người nổi bật giữ trọn đạo hiếu. Bộ luật Hồng Đức cũng ban hành những án phạt cho những ai bất hiếu. Hiếu không chỉ ràng buộc con cái ruột thịt mà ngay cả con dâu cũng phải chu toàn đạo hiếu bằng việc tôn thờ cha mẹ chồng. Tôn thờ ở đây

³⁷ Lê Văn Siêu, *Truyền Thống Dân Tộc*, NXB Sống Mới, 82.

³⁸ Duyên Hạc Lê Thái Ất, *Văn Hóa Việt Nam*, 2nd edition, 2003, 183.

³⁹ Phạm Côn Sơn, *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, NXB Văn Hóa Dân Tộc, 2002, 638.

có nghĩa là phụng dưỡng, hầu hạ, chăm sóc, tôn kính.⁴⁰ Phát xuất từ quan niệm cụ thể và chân thực, con cái phải biết ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ. Hiếu với cha mẹ thì cũng phải hiếu với ông bà tổ tiên, cội nguồn của mình. Hiếu biểu lộ nơi việc thờ phụng tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Lúc sống phải phụng dưỡng, nghe theo lời dạy dỗ, khi chết phải lo ma chay chôn cất, sau đó lập bàn thờ và cúng bái. Phong tục Việt Nam cũng còn tin rằng vong hồn người đã khuất thường ngự trên bàn thờ để gần gũi con cháu và giúp đỡ con cháu trong cuộc sống.⁴¹

Trong xã hội Việt Nam truyền thống hay trong xã hội đã đô thị hóa, các thách đố gia đình không thiếu; may rủi, chao đảo, khó khăn không hiếm, nhưng tỷ lệ gia đình tan vỡ không cao so với những sắc dân khác.⁴² Nguyên nhân dẫn tới sự bền vững và ổn định hơn trong gia đình Việt Nam chính là nhờ mối dây liên kết tình cảm mọi thành viên trong gia đình, ngay cả nhờ những tình cảm của những người thân tộc đã khuất. Điều rất tốt đẹp là gia đình và con người Việt Nam đã đặt nặng tình tương thân tương ái, biết kính trên nhường dưới, biết đặt quyền lợi và danh dự gia đình, tập thể lên trên hết, nhất là lòng hy sinh quả cảm để lo cho nhau. Đối với người Việt, gia đình là giá trị quan trọng nhất. Gia đình ổn định là mong ước lớn lao hơn cả danh dự, lợi nhuận cá nhân.⁴³

VI. 4 - Gia Đình Việt Nam Trân Trọng Phụ Nữ :

Đừng dừng lại ở một vài vùng hoặc một giai đoạn lịch sử nào đó để kết luận phụ nữ Việt Nam có một chỗ đứng thấp kém trong gia đình. Xã hội Việt Nam từ xưa đã lấy nông nghiệp làm căn bản. Nền văn minh nông nghiệp, cái nhà, cái bếp là nguồn gốc của sự ổn định, và người phụ nữ giữ một vai trò quan trọng trong sinh hoạt nền tảng này.

Dưới ảnh hưởng văn hóa của Trung hoa suốt một ngàn năm, chế độ phụ hệ đã du nhập vào Việt Nam dẫn tới các định chế phụ hệ được thiết lập. Nhưng khi vào xã hội Việt Nam, chế độ và các định chế này cũng không chiếm ưu việt. Ngoài xã hội người phụ nữ giữ một số vị trí, quan chức, thầy dạy, như nhà Nho giáo Ngô Chi Lan Đoàn Thị Diễm. Trong lãnh vực sinh

⁴⁰ Ibid.

⁴¹ *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, 429.

⁴² *Tình Yêu Gia Đình và Hội Nhập*, 209.

⁴³ *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, 201.

hoạt nông nghiệp, phụ nữ tiếp tục nổi bật nơi gia đình khi họ tham gia trực tiếp sản xuất, cấy gặt, trồng hoa màu, quay tơ, dệt vải, buôn bán. Yu InSum, trong “*Luật pháp và gia đình Việt Nam*” đã viết: “*Nếu gia đình Tàu mang nặng nét đặc trưng bởi quyền lực của người cha trùm lên tất cả các thành viên gia đình, thì gia đình Việt Nam lại khác. Người vợ hầu như bình đẳng với chồng, và các thành viên khác cũng khẳng định tư cách của mình.*”⁴⁴ Ngày nay người phụ nữ trong xã hội Việt Nam làm việc ở công sở, xí nghiệp và chia sẻ trách nhiệm xã hội với chồng. Ở nông thôn người phụ nữ ngoài việc trực tiếp tham dự việc đồng áng, còn đảm nhiệm việc nội trợ, nuôi dạy con cái, cân bằng ngân sách gia đình. Đức tính hiền thực của người phụ nữ Việt Nam giúp họ giải quyết các xung đột trong kiên nhẫn, hy sinh và vị tha. Nhờ những đức hạnh cao cả này mà người phụ nữ Việt Nam không chỉ điều hòa ấm êm trong gia đình, nuôi dạy con cái thành đạt mà còn giúp chồng thăng tiến.⁴⁵

VI. 5 - Gia Đình Là Yếu Tố Quan Trọng trong Sự Thành Đạt Của Con Cái:

Không ai phủ nhận môi trường gia đình đã có ảnh hưởng trong việc hình thành nhân cách cũng như sự thành đạt của con cái.⁴⁶ Đối với xã hội truyền thống Việt Nam điều này lại càng đúng hơn. Quả vậy, văn hóa gia đình Việt Nam chứng thực sự gắn bó mật thiết giữa các thành viên gia đình. Nhất là giữa cha mẹ và con cái đã là động cơ để con cái nỗ lực vươn lên. Môi trường gia đình ổn định, nề nếp, tôn trọng lẫn nhau sẽ tạo nên một tâm lý ổn định làm cơ sở cho sự thăng tiến cuộc sống. Trong mọi sự việc học hành và thành đạt của con cái là mối quan tâm hàng đầu của cha mẹ. Cha mẹ lam lũ cực nhọc để con được hơn người. Con cái cố gắng thành đạt để cha mẹ vui, và cũng để đền ơn trả hiếu phần nào cho cha mẹ. Nhiều câu chuyện Hiếu đạo trong lịch sử và xã hội Việt Nam đã chứng minh đậm nét quan điểm này. Nhiều người sau khi thành đạt trong nghề nghiệp, học vấn đã quay về nhà trước tiên để bày tỏ lòng biết ơn cha mẹ.⁴⁷ Trong ngày ra trường,

⁴⁴ Yu InSum, *Luật Pháp và Gia Đình Việt Nam Thế Kỷ XVII-XVIII*, Hoa Kỳ, 1987.

⁴⁵ *Tình Yêu Gia Đình và Hội Nhập*, 209.

⁴⁶ Trọng Minh, *Vẻ Vang Dân Việt*, Mekong Printing, 9.

⁴⁷ *Văn Hóa Phong Tục Việt Nam ABC*, 308.

nhiều sinh viên tốt nghiệp đã mạnh mẽ tuyên dương công lao cha mẹ đã hy sinh dưỡng dục và là động cơ chính thúc đẩy họ đi tới thành công.

Nhiều gia đình Việt Nam nghèo túng, bản thân cha mẹ không được đi học hoặc không học đến nơi đến chốn, họ đã đặt hoài vọng của họ trên con cái. Họ ra sức làm việc cực nhọc, quyết tâm đôn đốc, chăm lo và dành mọi nỗ lực tài chánh cho con học hành thành người. Nhiều gia đình Việt Nam không ngại bôn ba đất khách quê người; vì tương lai của con cái, nhiều khi chính bản thân họ đã trả bằng máu, bằng tù tội, và cả bằng cái chết.⁴⁸ Sống trong bầu khí ấm êm của gia đình, trong sự chăm lo yêu thương của cha mẹ, anh chị em, con cái làm sao mà không vươn lên được. Giáo dục gia đình là ở chỗ đó và ảnh hưởng gia đình là vậy.

VI. 6 - Gia Đình Việt Nam Thể Hiện Lối Sống Tình Nghĩa :

Cho đến nay, nhìn chung các gia đình Việt Nam, với truyền thống, tổ chức và quy định tôn ti trật tự, biết kính trên nhường dưới, lối sống tình nghĩa yêu thương đã giúp giữ được sự bền vững được gia đình.⁴⁹ Truyền thống này cũng quy định, không phải bằng văn bản, luật lệ, nhưng bằng tâm khảm, vai trò và nghĩa vụ người chồng người vợ, con cái, đối với gia đình và đối với nhau. Nói chung khi bước vào đời sống gia đình mọi người hiểu là mình không còn chăm chút cho mình nữa, mà là cho “người ấy.” Mọi sự là của nhau và không bao giờ nghĩ ngợi ký cốp để đề phòng khi bất trắc, chia lìa, ly dị. Mọi người trong gia đình nỗ lực vun đắp theo cách thế và vị trí của mình. Cha mẹ không sinh con để hòng nương tựa tuổi già, mặc dầu đạo hiếu ràng buộc nghiêm minh. Cha mẹ suốt đời lam lũ vì con và cho con. Cha mẹ nào cũng thao thức làm sao để khi không còn làm việc được nữa thì cũng có của ăn của để trao lại cho con cháu. Ngược lại con cháu không vì đó mà tỏ ra ỉ lại, lêu lổng, nhưng nỗ lực giữ gìn vun đắp di sản cha ông. Con cái ý thức được rằng di sản, tài sản của ông bà cha mẹ là hương hỏa cần bảo tồn và phát triển.

Anh chị em sống tình nghĩa ruột thịt vì cùng chung một nùm ruột. Họ sống bao bọc che chở nhau, chín bỏ làm mười, giữ được hòa khí yêu thương.

⁴⁸ *Vẻ Vang Dân Việt*, 12.

⁴⁹ Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, *Giáo Hội Công Giáo Việt Nam*, niên giám 2005, phụ lục.

Khi có chuyện xích mích, họ cũng lấy chữ nhẫn làm đầu; vì sợ hàng xóm chê cười, xấu hổ gia đình. Nghĩ về lối sống tình nghĩa gia đình, Giám mục Nguyễn Thái Hợp, O.P đã có nhận xét cụ thể và tinh tế: *“Ngay tại Hoa Kỳ, tổ chức gia đình Việt Nam cũng phá được hàng rào hệ thống tín dụng nghiêm ngặt khắt khe của ngân hàng. Bằng cách cha mẹ, con cái, anh chị em chung tiền hay cho mượn tên, người Việt đã có thể mua xe, tậu nhà một cách dễ dàng, trong một thời gian kỷ lục. Giả sử chỉ dựa vào khả năng kinh tế của mỗi cá nhân mà thôi thì không biết có bao nhiêu gia đình di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ có nhà riêng”?*⁵⁰

VII. MỘT SỐ TIÊU CỰC CẦN KHẮC PHỤC

VII. 1 - Tinh Thần Gia Tộc Đóng Kín:

Tinh thần dân tộc là nét văn hóa của xã hội nông nghiệp. Nhưng trong xã hội với xu thế toàn cầu hóa, khuynh hướng cá thể, thôn làng không còn phù hợp cho sự phát triển con người và cuộc sống. Người ta phải bước ra khỏi sự đóng kín, nếu không muốn đẩy lại đằng sau. Lối sống tình cảm, mềm dẻo, kín đáo, xuề xòa của đời sống gia đình truyền thống không bảo đảm được sự bền vững của gia đình trong một xã hội hướng tới phát huy nền dân chủ, quyền tự quyết, và trách nhiệm liên đới. Mọi sinh hoạt của xã hội mới phải được quy định và chi phối bằng luật pháp. Pháp trị là xu hướng hiện đại làm cho xã hội ổn định và phát triển. Tổ chức gia tộc, làng xã, phường hội đã không còn đủ khả năng để giúp xã hội và con người bắt kịp với cuộc sống với khuynh hướng toàn cầu hóa.⁵¹

VII. 2 - Óc Gia Trưởng:

Nguyễn Ngọc Thêm trong tác phẩm *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam* đã có nhận định: *“Tính tôn ti trật tự dẫn đến một mặt trái là óc gia trưởng. Tổ chức nông thôn theo huyết thống có thể dẫn đến sự đối lập giữa các dòng họ, dẫn đến cực trái của tính cộng đồng là óc địa phương tự trị.”*⁵² Nếu sự ràng buộc giữa cha mẹ và con cái bằng lối sống tình nghĩa là tốt thì lối sống này cũng có thể làm phát sinh quyền lực trong gia đình. Nếu óc gia trưởng, thói gia đình chủ nghĩa, bệnh i lại, dựa dẫm, tùy tiện vốn là nhược

⁵⁰ Nguyễn Thái Hợp O.P, *Một Nửa Hành Trình*, NXB Chân Lý, 1997, 97.

⁵¹ *Một Nửa Hành Trình*, 99.

⁵² *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, 204.

điểm cố hữu trong xã hội lấy nông nghiệp làm căn bản, thì tình gia tộc có thể biến thành một thứ ích kỷ, khép kín và óc địa phương hẹp hòi.⁵³ Tất cả những phát sinh tiêu cực này rõ ràng đi ngược lại với các giá trị đương đại: nhân vị và liên đới, sự tương tác giữa trách nhiệm cá nhân và mưu cầu an sinh xã hội.

VII. 3 - Giá Trị và Hạnh Phúc Cá Nhân cần được trân trọng:

Một số quan niệm lễ giáo, tục lệ cổ truyền mà một số ít gia đình Việt Nam luôn cứng nhắc nắm giữ đã trói buộc và kềm hãm tự do và sáng kiến của các cá nhân. Giá trị con người và hạnh phúc cá nhân cần được quan tâm vì đó là động cơ cho mọi nỗ lực làm việc và đấu tranh trong xã hội tân tiến. Lương tri con người ngày nay khó có thể chấp nhận những quy định mà một thời rất được trân trọng tại Việt nam, như “*phu xướng, phụ tùy,*” “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đó,*” “*Vua là cha mẹ,*” “*cả vú lấp miệng em.*”⁵⁴

VII. 4 - Luật Lệ Khắt Khe và Trói Buộc Phụ Nữ:

Lòng trân trọng và yêu thương của mọi thành viên gia đình Việt nam dành cho người vợ, người mẹ là một khẳng định. Vì quan niệm cái nhà và cái bếp là nguồn gốc của mọi sự ổn định và ấm êm của gia đình một thời; nơi đây cũng khẳng định vai trò quan trọng của người phụ nữ. Tuy nhiên, cũng đã qua rồi thời mà người phụ nữ bị bắt cam phận với những trói buộc khắt khe tam tòng, tứ đức... Người phụ nữ Việt nam, cùng với nhịp tiến bộ xã hội, đã dần dà ý thức hơn quyền bình đẳng trong mọi phạm vi từ gia đình tới xã hội, từ kinh tế tới chính trị. Dĩ nhiên vai trò của họ trong gia đình vẫn mãi là một ơn gọi đáng trân trọng và không ai có thể làm tốt hơn chính họ. Đã qua rồi quan niệm con gái tại gia thì phải lệ thuộc cha, lấy chồng thì phải tùy thuộc vào chồng và nhà chồng, khi chồng chết thì hoàn toàn tùy thuộc vào con cái. Hệ thống giáo dục con người và xã hội dưới ảnh hưởng Nho giáo đã bám rễ sâu hàng ngàn năm với những tiêu chí cực đoan và một chiều, đã kềm hãm người phụ nữ và xã hội trong lạc hậu và chậm tiến, bên cạnh một hệ thống y tế chủ yếu dựa vào bùa chú, ma thuật, các loại cây cỏ và phương thức bình dân gia truyền. Tỷ lệ chết của trẻ sơ sinh cao, và tuổi

⁵³ *Một Nửa Hành Trình*, 99.

⁵⁴ *Ibid.* 101.

thọ giảm thấp là hậu quả tất nhiên.⁵⁵ Ngày nay người ta ý thức rằng chính sự thăng tiến phụ nữ cũng là một phúc lợi cho xã hội.

Hôn nhân theo văn hóa truyền thống Việt không chỉ là câu chuyện của đôi trai gái yêu nhau, mà còn là công việc và danh dự của dòng tộc của tập thể. Nhờ hôn nhân mà quan hệ thân tộc được nối rộng, từ làng này tới làng kia, vùng này tới vùng nọ, cả một dân tộc thành một đại gia đình. Qua việc sinh con, vợ chồng không chỉ chu toàn chức năng sinh sản mà còn làm nhiệm vụ lưu truyền sự sống cho dòng tộc, dân tộc tới ngàn sau. Vì thế việc sinh con là quan trọng; nếu lỡ cặp vợ chồng nào không có con, chẳng những có lỗi với ông bà cha mẹ, mà còn đeo đẳng một nỗi buồn tủi, vì không được phúc đức của ông bà để lại. Nếu quan niệm phúc đức một thời đã rất quan trọng nơi người Việt,⁵⁶ “*cha mẹ ăn ở hiền lành để đức cho con*”; “*đời cha ăn mặn đời con khát nước*,” thì ngày nay với tiến bộ vượt bậc của các ngành khoa học, nhất là y khoa và tâm lý, người ta trưởng thành hơn trong quyết định và đảm nhận trách nhiệm cho mọi chọn lựa cuộc sống của mình.

Một khi đã thành vợ thành chồng thì cố gắng để giữ lấy mối dây liên hệ gia tộc. Đó là tình cảm gia thất. Những quy định ràng buộc mối liên hệ vợ chồng được nâng lên hàng đạo: đạo vợ chồng. Duyên Hạc Lê Thái Át đã tổng hợp đạo vợ chồng trong một số phạm trù liên hệ: “**Duyên:** (*duyên số*) nhờ mối dây ràng buộc vô hình này mà hai người gặp nhau, gặp gỡ và nảy sinh tình cảm. **Nợ:** thường là sự ràng buộc giúp nhau vượt qua khó khăn thử thách, nhất là khi tình cạn, duyên nhạt (không duyên thì nợ mới nên vợ chồng). **Phận:** là phần nhận lãnh được, không do bởi mình, còn gọi là nghiệp, số phận. Cam phận có nghĩa là cố gắng để trả hết nợ. **Ân:** là điều tốt lành do phúc đức của tổ tiên ông bà. **Nghĩa:** là điều hay, điều phải, là đạo lý mà vợ chồng phải giữ.”⁵⁷ Vì ý thức và đặt tình yêu hôn nhân trong tương quan tập thể gia tộc, cộng đồng, cũng như nhờ mặc một ý nghĩa thiêng liêng mà vợ chồng đã cả đời gắn bó. Vợ chồng ít khi nghĩ tới ly dị, ly thân hoặc phá thai. Đạo vợ chồng là đạo xướng tùy, “*thuyền theo lái gái theo chồng*”; “*cha mẹ đặt đâu con ngồi đó*.” Ngày nay, tình yêu, lòng chung thủy

⁵⁵ Trung Tâm Văn Hóa Nguyễn Trường Tộ, *Tình Yêu Gia Đình và Hội Nhập*, Định Hướng Tùng Thư 2002, 9-40.

⁵⁶ Nhóm chuyên gia về văn hóa, *Văn Hóa Việt Nam, Truyền Thống và Hiện Đại*, nxb Văn Hóa, 1999, 157.

⁵⁷ *Văn Học Việt Nam*, Kim Ân quán, 2003, 241.

và tinh thần trách nhiệm là những giá trị được chú trọng trong hôn nhân. Sự chọn lựa ý thức, thay vì nhắm mắt đưa chân, là yếu tố chi phối sự bền lâu và giá trị của hôn nhân. Người ta chọn một người và sống chung với người đó, chọn một gia đình và xây dựng gia đình đó, chọn một lời thề và quyết tâm sống trọn lời thề đó. Đó là hướng đi của hôn nhân hạnh phúc và gia đình hiện đại.⁵⁸

VII. 5. - Tôn Trọng Nhân Vị của Con Cái :

“Người ta không nghe ý kiến con cái. Chúng ta phải tôn trọng những quan điểm của chúng... có thể không phải lúc nào cũng đúng nhưng hãy để cho chúng có cơ hội, không phải vì chúng ta nhiều tuổi hơn mà bao giờ chúng ta cũng đúng.” Nhận xét trên đây có phần đúng với các cha mẹ Việt Nam trong truyền thống gia đình, với quan niệm: *“áo mặc không qua khỏi đầu”*; *“chỉ không khôn hơn rận.”*⁵⁹ Nếu trong quá khứ, gia đình giữ vai trò quan trọng trong việc giáo dục con cái, cung cấp cho xã hội những công dân tốt, thì ngày nay, gia đình vẫn còn vai trò quyết định đó. Nhưng cách thế để đạt tới mục đích thì đã khác hẳn. Tâm lý trẻ đầy năng động ngày nay đã chịu ảnh hưởng trào lưu mới nhờ thụ hưởng tài sản dân chủ tự do, cả những phát minh khoa học kỹ thuật và tác động của xu thế xã hội hóa giáo dục. Chúng có cách suy nghĩ riêng, cách hành động và cuộc sống riêng, đòi buộc cha mẹ có cách tiếp cận giáo dục phù hợp, nếu muốn chu toàn tốt sứ mạng giáo dục.⁶⁰

KẾT LUẬN

Mấy chục năm gần đây, những thay đổi mang tầm vóc quốc tế trong cuộc sống gia đình gắn liền với sự biến đổi trên nhiều lãnh vực xã hội, kinh tế, chính trị. Hiện nay, không chỉ trong các xã hội mới mà người Việt Nam và gia đình Việt Nam đang hội nhập tại Âu - Mỹ, mà ngay trong nếp sống và sinh hoạt của các thành thị tại Việt nam, không ít người thành công và đi dần vào giòng chính. Ngoài xã hội họ thành công; trong nội thất họ cũng bảo toàn được các giá trị văn hóa gia đình. Con cái họ được dẫn dắt hòa nhập vào nền giáo dục của xã hội mới, của thời mới; đồng thời, cũng còn giữ lại

⁵⁸ Văn Hóa Việt Nam, 254 & 271.

⁵⁹ Lê Ý Thu, *Cuộc Sống Gia Đình*, nxb Phụ Nữ, Hà Nội, 2000, 51.

⁶⁰ Ibid. 48.

được nề nếp gia phong, gia lễ cần thiết. Bên cạnh những gia đình thành công này, còn có vô số những gia đình đang bị chao đảo và khó khăn. Đối với họ, thật không dễ dàng gì để hành xử và dắt dìu gia đình đi bằng an giữa hai nền văn hóa cổ truyền và tân thời, lắm khi đối kháng nhau gay gắt.⁶¹ Nhiều gia đình co rút lại để tìm sự an toàn trong tập quán, phong tục, nếp sống và sở thích, trong khi giòng chảy xã hội vẫn mạnh mẽ trôi đi.⁶²

Đặc biệt các chức năng gia đình truyền thống khó tồn tại nếu không được điều chỉnh để phù hợp và phát triển theo xu thế của thời đại và môi trường. Sự chuyển dịch các chức năng từ gia đình truyền thống sang gia đình hội nhập nhiều ít gì cũng tạo ra những cọ xát đau lòng xót dạ. Động cơ của các chuyển đổi chức năng gia đình chính là sự bành trướng giáo dục trong một xã hội phồn thịnh kinh tế và đô thị hóa.⁶³ Hệ quả quan trọng của sự biến chuyển này là giá trị con người, nhất là phụ nữ, được nâng cao và mở ra cho họ nhiều cánh cửa với thế giới bên ngoài gia đình. Điều này dẫn tới sự trưởng thành ý thức và độc lập trách nhiệm. Các động cơ này cũng có thể đã dẫn tới một số khái niệm hôn nhân, mà theo nhiều người cho rằng, làm cho gia đình mong manh và đầy bất trắc. Hôn nhân là sự kết ước tự do tuyệt đối, là mối liên hệ hoàn toàn riêng tư, và như một khế ước dân sự lập thành do sự thỏa thuận giữa một người nam và người nữ; nhưng có một điều chắc chắn, sự mong manh và đổ vỡ của nhiều gia đình ngày nay đã là một bức tranh buồn, và là gánh nặng cho xã hội. Dr. Phil McGraw, chuyên viên gia đình, và là tác giả cuốn sách bán chạy nhất “*The Ultimate Weight Solution*,” khẳng định: “*Hạnh phúc gia đình là mục đích của cuộc sống con người.*”⁶⁴ Gia đình là nơi tình thương yêu giữa cha mẹ và con cái được bày tỏ. Gia đình cũng là nơi chồng vợ và mọi thành viên đón nhận và trao ban lòng trân trọng yêu thương. Chúng ta hãnh diện đã có một di sản tốt đẹp về gia đình truyền thống Việt nam; nhưng chúng ta cũng quyết tâm làm thăng hoa các

⁶¹ Ibid. 75.

⁶² Đọc thêm các tác giả: Trần Ngọc Thêm, *Tìm Về Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam*, TPHCM, 1996. Đoàn Thêm, *Nhà Quê Ra Tình*, NXB Phạm Quang Khải, Hoa Kỳ, 1995. Cao Xuân Huy, *Tư Tưởng Phương Đông Gợi Những Điểm Nhìn Tham Chiến*, NXB Văn Học, 1995. Hồ Sỹ Vịnh, *Văn Hóa và Con Người*, Hà Nội, 1993.

⁶³ *Familiaris Consortio*, 18.

⁶⁴ Dr. Phil McGraw, *Familiy First*, nxb Văn Hóa Thông Tin, 2005, chương 15.

vẻ đẹp gia đình, bằng những thích nghi hội nhập với những thay đổi thời đại, không chỉ để tồn tại, mà là tồn tại một cách mạnh mẽ.



Linh mục Phanxicô Xavie Hồ Văn Mậu thuộc tu đoàn giáo sĩ Nhà Chúa (Domus Dei), tiến sĩ mục vụ, Graduate Theological Foundation, South Bend, Indiana, đã xuất bản các sách *Xin Hãy Cho Tôi Một Gia Đình Thánh*, *Gia Đình Công Giáo và Truyền Thống Văn Hoá*, *Gia Đình: Thách Đố và Vinh Dự*, *Cùng Với Mẹ Maria: Gia Đình Đứng Dưới Chân Thập Giá*, và hiện là chánh xứ Our Lady Queen of Martyrs, Pensacola, Florida.

ĐẠO HIẾU TRONG VĂN HÓA VIỆT NAM

Lm. Giuse Cao Phương Kỹ P.S.S.

Trong Văn Hóa Việt Nam, **Đạo HIẾU**, (hay Đạo Ông Bà, Đạo Thờ cúng Tổ Tiên), **Tang Lễ, Hôn Nhân và Gia Đình** là bốn thể chế căn bản luôn tương quan, liên hệ ràng buộc lấy nhau. Người con Hiếu Thảo có bổn phận phụng dưỡng cha mẹ khi còn sống, lập gia đình, sinh con cháu, và khi cha mẹ chết, thì làm ma, cúng giỗ.

Dưới góc cạnh Xã hội học, đây là một hiện tượng **Tôn giáo-Xã hội** (socio-religious) nơi các nền Văn minh kì cựu của Nhân Loại tại miền Đông Á như Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn... Có thể nói: vì dân chúng rất quý trọng giá trị linh thiêng cao cả của Hôn Nhân, là nguồn gốc của Gia Đình, nên mới Thần Thánh hóa và nâng hai thể chế xã hội căn bản của nhân loại lên thành Tôn Giáo, thành ĐẠO.

Tại Việt Nam, nói đến Gia đình, tức phải bàn đến Hôn Nhân, vì không kết nghĩa vợ chồng làm sao có Gia đình gồm ông bà cha mẹ và con cháu? Nhưng theo tín ngưỡng dân gian của dân Việt, “*Chết không phải là hết.*” Vì thế, con cháu làm Tang Lễ để tiễn đưa người quá cố về cõi Vĩnh Cửu:

“Chết là Thế Phách, còn là Tinh Anh” (Nguyễn Du)

“Sinh ký Tử Qui: Sống gửi, Thác về” (ngạn ngữ)

Cuộc đời con người thật ngắn ngủi như sống tạm gửi thân xác ở trần gian này một thời gian, ước mong khi chết rồi được **VỀ** đoàn tụ cùng Ông Bà Tổ Tiên nơi Vĩnh Hằng. Ước vọng Trường Sinh Bất Tử, tin tưởng Ông Bà Tổ Tiên, dầu các Ngài đã ra Người thiên cổ, nhưng Hồn Thiêng vẫn còn sống vẫn còn “hiện diện” cách nào đó, để phù hộ cho con cháu. Đây cũng là *niềm TIN Chung của mọi người Việt Nam*, kể cả người theo Đạo Thiên Chúa hay Tam Giáo (Khổng-Phật-Lão).

Trong bài thảo luận dưới đây, chỉ xin bàn về *Hôn Nhân và Gia Đình*, còn về *Tang Lễ và Thờ cúng Tổ Tiên*, vì tính chất phức tạp của các nghi lễ

tôn giáo, nên xin để một dịp khác sẽ diễn giảng đầy đủ hơn. Ngoài ra, bài viết cũng chỉ trình bày, miêu tả khách quan những sự kiện văn hóa, những nghi thức thực hành trong xã hội từ xưa đến nay, mà không phê bình, so sánh với các nghi lễ thuộc các nền văn minh, tôn giáo khác.

I. HÔN NHÂN TRONG VĂN HÓA VIỆT

Khi bàn đến Hôn Nhân hay Gia đình là những hiện tượng xã hội, thì cũng liên quan đến Tôn giáo, tức Đạo Thờ Ông Bà, Tổ Tiên như cứu cánh cùng đích của cuộc đời của Hôn Nhân và Gia Đình. Lễ nghi tôn giáo, bàn thờ tôn kính Tổ Tiên không thể thiếu sót trong những biến cố trọng đại trong ngày Thành Hôn, trong Gia đình Việt nam.

Không có Hôn Nhân để sinh sản con cái, thì cũng không có Gia Đình. Do đó trước khi bàn về Gia Đình, cần phải bàn về Hôn Nhân là cái gốc của Gia đình.⁶⁵

HÔN NHÂN là gì?

Một số bạn trẻ không hiểu ý nghĩa nguyên tự của từ **“Hôn”** và **“Nhân.”** Có thể quý bạn hiểu chữ “Hôn” theo nghĩa phổ thông, bình dân như: “Hôn ai, Ai hôn, “hôn như thế nào? Nhưng ở đây, danh từ Hán -Việt, **“HÔN”** nghĩa là hoàng hôn, chiều tối, vì Lễ Cưới được cử hành về buổi tối, đốt đuốc đi rước Dâu. Do đó tạo nên một cảnh tượng âm u, huyền bí, linh thiêng.⁶⁶

“NHÂN” là NHÂN DUYÊN. *Nhân* là Nguyên Nhân, là cái **gốc**, cái căn cứ để sinh ra cái khác, sinh ra **quả**. *Duyên* là Duyên cớ, vì đâu. Trong Hôn Nhân, người Việt tin là hai người Nam -Nữ có Duyên kiếp, Duyên nợ từ kiếp trước, nên mới có Duyên Phận gặp gỡ nhau, và làm khế ước Hôn Phối với nhau.

⁶⁵ Những tài liệu trong bài này được tham khảo trong những tác phẩm **“La Tradition Religieuse, Spirituelle Sociale au Việt Nam”** của Joseph Nguyễn Huy Lai, Beauchesne, Paris, 1981, từ trang 59-94; **“Đạo Thiên Chúa và Dân Nước Việt”** của Đường Thi Trương Kỳ, Tủ Sách Đàm Đạo Tôn Giáo, 2005, từ trang 353-373.

⁶⁶ Coi: **“Tư Vượng” Học Chữ Hán-Việt, Học Chữ Hán,**” 2009. Soạn giả Đường Thi, Coi: từ HÔN, trang 208, và từ NHÂN, trang 136 trong ý nghĩa chỉ về Hôn Nhân, lấy vợ lấy chồng, thì cả hai từ đều thêm Bộ **“Nữ.”** Từ **HIẾU** Coi: **“Tư Vượng,”** trang 50, vẽ hình Bộ LÃO (già cả) và Bộ TỬ (con), theo nghĩa: bốn phận con cháu đối với người già cả, đặc biệt cha mẹ (Filial Piety).

Căn cứ trên cách dùng và cấu tạo từ ngữ **Hôn Nhân**, người ta cũng nhận thấy tính chất tôn giáo, tín ngưỡng của việc phối hợp đôi trai-gái, nên vợ-chồng. Nghĩa là do Tiên Định, vượt ra ngoài ước muốn của con người. Nhiều trường hợp hai bên không biết nhau, xa lạ, địa vị xã hội cũng khác nhau, nhưng nhờ mai mối hay cùng làm một sở, hoặc tình cờ gặp gỡ, rồi nên Duyên Vợ-Chồng. Người ta tin rằng đó là Số Phận do Ông Trời Xe Duyên. Khi lỡ thương nhau, “phải lòng nhau” mà không lấy được nhau thì bị coi là “Duyên Phận lỡ làng.”⁶⁷

Minh Triết ÂM-DƯƠNG điều hòa cũng là một nguyên lý bình dân để giải thích những hiện tượng tự nhiên vẫn thường xảy ra trong trời đất. Theo lẽ **trương đối**, có nóng thì có lạnh, có sáng vì có tối, có ngày vì có đêm, có đàn ông vì có đàn bà (hay ngược lại), có Nam vì có Nữ...Hai thứ giằng co, bổ túc cho nhau, không có cái này hơn cái kia.⁶⁸

Do sự kết hợp điều hòa giữa Âm và Dương, giữa giống Đực và giống Cái thì mới sinh sản ra được. Hãy nhìn loài động vật và loài hoa cũng không thoát vòng Âm Dương chi phối.

Cũng vì theo Minh triết bình dân Âm Dương Điều Hòa, nên người Việt tôn trọng sự **Bình đẳng giữa Vợ với Chồng, Nam và Nữ**. Hai Người đều cần thiết, bù đắp cho nhau, mỗi người một phận vụ: nếu người đàn ông lo việc làm ăn ngoài xã hội, thì người đàn bà lo việc nội trợ, nuôi nấng con cái.

“Thuận vợ, thuận chồng, Tát Bể Đông cũng cạn”

Cũng vì lý do Âm Dương Điều Hòa, nên Người Việt không chấp nhận hiện tượng bất thường “*đồng tính luyến ái*,” vì không thể sinh con cái được:

*“Đàn ông nằm với đàn ông
Nhu gốc như gác như chồng như chà.
Đàn ông nằm với đàn bà,
Nhu lụa như lĩnh như hoa trên cành. (ca dao)*

Mục đích của Hôn Nhân là sự Hòa hợp của Nam-Nữ theo luật Âm-Dương để sinh con cháu, nối dõi tông đường, giữ tròn Đạo Hiếu, để cúng giỗ Ông

⁶⁷Coi: “**Việt Nam Tự Điển**” Hội Khai Trí Tiến Đức, Hà Nội, năm 1931. Coi từ NHÂN, trang 407, và HÔN trang 247. Hai từ này đều thêm Bộ “NỮ” để chỉ Hôn Nhân, Vợ chồng; Coi từ DUYÊN (Nhân Duyên) trang 159.

⁶⁸ Coi: “**Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo**” soạn giả Đường Thi, trang 265, 275, 300, 462.

Bà Tổ Tiên. Do đó, theo người xưa, tội “bất Hiếu” lớn nhất đối với Ông Bà là tội không có con cháu.

Ngày Tết, người ta thường chúc nhau: **Ngũ Phúc** (Phúc, Lộc, Thọ, Khang, Ninh) và **Tam đa** (ba cái nhiều) tức đa tử, đa tôn, đa phú quý. Hủ tục **đa thê**, cưới nhiều vợ để sinh ra nhiều con, nhất là trong triều đại các vua quan, để có người nối ngôi; và trong dân gian việc cưới nhiều vợ hay hủ tục **tảo hôn** (giảm vợ, gả chồng khi còn quá ít tuổi) cũng vì mục đích có thêm người lo việc đồng áng, cấy cấy.

Hôn Nhân vì TÌNH hay vì NGHĨA?

Ngày xưa nhiều cuộc Hôn Nhân đều do Cha Mẹ xép đặt, qua mai mối. Như câu nói: “*Cha Mẹ đặt đâu, con ngồi đấy.*” Nhiều khi, đôi trai gái không quen biết nhau, không giao tiếp với nhau trước khi cưới, không thương nhau, đôi khi còn bị “ép duyên,” “gả bán,” “môn đăng hộ đối”... Do đó, các hủ tục, như đa thê, đa thiếp, tảo hôn... đã gây đau khổ cho đôi bạn trẻ và gia đình, vợ chồng, con cái.⁶⁹

Như vậy, có phải các cuộc hôn nhân ngày xưa, các đôi trai-gái thiếu chữ “**tình**” hay sao? Không phải thế, trong thực tế có yêu nhau, có “phải lòng nhau” thì mới lấy nhau, nhưng theo đạo lý luân thường ngày xưa, Vợ - Chồng không phải là đôi nhân tình qua đêm rồi bỏ nhau, nhưng phải “ăn đời ở kiếp” với nhau, nên cần đắn đo, suy nghĩ cẩn thận, nghĩa là cần **Lý Trí, NGHĨA VỤ** hơn tình cảm bông bột, nhất thời. Tuy Hôn Nhân, tức sự kết hợp giữa người Nam và người Nữ theo luật Âm-Dương, nhưng Hôn Nhân cũng là một khế ước, một **HÔN ƯỚC**, do hai bên đồng thỏa thuận và Luật pháp bảo đảm.

Do đó, để bảo đảm Hôn Ước (contract) Hôn Nhân được vuông tròn (hoàn hảo), được sống đời ở kiếp với nhau đến “da mồi tóc bạc,” “bách niên giai lão” (cùng già tới một trăm tuổi) thì đôi bạn trẻ cần phải được các bậc cha mẹ dạy cho biết trước hết về nghĩa vụ, bổn phận của Vợ Chồng, đối với nhau, với con cái, với Họ hàng, bên nội, bên ngoại. Trong thực tế, Vợ-Chồng không thương nhau thì không thể sống hạnh phúc suốt đời với nhau được. Nhưng ở đây là: **NGHĨA VỤ phải đi trước TÌNH CẢM**. Khi nào

⁶⁹Coi: “**Tự Lực Văn Đoàn.**” Những tác phẩm “Nửa Chùng Xuân” của Khải Hưng; “Đoạn Tuyệt” của Nhất Linh.

người chồng chu toàn bốn phận là chồng lo làm ăn nuôi vợ nuôi con và người vợ đảm đang lo việc giáo dục con cái, trong gia đình, cả hai đều **TÔN TRỌNG** Quyền Lợi của nhau, càng lâu ngày lâu năm thì Tình Cảm Vợ Chồng mới thêm thắm thiết, bền lâu.

Do đó, nếu **vợ chồng khinh bỉ nhau**, bất công, đàn áp thì không thể sống chung được. Nạn Ly Di, Ly Thân ít xảy ra, vì Vợ - Chồng sống Trung thành với nhau, nhất là **NHẤN NẠI** chịu đựng nhau, tha thứ lỗi lầm, khuyết điểm của nhau, **NHỚ ƠN** nhau khi vui khi buồn, lúc bệnh tật, đau yếu, đói khát, nên đã chắt chừa, xây đắp nhiều Kỉ Niệm về **ÂN TÌNH, AN NGHĨA** cho nhau.

*Chồng giận thì Vợ làm lành
Miệng cười tủm tỉm rằng: " anh giận gì"?*

*Chồng giận thì Vợ bớt lời
Cơm sôi nhỏ lửa, một đời không khê.*

*Chồng giận thì Vợ bớt lời
Chồng giận Vợ giận, thì dùi nó quăng.*

NGHI LỄ HÔN PHỐI trước Bàn Thờ Tổ Tiên:

Trong xã hội truyền thống Việt nam, vì Hôn Nhân liên hệ đến Gia Đình và thăng hóa lên thành Đạo Hiếu, tức Đạo Thờ Ông Bà, nên các Nghi Lễ trong dịp Thành Hôn cũng rất trang trọng, mang nhiều ý nghĩa biểu tượng, cốt để cho cả dòng họ Nội Ngoại và dân làng chứng giám, cùng chúc mừng chung vui với Gia đình mới.⁷⁰

Ngày nay, các nghi lễ vẫn được tiếp tục tại các Cộng đồng người Việt tại Hải ngoại, nhưng đơn giản hơn nhiều, gồm có Lễ Hối (Đính Hôn) và Lễ Rước Dâu (Lễ Vu Quy), Lễ Cưới và Tiệc Cưới, tất cả đều cùng làm trong một ngày.

- **Lễ Hối (Đính Hôn)**. Sau một thời gian tìm hiểu, do mai mối, nếu đôi trai-gái và hai gia đình thỏa thuận, thì hai Anh/ Chị được công khai đi lại,

⁷⁰ Coi: Sách **"Thọ Mai Gia Lễ" và "Gia Lễ"** soạn Giả Chu Hương Mậu, Giản dị Hóa Hôn Lễ- Tang Lễ, Xuân Thu xuất bản.

giao thiệp một thời gian để chuẩn bị cho ngày chính thức thành hôn. Đôi bạn trẻ có thể chấm dứt liên lạc (trả lại trầu cau) nếu nhận thấy không còn hòa hợp với nhau để thành vợ thành chồng.

Trong thực tế, để giản tiện, Lễ Đính Hôn cũng đồng thời cử hành một lúc trước Lễ Rước Dâu (Vu Qui), khi quan khách hai Họ tập họp tại nhà Cô Dâu.

-Lễ Rước Dâu (VU QUI), tức là Lễ đón rước người con gái **VỀ (qui) Nhà Chồng**.

Đoàn người bưng (hay khiêng) sính lễ gồm một mâm có đầu heo, và xôi, mâm trầu cau, mâm ngũ quả, trái cây: xoài, đu đủ, chuối, cam quýt, mận...Mâm đặt những chiếc ly, và chai rượu và bó hương nhang, tràng pháo. Một hộp đựng nữ trang như vòng vàng, ngọc thạch, kim cương...

Trên Bàn Thờ Tổ Tiên, có trưng Ảnh Ông Bà Nội Ngoại đã qua đời, đặt dưới những Ảnh tượng Chúa và Mẹ Maria, Các Thánh (nếu là Gia Đình Công Giáo). Ngoài ra, còn treo các câu đối mừng đôi Tân Hôn: như “bách niên giai lão” “trăm năm hạnh phúc..”.

Khi Quan khách hai Họ, chú Rể và các cậu phù rể đã sẵn sàng, thì cô Dâu trang điểm lộng lẫy cùng các cô phù dâu mới được phép xuất hiện, từ từ bước xuống cầu thang, được mọi người vỗ tay chào mừng.

Sau khi người quản lễ M.C giới thiệu quan khách hai Họ, hai bên Phụ Mẫu, thì bắt đầu Lễ trao và nhận Sính Lễ, đặc biệt khi Bà Mẹ Chồng đeo đôi hoa tai kim cương, hay quàng vòng cẩm thạch xanh vào cổ con Dâu mới. Trước hết cô Dâu chú Rể làm Lễ dâng Hương lên Bàn Thờ Tổ Tiên, Nội Ngoại. Sau đó, hai người rót rượu mời nhau cùng uống chung ly rượu, gọi là “Hợp Cẩn,” nên Duyên Vợ-Chồng.

Tiếp theo, Cô Dâu, chú Rể đi đến bái lạy Cha Mẹ đôi bên. Khi lễ nghi đã tạm hoàn tất, các quý vị quan khách được mới dùng bữa có thịt heo quay, xôi gấc trước khi phái đoàn tiến ra Thánh Đường để chính thức làm Lễ Cưới.

Lễ thành hôn của đôi vợ chồng mới cưới chỉ thật sự kết thúc, sau khi tất cả các quan khách và Họ hàng, Thân quyến tham dự Tiệc Cưới long trọng vào cuối ngày.⁷¹

II. GIA ĐÌNH là nền tảng Xã Hội

Gia Đình là đơn vị nhỏ nhất của xã hội như Làng, Xã, Huyện, Tỉnh và Quốc Gia Dân tộc. Mỗi Gia đình gồm có Vợ - Chồng hay Cha Mẹ và các con trai và gái.

Gia đình Việt Nam theo chế độ **Phụ Hệ**, nghĩa là người Chồng, người Cha làm chủ Gia đình và các con đều mang **TÊN HỌ** của Cha.

Theo một truyền thuyết, xã hội Việt Nam đã có thời kì theo **Mẫu hệ**, như vào thời **Hai Bà TRUNG** khởi nghĩa chống quân xâm lăng từ phía Bắc.

Phong tục và xã hội Việt Nam luôn tôn trọng địa vị của phụ nữ, đặc biệt của Bà Mẹ, được xưng tụng là Bà Hiền Mẫu. Khác với văn hóa của người Trung Hoa, trọng nam khinh nữ như câu: “**Thập nữ viêt vô**” (mười người đàn bà cũng kể là số không).

Trái lại, theo tập quán và Luật HỒNG ĐỨC, do vua Lê Thánh Tông(1460-1497) ban hành, người phụ nữ Việt Nam được tôn trọng, được chia quyền hành và nghĩa vụ trong gia đình. Nếu người đàn ông lo đối đáp,

⁷¹ Mỗi nền Văn Hóa đều có những Sính Lễ, Lễ vật, với những ý nghĩa **Tượng trưng** (Symbolic Meanings) khác nhau: Với nền Văn Hóa cổ Việt Nam, trong Hôn Lễ mâm “**Trầu Cau**” (do truyện Cổ tích Trầu Cau) là của lễ cần thiết không thể thiếu được khi đính hôn và ngày Thành Hôn. Ngày xưa, ai cũng ăn trầu, (đàn ông cũng như đàn bà): “Miếng trầu là đầu câu chuyện.” Khi “Đính Hôn” cũng có coi “trầu cau,” lúc từ hôn thì trả lại trầu cau.- Trong các bữa tiệc thường hay tiệc cưới, món thịt heo với xôi ăn rất “khoái khẩu.” Ở đây, trong Lễ Cưới, con heo là biểu tượng cho việc sinh nở rất “**mắn**” con (sinh nhiều con, fecundity). Tại sao không chỉ dâng bông hoa (như tục lệ Âu -Mỹ) nhưng từ ngàn xưa, vẫn có thói quen dâng mâm xôi, đầu heo, trái cây(ngũ quả, chuối, cam quýt, bưởi, xoài, nhãn, đu đủ..) đặt trên bàn thờ Ông Bà Tổ Tiên? Dĩ nhiên không có ý là để Ông Bà ném thử nhưng là biểu tượng để **NHỚ ƠN** Ông Bà đã trồng cây, mà nay con cháu được ăn quả: “**ăn quả nhớ kẻ trồng cây.**” Việc bái lạy cũng theo Luật Âm-Dương: **Dương** để chỉ người còn đang sống (dương thế) là những con số lẻ:1,3,5. Còn **Âm** là cõi Âm Phủ, người đã chết, là những con số chẵn: 2, 4, 6... Do đó, niêm hương nhang, cúi đầu, bái lạy Hình Ảnh Ông Bà đã chết 2 (hoặc 4) lần; còn đối với Cha Mẹ bên Nội-Ngoại còn sống thì bái lạy 1 (hoặc 3) lần.

làm ăn với làng nước để kiếm tiền nuôi sống gia đình, thì bà mẹ lo việc nội trợ, nuôi dạy con cái, nữ công gia chánh, ngân sách gia đình.⁷²

Văn chương bình dân, tức ca dao, tục ngữ, câu ví, câu hò luôn ca tụng tấm lòng cao cả, yêu thương chồng con, gia đình của các Bà Mẹ.

Hình ảnh các Bà Mẹ tần tảo lo cho chồng con, được sánh ví như “thân con cò lặn lội bờ ao”:

*“Con cò mày đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm, lộn cổ xuống ao
Ông ơi! Ông vớt tôi vào,
Nếu có lòng nào, ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục, đau lòng cò con.”* (Đồng dao)

*“Lặn lội thân cò nơi quãng vắng
Eo sèo mặt nước buổi đò đông”
(trích bài thơ Thương Vợ của Tú Xương)*

Người con gái đi lấy chồng, theo phong tục vẫn giữ lấy Họ của mình, không đổi lấy Họ của chồng như phong tục Âu-Mỹ. Tại sao người đàn bà vẫn giữ lấy Họ của Cha ruột?

Như: TRƯƠNG THỊ HUỆ, có nghĩa là: Cô gái tên gọi là HUỆ, người thuộc về HỌ (THỊ) TRƯƠNG, vì nghĩa chữ **THỊ là HỌ**; LÊ THỊ HUỆ, hiểu là cô gái tên Huệ, thuộc HỌ (THỊ) LÊ Do đó, khi lấy vợ lấy chồng, người ta dễ nhận ra là đôi tân hôn là khác HỌ, tránh khỏi tội “loạn luân” (lấy người cùng Họ gần với nhau), đặc biệt trong những cộng đồng di dân, mới đến lập nghiệp, tại vùng đất mới khai thác, mở mang như thời kì Nam Tiến của Dân Việt mở mang bờ cõi vô miền Nam, và thời kì di tản ra các nước trên thế giới.⁷³

Giáo Dục Gia Đình:

⁷² Coi: “*Việt Nam Sử Lược*” của Trần Trọng Kim, quyển I. Trang 253-260.

⁷³ Thời nay, người ta không hiểu ý nghĩa của chữ đệm “**THỊ**,” nghĩa là **HỌ**, cho rằng kì thị đàn bà, con gái nên bỏ đi. Ở Hải ngoại, đa số đàn bà Việt, sau khi lấy chồng vẫn giữ Họ của mình.

Việc giáo dục, rất chú trọng về Đức dục: gọi dạ bảo vâng, khoanh tay, cúi đầu chào hỏi

Tiên học Lễ, Hậu học Văn”

Con cháu phải luôn biết vâng lời cha mẹ:

*“Cá không ăn muối cá uòn,
Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư”*

Luân Lý của Đạo HIẾU được truyền tụng qua những câu ca dao tục ngữ, những tiếng ngâm nga ru em ngủ, để giúp đứa trẻ học nhập tâm và đem ra thực hành suốt đời sống:

Nhớ Ôn Sinh Thành của Cha Mẹ:

*“Công Cha như núi Thái Sơn.
Nghĩa Mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ Mẹ kính Cha
Cho tròn chữ HIẾU mới là đạo con”*

Thương yêu Anh Chị em ruột thịt hay họ hàng:

“Anh Em như thể chân tay”

“Chị ngã Em nâng”

“Một giọt máu đào hơn ao nước lã”

Đạo Làm Người, cần tuân theo “**Ngũ Thường**,” tức năm Đức tính thường phải giữ mọi nơi, mọi lúc là: **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín**.

Ngoài ra, Gia đình rất chú trọng đến việc học hành: “**Áu bất học, Lão hà vi?**” Còn nhỏ mà không học, lớn lên, làm gì mà sinh sống? Nếu không học chữ để đậu đạt ra làm việc nước, thì con trai cũng phải học nghề: “Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh”

Ngày xưa, nền kỹ nghệ chưa có, nên hầu hết người đàn bà lo việc “nội trợ” trong gia đình. Vì thế, người con gái cần được trau dồi, học tập về **Công, Dung, Ngôn, Hạnh** (Công tức là Nữ công, gia chánh).

Lý tưởng cuộc đời của người nam nhi là: **Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ**.

Chương trình huấn luyện phải theo một trật tự tiệm tiến, theo thứ tự, từ nhỏ tới lớn, từ trong ra ngoài. Trước hết phải tập luyện các đức tính tốt

cho bản thân; nếu đã trưởng thành mới có hy vọng giúp cho đời sống gia đình an vui, sung túc; chỉ khi gia đình êm ấm mọi bề, nếu có tài năng mới tham gia việc dân việc nước và đem an bình đến cho trăm họ, các nước láng giềng.

Đại Gia Đình là gì?

Xã hội cổ Việt Nam gồm có Tiểu Gia Đình: Cha, Mẹ và con cái; Đại Gia Đình bao gồm thêm Ông Bà Nội Ông Bà Ngoại và Cô, Bác, Chú, Dì, Cậu và các con cháu, chắt, chít. Trên *Bàn Thờ Tổ Tiên*, thường trưng Hình Ảnh của các Ngài đến ba đời.

Đại Gia Đình có thể ví như một hệ thống về “*An Sinh Xã Hội*.” Ông Bà Nội Ngoại, Chú Bác Cô Dì cậu Mợ... giúp đỡ con cháu về giáo dục thay cho cha mẹ chúng; khi gặp đói khát, túng thiếu, cũng được Bà con Họ hàng bao bọc bữa đói bữa no.

Câu nói “*tam đại đồng đường*” (ba đời, ông bà, cha mẹ, con dâu con rể, cùng ở chung một nhà), trong gia đình thời xưa cũng là chuyện bình thường, hoặc là vì nghèo không có đất làm nhà cho con trai con dâu ở riêng, nhưng cũng vì tình nghĩa gia tộc, ông bà muốn đùm bọc con cháu và con cháu muốn giúp đỡ khi cha mẹ già yếu, bệnh hoạn.

Những Hủ Tục: Những hủ tục thời xưa do luật lệ bất công, kì thị nam-nữ của các hủ nho áp đặt trên xã hội, đã gây đau khổ và nhiều thảm cảnh cho các bà Mẹ như thói tục: “Tam Tông,” Quyền Huynh thế Phụ,” nhất là tục “Đa Thê.” Những hủ tục này phát xuất do ý tưởng “trọng Nam khinh Nữ” mà sinh ra.

“*Tam Tông*”: Tại gia, tông phụ, Xuất giá tông phụ, phu tử tông tử” (Ở nhà thì theo cha, lấy chồng theo chồng, chồng chết theo con). Chữ “tông” ở đây có nghĩa là dưới quyền định đoạt, kém địa vị, phụ thuộc.

“*Quyền Huynh thế Phụ*.” Khi người cha chết, người con trai Trưởng thay cha làm chủ gia đình, trên cả quyền của Bà Mẹ và có quyền điều khiển các em.

“*Đa Thê*.” Đây là một hủ tục hạ phẩm giá người NỮ, vì theo Luật Tự Nhiên (Luật Âm-Dương Điều Hòa), người NỮ hoàn toàn Bình đẳng với người NAM. Hai Người bổ túc cho nhau, cần thiết có với nhau, không hơn

không kém. Nhưng vì dục vọng, tính ích kỉ, tham lam vô độ của con người, từ thời thượng cổ, các chế độ phản Nhân Quyền như các bạo chúa, trọc phú, lạm dụng mê tín dị đoan, đã duy trì chế độ đa thê, vừa hạ giá người phụ nữ xuống thấp hơn nam nhi, vừa dùng phụ nữ làm nô lệ tính dục.

TẠM KẾT LUẬN

Như đã trình bày ở phần Nhập đề: Đạo HIẾU của Văn Hóa Việt Nam bao gồm: Hôn Nhân, Gia đình, Tang Lễ và Thờ Kính Tổ Tiên, vì những thể chế này tương quan liên hệ với nhau, trong một đời sống con người nối tiếp nhau từ thế hệ này tới thế hệ khác.

Bài viết này chỉ trình bày những nét đại cương về Hôn Nhân và Gia đình, Còn vấn đề Tang Lễ và Thờ Cúng Tổ Tiên, xin để một dịp khác, vì cần bàn luận rộng rãi hơn về ý nghĩa Tôn Giáo của niềm Tin vào Thế giới Vô Hình, và về các nghi thức tế tự, dâng cúng cho Tổ Tiên đã ra người thiên cổ.

Trong lịch sử Đông -Tây đã xảy ra một cuộc tranh luận rất gắt gao và hào hứng về: “Ý nghĩa Tôn Giáo của các *Nghi Lễ về Thờ Cúng Tổ Tiên*” (La Querelle des Rites - Controversy of Rites).⁷⁴

Khi so sánh các Lễ Nghi Tôn giáo về Tang Lễ, Thờ Kính Tổ Tiên , trong Đạo Hiếu cổ truyền của người Việt, người Hoa, và trong Đạo Thiên Chúa, thì có những *điểm Tương Đồng và Dị Biệt* như thế nào? Cuộc tranh luận đã kéo dài gần 300 năm từ năm 1699 đến ngày 8 tháng 12 năm 1939, (theo Huấn thị “Plane Compertum est”) mới được giải quyết cho Người Trung Hoa.

Ngày 20 /10/1964, Thánh Bộ Truyền giáo đã chấp thuận đề nghị của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam xin cho áp dụng Huấn thị trên.

Những thắc mắc vấn nạn được đặt ra như: Những nghi lễ nào người theo Thiên Chúa Giáo được tham dự và những nghi Lễ nào không được thi hành và tham dự một cách chủ động? Những nghi thức nào trong việc Thờ cúng Tổ Tiên và các Vị Anh Hùng Dân Tộc chỉ cốt để tỏ lòng tri ân, ái quốc các vị tiền bối đã có công sinh thành, dựng nước, cứu nước, mà không có ý nghĩa Tôn Giáo? Ước mong sẽ có dịp bàn luận trong một bài khác đầy đủ hơn.

⁷⁴ Coi: Nguyễn Huy Lai, Sách đã dẫn: trang 67-83.

Sau đây xin trích lại *Thông Cáo của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam*, về việc Tôn

Kính Tổ Tiên và các bậc Anh Hùng Liệt Sĩ,” làm kim chỉ nam, để hướng dẫn các tín hữu Công giáo thực hành trong sinh hoạt công dân.⁷⁵

Ngày 13, 14 tháng 6 năm 1965 các Giám Mục Việt Nam họp tại Đà Lạt và TGM Phaolô Nguyễn Văn Bình đã cho phép in và phổ biến, thi hành và làm tài liệu học tập.

Sau đây là toát lược mấy điểm quan trọng:

Phần I. Hội Thánh Công Giáo đối với nền Văn Hóa Dân tộc:

1/ Hội Thánh tuyên giảng Tin Mừng cho mọi người, giúp mọi người đạt tới cứu cánh sau hết là: Hạnh Phúc Vĩnh Cửu

2/ Hội Thánh không bao giờ miệt thị, khinh chê tư tưởng cũng như nghệ thuật hoặc Văn hóa của người không Công Giáo. Trái lại, Hội Thánh đã góp phần thanh luyện hoặc bỏ tước để đi đến chỗ hoàn hảo.

3/ Vì thế, Hội Thánh khuyên giục con cái mình, ***tuy vẫn phải giữ Đức Tin Công Giáo tuyên vện***, nhưng phải làm thế nào để nắm giữ và phát triển những của cải ***thiên liêng, luân lý và những giá trị xã hội, văn hóa, gặp được trong các tôn giáo khác***, nhờ những buổi hội thảo, sự học hỏi với sự cộng tác của các tín đồ thuộc các tôn giáo này.

Phần II. Hội Thánh Công Giáo đối với việc Tôn Kính Tổ Tiên và các bậc Anh Hùng Liệt Nữ (như treo ảnh, hình, dựng tượng, nghiêng mình bái kính - áp dụng Huấn thị Plane Compertum est, ngày 8/12/1939)

1/ Những cử chỉ thái độ và nghi lễ tự nó hoặc do hoàn cảnh, có một ý nghĩa thế tục rõ ràng, là để tỏ tình thần ái quốc, lòng hiếu thảo, tôn kính hoặc tưởng niệm Tổ Tiên và các bậc anh Hùng Liệt Nữ (như treo ảnh, hình, dựng tượng, bái kính, trưng hoa đèn, tổ chức ngày Giỗ, kỵ...) thì được thi hành và tham dự cách chủ động.

2/ Trái lại, vì có nghĩa vụ bảo vệ Đức Tin Công Giáo được tinh tuyền, Hội Thánh không thể chấp nhận cho người tín hữu có những hành vi cử chỉ ,

⁷⁵ Coi: Sách ***“Đạo Thiên Chúa và Dân Nước Việt,”*** soạn giả Đường Thi. “Thông Cáo của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam”: Trang 644-645.

hoặc tự nó, hoặc do hoàn cảnh, có tính cách tôn giáo trái với giáo lý mình dạy.⁷⁶

3/ Đối với những việc mà không rõ là thế tục hay tôn giáo: theo dư luận không coi như sự tuyên xưng tín ngưỡng của một tôn giáo ngoài Kytô giáo, mà chỉ biểu lộ một tâm tình tự nhiên, nên được thi hành và tham dự. Nếu chưa hết nghi nan, thì có thể hành động theo tiếng lương tâm lúc ấy; nếu cần, thì phải giải thích chủ ý của mình. Sự tham dự cũng chỉ có tính cách thụ động.⁷⁷

Trên đây là bản văn, vẫn còn hợp thời để áp dụng.

⁷⁶ Phần này có thể được hiểu là người Công Giáo không được tin và tham dự việc đốt vàng mã xuống âm phủ cho người chết...

⁷⁷ Phần này có thể được hiểu như người Công Giáo có thể ăn của cúng, vì với cả người Lương và Giáo, không ai tin là người chết có thể ăn hay ngửi của ăn, nhưng chỉ để tỏ lòng biết ơn mà thôi.



Linh mục **Giuse Cao Phương Kỷ** cũng là soạn giả của những tác phẩm ghi trong chú thích, bút hiệu là ĐƯỜNG THI, đã dạy môn Luận Lý học và Triết Lý Á Đông tại St Joseph's College Seminary, Mountain View, CA, và hiện đang nghỉ hưu.

Phong Tục Tập Quán Việt Nam về Tình Yêu và Gia Đình qua Ca Dao

Bùi Hữu Thư Ph.D.

Ca dao tục ngữ thuộc nền văn học bình dân, khác với nền văn học bác học, phát xuất từ tư tưởng của giai cấp thống trị, phong lưu đài các. Nền văn học bình dân phản ánh tâm tư của đại đa số quần chúng nghèo khổ dốt nát, tiếng nói của họ là tiếng nói chung của những người cùng hoàn cảnh cùng số phận và là tiếng nói chân thành nhất của mỗi dân tộc trong sinh hoạt xã hội.⁷⁸

“Trong kho tàng văn học truyền khẩu, bao gồm tục ngữ, ca dao và truyện cổ, thì ca dao là bộ phận diễn xuất những tình cảm chân thật, tự nhiên, nhưng ý vị dồi dào, từ điệu phong phú, nên có giá trị rất cao.”⁷⁹

Ca là hát ngân giọng dài ra hay là khúc hát đặt hợp với nhạc. Dao là hát tron, không hiệp theo với điệu nhạc. Ca dao theo Khang Hy tự điển⁸⁰ là những bài hát theo những giọng điệu tự nhiên, không biết ai là tác giả, do khẩu truyền mà lưu hành phổ thông trong dân gian. Nhiều bài mô tả tâm hồn nam nữ, tính tình phong tục, tư tưởng dân gian, và thắm nhuần màu sắc xứ sở quê hương. Do đó ca dao còn có tên là phong dao, cũng là bài ca, câu hát tỏ bày phong tục.⁸¹

Trong mọi ngôn ngữ, ca dao tục ngữ về đề tài tình yêu nam nữ luôn luôn có nhiều hơn cả. Có thể nói, tình yêu nam nữ là đề tài chính yếu và vĩnh cửu trong loại hình sáng tác dân gian này.

Những câu và bài ca dao sau đây đề cập tới mọi mặt, mọi mối quan hệ trong tình yêu:

⁷⁸ Nguyễn Tấn Long – Phan Canh, *Thi Ca Bình Dân Việt Nam: Nhân Sinh Quan*, Xuân Thu tái bản, t. 30.

⁷⁹ Phạm Văn Diêu, *Văn Học Việt Nam, Quyển Thượng*, Tân Việt xuất bản, t. 127.

⁸⁰ Khang Hy Từ Điển, Nhà Xuất Bản Cửu Châu, 2000, ISBN 7-80114-341-9/G-169.

⁸¹ Dương Quảng Hàm: *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, Nha Học Chính Đông Pháp xuất bản, Hà Nội 1914, trang 2.

Tình tự tại đình làng:

Cổ tục làng Viêm Xá, Bắc Ninh cho phép trai gái gặp gỡ để cùng nhau thi đua qua câu hát. Đây là một thú vui của trai gái tìn Bắc Ninh. Ca dao vùng này có câu:

*Hát cho lở đất long trời,
Cho đời biết mặt, cho người biết tên.
Hát từ chợ phủ hát lên,
Hát xuốt tỉnh Bắc qua miền tỉnh Đông.
Hát sao cho cạn giòng sông,
Cho non phải lở, cho lòng phải say.⁸²*

Tục lệ ném cầu bóی chuyện hôn nhân:

Làng Phú Sơn tỉnh Thanh Hóa hàng năm mở hội vào ngày 15 tháng giêng, để trai gái ném cầu bóی chuyện hôn nhân. Họ hát trước khi ném cầu, cặp nào ném cầu trúng lòng thì được thưởng và còn phải hẹn cưới nhau:

*Cầu này là quả thiên duyên,
Đôi ta mà trúng kết nguyên cùng nhau.⁸³*

Tục Lệ Tổ tình:

Trai gái gặp nhau lúc đi làm đồng, lúc đi chợ, hay cùng sang ngang một chuyến đò:

*Đêm qua trời sáng trăng rằm,
Anh đi qua cửa, em nằm không yên.
Mê anh chẳng phải mê tiền,
Thấy anh lịch sự, có duyên, dịu dàng.
Thấy anh em những mơ màng,
Tưởng rằng đây đấy, phượng hoàng kết đôi.
Chờ chiều hẹn chuyển đò ngang,
Trai làng cùng với gái làng qua sông,*

⁸² Toan Ánh, *Nếp Cũ, Hội Hè Đình Đám*, Đại Nam xuất bản, Quyền Hạ, t. 211.

⁸³ Nt. t. 213.

*Ngập ngừng câu chuyện bông lông,
Hôm sau thành vợ thành chồng với nhau.⁸⁴*

Và những lời thề thốt:

*Trăm năm ý quyết một lòng,
Dù ai thêu phụng vẽ rồng mặc ai.
Dẫu cho đá nát vàng phai,
Trăm năm duyên nợ chẳng sai chút nào.⁸⁵*

*Thủy chung em giữ trọn lời,
Chết thì chịu chết, lia đôi không lia.⁸⁶*

*Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo,
Thất bát sông cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua.
Sông sâu cá lội mất tăm,
Chín tháng cũng đợi, mười năm cũng chờ.⁸⁷*

Tỏ tình bằng lời khen:

*Cổ tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc, như là dao cau.
Miệng cười như thể hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thể hoa sen.*

Hay bằng lời bày tỏ mộng ước:

*Ước gì anh hóa ra chăn,
Để cho em đắp, em lăn, em nằm.⁸⁸*

Tục lệ ăn trà:

Trai gái gặp nhau, đã quen thuộc, họ mời nhau miếng trà, điều thuốc. Miếng trà là đầu câu chuyện:

⁸⁴Toan Ánh: *Làng Xóm Việt Nam*, Đại Nam xuất bản, t. 63.

⁸⁵Nguyễn Tấn Long-Phan Canh, *Thi Ca Bình Dân Việt Nam: Quyển II*, Xuân Thu, t. 313.

⁸⁶Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân: *Tinh Thần Việt Nam*, Mekong-Tynan, 1992, t. 259.

⁸⁷Toan Ánh: *Làng Xóm Việt Nam*, Đại Nam xuất bản, t. 340.

⁸⁸Nt. t. 70

*Mẹ em hằng vẫn khuyên răn,
 Làm thân con gái chớ ăn trầu người.
 Trầu này trầu ái, trầu ân,
 Trầu nhân, trầu nghĩa, trầu mình, trầu ta.
 Trầu này nhuộm thắm duyên ta,
 Dầu xanh cho tới tuổi già không phai.⁸⁹*

Tục lệ lấy người cùng làng:

Các cô thường nói “lấy chớ trong làng còn hơn lấy người sang thiên hạ.” Cha mẹ cũng không muốn gả con xa:

*Có con mà gả chồng gần.
 Có bát canh cần nó cũng mang cho.
 Hoài con mà gả chồng xa,
 Ăn một bữa cỗ, lội ba quãng đồng.⁹⁰*

Tục lệ gả bán:

Có rất nhiều cảnh lấy chồng nghèo, lấy chồng già, lấy chồng quá trẻ, hay chồng không ra gì. Hôn nhân xưa “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy,” là hôn nhân gả bán, nên có biết bao cảnh ngang trái, mà nạn nhân thường là phụ nữ. Dù phải lấy chồng nghèo hay chồng già cũng phải nhẫn nhục chịu đựng:

*Chồng người xe ngựa người thương,
 Chồng em khổ rách em chiều em thương.⁹¹*

*Vô duyên vô phúc,
 Múc phải anh chồng già.
 Ra đường người hỏi: rằng cha hay chồng?
 Nói ra đau đớn trong lòng,
 Ấy cái nợ truyền kiếp, có phải chồng em đâu.⁹²*

Hay phải lấy chồng nhỏ tuổi hơn: Làm dâu mà như làm vú em nuôi chồng:

⁸⁹ Nt. t. 65.

⁹⁰ Nt. t. 71.

⁹¹ Nt. t. 85.

⁹² Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân: *Tinh Thần Việt Nam*, Mekong-Ty nạn, 1992, t. 259.

*Mẹ em tham thúng xôi dền
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng.
Em đã bảo mẹ rằng đừng,
Mẹ hăm mẹ hứ, mẹ bung ngay vào.
Bây giờ chồng thấp vợ cao,
Như đôi đũa lệch, so sao cho vừa.
Chồng em thì thấp một gang
Vắt mũi chưa sạch, ra đàng đánh nhau.
Nghĩ mình càng tủi càng đau,
Trách cha trách mẹ tham giàu khổ em.⁹³*

Tục lệ Gởi Rể:

Anh chàng nghèo lăn lung vào chỗ no cơm ấm cật. Làm ruộng cho ông bà nhọc vất vả nhưng ăn uống chẳng có gì, đã xót ruột vì cà. Sau mười hai vại cà mà vẫn không được cưới:

*Công anh làm rể Chương Đài,
Ăn hết mười một, mười hai vại cà,
Giếng đâu thì dắt anh ra,
Kéo anh chết khát vì cà nhà em.⁹⁴*

Tục lệ thách cưới:

Trước khi cưới thì nhà trai phải thăm dò xem ý nhà gái thách cưới thế nào. Nếu không lo cho đủ thì phải hoãn ngày cưới lại:

*Em là con gái nhà giàu,
Mẹ cha thách cưới ra màu xinh sao.
Cưới em trăm tấm lụa đào
Một trăm hòn ngọc, hai mươi tám ông sao trên trời.⁹⁵*

Tục lệ Tế Tơ Hồng:

Khi xưa tế Tơ Hồng ngay sau khi đón dâu về nhà, và trước khi lễ gia tiên và chào mừng ông bà họ hàng. Tế Tơ Hồng là để tạ ơn ông Tơ chấp mối

⁹³ Toan Ánh, t. 73.

⁹⁴ Toan Ánh, t. 351.

⁹⁵ Nt. t.360.

xe duyên. Nhưng nếu cơm không lành canh không ngọt, thì lại oán trách ông Tư:

*Tay em nắm lấy tay anh,
Dù ai nói quẩn nói quanh mặc lòng.
Tay ấy đáng vợ, đáng chồng,
Duyên trời đã định tơ hồng đã xe*

*Ông Tư sao khéo đa đoan,
Xe tơ sao khéo vợ quàng vợ xiên.*

*Bắc thang lên hỏi ông trời,
Bắt ông Nguyệt Lão đánh mười cẳng tay.
Đánh thôi lại trói vào đây,
Hỏi ông Nguyệt Lão: Nào giây tơ hồng.⁹⁶*

Tục lệ Tam Tông:

Chế độ “tông phu” của Khổng Mạnh đã làm cho đàn ông có đặc quyền. Bản phận người vợ là chiều chồng nuôi con, và phục tùng ý muốn người chồng trong gia đình:

*Vai mang khăn gói theo chồng,
Mẹ kêu mặc mẹ, theo chồng phải theo.
Có con phải khổ vì con,
Có chồng phải gánh giang sơn nhà chồng.⁹⁷
Con quốc kêu khắc khoải mùa hè,
Làm thân con gái phải nghe lời chồng.
Sách có chữ rằng: “Phu xướng phụ tông.”
Làm thân con gái lấy chồng xuất gia,⁹⁸*

Tục lệ Mẹ chồng nàng dâu:

Cảnh mẹ chồng nàng dâu:

Thật thà cũng thế lái trâu,

⁹⁶ Nt. t. 374.

⁹⁷ Nguyễn Tấn Long-Phan Canh, *Thi Ca Bình Dân Việt Nam: Quyển II*, Xuân Thu, t.149.

⁹⁸ Nguyễn Tấn Long, t. 472.

*Yêu nhau cũng thể nàng dâu mẹ chồng.
 Kể từ hai tám tuổi đầu,
 Cha mẹ sở định làm dâu nhà người.
 Nói ra sợ chị em cười,
 Năm ba trận thảm, chín mười trận cay.
 Công việc làm không kịp trở tay,
 Ban đêm rau heo, cháo chó,
 Ban ngày nhổ cỏ, gánh phân.⁹⁹*

Tục lệ Đa Thê:

Nguyên nhân chính là phải có con trai nối dõi tông đường. Cho nên chúng ta không khỏi xót xa, thương cảm cho những số phận không may mắn, phải sống trong cảnh cô đơn vò vố của người đàn bà bất hạnh phải làm lẽ:

*Có chồng mà chẳng có con,
 Cũng bằng hoa nở trên non một mình.¹⁰⁰*

*Chồng giận thì vợ làm lành,
 Miệng cười tủm tỉm rằng anh giận gì?
 Thưa anh, anh giận em chi?
 Muốn cưới vợ bé, em thì cưới cho.*

*Đêm nằm vò vố
 Một xó giường không
 Trời ơi, có cực hay không?
 Người năm bảy vợ, người không vợ nào!
 Lấy chồng làm lẽ khổ thay
 Đi cấy, đi cày chị chẳng kể công.
 Đến tối chị giữ lấy chồng
 Chị cho manh chiếu nằm không nhà ngoài.*

⁹⁹ Toan Ánh, t. 377-393.

¹⁰⁰ Phạm Văn Diêu, *Văn Học Việt Nam, Quyển Thượng*, Tân Việt xuất bản, t. 238.

*Lấy chồng làm lẽ khỏi lo,
Cơm nguội đầy rá, cá kho đầy nồi.¹⁰¹*

Hiếu đạo với ông bà cha mẹ:

Người con hiếu thảo có ý thức đầy đủ về tình cảm và bổn phận của mình đối với cha mẹ. Đó là sự biết ơn cù lao chín chữ: “cha sinh ta, mẹ nuôi ta, thương cha mẹ”¹⁰²

Tình cảm trong hiếu đạo đã được phô diễn qua ca dao, và diễn tả những gì cao cả nhất của tâm hồn:

*Ơn cha nặng lắm ai ơi,
Nghĩa mẹ bằng trời, chín tháng cưu mang.*

*Chiều chiều xách giỏ hái rau,
Ngó lên má mẹ ruột đau chín chiều.*

*Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.*

*Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.*

*Làm người có tổ có tông,
Như cây có cội, như sông có nguồn.*

*Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.*

*Khôn ngoan nhờ ấm cha ông,
Làm nên phải đoái tổ tông phụng thờ.*

*Đạo làm con chó có hững hờ,
Phải đem hiếu kính mà thờ từ nghiêm.¹⁰³*

Tình anh chị em:

Người bình dân Việt Nam thời xưa xem trọng tình anh em hơn tình vợ chồng:

¹⁰¹ Nguyễn Tấn Long, t. 474.

¹⁰² Vũ Khiếu: *Nho Giáo và Gia Đình*, Khoa Học Xã Hội xuất bản, 1995, t. 7.

¹⁰³ Nguyễn Tấn Long, Quyển II, t. 284, 286, 297.

*Anh em cốt nhục đồng bào,
Vợ chồng như áo mặc vào cởi ra.*

*Anh em nào phải người xa,
Cùng chung bác mẹ một nhà cùng thân.
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.*

*Chị ngã thì em phải nâng,
Đừng thấy chị ngã, em bưng miệng cười.¹⁰⁴*

*Khôn ngoan đối đáp người ngoài,
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.¹⁰⁵*

Hôn nhân hạnh phúc:

*Đôi ta là nghĩa tào khang,
Xuống khe bắt ốc, lên đàng hái rau.*

*Trên đồng cạn dưới đồng sâu
Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.¹⁰⁶*

*Bước vào phòng học gọi chồng,
Trở ra sắp gánh sắp gồng ra đi,
Không đi thì chợ không đông,
Đi ra một bước nhớ chồng nhớ con.¹⁰⁷*

Chung thủy, không thay chồng đổi vợ:.

*Chẳng thà giục mã về không
Không thèm cướp vợ, tranh chồng người ta.
Thay quần, đổi áo thì xinh
Thay chồng đổi vợ, kẻ khinh người cười.¹⁰⁸*

Tình yêu đau khổ:

¹⁰⁴ Nt. t. 386-387.

¹⁰⁵ Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân: *Tinh Thần Việt Nam*, Mekong-Tynan, 1992, t. 313.

¹⁰⁶ Nguyễn Tấn Long-Phan Canh, *Thi Ca Bình Dân Việt Nam: Toà Lâu Đài Văn Hóa Dân Tộc*, Xuân Thu, t. 475.

¹⁰⁷ Nhất Thanh, Vũ Văn Khiếu: *Đất Lề Quê Thói: Phong Tục Việt Nam*, Đại Nam xuất bản, t. 76.

¹⁰⁸ Nt. t. 77.

Tuy nhiên nhiều khi yêu nhau mà không lấy được nhau vì có sự chênh lệch về gia cảnh, vì cha mẹ ngăn cấm. Do đó có nhiều trái tim tan nát:

*Trèo lên cây bưởi hái hoa,
Bước xuống ruộng cà hái nụ tầm xuân.
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng anh tiếc lắm thay.

Đôi ta như chỉ mới xe,
Như măng mới mọc, như tre mới trồng.
Đôi ta như lúc đồng đồng,
Đẹp duyên mà chẳng đẹp lòng mẹ cha.

Yêu nhau chẳng lấy được nhau,
Mài dao đánh kéo, cạo đầu đi tu.¹⁰⁹*

Tương Tư:

Nhớ nhung là tâm trạng chung của những người đang yêu cũng được mô tả trong nhiều bài ca dao:

*Ai đi đường ấy xa xa,
Để em ôm bóng trăng tà năm canh.
Nước non một gánh chung tình,
Nhớ ai, ai có nhớ mình chẳng ai?¹¹⁰

Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ,
Đêm quên giấc ngủ, ngày mơ tiếng cười.¹¹¹*

Phụ tình:

Khi đã cùng nhau thề thốt, nhưng lại tham vàng bỏ nghĩa, âu duyên mới, nhạt tình xưa:

*Tham vàng phụ nghĩa ai ơi,
Vàng thì đã hết, nghĩa tôi vẫn còn.*

¹⁰⁹ Toán Ánh: *Làng Xóm Việt Nam*, Đại Nam xuất bản., t. 74, 76.

¹¹⁰ Nt. t. 78.

¹¹¹ Nguyễn Thùy & Trần Minh Xuân: *Tinh Thần Việt Nam*, Mekong-Tynan, 1992, t. 253.

*Em xinh như đóa hoa sen
Phận anh bèo bọt chẳng chen được vào.
Bao giờ gió cả, mưa rào
Cho sen chìm xuống, bèo trôi lên trên.*

*Trách người quân tử bạc tình,
Có gương mà để cạnh mình chẳng soi.*

*Trách người quân tử vô danh,
Chơi hoa xong lại bẻ cành bán rao.¹¹²*

Kết luận:

Ca dao vừa là bài thơ vừa là bản nhạc nói lên cuộc sống truyền thống của dân tộc Việt Nam.¹¹³ Qua ca dao, hình ảnh về đời sống xã hội và các phong tục Việt Nam cổ truyền còn được thấy lại đầy đủ. Trong cơ cấu kiến trúc xã hội Việt Nam, gia đình là đơn vị căn bản, có vợ chồng, cha mẹ, con cái sống chung dưới một mái nhà. Các phong tục về chọn vợ gả chồng, về tình yêu trai gái và hôn nhân, cũng như lễ thói gia đình đều bàng bạc trong ca dao.¹¹⁴

Ca dao giúp cho người dân có cơ hội bày tỏ tâm tình, giúp cho đạo lý được duy trì qua phương tiện truyền khẩu, và cũng giúp cho chúng ta những người thuộc thời đại này hiểu biết về các phong tục cổ truyền đã phần nào mai một.

¹¹² Nguyễn Tấn Long-Phan Canh, *Thi Ca Bình Dân Việt Nam: Toà Lâu Đài Văn Hóa Dân Tộc*, Xuân Thu, t. 145.

¹¹³ Duyên Hạc- Lê Thái Ất: *Ngôn Ngữ Việt Nam*, Đốc Sự Hành Chánh xuất bản 1996, t. 237.

¹¹⁴ Phạm Văn Diêu, *Văn Học Việt Nam, Quyển Thượng*, Tân Việt xuất bản, t. 229.



Bùi Hữu Thư Ph.D.

*Cựu Đại Tá Hải Quân Việt Nam Cộng Hòa, du học Hoa Kỳ đầu năm 1973. Tốt nghiệp bằng Cao Học Giáo Dục năm 1974, và Tiến Sĩ Quản Trị Giáo Dục Đại Học American University năm 1979. Hiệu Phó và Hiệu Trưởng các trường Trung Học: JEB Stuart, George C. Marshall và Oakton, Fairfax County, Virginia, từ 1980 đến 2000. Giáo sư Bán Phần các khóa Cao Học tại hai Đại Học George Mason và University of Virginia, từ 1980 đến 1994. Phục vụ tại Cộng Đồng Công Giáo Arlington và Giáo Xứ Các Thánh Tử Đạo Việt Nam Arlington, Virginia từ năm 1976 đến nay. Viện Trưởng Viện Triết Đạo, từ 1998 đến năm 2008. Hiệu Trưởng Trường Việt Ngữ Giáo Xứ từ 2003 đến nay. Hiện đang đóng góp bài vở cho: www.vietcatholic.net, www.liendoanconggiao.net, www.cttdva.org, và Tập San Chân Lý. Đã xuất bản nhiều sách về đạo giáo: **Gặp Gỡ Chúa, Một Người Chỉ Sống Cho Kẻ Khác, Thánh Giá và Dao Găm, Hướng Dẫn Học Sinh Đi Vào Thánh Kinh, Thách Thức, Nguyễn Cầu.***

Gia Đình Di Dân Việt Nam

Sự Đa Dạng và Phức Tạp của Hôn Nhân và Gia Đình

Lm. Phêrô Nguyễn Cao Sâm, S.V.D.

*** Nhập**

Chủ nhật ngày 28/12/2014, giáo hội Công giáo mừng lễ Thánh Gia – một gia đình thánh, một gia đình di dân, một gia đình của “lý tưởng” và “dị thường.”

Trong một bài giảng, cha xứ bất thành linh hỏi mấy người ngồi hàng ghế đầu là hôm nay lễ gì. Thấy cha xứ nhìn chăm chăm, một bà già giơ tay gãi đầu lẩm bầm khá to “Giêsu Maria Giuse! Con...” Cha xứ liền nói, “Đúng, bà nói đúng lắm.” Bà già chưa nói hết câu “Giêsu Maria Giuse, con có biết gì đâu! Xin cha đừng nhìn con nữa!” thì cha đã nói là bà nói đúng lắm vì “Giêsu Maria Giuse” là tên của ba vị trong thánh gia thất. Một lời lẩm bầm than thầm, một lời kêu tên thánh vô cớ, nhưng lại là một câu trả lời đúng hên.

+ Thánh Gia Thất

Gia đình “thánh gia” không “thánh” vì hội đủ tiêu chuẩn và điều kiện của thước đo xã hội tôn giáo truyền thống nhưng “thánh” bởi vì họ rất “phàm” và biết “tìm kiếm” và “thực thi ý Chúa” (Mt 12:50). Nếu chỉ nhìn gia đình này với lăng kính xã hội tôn giáo truyền thống thì có lẽ sẽ phải thốt lên rằng “Giêsu Maria Giuse! Gia đình đó chả ra gì!” hay “Giêsu Maria Giuse! Đúng là một gia đình bất hạnh!”

Một thiếu nữ mới đính hôn¹ nhưng đã có thai, mà thai này lại không do hôn phu của nàng. Vừa có thai là nàng lặn lội đi xa 3 tháng mới về lại nhà. Vừa về nhà được ít lâu lại phải đi xa về quê chồng. Mang bụng bầu về quê tổ, nhưng phải sinh con trong cái ổ – rơm rạ của chuồng bò lừa; không họ hàng thân thuộc thăm viếng, duy chỉ một vài người chẵn chiêm, chẵn dê đến viếng thăm. Con trẻ chưa kịp lớn thì lại phải trốn tị nạn sang Ai-cập vì có người tìm bách hại. Một thời gian sau họ muốn trở về quê cha sinh sống nhưng nỗi sợ vẫn còn nên đành đi về quê mẹ định cư. Nói là định cư chứ thật ra họ – nhất là người con – di cư nhiều hơn là định trú. Đến nỗi “con chồn có hang, chim trời có tổ, nhưng Con Người không có chỗ tựa đầu” (Mt 8:20; Lc 9:58).

Đó là gia đình thánh – gia đình của GMG² – một gia đình di dân, nơi mà Thiên Chúa là người di cư đầu tiên từ trời xuống thế, nhập thể trong màu nhiệm Giáng sinh.

Nhiều gia đình trên thế giới cũng là gia đình di dân; nhiều gia đình Việt Nam trong nước cũng là gia đình di dân; nhưng tất cả các gia đình Việt Nam ở Mỹ, tại Hàn quốc, và ở hải ngoại đều là gia đình di dân. Tuy nhiên, dù cùng là “di dân” nhưng hoàn cảnh sống mỗi gia đình mỗi khác nên rất đa dạng, và cách đối diện với thế cuộc, lề luật và thánh ý Chúa cũng khác nhau nên rất phức tạp.

+ Gia đình anh chị Thành-Hương

Anh Thành và chị Hương³ lập gia đình với nhau năm 1997. Đến nay họ có 3 người con: con trai lớn, 16 tuổi, sống với ông bà nội ở vùng quê tỉnh Nghệ An; con gái thứ, 8 tuổi, sống với ông bà ngoại tại thành phố Hà Tĩnh; đứa con thứ ba, thai nhi 4 tháng, đang trong bụng mẹ ở Hàn quốc. Cả ba đứa con cùng một mẹ, nhưng trong giấy khai sinh thì tên ba bà mẹ lại khác nhau.

¹ Đính hôn hay thành hôn? Theo từ ngữ Kinh Thánh và phong tục lề luật Do Thái xưa thì cô Maria đã “thành hôn” với (và là hôn thê của) anh Giuse nhưng chưa được phép sống chung. Ở đây tôi dùng chữ “đính hôn” thay vì “thành hôn” để nhấn mạnh việc “có thai” khi chưa được phép chung sống.

² Theo truyền thống và chiều kích thần học của Công giáo thì GMG là “Giêsu Maria Giuse.” Nhưng theo xã hội phụ hệ xưa nay thì GMG phải là “Giuse Maria Giêsu.” Trong xã hội di dân của Mỹ thì trẻ em trước, phụ nữ nhì, cuối cùng mới là đàn ông, nên GMG lại là “Giêsu Maria Giuse”, dù nó mang tính cách đời nhiều hơn đạo.

³ Tên của hai anh chị đã được thay đổi.

Anh Thành là con cả trong gia đình 3 con ở vùng quê, làm nghề nông; chị Hương là con thứ trong gia đình 4 con ở thành phố, có cửa tiệm tạp hoá nhỏ. Cưới được một năm thì họ được một con trai. Kinh tế nghề nông khó khăn, anh Thành đành theo chân nhiều người trong xứ Nghệ đi sang Hàn quốc lao động. Đến đất Hàn năm 1999 theo diện tu nghiệp sinh, anh làm trong một công ty sản xuất nhựa được gần 3 năm thì bỏ ra ngoài⁴ để kiếm đồng lương cao hơn trong một công xưởng hàn xì. Ra lưu vong được hơn một năm thì anh bị bắt về nước năm 2004. Về nước, anh liền tìm đường sang lại Hàn quốc. Không muốn đợi lâu,⁵ và dù tốn nhiều tiền, anh đổi tên và làm hộ chiếu khác. Cuối năm 2005, anh trở lại Hàn quốc với diện lao động nghề nông. Làm việc được gần 2 năm thì anh bỏ lên thành phố sống. Đổi việc nhiều lần và sống nhiều nơi khác nhau, hiện anh đang làm nghề xây dựng và đi theo công trình; mỗi tối thứ bảy anh về sống với vợ đang có bầu đứa con thứ ba.

Phần chị Hương, sau khi con trai đầu lòng được 3 tuổi, chị cũng tìm cách theo chồng sang Hàn quốc làm việc. Năm 2002 chị đi Hàn theo diện tu nghiệp sinh và làm trong một công ty giày dép. Công ty của chị cách chỗ chồng chị hơn 3 tiếng xe, nhưng hầu như cuối tuần nào anh cũng đi tàu điện và xe buýt đến thăm chị.⁶ Được gần hai năm thì chị quyết định bỏ công ty để về chỗ chồng ở. Vừa ra lưu vong được vài tháng thì chị có bầu; rồi vừa có bầu được ba tháng thì chồng bị bắt về nước. Hoàn cảnh không chồng và kinh tế eo hẹp, chị mượn giấy bảo hiểm sức khỏe của một cô bạn để đi khám thai và vào bệnh viện sinh con. Trong giấy khai sinh, tên cô bạn là mẹ của bé gái. Khi con được 6 tháng, chị nhờ cô bạn này ôm con về Việt Nam và nhờ bà ngoại nuôi vì sức khỏe bà nội yếu. Con gái về đến Việt Nam thì anh Thành cũng chuẩn bị sang lại Hàn quốc. Ở đất Hàn, hai vợ chồng mỗi người mỗi nơi, họ cũng chỉ có thể thăm nhau một ngày cuối tuần. Hoàn cảnh xa nhau,

⁴ Theo chế độ tu nghiệp sinh ở Hàn quốc thì lương tháng thấp và không được đổi công ty. Nếu bỏ công ty đi làm chỗ khác thì thành người cư trú bất hợp pháp. Hàn quốc bắt đầu chế độ tu nghiệp sinh (Industrial Trainee System) từ đầu thập niên 1990s; sau khi bị chỉ trích nhiều thì đổi sang chế độ lao động (Employment Permit System) từ năm 2003.

⁵ Theo luật Hàn quốc, người cư trú bất hợp pháp, nếu tự thú và về nước, thì sau 1 năm có thể nộp đơn xin visa sang lại Hàn quốc, nhưng nếu bị bắt và đuổi về nước, thì phải đợi 5 năm sau. Có thể nộp đơn xin visa không nhất thiết là sẽ được visa.

⁶ Dân Hàn thích “ngoại diện” và “danh phẩm” và xe BMW là loại xe sang. Nhưng bây giờ dân thường cũng có thể đi BMW (đó là: Bus, Metro, và Walking.)

anh định ra lưu vong để sống chung với vợ thì chị bị bắt về nước. Chị thường nhớ con thơ, nay có cơ hội “bị về nước” thăm con. Ở Việt Nam được hai năm thì chị trở lại Hàn quốc với “visa” cô dâu lấy chồng Hàn. Chị mượn tên người em họ, làm hộ chiếu và làm giấy kết hôn giả⁷ với một anh nông phu Hàn quốc được chồng chị trả tiền và lo liệu giấy tờ qua một công ty môi giới.

Giờ đây chị đang sống với chồng thật, nhưng trong giấy tờ lại là vợ của một ông Hàn. Chị là mẹ thật của đứa con trong bụng, nhưng khi nó sinh ra thì tên mẹ nó sẽ là tên giả của chị.

Như đã nói trên, dù cùng là “di dân” nhưng hoàn cảnh sống khác nhau và đa dạng và cách đối diện với thế cuộc, lề luật và ý Chúa cũng khác nhau, đôi khi khác nhau, và phức tạp. Chính sự đa dạng và phức tạp đó đòi hỏi chúng ta phải có “tầm xa tâm rộng” để “xem xét làm”⁸ trong cuộc sống và mục vụ.

Trong bài này tôi xin chia sẻ về ba điểm: (1) Một mô hình lý tưởng của hôn nhân và gia đình, (2) Hiện trạng thực tế và đa dạng của hôn nhân và gia đình di dân, đặc biệt là di dân Việt Nam, và (3) Một vài thách đố trong mục vụ di dân về hôn nhân và gia đình.

(1) Một Mô Hình Lý Tưởng của Hôn Nhân và Gia Đình

Trong phần này tôi chỉ xin nêu lên một vài ý niệm khái quát và lý tưởng của xã hội và giáo hội về hôn nhân và gia đình.

Với xã hội, hôn nhân thường được hiểu là sự kết hợp giữa hai người nam và nữ dựa trên nguyên tắc tự do, bình đẳng, và yêu thương. Hôn nhân được xác quyết trong tình cảm (hai người yêu nhau), xã hội (lễ tiệc cưới), pháp luật (đăng ký kết hôn) và tôn giáo (nghĩ lễ hôn phối). Hôn nhân là một mối quan hệ cơ bản trong gia đình và gia đình là tế bào căn bản của xã hội. Gia

⁷ Gọi là kết hôn giả nhưng trên giấy tờ là hợp pháp (cho đến khi bị phát hiện là giả dối). Ở Hàn quốc, giá tiền kết hôn giả là khoảng 10,000\$ - 15,000\$; bên Mỹ, khoảng 35,000\$ - 50,000\$.

⁸ Xem xét làm = Ver juzgar actuar = See judge act = Quan sát, phán đoán, hành động.

đình được hiểu là một cộng đồng người sống gắn bó với nhau bởi các mối quan hệ tình cảm, hôn nhân, huyết thống, dưỡng dục hoặc chỗ ở chung.⁹

Với giáo hội Công giáo, “hôn nhân là một giao ước ký kết giữa một người nam và một người nữ, với ý thức tự do và trách nhiệm, để sống yêu thương và giúp đỡ nhau trong tình nghĩa vợ chồng; để sinh sản và giáo dục con cái trong nhiệm vụ làm cha làm mẹ.”¹⁰ Hôn nhân Công giáo còn là một bí tích vì vợ chồng không những là hình ảnh của tình yêu Thiên Chúa trong mầu nhiệm Ba Ngôi mà còn là hình ảnh của tình yêu giữa Thiên Chúa và nhân loại, và đặc biệt là tình yêu của Chúa Kitô và Hội thánh.¹¹

Hôn nhân và gia đình luôn đi chung với nhau. “Hôn nhân là mảnh đất phát triển đời sống gia đình, hạt nhân của Hội thánh tại gia, chính gia đình là thành phần thiết yếu của Hội thánh phổ quát rộng lớn hơn.”¹² Gia đình, một Hội Thánh tại gia, là nơi thể hiện đặc biệt chức tư tế cộng đồng của cha mẹ con cái và mọi phần tử trong gia đình, là trường học đầu tiên về đời sống Kitô giáo và phát triển nhân tính.¹³ Mọi gia đình được mời gọi noi gương Thánh gia thất của “Giuse, Maria và Giêsu” để trở thành một cộng đồng yêu thương và hiệp nhất, hiệp thông theo gương mẫu Ba Ngôi Thiên Chúa và mở ra và vươn lên theo tình yêu Thiên Chúa.¹⁴

Đức cố Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận viết: “Chúng viện thứ nhất, đệ tử viện thứ nhất, trường sư phạm thứ nhất là gia đình Công giáo. Không vị giám đốc tài ba nào, hay chuyên môn đến đâu, có thể thay thế cha mẹ được. Nếu cơ sở bậc nhất ấy bị hỏng, tương lai Hội thánh và xã hội cũng rung rinh sụp đổ.”¹⁵

Trong tiếng Hàn, chữ “i-sang” (이상) có 3 nghĩa: 2 nghĩa theo gốc chữ Hán (đó là, “lý tưởng” và “đi thường”) và một nghĩa theo gốc chữ Hàn (là “chấm hết” hay “kết thúc”). “Lý tưởng” ra thì hôn nhân và gia đình là như

⁹ “Gia đình.” Xem trang mạng: http://vi.wikipedia.org/wiki/Gia_%C4%91%C3%ACnh. Truy cập ngày 22/12/2014.

¹⁰ Ủy Ban Giáo Lý Đức Tin. *Giáo Lý Hôn nhân & Gia đình*. (2004). Bài 1.

¹¹ Ibid, bài 2.

¹² *Love is Our Mission - The family Fully Alive*. A preparatory catechesis for the World Meeting of Families in Philadelphia, 2015. p 8.

¹³ *Giáo Lý Hôn nhân & Gia đình*. Bài 13.

¹⁴ Ibid.

¹⁵ ĐHY FX Nguyễn Văn Thuận. *Đường Hy Vọng*. # 475.

trên, nhưng một hôn nhân và gia đình “lý tưởng” lại là điều “dị thường” (khác thường) hay bị cho là như thế trong xã hội thời nay. Tuy thế, “dị thường” không thể “chấm hết” hay “kết thúc” “lý tưởng” bao lâu con người còn và biết hướng về “lý tưởng.”

Tuy nhiên, thực tại hôn nhân và gia đình di dân rất đa dạng và phức tạp, mà gia đình anh chị Thành Hương được kể trên là một trong nhiều biến thái của hôn nhân và gia đình di dân ngày nay.

(2) Hiện Trạng Thực Tế và Đa Dạng của Hôn Nhân và Gia Đình Di Dân

*** Di Dân**

Chúng ta đang sống trong thời đại di dân.¹⁶ Thực ra thì hiện tượng di dân đã có từ khi con người xuất hiện trên trái đất và vẫn tiếp diễn dọc theo lịch sử loài người. Tuy tỉ số di dân hiện nay chỉ khoảng 3% dân số thế giới nhưng hiện tượng di dân rất phổ quát và ảnh hưởng đến mọi dân, mọi nước. Với hiện tượng đô thị hoá, công nghiệp hoá và toàn cầu hoá, với thị trường kinh tế cởi mở tự do và cơ cấu hành chính và kỹ nghệ quốc tế, và với động lực “đẩy ra” và “hút vào” của kinh tế, xã hội, chính trị, và tôn giáo, mức độ và ảnh hưởng của hiện tượng di dân thời nay càng rộng hơn, xa hơn, lẹ hơn, và sâu hơn.

Với dân tộc Việt Nam trong vòng 100 năm qua, việc di dân từ Bắc vào Nam, từ trong nước ra hải ngoại, và từ làng quê lên thành phố, dù do nhiều lý do và động cơ khác nhau, có thể tóm tắt đơn giản thành hai loại: di dân định cư (di cư) và di dân lao động (tay chân hay trí thức). Đa số người di cư từ Bắc vào Nam năm 54 (và cả sau năm 75) và người Việt rời Việt Nam ra hải ngoại sau chiến tranh Việt Nam là di dân định cư; đa số người Việt đi Liên Xô xưa và nhiều nước ở Châu Á hiện nay là di dân lao động; và đa số cô dâu Việt lấy chồng nước ngoài là di dân định cư với mục đích kinh tế.

¹⁶ Từ ngữ “di dân” ở đây bao gồm tất cả những người rời nhà, thành phố hay quê hương của họ để đi học, làm việc, hay sinh sống ở một thành phố hay quốc gia khác, và sự ra đi này là do họ tự muốn, bị đưa đẩy hay bị cưỡng ép. Về tài liệu di dân, xem Stephen Castles & Mark J. Miller. *The Age of Migration, 3rd edition*. NY: The Guilford Press, 2003 và Maura I. Toro-Morn & Marixsa Alicea, eds. *Migration and Immigration: A Global View*. Westport, CT: Greenwood Press. 2004.

* Hôn nhân và Gia đình

Dù muốn hay không, hôn nhân và gia đình biến đổi theo thời gian và không gian. Ý niệm có sẵn, dù là lớp sơn phủ quanh từ ngữ hay là nền tảng của tư duy và cuộc sống, vẫn cần được xem xét lại và kỹ hơn để biết bên trong hay bên dưới có gì khác lạ và đã biến đổi ra sao. Gia đình truyền thống của đại gia đình (gia đình kép, gồm ba hay bốn thế hệ; tam/tứ đại đồng đường) và tiểu gia đình (gia đình hạt nhân, gồm hai thế hệ) đã biến thái thành nhiều loại gia đình khác nhau.

Sự biến đổi này có thể là hỗn hợp của sự thay màu đổi lá, sự đâm cành nảy lộc mới, hay sự biến đổi tận gốc. Đứng trước biến đổi, có người muốn níu kéo truyền thống trong than trách, có người muốn lao vào trong mạo hiểm, có người muốn buông thả trong vô tâm, và cũng có người muốn chấp nhận trong thanh lọc và thích ứng. Cả bốn người này, hay bốn thái độ này, đều nằm trong mỗi người chúng ta.

Khoảng cách giữa các thế hệ trong gia đình vẫn thường xảy ra, nhưng nó càng rõ nét hơn trong bối cảnh gia đình di dân. Lớp trẻ muốn thích ứng lệ hơn vào môi trường văn hoá mới, lớp già muốn bảo tồn nề nếp văn hoá truyền thống cũ, còn lớp trung niên muốn bảo toàn an vui trong nhà vì bị giằng co giữa hai bên và với công việc.

+ Hôn Nhân

Trong bối cảnh di dân, việc muốn và tìm kiếm kết hôn với người cùng chủng tộc, văn hoá, ngôn ngữ hay tôn giáo là điều tự nhiên và dễ hiểu. Đó là cách duy trì và bảo tồn những giá trị cuộc sống quen thuộc để có thể đối phó dễ hơn với cuộc sống mới xa quê. Tuy nhiên, trong sự duy trì bảo tồn này có thể cho thấy một phần nào của sự sợ hãi hay sự kỳ thị địa phương,¹⁷ chủng tộc hay tôn giáo.

Hiện nay ở Mỹ, việc kết hôn với người khác chủng tộc, văn hoá, ngôn ngữ hay tôn giáo tuy mỗi ngày mỗi nhiều hơn và có thể được cho là điều đương nhiên, nhiều bậc phụ huynh hay thân quyến của đôi hôn nhân vẫn còn lưỡng lự hay phản đối. Tôi biết một gia đình Công giáo Việt Nam tị nạn và định cư ở tiểu bang Georgia với 4 người con: người con cả lập gia đình với

¹⁷ Kỳ thị giữa những người Bắc-Trung-Nam ở Việt Nam.

một người Tin lành Mỹ trắng gốc Đức, người con thứ lập gia đình với một người Mễ Công giáo, người con thứ ba lập gia đình với người Hàn quốc không theo tôn giáo nào, và người con út lập gia đình với người Việt du học ở Mỹ. Ngôn ngữ nói chuyện trong nhà khi xum họp con cháu là tiếng Mỹ nhưng khi đọc kinh cầu nguyện là tiếng Việt vì bà nội chỉ biết tiếng Việt. Loại gia đình “hôn hợp” (liên văn hoá và liên tôn giáo) này có lẽ chỉ có thể thấy trong bối cảnh di dân, và đặc biệt là ở Mỹ. Khó hay không thể thấy ở Việt Nam hay Hàn quốc.

Về các vấn đề trong hôn nhân như: “quan hệ tình dục trước hôn nhân” (“mua xe phải thử xe”), “sống chung trước hôn nhân” (sống thử, cặp đôi tạm bợ), ngoại tình (có tình cảm hay “ăn bánh trả tiền”), kết hôn giả, ly hôn giả để kết hôn giả hay để tránh thuế, ly thân, ly hôn, v.v..., chúng là những vấn đề chung của hôn nhân ở mọi nơi, nhưng nó xuất hiện nhiều hơn trong bối cảnh di dân.

Về việc “sống thử” hay “sống chung trước hôn nhân” thì trong bối cảnh di dân lao động xa quê, với sự tự do cá nhân mới tìm thấy và không bị kiểm chế bởi cha mẹ hay xóm làng, với thái độ “luật giữ mình chứ mình không giữ luật,” và với lý do tình cảm, kinh tế hay thời cuộc nhiều người dễ chấp nhận và bước vào. Cảm giác “xấu hổ” hay “tội lỗi,” có thể có ở thời gian đầu, dần dần tan biến hay bị che giấu theo thời gian. Nhiều cặp “sống thử” dẫn đến “cưới thật;” nhiều cặp không thể hay chưa thể “cưới thật” nên đành “sống thử;” và nhiều cặp cho đây là thời gian “ném thử” hay “mặc thử” trước khi “chọn thật” nên cứ thử đi đã. Chủ nghĩa cá nhân, chủ nghĩa tương đối, chủ nghĩa kinh tế và chủ nghĩa thể tục đang tác động mạnh trên cuộc sống của họ.

Về việc kết hôn giả để đi Mỹ, đi Hàn quốc hay đi một nước khác, với những người này, việc “kết hôn giả” không phải là một “hôn nhân thật” nên họ thường không cảm thấy “tội lỗi” khi làm điều này. Nó chỉ là một phương kế (dù có thể xấu) để đạt tới một mục đích (được cho là tốt) mà thôi. Thậm chí, có linh mục ở Việt Nam viết giấy giới thiệu và nhờ chúng tôi ở Hàn quốc giúp cho một cô gái trong xứ làm phép hôn phối với một anh Việt Nam vì cô ta chỉ kết hôn giả với anh chồng Hàn quốc.

Về việc đăng ký kết hôn, tại Hàn quốc và Việt Nam thì việc làm phép hôn phối trong nhà thờ hay làm lễ tiệc cưới ở nhà hàng khách sạn và việc đăng ký kết hôn theo luật pháp nhà nước là hai việc riêng rẽ mà đôi hôn nhân phải làm cả hai để được chấp nhận theo mặt xã hội, giáo hội, và pháp lý. Ở Mỹ, việc kết hôn trong nhà thờ được nhà nước công nhận và vị linh mục làm nghi lễ hôn phối trong nhà thờ có thể ký cả hai giấy đạo và đời. Đã xảy ra việc đôi hôn nhân cưới nhau trong nhà thờ hay làm lễ tiệc cưới ở nhà hàng khách sạn nhưng sau đó không đi đăng ký kết hôn với pháp luật. Sau một thời gian họ chia tay hay bị bắt về nước, rồi quen với người khác và đăng ký kết hôn với người đó mà không cần làm giấy ly dị với người trước. Và lại, việc đăng ký kết hôn ở nước ngoài và việc đăng ký kết hôn ở Việt Nam là hai điều riêng biệt nên việc một người có hai gia đình ở hai nước khác nhau đã đang xảy ra.

Về sự tự do ưng thuận và yêu thương, với hôn nhân bình thường ngày nay, đó là hai điều tối quan trọng để đi đến hôn nhân. Nhưng với những cô dâu lấy chồng nước ngoài,¹⁸ nhất là những cô dâu lấy chồng Đài loan hay Hàn quốc, đôi khi kể cả những người lấy Việt kiều,¹⁹ thì sự tự do ưng thuận và yêu thương không phải là điều tối quan trọng – hoặc vì họ không thể có sự lựa chọn khác hơn hoặc vì lý do kinh tế và xã hội (như “hiếu thảo”)²⁰ đã trở thành điều tối quan trọng với họ – nên họ đành chấp nhận “nhắm mắt” hay “nuốt nước mắt” bước vào hôn nhân.

Cách đây ít lâu có năm cô dâu Việt từ Hải Phòng lấy năm anh Hàn bị bệnh phong. Tuy bác sĩ chứng nhận là năm anh này đã hết bệnh phong, nhưng hệ quả của bệnh phong vẫn còn đó. Nhìn vào họ là có thể đoán được

¹⁸ Ở Hàn quốc, từ ngữ thường dùng để chỉ về các cô dâu nước ngoài lấy chồng Hàn là “hôn nhân quốc tế” (international marriage) và gia đình như thế gọi là “gia đình đa văn hoá” (multicultural family). Một từ ngữ đúng hơn có lẽ phải là “hôn nhân hay gia đình liên văn hoá” (intercultural marriage/family). Từ ngữ “gia đình đa văn hoá” ở Hàn quốc mang một ý nghĩa tiêu cực vì nó ám chỉ những gia đình nghèo hay có nhiều vấn đề mà trong đó anh chồng Hàn là người ở vùng nông thôn, lớn tuổi, goá hay đã ly dị, hay có vấn đề thể lý hoặc tâm thần và cô dâu cũng là người từ gia đình nghèo, vùng quê và từ một nước đang phát triển. Nếu một người Hàn lấy một người Âu Mỹ thì họ không muốn bị liệt kê là “gia đình đa văn hoá.”

¹⁹ Ở Việt Nam bây giờ có câu “nhất muối tiêu nhì Việt kiều”; mà “Việt kiều muối tiêu” thì càng tốt nữa..

²⁰ Chữ “hiếu” trong việc cô dâu lấy chồng nước ngoài là một đề tài cần khảo cứu và tìm hiểu thêm.

liền. Công ty môi giới không cho các cô dâu biết về việc này khi họ chấp nhận lấy chồng Hàn. Tuy nhiên, trong năm anh Hàn, có ba người là Công giáo nên trước khi làm lễ cưới (phép chuẩn, vì ba cô Việt Nam không Công giáo) cha xứ mời tôi đến để giúp tư vấn và nói chuyện với họ. Sau khi biết sự thật về chồng mình và sau một vài ngày suy nghĩ, họ đã chấp thuận tiếp tục hôn nhân đó và làm lễ cưới trong nhà thờ. Tim tôi nhói với họ.

Trong bối cảnh di dân, “lý tưởng” và “địa thường” lẫn lộn với nhau. Hôn nhân, một ơn gọi linh thiêng trong yêu thương, đang biến hoá thành một phương tiện sinh nhai trong tính toán. Khi một phương tiện không còn cần thiết hay trở nên rắc rối thì người ta có thể đổi sang phương cách mới khác – tiện, lợi, và tốt hơn.

+ Gia đình

Việc gia đình gồm cha mẹ và con cái, đôi khi cả ông bà, sống chung trong một mái nhà là điều hằng được ước muốn. Nhưng trong bối cảnh di dân, nhất là di dân lao động ở nước ngoài, thì việc tất cả sống chung dưới một mái nhà là điều ít thấy. Có gia đình ông bà nuôi cháu như con vì bố mẹ đi làm xa. Có gia đình mẹ nuôi con, bố đi làm xa; hay bố nuôi con, mẹ đi xa làm việc. Có gia đình mẹ sống với một con làm việc hay du học hải ngoại, bố ở nhà làm việc nuôi các con khác. Và có nhiều gia đình gửi con cái vào nội trú, lên thành phố hay ra hải ngoại ăn học.

Việc giới trẻ không có hay mất đi hình ảnh và kinh nghiệm thực sự của người cha/mẹ đang tác động mạnh vào đời sống của chúng, để rồi như câu nói của Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận “Nếu cơ sở bậc nhất ấy bị hỏng, tương lai Hội thánh và xã hội cũng rung rinh sụp đổ.” Tuy nhiên, dù kết cấu gia đình có vẻ lỏng lẻo vì xa cách, với nhiều gia đình di dân ngày nay, việc nối kết với nhau qua các công nghệ thông tin điện tử như điện thoại, mạng internet, Facebook, KakaoTalk, Line, Messenger, Skype, Tango, Viber, v.v... đang giúp hàn gắn hay duy trì sự gắn bó tình cảm, theo dõi cuộc sống và việc học hành, và giúp hôn nhân và gia đình thăng tiến.

Về việc gửi tiền về Việt Nam giúp gia đình, đầu tư hay làm việc thiện, con số đã lên đến 20 tỉ đô-la mỗi năm.²¹ Nhờ số tiền gửi về, nhiều gia đình

²¹ Xem trang mạng: <http://newamericamedia.org/2012/10/overseas-vietnamese-send-20-billion-home-every-year.php>. Truy cập ngày 23/12/2014.

nghèo hay ở quê có thể sống thoải mái hơn, sức khỏe duy trì tốt hơn, và con cái học hành cũng dễ dàng hơn. Có những gia đình sống nhờ tiền trợ cấp mà không cần phải có công ăn việc làm chính thức. Tuy nhiên, việc gửi tiền về Việt Nam là một việc nhức óc đau tim cho nhiều người hay gia đình ở nước ngoài: Vợ chồng khác ý hay giấu giếm nhau khi gửi tiền về cho bên nội hay bên ngoại; người ở Việt Nam chi tiêu phung phí trong khi người ở hải ngoại còng lưng đi cày; gia đình tranh giành nhau với số tiền nhận được; hay như một câu nói trong dân lao động Việt Nam ở Hàn quốc là “gửi tiền về cho vợ nuôi con thằng khác.”

(3) Một Vài Thách Đố trong Mục Vụ Di Dân về Hôn Nhân và Gia Đình

Người di dân là người sống giữa ngưỡng cửa của hai thế giới – một cũ, một mới; một quen, một lạ. Họ sống trong một thế giới nhưng mang trong mình một thế giới khác. Họ bị ảnh hưởng bởi cả hoàn cảnh cá nhân và gia đình, cùng chính sách quốc gia và quốc tế, để rồi họ có thể là người có việc hợp pháp nhưng cư trú bất hợp pháp hay cư trú hợp pháp nhưng làm việc không hợp pháp.

Cộng đoàn tôn giáo hay đồng hương, cùng nhiều loại cộng đoàn khác nhau, có thể giúp cho người di dân đối diện và thích ứng với cuộc sống mới đầy thử thách và nguy nan. Mỗi cộng đoàn Công giáo Việt Nam ở hải ngoại đều là một “cái nôi” và một “cây cầu” đa năng:²² giúp duy trì truyền thống văn hoá và tôn giáo quê nhà song song với việc phát huy giá trị và thích ứng cuộc sống mới; giúp hội nhập vào văn hoá, xã hội và giáo hội địa phương; và giúp nối kết giữa cá nhân và đoàn thể và giữa xã hội và giáo hội quê mới và xã hội và giáo hội quê nhà.

Trong phần này, tôi xin nêu lên hai thách đố trong mục vụ di dân về hôn nhân và gia đình: (1) Bắc cầu và đối thoại và (2) Gây/nâng ý thức (phát triển lương tâm). Mặc dù điểm (1) chú tâm nhiều hơn vào các vị mục tử và cộng đoàn di dân định cư và điểm (2) hướng về các vị mục tử và cộng đoàn di dân lao động và di dân định cư vì kinh tế, cả hai điểm đều thiết thực cho mục vụ trong mọi cộng đoàn di dân.

²² Peter Sam Nguyen, *Vietnamese Conversion to Christianity: The Impact of the Refugee Experience*. VDM Verlag, 2009; trang 70-72.

* **Bắc Cầu và Đối Thoại**

Đức Giáo Hoàng Phanxicô, trong sứ điệp của Ngày Thế giới Di dân và Tị nạn (2015), với tựa đề “Giáo Hội không biên giới, Mẹ của mọi người,” viết: “Giáo Hội không biên giới, Mẹ của mọi người, truyền bá trên thế giới văn hóa đón tiếp và liên đới, văn hóa này chủ trương không được xem ai là người vô ích, vướng víu, và không được loại trừ ai.” Đây là hình ảnh gia đình của giáo hội, và gia đình là hội thánh tại gia, nên giáo hội – toàn cầu, địa phương, giáo xứ hay cộng đoàn – đều là gia đình của mọi người, nhất là của người di dân. “Văn hoá đón tiếp và liên đới,” ngược với “văn hoá gạt bỏ,” luôn mời gọi sự liên kết và đối thoại. Hình ảnh bắc cầu và đối thoại là biểu tượng chung của mọi sự liên hệ, đặc biệt là sự tương quan giữa vợ chồng và trong gia đình.

Như vừa nói trên, mỗi cộng đoàn di dân, và mỗi vị mục tử, là cây cầu bắc nối giữa cá nhân và đoàn thể, giữa cộng đoàn di dân và xã hội và giáo hội địa phương. Là cây cầu kết nối và đối thoại, cộng đoàn cần mở rộng, với “tâm xa tâm rộng” (tầm nhìn xa và tâm trí rộng bao dung), để đón nhận các thành viên, bất kể diện di dân nào, và để liên đới với các cộng đoàn di dân khác và với giáo hội địa phương. Và để hướng dẫn sự bắc cầu này, vị mục tử cần hiểu biết (và nếu có thể thì thông thạo) cả hai (hay ba) văn hoá và ngôn ngữ của cộng đoàn mình, cộng đoàn bạn và xã hội và giáo hội địa phương. Với các cặp hôn nhân trẻ và với các gia đình hỗn hợp (liên văn hoá và liên tôn giáo), vai trò cây cầu kết nối và đối thoại của mục tử và cộng đoàn lại càng cần hơn để họ có thể hội nhập, phát triển và thăng hoa.

Kế đến là việc bắc cầu và đối thoại với xã hội và giáo hội quê nhà. “Cây có cội, sông có nguồn, con người có quê hương (tổ tiên).” Trong bối cảnh di dân tị nạn và định cư của người Việt ở hải ngoại, việc hướng về quê hương, cầu nguyện cho quê tổ, và trợ giúp cho quê nhà là điều hầu như tất cả mọi cộng đoàn đang tích cực làm. Tuy nhiên, vì hoàn cảnh chính trị và phương cách mục vụ đôi bên có nhiều khác biệt, nên việc kết nối và đối thoại giữa hai bên còn yếu kém và cần được phát triển sâu rộng thêm. Việc này không chỉ cần thiết cho mục vụ di dân cách chung mà đặc biệt là cho mục vụ về hôn nhân và gia đình trong việc kết hôn và vô hiệu hoá hôn nhân.

Ở Mỹ, một trong những sự khác biệt về mục vụ di dân cho người Hàn và mục vụ di dân cho người Việt là đội ngũ linh mục và nữ tu. Đa số các linh mục và nữ tu người Hàn đang phục vụ trong các cộng đoàn hay giáo xứ Hàn là được sai đi từ Hàn quốc và sẽ trở về Hàn quốc làm việc sau một hay hai nhiệm kỳ. Với hội đồng giám mục Hàn quốc, mục vụ đó gọi là mục vụ “kiều bào.” Trong khi đó, hầu hết các linh mục và nữ tu người Việt đang hoạt động tại các cộng đoàn hay giáo xứ Việt Nam là người định cư ở Mỹ và thuộc vào các giáo phận hay nhà dòng tại Mỹ. Do đó, trong khi cộng đoàn di dân Việt Nam nối kết với và chịu ảnh hưởng của giáo hội địa phương nhiều hơn thì cộng đoàn di dân Hàn quốc kết nối và chịu ảnh hưởng của giáo hội quê nhà nhiều hơn.

Trong mục vụ di dân và mục vụ “kiều bào,” nhiều vị mục tử dễ nhận mạnh chiều kích tình cảm với người đồng hương xa quê nên dễ bị thiên tư với người cùng nước hơn là giữ trung lập và công bình với mọi người, nhất là khi có sự đụng độ giữa người cùng quê với người bản xứ; các ngài thường dễ theo lịch phụng vụ của giáo hội quê nhà hơn là lịch phụng vụ của giáo hội địa phương, nhất là khi các ngài không biết nhiều lắm về ngôn ngữ của quốc gia đó; và các ngài dễ du di luật lệ, ngay cả làm trái luật, cho người đồng hương. Một vài cha Hàn ở Mỹ đã làm lễ cưới cho người Hàn khi họ đã ly dị nhưng chưa được sự “vô hiệu hóa” của hôn nhân trước. Một vài cha Việt ở Hàn quốc cũng đã làm lễ cưới cho cô dâu Việt lấy chồng Việt mà cô này đã “kết hôn giả” với chồng Hàn và chưa ly dị (dù đã thành cư trú bất hợp pháp).

Trong mục vụ di dân, cả vị mục tử và cộng đoàn đều là cây cầu của sự đối thoại và hội nhập văn hoá, giúp thăng tiến trong hôn nhân và gia đình của từng cá nhân, và giúp phát triển gia đình địa phương và gia đình toàn cầu.

*** Gây/Nâng ý thức (Phát triển lương tâm)**

Một trong những điều cần thiết trong mục vụ hôn nhân và gia đình của người di dân là giúp gây và nâng ý thức về động cơ và trách nhiệm cuộc sống. Nói một cách khác, đó là một phần của sự phát triển lương tâm. Dù đời kinh tế đưa đẩy cánh bèo di dân trôi bạt, người di dân vẫn là chủ và là tác giả của cuộc đời họ. Đổ lỗi cho hoàn cảnh, dòng đời hay nghiệp chướng có thể chỉ là chạy trốn hay biện minh cho chính mình. Những vấn đề trong

hôn nhân và gia đình được liệt kê ở phần trước là những thách đố mà người di dân cần đối diện và “xem xét làm.”

Ảnh hưởng bởi văn hoá “xe máy” – “len lách, lươn lẹo, và luồn lót” để đi tới đích cách lẹ nhất và ngắn nhất – và “thủ tục đầu tiên” (tiền đầu) – với “luơng tháng hơn lương tâm và lương lậu hơn lương tháng” – người Việt di dân dễ để trôi mình theo dòng đời của chủ nghĩa kinh tế của “tiện và lợi.” Nếu luật không giữ mình thì mình phải giữ luật làm gì!

Trong bối cảnh di dân “xa quê” này – “gân mục thì đen gân đèn thì sáng” – người Việt di dân có cơ hội “xa mục gân đèn” để nhìn thấy chính mình và thấy rõ hơn rằng Thiên Chúa đã cho mình “ánh sáng” và quyền “làm con” để làm “tác giả của đời mình” (Gioan 1:9-12). Bối cảnh “xa quê” của người di dân giúp họ nhận thức, phân định, và thay đổi thái độ theo những giá trị mới và tốt mà họ thấy và học được. Phát triển lương tâm là một quá trình dài và khổ ải, nhưng rất cần thiết. Phát triển lương tâm là quá trình gây và nâng ý thức, học hỏi, rèn luyện và phân định, cùng áp dụng ý thức đó với trách nhiệm cho cá nhân và cho cộng đồng.

**** Kết**

Với Đại hội Gia đình Thế giới tại thành phố Philadelphia vào cuối tháng 9 năm nay (2015), một lần nữa hôn nhân và gia đình sẽ được đăng quang, sẽ được mổ xẻ và chia sẻ, và sẽ tiếp tục là bối cảnh sống của những “thánh gia thất” và những gia đình “thất thánh.” Sự thách đố của mục vụ, mục tử và cộng đoàn di dân là giúp những gia đình “thất thanh” (không tiếng nói) và “thất thánh” (còn xa Chúa) nhận ra chính mình, noi gương và hướng về, và trở thành những “thánh gia thất.” Như đã nói ở phần nhập, thánh gia thất không “thánh” vì hội đủ tiêu chuẩn của thước đo xã hội tôn giáo truyền thống nhưng “thánh” bởi vì họ rất “phàm” – như bất cứ gia đình di dân nào khác – và vì biết “tìm kiếm” và “thực thi ý Chúa” (Mt. 12:50).

Hôn nhân tạo nên con nít nhưng hôn nhân không phải là việc của con nít vì nó đòi hỏi sự trưởng thành và trách nhiệm của hai người lớn. Nhưng dù là người lớn, có khả năng thể lý để sinh con không nhất thiết là có khả năng tâm linh làm cha mẹ. Sự ý thức động cơ và trách nhiệm cuộc sống và trở thành cây cầu kết nối và đối thoại trong hôn nhân và gia đình càng cần thiết hơn, nhất là trong sự đa dạng và phức tạp của bối cảnh di dân.

Khi Chúa Giêsu sinh ra, Ngài sinh ra trong “máng cỏ” (Lc 2:7). Nhưng khi các nhà chiêm tinh đến gặp Chúa, họ vào “nhà” (Mt 2:11). Máng cỏ di dân biến thành nhà; hôn nhân thử thành gia đình thật; và văn hoá gạt bỏ trở nên văn hoá gặp gỡ. Nơi có Chúa thì dù là chuồng bò cũng là lâu đài. Nếu không có Chúa thì lâu đài cũng chỉ là chuồng heo cũi lợn.

Chúa Giêsu là người di dân; các nhà chiêm tinh cũng là người di dân đi tìm kiếm ánh sáng tương lai; người Việt di dân cũng đi tìm một tương lai mới, cho chính mình, cho gia đình mình, cho đất nước thân yêu, và cho tình liên đới nhân loại.

=====



Linh mục Phêrô Nguyễn Cao Sâm,
S.V.D. (Dòng Ngôi Lời), tỉnh dòng Hoa Kỳ, tiến sĩ Thần Học Mục vụ (Tâm lý Tôn giáo) (Graduate Theological Union, Berkeley, CA), hiện đang được cất cử làm Tuyên úy Cộng đoàn Công giáo Việt Nam tại tổng giáo phận Seoul, và là giảng sư tại đại chủng viện Seoul, Hàn quốc và tại Sài Gòn, Việt Nam.

CHƯƠNG II

THẦN HỌC KINH THÁNH

Thảo Kính Cha Mẹ là Luật Chúa Trong Cựu Ước.

Lm. Đinh Minh Tiên O.P., S.T.D., Biblical Theology

DẪN NHẬP

Đạo Hiếu cũng là luật Thiên Chúa truyền trong Cựu Ước: giới răn thứ tư của Thập Giới truyền con cái phải hiếu thảo với cha mẹ. Trong bài khảo cứu này, trước tiên, chúng tôi sẽ xem xét cẩn thận giới răn này trong hai văn bản chính, Maroretic Text (Do-thái) và Bản Bảy Mươi (Hy-lạp), để tìm xem Thiên Chúa truyền dạy con người làm gì. Sau đó, chúng ta sẽ tìm ra những điểm đặc biệt đi kèm với giới răn này. Kế tiếp, chúng ta sẽ đề cập đến những hình phạt dành cho ai vi phạm và những tội phạm đến giới răn này. Cựu-ước cũng liệt kê một số nghĩa vụ con cái phải làm cho cha mẹ. Sau cùng, câu chuyện nàng Ruth trong Cựu-ước dẫn chúng lòng hiếu thảo của một người con dâu người Mo-áp với bà mẹ chồng Nao-mi, người Do-thái. Chính lòng hiếu thảo của nàng Ruth đã được Thiên Chúa chúc lành, Ngài ban cho mẹ con bà có của ăn, và có con nối dõi tông đường. Tuy là dân ngoại, nàng Ruth đã được trở thành bà cố nội của vua David.

1/ Là giới răn thứ tư trong Thập Giới

Trước tiên và trên hết, hiếu thảo với cha mẹ là luật của Thiên Chúa truyền. Trong Cựu Ước, Thiên Chúa ban 10 giới luật cho dân Do-thái qua trung gian của Moses trên núi Sinai. Luật của Thiên Chúa đã ban, không ai có quyền thay đổi. Có hai đoạn trong Ngũ Kinh tường thuật trọn vẹn Thập Giới, Xuất-hành 20:2-17 và Đệ-nhị-luật 5:6-22; và có hai câu trong hai đoạn này đề cập đến giới luật thảo hiếu cha và mẹ. Chúng ta hãy xem xét cẩn thận hai câu này.

(1) Xh 20:12:

- Theo văn bản Do-thái: Chúng ta có thể dịch sang tiếng Việt như sau, “Người phải hiếu thảo với cha và mẹ người để những ngày đời của người sẽ

được kéo dài trong phần đất mà Chúa là Thiên Chúa người sẽ ban cho người.”

כִּבְדֹּת אֶת־אֲבִיךָ וְאֶת־אִמְךָ לְמַעַן יֵאָרְכּוּן יְמֶיךָ ^{WTT} **Exodus 20:12**

עַל הָאָדָמָה אֲשֶׁר־יְהוָה אֱלֹהֶיךָ נָתַן לָךְ ¹

- Theo văn bản Hy-lạp: Câu này trong Bản Bảy Mươi có thể được dịch như sau, “Người phải hiếu thảo với cha và mẹ người để người được hạnh phúc và để được sống lâu trong phần đất tốt mà Chúa là Thiên Chúa người sẽ ban cho người” (Xh 20:12).

^{LXT} **Exodus 20:12** τίμα τὸν πατέρα σου καὶ τὴν μητέρα
ἵνα εὖ σοι γένηται καὶ ἵνα μακροχρόνιος γένη ἐπὶ τῆς γῆς τῆς
ἀγαθῆς ἧς κύριος ὁ θεός σου δίδωσίν σοι ²

- Nhận xét giữa hai văn bản: Cả hai đều dùng động từ “hiếu thảo” ở thời truyền lệnh và là nguyên nhân của việc “được sống lâu.” Văn bản Do-thái chỉ có một lời hứa được sống lâu; trong khi văn bản Hy-lạp có thêm lời hứa “được hạnh phúc.”

(2) Đnl 5:16:

- Theo văn bản Do-thái: Chúng ta có thể chuyển dịch như sau: “Người phải hiếu thảo với cha và mẹ người như Chúa là Thiên Chúa đã truyền cho người để những ngày đời của người sẽ được kéo dài và để người sẽ được hạnh phúc trong phần đất mà Chúa là Thiên Chúa người sẽ ban cho người.”

כִּבְדֹּת אֶת־אֲבִיךָ וְאֶת־אִמְךָ כַּאֲשֶׁר צִוָּךְ ^{WTT} **Deuteronomy 5:16**

יְהוָה אֱלֹהֶיךָ לְמַעַן יֵאָרְיִכְךָ וְלְמַעַן יִיטֵב לָךְ עַל

הָאָדָמָה אֲשֶׁר־יְהוָה אֱלֹהֶיךָ נָתַן לָךְ ³

- Theo văn bản Hy-lạp: Câu này trong Bản Bảy Mươi có thể được dịch như sau, “Người phải hiếu thảo với cha và mẹ người theo cách thức mà

¹ K. Elliger and W. Rudolph (eds.), *Biblia Hebraica Stuttgartensia* (Stuttgart: Deutsche Bibelgesellschaft, 5th edit. with emendation by A. Schenker, 1997), 119.

² A. Rahlf, *LXX Septuaginta in BibleWorks 7* [CD-ROM] (Big Fork, MT: Hermeneutika 2002).

³ Elliger and Rudolph, *Biblia Hebraica Stuttgartensia*, 295.

Chúa là Thiên Chúa đã truyền cho người để người được hạnh phúc và để được sống lâu trong phần đất mà Chúa là Thiên Chúa người sẽ ban cho người.”

LXT **Deuteronomy 5:16** τίμα τὸν πατέρα σου καὶ τὴν μητέρα σου ὃν τρόπον ἐνετείλατό σοι κύριος ὁ θεός σου ἵνα εὖ σοι γένηται καὶ ἵνα μακροχρόνιος γένη ἐπὶ τῆς γῆς ἧς κύριος ὁ θεός σου δίδωσίν σοι⁴

- Nhận xét giữa hai văn bản: Giống như trong Xuất-hành 20:12, cả hai văn bản của Đệ-nhị-luật 5:16 đều dùng động từ “hiếu thảo” ở thời truyền lệnh và là nguyên nhân của việc “được sống lâu.” Cả hai văn bản đều có lời hứa “được hạnh phúc.” Văn bản Do-thái nhấn mạnh hiếu thảo với cha mẹ “như Chúa là Thiên Chúa đã truyền cho người;” trong khi văn bản nhấn mạnh “theo cách thức mà Chúa là Thiên Chúa đã truyền cho người.”

2/ Những điểm đặc biệt của giới răn hiếu thảo với cha mẹ

- Đây là giới răn thứ tư, đứng đầu trong bảy giới răn liên hệ đến tha nhân, nó chỉ đứng sau ba giới răn liên hệ đến Thiên Chúa. Điều này có nghĩa sự liên hệ giữa chúng ta với cha mẹ chỉ đứng sau mối liên hệ giữa chúng ta với Thiên Chúa mà thôi.

- Đây là giới răn duy nhất có kèm theo lời hứa (Eph 6:2-3)⁵: Theo văn bản của Do-thái và Hy-lạp bên trên, ai giữ giới răn này sẽ:

(1) Được sống lâu: Khi người Do-thái chưa có ý niệm rõ ràng về cuộc sống đời sau, phần thưởng được sống lâu là điều họ mong mỏi nhất.

(2) Được hạnh phúc: Có bản dịch là “được thịnh vượng hay được may lành trong cuộc sống.” Lý do chúng ta nên dịch là hạnh phúc để trùng hợp với toàn thể nội dung của Thập Giới (x/c Đnl 4:40).

- Sách Huấn-ca còn liệt kê thêm bốn phúc lành cho những ai thi hành giới răn này:

⁴ Rahlf, *LXX Septuaginta in BibleWorks 7* [CD-ROM] (Big Fork, MT: Hermeneutika 2002).

⁵ Nhóm Phụng Vụ Các Giờ Kinh, *Kinh Thánh* (Hà Nội, Việt Nam: Tôn Giáo, 2011), 2603.

(1) Được tha thứ tội lỗi: Tác giả Sách Huấn-ca dạy: “Ai thờ cha thì bù đắp lỗi lầm” (Hc 3:2)⁶ và “Lòng hiếu nghĩa với cha sẽ không bị quên lãng và sẽ đền bù tội lỗi cho con. Thiên Chúa sẽ nhớ đến con, ngày con gặp khốn khó, và các tội con sẽ biến tan như sương muối biến tan lúc đẹp trời” (Hc 3:14-15)⁷.

(2) Được nhận lời khi cầu xin: Theo tác giả Sách Huấn-ca: “Ai hiếu thảo với cha mẹ, khi cầu xin họ sẽ được lắng nghe” (Hc 3:5b).

(3) Được con cái hiếu thảo với: Tác giả Sách Huấn-ca dạy: “Ai thờ cha sẽ được vui mừng vì con cái” (Hc 3:5a).

- Ca dao Việt Nam cũng răn dạy điều này: “Sống trước đồ đâu, sống sau theo đấy.” Người bất hiếu với cha mẹ sẽ bị con cái đối xử tàn tệ hơn. Người có hiếu với cha mẹ cũng sẽ được con cái đối xử tốt đẹp.

(4) Được ơn lành tích trữ trong kho tàng:

- Tác giả Sách Huấn-ca dạy: “Ai kính mẹ thì tích trữ kho báu” (Hc 3:4). Chỗ khác ông ví những phúc lành của cha mẹ như nền tảng của căn nhà. Nếu nền tảng của nhà vững chắc, nhà sẽ bền vững muôn năm: “Vì phúc lành của người cha làm cho cửa nhà con cái bền vững, lời nguyện rửa của người mẹ làm cho tróc rữa bật nền” (Hc 3:9).

- Người Việt-nam cũng tin tưởng, “Có đức mặc sức hái mà ăn.” Tất cả những gì tốt lành làm cho cha mẹ sẽ như báu vật cất giữ trong kho tàng; khi gặp vận hạn những điều tốt lành này sẽ giải thoát một người khỏi cơn nguy khốn.

3/ Hình phạt cho những ai vi phạm giới răn này

Ai vi phạm những điều sau đây phải lãnh án chết.

(1) Đánh cha mẹ: “Ai đánh cha hoặc mẹ thì phải bị giết chết” (Xh 21:15).

(2) Cãi lời cha mẹ: Sách Đệ-nhị-luật nêu lên một trường hợp tiêu biểu:

“Khi có đứa con ngỗ nghịch và bất trị, không nghe lời cha mẹ, cha mẹ có sửa dạy, nó cũng chẳng chịu nghe, cha mẹ

⁶ Ibid., 1440.

⁷ Ibid., 1441.

nó sẽ bắt lấy nó, đưa ra cửa thành cho các kỳ mục địa phương và sẽ nói với các kỳ mục trong thành: “Con chúng tôi đây ngỗ nghịch và bất trị, không nghe lời chúng tôi, nó rượu chè phóng đảng.” Mọi người trong thành sẽ ném đá cho nó chết và nó phải chết. Anh em phải khử trừ sự gian ác, không cho tồn tại giữa anh em. Nghe chuyện ấy, toàn thể Ít-ra-en sẽ sợ” (Đnl 21:18-21).

(3) Giết cha mẹ: Chắc chắn sẽ lãnh án tử hình tức khắc vì vi phạm cả giới răn thứ bốn và thứ năm (Xh 20:12-13, Đnl 5:16-17).

4/ Những tội phạm đến giới răn thứ tư

(1) Không vâng lời: Sách Châm-ngôn khuyên con cái phải nghe lời cha mẹ: “Hãy lắng nghe cha con, đấng sinh thành ra con, đừng khinh dể mẹ con khi người già yếu.” (Cn 23:22)

(2) Khinh thường, chế giễu cha mẹ bị liệt kê là một trong các lời nguyên rủa; ai vi phạm sẽ phải bị nguyên rủa trước công chúng: “Đáng nguyên rủa thay kẻ khinh dể cha mẹ! Toàn dân sẽ thưa: A-men!” (Đnl 27:16). Tác giả Sách Châm-ngôn có lời nguyên rủa rất nặng cho ai khinh thường chế giễu cha mẹ: “Kẻ nào giương mắt chế giễu cha, và coi thường chuyện vâng lời mẹ, sẽ bị quạ ở lưng sâu móc mắt, và bị loài điều hâu rĩa thịt.” (Cn 30:17)

(3) Lấy của cha mẹ làm của mình: Nhiều người cho rằng của cha mẹ cũng là của mình, nên cứ việc tiêu xài phung phí. Tác giả Sách Huấn-ca phản đối điều này và đồng nhất ai làm điều này với phường trộm cướp: “Kẻ bóc lột mẹ cha, rồi bảo: “Đâu có tội vạ gì!,” chính hắn là bạn của quân ăn cướp.” (Cn 28:24)

(4) Bạc đãi và xua đuổi cha mẹ: “Kẻ bạc đãi cha và xua đuổi mẹ, là đứa con đốn mạt, nhuốc nhơ.” (Cn 19:26)

5/ Nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ:

(1) Vâng lời cha mẹ: Đây là nghĩa vụ nền tảng nhất trong mối liên hệ giữa con cái với cha mẹ. Nếu không có sự vâng lời, cha mẹ không thể nào dạy dỗ con theo luật của Thiên Chúa. Tuy nhiên, cha mẹ không thể bắt con

làm ngược lại với luật lệ của Thiên Chúa và ngăn cản con khi chúng muốn dâng mình để phục sự Thiên Chúa và phục vụ tha nhân.

(2) Kính trọng cha mẹ: Trong sự quan phòng của Thiên Chúa, mỗi người đều có cha mẹ để các ngài cộng tác với Thiên Chúa lo lắng và giúp đỡ con cái trong cuộc sống dương gian này, nhất là khi còn nhỏ. Tác giả Sách Huấn-ca dạy, “Người đó (con cái) phục vụ các bậc sinh thành như phục vụ chủ nhân” (Hc 3:7).

(3) Giúp đỡ cha mẹ: Tuy con cái chưa thể báo hiếu cha mẹ bằng những việc lớn lao, tác giả Sách Huấn-ca khuyên con cái trả ơn bằng những hành động nhỏ và cụ thể trong lời nói cũng như hành động:

“Hãy thảo kính cha con bằng lời nói việc làm, để nhờ người mà con được chúc phúc.” (Hc 3:8)

(4) Làm cho cha mẹ vui: Khi chưa làm được gì cho cha mẹ vui, tác giả Sách Huấn-ca khuyên con cái, “Bao lâu người còn sống, chớ làm người buồn tủi” (Hc 3:12b). Đối với tác giả, vinh quang hay tủi nhục của cha mẹ cũng là vinh quang hay tủi nhục của con cái: “Quả thật, người ta chỉ được về vang lúc cha mình được tôn kính; và con cái phải ô nhục khi mẹ mình bị khinh chê.” (Hc 3:11)

Trong Sách Sáng Thế, có một câu chuyện trong đó ông Nôê chúc dữ cho Canaan, đứa con nhỏ nhất, khi nó nhìn thấy chỗ kín của ông trong lúc ông say rượu; và chúc lành cho hai đứa con lớn vì chúng biết lấy chiếc áo choàng và đi giặt lùi để che đậy chỗ kín cho ông (St 9:18-27).

(5) Phải săn sóc khi cha mẹ đến tuổi già:

- Tác giả Sách Huấn-ca truyền, “Con ơi, hãy săn sóc cha con, khi người đến tuổi già” (Hc 3:12a). Đây là nghĩa vụ đặt trên sự công bằng. Nếu cha mẹ đã phải khổ cực hy sinh cho con cả hàng mấy chục năm trời, con cái phải công bằng trả lại bằng cách săn sóc cha mẹ khi các ngài không còn tự săn sóc mình được nữa. Tuy vậy, thánh Tô-ma A-qui-nô⁸ vẫn gọi loại công bằng này là “thiếu sự tương xứng (lack of equity),” vì một người không thể hoàn toàn đáp trả những gì cha mẹ đã làm cho anh.

⁸ T. Aquinas, *Summa Theologica IIa-IIae*, Q. 80, A. 1, English trans. by Fathers of the English Dominican Province (Allen, TX: Christian Classics, 1981) 1521.

- Tục ngữ Việt-nam cũng khuyên răn, “Trẻ cậy cha, già cậy con.” Câu này có nghĩa: khi một người còn trẻ, anh trông chờ nơi cha mọi sự; khi anh về già, anh trông mong nơi các con, vì anh không thể tự mình sống được.

(6) Phải thông cảm khi cha mẹ lú lẫn: Một trong những bệnh tật của tuổi già là bị giảm thiểu trí nhớ nên rất mau quên. Con cái không thể đối xử với cha mẹ già như những người trẻ. Tác giả Sách Huấn-ca khuyên con cái: “Người có lú lẫn, con cũng phải cảm thông, chớ cậy mình sung sức mà khinh dễ người.” (Hc 3:13a)

6/ Gương hiếu thảo trong Cựu Ước của bà Ruth, con dâu bà Naomi và bà cố nội của vua David (Rut: 1-4)⁹

Truyện được tường thuật như sau:

^{1:1} Vào thời các thủ lãnh cai trị, một nạn đói xảy ra trong xứ. Có một người cùng với vợ và hai con trai bỏ Bê-lem miền Giu-đa mà đến ở trong cánh đồng Mô-áp.² Tên người đàn ông là Ê-li-me-léc, tên người vợ ấy là Na-o-mi và tên của hai con trai là Mác-lôn và Kin-giôn. Họ là người Ép-ra-tha thuộc xứ Bê-lem miền Giu-đa. Họ đến cánh đồng Mô-áp và ở lại đó.³ Rồi ông Ê-li-me-léc, chồng bà Na-o-mi, chết đi, còn lại bà Na-o-mi và hai đứa con.⁴ Hai người này lấy vợ Mô-áp, một người tên là Oóc-pa, người kia tên là Rút. Họ ở lại đó chừng mười năm.⁵ Rồi Mác-lôn và Kin-giôn cả hai đều chết, còn lại bà Na-o-mi mất chồng, mất con.⁶ Bà lên đường cùng với hai người con dâu, bỏ cánh đồng Mô-áp mà trở về quê hương, vì tại cánh đồng Mô-áp, bà nghe nói là ĐỨC CHÚA đã viếng thăm dân Người và cho họ có bánh ăn.⁷ Vậy bà cùng với hai con dâu ra khỏi nơi họ đã ở mà lên đường trở về xứ Giu-đa. ⁸ Bà Na-o-mi nói với hai con dâu: “Thôi, mỗi người chúng con hãy trở về nhà mẹ mình. Xin ĐỨC CHÚA tỏ lòng thương chúng con, như chúng con đã tỏ lòng thương những người quá cố và mẹ! ⁹ Xin ĐỨC CHÚA cho mỗi người chúng con tìm được cuộc sống an nhàn dưới mái nhà một người chồng!” Rồi bà ôm hôn hai con dâu. Họ oà lên khóc.¹⁰ Họ thưa: “Chúng con muốn cùng mẹ trở về với dân của mẹ.”¹¹ Bà Na-o-mi nói: “Các con ơi, về đi, theo mẹ làm gì? Trong lòng mẹ còn con trai nào nữa đâu mà gả chồng cho các con.¹² Về đi,

⁹ Nhóm Phụng Vụ Các Giờ Kinh, *Kinh Thánh*, 489-94.

các con ơi! Đi đi! Mẹ quá già rồi, không còn tái giá được nữa. Cho dù mẹ có nói được: mẹ còn hy vọng, ngay đêm nay sẽ lấy chồng và sinh được con trai,¹³ thì chẳng lẽ chúng con cứ đợi mãi cho đến khi chúng lớn lên? Chẳng lẽ chúng con cứ ở vậy, không chịu lấy chồng? Không, các con ơi! Tình cảnh chúng con làm mẹ cay đắng lắm, vì tay ĐỨC CHÚA giáng phạt mẹ.”¹⁴ Hai người con dâu lại oà lên khóc. Oóc-pa ôm hôn từ giã mẹ chồng, còn Rút thì cứ khẳng khít theo bà. ¹⁵ Bà Na-o-mi nói: “Kìa chị dâu con trở về với dân tộc của nó và các thân của nó. Con cũng vậy, hãy theo chị dâu con mà về đi!”¹⁶ Rút đáp:

Xin mẹ đừng ép con bỏ mẹ mà trở về, không theo mẹ nữa, vì mẹ đi đâu, con đi đó, mẹ ở đâu, con ở đó, dân của mẹ là dân của con, Thiên Chúa của mẹ là Thiên Chúa của con. ¹⁷ Mẹ chết ở đâu, con chết ở đó, và nơi đó con sẽ được chôn cất. Xin ĐỨC CHÚA phạt con thế này và thêm thế kia nữa, nếu con lìa xa mẹ mà không phải vì cái chết!

“^{2:1} Bà Na-o-mi có một thân nhân bên họ nhà chồng, một người khá giàu, thuộc thị tộc Ê-li-me-léc. Người ấy tên là Bô-át.² Rút, người Mô-áp, nói với bà Na-o-mi: “Xin mẹ để con đi ra ruộng mót lúa đằng sau người nào có lòng nhân từ đoái nhìn con.” Bà trả lời: “Con cứ đi đi.”³ Nàng đi và đến ruộng mót lúa đằng sau thợ gặt. Nàng may mắn gặp được một thửa ruộng của ông Bô-át, người trong thị tộc Ê-li-me-léc. ⁵ Ông Bô-át nói với người tôi tớ trông coi thợ gặt: “Cô kia là người của ai thế?” ⁶ Người tôi tớ trông coi thợ gặt trả lời: “Đó là một thiếu phụ Mô-áp, người đã cùng với bà Na-o-mi từ cánh đồng Mô-áp trở về.” ⁸ Ông Bô-át nói với Rút: “Này con, con có nghe không? Đừng đi mót ở ruộng nào khác, cũng đừng rời khỏi đây, nhưng cứ theo sát các tớ gái của ta. ¹⁰ Rút liền cúi rạp xuống đất mà lạy ông, rồi nói: “Sao con lại được ông lấy lòng nhân từ đoái nhìn và quan tâm đến, dù con là một người ngoại quốc?”¹¹ Ông Bô-át đáp: “Người ta đã kể lại cho ta nghe tất cả những gì con đã làm cho mẹ chồng sau khi chồng con mất, cũng như chuyện con đã bỏ cả cha mẹ và quê hương, mà đến với một dân trước kia con không hề biết tới. ¹² Xin ĐỨC CHÚA trả công cho con vì những gì con đã làm! Chớ gì ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của Ít-ra-en, thưởng công bội hậu cho con, Người là Đấng cho con ẩn náu dưới cánh Người!” (Ruth 1:1-12)

Sau cùng, bà Naomi phác định một kế hoạch và ông Boaz cưới nàng Ruth làm vợ.

“Ông Bô-át nói với các kỳ mục và toàn dân: “Hôm nay, xin quý vị làm chứng cho là tôi tậu từ tay bà Na-o-mi tất cả những gì thuộc về ông Ê-li-me-léc, tất cả những gì thuộc về Kin-giôn và Mác-lôn.¹⁰ Và cả Rút người Mô-áp, vợ của Mác-lôn nữa, tôi cũng lấy làm vợ, để gia nghiệp người quá cố mãi mãi mang tên người đó, và để người đó khỏi bị xoá tên trong đám bà con họ hàng, cũng như trong sổ dân cư tụ họp tại cửa thành. Hôm nay, quý vị làm chứng cho điều đó.”¹¹ Toàn dân ở cửa thành và các kỳ mục đáp: “Chúng tôi xin làm chứng! Xin ĐỨC CHÚA cho người phụ nữ sắp vào nhà ông được nên giống như bà Ra-khen và bà Lê-a, cả hai bà này đã xây dựng nhà Ít-ra-en!¹² Chớ gì dòng dõi mà ĐỨC CHÚA sẽ ban cho ông, nhờ người thiếu phụ này, làm cho nhà của ông được nên giống như nhà của ông Pe-rét, là người con mà bà Ta-ma đã sinh cho ông Giu-đa!”

¹³ Vậy ông Bô-át lấy cô Rút, và nàng trở thành vợ ông. Ông đến với nàng. Nhờ ơn ĐỨC CHÚA, nàng đã thụ thai và sinh một con trai.¹⁴ Các phụ nữ nói với bà Na-o-mi: “Chúc tụng ĐỨC CHÚA, Đấng hôm nay đã không để cho bà phải thiếu người bảo tồn dòng dõi: tên tuổi con trẻ sẽ được tung hô tại Ít-ra-en!¹⁵ Nó sẽ giúp bà lấy lại sức sống, và sẽ là người nâng đỡ bà trong tuổi già, vì người con dâu biết yêu quý bà đã sinh ra nó, nàng quý giá hơn bảy đứa con trai.”¹⁷ Các bà hàng xóm láng giềng đặt tên cho đứa trẻ và nói: “Bà Na-o-mi đã sinh được một cháu trai.” Họ đặt tên cho nó là Ô-vết. Đó là cha của ông Gie-sê, là ông nội vua Đa-vít.” (Ruth 4:9-17)

KẾT LUẬN

Hiếu thảo với cha mẹ là luật của Thiên Chúa truyền cho con người phải giữ trong Cựu-ước. Đây là giới răn đứng đầu trong các giới răn liên hệ với tha nhân và là giới răn duy nhất có kèm theo hai lời hứa được sống lâu và được hạnh phúc. Ai cãi lời cha mẹ, đánh và giết cha mẹ sẽ bị tử hình. Cựu-ước cũng liệt kê một số nghĩa vụ con cái phải làm cho cha mẹ như: vâng lời, tôn kính, giúp đỡ, làm cho cha mẹ vui, săn sóc cha mẹ khi về già và thông cảm cho sự lú lẫn của các ngài.



Linh mục Đinh Minh Tiên là tu sĩ Dòng Đa-minh, tốt nghiệp tiến sĩ Thần Học Kinh Thánh tại University of Saint Thomas, Rome. Hiện đang dạy Kinh Thánh và Thần Học cho giáo dân trong giáo phận Galveston, Houston. Tác giả cũng có một website, địa chỉ loinhapthe.com. Website này chuyên về chia sẻ Lời Chúa mỗi ngày và Học Thánh Kinh.

HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH THEO THÁNH PHAOLÔ

Lm. Martin Trần Đức, S.T.D.

Thánh Phaolô sinh ra, lớn lên, sinh sống và đi lại trong xã hội Do thái cũng như Hy-La, cho nên tôi sẽ trình bày trong bài viết này quan niệm của ngài về hôn nhân và gia đình với 4 điểm chính sau đây: bối cảnh, hôn nhân, ly dị, gia đình và gia quy

1. BỐI CẢNH

1.1. Thế giới Hy-La (Hy Lạp – La Mã)

Hôn nhân trong xã hội La-mã vào thời thánh Phaolô được xem như là “nhất phu nhất phụ”/ một chồng một vợ và trọn đời, “một phối hợp suốt đời, một chia sẻ quyền lợi dân sự và tôn giáo” (xem Modestinus *Digesta* 23.2.1). Mặc dù hôn nhân thường kết thúc bởi cái chết, nhưng nó cũng có thể kết thúc bởi ý định của chồng hoặc vợ nếu họ không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa. Trong trường hợp này, người ta không đòi buộc thủ tục ly hôn hợp pháp, chỉ một khai báo gián dị là đủ rồi, vì trong đế quốc La-mã lúc đó, chồng vợ có quyền ly dị lẫn nhau.

Ngoại tình thường được định nghĩa khá hạn hẹp như một sự phối ngẫu giữa một người đàn bà có chồng với một người đàn ông khác không phải là chồng của mình. Đây là một tội nghiêm trọng, có lẽ vì nó được xem như là một sự xâm phạm trắng trợn quyền sở hữu của người chồng, bị nghiêm phạt với những hình phạt khắt khe, đôi khi với cái chết của người vợ và người phối ngẫu, hoặc thường hơn với việc hai người bị trục xuất khỏi gia đình và xã hội (xem *Lex Iulia de adulteriis coercendis*, khoảng tk. 18tr.CN).

1.2. Do thái giáo

Mặc dù thánh Phaolô sinh ra trong thế giới La-mã, nhưng ngài cũng sinh ra trong một gia đình Do thái gắn bó cứng nhắc với niềm tin và phong

tục Do thái (Pl 3:5-6)¹ trong đó Luật là nguồn giáo dục căn bản. Ngài theo trường phái Hillel, học dưới trưởng giáo sĩ Gamaliên (Cv 22:3) và gia nhập nhóm Pharisiêu, nhóm tuân giữ nghiêm ngặt Luật Môsê (thk. Pl 3:5-6). Do đó mặc dù thánh Phaolô có vẻ quen thuộc với cái nhìn và cách sống của thế giới Hy-La mà ngài là một thành phần của nó, nhưng chắc chắn tư tưởng và cách sống của ngài được hình thành bởi Do thái giáo thấm nhuần trong Cựu Ước hơn là bởi các quan niệm/tư tưởng Hy-La.²

1.2.1. Hôn nhân

Các tác giả Cựu Ước rất xem trọng hôn nhân, bởi vì họ cho rằng hôn nhân là sự trường tồn căn bản của xã hội mà Thiên Chúa đã tạo dựng nên khi Ngài dựng nên một người nam từ bụi cát và tạo thành một người nữ từ người nam để làm bạn đời độc nhất của người nam, trở nên “một xác thịt” với người nam (St 2:21-24; thk. 1:27-28). Thật sự mà nói, các phong tục tập quán được ghi chép lại trong Cựu Ước không đạt được lý tưởng này như tục đa thê, nàng hầu, vợ bị xem như là vật sở hữu của chồng, chồng được coi như là chủ của vợ. Thế nhưng những câu chuyện hôn nhân nhất phu nhất phụ của những nhân vật quan trọng như Nôê, Isaac và Giuse, vô số câu chuyện nói về những người chồng cư xử với vợ mình trong yêu thương, tôn kính, bình đẳng và trung thành, và rất nhiều lời phát biểu cho rằng hạnh phúc và thịnh vượng gia đình gắn liền với chế độ một vợ một chồng, lòng trung thành và tôn kính nói lên rõ ràng rằng lý tưởng này không bao giờ mất đi và có biết bao người trong dân Chúa cố gắng làm cho lý tưởng này trở thành một thực tế sống động (thk. 2 V 4:8-25: Êlisha và mẹ con Sunêm; Tv 128; Cn 31; Gv 9:9; Hc 25:1,8; 26:1-4, 13-18).

1.2.2. Ly dị và tái hôn

Dựa theo lý tưởng vừa nêu trên, ly dị được coi như là trái với thánh ý nguyên thủy của Thiên Chúa vì hạnh phúc của cộng đoàn giao ước và như là

¹ Trong bài viết này, các trích dẫn kinh thánh đều được trích từ Kinh Thánh Trọn Bộ Cựu Ước và Tân Ước, do Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ, Tòa Tổng Giám Mục Thành Phố Hồ Chí Minh, 1988. Các chữ viết tắt: tk. có nghĩa là thế kỷ; tr. = trước; CN = Công Nguyên; thk. có nghĩa là tham khảo.

² Xem W. R. Stegner, “Jew, Paul The,” *Dictionary of Jesus and the Gospels, A Commentary of Contemporary Biblical Scholarship*, by Joel B. Green, Scot McKnight, I. Howard Marshall, InterVarsity Press, Downers Grove, Illinois, Leicester, England, 1992, 503-511.

một hành động bị Thiên Chúa chán ghét (Ml 2:16). Tuy nhiên, Cựu Ước có thừa nhận sự bướng bỉnh của con người (thk. Mt 10:5); do đó cả ly dị và tái hôn đều được cho phép (Đnl 24:1-4).

1.2.3. Ngoại tình

Ngoại tình trong Cựu Ước, -không như tư tưởng và thông lệ ngày nay, người ta cho ngoại tình là lý do để ly dị, là tử tội phải bị ném đá hoặc bị thiêu sống (Lv 20:10; St 38:24). Đây là kết quả của sự phản bội của cả người vợ ngoại tình và nhân tình của cô ấy (Đnl 22:22-24). Hình phạt này thật nghiêm khắc là vì ngoại tình chống lại “nền móng và quyền lợi cá nhân của hôn nhân và gia đình” và “đi ngược lại lề luật của Chúa” (Xh 20, 14), đe dọa nền tảng hiện hữu của dân chúng như là dân giao ước của Thiên Chúa (xem Đnl 22:22).

1.3. Chúa Giêsu

Thánh Phaolô cũng quen thuộc về truyền thống của Chúa Giêsu. Do đó, những gì Chúa nói về hôn nhân, ly dị và ngoại tình được coi như là nền tảng của những phúc đáp của ông cho các giáo hội của ông.

1.3.1 Hôn nhân

Chúa Giêsu tái xác nhận lý tưởng về hôn nhân được sắp đặt từ ban đầu. Người dẫn dắt những người đặt câu hỏi cũng như những người nghe về lúc sáng tạo, “Lúc khởi đầu công trình tạo dựng, *Thiên Chúa đã làm nên con người có nam có nữ; vì thế, người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt*” (Mc 10:6-7; thk. St 1:27; 2:24). Rồi chính Chúa thêm vào lệnh truyền của Người, “*Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly*” (Mc 10:9). Như thế Chúa dạy rằng hôn nhân là một thần chế, do chính Thiên Chúa chúc phúc: nó là nhất phu nhất phụ, trọn đời và hợp nhất giữa 2 người -một nam và một nữ-, phối hợp bởi Thiên Chúa nên họ không còn là hai mà là một.

1.3.2. Độc thân.

Độc thân cũng là một chọn lựa đối với Chúa Giêsu. Chính Người đã chọn đời sống này: không bao giờ lập gia đình; Người còn dạy người khác là họ cũng có thể chọn đời sống độc thân vì Nước trời. Đời sống này là một đặc sủng (*charisma*) Chúa ban cho một số người nào đó (xem Mt 19:10-12).

1.3.3. Ngoại tình.

Chúa Giêsu đứng chung với Luật Môsê chống lại ngoại tình, “Chớ ngoại tình.” Nhưng Người còn đi xa hơn nữa trong 2 chiều hướng quan trọng: 1) Chúa dạy rằng nếu người nam nhìn người nữ với lòng thèm muốn thì trong lòng đã phạm tội ngoại tình với người ấy (Mt 5:27-28). Do đó đối với Chúa Giêsu, tội ngoại tình có thể phạm trong tư tưởng/trong lòng cũng như trên giường. 2) Chúa Giêsu còn dạy rằng bất cứ người chồng nào rẫy vợ mà cưới vợ khác hay bất cứ người vợ nào bỏ chồng mà lấy chồng khác cũng đều phạm tội ngoại tình (Mc 10:11). Tuy nhiên Chúa Giêsu cũng đề cập đến trường hợp ngoại lệ, “Ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp...” (Mt 19:9) như loạn luân (xem Lv 18:6-8)... Ở đây có rất nhiều quan điểm khác nhau khi chú giải câu ngoại trừ này như bằng chứng hay lý do cho phép ly dị, tiêu hôn và tái hôn.³

Là một người quen thuộc với thế giới La-mã như một công dân, là một người Do thái do bẩm sinh và được huấn luyện, là một người hết lòng theo Chúa và là vị tông đồ của Chúa Giêsu, thánh Phaolô thừa hưởng tất cả những truyền thống này từ đó ngài rèn nên tư tưởng của ngài về hôn nhân và ly dị.

2. HÔN NHÂN

2.1. Hôn nhân như bất khả xâm phạm và trường cửu

Thánh Phaolô cho rằng hôn nhân là suốt đời và sự kết hợp này là bất khả phân ly: “Luật chỉ có hiệu lực đối với người ta, bao lâu người ta còn sống. Tỉ dụ như người đàn bà có chồng, thì luật buộc theo chồng bao lâu chồng còn sống. Nhưng nếu chồng chết, thì vợ được tự do không phải giữ luật đó nữa” (Rm 7: 1-3). Đây rõ ràng là thánh Phaolô lập lại và xác nhận luật của Chúa khi ngài đề cập đến các vấn đề trong cộng đoàn Côrintô: “Còn với những người đã kết hôn, tôi ra lệnh này, không phải tôi, mà là Chúa: vợ không được bỏ chồng, mà nếu đã bỏ chồng, thì phải ở độc thân hoặc phải

³ Xem *Dictionary of Jesus and the Gospels, A Commentary of Contemporary Biblical Scholarship*, by Joel B. Green, Scot McKnight, I. Howard Marshall, InterVarsity Press, Downers Grove, Illinois, Leicester, England, 1992, 192-199.

làm hòa với chồng; và chồng cũng không được rẫy vợ” (1 Cr 7:10-11; th.k. Mc 10:11).⁴

2.2. Sự đứng đầu và hỗ trợ trong hôn nhân

Theo thánh Phaolô, chồng là đầu của vợ trong tương quan hôn nhân (1 Cr 11:3).⁵ Ở đây ngài phản ánh về phong tục tập quán thời của ngài cũng như sự hiểu biết của ngài về mệnh lệnh của Chúa; nhưng ngài khước từ bất cứ quan niệm nào cho rằng chồng là chủ của vợ mình với quyền hạn muốn làm gì thì làm về vợ như ý mình muốn. Trái lại, ngài nhấn mạnh về quyền bình đẳng và trách nhiệm hỗ trợ giữa 2 vợ chồng: “Chồng hãy làm tròn bổn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. Vợ không có quyền trên thân xác mình, nhưng là chồng; cũng vậy, chồng không có quyền trên thân xác mình, nhưng là vợ” (1 Cr 7:3-4). Quan niệm hỗ trợ này cũng được nói lên rõ ràng trong thư gửi tín hữu Êphêsô: chồng vợ nên phục tùng lẫn nhau vì tôn trọng và bổn phận đối với Chúa Kitô: vợ đối với chồng (Ep 5:21), chồng đối với vợ trong yêu thương (Ep 5:25).

Một mặt khác, chồng là “đầu của vợ” hầu vợ phục tùng chồng (xem Cl 3:18; Tt 2:5; 1 Pr 3:1) không có nghĩa là chồng có quyền cai trị vợ, nhưng là chồng được lệnh yêu thương vợ mình với tình yêu hy sinh như Chúa Giêsu đã yêu thương giáo hội. Trong ý nghĩa này, chồng cũng phải phục tùng vợ để phục vụ vợ như vợ phục tùng/phục vụ chồng. Do đó, theo thánh Phaolô, làm đầu bao giờ cũng phải được thể hiện qua sự hy sinh bản thân chứ không qua sự đòi hỏi quyền lợi cho chính mình.

2.3. Hôn nhân, Chúa Kitô và Giáo hội

Cựu Ước đã mạnh dạn diễn tả sự kết hợp giao ước giữa Thiên Chúa và Israel bằng ngôn từ hôn nhân (thk. Ed 16:8), báo trước sự linh thiêng và danh giá của hôn nhân. Theo truyền thống này, thánh Phaolô đã diễn tả mối quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng qua mối quan hệ tương tự giữa Chúa Kitô và cộng đoàn tín hữu: “Mầu nhiệm này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức

⁴ Xem J. Murphy-O'Connor, “The Divorced Woman in 1 Corinthians 7:10-11,” *JBL* 100 (1981), 601-2.

⁵⁵ Xem C.S. Keener, “Man and Woman,” *Dictionary of Paul and His Letters, A Compendium of Contemporary Biblical Scholarship*, by Gerald F. Hawthorne, Ralph P. Martin, Daniel G. Reid, InterVarsity Press, Downers Grove, Illinois, Leicester, England, 1993, 583-592.

Kitô và Hội Thánh” (Ep 5:32). Qua sự so sánh này, chúng ta thấy rằng thánh Phaolô đã thật coi trọng hôn nhân như ví dụ hoàn hảo về *henōsis*, sự hợp nhất của tình yêu vợ chồng.

2.4. Hôn nhân và giới lãnh đạo của Giáo hội

Giám mục “chỉ có một đời vợ” (tiếng Hy-lạp “*mias gynaikos andra*” (1 Tm 3:2; Tt 1:6; thk. 1 Tm 5:9) là một thành ngữ có thể được dịch ra từng chữ: “chồng của một vợ.” Đây là một thành ngữ rất khó, nên đã đưa đến nhiều cách dịch và chú giải khác nhau như: “chồng của một vợ” (giám mục phải là người có vợ), “chỉ có một đời vợ” (một người có nhiều vợ không thể làm giám mục), “chỉ cưới có một lần” (không có quyền tái hôn nếu vợ qua đời), “trung thành với một vợ của mình” (giám mục là mẫu mực như một người có vợ). Trong các cách dịch khác nhau này, tôi đồng ý với cách dịch của New American Bible: “chỉ cưới có một lần” (“*married only once*”).⁶ Điều này có nghĩa là giám mục không thể có hơn một vợ sau khi vợ qua đời.

2.5. Sự lựa chọn độc thân

Như Chúa Giêsu, thánh Phaolô tin và dạy rằng độc thân thay vì hôn nhân là một sự lựa chọn chính đáng cho Kitô hữu, vì người sống độc thân có nhiều thuận lợi phục vụ Nước Chúa hơn người có vợ hay chồng (1 Cr 7:32-35; thk. Mt 19:20-12). Chính thánh Phaolô là người độc thân như một tông đồ của Chúa, ngài rất quen thuộc với các lời của Chúa về điều này và luôn xem cuộc sống độc thân là một đặc sủng (*charisma*) của Chúa (1 Cr 7:7) không hẳn dành cho mọi người vì sứ mệnh bao la và thời gian ngắn hạn (1 Cr 7:26-35; thk. Mt 19:11).

3. LY DỊ

Thánh Phaolô nói rất ít về ly dị vì đối với ngài, hôn nhân là một quan hệ giao ước trọn đời giữa 2 vợ chồng mà căn bản của nó là ý Thiên Chúa khi

⁶ Xem *Dictionary of Paul and His Letters*, 597; *The Catholic Study Bible: New American Bible*, Oxford University Press, NY, 1991, 335; Xem Raymond Brown, *An Introduction to the New Testament*, Doubleday, NY, 1997, 647; Xem *The New Interpreter's Bible, A Commentary in Twelve Volumes, Vol. XI, 2 Corinthians, Galatians, Ephesians, Philippians, Colossians, 1 & 2 Thessalonians, 1 & 2 Timothy, Titus, Philemon*, by Leander E. Keck et al., Abingdon Press, Nashville 2000, 803-806.

Ngài tạo nên một người nam và một người nữ trong sách Sáng Thế (St 2:24; thk. Rm 7:2-3).

3.1. Hôn nhân: lý tưởng và nhượng bộ

Như Chúa Giêsu, thánh Phaolô nhận thức rằng lý tưởng hôn nhân có thể không bao giờ đạt tới. Đặc biệt khi ngài đề cập về một khủng hoảng trước mắt trong cộng đoàn Côrintô: một trong các phụ nữ của cộng đoàn này “bỏ chồng” (1 Cr 7:11); ngài phản đối bằng cách dùng lệnh của Chúa Giêsu: “vợ không được bỏ chồng” (1 Cr 7:10; thk. Mc 10:12), nhưng nếu đã bỏ chồng thì phải ở độc thân (1Cr 7: 11).

Lời phát biểu nói trên của thánh Phaolô có thể được suy luận ra từ một thực tế xã hội vào thời của ngài: khi giáo hội sống giữa thế giới Hy-La, các phụ nữ Kitô giáo, cũng như các phụ nữ ngoại đạo, cảm thấy mình được tự do trong nền văn hóa Hy-La để ly dị chồng. Điều này không bao giờ có trong xã hội Do thái nơi phát sinh Kitô giáo, trong đó đặc quyền ly dị chỉ dành cho người chồng. Lời phát biểu này cũng nói lên rõ ràng là, mặc dù phụ nữ trong nền văn hóa Hy-La có quyền tự do ly dị chồng, nhưng phụ nữ Kitô giáo thì không có quyền này, theo lệnh của Chúa Giêsu! Lệnh này áp dụng cho cả chồng lẫn vợ (1 Cr 7:11). Tuy nhiên, khi ly dị đã thực sự xảy ra, thánh Phaolô cũng nhượng bộ như Chúa Giêsu và theo một tiêu chuẩn rõ ràng: nếu ly dị có xảy ra (được phép), thì không thể tái hôn (để tránh tội ngoại tình: thk. Mc 10:11-12; Mt 5:31; Lc 16:18). Người ly dị phải ở độc thân hoặc phải làm hòa với chồng hoặc ngược lại (1 Cr 7:11).

3.2. Những trường hợp ngoại lệ

Như trường hợp Chúa Giêsu đặt ra lý tưởng cho hôn nhân (thk. Mc 10:8-12) nhưng Người có thay đổi nó vì một trường hợp ngoại lệ, “hôn nhân bất hợp pháp” (th. k. Mt 5:31-32; 19:9), trong đó người chồng/vợ “vô tội” không còn bị ràng buộc bởi mối quan hệ hôn nhân, có lý do chính đáng để tái hôn, thì thánh Phaolô cũng thiết lập một trường hợp ngoại lệ cho các Kitô hữu Côrintô gặp trở ngại tương tự. Đó là chồng hay vợ có đạo có vợ hay chồng ngoại đạo thì nên cư xử làm sao? Câu trả lời của thánh Phaolô rất phù hợp với điều ngài đã nói trước đây: tín hữu không được thay đổi trong quan hệ hôn nhân của họ; tín hữu bị ràng buộc với người phối ngẫu cho đến khi mối ràng buộc này được tháo gỡ hay hủy bỏ bởi sự chết bao lâu người ngoại

đạo đồng ý sống với người chồng hoặc vợ có đạo (1 Cr 7: 12-13). Nhưng nếu người chồng hay vợ ngoại đạo muốn bỏ hay ly dị tín hữu, tín hữu cứ để họ đi: trong trường hợp này, chồng hay vợ có đạo không bị ràng buộc bởi luật hôn nhân (1 Cr 7:15). Họ có quyền tái hôn. Đây phải nói là một trường hợp ngoại lệ cụ thể nơi cộng đoàn Côrintô, nhưng thánh Phaolô luôn giữ vững quan điểm của ngài là tín hữu không bao giờ tự mình đề xướng hay quyết định ly dị. Ngày nay còn có những trường hợp ngoại lệ tương tự khác như tàn bạo, ruồng bỏ, lạm dụng/hành hung thể lý, phá hủy có hệ thống tâm lý người phối ngẫu, v.v... tất cả những trường hợp này đều nằm ngoài sự đoán xét của thánh Phaolô; cho nên không một tín hữu nào có quyền tự quyết định về những vấn đề này nhưng phải qua thẩm quyền của giới lãnh đạo giáo hội.⁷

4. GIA ĐÌNH VÀ GIA QUY

4.1. Khái niệm về gia đình

Gia đình (*oikia*, *oikos*) là một đơn vị căn bản trong xã hội Hy-La thời thánh Phaolô. Nó bao gồm các thành viên của gia đình trực tiếp và thường nói rộng bao gồm cả các nô lệ, người tự do, đầy tớ và công nhân. Trên nguyên tắc, chủ gia đình có toàn quyền trên gia đình với các bổn phận và trách nhiệm pháp lý; nhưng mỗi ràng buộc thật sự của gia đình thường dựa trên lòng trung thành, bắt nguồn từ các yếu tố xã hội, kinh tế, tâm lý và tôn giáo. Chính gia đình là nơi cung cấp sự an toàn và căn tính cho mỗi thành viên. Dựa trên chỗ đứng quan trọng của khái niệm về gia đình vào thời của ngài, thánh Phaolô đã diễn tả hội thánh và các mối tương quan khác nhau trong hội thánh bằng những ngôn từ và khái niệm có liên quan đến gia đình.

Thánh Phaolô có nhắc đến rất nhiều về gia đình (hay “nhà”) thể tục trong các Thư của ngài (*oikia*: 1 Cr 11:22; 16:15; Pl 4:22; 1 Tm 5:13; 2 Tm 3:6; *oikos*: Rm 16:5; 1Cr 1:16; 11:34; 14:35; 16:19; Cl 4:15; 1 Tm 3:4, 5, 12; 5:4; 2 Tm 1:16; 4:19; Tt 1:11; Phm 2). Tuy nhiên, trong nhiều đoạn kinh thánh này, thánh Phaolô dùng chính danh từ gia đình hay nhà để nói về nơi các tín hữu gặp nhau để thờ phượng Chúa (Rm 16:5; 1 Cr 16:19; Cl 4:15; Phm 2)! Chính ngài đã biến đổi cái nhìn truyền thống về gia đình bằng cách

⁷ Xem G.F. Hawthorne, “Marriage and Divorce, Adultery and Incest,” *Dictionary of Paul and His Letters*, 599.

nhìn vào cộng đoàn tín hữu như là một gia đình mới của Chúa.⁸ Đặc biệt trong 1 Tm 3:15 ngài diễn tả cộng đoàn Êphêsô như là “nhà của Thiên Chúa.” Thay vì nói về tòa nhà hay nơi hội họp, thánh Phaolô dùng quan niệm gia đình hay nhà như một đơn vị xã hội bao gồm nhiều thành viên khác nhau, trong đó mỗi một thành viên đều có trách nhiệm đối với nhau và với chủ nhà, để nhấn mạnh cách cư xử thích hợp giữa các nhóm khác nhau trong giáo hội (1 Tm 2:1-7: giáo hội cách chung; 1 Tm 2:8-15: đàn ông và đàn bà; 1 Tm 3:1-7: các giám quản [*overseers*]; 1 Tm 3:8-13: các trợ tá nam và nữ [*deacons and deaconesses*]). Trong 2 Tm 2:20-21, giáo hội được so sánh như một “ngôi nhà lớn” trong đó có các đồ vật (“*vessels*”) quý giá và bình thường (tín hữu) nên được thanh tẩy chuẩn bị cho chủ nhà (Thiên Chúa) dùng đến.

Là một thành viên trong gia đình thì được bảo vệ, cảm thấy có an ninh trong ý nghĩa thuộc về. Thánh Phaolô diễn tả ý tưởng này khá rõ ràng khi ngài nói về các tín hữu gốc ngoại đạo như “người nhà của Thiên Chúa” (Ep 2:19) hay “gia đình đức tin” (Gl 6:10; thk. 1 Tm 5:8). Để gìn giữ gia đình Thiên Chúa trong trật tự và yêu thương, thánh Phaolô cò dùng đến ngôn từ “gia quy.”

4.2. Gia quy

Thánh Phaolô đề cập đến gia quy rõ ràng trong 2 đoạn kinh thánh Cl 3:18–4:1 và Ep 5:22-33 trong đó ngài nói về vai trò và địa vị của các thành viên trong giáo hội như chồng/vợ, cha mẹ/con cái, chủ/tớ với cách cư xử thích đáng như phục tùng hay vâng lời. Ngoài 2 đoạn này ra, còn những đoạn khác cũng nhắc đến gia quy với giọng điệu và thể thức tương tự: 1 Tm 2:1-15; 5:1-2; 6:1-2, 17-19; Tt 2:1-3:8; Pr 2:13-3:7; 1 Cr 14:33-35. Có rất nhiều ý kiến khác nhau về quan niệm gia quy của thánh Phaolô: một số học giả kinh thánh cho rằng gia quy của thánh Phaolô phản ánh sự nhạy cảm của ngài về những kỳ vọng rộng lớn hơn của xã hội văn hóa Hy-La thời đó; một

⁸ Xem Robert R. Wilson, “Family, The,” *The HarperCollins Bible Dictionary*, Harper San Francisco, 1996, 330.

số học giả khác cho rằng thánh Phaolô có ý muốn cho gia quy của ngài thích ứng nhiều hơn với gia quy xã hội thời đó!⁹

Khi đọc kỹ hơn gia quy của thánh Phaolô trong Ep 5:21–6:9, chúng ta thấy rằng sự phụ thuộc lẫn nhau giữa chủ và tớ dựa trên một căn bản là cả chủ và tớ đều có một Chủ trên thiên đàng (Ep 6:9). Điều này cũng được nhắc đến trong Cl 3:18–4:1, các chủ phải đối xử “công bằng và đồng đều với các nô lệ, vì biết rằng cả anh em nữa cũng có một Chủ ở trên trời” (Cl 4:1). Tình trạng nô lệ thì bị hủy bỏ trong Thư gửi Philêmôn trong đó thánh Phaolô kêu gọi Philêmôn hãy chấp nhận Ônêximô lại không những là người em trong Chúa Kitô mà còn là người em trong quan hệ xã hội và là cộng sự viên (Phm 16-17).¹⁰

Tóm lại, theo thánh Phaolô, tất cả mối quan hệ trong gia đình của Chúa bao giờ cũng đặt trên nền tảng yêu thương, bác ái, phục vụ và bình đẳng, vì tất cả tín hữu đều là con cái của một Cha trên trời và là một trong Chúa Kitô qua phép bí tích rửa Tội: “Thật vậy, nhờ đức tin, tất cả anh em đều là con cái Thiên Chúa trong Đức Kitô. Quả thế, bất cứ ai trong anh em được thanh tẩy để thuộc về Đức Kitô, đều mặc lấy Đức Kitô. Không còn chuyện phân biệt Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, đàn ông hay đàn bà; nhưng tất cả anh em chỉ là một trong Đức Kitô” (Gl 3: 26-28).

⁹ Xem P.H. Towner, “Household Codes in Paul,” *Dictionary of Paul and His Letters*, 418-419.

¹⁰ Xem S.C. Mott, “Ethics,” *Dictionary of Paul and His Letters*, 269-274.



Linh mục Martin Trần Đức

Tiến sĩ thần học kinh thánh từ Đại Học Giáo Hoàng Grêgôriô, Rôma, đã từng dạy Kinh Thánh 5 năm trong Đại Chung Viện–Đại Học thánh Patriciô, Menlo Park, San Francisco, đã xuất bản cuốn *Dẫn Nhập Vào Kinh Thánh Cựu Ước, Quyển I, Ngũ Thư và Các Sách Lịch Sử*, Santa Ana 2004.

Hiện đang giúp giáo xứ Our Lady of Guadalupe khoảng 6,000 gia đình, phục vụ với 2 thứ tiếng Anh và Tây Ban Nha, phụ trách cộng đoàn Châu Mỹ La-tinh, và hy vọng sẽ viết xong cuốn *Introduction to the New Testament, the Synoptic Gospels - Dẫn Nhập vào Kinh Thánh Tân Ước, Các Tin Mừng Nhất Lãm*, song ngữ Anh-Việt vào mùa hè năm 2015 hầu giúp các cộng đoàn dân Chúa học hỏi, biết thêm về Kinh Thánh Tân Ước.

Priscilla và Aquila: Gia Đình Kitô Hữu Gương Mẫu

Lm. Nguyễn văn Thanh, S.V.D.

Sách Tông Đồ Công Vụ tường thuật rất nhiều việc làm của Phêrô, Phaolô và những môn đệ khác, chẳng hạn như Stêphanô, Philipê, Gioan, Barnaba, Timôthê, Silas. Những môn đệ này thuộc phái nam mà rất nhiều khi đã làm cho người ta lầm tưởng rằng phái nữ không có dự phần vào công việc gây dựng và phát triển sự lớn mạnh của Giáo hội. Hơn nữa phần lớn những nam đồ đệ này lại là những người độc thân, còn những ai có gia đình lại càng thường không tham dự vào sứ mạng truyền giáo của Giáo hội. Cách suy nghĩ này sẽ khác cho tới khi chúng ta được biết đến mẫu gương của hai vợ chồng Priscilla và Aquila. Cặp vợ chồng truyền giáo di cư này đã không ngừng nghỉ mà liên tục đi đến và khai mào cũng như thành lập những giáo đoàn mới với tầm ảnh hưởng lớn mạnh trong thời sơ khai của Giáo hội Côrintô, Êphêsô, và Rôma. Mới đầu họ an cư lạc nghiệp ở Rôma nhưng đã buộc phải di tản đến Côrintô vì sắc lệnh bắt đạo của hoàng đế Claudiô năm 49 sau Công Nguyên (CE). Họ trở lại Êphêsô vì mục đích truyền giáo và sau cùng được trở về lại Rôma sau khi Claudiô đã băng hà vào năm 54 CE. Họ xây dựng lại nơi ăn chốn ở cũng như công ăn việc làm ít nhất là ba lần với ba địa điểm khác nhau. Tuy cuộc sống của họ lên đênh cùng với những chiếc lều mà họ thường dật, nhưng họ chẳng bao giờ xao lãng bổn phận rao giảng Phúc Âm của Chúa Giêsu Kitô. Hơn thế nữa, họ đã liều chính mạng sống mình vì đức tin mà họ đã được lãnh nhận và tuyên xưng.¹

Priscilla và Aquila thật là mẫu gương của người Kitô hữu sống đời Gia Đình. Chính thánh Phaolô cho biết, họ được “tất cả cộng đoàn dân ngoại trân quý” (Rm 16:4). Cho nên chúng ta không lạ gì khi cặp vợ chồng khá đặc biệt này đều được nhắc nhớ lại và trân quý bởi hai thánh sử Luca (Cv

¹ vanThanh Nguyen, SVD, *Stories of Early Christianity: Creative Retellings of Faith and History* (Liguori, MO: Liguori Publications, 2013), 95.

18:1-3, 18-19, 26-27), và Phaolô (1 Cr 16:19; Rm 16:3-5; 2 Tm 4:19). Để hiểu rõ và đánh giá đúng về tầm ảnh hưởng của cặp vợ chồng truyền giáo di cư này, chúng ta hãy nghiên cứu những đoạn Thánh Kinh đã nhắc đến họ.

Vợ Chồng Truyền Giáo Di Cư

Priscilla và Aquila được nhắc đến sáu lần trong Tân Ước: ba lần do thánh Luca (Cv 18:1-3, 18-19, 26-27); ba lần bởi Phaolô (1 Cr 16:19; Rm 16:3-5; 2 Tm 4:19). Luca luôn xưng bằng tên giễu dễ thương của bà là Priscilla. Tuy nhiên đối với Phaolô thì ngài vẫn muốn gọi đích danh là Prisca. Trong bài viết này tôi dùng tên dễ thương Priscilla như Luca vẫn thường gọi.

Trong sáu lần nhắc tên thì đã có bốn lần ghi tên bà Priscilla trước cả tên của chồng (Cv 18:18, 26; Rm 16:3; 2 Tm 4:19). Trong thời cổ đại lúc ấy khi gọi tên một phụ nữ trước tên của chồng kể là cũng hơi trái ngược với thông lệ thời đó. Có những nhà Thánh Kinh học đã nêu lên và đặt thành định đề giải thích do lý do gì đã đưa tới hiện tượng trái với thông lệ này. Có người cho rằng có thể vì bà là người giàu sang phú quý trong xã hội cho nên dùng danh xưng bằng tên riêng của bà để gọi.² Tuy nhiên, vì Priscilla cùng làm việc tay chân nặng nhọc sát cánh với chồng bà (Cv 18:3), như Murphy-O'Connor cho thấy rằng, bà ta chắc cũng không hơn gì chồng bà trong lãnh vực địa vị của xã hội cũng như sự giàu sang phú quý như có người nghĩ. Bởi vì một người đàn bà sinh ra trong một gia đình quý tộc thường không phải đụng tay vào những việc lam lũ, nặng nhọc của nghề dệt lều như vậy. Hơn nữa một người đàn bà có tiền của giàu có thì cũng chẳng cần phải lao lực như vậy, mà thường là có người hầu. Do đó, hầu hết các nhà Kinh Thánh học, kể cả Murphy-O'Connor cho rằng, tên Priscilla đã được dùng có thể là do sự uy tín nổi bật của bà được chân nhận trong Giáo Hội thời tiên khởi.³ Hay nói cách khác,

Sắc Lệnh của Hoàng Đế Claudius là gì?

- Là một sắc lệnh bắt đạo của hoàng đế Claudius vào năm 49 sau Công Nguyên. Sắc lệnh này trục xuất những Kitô hữu gốc Do thái ra khỏi Rôma, trong đó có Priscilla và Aquila.
- Những đoạn Kinh Thánh tường thuật về biến cố này được ghi trong sách Tông Đồ Công Vụ 18:1-2.

² Marie Noël Keller, *Priscilla and Aquila: Paul's Coworkers in Christ Jesus* (Collegeville, MN: Liturgical Press, 2010), xiii.

³ Jerome Murphy-O'Connor, "Prisca and Aquila: Traveling Tentmakers and Church Builders," *Bible Review* 8 (1992), 40-51.

Priscilla đảm nhận một trong những vai trò lãnh đạo trọng trách trong công việc mục vụ của Giáo Hội sơ khai lúc ấy. Tuy nhiên, sự thay phiên giữa tên của chồng và vợ được ghi trước hoặc sau như: hai lần tên của chồng là Aquila được ghi trước cho chúng ta thấy sự liên kết chặt chẽ trong mối tình vợ chồng này.⁴ Cho dù chúng ta có đưa ra những giả thuyết để phân bày cách gì đi nữa, một sự kiện không thể chối bỏ được đây là cặp vợ chồng với mẫu gương thật gắn bó cộng tác trong sứ mạng truyền giáo của họ, và họ không thể rời nhau được.

Priscilla và Aquila là ai?

- ❖ Priscilla (cũng được gọi là Prisca) là vợ của ông Aquila, nhưng tên của bà thường được ghi trước tên của chồng.
- ❖ Cặp vợ chồng này đã bị trục xuất ra khỏi Rôma do sắc lệnh của hoàng đế Claudiô năm 49 CE.
- ❖ Họ làm nghề dệt lều (hoặc đồ da), là những người bạn cùng đồng hành và cộng sự viên trên sứ mạng truyền giáo của Phaolô và đã thành lập (hoặc cùng sáng lập) cộng đoàn Kitô hữu tại Côrintô và Êphêsô.
- ❖ Priscilla và Aquila là những người giáo lý viên ưu tú vì đã giúp hướng dẫn ông Apôlô và rất nhiều người khác, và các tín hữu luôn hội họp nơi nhà của họ ở Côrintô, Êphêsô, và Rôma.
- ❖ Priscilla và Aquila được tôn vinh là thánh trong Giáo hội Chính Thống Hy Lạp (ngày 13 tháng 2) và Giáo hội Lutheran (ngày 13 tháng 2).
- ❖ Cặp vợ chồng khá đặc biệt này đều được nhắc nhớ lại và trân quý bởi thánh sử Luca (Cv 18:1-3, 18-19, 26-27), và Phaolô (1 Cr 16:19; Rm 16:3; 2 Tm 4:19).

Chúng ta được Tân Ước cho biết rất nhiều khía cạnh về cặp vợ chồng di dân trong sứ vụ truyền giáo thật độc đáo này. Những gì được trình bày sau đây là những tài liệu mà Luca và Phaolô đã ghi lại. Vì Luca cung cấp cho chúng ta nhiều tài liệu hơn bởi thế chúng ta bắt đầu với sách Tông Đồ Công Vụ: “Sau đó, [Phaolô] rời Athen đi Côrintô. Tại đây, ông gặp một người Do Thái tên là Aquila, quê ở Pontô, vừa mới từ Italia đến, cùng với vợ là Priscilla, vì hoàng đế Colaudiô (Claudius) đã ra lệnh cho mọi người Do Thái phải rời Rôma. Ông Phaolô đến thăm hai ông bà, và vì cùng nghề, nên ông ở lại nhà họ và cùng làm việc: họ làm

nghề dệt lều” (18:1-13);

⁴ Keller, *Priscilla and Aquila*, xv.

“Ông Phaolô còn ở lại Côrintô khá lâu, sau đó từ giã các anh em và vượt biển sang miền Xyria, cùng với bà Priscilla và ông Aquila. Trước đó, tại Kenkhorê, ông xuống tóc, vì có lời khẩn. Khi đến Êphêxô, ông Phaolô từ biệt hai người kia. Phần ông, ông vào hội đường và thảo luận với người Dothái” (18:18-19);

“Ông bắt đầu mạnh dạn rao giảng trong hội đường. Sau khi nghe ông nói, bà Priscilla và ông Aquila mời ông về nhà trình bày Đạo của Thiên Chúa cho ông chính xác hơn. Ông Apôlô muốn sang miền Akhaia thì các anh em khuyến khích ông và viết thư xin các môn đệ tiếp đón ông. Khi đến nơi, nhờ ơn Chúa, ông đã giúp ích nhiều cho các tín hữu” (18:26-27).

Luca ghi lại cho chúng ta ba đoạn riêng biệt nhắc đến cặp vợ chồng này. Đoạn đầu tiên diễn tả về bốn điều liên quan đến họ (Cv 18:1-3).⁵ Điều thứ nhất, Aquila và Priscilla là cặp vợ chồng và có thể là những người du khách hành hương (chứ không phải dạng nô lệ). Họ là hai người đã lấy nhau theo tục lệ của thời Rôma bấy giờ, nghĩa là đám cưới giữa hai người công dân không phải là nô lệ.⁶ Tuy nhiên, qua việc họ bị trục xuất khỏi Rôma mà không được xét xử hàm ý rằng, họ có thể không có được quyền công dân quốc tịch La-mã; mà chỉ là những người được tự do thuộc du khách hành hương mà thôi.⁷ Luca còn cho chúng ta biết Aquila là người Dothái di tản ra hải ngoại, “là dân Pácthia (Pontus).”⁸ Điều thứ hai, cặp vợ chồng này đã bị trục xuất ra khỏi Rôma do sắc lệnh của hoàng đế Claudius năm 49 CE. Điều thứ ba, họ đã di tản đến Côrintô và an cư lạc nghiệp ở đó với nghề dệt lều

⁵ William O. Walker, “The Portrayal of Aquila and Priscilla in Acts: The Question of Sources,” *New Testament Studies* 54 (2008), 479-495.

⁶ Họ lấy nhau và tại sao lại đến ở Rôma thì lại là một chuyện suy đoán khác nữa. Một giả thuyết cho rằng Aquila là một tư thương gia-phiêu lưu (ông có thể là công dân, nô lệ, hoặc là người nô lệ đã được trả tự do bởi gia đình người Rôma Acilian, mà qua công việc làm đã đưa ông tới nhà của Priscilla, người phụ nữ không thuộc dạng nô lệ đã sống ở Rôma. Xem Keller, *Priscilla and Aquila*, 3-4.

⁷ Để hiểu rõ hơn về những người Dothái sống ở Rôma trong thế kỷ thứ nhất, xem vanThanh Nguyen, SVD, “Migrants as Missionaries: The Case of Priscilla and Aquila,” *Mission Studies* 30 (2013), 193-197.

⁸ Luca ghi trong Tông Đồ Công Vụ 2:9 rằng có những người là dân Pontus hiện diện trong ngày Lễ Ngũ Tuần (Pentecost). Đây cũng có thể là những người đã hiện diện trong ngày Lễ Ngũ Tuần đã đem niềm tin đến Pontus. Cũng có thể Aquila đã có mặt trong ngày Lễ này và đã gia nhập đạo.

(và hoặc là nghề làm đồ da) vào mùa xuân của năm 50 CE.⁹ Và điều thứ tư, Phaolô đã gặp họ ở Côrintô và đã cư ngụ tại nhà của họ, cả ba đều cùng kinh doanh trong nghề dệt lều. Chúng ta biết rằng Phaolô đã đến Côrintô vào khoảng giữa năm cho tới cuối năm 50 CE. Bối cảnh này rất phù hợp với thời điểm mà Phaolô đã bị đưa ra tòa thời ông Galion (Gallio) làm thống đốc tỉnh Achaia năm 51/52 CE mà Tông Đồ Công Vụ đã ghi lại trong đoạn 18:12. Cặp vợ chồng này dường như đã là những Kitô hữu trước khi họ rời Rôma. Cũng có thể vì họ đảm trách cương vị lãnh đạo có uy thế trong Giáo Hội thời tiên khởi đó, cho nên họ đã bị trục xuất khỏi Rôma.¹⁰ Hơn nữa khi cặp vợ chồng này gặp Phaolô họ đã tìm ngay được tình liên đới, điều này làm cho chúng ta suy luận rằng, họ phải là người Kitô hữu rồi và cũng chính vì vậy mà họ đã bị trục xuất khỏi Rôma.¹¹ Nếu sự suy luận của chúng ta đúng thì Aquila và Priscilla chính là những người đã thành lập cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi ở Côrintô, bởi vì họ đến Côrintô trước Phaolô.¹²

Trong lần mô tả thứ hai (Cv 18:18-19), Luca cho chúng ta biết Priscilla và Aquila là những người bạn đồng hành và cộng sự viên trên sứ

⁹ Murphy-O'Connor ("Prisca and Aquila," 50) gợi ý rằng Priscilla và Aquila bị trục xuất ra khỏi Rôma vào năm 41 CE và họ đã đến ở Côrintô khoảng mười năm.

¹⁰ Những tài liệu lịch sử ghi nhận rằng không phải tất cả mọi người Dothái hoặc là người Dothái Kitô hữu bị trục xuất ra khỏi Rôma, nhưng chỉ trục xuất những người "đầu sỏ" và số người bị trục xuất rất nhỏ; chứ nếu là sự trục xuất "tất cả người Dothái" như Luca ghi lại thì con số này lên đến hai mươi tới ba mươi ngàn người. Một sự trục xuất như vậy sẽ gây rối loạn và gây những xáo trộn khủng khiếp. Vì vậy các nhà sử gia chỉ phỏng đoán rằng chỉ có một số nhỏ người Dothái Kitô hữu, hoặc là những người đứng đầu trong hàng ngũ lãnh đạo mà thôi chứ không phải tất cả. Xem John M. G. Barclay, *Jews in the Mediterranean Diaspora: From Alexander to Trajan (323 BCE -117)* (Edinburgh: T&T Clark, 1996), 305-6, và Leonard V. Rutgers, "Roman Policy toward the Jews: Expulsions from the City of Rome during the First Century C.E.," in *Judaism and Christianity in First-Century Rome*, edited by Karl P. Donfried and Peter Richardson (Grand Rapids, MI: William B. Eerdmans, 1998), 106.

¹¹ Kelly gợi ý rằng có thể Aquila là người Pontus đã có mặt tại Giêrusalem trong những ngày Lễ Ngũ Tuần và từ đó đem Tin Mừng đến Rôma. Việc không nhắc lên việc họ lãnh nhận phép Thánh Tẩy có thể vì họ đã được Rửa Tội trước khi họ di cư đến Côrintô. Có người cho rằng họ đã được Thánh Tẩy ở thập niên 40. Xem Murphy-O'Connor, "Prisca and Aquila," 47; Keller, *Priscilla and Aquila*, 12.

¹² Murphy-O'Connor cho rằng cặp vợ chồng này có thể đã di cư đến Côrintô khoảng năm 41 CE trong thời gian mà làn sóng trục xuất của sắc lệnh hoàng đế Claudius. Chứng minh cụ thể về giả thuyết này vẫn chưa hội đủ. Keller (*Priscilla and Aquila*, 27) tin chắc rằng cặp vợ chồng này đã có trách nhiệm thành lập cộng đoàn Kitô hữu ở Côrintô.

mạng truyền giáo của Phaolô và họ đã thành lập cộng đoàn Kitô hữu tại Êphêsô. Theo Luca, sau mười tám tháng (18:11) cùng cộng tác với Phaolô trong công việc gây dựng cộng đoàn giáo hội ở Côrintô, hai ông bà lại một lần nữa hy sinh bỏ hết mọi sự nghiệp mà họ đã gây dựng ở Côrintô để theo Phaolô di chuyển đi, với quãng đường biển từ Aegean dài khoảng 412 cây số để đến Êphêsô gây dựng giáo đoàn ở đó. Luca ghi rằng, khi đến Êphêsô, Phaolô liền từ biệt họ để xuống tàu rời Êphêsô, tức là cặp vợ chồng di cư này phải là người sáng lập cộng đoàn Kitô hữu ở Êphêsô.¹³

Trong lần mô tả thứ ba của Luca, ngài tuyên dương Priscilla và Aquila là những giáo lý viên ưu tú vì đã giúp hướng dẫn ông Apôlô, người Dothái, quê ở Alêxanria, di cư đến Êphêsô (Cv 18:26-27). Apôlô không những là người đã gia nhập đạo lâu năm mà còn là một giảng thuyết gia xuất sắc, bởi vì ông là người có tài hùng biện và thông thạo Kinh Thánh (18:24). Tuy nhiên ông chỉ biết có phép rửa của ông Gioan. Vì thế với sự hướng dẫn tài tình của cặp vợ chồng này, chỉ trong thời gian ngắn đã giúp cho Apôlô thấu hiểu Đạo của Thiên Chúa chính xác hơn và đạt được tâm huyết là lên đường rao truyền Tin Mừng ở Achaia.

Phaolô ghi lại hai đoạn Tân Ước nói về cặp vợ chồng này như sau:

- “Các Hội Thánh Axia gửi lời chào anh em. Aquila và Priscilla cùng với Hội Thánh họp tại nhà họ gửi lời chào anh em trong Chúa” (1 Cr 16:19);
- “Tôi xin gửi lời thăm chị Priscilla và anh Aquila, những người cộng tác với tôi để phục vụ Đức Kitô Giêsu; hai anh chị đã liều mất đầu để cứu mạng tôi. Không chỉ mình tôi, mà còn các Hội Thánh trong dân ngoại cũng phải mang ơn anh chị. Tôi cũng xin gửi lời thăm Hội Thánh vẫn họp tại nhà anh chị ấy” (Rm 16:3-5a).

Sự kiện thứ nhất này tìm thấy ở thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô (16:19). Có thể Phaolô đã viết thư này tại Êphêsô vào giữa thập niên 50 CE nơi Priscilla và Aquila đã tái lập sự nghiệp. Sau khi Phaolô đến từ Côrintô,

¹³ Tuy nhiên, Luca vẫn giữ vững lập trường coi Phaolô là người khởi phát lên việc sáng lập cộng đoàn mới này như được ghi trong Tông Đồ Công Vụ 18:19. Xem Keller, *Priscilla and Aquila*, 23 và Robert P. Maloney, “Priscilla and Aquila Set Out Again: A Profile of the Lay Catholic in the 21st Century,” *America Magazine* 188 no.8 (2003) 8.

ngài từ già cặp vợ chồng này ở Êphêsô để lên đường đi thành lập các giáo đoàn ở Antioch, Galatia và Phrygia (Cv 18:21). Cho đến sau này ngài mới gặp lại họ, phỏng đoán vào hành trình truyền giáo lần thứ ba của ngài (Cv 19:1). Priscilla và Aquila ở lại tiếp tục công việc gầy dựng giáo đoàn ở Êphêsô. Họ tiếp tục rao giảng về Chúa Giêsu Kitô cho nhiều người, giống như họ đã hướng dẫn Apôlô. Ngoài ra, họ cũng tiếp đón nhiều Kitô hữu khác đến dùng bữa tại nhà họ. Điều Phaolô đã nhắc tới khi viết: “cùng với Hội Thánh họp tại nhà họ” (1 Cr 16:19) cho chúng ta thấy rất có thể Phaolô đã cư ngụ nơi nhà họ trong lúc ngài viết thư thứ nhất gửi giáo đoàn Côrintô. Lời chào thăm từ Priscilla và Aquila chắc rằng sẽ được nhiều người trong giáo đoàn Côrintô đón nhận bởi vì chính họ cũng đã từng chung vai sát cánh với giáo đoàn này.

Lần thứ hai Phaolô đề cập đến cặp vợ chồng này khi ông viết lời từ già đến họ trong thư gửi tín hữu Rôma (16:3-5a). Thư này có thể đã được viết khoảng năm 56 hoặc 57 CE khi Priscilla và Aquila đã trở về lại Rôma.¹⁴ Trong lời tường thuật vắn tắt của Phaolô, ngài đã làm nổi bật bốn đặc điểm về sứ mạng truyền giáo của cặp vợ chồng này. Đầu tiên, ngài coi họ là những “cộng sự viên” trong Chúa Giêsu Kitô. Thứ hai, họ là những người đã “liều mất đầu” để cứu Phaolô qua quá trình bệnh đỡ và trung thành sống chết với Phaolô. Thứ ba, Phaolô và “tất cả các hội thánh trong dân ngoại” đều mang ơn cặp vợ chồng này. Và sau cùng, các tín hữu luôn hội họp nơi nhà của họ ở Rôma,¹⁵ cũng giống như thời họ còn định cư tại Êphêsô (1 Cr 16:19) và ở Côrintô (Cv 18:1-3).

Đoạn thánh thư cuối cùng liên quan đến cặp vợ chồng giáo dân độc đáo này được ghi lại trong thư thứ hai gửi Timôthê: “Xin gửi lời thăm chị Priscilla và anh Aquila, và gia đình anh Ônêxiphôrô” (4:19). Thư này được coi là thư do chính đề đệ của Phaolô viết chứ không do chính tay Phaolô. Trong thời đại ấy người ta dùng danh người khác mà viết thư là việc thường

¹⁴ Sau khi Claudius băng hà, cặp vợ chồng này cùng với những người Kitô hữu gốc Dothái có thể đã trở về lại Rôma sau sau biến cố của năm 54 CE.

¹⁵ Nhà thờ của Priscilla và Aquila ở Rôma được coi là một nhà thờ được xây trên chóc “ngôi nhà” cổ xưa của cặp vợ chồng truyền giáo này; nơi mà họ vẫn thường tụ họp. Bên trong nhà thờ có một phong hình miêu tả quang cảnh Phêrô làm Phép Thánh Tây cho Priscilla. Xem <http://www.mostholynname.org/stationchurches/sc42.htm> (accessed on November 19, 2014).

tình. Dù gì đi nữa, tác giả của thư này đã gửi lời chào thăm Priscilla và Aquila, những người được mô tả là “trung tín trong việc mục vụ với Timôthê tại Êphêsô.”¹⁶ Thư thứ nhất gửi Timôthê (1:3) cho chúng ta biết Timôthê cư ngụ tại Êphêsô.¹⁷ Từ điều tưởng chừng như không đáng kể này, chúng ta nhận ra thêm một chi tiết rõ hơn, đó là cặp vợ chồng truyền giáo này lại một lần nữa di cư đến Êphêsô. Hơn nữa, vì họ luôn được gửi lời chào thăm trước, điều này chứng tỏ rằng sự trân quý mà tác giả lá thư cũng như những Kitô hữu khác đã dành cho họ.

Với dữ kiện là có ba tác giả của Tân Ước ghi lại sáu lần về Priscilla và Aquila cho chúng ta thấy cặp vợ chồng này có tầm ảnh hưởng rất lớn trong đời sống của Giáo Hội tiên khởi. Họ là những Kitô hữu có tinh thần và nhiệt tâm truyền giáo thật phi thường, xứng đáng là mẫu gương cho chúng ta suy tư và noi theo. Để tóm tắt lại, sau đây là những dữ kiện chúng ta được biết về cặp vợ chồng này:

- Họ là cặp vợ chồng trở nên Kitô hữu từ Do Thái giáo
- Bị trục xuất ra khỏi Rôma bởi vì họ theo Đức Kitô và vì lại là một trong những lãnh đạo “trùm sò” trong hội thánh
- Họ làm nghề dệt lều (và/hoặc là nghề làm đồ da)
- Là những người tỵ nạn sống xa quê ở Côrintô và Êphêsô
- Họ là những nhà truyền giáo và “cộng sự viên” của Phaolô
- Họ là hai người thành lập (cùng sáng lập) giáo hội ở Côrintô và Êphêsô
- Là người huấn giáo và dạy giáo lý cho Apôllô người đã sẵn có tài hùng biện
- Là những nhà giáo huấn, lãnh đạo, hiếu khách, đã dùng nhà mình làm nhà nguyện cho mọi người tại Côrintô, Êphêsô, và Rôma
- Cộng sự viên của Timôthê ở Êphêsô
- Được Phaolô, Timôthê, và toàn thể các giáo hội dân ngoại quý mến.

Mẫu Gương Của Đời Sống Hôn Nhân Vợ Chồng

¹⁶ Keller, *Priscilla and Aquila*, 55.

¹⁷ Thánh thư này được viết vào khoảng cuối thế kỷ thứ nhất hoặc đầu thế kỷ thứ hai.

Một đặc điểm đáng ghi nhớ ở phần kết thúc này đó là Priscilla và Aquila đã là một mẫu gương tuyệt vời của người di cư với sứ mạng truyền giáo, vì họ không ngại ngừng trong việc đem hạt giống đức tin của mình gieo bất cứ nơi nào họ đến. Aquila xuất thân từ Pontus và đã di cư đến Rôma, chính nơi đây có thể ông đã gặp và đính hôn với Priscilla. Đang khi ở Rôma họ lại bị buộc phải di cư tới Côrintô do sắc lệnh cấm đạo của hoàng đế Claudiô (49 CE). Sau đó họ di chuyển đến Êphêsô (53 CE) để cùng đồng hành với Phaolô trong sứ mạng thành lập các giáo đoàn tiên khởi tại trung tâm của vùng Tiểu Á. Sau khi hoàng đế Claudiô băng hà họ đã trở lại Rôma (58 CE). Theo thư thứ nhất gửi Timôthê, họ thực sự *tự nguyện* trở về lại Êphêsô (khoảng 64 CE) để tiếp tục công việc truyền giáo. Điều này cho chúng ta thấy cặp vợ chồng này cứ liên tục trên hành trình chứ không ngừng nghỉ. Với những vật dụng cùng di chuyển thường xuyên như dùi, đinh, kim, chỉ sợi, họ vẫn có thể thích ứng một cách dễ dàng nơi những vùng đất mới mà họ đặt chân đến. Trên hành trình đó đây của họ, dù tình nguyện hay miễn cưỡng, cặp vợ chồng di dân này thành lập một số giáo đoàn, ít nhất là trong ba thành phố. Họ còn cộng tác với tông đồ Phaolô và ông Timôthê, giáo huấn cho Apôlô và những người khác. Nhà của họ trở nên nhà nguyện và là trung tâm nơi đón tiếp nhiều Kitô hữu. Hoàn cảnh sống của Priscilla và Aquila cho chúng ta một mô hình của người di dân truyền giáo trong giáo hội tiên khởi cũng như trong hiện tại. Priscilla và Aquila cho chúng ta thấy mẫu gương của người Kitô hữu di cư, cho dù đó là do bởi sự bắt buộc hay tự nguyện, họ vẫn có thể cộng tác với chương trình truyền giáo vĩ đại và cao cả của Chúa để mở mang Giáo hội.¹⁸

Hơn nữa, cuộc đời và hành trình truyền giáo của Priscilla và Aquila còn giúp chúng ta nhận thức được rằng sự mở rộng và phát triển của công cuộc truyền giáo của Giáo Hội sẽ không thực sự thành công nếu không có sự cộng tác đặc lực của những cặp vợ chồng giáo dân giống như Priscilla và Aquila. Thật vậy, trong Tông Đồ Công Vụ có ghi rõ rằng, Phaolô không là một người độc hành trên hành trình truyền giáo của ngài, nhưng ngài có rất nhiều cộng sự viên đặc lực và thân tín.¹⁹ Những người này có cả nam lẫn nữ, họ là: Barnaba, Luca, Gioan-Marcô, Titô, Timôthê, Sila, Lydia, Apollô,

¹⁸ Nguyen, "Migrants as Missionaries," 205-206.

¹⁹ Nguyen, *Stories of Early Christianity*, 102-6.

Phoebe, Priscilla và Aquila. Rõ ràng, Priscilla và Aquila là cặp vợ chồng trong những cộng sự viên đặc lực và thân tín đó. Vì thế chúng ta không ngạc nhiên khi Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI gọi Priscilla và Aquila là cặp vợ chồng Kitô hữu nổi bật trong Tân Ước, họ chính là “mẫu gương của đời sống hôn nhân vợ chồng.”²⁰

Bibliography:

Barclay, John M. G. *Jews in the Mediterranean Diaspora: From Alexander to Trajan (323 BCE – 117 CE)*. Edinburgh: T&T Clark, 1996.

Keller, Marie Noël. *Priscilla and Aquila: Paul's Coworkers in Christ Jesus*. Collegeville, Minnesota: Liturgical Press, 2010.

Maloney, Robert P. “Priscilla and Aquila Set Out Again: A Profile of the Lay Catholic in the 21st Century.” *America Magazine* 188 (8.2003) 7–9.

Murphy-O'Connor, Jerome. “Prisca and Aquila: Traveling Tentmakers and Church Builders.” *Bible Review* 8 (1992) 40–51, 62.

Nguyen, vanThanh, SVD. “Migrants as Missionaries: The Case of Priscilla and Aquila.” *Mission Studies* 30 (2013) 192-205.

_____. *Stories of Early Christianity: Creative Retellings of Faith and History*. Liguori, MO: Liguori Publications, 2013.

Pope Benedict XVI. Address at the general audience on February 7, 2007. See <http://www.ewtn.com/library/papaldoc/b16ChrstChrch29.htm> [accessed on December 4, 2014].

Rutgers, Leonard V. “Roman Policy toward the Jews: Expulsions from the City of Rome during the First Century C.E.” In *Judaism and Christianity in First-Century Rome*, edited by Karl P. Donfried and Peter Richardson, 93–116. Grand Rapids, MI: William B. Eerdmans, 1998.

Walker, William O. “The Portrayal of Aquila and Priscilla in Acts: The Question of Sources.” *New Testament Studies* 54 (208) 479–495.

²⁰ Muốn có bài diễn từ của Đức Thánh Cha Benedict XVI nói hôm mừng 7 tháng Hai, 2007, xem <http://www.ewtn.com/library/papaldoc/b16ChrstChrch29.htm> [accessed on December 4, 2014].



Linh mục Nguyễn Văn Thanh, S.V.D., S.Th.D, tiến sỹ thần học Kinh Thánh. Hiện là giáo sư Kinh Thánh Tân Ước, giáo sư hướng dẫn chương trình Cao Học Thần Học Mục Vụ tại Liên Trường Thần Học Công Giáo Chicago (Catholic Theological Union), là linh mục dòng Ngôi Lời, và phụ chủ bút cho *Journal of the International Association of Mission Studies*. Cha xuất bản cuốn *Peter and Cornelius: A Story of Conversion and Mission* (2012) và *Stories of Early Christianity* (2013), và cùng chủ biên cuốn *God's People on the Move: Biblical and Global Perspectives on Migration and Mission* (2014).



CHƯƠNG III
THẦN HỌC TÍN LÝ
VÀ BÍ TÍCH

Tính Bất Khả Phân Ly Trong Hôn Nhân

Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S.

I. Giới thiệu

Gia đình là đơn vị căn bản của xã hội, là giáo hội thu nhỏ.¹ Khi gia đình hạnh phúc thì xã hội bình an. Khi gia đình gặp khủng hoảng thì xã hội cũng gặp loạn lạc.² Nhận ra những khủng hoảng trầm trọng của hôn nhân và gia đình trong hiện tại, đức thánh cha Phanxicô đã triệu tập Thượng Hội Đồng Giám Mục tại Roma từ ngày 4 đến 19 tháng 10 năm 2014 nhằm tìm ra một giải pháp mục vụ hữu hiệu cho tín hữu.³

Trong bài này, chúng ta tìm hiểu tính bất khả phân ly của hôn nhân. Và để làm sáng tỏ vấn đề, chúng ta cần hiểu một vài từ ngữ và ý tưởng trước khi đào sâu bài viết.

Cụm từ *tính bất khả phân ly* được dùng để chỉ ràng buộc hôn nhân không thể bị tiêu hủy hay chia cắt.⁴ Khả năng này chỉ được áp dụng và hiểu cách đúng nghĩa cho những trường hợp tái hôn sau khi ly dị mà thôi: liệu hôn nhân với người đang còn sống (mà đã chia tay) có còn hiệu lực/ ràng buộc không? Nếu hôn nhân bất hạnh phải kết thúc trong ly dị (về mặt luật đời hay theo phong tục, tập quán địa phương) mà hai người không tái hôn,

¹ *Giáo lý Công Giáo* số 2207.

² Khoa xã hội cho biết rằng con số ly dị của các gia đình ở Châu Âu và Bắc Mỹ trên 50%; và Giáo Hội Công Giáo cũng ghi nhận là con số ly dị của các gia đình Công Giáo cũng không khác biệt với con số chung của xã hội là bao nhiêu.

³ Sẽ có một cuộc họp nữa của Thượng Hội Đồng Giám Mục tiếp tục đề tài về Gia Đình vào tháng 10 năm 2015. Sau cuộc họp này, đức giáo hoàng Phanxicô sẽ có một tông thư với những lời dạy cụ thể liên quan đến hôn nhân và gia đình được các giám mục bàn luận trong hai năm 2014 và 2015.

⁴ Từ *tính bất khả phân ly* (*indissolubility – indissolubilité*) được nhiều người dịch khác nhau như “tính bất khả đoạn tiêu” hay “tính bất khả tiêu,” và lối dịch này sát nghĩa với thần học và giáo luật Công Giáo. Nhưng tôi vẫn muốn dùng từ *tính bất khả phân ly* để áp dụng không chỉ cho bí tích hôn nhân Kitô giáo, mà còn cho mọi hôn nhân nói chung.

thì tính bất khả phân ly không là một vấn nạn. Với Giáo Hội, ly dị được chấp nhận theo luật xã hội không xoá đi tính bất khả phân ly của hôn nhân, và vì thế, mọi tái hôn đều bị coi là vô hiệu trước mặt Giáo Hội.⁵

Thứ hai, nếu theo đúng thần học và giáo luật Công Giáo, *tính bất khả phân ly* ở đây được áp dụng cho những bí tích hôn nhân có hiệu lực và thành sự mà thôi, nghĩa là, những hôn nhân đúng theo giáo luật giữa hai người đã chịu phép rửa tội (Công Giáo, hay một Công Giáo và một Tin Lành v.v....) đồng thuận và đã “trở nên một xương một thịt” (theo nghĩa là đã có giao hợp xác thịt với nhau). Nói theo ngôn ngữ của Giáo Hội là những hôn phối *thành nhận và hoàn hợp - ratum et consummatum* - thì bất khả phân ly.⁶

Tuy nhiên, khi bàn đến tính bất khả phân ly của hôn nhân trong bài này, tôi không chỉ nói đến giáo luật và giáo lý hiện tại áp dụng cho những hôn nhân Công Giáo từ sau công đồng Trent (thế kỷ 16) khi xác định hôn nhân là một trong bảy bí tích (đã được nói đến từ thời thánh Thomas Aquinas thế kỷ 13), mà còn truy tìm lịch sử của tính bất khả phân ly trong lịch sử Giáo Hội, tìm hiểu sự hình thành và biến thể của những giải thích về tính bất khả phân ly này. Tôi cũng sẽ nói đến lập luận của hai nhóm người (thuận và chống) lời dạy này, và kết thúc bài tìm hiểu với lời dạy hiện nay của Giáo Hội.

II. Những Đoạn Kinh Thánh Đáng Chú Ý

Bài viết sẽ nhắc đi nhắc lại nhiều lần vài đoạn Thánh Kinh cần thiết tìm thấy trong Đệ Nhị Luật 24:1-4, Mark 10:2-12, Matthew 5:31-32, 19:3-12, Luke 16:18 và 1 Cor 7:10-16. Nhưng để giúp người đọc không phải mở Kinh Thánh nhiều lần, tôi xin trích một vài câu quan trọng để dễ đối chiếu:

Sách Đệ Nhị Luật: “*Nếu một người đàn ông đã lấy vợ và đã ăn ở với nàng rồi, mà sau đó nàng không đẹp lòng người ấy nữa, vì người ấy thấy nơi*

⁵ Đùng nhằm lẫn với những người đã được Giáo Hội cho phép tiêu hôn (annulment) và phán quyết là hôn nhân trước của họ đã không thành sự vì bất cứ lý do gì. Như thế, họ được lấy vợ - chồng lần sau, và được coi như lần đầu tiên (vì hôn nhân trước bất thành).

⁶ Giáo luật 1061 gọi là *Thành Nhận và Hoàn Hợp (ratum et consummatum)*. Nếu hai người đã đồng ý trao đổi lời thề hứa và cam kết lấy nhau theo đúng mọi nghi thức Kitô giáo, nhưng chưa giao hợp vợ chồng (*non consummatum*), thì hôn phối đó được phép phân ly (tiêu hôn).

nàng có điều gì chướng, thì sẽ viết cho nàng một chứng thư ly dị, trao tận tay và đuổi ra khỏi nhà. (24:1)

Mark 10:2-12 “Có mấy người Pha-ri-sêu đến gần Đức Giêsu và hỏi rằng: “Thưa Thầy, chồng có được phép rẫy vợ không?” Họ hỏi thế là để thử Người. Người đáp: “Thế ông Môsê đã truyền dạy các ông điều gì?” Họ trả lời: “Ông Môsê đã cho phép viết giấy ly dị mà rẫy vợ.” Đức Giêsu nói với họ: “Chính vì các ông lòng chai dạ đá, nên ông Môsê mới viết điều răn đó cho các ông. Còn lúc khởi đầu công trình tạo dựng, Thiên Chúa đã làm nên con người có nam có nữ; vì thế, người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly.” Khi về đến nhà, các môn đệ lại hỏi Người về điều ấy. Người nói: “Ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình đối với vợ mình; và ai bỏ chồng để lấy chồng khác, thì cũng phạm tội ngoại tình.”

Matthew 19:9 “Tôi nói cho các ông biết: Ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp, ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình.”

Matthew 5:32 “Thầy bảo cho anh em biết: ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp, ai rẫy vợ là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình.”

Luke 16:18 “Bất cứ ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị chồng rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình.”

1 Cor 7: 10-15 “Còn với những người đã kết hôn, tôi ra lệnh này, không phải tôi, mà là Chúa: vợ không được bỏ chồng, mà nếu đã bỏ chồng, thì phải ở độc thân hoặc phải làm hoà với chồng; và chồng cũng không được rẫy vợ.” Còn với những người khác, thì tôi nói -chính tôi chứ không phải Chúa-: nếu anh em nào có vợ ngoại đạo mà người này bằng lòng ở với người ấy, thì người ấy đừng rẫy vợ. Người vợ nào có chồng ngoại đạo mà người này bằng lòng ở với người ấy, thì người ấy đừng bỏ chồng..... Nếu người ngoại đạo muốn bỏ người kia, thì cứ bỏ; trong trường hợp đó, chồng hay vợ có đạo không bị luật hôn nhân ràng buộc: Thiên Chúa đã kêu gọi anh em sống bình an với nhau!”

III. Nguồn Gốc Kinh Thánh

Kinh Thánh nói gì đến tính bất khả phân ly của hôn nhân và việc tái hôn? Trước hết, ta bàn đến tính bất khả phân ly. Sách Đệ Nhị Luật ghi lại trong thời Cựu Ước, ly dị và tái hôn được chấp nhận.⁷ Khi li dị, người chồng trao cho vợ chứng thư li dị, và người vợ được tự do đi lấy chồng khác (Deut 24:1-4).⁸ Chiếu theo luật này, chỉ người chồng mới có quyền li dị, và người vợ chỉ nhận chứng thư li dị chứ không có quyền ly dị người chồng.⁹

Sau khi Chúa Giêsu sống lại, Kitô hữu quen thuộc với lời dạy: “*Sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly*” (Mk 10:9). Đọc Tin Mừng Luke 16:8, Mark 10:2-12, Matthew 5:32 và 19:3-9, các nhà kinh thánh đồng ý rằng Chúa Giêsu chắc hẳn đã đi ngược lại truyền thống của Do

⁷ Sách Đệ Nhị Luật “*Nếu một người đàn ông đã lấy vợ và đã ăn ở với nàng rồi, mà sau đó nàng không đẹp lòng người ấy nữa, vì người ấy thấy nơi nàng có điều gì chướng, thì sẽ viết cho nàng một chứng thư ly dị, trao tận tay và đuổi ra khỏi nhà.*” (Deut 24:1) Dù được ly dị, nhưng các tiên tri vẫn lên tiếng rằng Thiên Chúa không chấp nhận, như Malachi: “*Các người nói: Tại sao vậy? Bởi vì ĐỨC CHÚA là chứng nhân giữa người và người đàn bà người đã cưới trong tuổi thanh xuân. Chính người đã phản bội nó, mặc dầu nó là bạn đường và là người vợ kết ước với người. Người đã chẳng làm nên một hữu thể duy nhất có xác thịt và thần khí đó sao? Vậy hữu thể duy nhất này tìm cái gì? Một dòng dõi của Thiên Chúa. Các người hãy coi chừng và chớ phản bội người đàn bà người đã cưới trong tuổi thanh xuân. Quả thật, Ta ghét việc rẫy vợ, - ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa Ít-ra-en phán -, và kẻ lấy thói bạo tàn làm áo che thân, - ĐỨC CHÚA các đạo binh phán. Hãy coi chừng và chớ phản bội*” (Mal 2:14-16).

⁸ Nếu không có chứng thư li dị này thì dù hai vợ chồng có sống xa nhau (ly thân) thì vẫn còn coi là vợ chồng. Giấy chứng nhận ly dị được viết dưới sự hướng dẫn và chứng giám của một Rabbi (thầy tư tế), và đúng theo thủ tục Do Thái giáo (như có người làm chứng...).

⁹ Dù theo luật Do Thái, người chồng có thể li dị vợ nhưng luật cũng không cho phép người chồng li dị nếu (1) vụ không người vợ không còn trinh tiết trước khi lấy chồng (Deut 22:13 ff), và (2) chiếm đoạt người trinh tiết trước khi thực sự thành vợ chồng (Deut 22:28 ff). Thời Chúa Giêsu, có hai trường phái Rabbi diễn dịch truyền thống ly dị của Do Thái giáo khác nhau: nhóm bảo thủ theo Shammai (khoảng 50 BC – 30 AD) cho rằng chỉ với lý do nghiêm trọng như ngoại tình, gian dâm, hay tội hình sự (trộm cắp, hại người, mất đạo đức trầm trọng...) thì mới được ly dị; nhóm cởi mở theo trường phái của Hillel (khoảng 110 – 10 BC) cho rằng người chồng có thể ly dị vợ với bất cứ lý do gì như vợ nấu ăn kém, lười biếng, không còn vui vẻ... hay cả những lý do ngờ ngẩn khác. Xem thêm Gunter Stemberger và Hermann L. Strack, *Introduction to the Talmud and Midrash*, 2nd ed. trans and ed. by Markus Bockmeuhl (Edinburgh: T&T Clark, 1996) 66; Emil Schurer, *The History of the Jewish People in the Age of Jesus Christ*, vol. 2. rev. and ed. by Geza Vermes, Fergus Millar và Matthew Black (Edinburgh: T&T Clark, 1979) 363-367.

Thái lúc bấy giờ khi kêu gọi con người không được ly dị và tuyên bố tính bất phân ly của hôn nhân vợ chồng.

Tin Mừng Mark và Matthew kể khi những người Pharisiêu đến chất vấn Chúa Giêsu về việc luật Môsê cho phép ly dị và tái hôn (Mk 10:2-12; Mt 19:3-12), Ngài đã nhắc cho họ nhớ rằng ngay từ ban đầu Thiên Chúa tạo dựng con người có nam có nữ (Gen 1:27), và ý định của Thiên Chúa là kết hợp hai người nên một, mỗi người phải từ bỏ cha mẹ mình để đến với nhau (Gen 2:24). Việc Môsê cho phép rẫy vợ chỉ vì “*các ông lòng chai dạ đá, chứ thuở ban đầu, không có thể đâu*” (Mt 19:8).

Không chỉ từ chối ly dị, Chúa Giêsu còn dạy thêm “*ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình đối với vợ mình, và ai bỏ chồng để lấy chồng khác, thì cũng phạm tội ngoại tình*” (Mk 10:11-12).¹⁰ Đây được xem là bằng chứng rõ ràng nhất, mà hầu hết các nhà chú thích Kinh Thánh đồng ý rằng Chúa Giêsu khẳng định tính bất khả phân ly của hôn nhân.

Dù biết luật Môsê cho ly dị hợp pháp, Chúa Giêsu cảnh cáo những ai ly dị vợ để lấy người khác là phạm tội ngoại tình, mà tội này chỉ có thể được hiểu khi ràng buộc hôn phối vẫn còn.¹¹ Nói cách khác, dù hợp pháp khi ly dị,

¹⁰ Theo luật Do Thái, chỉ có đàn ông mới có quyền ly dị vợ. Trong khi Tin Mừng Matthew và Luke nói đến người chồng ly dị vợ và trao chứng từ ly dị, Tin Mừng Mark lại nói đến trường hợp người vợ có thể ly dị chồng, và thánh Phaolô cũng nhắc lại trong 1 Cor 7:10-11 là “*vợ không được bỏ chồng*.” Các nhà chú thích Kinh Thánh đều đồng ý rằng đây là điều không có trong Do Thái giáo bấy giờ, nhưng Mark và Phaolô thêm vào để thích nghi với đời sống mục vụ của công đoàn Kitô hữu ở Roma, nơi mà Kitô hữu quen thuộc với luật Roma và sống chung hằng ngày (và kết hôn) với dân ngoại (không là Do Thái). Xem R. H. Charles, *The Teaching of the New Testament on Divorce* (London: Williams and Norgate, 1921) 29-31; J. Schmid, *The Regensburg New Testament: The Gospel According to Mark* (Staten Island, NY: Alba, 1968) 184-185; E. Schweizer, *The Good News According to Mark* (Richmond: John Knox, 1970) 202; D. L. Dungan, *The Sayings of Jesus in the Churches of Paul* (Oxford: University Press, 1971) 11-12; và W. R. Farmer, *The Synoptic Problem* (Dillsboro, NC: Western North Carolina Press, 1976) 257.

¹¹ Tội ngoại tình trong đạo Do Thái được hiểu khác với ta ngày nay. Vì xã hội thời đó chấp nhận đa thê và còn chấp nhận người hầu, nên ăn ở với nô lệ hay người hầu với sự đồng ý của người vợ thì không bị coi là ngoại tình. Ngoại tình được hiểu là khi người chồng phản bội, không tôn trọng hay đánh lừa người vợ “tự do” ông ta đã chọn cưới mà thôi. Xem sách Lêvi 19:20 và trường hợp Abraham ở với bà Hagar Gen 16:1-16.

luật đạo của Thiên Chúa vẫn không cho phép.¹² Việc Môsê cho phép rẫy vợ chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu mục vụ khi con người yếu đuối, nhưng không thể thay thế luật Thiên Chúa đã có ngay từ ban đầu, đó là “*cả hai nên một... và không được phân ly*” (Mk 10:9; Mt 19:4-6).

Thêm vào đó, phản ứng rất ngạc nhiên của các môn đệ càng củng cố tính chính xác của những lời dạy quá nghiêm khắc của Chúa Giêsu, nếu không nói là táo bạo, vì đi ngược với lối sống bấy giờ: “*Các môn đệ thưa Người: “Nếu làm chồng mà phải như thế đối với vợ, thì thà đừng lấy vợ còn hơn” (Mt 19:10)*. Không trực tiếp trả lời câu hỏi các môn đệ, Chúa Giêsu nói đến ơn sống độc thân: “*Không phải ai cũng hiểu được câu nói ấy, nhưng chỉ những ai được Thiên Chúa cho hiểu mới hiểu. Quả vậy, có những người không kết hôn vì từ khi lọt lòng mẹ, họ đã không có khả năng; có những người không thể kết hôn vì bị người ta hoạn; lại có những người tự ý không kết hôn vì Nước Trời. Ai hiểu được thì hiểu” (Mt 19:11-12)*.

Thánh Phaolô cũng xác nhận lời Chúa Giêsu dạy qua thư gửi tín hữu Côrintô: “*Còn với những người đã kết hôn, tôi ra lệnh này, không phải tôi, mà là Chúa: vợ không được bỏ chồng, mà nếu đã bỏ chồng, thì phải ở độc thân hoặc phải làm hoà với chồng; và chồng cũng không được rẫy vợ” (1 Cor 7:10-11)*. Việc xác nhận này giúp các nhà chú thích Kinh Thánh và thần học quả quyết rằng chính Chúa Giêsu đã dạy tính bất khả phân ly trong hôn nhân.¹³ Trong đoạn trích trên, thánh Phaolô không nói đến lý do ly dị, nhưng cho dù có lý do chính đáng, Ngài vẫn kêu gọi không tái hôn. Lời dạy này được nhắc một nữa trong thư gửi tín hữu Roma: “*Vậy bao lâu chồng còn sống, mà vợ đi lấy người khác, thì sẽ bị gọi là kẻ ngoại tình. Nhưng nếu chồng chết, thì vợ được tự do không phải giữ luật đó nữa, và có đi lấy người khác, cũng không phải là ngoại tình” (Rm 7:3)*.

Tóm lại, các Tin Mừng Matthew, Mark, Luke và thư của Phaolô cho ta cơ sở vững chắc để tin rằng Chúa Giêsu đã dạy tính bất khả phân ly của hôn nhân.

¹² Xem Walter W. Wessel, *Mark: The Expositor's Bible Commentary*, vol. 8, ed. Frank E. Gaebelin (Grand Rapids, 1984) 711.

¹³ Xem George W. MacRae, S.J., *Studies in the New Testament and Gnosticism*, ed. Daniel Harrington (Wilmington, 1987) 128. Và John Murray, *Divorce* (P & R Publishing, 1987) 33.

Thứ hai, về việc tái hôn. Truyền thống Do Thái giáo cho phép tái hôn khi người phối ngẫu qua đời, hay ta thường nói “*cho đến khi sự chết chia lìa chúng ta.*” Tính bất khả phân ly được trân trọng không có nghĩa là sự gắn bó muôn đời với một người, mà chỉ bao lâu người đó còn sống mà thôi. Kitô hữu tin rằng cả Chúa Giêsu cũng không lên án việc các bà goá tái giá (trong câu chuyện một người đàn bà lấy 7 anh em làm chồng – Lk 20:29-31), nhưng Ngài chỉ nói đến con người sau khi sống lại trong nước Thiên Chúa thì sinh hoạt như thiên thần, và việc dựng vợ gã chồng không còn nữa (Mk 12:25). Thánh Phaolô cũng có cùng kết luận chấp nhận vợ lấy chồng khác khi người chồng chết (Rm 7:2-3; 1 Cor 7:8-9). Và khi giảng dạy về thời kỳ sau hết (tức thời kỳ thánh Phaolô tin là Ngài đang sống và đang chuẩn bị đón Đức Kitô trở lại lần thứ hai), thánh nhân nhấn nhủ con người ưu tiên chuyên tâm cầu nguyện, chay tịnh, sửa mình... hơn là lo dựng vợ gã chồng (điều này áp dụng cho người goá cũng như độc thân). Tuy nhiên, thánh Phaolô cũng rất thực tế khi chấp nhận việc dựng vợ gã chồng như một điều kiện bắt buộc dĩ cho những ai “*nếu không tiết dục được, họ cứ kết hôn, vì thà kết hôn còn hơn là bị thiêu đốt*” (1 Cor 7:9).

Hiểu được tính yếu đuối của con người, trong thư gửi cho Timôtê,¹⁴ thánh Phaolô đã có những lời khuyên hợp lý cho từng hoàn cảnh cá nhân (1 Tim 5:11-16). Ngài cũng khuyên các goá phụ còn trẻ nên tái giá để tránh những dịp tội khác: “*vậy tôi muốn các bà goá trẻ hãy tái giá, sinh con cái, lo việc cửa nhà; đừng để cho đối phương có dịp bởi móc*” (1 Tim 5:14).¹⁵

¹⁴ Dù trong Tân Ước thư gửi Timôtê mang tên của thánh Phaolô, nhưng các nhà Kinh Thánh ngày nay đều cho rằng thư này (cùng với thư 2 Timothy và thư cho Titus) được môn đệ hay giáo dân của thánh Phaolô viết dưới tên của Ngài, và phản ánh được những gì Phaolô muốn dạy. Thư được viết khoảng cuối thế kỷ I đến đầu thế kỷ II. Xem phần giới thiệu trong thư 1 Timothy trong *New American Bible, revised edition* (St. Benedict Press, 2011); Raymond F. Collins, *1 & 2 Timothy and Titus: A Commentary* (Westminster John Knox Press, 2004) ; Bart Ehrman, *The New Testament: A Historical Introduction to the Early Christian Writings* (Oxford University Press, 2003) 393.

¹⁵ Thời kỳ đó, các bà goá được coi như một nhóm (đoàn thể) họp nhau có tổ chức với tôn chỉ dành thời gian chú tâm lo việc nhà Chúa. Nhóm được Giáo Hội quan tâm giúp đỡ về mặt vật chất (com, áo...), và họ giúp Giáo Hội qua việc giúp các nhà truyền giáo và những tổ chức sinh hoạt khác trong Giáo Hội. Thánh Phaolô muốn những bà goá được ghi tên vào Nhóm này là những người chỉ một đời chồng, ít nhất 60 tuổi, làm nhiều việc thiện, có nhiều đức tính (1 Tim 5:9-10). Với những bà goá trẻ, Phaolô khuyên họ tái giá nếu không giữ mình được (1 Tim 5:11-14).

Điều đáng chú ý ở đây là dù tái hôn được phép, nhất là trường hợp người phối ngẫu đã chết, nhưng những cộng đoàn Kitô hữu đầu tiên vẫn ưu tiên chọn những người không tái hôn làm lãnh đạo. Trong thư gửi cho Timôtê, tác giả đưa tiêu chuẩn cho người giám quản cộng đoàn (tương đương với giám mục ngày nay) là “*người chỉ một đời vợ*” (1 Tim 3:2), và những người tự nguyện phục vụ giáo hội (trong nhóm các bà goá) là những người “*vợ của một chồng*” (1 Tim 5:9). Thánh Phaolô thì cho rằng “*nếu chồng chết rồi, thì vợ được tự do muốn lấy ai thì lấy... nhưng theo ý tôi, người ấy có phúc hơn nếu cứ ở vậy*” (1 Cor 39-40).

IV. Các Giáo Phụ Với Tính Bất Khả Phân Ly

Giáo huấn của Giáo Hội về tính bất khả phân ly trong hôn nhân được coi là rõ ràng và mang tính liên tục, nghĩa là, truyền thống Giáo Hội để lại cho thấy lời dạy về tính bất khả phân ly thật sự đến từ Chúa Giêsu, qua các tông đồ, và luôn được Giáo Hội gìn giữ tính xác thực của nó.

Với các giáo phụ trong những thế kỷ đầu, đã có nhiều ý kiến trái chiều khi diễn dịch ý tưởng này. Thánh Gregory chấp nhận tái hôn: “*Hôn nhân đầu tiên là hợp hoàn toàn với luật, hôn nhân thứ hai được dung thứ bởi ân xá, hôn nhân thứ ba là nguy hiểm. Và hôn nhân thứ tư khiến con người như con heo.*”¹⁶ Thần học gia Athenagoras (thế kỷ II) viết: “*Ai mà bỏ vợ, ngay cả khi đã chết, để lấy vợ khác là ngoại tình trá hình vì vi phạm điều Thiên Chúa đã sắp xếp, vì từ đầu Thiên Chúa tạo dựng chỉ một nam một nữ.*”¹⁷

Trong tập giáo huấn Vị Mục Tử Của Hermas (cuối thế kỷ I - đầu thế kỷ II), một tác phẩm được coi là tiêu chuẩn giáo lý và giáo luật cho Kitô hữu trong hai thế kỷ đầu của Giáo Hội, đã dạy: “*Hãy để cho người chồng ly dị bà và để người chồng sống độc thân. Nếu chồng ly dị vợ và lấy người khác, người đó phạm tội ngoại tình*”¹⁸ Justin Martyr (100-165?) cũng dạy những lời tương tự.¹⁹ Origen (184-254?) khi chú giải Tin Mừng Matthew viết: “*Một*

¹⁶ Câu này được Paul Evdokimov trích lại trong tác phẩm *The Sacrament of Love* (Crestwood, NY, 1985) 185-186.

¹⁷ Athenagoras là người chịu ảnh hưởng triết học Plato, và nhìn vấn đề tính dục cách bi quan. Phần viết này được tìm thấy trong *Supplication 33*.

¹⁸ Trích trong *The Shepherd of Hermas 4:1:6*.

¹⁹ Trong *First Apology 15* (khoảng năm 151).

người đàn bà ly dị và lấy chồng khác trong khi người chồng trước còn sống là người ngoại tình, và người đàn ông đến với người đàn bà ly dị này không phải là kết hôn, nhưng theo lời Chúa chúng ta, ông này đang phạm tội ngoại tình với bà kia”²⁰

Công đồng miền Elvira (năm 300) dạy rằng những bà nào bỏ chồng và ở với người khác sẽ không được rước lễ ngay cả khi sắp chết (canon 8). Cả trong trường hợp người chồng ngoại tình, người vợ cũng không được tái hôn. Ai tái hôn thì không được phép Rước Lễ cho đến khi xa lìa người chồng mới này (canon 9). Và nếu một người chồng ngoại (không có rủa tội) bỏ vợ mình mà không có lý do chính đáng để lấy một Kitô hữu, người vợ Kitô hữu này không được phép lấy người đàn ông đó vì như thế là chia rẽ gia đình họ. Nếu Kitô hữu lấy người ngoại đó, người vợ Kitô hữu này không được Rước Lễ, ngay cả khi nguy tử (canon 10).

Công đồng miền Arles (năm 314) dạy: “Với những ai còn trẻ và trung thành nhưng phát hiện vợ mình ngoại tình, công đồng chỉ thị rằng họ không thể tái giá bao lâu người vợ còn sống, ngay cả khi vợ ngoại tình” (canon 11).²¹

Thánh Basil Cả (330-379) viết: “Một người cưới vợ của một người khác sau khi hai người không còn ở với nhau vẫn bị coi là phạm tội ngoại tình.”²²

Thánh Ambrose thành Milan (337-397) nghiêm cấm ly dị, và nếu vì lý do chính đáng mà ly dị thì hai người không được tái hôn khi người bạn đời kia còn sống.²³ Ngài nhắc lại con người không được phân ly việc gì Thiên Chúa đã kết hợp.²⁴

²⁰ Xem *Chú Giải Matthêu - Commentaries on Matthew* 14:24 (khoảng năm 246-248).

²¹ Xem J. Gaudemet, *Concile gaulois du IVe siècle*, S. Chr. 241 (Cerf, Paris 1977); bản tiếng Latin trang 50 và 52, bản dịch tiếng Pháp trang 51 và 53. Có thể đọc thêm lý do Gaudemet cắt nghĩa tại sao ông không đồng ý với việc sửa đổi lời dịch từ Latin của P. Nautin. Muốn đọc nguyên bản luật của công đồng Arles (năm 314) về tái hôn sau khi ly dị, xem *Recherches de sciences religieuses* số 61 (1973) 353-362.

²² Xem *Second Canonical Letter to Amphilocheus* 199:37 (khoảng năm 375).

²³ Xem chú giải *Abraham 1:7:59* (khoảng năm 387).

²⁴ Xem chú giải *Commentary on Luke 8:5* (khoảng năm 389).

Thánh Jerome (347-420) cũng nhắc đến vợ chồng không được tái hôn sau khi chia tay nhau,²⁵ ngay cả khi vợ phạm tội ngoại tình, người chồng vẫn không được tái hôn khi vợ mình còn sống.²⁶

Thánh Gioan Kim Khẩu (349-407), khi chú thích Tin Mừng Matthew đã khẳng định nguyên tắc nghiêm khắc của Chúa Giêsu về tính không phân ly trong hôn nhân, viết: “Theo nguyên tắc tạo dựng và theo luật được ban cho (con người), Đức Giêsu Kitô dạy rằng người nam phải ở với người nữ luôn, và không chia tay nàng.”²⁷ Ngài khuyên Kitô hữu giữ mình, không tái giá ngay cả khi chồng chết (và được phép) vì như thế họ bất trung với người đã qua đời.²⁸

Đức giáo hoàng Innocent I (trị vì 401-417) trong thư viết năm 408 dạy: “*Chúng ta coi một phụ nữ là ngoại tình nếu bà lấy chồng lần thứ hai trong khi người chồng kia còn sống, và sẽ không cho bà đó được hưởng ân xá đền tội cho đến khi một trong hai người đàn ông qua đời.*”²⁹

Đến cuối thế kỷ thứ tư, thánh Augustine (354-430) nói rằng khi người chồng rẫy vợ vì vợ ngoại tình, và lấy một người vợ khác thì không chỉ người vợ mang tội ngoại tình mà cả người chồng cũng mang tội ngoại tình nữa. Ngài còn đi xa hơn và nói rằng cả người (vợ sau) lấy người chồng này cũng mang tội ngoại tình. Với những người chồng, nếu họ ly dị vợ dù với lý do tội gian dâm chính đáng hay chỉ tìm có lý do để lấy người khác, cả hai đều mang tội ngoại tình, nhưng người ly dị vợ vì gian dâm ít tội hơn mà thôi.³⁰ Ngài cũng cắt nghĩa rằng một phụ nữ sẽ không là vợ của một người đàn ông khác cho đến khi nàng chấm dứt làm vợ người chồng trước... và đó là khi “chồng chết chứ không phải khi chồng phạm tội gian dâm. Một người có thể bị chia lìa (ly thân) bởi tội gian dâm, nhưng ràng buộc hôn nhân vẫn còn.”³¹

²⁵ Xem thư *Letters* 55:3 (khoảng năm 396).

²⁶ Xem chú giải *Commentaries on Matthew* 3:19:9 (khoảng năm 398).

²⁷ Xem chú thích đoạn Mt 19:3-12 trong *Tin Mừng Matthew, Bài Giảng* 62.1.

²⁸ Xem Sally Dieger Shore, *John Chrysostom on Virginitiy and Against Remarriage* (Lewiston, NY, 1983) xxv.

²⁹ Xem *Letters* 2:13:15 (khoảng năm 408).

³⁰ Xem *Những Hôn Nhân Ngoại Tình - Adulterous Marriages* 1:9:9 (khoảng năm 419).

³¹ Xem *Những Hôn Nhân Ngoại Tình - Adulterous Marriages* 2:4:4. Xem thêm lời giải thích trong *Marriage and Concupiscence* 1:10:11.

Tóm lại, ta có thể thấy được rằng các giáo phụ trong những thế kỷ đầu của Giáo Hội lên án việc ly dị và tái hôn, và lời dạy các Ngài được củng cố qua lời dạy các công đồng và các giáo hoàng.³² Điều nhiều người đặt câu hỏi ở đây là liệu các giáo phụ lên án tái hôn vì tính bất khả phân ly của hôn nhân hay vì yếu tố luân lý của hôn nhân? Nói cách khác, trong các bài viết, các giáo phụ không nói đến tính bất khả phân ly mà chỉ nói đến tội khi ly dị và tái hôn, vậy tội các ngài nói đến là tội từ cảm dỗ xác thịt hay tội vi phạm ràng buộc tính bất phân ly của hôn nhân.³³

V. Tranh Luận Xét Lại Tính Bất Khả Phân Ly³⁴

Từ ngày 5-19 tháng 10 năm 2014 vừa qua, Thượng Hội Đồng Giám Mục họp ở Roma về đề tài Hôn Nhân và Gia Đình nhằm tìm hiểu những khó khăn gia đình đang đối diện, và hy vọng tìm ra những đáp ứng mục vụ thích hợp. Có nhiều ý kiến đối nghịch nhau được bàn luận trong cuộc họp đến nỗi

³² Nói như thế không có nghĩa là không có ly dị và tái hôn trong Giáo Hội (và ta sẽ bàn sau). Một số sử gia cho rằng những điều nghiêm khắc này xuất phát từ những luật áp dụng cho tu sỹ, đòi hỏi họ không được tái giá. Dần dần, nhưng luật này được áp dụng rộng rãi trong dân chúng. Để hiểu thêm sự hình thành và phát triển của những luật này, xem Alexandre Faivre, *Les laïcs aux origines de l'Église* (Le Centurion, Paris, 1984). Xem thêm Pierre Van Beneden, *Aux origines d'une terminologie sacramentelle. Ordo, ordinare, ordinatio dans la littérature chrétienne avant 313*, (Spicilegium Sacrum Lovaniense, Louvain 1974).

³³ Edward Schillebeeckx cho là các giáo phụ nói đến tội khi tái hôn là tội phạm đến luân lý trong đời sống, hay có thể xem là một loại tội gian dâm trá hình qua hình thức hôn nhân, nhưng không thấy các giáo phụ nói đến tính bất khả phân ly như ta bàn luận hiện nay. Giải thích chính thức của Giáo Hội được trích lại trong sách Giáo Lý Công Giáo lại cho là các giáo phụ biện minh chống tái hôn khi người phối ngẫu còn sống là vì các Ngài bảo vệ tính bất khả phân ly của hôn nhân. Xem sách của E. Schillebeeckx, *Marriage: Human Reality and Saving Mystery*, trans. N. D. Smith (New York: Sheed and Ward, 1965) 141, 394. Có thể đọc thêm trong Theodore Mackin, *Divorce and Remarriage* (New York: Paulist, 1984) 112-165 và 187-223.

³⁴ Gần đây tại Hoa Kỳ có hai bài viết rất giá trị nói đến những tranh luận quanh tính bất khả phân ly của hôn nhân. Bài “The Indissolubility of Marriage: Reasons to Reconsider – Tính Bất Khả Phân Ly của Hôn Nhân: Những Lý Do Đề Xét Lại” của Kenneth R. Himes, O.F.M và James A. Coriden đăng trên *Theological Studies* số 65 (năm 2004). Bài đáp lời “Indissoluble Marriage: A Reply to Kenneth Himes and James Coriden – Hôn Nhân Bất Khả Phân Ly: Trả Lời Kenneth Himes và James Coriden” của Peter F. Ryan, S.J. và Germain Grisez đăng trên *Theological Studies* số 72 (năm 2011). Hai bài viết được đánh giá cao bởi những nhà thần học và giáo luật xuất sắc đã cung cấp cho độc giả những lý luận vững chắc để bảo vệ luận điểm của mình.

sau cuộc họp, nhiều báo chí trên thế giới đã thổi phồng là Thượng Hội Đồng có sự chia rẽ giữa hai nhóm bảo thủ và cấp tiến.³⁵

Điều đáng chú ý có liên quan đến bài viết này là khi đức hồng y Walter Kasper, người được đức thánh cha Phanxicô chọn để thuyết trình đề tài chính cho Thượng Hội Đồng, đưa ra đề nghị cho phép những người ly dị và tái hôn được rước lễ. Lời đề nghị của Ngài được xem là quá cởi mở và đi ngược lại với lời dạy hiện tại của Giáo Hội, nên có nhiều chống đối cũng như ủng hộ, và cũng chính là trọng tâm của những khác biệt trong tranh luận.

Với nhóm (tạm đặt tên là bảo thủ) đề cao tính bất khả phân ly thì ly dị và tái hôn vi phạm điều luật bí tích hôn phối, và theo lời dạy hiện hành thì họ sống trong tội. Nếu Giáo Hội cho phép họ rước lễ thì chúng ta không còn tôn trọng tính bất khả phân ly trong hôn nhân.

Với nhóm (tạm đặt tên là cấp tiến) nhắm đến tinh thần mục vụ giúp đỡ người ly dị thì dù việc tái hôn vi phạm bí tích hôn phối (vì tái hôn mà không có phép tiêu hôn của Giáo Hội), nhưng họ thật sự sống trong yêu thương, trong cam kết và có trách nhiệm với con cái nên không thể xem họ là sống trong tội lỗi được.³⁶

Vậy, căn cứ vào đâu mà đức hồng y Walter Kasper có những ý kiến đó? Liệu ý kiến đó có đi ngoài lời dạy Giáo Hội không? Hay đã có trong lịch sử Giáo Hội trước đây?

³⁵ Những báo cáo phiến diện của tổng giám mục Bruno Forte của Ý đã bị truyền thông thế giới khai thác và cho là Thượng Hội Đồng đang mở cửa (dễ dàng) cho ly dị được tái hôn, cho hôn nhân đồng tính, cho những người sống thử trước hôn nhân... (nhà báo và quan sát viên John Thavis gọi đây là một *trận động đất* trong Giáo Hội). Bài báo cáo của đức hồng y Walter Kasper bị coi là nghịch lại truyền thống Giáo Hội, trong khi những phát biểu của đức hồng y Raymond Burke bị coi là cổ hủ, không thích nghi với thời đại. Thật ra, sau khi kết thúc Thượng Hội Đồng, bản báo cáo đầy đủ đã cho thấy Thượng Hội Đồng có những buổi thảo luận cởi mở, trung thực, và không hề có chuyện đi ngược lại truyền thống hay giáo lý hiện tại của Giáo Hội. Và cuộc họp của Thượng Hội Đồng Giám Mục năm sau (tháng 10/2015) sẽ tiếp tục (và đức kết) những gì đã được bàn luận trong dịp này (tháng 10/2014). Những ý kiến khác nhau nói lên sự trưởng thành và quan tâm sâu xa của hội đồng giám mục. Xem báo *L'Osservatore Romano* những số từ 15-25 tháng 10 năm 2014.

³⁶ Ở đây chúng ta nói đến những bí tích hôn nhân thành sự và hoàn hợp (*ratum et consummatum*) nhưng đã xin ly dị và tái hôn ngoài đời (được xã hội / chính quyền công nhận) mà không có phép giải tiêu hôn của Giáo Hội.

Trong phần này, chúng ta tìm hiểu lịch sử và lý do những người muốn xét lại tính bất khả phân ly.

1. Giáo Hội Sơ Khai Với Ly Dị và Tái Hôn

Khác với những người tái hôn khi người phối ngẫu qua đời, trong phần này chúng ta nói đến những người ly dị và tái hôn khi người phối ngẫu còn sống. Những người bệnh vực lý do tái hôn sau ly dị thường lấy trường hợp thánh Phaolô cho phép tín hữu Corintô như một ví dụ.

Thánh Phaolô đưa ra trường hợp những anh chị em trở thành Kitô hữu trong khi vợ hay chồng vẫn là người ngoại đạo, hay những Kitô hữu lấy người ngoại đạo, mà nếu người phối ngẫu (ngoại đạo) bằng lòng sống với Kitô hữu, thì họ không được phép ly dị. Trái lại, nếu người ngoại đạo muốn bỏ Kitô hữu, thánh Phaolô phán quyết là Kitô hữu được phép bỏ chồng hay vợ ngoại đạo: *“Nếu người ngoại đạo muốn bỏ người kia, thì cứ bỏ; trong trường hợp đó, chồng hay vợ có đạo không bị luật hôn nhân ràng buộc”* (1 Cor 7:15). Lý do Ngài đưa ra là để Kitô hữu bảo vệ đức tin và được sống bình an trong Chúa.

Điều đáng chú ý ở đây là ta không thấy thánh Phaolô nói thêm về việc tái hôn trong trường hợp này (vì người phối ngẫu vẫn còn sống), nhưng sự im lặng của Ngài đã tạo ra nhiều diễn dịch đối nghịch nhau. Một số cho rằng Ngài không cho phép tái hôn khi vợ hay chồng kia vẫn còn sống (1 Cor 7:39). Một số khác cho rằng không thấy thánh Phaolô ngăn cấm những Kitô hữu ly dị người phối ngẫu ngoại đạo và muốn tái hôn, dù thánh nhân chỉ khuyên họ tốt hơn là không tái hôn mà thôi (1 Cor 7:8, 40).

Khi cộng đoàn Kitô hữu phát triển, và các sách Tin Mừng bắt đầu hình thành (từ những năm 70-90 AD), có hai điều ta nên chú ý. Thứ nhất, nếu chỉ dựa vào Thánh Kinh mà thôi, người ta có thể diễn dịch nhiều ý nghĩa khác nhau của những lời dạy về ly dị và tái hôn, hoặc của Chúa Giêsu, hoặc của Giáo Hội. Thứ hai, những lời dạy về ly dị và tái hôn được kiện toàn qua lịch sử của Giáo Hội khi Kitô giáo đến những vùng đất mới và phải đối thoại với những thử thách mới của văn hoá, tập tục địa phương.³⁷ Ví dụ, thánh

³⁷ Michael G. Lawler, *Marriage and The Catholic Church – Disputed Questions* (Collegeville: Liturgical press, 2002) 95-97. Lawler cắt nghĩa việc thánh Phaolô và

Matthew đã không ngần ngại thêm một cụm từ vào lời Chúa Giêsu dạy “*không được ly dị ngoại trừ hôn nhân bất hợp pháp*” (Mt 19:9). Cụm từ “ngoại trừ hôn nhân bất hợp pháp” này được thêm, theo các nhà Kinh Thánh, là vì nhu cầu mục vụ của cộng đoàn thánh Matthew với nhiều người gốc Do Thái nay trở thành Kitô hữu nhưng họ vẫn còn sùng mộ và giữ luật Do Thái bao gồm cả luật ly dị (Deut 24:1-4).³⁸ Hay khi Phaolô và Mark nói đến trường hợp người vợ ly dị chồng (Mk 10:11-12; 1 Cor 7:11), độc giả ngày nay biết rằng chuyện này không thể xảy ra trong Do Thái giáo nhưng có thể xảy ra trong vùng văn hoá Hi Lạp và Roma (nơi vợ có thể ly dị chồng).³⁹

Với các giáo phụ, phản ứng về ly dị và tái hôn không đồng nhất, và không có một hệ thống thần học hay luật pháp nào rõ rệt. Tái hôn ngay khi người phối ngẫu còn sống được chấp nhận cách bất đắc dĩ thời Origen.⁴⁰ Luật khoản 8 của công đồng Nicea (năm 325) nói đến những người lấy vợ, lấy chồng lần thứ hai (*digamoi*) khi người phối ngẫu còn sống là phạm trọng tội, và họ cần làm một số những việc đền tội và hình phạt cần thiết trước khi được hoà giải lại với Giáo Hội.⁴¹

Thánh Basil Cả (330-379) khi viết thư cho giám mục vùng Caesarea, nhắc đến trường hợp một người đã ly dị vợ và lấy vợ khác, nhưng sau bảy năm thật lòng ăn năn, sám hối, ông đã được Giáo Hội tha thứ và cho phép trở lại sinh hoạt trong Giáo Hội mà không phải từ bỏ người vợ thứ hai này.

Matthêu kết hợp lời dạy Chúa Giêsu với hoàn cảnh thực tế, và với những lời khuyên đến từ cá nhân mình.

³⁸ Giới từ “*ngoại trừ*” này được chỉ tìm thấy trong tin mừng Matthew. Có hai lời giải thích cho câu này. Một số nhỏ cho rằng đây chính là lời Chúa Giêsu thực sự dạy nhưng Mark và Luke đã bỏ qua khi viết tin mừng. Nhưng nếu như thế cũng khó tin, vì không hiểu sao mà không chỉ Mark và Luke mà cả Phaolô cũng bỏ qua khi các Ngài là những người viết cho dân ngoại, đối tượng lẽ ra phải được nghe câu này. Vì thế, phần lớn các nhà Kinh Thánh đều tin là Chúa Giêsu không dạy điều “*ngoại trừ*” này mà đây là việc hiệu đính của Matthew.

³⁹ Xem chú thích Đề Nghị Luật 24:1-4, và giải thích tương tự trước đây.

⁴⁰ Trong bài chú giải Tin Mừng Matthew (khoảng năm 250), Origen cũng nói đến sự kiện một số các giám mục đương thời đã cho phép một vài ông được phép tái hôn sau khi ly dị vợ, nhưng kết luận là chắc hẳn các giám mục phải có lý do khi cho phép như thế. Xem chú giải trong *Commentaries on Matthew XIV*, 23, GCS. X, 340-341.

⁴¹ Xem bản dịch trong J. D. Mansi, ed., *Sacrorum Conciliorum Nova Collectio*, vol. II (Paris: Welter, 1903-27) 672.

Thánh Basil nói đến “đáng được tha thứ” và “sự tha thứ sẽ được ban cho ông để ông tái hội nhập với Giáo Hội.”⁴² Lý luận của thánh Basil Cả trở thành nền tảng cho những cắt nghĩa thần học của giáo hội Đông Phương khi họ chấp nhận cho việc ly dị và tái hôn như hiện nay.⁴³

Vậy căn cứ vào đâu mà có những giải thích khác nhau về việc cho phép ly dị và tái hôn này?

2. Chú Giải Lời Dạy Chúa Giêsu

Như đã nói trên, hầu hết các nhà Kinh Thánh đồng ý rằng Chúa Giêsu không chấp nhận ly dị, và dạy tính bất khả phân ly trong hôn nhân.⁴⁴ Tuy nhiên Matthew nhắc đến hai lần “không được ly dị ngoại trừ *porneia*” (tiếng Việt dịch là “ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp” (Mt 5:32 và 19:9). Việc Matthew nhắc hai lần “ngoại trừ” này khiến các nhà chú thích Kinh Thánh đặt câu hỏi: liệu đây là những trường hợp “bất hợp pháp” hay “những trường hợp không giữ được lời hứa.”⁴⁵

⁴² Xem những luật lệ St. Basil viết được dịch bởi Monica Wagner, *The Fathers of the Church 9* (New York: Fathers of the Church, 1950) 189-90. Phần biện minh cho người ly dị trở về với Giáo Hội được tìm thấy trong *Epistola LXXVIII*, PG 32.804-805.

⁴³ Thánh Gioan Kim Khẩu, dù không nói đến tái hôn, nhưng coi việc ngoại tình là nguyên nhân khiến nhiều người ly dị. Ta có thể đọc thấy trong “Bài Giảng Thứ 1 Côrintô”, và “Bài Giảng về Tin Mừng Matthew.”

⁴⁴ Một số những nhà Kinh Thánh Công Giáo hàng đầu của Hoa Kỳ đã viết về chủ đề Chúa Giêsu và vấn đề ly dị, trong đó đáng chú ý là Raymond Collins, *Divorce in the New Testament* (Collegeville: Liturgical, 1992); John Donahue, “Divorce - New Testament Perspectives,” in *Marriage Studies: Reflection in Canon Law and Theology*, vol. 2, ed. Thomas Doyle (Washington: Canon Law Society of America, 1982) 1-19; Joseph Fitzmyer, “The Matthean Divorce Texts and Some New Palestinian Evidence” trong *Theological Studies 37* (1976) 197-226; George MacRae, “New Testament Perspectives on Marriage and Divorce,” in *Divorce and Remarriage in the Catholic Church*, ed. Lawrence Wrenn (New York: Paulist, 1973) 1-15; Jerome Murphy-O'Connor, “The First Letter to the Corinthians,” trong *The New Jerome Biblical Commentary*, ed. Raymond Brown, Joseph Fitzmyer, Roland Murphy (Englewood Cliffs, N.J.: Prentice-Hall, 1990) 798-815; PHEME PERKINS, “Marriage in the New Testament and Its World,” trong *Commitment to Partnership: Explorations of the Theology of Marriage*, ed. William Roberts (New York: Paulist, 1987) 5-30.

⁴⁵ Trong nguyên bản Hy Lạp, thánh Matthew dùng từ “*porneia*” như nguyên nhân cho phép ly dị. Từ này được các nhà chú giải Kinh Thánh phân tích và bàn luận rất nhiều, và có thể dịch ra nhiều nghĩa: ngoại tình, bất trung, thiếu tư cách (về tính dục) nơi công cộng, mua bán dâm, hay nhưng việc làm xác thịt sai lầm. Một số khác cắt nghĩa từ *porneia* có nghĩa là những hôn nhân bị cấm trong luật Do thái do huyết tộc. Trong phạm

Với nhóm người có khuynh hướng xét lại tính bất khả phân ly, họ chú thích lời Chúa Giêsu với một phương thức khác. Họ tin rằng lời Ngài dạy cần được hiểu tường tận dựa theo bối cảnh Ngài giảng dạy, nghĩa là, chúng ta không thể trích một câu trong toàn bộ lời dạy của Chúa Giêsu để đem ra làm tiêu chuẩn cho luật cho tín lý hay luân lý vì như thế là “mù quáng theo nghĩa đen.”⁴⁶

Lời Chúa Giêsu dạy trong Matthew được cắt nghĩa như sau: “*Còn Thầy, Thầy bảo cho anh em biết: ngoại trừ trường hợp hôn nhân bất hợp pháp, ai rẫy vợ là đẩy vợ đến chỗ ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình*” (Mt 5:31-32). Lời dạy này nằm trong bối cảnh chương 5, khi Chúa Giêsu đang đưa ra những tiêu chuẩn lý tưởng trong đời sống Kitô hữu qua bài giảng Trên Núi (thường gọi là Tám Phúc Thật), như kim chỉ nam cho đời sống con người.⁴⁷ Nếu đem so sánh lời Chúa Giêsu dạy trong chương này, ta có thể tìm ra sáu tương phản giữa luật Môsê (M) và luật mới của Chúa Giêsu (G), điều mà họ cho là thực tế khác với lý tưởng.⁴⁸

M. dạy (1) không giết người; G. dạy: không được giết; (2) M: không ngoại tình; G: không được ngay cả nhìn và ước muốn phạm tội (3) M: cho phép li dị; G: không được li dị (4) M: không được thề gian; G: không được

vi hạn chế của bài viết, tôi theo cách hiểu chung của Công Giáo La Mã cho rằng “*porneia*” là những “*hôn nhân bất hợp pháp*”, được cắt nghĩa là những hôn nhân không được chấp nhận theo luật Do Thái nhưng lại được dân ngoại (người Roma, Hy Lạp, Ai cập...) chấp nhận, như trường hợp con trai lấy vợ kế của cha mình (1 Cor 5:1).

⁴⁶ Xem “*Dịch Kinh Thánh trong Giáo Hội – The Interpretation of the Bible in the Church*” của Ủy Ban Kinh Thánh Giáo Hoàng đệ trình đức giáo hoàng John Paul II ngày 23 tháng 4 năm 1993, trong đó trình bày những nguyên tắc cần thiết để làm công việc diễn dịch Kinh Thánh đúng đắn. Trong phần nói đến diễn dịch cực đoan (fundamentalist interpretation), Giáo Hội khuyên không nên tách lời Chúa ra khỏi bối cảnh sống vì như thế không thực sự phản ánh lời Chúa TRONG đời sống, mà ngược lại người dịch đã dùng lời Chúa NGOÀI đời sống (mà nguyên tắc *sola scriptura* là một ví dụ).

⁴⁷ Đoạn khác trong Matthew 19:9 cũng tương tự như Luke 16:18 “*Bất cứ ai rẫy vợ mà cưới vợ khác là phạm tội ngoại tình; và ai cưới người đàn bà bị chồng rẫy, thì cũng phạm tội ngoại tình*”, và câu này được viết ngay sau khi Chúa Giêsu nói đến tầm quan trọng của việc giữ Luật, và không được vi phạm: “*Trời đất qua đi còn dễ hơn là một cái phết của Lễ Luật rụng mắt*” (Lk 16:17; xem Mt 5:17-18). Những câu này được trình bày để khẳng định ý Chúa Giêsu chống lại việc cho phép ly dị.

⁴⁸ Xem John Donahue, “*Divorce - New Testament Perspectives*,” trong *Marriage Studies: Reflection in Canon Law and Theology*, vol. 2, ed. Thomas Doyle (Washington: Canon Law Society of America, 1982) 5.

thề gì cả (5) M: được trả thù; G: không được trả thù (6) M: yêu người thân, ghét kẻ thù; G: yêu cả kẻ thù (Mt 5:21-47).

Sự tương phản trên nói lên thực tế cuộc sống còn quá thấp so với đòi hỏi lý tưởng của Kitô hữu. Chìa khóa của những lời dạy này được đúc kết trong lời mời gọi: “*Các con phải nên trọn lành như cha trên trời là đáng trọn lành*” (Mt 5:48), dĩ nhiên một điều không ai có thể làm được.

Nhóm giải thích những đòi hỏi trên cho rằng nếu chúng ta chỉ trích câu nói và tách khỏi toàn bộ bối cảnh này để đặt thành luật (như không được giận người khác chẳng hạn...), thì không chỉ phiến diện mà không lột tả được ý Chúa Giêsu muốn dạy, hay nói đúng hơn, làm như thế chúng ta không phân biệt được đâu là lý tưởng (nên làm) đâu là tiêu chuẩn (cần làm).

Những người chú giải này còn muốn liên kết toàn bộ chương 5 của Matthew với những lời trong Matthew 18:6-9 (trong Luke 17:1-2 và Mark 9:42-50) khi Chúa Giêsu dạy ai làm cơ cho một người bé nhỏ vấp phạm thì cột cối đá vào cổ và ném xuống biển, hay nếu tay/ mắt làm cơ cho ta phạm tội thì thà chặt tay/ móc mắt mà được vào Nước Trời còn hơn. Câu hỏi đặt ra là: tại sao chúng ta không theo sát nghĩa đen của những lời dạy này? Liệu ta có hiểu “giận hờn” tương đương với “giết người”, hay “nhìn một người phụ nữ mà ước muốn phạm tội” tương đương với “ngoại tình” (Mt 5:21-42) không? Vậy tại sao ta chỉ áp dụng cách tuyệt đối câu “không được li dị” trong đời sống mà thôi? Như thế chúng ta có quá nghiêm khắc với những lời dạy này trong khi coi nhẹ những lời dạy khác không?⁴⁹

Các nhà giải thích này cũng nói thêm rằng Chúa Giêsu rao giảng triều đại Thiên Chúa *Đã Có và Sẽ Đến*, nghĩa là không chỉ nhắm đến ngày cánh chung (sau hết) mà còn thời điểm *Ngay Bây Giờ*. Vì thế, Chúa Giêsu đòi hỏi mọi Kitô hữu phải sống trong hiện tại với những đòi hỏi của ngày cánh chung, điều mà họ cho là lý tưởng mà thôi. Nhóm giải thích này cũng nói thêm là những điều kiện sống trong triều đại Thiên Chúa (như không giận, yêu kẻ thù, không ly dị....) chỉ là những mời gọi lý tưởng (đòi hỏi tính tối đa), chứ không là luật (đòi hỏi tính tối thiểu).

⁴⁹ Những người không chấp nhận lý giải thích rằng những lời dạy của Chúa Giêsu về hôn nhân được Giáo Hội chú tâm đặc biệt không chỉ vì những lý do thần học cắt nghĩa căn tính con người với ơn thánh (hay nói cách khác là cắt nghĩa thực tế đời sống với lý tưởng sống) mà còn vì kinh nghiệm mục vụ cho thấy tầm quan trọng của mệnh lệnh này.

Nói tóm lại, nếu những ai theo dõi bài nói chuyện của đức hồng y Walter Kasper phát biểu trong cuộc họp Thượng Hội Đồng Giám Mục về đề tài Hôn Nhân và Gia Đình (năm 2014) thì hiểu rằng (1) đức hồng y Kasper không hề kêu gọi cho những ai ly dị được phép tái hôn, nhưng (2) Ngài đề nghị cho những người đã ly dị và tái hôn mà chưa có phép tiêu hôn của Giáo Hội được rước lễ vì lập luận của Ngài dựa trên (nhưng dĩ nhiên không hoàn toàn giống với) lý luận của những người cho rằng những người này cần được tha thứ hơn là trừng phạt, vì họ không sống được “lý tưởng Kitô giáo” chứ không phải là họ không theo được những đòi hỏi tối thiểu (hay còn gọi là Luật) trong Kitô giáo.⁵⁰

Giáo hội Đông Phương (Chính Thống giáo) và anh chị em Tin Lành cũng chấp nhận ly dị và tái hôn dựa trên những chú giải Kinh Thánh có tính cách mở rộng này. Vì thế, với những ai quen thuộc với chú giải thần học trong lịch sử thì biết được tư tưởng của đức hồng y Walter Kasper đến từ đâu, và tư tưởng đó không hoàn toàn mới (đối với Tin Lành và Chính Thống giáo) dù nghịch lại lời dạy Giáo Hội Công Giáo hiện tại.

VI. Giáo Hội Công Giáo Với Tính Bất Khả Phân Ly

Tính bất khả phân ly chúng ta nói đến trong bài viết này nhắm đến những *bí tích hôn nhân thành nhận và hoàn hợp*. Chúng ta có thể bắt đầu với lời dạy của Giáo Hội trong giáo lý Công giáo số 1614: “*Sự phối hợp hôn nhân là bất khả phân ly: chính Thiên Chúa đã quyết định như vậy: “Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly” (Mt 19:6)*” và số 1615: “*Khi Đức Kitô nhấn mạnh rõ ràng hôn nhân là bất khả phân ly.... [Ngài] đã không đặt cho các đôi vợ chồng một gánh quá nặng không thể mang nổi.*”

⁵⁰ Năm 2001, có ba giám mục ở Đức đề nghị Roma cho những người ly dị và tái hôn được rước lễ, với lý luận là không thể xem hôn nhân lần sau (tái hôn) hoàn toàn vô hiệu hay tội lỗi khi những người này sống trong yêu thương và có gia đình con cái. Họ cũng đặt lại vấn đề: nếu cơ sở của hôn nhân là tình yêu hợp nhất, vậy nếu khi tình yêu đã thật sự chết rồi, liệu hôn nhân ấy có còn hay không? Nhưng lý luận của họ không được Roma chấp nhận. Thánh Bộ Tín Lý ra chỉ thị “Rước Lễ: Ly Dị và Tái Hôn Công Giáo” không cho phép những người ly dị và tái hôn (không có phép Giáo Hội) rước lễ. Thư này có thể xem tiếng Anh “Reception of Communion: Divorced and Remarried Catholics” trong *Origins* 24 (October 27, 1994) 337-41, đặc biệt xem số 339.

Giáo luật số 1056 dạy: *“những đặc tính căn bản của hôn phối là sự duy nhất và bất khả phân ly.”*

Giáo huấn hiện tại của Giáo Hội về tính bất khả phân ly của hôn nhân là kết quả thừa kế trực tiếp lời Chúa Giêsu dạy, qua các tông đồ và được truyền lại cho đến ngày nay. Đây không là một tạo phẩm của Giáo Hội hiện đại mà bắt đầu từ Chúa Giêsu, dù có nhiều diễn dịch khác nhau qua nhiều thời kỳ nhưng trọng tâm lời dạy không thay đổi.

Giáo Hội Công Giáo khẳng định: *“Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mk 10:9)*. Vậy đâu là lý do khiến Giáo Hội Công Giáo giải thích lời dạy về ly dị và tái hôn khác với Chính Thống giáo hay các giáo phái Tin Lành?

Có nhiều điểm đã được nói ở trên. Ở đây tôi chỉ nhắc lại một vài điểm tóm tắt.

Thứ nhất, hầu hết các nhà Kinh Thánh đều cho rằng lời dạy của Chúa Giêsu không cho phép ly dị (để tái hôn) được kể lại trong tin Mừng Mark vừa đơn giản, vừa trực tiếp: *“sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly” (Mk 10:9)*. Cụm từ *trừ trường hợp porneia* được coi là sự hiệu đính của Matthew cho hợp với hoàn cảnh mục vụ, nhưng câu này không thấy trong Mark và Luke.

Thứ hai, thái độ sùng sốt của các môn đệ khi nghe Chúa Giêsu nói đến tính bất khả phân ly: *“nếu như thế thà không kết hôn thì hơn” (Mt 19:10)*, nói lên lời dạy này hoàn toàn nghịch với những gì các ông đang sống và quan sát, và có thể quá lý tưởng đối với con người. Chính thái độ sùng sốt này càng làm ta tin hơn tính lịch sử của lời dạy Chúa Giêsu. Nói cách khác, nếu lời Chúa Giêsu không quá mới mẻ và táo bạo, thì các môn đệ đã không có những phản ứng đáng chú ý đó.

Thứ ba, thánh Phaolô khi dạy về ly dị cũng nói chính Chúa Giêsu không cho phép ly dị và tái hôn: *“Còn với những người đã kết hôn, tôi ra lệnh này, không phải tôi, mà là Chúa: vợ không được bỏ chồng, mà nếu đã bỏ chồng, thì phải ở độc thân hoặc phải làm hòa với chồng; và chồng cũng không được rẫy vợ” (1 Cor 7:10-11)*.

Thứ tư, truyền thống của Giáo Hội ngay từ những ngày đầu tiên đã trân trọng tính bất khả phân ly của hôn nhân, và lên án những tái hôn sau khi ly dị khi người phối ngẫu còn sống. Điều này được các Kitô hữu coi như đòi hỏi của đời sống theo Chúa Kitô.⁵¹

Thứ năm, lịch sử của Giáo Hội chứng minh tính liên tục và đồng nhất qua giáo huấn của các công đồng (chung cũng như miền), và của các đức giáo hoàng. Ta không tìm thấy những lời dạy nghịch lại với quan điểm này.

Thứ sáu, điều đáng chú ý là công đồng Trent (1545-1563) dạy hôn nhân là một trong bảy bí tích, và *Sắc Lệnh về Bí Tích Hôn Nhân* (11-11-1563) khẳng định rằng Thiên Chúa thiết lập hôn nhân có tính cách trường cửu, và không được phép ly dị (xem điều luật số 1, 5 và 7), cho dù công đồng Trent không dùng những từ ngữ để giải thích tính bất khả phân ly của hôn nhân cách tỏ tường như ta hiểu trong giáo luật hiện nay.

Sau cùng, công đồng Vatican II tái xác định lời dạy truyền thống này, và tất cả được đúc kết trong sách giáo lý Công Giáo (những lời dạy không sai lầm vì được các giám mục trên toàn thế giới hiệp nhất với giám mục Roma - đức giáo hoàng- cùng đồng nhất dạy): “*Sự phối hợp hôn nhân là bất khả phân ly: chính Thiên Chúa đã quyết định như vậy: “Sự gì Thiên Chúa đã kết hợp, loài người không được phân ly” (Mt 19:6)” (số 1614).*

VII. Kết Luận

Tính bất khả phân ly trong hôn nhân là lời dạy của Chúa Giêsu. Tuy nhiên, thời gian gần đây, chúng ta nghe nhiều giám mục, thần học gia, chuyên gia Kinh Thánh, giáo luật... bắt đầu lên tiếng muốn xét lại tính bất khả phân ly này. Chúng ta cần hiểu rằng những câu hỏi này không nhằm xét lại lời dạy của Chúa Giêsu, vì lời dạy của Ngài mang tính tuyệt đối, nhưng nhằm xét lại cách thức diễn dịch lời Chúa trong quá khứ và hiện tại khi áp dụng vào đời sống Kitô hữu. Câu hỏi là liệu những lời Giáo Hội dạy về hôn

⁵¹ Chanoine Nicolas Jung, *Evolution de l'indissolubilité, remariage religieux des divorcé* (Paris: Lethielleux, 1975) 41-47; Charles Munier “Le témoignage d'Origène en matière de remariage après séparation” trong *Revue de droit canonique*, XXVIII, 1 (1978) 15-29, đặc biệt trang 17. Robin Lane Fox trong cuốn *Pagans and Christians* (Alfred A. Knopf, Inc., New York, 1987) 336-374 cho rằng sở dĩ Kitô hữu khắt khe với lối sống tự chế (hy sinh không tái giá) vì bị ảnh hưởng của các tu sĩ khổ tu thời đó kêu gọi từ bỏ mọi sự để chiêm đoạt nước Thiên Chúa.

nhân có thể được thay đổi không? Và nếu có (hay không) thì căn cứ vào những bằng chứng nào? Và nếu con người sa ngã vì yếu đuối, không sống theo lý tưởng Chúa Giêsu kêu gọi, đâu là những đường lối mục vụ của Giáo Hội đối với “những con chiên lạc” này?

Chúng ta sẽ còn tiếp xúc nhiều với những tranh luận nóng bỏng này trong thời gian tới. Liệu có gì mới trong kết luận của Giáo Hội liên quan đến Năm Gia Đình sau cuộc họp Thượng Hội Đồng Giám Mục thường kỳ vào tháng 10 năm 2015?

Veni Sancte Spiritus!



Linh mục Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S., tiến sĩ thần học tín lý đại học giáo hoàng Gregoriana, Roma, dạy đại chủng viện Thần Học (Washington DC), đại chủng viện và đại học giáo hoàng St. Mary's (Baltimore), Học Viện Đại Kết (Baltimore), trường thần học Oblate School of Theology (San Antonio, TX), thành viên ban giám đốc đại chủng viện Assumption, San Antonio TX, tác giả hàng trăm bài viết, thuyết giảng nhiều đại hội giáo lý và đại học, cộng tác với nhiều tờ báo, đài phát thanh và truyền hình Công Giáo tại Hoa Kỳ.



Hôn Nhân Liên Tôn: Bản Khoản và Hy Vọng

Lm. Nguyễn Thảo S.J.

Hôn nhân khác đạo đang là mối bận tâm của nhiều gia đình Công Giáo và cũng là mối bận tâm của Giáo Hội trong hoàn cảnh thay đổi của xã hội hôm nay. Linh Mục Vimal Trimanna, tổng thư ký của Ủy Ban Thần Học của Hội Đồng Giám Mục Á Châu Giáo cho rằng, Giáo hội cần phải “trả số” nhanh hơn về công tác mục vụ gia đình để có thể theo đuổi vận tốc tăng nhanh của các cuộc hôn nhân với người khác đạo.¹ Hội Đồng Giám Mục Á Châu trong những thập niên qua đã trao đổi khá nhiều về đời sống gia đình tại Á Châu, trong đó hôn nhân không cùng tôn giáo là một trong những suy tư cho công việc mục vụ tại Á Châu.² Giáo Hội Á Châu nhận ra rằng, nhiều thành viên trong các gia đình Công Giáo tại Á Châu theo đạo khác. Hơn nữa, cũng có không ít Linh Mục, Tu Sĩ, và Kề cả Giám Mục có thân nhân của họ theo đạo khác, như Phật Giáo, Ấn Độ Giáo, hay Tin Lành. Trong bối cảnh này, nỗ lực xây dựng một gia đình, hay một dòng tộc hòa hợp là sứ mạng không những của những thành viên gia đình khác đạo, nhưng còn là mục vụ quan trọng của Giáo Hội.

Tại Giáo Phận Sài Gòn trong những năm qua cũng đã có những cuộc trao đổi và học hỏi kinh nghiệm từ các gia đình khác đạo. Giáo Hội Hoa Kỳ cũng đã mở ra rất nhiều cuộc trao đổi để tìm hiểu, để đáp ứng nhu cầu mục

¹ Fr. Vimal Trimanna, CSSR., “Inter-Faith Marriages in The Catholic Tradition.” FABC Papers, 118b. (FABC Papers là tổng hợp các bài nghiên cứu thần học cho các phiên họp của Hội Đồng Giám Mục Á Châu trong suốt gần 40 năm qua. Quý độc giả có thể đọc các bài viết này tại trang của Hội Đồng Giám Mục Á Châu http://www.fabc.org/offices/csec/ocsec_fabc_papers.html.)

² Xem tại liệu Hội Đồng Giám Mục Á Châu, *For All Peoples of Asia 2002-2006*, vol. 4. Franz-Josef Eilers ed. (Quezon: Claritian Publications, 2007); Xem Vimal Trimanna, “A New Ethical Contours That Emerge From The FABC Teaching for An Asian Moral Theology” in *Harvesting From The Asian Soil: Towards An Asian Theology*. Vimal Tirimanna, CSSR., ed. (Bangalore: Asian Trading Corporation, 2011), 185.

vụ giữa các cuộc hôn nhân giữa người Công Giáo với anh chị em thuộc các giáo phái Tin Lành (mixed marriages hay ecumenical mariages), và hôn nhân giữa người Công Giáo với người thuộc các tôn giáo khác ngoài Kitô giáo (interfaith mariages).³

Ngày nay, nhiều người thích dùng cụm từ “ecumenical marriage” để thay thế cụm từ “mixed marriage,” vì hai lý do: từ “mixed marriage” nghe tương đối tiêu cực, và nó cũng dễ nhầm lẫn cụm từ này trong xã hội học khi bàn về hôn giữa những người khác chủng tộc. Cũng thế, người ta thấy trang web của Tổng Giáo Phận Sài Gòn đã dùng cụm từ “Hôn Nhân Liên Tôn,” khi bàn đến các cuộc hôn nhân với người không cùng tôn giáo, thay vì gọi là “hôn nhân dị giáo” như trước đây.⁴ Còn Ủy Ban Giám Mục Nghiên Cứu về Mục Vụ Gia Đình tại Mỹ đề nghị dùng cụm từ “Interreligious Marriages” hay “Hôn Nhân Liên Tôn” cho tất cả những cuộc hôn nhân với người ngoài Công Giáo.⁵

Bối Cảnh Chung

Theo một số thống kê tại Mỹ, trước thập niên sáu mươi, hôn nhân khác đạo có tỷ lệ khoảng 20%. Con số này đã gia tăng đáng kể trong những thập niên gần đây, lên đến 45%.⁶ Con số này tính chung cho tất cả các tôn giáo tại Mỹ, và bao gồm các giáo phái Tin Lành với người Công Giáo. Đối với người Công Giáo tại Mỹ, trong những thập niên 1990s, có khoảng 40% lập gia đình với người ngoài Công Giáo.⁷

³ Để biết những hoạt động mục vụ về gia đình của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ, và mục vụ cho những gia đình liên tôn và đại kết, xin xem “National Pastoral Initiative on Marriage” tại trang web Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ <http://www.usccb.org/issues-and-action/marriage-and-family/national-pastoral-intitiative-for-marriage.cfm>. Cũng có thể xem tổng hợp các tài liệu về gia đình do Ủy Ban Giám Mục Nghiên Cứu về Mục Vụ Gia Đình tại NCCB Committee for Pastoral Research and Practices *Faithful to Each Other Forever: Marriage Is a Sacrament Series* (United States Catholic Conference, 1990).

⁴ Xem Thiên Ân, “Kinh Nghiệm Sống Đời Hôn Nhân Liên Tôn Giáo” tại <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20130323/20785>

⁴ Xem Thiên Ân, “Kinh Nghiệm Sống Đời Hôn Nhân Liên Tôn Giáo” tại <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20130323/20785>

⁵ NCCB Committee for Pastoral Research and Practices, *Our Future Together* (United States Catholic Conference, 1990), 51-53.

⁶ Xem Kimberly Winston, “In mixed faith marriages, focus is on ‘values,’ not ‘beliefs.” *National Catholic Reporter*, June 9, 2014.

⁷ NCCB Committee for Pastoral Research and Practices, *Our Future Together*, 51-53.

Hiện tượng này gia tăng là do hoàn cảnh xã hội thay đổi. Trước hết, những xung đột giữa Tin Lành và Công Giáo đã lắng dịu tại Mỹ trong những thập niên 60.⁸ Rồi phong trào di dân tại Mỹ lại gia tăng đáng kể trong những thập niên qua. Người di dân đến Mỹ mang theo nền văn hóa và tôn giáo của họ, như Do Thái Giáo, Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo, Phật Giáo, v...v. Chẳng hạn, Phật Giáo là một tôn giáo bắt nguồn từ Á Châu, nguồn gốc từ Ấn độ, phát triển mạnh ở các nước như Tích Lan (Sri-lanka), Thái Lan, Lào, Campuchia, Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, v.v... Thế nhưng, thành phố quy tụ nhiều truyền thống Phật Giáo nhất trên toàn thế giới lại là Los Angeles, nhờ sự đóng góp của mỗi nhóm di dân Phật Giáo khác nhau đến từ Á Châu.

Hiện tượng này không riêng gì Phật Giáo, nhưng cả các tôn giáo khác như Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo, Do Thái Giáo, v.v... Nó cho thấy khung cảnh tôn giáo truyền thống tại Mỹ trước đây được xem là một nước Kitô Giáo nay đang dần dần thay đổi.⁹ Nếu trước đây, hàng xóm và đồng nghiệp của người Mỹ là Tin Lành hay Công Giáo thì ngày nay nhiều hàng xóm và đồng nghiệp là Hồi Giáo, Phật Giáo, Do Thái Giáo, hay Ấn Độ Giáo. Ở California, Chùa Phật Giáo và Ấn Độ Giáo trở thành xóm giềng của nhiều khu dân cư.

Riêng tại các nước Á Châu, đời sống đô thị đang thu hút người trẻ từ miền quê, nơi mà những làng Công Giáo toàn tòng trước đây khá ổn định. Sự gặp gỡ trao đổi giữa các bạn trẻ không cùng tôn giáo trong môi trường thành phố ngày càng gia tăng. Sự cuốn hút trong tình yêu qua những gặp gỡ trong đời sống thành thị đang hình thành thêm nhiều gia đình không cùng tôn giáo. Hội Đồng Giám Mục Á Châu trong những thập niên qua đã trao đổi khá nhiều về đời sống gia đình tại Á Châu, trong đó hôn nhân không cùng tôn giáo là một trong những suy tư cho công việc mục vụ.¹⁰ Ở các nước Á Châu, nơi mà tỷ lệ người Công Giáo chỉ chiếm khoảng hơn 100 triệu hoặc

⁸ Muốn hiểu thêm tinh thần “ không đội trời chung giữa hôn nhân Công Giáo và Tin Lành tại Mỹ trước thập niên 60, xem Barbara D. Schiappa, *Mixing Catholic-Protestant Marriages in the 1980s* (Paulist Press 1982).

⁹ Xem Diana L. Deck, *A New Religious America* (San Francisco, HarperSanFrancisco, 2002)

¹⁰ Xem tại liệu Hội Đồng Giám Mục Á Châu, *For All Peoples of Asia 1974-1990*, vol. 1. Franz-Josef Eilers ed. (Quezon: Claritian Publications, 1991).

2.9% so với tổng dân số hơn 3 tỷ, mà trong đó đại đa số theo các tôn giáo lớn giới như Phật Giáo, Ấn Độ Giáo, Hồi Giáo, Lão Giáo, v.v... Trong số tỷ lệ Công Giáo của toàn thể Á Châu, thì Phi Luật Tân đã chiếm khoảng 60%. Như vậy, phần còn lại hơn 1% rải rác ở các nước khác.¹¹ Việt Nam có tỷ lệ người Công Giáo cao hơn một số nước ở Á Châu, nhưng tỉ lệ Công Giáo cũng chỉ chiếm khoảng hơn 7%.¹² Theo L.m. Nguyễn Ngọc Sơn, từ năm 2001-2018, trung bình hàng năm có khoảng ba mươi lăm ngàn (35.000) người lớn gia nhập đạo Công Giáo, và trong số này 80%-90% gia nhập đạo để lập gia đình.

Như thế, các đôi tân hôn lập gia đình với người tân tòng tại nhà thờ đã có con số tương đối. Nhưng số còn lại có cử hành nghi thức hôn phối tại nhà thờ hoặc nhà xứ nhưng không gia nhập đạo, hoặc những trường hợp kết hôn không làm nghi thức hôn phối tại nhà thờ thì không rõ con số. Còn ở Malaysia, trong toàn thể các đôi tân hôn cử hành nghi lễ hôn phối ở nhà thờ, có đến 60%-70% thành hôn với người ngoài Công Giáo.¹³ Ngay tại Phi Luật Tân, nơi mà tỷ lệ Công Giáo chiếm hơn 85%, giáo Hội Phi vẫn thấy hôn nhân với người ngoài Công Giáo cũng gia tăng đáng kể và các Giám Mục Phi đã đặt nhiều quan tâm đến mục vụ này.¹⁴ Tại Hồng-Kông, tỉ lệ hôn nhân liên tôn chiếm 83%. Các nước Á Châu khác, tỉ lệ hôn nhân liên tôn chiếm từ 45-65%.¹⁵

Bối cảnh xã hội, văn hóa, và tôn giáo tại Á Châu, bối cảnh hoàn cầu hóa qua các cuộc di dân ở Châu Mỹ, và phương tiện giao lưu để quen biết

¹¹ Xem William Larousse, *A Local Church Living for Dialogue: Muslim-Christian Relations in Mindanao-Sulu (Philippines) 1965-2000* (Interreligious and Intercultural Investigations, v.4), 389.

¹² Chi tiết về tỉ lệ người Công Giáo tại Việt Nam qua nhiều giai đoạn trong bài nghiên cứu của Lm. Anton Nguyễn Ngọc Sơn, “Nhìn Lại Sứ Mạng Truyền Giáo Trong 50 Năm Qua Và Hướng Đến Tương Lai.” Có thể xem bài nghiên cứu tại trang web <http://www.catholic.org.tw/vntaiwan/09news/9news246.htm>.

¹³ Xem Rev. Clarence Devadass, STD, “The Pastoral Response of The Church to The Challenges of Inter-Faith Marriages.” *FABC Papers*, 115.

¹⁴ Xem Bishop Francisco Claver, S.J., “Interfaith Marriage In Pluralistic Societies” (*FABC Papers*, 118).

¹⁵ Xem Vimal Trimanna, “A New Ethical Contours That Emerge From The FABC Teaching for An Asian Moral Theology” in *Harvesting From The Asian Soil: Towards An Asian Theology*. Vimal Tirimanna, CSsR., ed. (Bangalore: Asian Trading Corporation, 2011), 185.

nhau qua Internet đã đưa đến những cuộc gặp gỡ giữa những người không cùng tôn giáo, và hôn nhân bắt đầu từ đây. Sức hấp dẫn của những cuộc gặp gỡ với người không cùng tôn giáo có khi lại lôi cuốn hơn cả những người trong đạo, vì người ta gặp gỡ những con người thích hợp tính tình, sở thích, nghề nghiệp, và nhất là rất đáng yêu. Đây là nét đẹp của những gặp gỡ tình người, rồi dẫn đến yêu thương. Trong các trường học tại Mỹ, các bạn trẻ không những gặp gỡ những người không cùng tôn giáo, nhưng được học các môn học về tôn giáo thế giới, và hiểu thêm những giá trị tinh thần và đạo đức của các tôn giáo khác. Do đó, cái nhìn về tôn giáo của giới trẻ hôm nay có phần “thoảng” hơn so với các thế hệ trước đây.

Có lần tôi hỏi các bạn sinh viên về thái độ của các em đối với hôn nhân khác đạo, gần như cả lớp giơ tay tán thành! Nhìn chung, ranh giới tôn giáo giữa các bạn trẻ ngày hôm nay không nặng nề như những thế hệ trước. Sự nhận thức cởi mở của các bạn trẻ ngày nay về hôn nhân khác đạo gợi ý rằng, tỷ lệ hôn nhân với người không cùng tôn giáo sẽ tiếp tục gia tăng nhanh.

Quan Điểm Của Giáo Hội

Giáo hội sau Công Đồng Vatican II thật sự đã có một cái nhìn tích cực về hôn nhân khác đạo. Suy tư mục vụ về hôn nhân khác đạo bắt nguồn từ cái nhìn thần học của Công Đồng Vatican II về các tôn giáo và mối liên hệ giữa Giáo Hội với thế giới. Từ các Sắc Lệnh về Hiệp Nhất (*Unitatis Redintegratio*), Tuyên Ngôn Về Mối Tương Quan Giữa Giáo Hội Với Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo (*Nostra Aetate*), Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo và Phẩm Giá Con Người (*Dignitatis Humanae*), Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Hôm Nay (*Gaudium Et Spes*), đều phản ánh một tinh thần mới của Công Đồng về thế giới và về con người. Chẳng hạn, Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội Trong Thế Giới hôm nay trình bày lòng ao ước tìm hiểu xã hội loài người chung quanh, để tới gần, tôn trọng, hội nhập, phục vụ và trao cho thế giới sứ điệp Tin Mừng của Đức Kitô.¹⁶

Tinh thần cởi mở tuyệt vời của Công Đồng Vatican II muốn tìm hiểu sâu hơn xã hội loại người để đến gần và yêu thương muốn xoá bỏ cái bức tường ngăn cách giữa giáo hội và thế giới vốn chia cách bao nhiêu thế kỷ.

¹⁶ Xem Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Hôm Nay (*Gaudium Et Spes*).

Trong cái xã hội loài người mà Công Đồng đề cập và muốn tìm hiểu, thật sự không thể hiểu hết nếu không suy tư về chiều kích tôn giáo trong xã hội đó. Cho nên, niềm khát khao tìm hiểu, tôn trọng để liên đới với con người đã diễn tả tinh thần hiệp nhất và tình bác ái giữa loài người, và Giáo hội không muốn thấy những chia rẽ trên hành trình tiến đến hiệp nhất, bởi vì tất cả đến từ Thiên Chúa.¹⁷

Một điểm quan trọng của Công đồng Vatican II đối với hai tôn giáo lớn ở Á Châu là Ấn Độ Giáo và Phật Giáo, thì Giáo Hội xác tín rằng, “Giáo Hội không phủ nhận những gì chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo đó, nơi đó đôi khi cũng bao hàm một tia sáng chân lý.”¹⁸ Sự nhìn nhận chân lý và sự thánh thiện trong các tôn giáo này cho ta thấy rằng ơn thánh hóa của Thiên Chúa đã thực sự tác động trong mỗi tôn giáo để làm thế giới này ngày càng trở nên thánh thiện như Chúa muốn.

Trong ánh sáng của Công Đồng Vatican II, chúng ta cũng có thể kiểm chứng trong kinh nghiệm sống khi liên đới với các anh chị em khác đạo và nhận ra sự thánh thiện đích thực nơi họ. Về khía cạnh này, Đức Giám Mục Francisco Claver đã trích lại lời của của Thượng Hội Đồng Giám Mục Á Châu khi bình luận về chiều kích thánh thiện trong các tôn giáo tại Á Châu như sau: “*Chúng ta thường trình bày với anh chị em ngoài Kitô Giáo hình ảnh của một Giáo Hội cơ chế, trật tự, trỗi bật về mục vụ xã hội, trường học, bệnh viện, v...v., Đó là một hình ảnh tích cực, nhưng thiếu một điều quan trọng, là chúng ta không đẩy mạnh đời sống thánh thiện và từ bỏ như trong các truyền thống tôn giáo tại Á Châu.*”¹⁹

Trình bày điều này để thấy rằng Hội Đồng Giám Mục Á Châu và Công Đồng Vatican II thật sự nhìn thấy vẻ đẹp thánh thiện nơi những anh chị em ngoài Kitô Giáo để nhận ra sự hiện diện và hoạt động không ngừng của ơn Chúa trong các tôn giáo khác. Chính tinh thần này đã mở ra một chiều hướng tích cực trong mục vụ về gia đình cho những hôn nhân khác đạo.

¹⁷ Xem Tuyên Ngôn Về Tương Quan Của Giáo Hội Với Các Tôn Giáo Ngoài Kitô Giáo (Nostra Aetate)

¹⁸ Nostra Aetate.

¹⁹ Xem Bishop Francisco Claver, S.J., “Interfaith Marriage In Pluralistic Societies” (FABC Papers, 118).

Nhiều người Việt Nam, cả Công Giáo và ngoài Công Giáo vẫn nghĩ rằng lập gia đình với người Công giáo là phải theo đạo, hoặc phải làm lễ cưới ở nhà thờ. Điều này không còn đúng như xưa, vì không ai có quyền ép một người khác theo đạo của mình khi lương tâm họ không muốn. Câu nói chế diễu của một số người về chuyện theo đạo để lấy vợ như là, “Tôi quỳ lạy Chúa Ba Ngôi, tôi lấy được vợ tôi thôi nhà thờ,” diễn tả phần nào tiêu cực khi ép người khác theo đạo khi lương tâm họ không muốn. Để rồi sau khi hoàn tất những đòi hỏi từ phía Công Giáo là phải theo đạo, thì những anh chị em này có phản ứng ngược sau đó.

Giáo Hội ngày nay cởi mở hơn nhiều so với những luật lệ khắt khe trong quá khứ. Đây không chỉ là kết quả đến từ phía Giáo Hội mà cả từ phía xã hội khi con người ngày càng ý thức hơn về sự dị biệt của nhau và tìm cách sống chung hoà bình với nhau. Hơn nữa, phương tiện thông tin và đi lại dễ dàng đã tạo điều kiện để con người gần gũi và hợp tác với nhau trong những công việc phúc lợi xã hội. Vì thế, trong khi Giáo Hội đòi hỏi mọi Kitô hữu phải cố gắng với hết sức mình làm trọn vai trò nhân chứng đức tin, nhất là trong hôn nhân liên tôn, Giáo Hội không bắt buộc Kitô hữu đó phải làm cho được điều mình không thể làm. Nói cách khác, những Kitô hữu này phải cố gắng sống đức tin sống động và đầy tính thuyết phục để người phối ngẫu cũng muốn trở thành Kitô hữu. Nhưng nếu với lý do chính đáng mà Kitô hữu không đạt điều mình muốn, thì Giáo Hội cũng cho phép những cho phép đạo ai nấy giữ, ngay cả không bắt buộc phải làm hôn phối tại nhà thờ công giáo, miễn là có phép của Giáo quyền.²⁰ Có nhiều trường hợp, đôi tân hôn được cử hành nghi thức hôn phối tại nhà thờ Tin Lành dưới sự chứng giám của các Mục sư.²¹ Vì theo giáo luật, hôn phối giữa một người đã rửa tội và một người chưa rửa tội thì không phải là bí tích Kitô Giáo. Nhưng cũng nên ghi nhận rằng, nếu không có điều gì ngăn trở, thì hôn phối giữa một người

²⁰ Những thủ tục hôn phối luôn cung cấp đầy đủ ở các giáo xứ, nên không bàn chi tiết trong bài này. Tuy nhiên, muốn tham khảo thêm, xin xem John M. Huels, J.C.D, *The Pastoral Companion: A Canon Law Handbook for Catholic Ministry* (Quincy University: Franciscan Press, 1995).

²¹ Bên cạnh tài liệu về giáo luật, nên tham khảo thêm những hướng dẫn chi tiết về việc cử hành hôn nhân khác đạo do Hội Đồng Giáo Hoàng biên soạn. United States Catholic Conference, *Directory for the Application of Principles and Norms on Ecumenism* (Pontifical Council for Promoting Christian Unity, 1998).

chưa rửa tội và một người đã được rửa tội vẫn thành sự trước mặt Chúa, mặc dù không được xem là bí tích Kitô Giáo.

Thành sự, nhưng không là bí tích, nên làm nhiều gia đình bản khoản khi con em mình lập gia đình với người chưa được rửa tội. Nếu đặt nặng cách giải thích về phương diện bí tích trong những trường hợp hôn nhân khác đạo theo nghĩa hẹp, thì sẽ gây nên nhiều bản khoản cho các gia đình Công Giáo hơn là giúp họ có được sự bình an khi gặp những trường hợp này. Nên hiểu rằng, Bí Tích Hôn Nhân được Giáo Hội chính thức liệt kê vào 7 bí tích ở thế kỷ thứ 13.²² Còn thời giáo hội sơ khai, các đôi tân hôn Công Giáo và không phải Công Giáo đều cử hành nghi thức như nhau, tùy nền văn hóa của họ.²³ Một trong những lý do hôn nhân không được xem là bí tích nhiều thế kỷ trước đó là do ảnh hưởng thần học của Thánh Augustine và một số Giáo Hoàng về tình dục. Vì cái nhìn tiêu cực về tình dục, không trong sáng trước mặt Chúa, nên hôn nhân không thể xem là bí tích.²⁴ Chẳng hạn, Giáo Hoàng Gregory Cả thế kỷ thứ 7 cấm các cặp vợ chồng vào nhà thờ sau khi làm chuyện ấy “một cách vui thú.”²⁵

Dù không được xem là bí tích như những thế kỷ sau này, các Giáo phụ vẫn tin rằng hôn nhân được Chúa chúc phúc và ban ân sủng. Điều này giúp hiểu rằng, dù không được xem là bí tích theo giáo luật, không có nghĩa là gia đình này không có ơn Chúa. Thực tế cho thấy, có biết bao cuộc hôn nhân không được xem là bí tích, nhưng đã sống hạnh phúc và thánh thiện, nhờ Ơn Chúa tuôn đổ trong gia đình của họ. Hôn nhân đến từ tình yêu đích thực thì luôn có sự can thiệp của Thiên Chúa, dù ngay cả hôn nhân ấy không được đặt trong khung cảnh tôn giáo. Hiểu theo một nghĩa rộng, chính Chúa là tác giả nối kết đôi nam nữ thành vợ chồng để diễn tả tình yêu của Thiên Chúa đối với nhân loại và qua tình yêu hôn nhân họ đóng góp xây dựng và

²² Chính Thánh Thomas Aquinas và Thánh Albert Cả đã đưa Bí Tích Hôn Nhân vào trong 7 bí tích của Hội Thánh ở thế kỷ 13. Tham khảo về lịch sử bí tích hôn nhân, xin xem Michael G. Lawler, *Marriage and Sacrament: A Theology of Christian Marriage* (Minnesota, The Liturgical Press, 1993).

²³ Xem Fr. Vimal Trimanna, CSSR, “Inter-Faith Marriages in The Catholic Tradition.” *FABC Papers*, 118b.

²⁴ Nếu muốn tham khảo về lịch sử bí tích hôn nhân, xin xem Michael G. Lawler, *Marriage and Sacrament: A Theology of Christian Marriage* (Minnesota, The Liturgical Press, 1993).

²⁵ Xem SDD, tr. 60.

biến đổi xã hội trở nên tốt đẹp và thánh thiện hơn. Chính trong viễn cảnh này, Giáo Hội tin rằng Chúa Thánh Thần đã hiện diện và hoạt động không ngừng trong các gia đình liên tôn. Niềm xác tín này mang đến một niềm hy vọng cho một hôn nhân liên tôn thành công khi người Công Giáo bước vào hôn nhân này.²⁶

Bàn luận điều này không phải để làm giảm chiều kích bí tích hôn nhân, nhưng là trình bày giá trị của Ôn Thánh, ngay cả trong những trường hợp không được xem là bí tích. Tình yêu của Thiên Chúa khi muốn liên kết hai người với nhau trong đời sống gia đình, thì dù đó là khác tôn giáo, chúng ta vẫn có quyền tin rằng ơn thánh vẫn tuôn đổ để thánh hóa đời sống gia đình và phát triển tình yêu, một tình yêu nối dài của Thiên Chúa cho con người. Hiểu theo nghĩa rộng, thì chính tình yêu đích thực và lòng trung thành với nhau trong đời sống hôn nhân đã diễn tả chiều kích “bí tích” cho người bạn đời và cho con cái của họ.

Cũng nên bàn vấn đề tại sao hôn nhân liên tôn không được xem là bí tích Kitô Giáo. Đó là vì bí tích hôn phối do chính đôi tân hôn cử hành. Do đó, một trong hai người chưa phải là Kitô hữu thì cử hành bí tích không thành. Cách giải thích này vẫn đang được bàn cãi, bởi vì phía người đã được rửa tội đã có đủ điều kiện hoàn toàn để lãnh nhận bí tích. Hơn nữa, cũng có trường hợp người chưa được rửa tội cũng có thể cử hành bí tích; chẳng hạn trong trường hợp khẩn cấp thì người chưa được rửa tội cũng có thể cử hành bí tích Rửa Tội.

Dù theo giáo luật, hôn nhân liên tôn không được xem là bí tích, nhưng Giáo hội Công Giáo ngày nay trân trọng đời sống hôn nhân liên tôn, và xem đó như là những dịp để nối nhịp cầu đối thoại tôn giáo và đối thoại đại kết với các anh chị em Tin Lành bắt đầu từ trong bầu khí gia đình. Viết cho thượng hội đồng Giám Mục Á Châu, Giám Mục Francisco Claver, S.J., đã trình bày sâu sắc về *gia đình liên tôn* trong tinh thần đối thoại của Công

²⁶ Về đời sống tâm linh trong hôn nhân liên tôn, có thể xem bài viết sâu sắc của linh mục Dòng Tên, Paul J. Fitzgerald, S.J., “Married In the Eyes of God: A Spirituality for Inter-Faith Marriage” in *Companion to Marital Spirituality*. T. Knieps-Port le Roi and M. Sandor, ed. (Peeters Publishers, 2008)

Đông Vatican II, và xem đó như là những cơ hội hơn là những trở ngại.²⁷ Nhiều gia đình và dòng họ khác đạo đã đến gần với nhau và hiểu nhau hơn qua những cuộc hôn nhân liên tôn của con cái mình. Các Đức Giáo Hoàng như Phao Lô VI, Bêđictô XVI, Joan Phao Lô II đều đề cao giá trị của hôn nhân liên tôn như một cơ hội để đối thoại và xây dựng hiệp nhất giữa các cộng đồng nhân loại.

Thách Đố và Cơ Hội

Các bạn trẻ ngày nay khi mới gặp nhau, thì không quan tâm nhiều về khía cạnh tôn giáo. Đến khi yêu nhau và để đi đến hôn nhân, thì bắt đầu thấy có những thách đố. Chẳng hạn, gia đình và bà con có hậu thuẫn hay không khi kết hôn với một người không trở lại đạo? Nên làm lễ cưới ở nhà thờ hay ở chùa, hội đường Do Thái, hay đền thờ Hồi Giáo, hay nhà thờ Tin Lành? Cử hành nghi thức hôn phối trong Thánh Lễ, hay chỉ cử hành trong nhà thờ không có Thánh lễ? Khi đã thành hôn thì nên nuôi con trong truyền thống tôn giáo nào? Rồi những vấn đề khác biệt về luân lý có thể nảy sinh, như quan niệm về ly dị, phá thai, hay trợ tử từ người bạn đời ngoài Công Giáo nên các bạn trẻ cần phải cân nhắc kỹ lưỡng khi bước vào hôn nhân liên tôn. Bên cạnh đó, cũng có những trường hợp khi người bạn đời của mình hoàn toàn chống đối niềm tin Kitô ngay từ ban đầu, và như thế chắc chắn rất khó cho người Công Giáo sống đạo cách bình yên. Hoặc có trường hợp kết hôn với người Hồi Giáo đạo đức thì người Công giáo được yêu cầu phải tuyên xưng đức tin Hồi giáo *Shahàda*: “*Không có thần thánh nào ngoại trừ Đấng Thánh Allah và Muhammad là ngôn sứ của Ngài.*” Nghi thức này là nghi thức tuyên thệ công khai để gia nhập vào cộng đoàn Hồi giáo, và trở nên tín đồ hồi giáo. Các gia đình Hồi giáo đạo đức xem lời tuyên xưng đức tin này từ phía người ngoài Hồi Giáo như một bằng chứng cho một hôn nhân hợp pháp theo quan điểm Hồi giáo.

Điều đáng quan tâm là không ít các bạn trẻ Công giáo đã tuyên thệ điều này trước khi liên lạc với linh mục Công Giáo để lo đám cưới, vì họ cứ nghĩ rằng đây là bước cần thiết để tiến đến hôn nhân với người bạn đời Hồi giáo theo luật tôn giáo của họ. Trong khi Giáo luật dạy rằng người Công

²⁷ Xem Bishop Francisco Claver, S.J., “Interfaith Marriage In Pluralistic Societies” (FABC Papers, 118).

Giáo phái ý thức những nguy hiểm có thể dẫn đến bỏ đạo hoặc đánh mất đức tin khi bước vào hôn nhân với một người không cùng tôn giáo. Trong trường hợp này, dù là lời tuyên thệ theo nghi thức, thì cũng nên gặp gỡ và trao đổi với linh Mục hoặc người có thẩm quyền trong Giáo Hội.

Một Vài Gợi Ý

Mặc dù trong khuôn khổ bài viết ngắn gọn này không thể bàn luận hết tất cả mọi khía cạnh của hôn nhân liên tôn, cũng như không có thể đưa ra một giải pháp tối ưu cho từng trường hợp, nên thiết tưởng chỉ gợi ý một số đề nghị và mong được tiếp tục đóng góp để đào sâu cho vấn đề mục vụ phức tạp nhưng lại ít được quan tâm và thảo luận.

Theo giáo luật 1917, Giáo hội cấm hôn nhân liên tôn. Giáo luật 1983 đã cho phép hôn nhân liên tôn, nhưng cần xin phép Đức Giám Mục. Như vậy, Giáo hội đã thay đổi thái độ và thực hành trong vấn đề hôn nhân liên tôn. Ngôn ngữ đối với các giáo phái tin lành trong bộ luật cũ như “ly khai, thệ phản” đã được xóa bỏ và thay thế bằng những ngôn từ hướng đến hiệp nhất trong tình anh chị em cùng chia sẻ một đức tin, một bí tích rửa tội, và một bí tích hôn nhân, nếu kết hôn với người Công Giáo. Còn hôn nhân với các đạo lớn của thế giới như Do Thái Giáo, Hồi Giáo, Ấn Độ Giáo, hay Phật Giáo, thì Giáo Hội không còn ép buộc họ trở lại đạo như ngày xưa, vì như thế sẽ trái với tự do tôn giáo của một con người, nhưng Giáo Hội vẫn luôn nhắc nhở con cái mình về trách nhiệm phải rao giảng Tin Mừng Đức Kitô và làm nhân chứng trong mọi hoàn cảnh, nghĩa là dù không “ép buộc” người bạn đời trở thành Công Giáo nhưng không có nghĩa là người Công Giáo coi thường hay ngay cả dừng dung với vai trò nhân chứng của mình. Hiểu biết tinh thần và cách thực hành của Giáo hội trong vấn đề hôn nhân liên tôn sau Công Đồng Vatican II sẽ giúp các bậc cha mẹ bớt lo lắng và quá bận tâm khi con em mình bước vào hôn nhân liên tôn. Do vậy, thế hệ người Công Giáo sống đạo theo tinh thần trước Công Đồng Vatican II cũng cần có một thái độ lạc quan và hy vọng trong vấn đề hôn nhân liên tôn.

Trước đây, người ngoài Công Giáo phải tìm hiểu Đạo Công Giáo trước khi kết hôn, chứ ít khi người Công Giáo chịu tìm hiểu các đạo khác. Vấn đề này tạo nên nhiều căng thẳng, vì tại sao mình muốn người bạn đời hiểu đạo mình mà mình lại coi nhẹ tôn giáo của của bạn mình, trong khi các

văn kiện của Giáo Hội đã khuyến khích học hỏi, đối thoại, và nhìn nhận giá trị linh thiêng trong các tôn giáo khác. Do đó, người Công Giáo, hơn bao giờ hết cần đi bước trước để học hỏi tôn giáo của người bạn đời của mình với lòng trân trọng. Về điểm này, đối thoại thành công trong gia đình liên tôn là khám phá những giá trị tôn giáo, chứ không bắt đầu chất vấn nhau về niềm tin. Vì có những tôn giáo rất khác nhau về niềm tin, nhưng lại chia sẻ nhiều giá trị giống nhau. Thí dụ, niềm tin Phật Giáo và Kitô giáo thì khác nhau, nhưng giá trị về lòng nhân từ, yêu thương, và xây dựng hòa bình thì lại gặp gỡ nhau trong cả hai tôn giáo.

Học hỏi tôn giáo của người bạn đời là chìa khóa để hiểu một con người, vì những giá trị nhân bản, luân lý, niềm vui, hy vọng, cách quyết định trong đời sống và cả kinh nghiệm tâm linh của một con người được hình thành từ tôn giáo của họ. Do đó, để hiểu và yêu thương bạn đời không cùng tôn giáo, thì không có cách nào hay hơn là học thêm những giá trị mà con người ấy được ấp ủ trong bầu khí tôn giáo của họ. Trong đối thoại này, nên tìm hiểu kinh nghiệm tôn giáo (spiritual experience) mà bạn đời của mình cảm nhận trong tôn giáo, nghi lễ, và nguyện cầu của chính họ.

Về vấn đề con cái sẽ theo đạo của ai? Con cái có khuynh hướng sẽ theo đạo của người nào sống đạo. Nói cách khác, chính đời sống tâm linh diễn tả qua yêu thương và chăm sóc trong gia đình sẽ lôi cuốn con cái của mình cũng như sẽ thu hút người khác. Mặc dù có những ý kiến nên để con mình trưởng thành rồi mới quyết định theo tôn giáo nào, ý kiến này hợp lý cho một số trường hợp. Nhưng theo nghiên cứu, thì không nên để con lớn khôn mới để cho đứa con quyết định nên theo đạo của bố hay của mẹ, bởi vì lúc đó đứa con sẽ giằng co nội tâm vì cảm thấy sẽ gây tổn thương cho một trong hai người: bố hoặc mẹ.²⁸ Do đó, giáo dục tôn giáo cho con cái là trách nhiệm của cả vợ chồng chứ không chỉ một bên. Nên trao đổi kỹ lưỡng vấn đề này trong thời gian chuẩn bị hôn nhân, chứ không chờ đến khi có con mới bàn chuyện này.

Cũng nên đề cập là năm 1970, Đức Giáo Hoàng Phao Lô VI đã miễn chuẩn cho người ngoài Công Giáo không phải ký giấy cam kết phải nuôi con

²⁸ Vấn đề này có thể xem Peter E. Fink, S.J., ed., *The New Dictionary of Sacramental Worship* (Collegeville: The Liturgical Press), 792-794.

trong đạo Công Giáo. Hơn nữa, ngày nay, chính ngay cả người Công Giáo cũng không phải ký giấy để nuôi con theo Công Giáo, nhưng chỉ hứa miệng, bằng mọi cách trong khả năng của mình để ảnh hưởng và giáo dục đức tin Công Giáo cho con cái của mình.²⁹ Đây là một quyết định quan trọng của Giáo Hội để tránh những xung khắc có thể dẫn đến sự đổ vỡ hôn nhân.

Trong hoàn cảnh văn hóa Mỹ Việt của người Việt Nam tại Mỹ hiện nay, nhiều gia đình muốn con em mình có một môi trường giáo dục tốt. Nhiều gia đình ngoài Công Giáo đã gửi con em họ đến các trường Công Giáo để học. Một số gửi con em đến các lớp Việt Ngữ tại nhà thờ để học tiếng Việt và văn hóa Việt. Có khi đây cũng là cơ hội thuận tiện để người Công Giáo đối thoại với người bạn đời của mình trong việc gửi con vào môi trường đạo để được học hỏi về cả văn hóa và tôn giáo.

Thời gian chuẩn bị hôn nhân phải là thời gian ưu tiên cho một hôn nhân liên tôn. Cả hai bên nên tìm hiểu ý nghĩa hôn nhân của cả hai đạo, chứ không phải chỉ tìm hiểu một bên. Theo thống kê, những đôi hôn nhân đi qua thời gian dài chuẩn bị hôn nhân theo tôn giáo, thì giữ được hạnh phúc lâu bền hơn. Điều đáng tiếc hiện nay, là các chương trình dự bị hôn nhân hiện nay ít trình bày sâu sắc về vấn đề khác biệt tôn giáo và phương cách đối thoại tôn giáo ngay trong đời sống gia đình. Vấn đề này là sứ mạng và trách nhiệm của những cộng đoàn Công Giáo và của các mục tử để giúp các gia đình liên tôn sống hòa hợp và phát triển đời sống tâm linh. Nhiều anh chị em ngoài Công Giáo khi lập gia đình với người Công Giáo vẫn còn thấy mình sống bên lề của Giáo Hội. Do đó, sứ mạng của cộng đoàn Giáo Hội địa phương và ngay cả trong dòng tộc của người Công Giáo cần cởi mở, đón nhận, và nâng đỡ các gia đình này.

Hôn nhân liên tôn là dịp để đối thoại tôn giáo ngay trong môi trường gia đình trong ánh sáng của Công Đồng Vatican II. Giữa những khó khăn, Giáo Hội nhìn thấy đó cũng là những cơ hội để đối thoại, cơ hội để hiệp nhất, cơ hội để làm chứng đức tin Kitô giáo ngay trong môi trường gia đình với người khác đạo. Một trong những ý nghĩa căn bản của bí tích hôn nhân

²⁹ Xem Michael G. Lawler, “Interchurch Marriages” in *Marriage: Reading In Moral Theology*. Charles E Curran & Julie Rubio, ed. (New York: Paulist Press, 2009), 253-275.

là trở nên chứng nhân cho sự hiện diện của Thiên Chúa trong đời sống gia đình. Vậy người Công Giáo cần sống đời sống chứng nhân qua tình yêu thương, để người bạn đời cảm nghiệm được rằng, Công Giáo thực sự có một kho tàng quý giá để trao ban cho thế giới và cho gia đình. Chính tình yêu và cách sống của mình trong sự yêu thương và tôn trọng, chứ không phải chỉ việc đi lễ đọc kinh, sẽ giúp người bạn đời cảm kích giá trị của Đạo Công Giáo. Đã không ít những người đã xin được gia nhập đạo vì họ cảm nghiệm được sự yêu thương nơi người bạn đời và tình liên đới trong giới bạn bè Công Giáo.

Điều này mời gọi người Công Giáo cần học hỏi và đào sâu niềm tin và những giá trị của đạo mình. Hơn nữa người Công Giáo trong gia đình liên tôn cần gắn bó với cộng đoàn đức tin của mình như xứ đạo và đoàn thể để được nâng đỡ và phát triển niềm tin cũng như trở sinh hoa trái thiêng liêng. Sống đạo thực sự và cầu nguyện là nguồn sức mạnh để một gia đình liên tôn đi qua thử thách. Nếu người Công Giáo thực sự muốn người bạn đời của mình gặp gỡ Thiên Chúa qua đạo Công Giáo thì cần một đời sống cầu nguyện. Nhiều anh chị em khác đạo cũng đã trở nên gắn bó với Thiên Chúa và Giáo hội nhờ đời sống cầu nguyện của người bạn đời Công Giáo. Hơn nữa, chính đời sống cầu nguyện là chìa khóa để giúp cho đời sống của mình được biến đổi, và sự biến đổi ấy sẽ ảnh hưởng đến con cái và người bạn đời của mình.

Gợi ý cuối cùng là có thể học hỏi cách sống của những gia đình có cùng hoàn cảnh về hôn nhân liên tôn, nhưng đã gom góp kinh nghiệm sống và tìm được bí quyết để sống hạnh phúc trong những khác biệt về tôn giáo. Chẳng hạn, những câu chuyện hạnh phúc trong đời hôn nhân liên tôn giáo được chia sẻ tại Trung Tâm Mục Vụ Sài Gòn,³⁰ hay bao nhiêu câu chuyện thành công trong đời sống hôn nhân khác đạo của các anh chị em chung quanh. Chẳng hạn, có một đôi vợ chồng liên tôn đã kết hôn hơn ba mươi năm nay. Mỗi tuần, bác trai đưa bác gái đến chùa rồi bác lái xe về đi lễ. Sau đó, bác ghé qua chùa chở bác gái về nhà. Sự quan tâm cho nhu cầu tâm linh của người bạn đời của mình, dù không phải là cùng tôn giáo, đã giữ gìn hạnh phúc của gia đình họ qua nhiều thập kỷ. Trong tinh thần này, người Mỹ gần

³⁰ Xem Thiên Ân, “Kinh Nghiệm Sống Đời Hôn Nhân Liên Tôn Giáo” tại <http://tgpsaigon.net/baiviet-tintuc/20130323/20785>

đây cũng chia sẻ kinh nghiệm này qua một số cuốn sách như *Being Both: Embracing Two Religions in One Interfaith Family* của Susan Katz Miller,³¹ hoặc cuốn mới nhất của Dale McGowan, *In Faith and In Doubt: How Religious Believers and Nonbelievers Can Create Strong Marriages and Loving Families*.³² Những sách này chia sẻ những kinh nghiệm tích cực và lạc quan về đời sống hôn nhân liên tôn và giúp những ai đang sống trong hoàn cảnh tương tự tìm được nhiều an ủi và phương thức sống đức tin cách hữu hiệu, vui tươi, và an bình.

³¹ Susan Katz Miller, *Being Both: Embracing Two Religions in One Interfaith Family* (Beacon Press, 2013)

³² Dale McGowan, *In Faith and In Doubt: How Religious Believers and Nonbelievers Can Create Strong Marriages and Loving Families* (AMACOM, 2014).



Lm. Nguyễn Thảo, S.J., là Tu sĩ Dòng Tên thuộc tỉnh dòng Oregon, chuyên nghiên cứu về đường hướng truyền giáo và mục vụ cũng như hội nhập văn hoá của Hội Đồng Giám Mục Á Châu. Ngoài ra, Cha thường đi giảng tinh tâm cho các xứ đạo ở nhiều nơi cũng như viết những truyện ngắn tâm linh như “Xe Lăn Và Hy Lễ Ban Chiều,” “Tám Áo Lễ Với Những Đường May Giang Giở, v.v...” Hiện nay Cha đang phục vụ và làm nghiên cứu tại trường Đại học Santa Clara, tiểu bang California. Đề tài nghiên cứu và giảng dạy hiện nay là “Chúa Giêsu Trong Các Nền Văn Hoá.”

Bảo Vệ Hôn Nhân Truyền Thống Nam – Nữ. Chống Hôn Nhân Đồng Tính

Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S.

I. Giới Thiệu

Trong lời chúc mừng Giáng Sinh năm 2012, đức thánh cha Benedict XVI đã nhắc lại sự cần thiết của việc bảo vệ giá trị hôn nhân truyền thống (nam và nữ), và lên án quyết định của nhiều tổ chức chính trị đang vận động để hợp thức hoá hôn nhân đồng tính, nhất là tại Âu châu và Mỹ châu. Ngài nhắc lại lời của những nhà lãnh đạo tôn giáo khác để cảnh báo cho mọi người biết giá trị hôn nhân truyền thống đang bị thách thức ở một mức độ nghiêm trọng.¹

Trong bài phát biểu tại Đại Hội Liên Hiệp Quốc Tế Gia Đình tại Sydney năm 2013, Ủy Viên Đặc Nhiệm của Liên Hiệp Quốc về Gia Đình và Người Già, tiến sĩ Farooq Hassan, đã mạnh mẽ lên tiếng kêu gọi xét lại chính sách của Liên Hợp Quốc và những quốc gia đang hợp thức hoá hôn nhân đồng tính và chấp nhận cho các cặp đồng tính được nhận con nuôi vì chính sách này trực tiếp gây hại cho sự trưởng thành tự nhiên của những trẻ được nhận nuôi, đe dọa sự ổn định của gia đình trong xã hội, và ảnh hưởng cả nền an ninh quốc gia trong chiến lược lâu dài.² Bài phát biểu nhắc lại

¹ Xem báo *L'Osservatore Romano* ngày 21 tháng 12 năm 2012. Có nhiều yếu tố đe dọa hôn nhân truyền thống như gian dâm, ly dị, tranh ảnh đồi trụy, buôn bán nô lệ tình dục, sống thử, sống chung v.v..., nhưng trong bài viết này, tôi chỉ muốn nói đến hôn nhân đồng tính là yếu tố đe dọa hôn nhân truyền thống mạnh mẽ nhất, dựa theo lời đức thánh cha Benedict XVI.

² Xem bài phát biểu của tiến sĩ Farooq Hassan, giáo sư luật tại đại học Harvard, Ủy Viên Đặc Nhiệm của Liên Hiệp Quốc cho Gia Đình và Người Già, đọc tại Đại Hội Liên Hiệp Quốc Tế Gia Đình (World Congress Family) lần VII họp tại Sydney, Australia từ 15-18 tháng 5 năm 2013. Bài phát biểu có thể tìm thấy trong trang web của World Congress Family, www.worldcongress.org.

phúc lợi chung (common good) của xã hội cần phải được bảo vệ, đó là, hôn nhân không còn là vấn đề riêng tư giữa hai người, mà là cơ sở trên đó đời sống và sự ổn định của xã hội được xây dựng.

Qua bao năm tháng, xã hội loài người tồn tại khắp nơi trên mặt đất đều công nhận hôn nhân giữa nam và nữ như đơn vị căn bản của xã hội. Giáo lý Công Giáo, dựa vào luật tự nhiên được Thiên Chúa viết sẵn trong mọi thụ tạo, đã cho “hôn nhân là một ơn gọi” khi cộng tác với Thiên Chúa trong chức năng con người của mình. Vì thế, hôn nhân không là một cơ sở cho những tranh giành lý tưởng chính trị, mà là một đáp trả đúng bản năng Thiên Chúa đã dựng nên con người giống hình ảnh Ngài có nam có nữ (Gen 1:27).

Trong bài này, chúng ta cùng tìm hiểu giá trị hôn nhân truyền thống trong Thánh Kinh, những lời dạy của Giáo Hội trong lịch sử, và tại sao chúng ta cần bảo vệ hôn nhân truyền thống.

II. Mục Đích Của Hôn Nhân Theo Thánh Kinh

Là những người có đức tin, câu đầu tiên ta hỏi: Thiên Chúa có ý định gì cho hôn nhân? Đọc lại sách Sáng Thế, từ chương 1-3, chúng ta có thể hiểu được được ý định này Thiên Chúa khi Ngài dựng nên có nam có nữ, khi Ngài khiến hai người bỏ cha mẹ để nên một xương một thịt với nhau, khi Ngài cho họ có khả năng sinh sản con cái (Gen 1-3).³ Đây chính là sự thiết lập một gia đình mới. Sách Sáng Thế viết: “*ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa phán: “Con người ở một mình thì không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy đất nặn ra mọi dã thú, mọi chim trời, và dẫn đến với con người, xem con người gọi chúng là gì: hễ con người gọi mỗi sinh vật là gì, thì tên nó sẽ là thế. Con người đặt tên cho mọi súc vật, mọi chim trời và mọi dã thú, nhưng con người không tìm được cho mình một trợ tá tương xứng. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa cho một giấc ngủ mê ập xuống trên con người, và con người thiếp đi. Rồi Chúa rút một*

³ Ở đây chúng ta không đọc câu chuyện tạo dựng trời đất, vũ trụ trong sách Sáng Thế theo nghĩa đen, nhưng chúng ta cắt nghĩa dựa theo câu chuyện được viết lại để chuyển tải đức tin mà thôi. Vì thế, hai câu chuyện sáng tạo trong chương 1 và 2 được hiểu cùng một mục đích, đó là, chính Thiên Chúa đã tạo dựng con người, đã thiết lập hôn nhân, và đã cho nó một mục đích rõ ràng qua khả năng tính dục và sinh sản. Ta sẽ hiểu rõ thêm ý nghĩa này trong phần còn lại của bài viết.

cái xương sườn của con người ra, và lấp thịt thế vào. ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy cái xương sườn đã rút từ con người ra, làm thành một người đàn bà và dẫn đến với con người. Con người nói: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi! Nàng sẽ được gọi là đàn bà, vì đã được rút từ đàn ông ra.” Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt. Con người và vợ mình, cả hai đều trần trụi mà không xấu hổ trước mặt nhau” (Gen 2:18-25).

Có hai điều đáng chú ý trong đoạn văn trên. Thứ nhất, chính Thiên Chúa đã lên tiếng lo lắng cho Adam cô đơn “một mình không tốt” ngay cả khi ta không nghe thấy Adam chia sẻ hay có yêu cầu gì. Điều quan tâm này được xem là yếu tố tích cực cắt nghĩa rằng chính Thiên Chúa là Đấng thiết lập hôn nhân nam nữ khi dựng nên Eve cho Adam. Nói cách khác, việc dựng vợ gã chồng đến từ Thiên Chúa chứ không từ đòi hỏi của con người.

Thứ hai, sau khi đưa đến cho Adam xem và đặt tên nhiều sinh vật, chính Thiên Chúa đã chủ động dựng nên một “trợ tá tương xứng” là Eve (Gen 2:18, 20).⁴ Như thế, người đọc cũng hiểu được rằng chỉ có Eve là tương xứng, còn những thụ tạo khác đều không tương xứng. Nhiều nhà Kinh Thánh đã dùng câu “trợ tá tương xứng” này để cắt nghĩa quan hệ hôn nhân nam-nữ và chỉ một vợ một chồng. (Gen 1:27; 2:23ff).

Sau đó, Thiên Chúa chúc lành cho họ “nên một xương một thịt” (Gen 2:24), đặt họ làm chủ mọi loài: “*Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất” (Gen 1:28).*

Và Thiên Chúa đặt khả năng sinh sản qua sức mạnh tính dục. Là con người, dân Israel hiểu được những nguy hiểm của sức mạnh tính dục này, nên đã được hướng dẫn hình thành bộ luật nhằm bảo vệ định chế hôn nhân chống lại những thoái hoá vì tội lỗi con người lạm dụng tính dục (xem Lev

⁴ Nhiều người khó chịu với từ “trợ tá” trong Kinh Thánh, vì cho là làm nhẹ vai trò của phụ nữ so với nam. Thực ra, nếu đọc Kinh Thánh, chúc “trợ tá” (tiếng Do Thái *ezer*) được dùng chỉ chính Thiên Chúa là Đấng cứu giúp con người, và từ này được dùng lặp đi lặp lại nhiều lần (Ex 18:4; Pss 20:2; 33:20; 70:5; 115:9-11; 121:1-2; 146:5). Xem thêm trong R. David Freedman, “Woman, A Power Equal to Man” trong *Biblical Archaeological Review* 9, no. 1 (1983) 56-58.

18; 20:8-20; Deut 5:16,18,21). Những hành vi tính dục không phục vụ cho mục đích truyền sinh đều bị lên án.

Trong Mười Giới Răn, những điều 4, 6 và 9 cũng nhằm bảo vệ giá trị gia đình và hôn nhân không bị lạm dụng. Hơn nữa, biểu tượng của hôn nhân còn được dùng để so sánh tương quan giữa Thiên Chúa và con người (Hos 1:2-3:3, Jer 2:2; 3:1; 6-12; Ezk 16). Điều này cũng được thánh Phaolô nhắc lại trong Tân Ước khi Ngài nói đến tình yêu vợ chồng là dấu hiệu của mẫu nhiệm tình yêu giữa Chúa Kitô và Hội Thánh (Eph 5:32). Và tính chất thánh của hôn nhân là trọng yếu của xã hội.

Nói chung, hôn nhân nam nữ được Thiên Chúa thiết lập nhằm mục đích truyền sinh và làm chủ mọi loài trên mặt đất. Nói theo thần học Công Giáo, hôn nhân còn phải là điều kiện Thiên Chúa thiết lập để kéo con người về gần với Thiên Chúa qua việc cộng tác với Ngài trong công trình tạo dựng vũ trụ.⁵ Vậy con người không thể để hôn nhân trở thành nguyên nhân khiến họ xa lìa Thiên Chúa khi lạm dụng hôn nhân cho những thoả mãn ích kỷ con người (như đa thê, ly dị, gian dâm...) hay đi ngược lại mục đích đã được tiền định (như hôn nhân đồng tính).

Chúng ta cùng tìm hiểu những yếu tố khiến hôn nhân con người đi xa mục đích được tiền định.

III. Khi Hôn Nhân Xa Rời Mục Đích Nguyên Thủy

Lịch sử con người chứng minh rằng khi con người sa ngã, sống không đúng với lý tưởng hôn nhân Thiên Chúa tiền định, thì cuộc sống gặp nhiều khủng hoảng. Chúng ta có thể tìm hiểu qua bốn tình trạng biến chất trong hôn nhân: đa thê, ly dị, ngoại tình, và đồng tính.⁶

1/ Đa Thê: Trong sách Sáng Thế cho ta thấy không lâu sau khi Adam ra khỏi Vườn (thường được gọi là Vườn Địa Đàng), con người đã bắt đầu xáo trộn hôn nhân được Thiên Chúa thiết lập với chế độ đa thê khi “Lamech

⁵ Xem *Giáo Lý Công Giáo* số 307, 323.

⁶ Xem thêm phần “Những xúc phạm đến phẩm giá hôn nhân” trong *Giáo Lý Công Giáo* từ số 2380 đến 2391. Trong này, *Giáo Lý* có nhắc đến phần sống chung (sống thử) và loạn luân mà tôi không bàn ở đây. Riêng phần “sống chung”, xin xem bài của linh mục Đào Quang Chính về đề tài “Mục Vụ Cho Người Sống Chung” trong phần cuối của sách.

lấy 2 vợ” (Gen 4:19).⁷ Nhưng ta cũng nên biết, chế độ đa thê không thật sự phổ biến trong dân Israel, mà thường xảy ra sau những cuộc chiến tranh, khi có quá nhiều người nam bị chết (xem Isa 3:25; 4:1). Ngoài ra, đa thê thường xảy ra (và gần như luôn luôn xảy ra) trong trường hợp không có con (Gen 16:1-4; 1 Sam 2), xảy ra với những người lãnh đạo như Gideon, Samson, David và Solomon là những người muốn bắt chước vua các nước lân bang (xem 1 Sam 8:5, 19-20), nhưng đã bị Thiên Chúa khiển trách: “*Vua ấy cũng không được có nhiều vợ, kéo tâm hôn bị lầm lạc*” (Deut 17:17).⁸

Vì chế độ đa thê là một lỗi sống khiến con người xa rời kế hoạch ban đầu của Thiên Chúa dành cho hôn nhân, nên đã có những lệnh cấm đa thê (Lev 18:18; Deut 17:17).⁹ Nhiều bất hoà, tranh chấp cũng xuất phát từ sự đảo ngược trật tự hôn nhân này như trường hợp Jacob thương con của Rachel hơn Leah (Gen 29:30 – 30:22), ông Elkanah phân biệt giữa con của Penninah và con của Hannah (1 Sam 1:4-5), và Rehoboam yêu Maacah hơn những người vợ khác (2 Chron 11:21). Thêm vào đó, ghen tương xảy ra giữa Sarah và Hagar, hai người vợ của Abraham (Gen 21:9-10), giữa bà Rachel và Leah với Jacob (Gen 30:14-16), giữa bà Penninah và Hannah với ông Elkanah (1 Sam 1:6).

⁷ Thế hệ thứ sáu, tính từ Adam, thì Lamech lấy hai vợ. Ở đây chúng ta không bàn luận lý do ông lấy hai vợ, nhưng một số chú giải Thánh Kinh cho rằng những người như Lamech tuân giữ lệnh Thiên Chúa “sinh đầy mặt đất” (Gen 1:28), nhưng thay vì tin vào Thiên Chúa là Đấng sẽ ban cho ta con cái là phúc lộc, những người như Lamech lại tin vào chính mình, và việc lấy hai vợ (đa thê) là một trả lời cho việc con người tin vào chính mình hơn là Thiên Chúa.

⁸ Xem thêm phần giải thích những trường hợp đa thê trong Kinh Thánh trong David Instone-Brewer, *Divorce and Remarriage in the Bible: The Social and Literary Context* (Grand Rapids: Eerdmans, 2002) 59-60.

⁹ Xem Gordon P. Hugenberger, *Marriage as a Covenant: Biblical Law and Ethics as Developed from Malachi* (Grand Rapids: Baker, 1998) 112; 115-118. Trong Hệ Luật có nhắc đến điều lệ cho hôn nhân đa thê: “*Khi một người đàn ông có hai vợ, một vợ được yêu, một vợ không được yêu, và cả người được yêu lẫn người không được yêu đều sinh con cho người ấy, mà con trai trưởng lại là con của người không được yêu,¹⁶ thì khi chia gia tài cho các con, người đàn ông ấy không được dành quyền trưởng nam cho đứa con của người vợ mình yêu, khiến đứa con của người vợ không được yêu, là con trai trưởng, bị thiệt.¹⁷ Trái lại người đàn ông ấy phải nhìn nhận đứa con của người vợ không được yêu là trưởng nam, mà chia cho nó hai phần sản nghiệp: nó là hoa quả đầu đời trai trưởng của người ấy, nên nó được quyền trưởng nam*” (Deut 21:15-17).

Dù đa thê được nhắc đến nhiều lần trong Cựu Ước như một việc được công nhận, nhưng ta không tìm thấy câu nào trong Kinh Thánh nói lên sự ủng hộ chế độ đa thê đến từ Thiên Chúa.¹⁰ Tuy nhiên, ta có nhiều đoạn nói đến tiêu chuẩn mẫu mực một vợ một chồng là ý định Thiên Chúa (xem Châm Ngôn 12:4; 18:22; 19:14; 31:10-31; Thánh Vịnh 128:3; Ezek 16:8).¹¹

2/ Ly dị: Như đã nói, Thiên Chúa thiết lập hôn nhân với ý định bất khả phân ly, con người ăn đời ở kiếp với nhau: “*Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt*” (Gen 2:24).¹²

Luật Môsê qui định rằng tư tế không cưới một người nữ đã ly dị (ngay cả khi nàng không là người có lỗi của việc ly dị đó: “*Chúng không được lấy...một người đàn bà bị chồng bỏ, vì tư tế được thánh hiến cho Thiên Chúa của mình*” (Lev 21:7; 14). Các nhà chú giải Kinh Thánh cho rằng trong một cố gắng ngăn chặn những thiệt hại gây ra do ly dị, luật Môsê cấm người đàn ông cưới lại người đàn bà mà ông đã ly dị và người đó đã lấy chồng khác, ngay cả khi chồng sau này đã chết (Deut 24:1-4).¹³ Dù trong Cựu Ước ghi lại nhiều ly dị được chấp nhận như một phần của cuộc sống (xem Ezra 9-10; Neh 13:23-31; Mal 2:14-16), nhưng lý tưởng vẫn là hôn nhân bất khả phân ly. Luật Môsê cấm ly dị nếu người vợ cưới là người còn trinh tiết khi lập gia đình (Deut 22:19, 29). Các tiên tri dùng biểu tượng hôn nhân vợ - chồng nói đến tương quan giữa Thiên Chúa và dân Israel, và tiên

¹⁰ Có người cho rằng tục của người Do Thái và dân vùng Mesopotamia xưa là khi người anh chết mà chưa có con với vợ, thì em trai có thể tiếp tục lấy để sinh con nối dõi tông đường. Thói quen này được nói tới trong chuyện của Onan (Gen 38:8, 11), bà Ruth (Ruth 4:5). Có người cho rằng đây chính là nguyên nhân cổ động và hỗ trợ cho chế độ đa thê (nhiều vợ), nhưng dường như không có cơ sở vững chắc. Trong Tân Ước, câu hỏi người Pharisiêu đặt ra với Chúa Giêsu trong Matthew 22:24; Mark 12:19-23 và Luke 20:28 chỉ áp dụng cho những người thân cận trong dòng họ, và những người này không thấy nói gặp khó khăn gì trong việc lập gia đình. Vì thế, ta không thể coi tục lệ “em cưới vợ của anh - levirage marriage” giống như đa thê được. Xem Gordon P. Hugenberger, *Marriage as a Covenant*, 115-118.

¹¹ Xem thêm Louis M. Epstein, *Marriage Law in the Bible and Talmud*, Harvard Semitic Series 12 (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1942) 4.

¹² Xem những câu Chúa Giêsu trích và diễn dịch Gen 2:24 trong Mat 19:4-6 và Mark 10:6-9.

¹³ Xem Deut 24:1-4. Trong đoạn này, có người cắt nghĩa rằng sở dĩ người đàn ông trước không cưới lại được vì nàng “đã ra ô uế” nói lên những hôn nhân sau ly dị là nối giáo cho tội gian dâm.

tri Malachi nói rõ: *“Quả thật, Ta ghét việc rẫy vợ, - ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa Israel phán” (Mal 2:16)*

3/ Ngoại Tình: Sau khi con người sa ngã, lịch sử trong Cựu Ước ghi lại là con người chiến đấu rất nhiều với sự chung thủy trong hôn nhân. Nổi bật nhất là câu chuyện vua David với bà Bathsheba, vợ tướng Uriah (2 Sam 11:2-5); câu chuyện ngoại tình của Gomer, vợ tiên tri Hosea (Hos 3:1), được dùng làm biểu tượng sự phản bội của dân Israel đối với Thiên Chúa khi dân bỏ Ngài đi thờ tà thần. Những chuyện ngoại tình này đã làm Thiên Chúa buồn giận (Jer 3:2; 5:7-8; 7:9-10; 23:10; Ezek 22:11; 33:26; Hos 4:2; 7:4).

Trong khi khuyên con phải biết giữ mình (giới răn 6): *“chớ làm sự dâm dục” (Ex 20:14; Deut 5:18)*, luật còn khuyên không được ăn ở với vợ người khác (giới răn 9): *“Người không được giao hợp với vợ của một người lân cận, để khỏi ra ô uế vì người đàn bà ấy” (Lev 18:20)*. Luật cũng nói rõ hình phạt của tội ngoại tình là chết (Lev 20:10), nhưng trong Cựu Ước không thấy nói đến ai đã bị xử chết vì phạm tội ngoại tình?¹⁴ Những đe dọa hình phạt vì ngoại tình luôn là một lời nhắc nhở đến lý tưởng chung thủy trong hôn nhân, vì đó là điều làm đẹp lòng Thiên Chúa.

4/ Đồng Tính: Câu chuyện ghi lại trong sách Sáng Thế (Gen 19:1-29) vẫn được trích dẫn để chứng minh rằng Thiên Chúa lên án những hành động tính dục đồng tính, và kết quả là hình phạt xảy ra cho thành Sodom và Gomorrah (Gn 18-19). Sách Lêvi cũng ghi rõ: *“Người không được nằm với đàn ông như nằm với đàn bà: đó là điều ghê tởm” (Lev 18:22)*, và *“Khi người đàn ông nào nằm với một người đàn ông như nằm với đàn bà, thì cả hai đã làm điều ghê tởm; chúng phải bị xử tử, máu chúng đổ xuống đầu chúng” (Lev 20:13).*¹⁵

¹⁴ Xem thêm sách Dân Số 5:11-31; Đệ Nhị Luật 22:22. Dù sách Lêvi 20:10 nói đến hình phạt cho tội ngoại tình là án tử hình, nhưng không thấy Kinh Thánh ghi lại một án phạt nào được thi hành. Ví dụ gần nhất ta có thể đọc được là khi Thiên Chúa đe dọa giết Abimelech nếu ông ta phạm tội với Sarah và biến bà ta thành ô uế (Gen 20:7); rồi Abimelech đe dọa giết bất cứ ai phạm tội với Rebekah (26:11); và chuyện Judah chuẩn bị thiêu sống Tamar nhưng phát hiện ra tội lỗi mình bên bờ án (Gen 38:24). Chúng ta cũng nên biết rằng tất cả những chuyện trên đây xảy ra trong sách Sáng Thế Ký, trước khi Thiên Chúa ban luật cho dân Israel qua Môsê.

¹⁵ Ta có thể đọc được những chuyện liên quan đến đồng tính nam trong Lev 18:22; 20:13; Rom 1:27; 1 Cor 6:9-10; 1 Tim 1:9-10; và đồng tính nữ trong Rom 1: 26-27.

Những người chấp nhận đồng tính luyến ái không chấp nhận lối giải thích trên, và cho rằng không có phần nào trong Thánh Kinh thật sự lên án những hành động tính dục đồng tính. Bắt đầu với câu chuyện thành Sodom, khi những người dân làng đòi ông Lot phải đưa hai người khách nghỉ qua đêm ở nhà ông ra làm trò chơi cho họ (Gen 19:5).¹⁶

Họ có hai kết luận khác nhau. Một là Thiên Chúa trừng phạt thành Sodom không phải vì những hành động tính dục đồng tính, mà vì tội cưỡng hiếp tập thể (một nhóm đàn ông trong làng đòi ông Lot đưa hai người khách nam ra cho họ).¹⁷ Hai là những người dân làng đã thiếu lòng hiếu khách và đối xử vô lễ với người lạ.¹⁸

¹⁶ Trong sách Sáng Thế: “Hai sứ thần đến thành Xơ-đôm vào buổi chiều.... Vừa thấy các ngài, ông Lót đứng lên ra đón các ngài.... Các ngài chưa đi nằm thì dân trong thành, tức là người Xơ-đôm, bao vây nhà, từ trẻ đến già, toàn dân không trừ ai. Chúng gọi ông Lót và bảo: “Những người vào nhà ông đêm nay đâu rồi? Hãy đưa họ ra cho chúng tôi chơi.” Ông Lót ra trước cửa gập chúng, đóng cửa lại sau lưng, rồi nói: “Thưa anh em, tôi van anh em đừng làm vậy. Đây tôi có hai đứa con gái chưa ăn ở với đàn ông, tôi sẽ đưa chúng ra cho anh em; anh em muốn làm gì chúng thì làm, nhưng còn hai người này, xin anh em đừng làm gì họ, vì họ đã vào trọ dưới mái nhà tôi.” Chúng đáp: “Xê ra! Tên này là một ngoại kiều đến đây trú ngụ mà lại đòi xét xử à! Chúng tao sẽ làm dữ với mày hơn là với những tên kia! “ Họ xô mạnh ông Lót và xông vào để phá cửa.” (Gen 19:1-9)

¹⁷ Xem Letha Scanzoni và Virginia Ramey Mollenkott, *Is the Homosexual My Neighbor? Another Christian View* (San Francisco: Harper & Row, 1978) 57-58. Một chuyện tương tự như xảy ra ở Sodom là người dân đòi hãm hiếp khách nam của một người trong vùng, nhưng ở đây, chủ nhà đã thay thế bằng nữ tỳ giúp việc để thỏa mãn đòi hỏi của họ. “Đang lúc họ ăn uống vui vẻ như vậy, thì này có những người dân trong thành, những kẻ vô lại, bao vây nhà ấy, vừa đập cửa dồn dập, vừa nói với cụ già là gia chủ: “Hãy đưa người đàn ông đã vào nhà ông ra đây cho chúng tôi chơi! “ Cụ chủ nhà ra gặp chúng và nói: “Này anh em, tôi van anh em đừng làm chuyện ác đức! Một khi người đàn ông này đã vào nhà tôi rồi, thì xin các anh đừng làm điều bỉ ổi. Này tôi có đứa con gái còn trinh, và người tỳ thiếp của anh ta nữa. Tôi đưa họ ra cho các anh cưỡng hiếp và xử với họ thế nào tùy ý. Còn đối với người này thì đừng làm điều bỉ ổi ấy.” Nhưng đám người đó không thèm nghe. Bấy giờ người kia dẫn tỳ thiếp của mình ra ngoài cho chúng chơi. Chúng cưỡng hiếp nàng suốt đêm cho tới sáng, và lúc rạng đông mới buông tha” (Judg 19:22-25).

¹⁸ Xem J. A. Loader, *A Tale of Two Cities: Sodom and Gomorrah in the Old Testament, Early Jewish, and Early Christian Traditions* (Kamper: Kok, 1992) 37, 110, 112; John McNeil S.J., *The Church and the Homosexual* (Kansas City, MO: Andrews and McMeel, 1976) 42-53; Anthony Kosnik et. al., *Human Sexuality: New Directions in American Thought* (New York: Paulist Press, 1977) 191-192; D. Sherwin Bailey, *Homosexuality and the Western Christian Tradition* (London: Longmans, Green, 1955) 4; Richard B.

Với những luật đặt ra trong sách Lêvi, những người chấp nhận tính dục đồng tính cắt nghĩa rằng những câu trên nói đến Luật Thanh Khiết (purity law) của người Do Thái, nghĩa là quan tâm đến nghi thức sạch sẽ hơn là những nguyên tắc luân lý (Lev 18:22; 20:13).¹⁹

Sang đến Tân Ước, thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Roma viết: “*Bởi thế, Thiên Chúa đã để mặc họ buông theo dục tình đồi bại. Đàn bà không quan hệ theo lẽ tự nhiên, mà lại làm điều trái tự nhiên. Đàn ông cũng vậy, không quan hệ với đàn bà theo lẽ tự nhiên, mà lại đem lòng thèm muốn lẫn nhau: đàn ông bậy bạ với đàn ông. Như vậy là chuốc vào thân hình phạt xứng với sự lầm lạc của mình*” (Rom 1: 26-27). Ở đây thánh Phaolô chỉ cho con người thấy điều “trái tự nhiên” trong quan hệ xác thịt giữa những người đồng tính là đi ngược lại ý định Thiên Chúa đã sắp xếp trong thụ tạo Ngài dựng nên nam và nữ. Cụm từ “*Thiên Chúa để mặc họ*” được nhắc 3 lần (Rom 1:24, 26, 28) nói lên hoàn cảnh con người đang sống sa đoạ là kết quả tự nhiên của việc rời xa Thiên Chúa. Thay vì hình phạt Thiên Chúa gửi đến cho họ, thì chính việc họ xa rời Thiên Chúa và sử dụng sai lạc chức năng tính dục đã biến đời sống sa đoạ của họ thành hình phạt cho chính mình.²⁰

Nhưng những người chấp nhận tính dục đồng tính lại cắt nghĩa rằng sự “*trái tự nhiên*” đây là trường hợp những người muốn quan hệ đồng tính vì tò mò hay thoả mãn đòi hỏi xác thịt chứ không áp dụng cho những người thực sự đồng tính. Nói cách khác, nếu người sinh ra là đồng tính thì những hành động tính dục đồng tính được chấp nhận vì nó thuận theo căn tính chứ không nghịch lại tự nhiên như những người không là đồng tính mà tìm đến với những hành động xác thịt này.²¹ Giáo Hội không đồng ý với lý luận này, và cho rằng người có “*khuyh hướng đồng tính luyến ái thâm căn... là một*

Hays, *The Moral Vision of the New Testament: Contemporary Introduction to New Testament Ethics* (HarperOne, 1996) 381.

¹⁹ Xem phần III trong sách tác giả L. William Countryman, *Dirt, Greed, and Sex: Sexual Ethics in the New Testament and Their Implications for Today*, 2nd ed. (Minneapolis, Minn: Fortress Press, 2007).

²⁰ Xem C. E. B. Cranfield, *The Epistle to the Romans*, ICC (Edinburgh: T & T Clark, 1975), vol. 1, 126-127.

²¹ Vài thần học gia luân lý Công Giáo tại Hoa Kỳ có ảnh hưởng rất lớn trong những bài viết của thập niên 1970s khi bênh vực cho ý tưởng này như Lisa S. Cahill, Philip S. Keane, Charles E. Curran, Richard A. McCormick. Giáo Hội không chấp nhận lối giải thích này.

khuyh hướng vô trật tự” (GLCG số 2358) và họ được kêu gọi “sống khiết tịnh” (GLCG số 2359).

Nhìn lại lý luận của những người ủng hộ tính dục đồng tính, chúng ta không thấy có những cơ sở vững chắc trong Kinh Thánh dù những điển dịch có vẻ thuyết phục người nghe của thời hiện đại.²² Họ thường cho rằng những trường hợp hay những câu trích mà ta cắt nghĩa trên (Gen 18-19; Lev 18:22; 20:13, Rom 1: 18-32, 1 Cor 6:9-11, 1 Tim 1:8-11) thường xảy ra cách độc lập, không liên quan đến nhau. Giáo Hội Công Giáo không đồng ý với lối giải thích đó, mà nhìn mọi giáo huấn trong tổng thể bộ Thánh Kinh được liên kết với nhau bắt đầu với mục đích Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ và con người có nam có nữ.

Tóm lại, trọng tâm của phần II và III này là trình bày cho ta thấy đâu là mục đích của hôn nhân và tính dục trong kế hoạch tạo dựng của Thiên Chúa. Những trường hợp đa thê, ly dị, gian dâm hay tính dục đồng tính được kể lại trong Kinh Thánh đều là kết quả của việc con người xa rời lý tưởng và mục đích ban đầu Thiên Chúa tạo dựng nên họ, những cặp nam-nữ “tương xứng” gắn bó “nên một xương một thịt” với nhau trong một gia đình.

Ngay cả những người ủng hộ cho đồng tính luyến ái cũng phải thấy được rằng kế hoạch nguyên thủy của Thiên Chúa dựng nên con người là lý tưởng mà con người phải cố gắng hết sức mình để theo đuổi. Vì thế, khi Chúa Giêsu được hỏi là liệu có được phép ly dị vợ mình như Môsê đã cho phép không, Ngài đã khẳng định là kế hoạch nguyên thủy của Thiên Chúa không như thế, nhưng Môsê cho phép ly dị chỉ vì các ông lòng chai dạ đá mà thôi (Mk 10:2-9).

IV. Giáo Hội Công Giáo Dạy Gì?

²² Nhóm cổ động cho đồng tính luyến ái thường nhắc đến lối sống đồng tính trong thời Dorian (thế kỷ 11 trước công nguyên) chiếm Hy Lạp. Theo Plutarch, đời sống đồng tính phổ biến trong các sân chơi, thể thao, nhà tắm công cộng, và ai có những thanh niên trẻ phục dịch (bên cạnh vợ họ) được coi là một “thời trang” cho những người có quyền thế, tiền bạc. Xem N. F. Cantor, *The History of Popular Culture* (New York: The Macmillan Company, 1968) 28. Nhưng điều cần biết là đại đa số xã hội không chấp nhận như một nguyên tắc chung cho mọi người, và luật chống lại quan hệ đồng tính có ghi lại trong thành Athens và những nơi khác của Hy Lạp. Xem W. Durant, *The Life of Greece*, (New York: Simon and Schuster, 1966) 301.

Kitô hữu phải làm gì với làn sóng hợp thức hoá hôn nhân đồng tính ngày càng cao? Trước hết, Giáo Hội muốn tái khẳng định giá trị hôn nhân truyền thống giữa nam - nữ vì tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền của các thể hệ tương lai được lớn lên theo đúng căn tính tự nhiên được Thiên Chúa tạo dựng dưới sự bao bọc của cha và mẹ là môi trường lý tưởng. Mọi hình thức tái định nghĩa căn tính hôn nhân sẽ nguy hại đến tế bào căn bản của xã hội là gia đình.²³

Giáo Hội muốn mọi người phải hiểu rằng tái khẳng định hôn nhân truyền thống nam - nữ không có nghĩa loại bỏ hay kỳ thị những người đồng tính, cũng không từ chối quyền căn bản làm người của họ, mà nhằm chỉ ra cho con người thấy đâu là kế hoạch nguyên thủy của Thiên Chúa và đâu là những thoái hoá con người vi phạm, rồi con người dùng lý luận để biện minh cho sự yếu đuối của mình.

Trong sách giáo lý Công Giáo, chúng ta không đọc thấy lời nào trực tiếp nói đến hôn nhân đồng tính (vì vấn nạn này tương đối mới, và chắc chắn Giáo Hội sẽ cập nhật cho hợp mục vụ), nhưng rất nhiều lần giáo lý nhắc đến chức năng tính dục đúng đắn là giữa người nam và nữ với mục đích sinh sản (GLCG 2333, 2335), và lên án những lạm dụng tính dục.²⁴

Giáo lý số 2357 dạy: *“Các hành vi đồng tính luyến ái tự bản chất là thác loạn... nghịch với luật tự nhiên... và không được chấp nhận trong bất cứ trường hợp nào.”*

Năm 1986 thánh Bộ Tín Lý dạy trong thư “Săn Sóc Mục Vụ Những Người Đồng Tính” rằng *“nếu coi những hoạt động đồng tính ngang hàng hay được chấp nhận như những hoạt động tính dục trong tình yêu hôn nhân*

²³ Xem thư của đức hồng y Timothy M. Dolan, chủ tịch hội đồng giám mục Hoa Kỳ gửi cho tổng thống Barack Obama về việc kêu gọi bảo vệ hôn nhân truyền thống gia đình ngày 20 tháng 9 năm 2011, và tài liệu “A Family Perspective in Church and Society” của hội đồng giám mục Hoa Kỳ được xuất bản từ năm 1998. Cả hai có thể được tìm thấy trên trang mạng của hội đồng giám mục Hoa Kỳ www.usccb.org.

²⁴ Điều đáng buồn là trong nghiên cứu của National Opinion Research Center’s General Social Survey, tổng kết từ 1970-2009 cho thấy người Công Giáo ngày càng chấp nhận hôn nhân đồng tính cao hơn người Tin Lành, và trong 20 năm, số người ủng hộ đồng tính năm 2008 tăng gấp 5 lần so với năm 1988. Bài được D. Paul Sullins đăng trong *The Catholic Social Science Review* 15 (2010): 97-123. Có nhiều nguyên nhân khiến người Công Giáo ngày càng không lắng nghe giáo huấn của các giám mục, nhưng đây là một đề tài có thể được khai triển trong dịp khác.

khác phái tính sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp đến cách hiểu căn tính và quyền gia đình và gây những trở ngại lớn lao cho gia đình” (số 9). Năm 2003, Thánh Bộ Tín Lý lại viết thư “Những Quan Tâm Liên Quan Đến Đề Nghị Công Nhận Kết Hợp Giữa Hai Người Đồng Tính” khi nhiều quốc gia chấp nhận cho những cặp đồng tính được kết hợp dân sự (sống như vợ chồng với một vài quyền lợi về y tế, tài sản... nhưng không là hôn nhân). Thánh Bộ nhắc lại với lời lẽ mạnh mẽ hơn: “Hoàn toàn không có căn cứ cho việc chấp nhận kết hợp đồng tính ngay cả một chút tương tự với kế hoạch của Thiên Chúa cho hôn nhân và gia đình.” Thánh Bộ cũng nhắc nhở là “những kết hợp như thế là sai tự căn tính ... thiếu những yếu tố sinh lý và thể lý cho hôn nhân và gia đình, mà những điều này là cơ bản lý luận để nó được công nhận. Những kết hợp như vậy không tạo nên sinh sản để nhân loại trường tồn cách đúng đắn” nên “hợp luật cho những người đồng tính được sống với nhau và chấp nhận cho luật đó là sai trái” (số 5).²⁵

Và Bộ Tín Lý kết luận là *“tất cả mọi người Công Giáo buộc có bổn phận chống lại việc hợp thức hoá công nhận kết hợp đồng tính” (số 10).*

Điều cần phải biết là trong khi Giáo Hội lên án hành động đồng tính luyến ái, Giáo Hội kêu gọi mọi Kitô hữu phải *“đón nhận họ [người đồng tính] với lòng tôn trọng, thông cảm và tế nhị, tránh đối xử bất công” (GLCG 2358).*²⁶

V. Cách Thức Đấu Tranh Chống Lại Hôn Nhân Đồng Tính

Biết được hôn nhân đồng tính đi ngược lại ý định nguyên thủy của Thiên Chúa dành cho con người, và sự hiện diện của hôn nhân đồng tính làm nguy hại đời sống con cái trong tương lai, và ảnh hưởng trầm trọng sự ổn định của gia đình trong xã hội, chúng ta được kêu gọi để chống lại những hợp thức hoá này. Nhưng đâu là cách thức chống đối hữu hiệu? Một vài đề nghị được nêu lên trong các thư chung và riêng của các giám mục tại Hoa Kỳ:

²⁵ Xem “Considerations Regarding Proposals to Give Legal Recognition to Unions between Homosexual Persons,” June 3, 2003 trên trang web Vatican.

²⁶ Thư của Thánh Bộ Tín Lý “Letter to the Bishops of the Catholic Church on the Pastoral Care of Homosexual Persons” tháng 10 năm 1986, và thư của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ năm 1990 “Human Sexuality: A Catholic Perspective for Education and Lifelong Learning” số 5 cũng đều nói đến việc này.

Thứ nhất, ta phải tiếp tục lên tiếng cổ vũ cho hôn nhân truyền thống và phản đối những bộ luật hợp thức hoá hôn nhân đồng tính. Với những nơi chính quyền đã thông qua thành bộ luật, ta không ngừng cho những người khác biết rằng hôn nhân đồng tính nghịch lại đức tin chúng ta. Một số đề nghị Kitô hữu chấm dứt tranh đấu cho hôn nhân truyền thống và chỉ tập trung tranh đấu cho tự do tôn giáo mà thôi, hay họ kêu gọi Kitô hữu rút mình ra khỏi những đòi hỏi chính trị để trở về xây dựng cộng đoàn giáo xứ mình là đủ... Nhưng rõ ràng đây là một sự trốn tránh. Kitô hữu có bổn phận và trách nhiệm làm chứng cho sự thật về hôn nhân, và tìm cách bảo vệ sự thật cho con cháu tương lai nữa. Nên nhớ rằng việc đòi hỏi tự do lương tâm, tự do tôn giáo (nghĩa là dù chính quyền đặt thành luật chấp nhận hôn nhân đồng tính, các linh mục không bắt buộc phải làm phép “hôn phối” cho họ vì đi ngược lại đức tin của mình) là cần thiết, nhưng chưa đủ.

Thứ hai, Giáo Hội phải đóng vai trò phúc âm hoá xã hội, đặc biệt là khi xã hội đi ngược lại với Tin Mừng. Nếu không lên tiếng, xã hội sẽ tạo nên một cơ cấu sai lầm, trong đó con người sống sai lầm mà họ không biết. Muốn thế, Giáo Hội cũng cần cập nhật giáo huấn cho hợp với thời đại, và tăng cường chăm sóc mục vụ cho những người đồng tính hợp với lời kêu gọi yêu thương của Tin Mừng.

Thứ ba, cách thức tranh đấu hữu hiệu nhất là trở nên nhân chứng bằng chính lối sống của mình. Chính những gia đình vợ chồng sống không bình an, các cặp sống chung, sống thử, ngoại tình, bỏ rơi con cái, hình ảnh dâm ô được ca tụng v.v... là những yếu tố làm suy yếu gia đình. Gia đình Kitô hữu thánh thiện sẽ thuyết phục người khác nhiều hơn là những lý luận mơ hồ.

Tóm lại, ta không chỉ được kêu gọi chống lại hôn nhân đồng tính, mà còn phải biết làm thế nào để lời dạy Phúc Âm được loan truyền có hiệu quả, và được xã hội công nhận việc mình làm ngay cả khi họ không đồng thuận với niềm tin chúng ta.

VI. Kết Luận:

Khi thế giới đang ngày càng tìm cách hợp thức hoá hôn nhân đồng tính, thì chúng ta lại càng phải ý thức trách nhiệm chống lại quyết định này

vì nó nghịch với ý định Thiên Chúa.²⁷ Kinh Thánh cho chúng những hướng dẫn cụ thể khi lên tiếng nghiêm cấm mọi hành vi đồng tính luyến ái. Vì thế, chấp nhận hôn nhân đồng tính là đồng lõa với sai lầm.

Nhiều người trong xã hội dùng chiêu thức tình cảm, kêu gọi chúng ta phải tỏ lòng khoan dung, chấp nhận hôn nhân đồng tính, đánh động lòng thương xót của người nghe (mà đối tượng là chúng ta và con em chúng ta ngày nay). Phương thức tình vi này đang rất thành công vì chiêu dụ được giới trẻ sống với **Tình** (con tim) nhiều hơn **Lý** (luật của Chúa, của sự thật). Chúng ta không thể cảm thông và yêu thương mà lại thiếu khôn ngoan phân biệt đúng - sai trong đời sống luân lý và đức tin.

Điều tôi muốn nói ở đây là chúng ta cần đặt hôn nhân và khả năng tính dục vào đúng vị trí của nó, nghĩa là, nó chỉ là thứ yếu và tạm thời so với quyền được thừa hưởng gia nghiệp với Đức Giêsu Kitô, con Thiên Chúa (Rm 8:17), vì sẽ không còn hôn nhân hay sinh sản trên nước trời (Luke 20:27-40).

Kitô hữu có vai trò quan trọng trong môi trường chính trị khi nhắc nhở cho mọi người biết rằng “*sự thật sẽ giải thoát chúng ta*” (Jn 8:32). Tin Mừng chúng ta công bố không do tự chúng ta sáng tạo, cũng phải do hàng giáo phẩm là những con người quyết định, mà đến từ Đức Giêsu Kitô, “*Đấng có lời ban sự sống đời đời*” (Jn 6:68).

²⁷ Tại Hoa Kỳ, tiểu bang Illinois là bang đầu tiên xoá lệnh lên án đồng tính năm 1961, và Hội Tâm Lý Hoa Kỳ (the American Psychiatric Association) xoá đồng tính khỏi danh sách “bất thường - disorder” trong sách chẩn đoán tâm lý sau cuộc thăm dò ý kiến của 10,000 thành viên (trong số 17.000) APA năm 1974. Và toà án tối cao Hoa Kỳ phán quyết rằng hành động tính dục là riêng tư cá nhân. Về mặt xã hội, việc ông Gene Robinson được phong giám mục Anh giáo cho New Hampshire và cưới người bạn trai vài tháng sau đó (năm 2003) là một thắng lợi cho giới đồng tính. Gene Robinson ly dị Mark Andrew tháng 5 năm 2014 sau 25 năm sống với nhau. Bản thân G. Robinson là người có vợ và 2 con trước khi ly dị và sống với Mark Andrew.



Linh mục Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S., tiến sĩ thần học tín lý đại học giáo hoàng Gregoriana, Roma, dạy đại chủng viện Thần Học (Washington DC), đại chủng viện và đại học giáo hoàng St. Mary's (Baltimore), Học Viện Đại Kết (Baltimore), trường thần học Oblate School of Theology (San Antonio, TX), thành viên ban giám đốc đại chủng viện Assumption, San Antonio TX, tác giả hàng trăm bài viết, thuyết giảng nhiều đại hội giáo lý và đại học, cộng tác với nhiều tờ báo, đài phát thanh và truyền hình Công Giáo tại Hoa Kỳ.

CHƯƠNG IV

THẦN HỌC LUÂN LÝ

ĐẦU ĐỜI VÀ CUỐI ĐỜI

PHẦN I

NGUYÊN TẮC MỤC VỤ LUÂN LÝ CỦA NHỮNG PHƯƠNG PHÁP HỒI SINH VÀ TRỢ SINH ĐỂ KÉO DÀI SỰ SỐNG

Lm Jos. Nguyễn Thanh Sơn S.T.D.

Bối Cảnh Của Kỹ Thuật Bảo Trì Sự Sống Thể Chất

Giới răn trong Kinh Thánh dạy chúng ta không được giết người hay tự sát. Cùng một lúc Kinh Thánh dạy chúng ta phải chấp nhận sự chết, nhất là phải chấp nhận nó như là một hành động của những người làm nhân chứng của Chúa Giêsu. Phúc Âm Marco 8:34-35 (và Luca 9:23-24) Khẳng định:

“Ai muốn theo Ta, hãy từ bỏ mình, vác thập giá mình mà theo Ta. Quả thật, ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất. Còn ai chịu mất mạng sống mình vì Ta và vì Phúc Âm, thì sẽ cứu được mạng sống mình.”

Hơn nữa, tìm sự chết lành trong Chúa vẫn là niềm hy vọng của mọi tín hữu, như lời mãn nguyện của Ông Simeon khi được ẵm Chúa Hài Đồng trong Phúc Âm theo Luca 2: 29-32:

“Muôn lạy Chúa, giờ đây theo lời Ngài đã hứa, xin để tôi tớ này được an bình ra đi. Vì chính mắt con được thấy ơn cứu độ. Chúa đã dành sẵn cho muôn dân: Đó là ánh sáng soi đường cho dân ngoại, là vinh quang của Ítraen Dân Ngài.”

Trong thời đại này, đặc biệt tại Hoa Kỳ, số người được sống và chết tự nhiên trong hoàn cảnh an bình càng ngày càng hiếm. Phần nhiều người ta ra đi dần mòn lở loét ở viện dưỡng lão với các thứ bệnh mãn tính, trong khu

đặc biệt Intensive Care Unit (ICU) của nhà thương, đang khi hồi sinh nhân tạo, hay trên bàn mổ, v.v... Cùng một lúc, những kỹ thuật y học để bảo trì người chết bất đắc kỳ tử, trong khi lượng định các cơ phận nhằm mục đích công hiến cho kẻ khác (*organ donation*), thì càng ngày càng tinh vi. Những kỹ thuật này cũng được dùng “lây” để kéo dài sự sống vất vưởng của những người dở sống dở chết, và nhiều người có khái niệm cho rằng những kỹ thuật và phương pháp đó có thể áp dụng không ngưng cho đến bất cứ lúc nào tùy ý.

Khi tính mạng treo mảnh, dù căn bệnh không còn chữa trị được nữa, thân nhân phần nhiều vẫn muốn bệnh nhân được nhồi tim, ép tĩnh-động mạch, gắn máy trợ thở, đút ống khí quản, đặt ống dinh dưỡng. Một số làm như vậy vì những lý do tình cảm như sợ sự chết, hay vì quá gắn bó với người thân. Nhưng một số lại nghĩ rằng Giáo Hội Công Giáo và luật Chúa đòi hỏi phải áp dụng mọi phương pháp kéo dài sự sống. Có một số cho rằng khi ngưng những hoạt động này là gây tội giết người.

Tuy không thể giải nghĩa và liệt kê tất cả, đại khái chúng ta có thể gọi chung những phương pháp này bằng anh ngữ phổ thông là “*Life Sustaining Treatment*,” và gồm có Cardio Pulmonary Resuscitation (CPR), Vasopressors, Percutaneous Endoscopic Gastronomy tube (PEG) [khác với Nasogastric (NG) tube], Tracheotomy và Respirator, Bi-Level Positive Airway Pressure (BPAP), Transfusion, Dialysis, và vài phương pháp đặc biệt hiếm có khác. Những phương pháp này đều có công hiệu hoặc gây chấn thương ít nhiều, và chúng nghiêng về khoa học kỹ thuật nhân tạo hơn là thể lý tự nhiên. Chúng được áp dụng để cấp cứu và mua thời gian trong khi bác sĩ và gia đình định liệu, chứ không phải để chữa bệnh. Trên đường dài thì hầu như tất cả những phương pháp này đều dẫn đến cái chết không tự nhiên và không an lành nếu căn bệnh tiếp tục hoành hành. Trường hợp điển hình là các nạn nhân bị đứng tim. Sau khi đứng tim, máu không mang oxygen lên óc, và nếu cấp cứu không kịp, thì phần nhiều não bộ chết vì thiếu oxygen. Phần óc còn lại sống trong tình trạng thực vật. Nếu tiếp tục dùng những phương pháp trên nhiều lần hay lâu dài thì bệnh nhân sẽ vỡ ngực, vỡ mạch, dập phổi, nhiễm trùng toàn bộ, tụ độc tố, lở loét, v.v... Theo thống kê thì gần như tất cả sẽ chết chậm trong những tình trạng rất đáng thương. Có một số trường hợp rất hiếm hoi, là một hai phương pháp này có thể dùng lâu dài với

những bệnh nhân đang tinh táo và đang có thể sinh hoạt đủ mức để tránh những hậu quả trên.

Phân Biệt Sự Giết Người

Bối cảnh trên là một trong những nguyên nhân đang gây nên một cuộc cách mạng “đòi chết.” của một số người trong xã hội. Ngoài một số nhỏ các nước trên thế giới, vài tiểu bang tại Hoa Kỳ cũng đã áp dụng đạo luật cho phép bác sĩ giúp bệnh nhân tự kết liễu cuộc đời bằng cách cho toa và bộ tiêm thuốc độc (chưa có tiểu bang nào cho phép chính bác sĩ tiêm thuốc bệnh nhân như có thể làm với tử tội).

Luận điệu của nhóm tự kết là họ không muốn phải chết lần mòn trong những trường hợp đau khổ khi họ mang những căn bệnh không chữa được. Họ không muốn bị ép phải kéo dài sự sống bằng những phương pháp cay nghiệt.

Dư luận quần chúng, kể cả những người Công Giáo, dễ nghiêng về phía những người đòi quyền tự kết vì họ hiểu lầm cả giáo huấn của Giáo Hội lẫn thâm ý của nhóm đòi quyền tự kết. Một số những người giữ lập trường chống lại nhóm này cũng không kém sai lầm khi họ có cái nhìn tuyệt đối về sự sống và có những đòi hỏi áp dụng những phương pháp trợ sinh mâu thuẫn với giáo huấn về đời sống tự nhiên.

Trước kia, hành động khử trừ những người mang bệnh tật trong xã hội hoặc hành động giúp bệnh nhân kết liễu cuộc đời được gọi chung là “*euthanasia*.” Danh từ này lấy từ tiếng hy lạp có nghĩa là “chết vui.” Tuy nhóm tự kết ngày nay không dùng danh từ này nhưng cốt lõi là họ tin vào tư tưởng đằng sau phong trào *euthanasia*. Xin mạn phép dùng danh từ “an tử” và “tự kết” để thay cho “*euthanasia*.” An-Tử luôn bị lên án bởi quốc tế và Giáo Hội Công Giáo vì chúng ta coi đó là hành động giết người, cố sát. An tử được coi là cố sát vì theo định nghĩa nó là một hành động có chủ ý làm ra cái chết của mình hay người khác, trong khi bình thường họ không phải chết. **An tử là cố sát vì chủ ý là gây ra cái chết.** Tuy nhiên một số khá đông người thời nay lầm lẫn việc giết người với việc ngưng các phương pháp kếp dài sự sống và họ cho rằng chính Thiên Chúa và Giáo Hội dạy là phải “còn nước còn tát.” Lầm lẫn này mang đến nhiều tai hại đến danh tánh của Giáo Hội lẫn công cuộc loan truyền giáo huấn chân chính.

Để đi thẳng vào vấn đề, trong tông thư *Evangelium Vitae*, năm 1995, Đức Gioan Phaolô II đã khẳng định như sau:

“Quyết định an-tử-tự-kết phải được phân biệt với quyết định từ chối những phương pháp được gọi là “trị liệu quá công kích.” Nói cách khác, đó là những y pháp không còn tương xứng với tình trạng của bệnh nhân, có thể vì lúc đó những y pháp ấy không còn kết quả thoả đáng hay vì lúc đó chúng đặt quá nhiều gánh nặng trên bệnh nhân và gia đình họ

Trong những trường hợp khi sự chết đã gần hay không thể tránh khỏi, người ta có thể theo đúng lương tâm mà từ chối những phương pháp mà chỉ làm cho họ sống dài hơn một cách vất vả và nặng nề, miễn là không ngưng chặn những sự lo liệu bình thường cho những người trong hoàn cảnh tương tự.

Khước từ những phương pháp vượt quá lẽ thường hay những phương pháp vượt quá cân xứng không phải là giết người hay tự tử; nó chỉ nói lên sự chấp nhận thân phận con người khi đối diện cái chết.”

“Euthanasia must be distinguished from the decision to forego so called ‘aggressive medical treatment,’ in other words, medical procedures which no longer correspond to the real situation of the patient, either because they are by now disproportionate to any expected results or because they impose an excessive burden on the patient and his family.”

“In such situations when death is clearly imminent and inevitable, one can certainly in conscience refuse forms of treatment that would only secure a precarious and burdensome prolongation of life, so long as the normal care due to the sick person in similar cases is not interrupted.”

To forego extraordinary or disproportionate means is not the equivalent of suicide or euthanasia; it rather expresses acceptance of the human condition in the face of death. (# 65)

Trong di chúc, chính Đức Gioan Phaolô II cũng đã từ chối những phương pháp hô hấp và trợ sinh nhân tạo, và ngài đã qua đời an bình tại gia, không gấn bất cứ ống khí quản hay mổ đường dưỡng sinh nhân tạo nào.

Căn bản Luân Lý Khi Áp Dụng, Từ Chối, Hay Ngưng Y Pháp

Trước đó, Đức Piô XII là một trong những vị giáo hoàng phải đối phó với những kỹ thuật hồi sinh và trợ sinh nhân tạo tân tiến. Trong diễn văn “Việc Kéo Dài Sự Sống” tại Đại Hội Y Sĩ Gây Mê Quốc Tế (*International Congress of Anesthesiologists*), ngày 24 tháng 11, năm 1957, người nhấn mạnh những gì là thông thường và những gì là ngoại lệ. Người cũng khuyến giới hạn áp dụng các phương pháp hồi sinh vượt quá lẽ thường.

“Lẽ thường cũng như Luân Lý Kitô Giáo nói rằng mỗi người khi lâm bệnh ngặt nghèo (và bất cứ ai có trách nhiệm chăm sóc người đồng loại) có quyền và có trách nhiệm nhận được sự chữa trị để bảo tồn mạng sống và sức khoẻ. Trách nhiệm mà họ có đối với chính họ, đối với Chúa, đối với cộng đồng nhân loại, và nói chung đối với một số những người chỉ định, bắt nguồn từ bác ái chân chính, từ việc tuân phục Đấng Tạo Hoá, từ công lý xã hội, kể cả sự công bằng đơn thuần, cũng như từ sự tận tâm với gia đình. Tuy nhiên, họ chỉ buộc phải chấp nhận những phương pháp bình thường - tùy hoàn cảnh của từng người, từng nơi, từng thời đại, và từng văn hoá - nghĩa là những phương pháp mà không mang theo gánh nặng quá đáng trên chính họ hay người khác.... Vì thế, nếu những cố gắng để hô hấp hồi sinh biểu lộ một thực trạng nặng nề quá đáng đối với gia đình, đến nỗi theo lương tâm không thể tiếp tục áp đặt chúng trên họ nữa, thì họ có thể xin ngưng những nỗ lực ấy, và y sĩ có thể chiều theo ý họ.”

“Natural reason and Christian morals say that man (and whoever is entrusted with the task of taking care of his fellowman) has the right and the duty in case of serious illness to take the necessary treatment for the preservation of life and health. This duty that one has toward himself, toward God, toward the human community, and in most cases toward certain determined persons derives from well ordered charity, from submission to the Creator, from social justice and even from strict justice, as well as from devotion toward one’s family. But normally one is held to use only ordinary means--according to circumstances of persons, places, times, and culture--that is to say means that do not involve any grave burden for oneself or another.... Consequently, if it appears that the attempts at resuscitation

constitutes in reality such a burden for the family that one cannot in all conscience impose it upon them, they can lawfully insist that the doctor should discontinue these attempts, and the doctor can lawfully comply.”

Trong diễn văn này, Đức Piô XII cũng xác định thêm rằng **y sĩ vẫn có thể theo đúng lương tâm mà gián đoạn những phương pháp hô hấp nhân tạo, dù hoạt động tim mạch của bệnh nhân chưa ngưng**, nếu những phương pháp này quá công kích và nặng nề nhưng không mang lại kết quả mong muốn. **Trên thực tế, có nghĩa là luân lý Công Giáo cho phép ngưng ống bơm hơi vào khí quản trong những trường hợp vô phương, dù tim mạch của bệnh nhân chưa ngưng và dù bệnh nhân chưa “chết” theo định nghĩa y học.**

Đối với các y sĩ, Giáo Hội cũng khuyến khích họ làm tròn bổn phận giúp người ta bớt đau đớn chứ không phải chỉ cố gắng kéo dài cuộc sống mà thôi. Trong thư gửi Liên Hội Y Sĩ Công Giáo Quốc Tế (*International Federation of Catholic Medical Associations*) ngày 3 Tháng 10, năm 1970, Đức Phaolô VI đã ghi nhận:

“Trách nhiệm của y sĩ cũng bao gồm nỗ lực xoa dịu đau khổ thay vì kéo dài sự sống, mà đang đến lúc mãn kết tự nhiên, bằng bất cứ cách nào hay trong bất cứ hoàn cảnh nào.”

“The physician’s duty consists rather of endeavoring to soothe the suffering instead of prolonging as long as possible by any means and under any conditions a life that is naturally approaching its conclusion.”

Đức Phaolô VI cũng nói thêm rằng trách nhiệm của y sĩ vừa là tránh giúp người ta kết liễu cuộc đời một cách không tự nhiên, vừa là giúp người ta được chết tự nhiên một cách êm thấm. Trong diễn văn gửi Thế Hội Trường Y Khoa Tâm-Thể-Lý Quốc Tế (*Congrès Mondial du Collège International de Médecine Psychomotique*), năm 1975 người nói:

“Chúng ta cần nhớ rằng trách nhiệm của y sĩ là luôn luôn phò sự sống và nâng đỡ nó cho đến đoạn kết, nhưng không bao giờ chấp nhận tự kết, mà cũng không bao giờ bỏ bê trách nhiệm cao cả của con người là giúp cuộc sống trần gian đi đến kết thúc một cách đáng phẩm giá.”

“We wish to recall that it is the physician’s duty always to be at the service of life and to assist it until the end without ever accepting euthanasia or renouncing the exquisitely human duty to help it complete its earthly course with dignity.”

“Nous voudrions vous rappeler qu’il appartient au médecin d’être toujours au service de la vie et de l’assister jusqu’à son achèvement, sans jamais accepter l’euthanasie, ni renoncer à ce devoir si humain de l’aider à terminer avec dignité son cours terrestre.”

Ngày 5 tháng 5, 1980, trong Bản Tuyên Ngôn về TỰ KẾT (*Declaration on Euthanasia*) Bộ Giáo lý Đức tin (Congregation for the Doctrine of the Faith) công bố khuyến khích người ta phân biệt giữa những y pháp vượt quá lẽ thường và những phương pháp bình thường, tùy theo hoàn cảnh, tùy theo ý muốn hợp lẽ của bệnh nhân và gia đình, cũng như tùy theo ý kiến của các y sĩ có hiểu biết vấn đề. Bộ Giáo lý Đức Tin cũng phân biệt giữa những y pháp trị bệnh mà trên nguyên tắc có thể từ chối, và những công việc chăm sóc bình thường trên nguyên tắc ai cũng cần phải có. Thánh Bộ xác định rằng “được phép ngưng những y pháp vượt quá tương xứng, khi kết quả không được như ý muốn.”

“It is also permitted to interrupt these [disproportionate] means, where the results fall short of expectations. But for such a decision to be made, account will have to be taken of the reasonable wishes of the patient and the patient’s family, as also of the advice of doctors who are specifically competent in the matter.” (IV)

Một điều quan trọng là bản tuyên ngôn không những coi việc khước từ những phương pháp kéo dài sự sống vất vưởng là đúng lương tâm trong những hoàn cảnh hợp lẽ, mà cũng khuyến cáo là việc lệ thuộc một số phương pháp chữa trị theo khoa học cũng là vô luân.

“Ngày nay, ngay trong giờ lâm tử, việc bảo vệ nhân phẩm và khái niệm Kitô-hữu về sự sống, là một điều rất quan trọng, để chống lại xu hướng thiên vị kỹ thuật khoa học đang đe dọa trở nên lạm dụng. Vì thế, có người phải lên tiếng để nói lên “quyền để chết.” Lối phát biểu này không có nghĩa là tìm cái chết vì chính tay mình hay vì bất cứ cách nào

bởi tay người mình lựa chọn; mà nó có nghĩa là người ta có quyền được ra đi trong an bình, theo phẩm giá của một con người và một Kitô hữu.”

“Today, it is very important to protect, at the moment of death, both the dignity of the human person and the Christian concept of life, against a technological attitude that threatens to become an abuse. Thus some people speak of a “right to die” which is an expression that does not mean the right to procure death, either by one’s own hand or by means of someone else’s one pleases, but rather the right to die peacefully with human and Christian dignity.” (IV)

Tháng 8 Năm 2007, Bộ Giáo Lý Đức Tin cũng phân tích thêm về việc tiếp tế dinh dưỡng và coi đó là một việc chăm sóc bình thường chứ không phải là một y pháp. Vì thế, nói chung không được ngưng dinh dưỡng với mục tiêu làm bệnh nhân qua đời mau chóng hơn. Tòa Thánh nhắc đến một ví dụ điển hình là những người đang sống trong trạng thái “thực vật” (*vegetative state*) mà không cần có những trợ liệu đặc biệt nào khác để sống ngoài trừ dinh dưỡng bằng ống (trình trạng này khác với những người cần thêm các y pháp nhân tạo khác như hô hấp, tiếp/ lọc máu, máy thở nhân tạo, được gọi là “*ventilator dependant*”). **Tuy nhiên, đó không có nghĩa là phải bắt buộc tiêm dinh dưỡng bằng mọi cách trong bất cứ trường hợp nào.** Đôi khi chính việc dứt thức ăn, đặt ống dinh dưỡng, hay phẫu thuật gây mê trong khi mổ đường dinh dưỡng lại có thể gây ra cái chết hoặc gây những thương tích mà không mang lại lợi lộc gì. Thánh Bộ đặt ra vài nguyên tắc và luật trừ:

“Không thể phủ nhận những trường hợp rắc rối cấp tính, khi bệnh nhân không thể tiêu hoá thức ăn và thức uống, việc cấp dưỡng này trở nên hoàn toàn vô dụng. Cuối cùng, cũng không thể phủ nhận cơ may trong những trường hợp hiếm hoi, phương pháp nhân tạo để cung cấp dinh dưỡng có thể quá nặng nề đối với bệnh nhân hay có thể gây nên những đau đớn thân xác; ví dụ như những phụ chứng mà việc dùng phương pháp gây ra.”

“Nor is the possibility excluded that, due to emerging complications, a patient may be unable to assimilate food and liquids, so that their provision becomes altogether useless. Finally, the possibility is not

absolutely excluded that, in some rare cases, artificial nourishment and hydration may be excessively burdensome for the patient or may cause significant physical discomfort, for example resulting from complications in the use of the means employed.”

Điều cần ghi nhận ở trên là: Tuy việc cung cấp dinh dưỡng là một cung ứng tự nhiên và bình thường nên làm, những phẫu thuật, tiến trình, và máy móc liên hệ vẫn có thể được coi là quá nghiêng về nhân tạo và quá ngoại lệ hay không tương xứng. Ngoài ra, việc cung cấp dinh dưỡng chỉ là một trong nhiều y pháp kéo dài cuộc sống. Một mình nó có thể là bình thường, nhưng khi phải tiếp tế dinh dưỡng trong bối cảnh cấp cứu với các kỹ thuật khác như hô hấp, ép tim, tiếp máu, đặt ống khí quản, thì tiến trình ấy sẽ có thể trở nên quá rắc rối, nặng nề và ngoại lệ.

Đối Phó Với Sự Chết Khi Từ Chối Kéo Dài Sự Sống

Nếu không chấp nhận tự kết, mà cũng không chấp nhận kéo dài sự sống vất vưởng bằng những y pháp nhân tạo, mà cũng từ chối những y pháp vượt quá nhân phẩm và lẽ thường, thì loài người phải đối phó cách nào với những trường hợp ngặt nghèo?

Trong *Evangelium Vitae* #65, Đức Gioan Phaolô II đã ghi nhận một y pháp hợp lẽ theo tinh thần Kitô Giáo để đối phó với thực trạng bệnh tử và đau khổ của thân xác con người. Y pháp này bắt nguồn từ những nỗ lực Công Giáo chống lại phong trào Tự Kết và ngày nay đã lan tràn đi nhiều nơi, từ nhà thương đến hospice. Đức Giáo Hoàng Người nhắc tới “*Palliative Care*” tạm dịch là khoa “An-Tri” với những lời như sau:

“Trong y khoa thời nay, đã có thêm sự chú ý về việc gọi là “những phương pháp An-Tri,” tức là những phương pháp có mục tiêu giúp bệnh nhân chịu được đau khổ trong những thời kỳ cuối của cơn bệnh và bảo đảm rằng họ được nâng đỡ và đồng hành trong cơn thử thách. Một trong những vấn nạn được nêu lên trong hoàn cảnh này là luân lý của việc dùng các loại thuốc giảm đau cũng như thuốc an thần để giải toả đau nhức của bệnh nhân, dù ứng dụng đó có thể làm ngắn đi cuộc sống. Thật đáng khen khi một người tự nguyện chấp nhận đau khổ bằng cách từ chối những thuốc gây mê để trí óc được sáng sủa, và nếu là người có đức tin, để ý thức việc thông phần với Sự thương khó của Chúa. Dù vậy,

tư cách đạo đức “anh dũng” đó không phải là trách nhiệm của mọi người. Đức Pio XII đã xác nhận rằng giải toả đau nhức bằng thuốc gây mê, dù có thể làm giảm ý thức và rút ngắn mạng sống, là theo đúng luân lý.... Trong trường hợp như vậy, cái chết không phải do cố tình hay chủ ý, dù theo lý lẽ bình thường người ta biết nguy cơ đó, mà là do ước muốn giảm bớt đau đớn bằng những loại thuốc trị đau mà y học cố gắng.”

“In modern medicine, increased attention is being given to what are called “methods of palliative care,” which seek to make suffering more bearable in the final stages of illness and to ensure that the patient is supported and accompanied in his or her ordeal. Among the questions which arise in this context is that of the licitness of using various types of painkillers and sedatives for relieving the patient’s pain when this involves the risk of shortening life. While praise may be due to the person who voluntarily accepts suffering by forgoing treatment with pain-killers in order to remain fully lucid and, if a believer, to share consciously in the Lord’s Passion, such “heroic” behaviour cannot be considered the duty of everyone. Pius XII affirmed that it is licit to relieve pain by narcotics, even when the result is decreased consciousness and a shortening of life, “if no other means exist, and if, in the given circumstances, this does not prevent the carrying out of other religious and moral duties.” In such a case, death is not willed or sought, even though for reasonable motives one runs the risk of it: there is simply a desire to ease pain effectively by using the analgesics which medicine provides. All the same, “it is not right to deprive the dying person of consciousness without a serious reason”: as they approach death people ought to be able to satisfy their moral and family duties, and above all they ought to be able to prepare in a fully conscious way for their definitive meeting with God.”

Đức Gioan Phaolô II, dựa theo lời Đức Piô XII cũng nói thêm rằng không nên cầu thả làm cho người bệnh bị hôn mê mà không có lý do chính đáng. Khi cái chết gần kề, nếu có thể, bệnh nhân cũng nên được tỉnh táo để lo trách nhiệm đối với gia đình và bổn phận đối với Chúa; và để họ có cơ hội chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ Thiên Chúa.

Dựa trên Giáo Huấn của Đức Gioan Phaolô II, khoa An-Trị có những mục tiêu như sau:

1. Chính An-Trị không phải là một y pháp để chữa bệnh mà là một y pháp trợ giúp bệnh nhân bớt những phụ chứng đau đớn trong tiến trình chữa bệnh. Trách nhiệm của y khoa cũng như của mọi người, đặc biệt người Công Giáo, là xoa dịu nỗi đau của người khác. Thăm viếng bệnh nhân và cầu nguyện với họ là một nghĩa cử đúng theo luân lý y học và là một cách để xoa dịu khổ đau.

2. Khi không còn chữa bệnh được nữa, An-Trị trở nên một tiến trình giúp bệnh nhân ra đi một cách an bình và tự nhiên mà không cần đến việc đòi Tự-Kết. Đặc biệt là An-Trị gồm cả những phương pháp hướng về tâm linh và tâm-sinh-lý chứ không phải chỉ là việc cho toa thuốc an thần hay giảm nhức.

3. Trong y khoa có ba khiếu năng tổng quát, đó là chẩn bệnh, trị bệnh, và lượng bệnh; tức là tìm ra căn bệnh, tìm cách chữa bệnh, và tiên đoán bệnh tình sẽ đi về đâu. Khi gia đình và bệnh nhân lưỡng lự về đường hướng chữa bệnh thì khoa An-Trị giúp họ tiến tới mục tiêu và quyết định theo tiến trình của bệnh, kể cả việc phân tích những gì là đúng theo luân lý của họ.

Mục vụ tâm linh đối với bệnh nhân là trách nhiệm không những của linh mục mà của tất cả mọi Kitô Hữu. Đó cũng là một phần quan trọng của An-trị. Chính bệnh nhân cần được chuẩn bị sớm sửa để nhận các bí tích chứ không phải đợi đến lúc nguy tử, và nhất là khi đã hôn mê. Nhiều người, kể cả các vị mục tử, lầm tưởng cho rằng mục vụ cho bệnh nhân chỉ gói gém trong bí tích xức dầu hay trao Mình Thánh như của ăn đàng, và họ cũng lầm lẫn cho rằng bí tích xức dầu bệnh nhân chỉ dành cho người hấp hối. Lầm tưởng này đưa đến nhiều mê tín dị đoan. Hơn nữa khi quá chủ tâm kéo dài sự sống, bệnh nhân và gia đình sẽ đặt hy vọng viển vông vào một cứu tinh nào đó. Họ sẽ không được sự hướng dẫn để chuẩn bị cho sự chết một cách đúng mức và đúng thời điểm. Thường khi mục tử có liên hệ thì đã quá trễ, và việc cử hành các bí tích trở nên như thông lệ hay thân chú.

Kết Luận

Qua những huấn dụ của Giáo Hội, điều cần biết là lượng định rồi phân biệt giữa những y pháp bình thường, tương xứng lợi hại (*ordinary and*

proportional), với những gì ngoại lệ, không tương xứng lợi hại (*extraordinary and disproportionate*). Ngoài ra, cũng phải nhận rõ rằng khi ngưng những y pháp nhân tạo để cho phép bệnh nhân qua đời không phải là giết người hay tự kết. Những phân biệt này sẽ nổi bật tùy theo hoàn cảnh, lượng định của y sĩ, và nhất là chú ý và sức chịu đựng của mỗi cá nhân cũng như người thân. Nguyên tắc hành động là hướng về bác ái cũng như tự nhiên thay vì kiết liễu hay kéo dài cuộc sống không tự nhiên. Và không nên hành động theo trực tính và cảm tình. **Mỗi người trong khi còn minh mẫn nên làm di chúc hay dặn dò tường tận để người thân có thể hành động theo ý mình khi mình không còn khả năng quyết định nữa.**

Sống cũng phải tự nhiên mà chết cũng phải tự nhiên. Sống chỉ nhờ máy móc và kỹ thuật y pháp thì đã không tự nhiên; chết vì tiêm thuốc tự kết cũng không tự nhiên; mà chết trong khi nhồi tim hay đặt ống trợ thở và tiêm thuốc ép mạch cũng là điển hình của một cái chết không tự nhiên và rất đáng buồn. Ai cũng sợ chết, nhưng chết trong khi thân xác mình bị hành hạ và tâm hồn không được bình an thì lại càng đáng sợ hơn.

Giáo Hội đưa mục vụ và luân lý vào y khoa để giúp cho con người được sống và chết an bình trong ơn nghĩa Chúa. Âu đó cũng là ước muốn của mọi người.

Tài Liệu Tham Khảo:

Ashley, Benedict, O.P. & Kevin O'Rourke, O.P., *Health Care Ethics: A Theological Analysis*, 4th ed, Georgetown University Press, Washington DC, 1997.

John Paul II , “*Evangelium Vitae: To the Bishops, Priests and Deacons, Men and Women religious, lay Faithful, and all People of Good Will, on the Value and Inviolability of Human Life,*” March 25, 1995.

O'Rourke, Kevin, O.P. & Philip Boyle, Medical Ethics: Sources of Catholic Teaching, 3rd ed, Georgetown University Press, Washington DC, 1999.

Paul VI, "Letter of the Holy Father Paul VI, Signed by the Secretary of State, to the International Federation of Catholic Medical Associations," November 3, 1970.

Paul VI, "Discours du Pape Paul VI aux Participants au IIIème Congrès Mondial du Collège International de Médecine Psychomotricité," September 18, 1975.

Pius XII, "The Prolongation of Life: Address to the International Congress of Anesthesiologists," November 24, 1957.

United States Conference of Catholic Bishops, "Ethical and Religious Directives for Catholic Health Care Services," 5th ed, 2009.

Vatican II, Congregation for the Doctrine of the Faith, "Declaration on Euthanasia," May 5, 1980.

Vatican II, Congregation for the Doctrine of the Faith, "Responses to Certain Questions of the United States Conference of Catholic Bishops Concerning Artificial Nutrition and Hydration," August 1, 2007.

PHẦN II

NGUYÊN TẮC MỤC VỤ LUÂN LÝ CỦA NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TRỢ SINH-SẢN

Về những y pháp giúp thụ thai và sinh con, Giáo Hội Công Giáo hướng dẫn con người một cách khá đơn thuần. Giáo Hội nhấn mạnh hai tính chất của việc thụ thai và sinh con: Tiến trình đó là sản phẩm của tình yêu và là quà của Thiên Chúa theo định luật tự nhiên. Người Công Giáo có thể xem

câu 2366-2379 trong sách Giáo Lý Công Giáo để biết một cách vắn tắt về vấn đề (*Part III, Life in Christ, Section 2, the Ten Commandments; Chapter 2, “You Shall Love Your Neighbor as Yourself”; Article 6, the Sixth Commandment*). Ngoài ra, để hiểu vấn đề một cách sâu xa hơn, có thể tham khảo bản tuyên ngôn của Bộ Giáo Lý Đức Tin “*Respect for Human Life (Donum Vitae)*.”

Giáo Huấn bắt nguồn từ Kinh Thánh Cựu Ước. Điển hình, Sáng Thế Ký 1,27-31 nói:

“Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ. Thiên Chúa ban phúc lành cho họ, và Thiên Chúa phán với họ: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất. Hãy làm bá chủ cá biển, chim trời, và mọi giống vật bò trên mặt đất.” Thiên Chúa phán: “Đây Ta ban cho các ngươi mọi thứ cỏ mang hạt giống trên khắp mặt đất, và mọi thứ cây có trái mang hạt giống, để làm lương thực cho các ngươi. Còn đối với mọi dã thú, chim trời và mọi vật bò dưới đất mà có sinh khí, thì Ta ban cho chúng mọi thứ cỏ xanh tươi để làm lương thực. Liền có như vậy.” Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp!”

Theo như Thánh Kinh, những gì Thiên Chúa “đã làm ra quả là rất tốt đẹp,” nhất là việc tạo dựng con người và việc khiến họ sinh sôi nảy nở. Vậy, trên nguyên tắc, Việc tạo dựng con người hoàn toàn trong tay Chúa; con cái là quà của Chúa ban; chúng ta không có quyền đòi hỏi, lựa chọn, mua bán, mượn mượn, những gì không thể có ngoài định luật tự nhiên và ơn sủng siêu nhiên.

Theo nguyên tắc trên, **những phương pháp dựa trên bản năng tự nhiên được coi là đúng luân lý; và những phương pháp không theo tự nhiên là không đúng luân lý.** Những phương pháp dựa trên bản năng tự nhiên có thể được định nghĩa như sau: Đứa con thụ thai và sinh ra phải là do hành động giao hợp tâm-sinh-lý giữa một người cha và một người mẹ trong hôn nhân; và được thụ thai trong bào thai của chính người mẹ ấy bằng chính dòng giống của cả hai. Những phương pháp theo tự nhiên là những phương pháp trợ giúp cho vợ chồng khi giao hợp để thụ thai và sau đó dễ giữ thai.

Một vài những y pháp có hiện có thể được coi là đáng khuyến khích gồm có giải phẫu để thông ống trứng, ống tinh trùng; những loại thuốc điều hoà kinh nguyệt, giúp tăng khả năng giao hợp, xuất tinh, đậu trứng; và những phương pháp dựa trên chu kỳ đậu trứng của sản phụ. Một vài trường thuốc đã dùng những phương pháp vừa hoàn toàn tự nhiên vừa hợp với khoa học để giúp nhiều người hiếm muộn thụ thai và sinh con.

Ngược lại, tất cả những hành động hay y pháp trái tự nhiên (tức là thay thế thay vì trợ giúp sự giao hợp vợ chồng) có thể được coi là vô luân. Những y pháp đó gồm có tạo dòng vô tính (*cloning*), công hiến trứng ngoại dòng (*egg donation*), công hiến tinh trùng ngoại dòng (*sperm donation*), cấy thai, mượn thai, thay thai, cấy thai trên đĩa. Ngoài tính chất vô luân vì lý do trái luật tự nhiên, hầu hết những phương pháp thụ thai nhân tạo cũng vô luân vì nhiều lý do khác, chẳng hạn như:

- *Phải loại bỏ thai dư (một cách phá thai) hay giữ trong trạng thái vô định.
- *Lỗi phép công bằng và công lý vì những tổn kém và đòi hỏi tài nguyên y tế.
- *Mang lại những rắc rối tình cảnh xã hội mà chưa có giải đáp thoả đáng. Luật pháp cũng chưa theo kịp.
- *Tỷ lệ hư thai, sẩy thai, và bệnh hoạn cho trẻ thơ quá mức bình thường.
- *Tỷ lệ hậu quả tâm sinh lý tiêu cực sau này của những đứa con quá mức bình thường.
- *Nhiều hậu quả chưa thể lường định, kể cả hậu quả tâm lý của những đứa con sinh ra trong các trường hợp nhân tạo.

Một vài những y pháp khác chưa được sự lên tiếng của Giáo Hội, tuy một số các y sĩ và thần học gia vẫn coi những phương pháp này không phản lại luân lý. Do đó, các cặp vợ chồng có thể dùng những phương pháp này với sự dè dặt của lương tâm cho đến khi nào Giáo Hội lên tiếng khẳng định. Một trong những phương pháp ấy là trong trường hợp ống dẫn trứng Fa-lope bị nghẽn, y sĩ có thể giúp di chuyển trứng từ buồng trứng qua khỏi lối nghẹt để khi giao hợp trứng có thể thụ tinh. Giải pháp này được gọi là *Lower*

Tubal Ovum Transfer (LTOT). Một y pháp khác gây nhiều tranh luận hơn được gọi là *Gamete Intra-Fallopian Transfer (GIFT)*. Y pháp đó bao hàm việc thu hồi tinh trùng từ âm hộ phụ nữ sau khi giao hợp, đặt vào chung một ống nhỏ với trứng lấy từ buồng trứng, và cùng chuyển tiếp trứng lẫn tinh trùng vào trong ống Fa-lope của phụ nữ với hy vọng sẽ thụ thai. Phương pháp này đại khái là một “đường tắt” đến cửa ngõ thụ thai sau khi giao hợp.

Vì tính chất đơn thuần của giáo huấn về những phương pháp trợ sinh sản phụ, chúng ta không có nhiều phân tích cần thiết như trường hợp của những phương pháp hồi sinh và trợ sinh để kéo dài sự sống. Tuy nhiên chính vì tính chất đơn thuần, ít di dịch ấy, mà nhiều người cũng không đồng ý hoàn toàn, kể cả những nhà thần học gia Công Giáo. Vấn đề sẽ còn được tranh cãi khi những phương pháp càng ngày càng tân kỳ.

Một điều nên nhớ là: dù coi việc thụ thai nhân tạo là vô luân, Giáo Hội không bao giờ dạy người ta ruồng bỏ những đứa con sinh ra trong những hoàn cảnh không tự nhiên. Đó vẫn là mạng sống con người đáng quý.

Tài Liệu Tham Khảo:

Benedict XVI, “Address of His Holiness Benedict XVI to Members of the Pontifical Academy for Life,” February 13, 2010.

Vatican II, Congregation for the Doctrine of the Faith, “Gift of Life (Donum Vitae): Instruction on Respect for Human Life in Its Origin and on the Dignity of Procreation” February 22, 1987.

Vatican II, Catechism of the Catholic Church, 1992.



Linh mục Joseph Nguyễn Thanh Sơn, M.Div., M.A., B.C.C., S.T.D., tiến sĩ Thần Học Luân Lý, là Tuyên Úy và Giảng Sư tại University of California Irvine, School of Medicine, cũng là Quản Hạt 4 và chuyên viên Thần Học - Y Đức của Giáo Phận Orange, California, hiện đang cư trú ở Giáo Xứ Thánh Linh tại Fountain Valley, California.

THÁNH GIOAN PHAOLÔ II VÀ THẦN HỌC THÂN XÁC

Lm. Gioan Thành M. Trần Quốc Toàn CMC

“Sau khi chết, tôi muốn được nhớ đến là vị Giáo Hoàng của gia đình.”

(Thánh Gioan Phaolô II)

Cho đến nay đã có rất nhiều bài viết nói về Karol Jozef Wojtyla, vị Giáo Hoàng được cả thế giới biết đến với tước hiệu Gioan Phaolô II. Suốt cuộc đời trần thế, nhất là từ khi lên ngôi Giáo Hoàng, ngài đã gây ảnh hưởng trên rất nhiều người và được cả thế giới ngưỡng mộ. Ngài cai trị giáo triều được 27 năm, đứng thứ hai sau Đức Piô IX. Ngài cũng là người đầu tiên không phải gốc Ý lên giữ chức Giáo Hoàng và được xem là một trong những lãnh tụ tôn giáo quyền thế nhất thế kỷ XX. Ngài không giới hạn mình trong khuôn khổ an toàn của Vatican, nhưng đã phá đổ những biên giới tôn giáo, văn hóa, và tín ngưỡng để đi khắp nơi loan báo Tin Mừng yêu thương của Chúa.

Khi nhắc đến Gioan Phaolô II, mọi người đều liên tưởng đến một vị Giáo Hoàng với khuôn mặt phúc hậu, hiền hòa, khiêm tốn, dễ mến, và hăng say với sứ mạng Chúa gửi đến cho mọi người qua những chuyến tông du khắp thế giới. Nếu chỉ dõi theo những chuyến tông du của ngài, người ta có thể kết luận ngài là một con người của mục vụ. Nhưng thật ra, ngài là một học giả rất uyên thâm về triết học cũng như thần học.

Mặc dù ngài là một học giả uyên bác và là một mục tử nhân từ, ước vọng của Đức Gioan Phaolô II sau khi chết không phải là được mọi người nhớ đến với những hình ảnh đó mà ngài muốn được nhớ đến như một vị Giáo Hoàng của gia đình. Có lần ngài tâm sự với người bạn là Đức Hồng Y Caffarra rằng, *“Sau khi chết, tôi muốn được nhớ đến là vị Giáo Hoàng của*

gia đình.” Chính Đức Giáo Hoàng Phanxicô cũng nhắc đến ý tưởng này trong bài giảng Lễ Phong Thánh cho Đức Gioan Phaolô II. Nhớ đến ngài, Đức Hồng Y Comastri chia sẻ trong bài giảng Thánh Lễ Tạ Ơn sau ngày phong thánh của ngài như sau, “*Gioan Phaolô II đã can đảm bảo vệ gia đình, một công trình của Thiên Chúa đã được ghi chép rõ ràng trong sách sự sống. Ngài đã bảo vệ gia đình trước những sai lầm và tấn công công khai chống lại gia đình đang lan tràn với ý định đi ngược lại với ý tưởng sách Sáng Thế, một công trình ngược hẳn với công trình của Thiên Chúa.*”¹

Quả thật, Thánh Gioan Phaolô II là vị Giáo Hoàng của gia đình, Giáo Hoàng của *Tin Mừng Sự Sống*. Với ngài, hôn nhân và gia đình rất quan trọng. Trong khuôn khổ ngắn gọn của bài viết này, xin được trình bày sơ lược tiểu sử, tài liệu về gia đình và hôn nhân, và nhất là *Thần Học Thân Xác* của Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

Tiểu Sử²

Karol Josef Wojtyla sinh ngày 18 tháng 05 năm 1920 tại Wadowice, Balan. Ngài là con út của ông bà Karol Wojtyla và Emilia Kaczorowska. Karol có một người anh cả tên Edmund và một người Chị tên Olga. Chị gái Karol qua đời trước khi Karol chào đời. Mẹ mất năm 1929 trước khi Karol lên chín. Ba năm sau, năm 1932, anh cả Edmund cũng qua đời. Từ đó, Karol mất đi sự vui tươi của tuổi thơ. Karol sống với bố cho đến khi ông qua đời vào năm 1941.

Các tài liệu về Karol Josef Wojtyla cho thấy: Karol Bố đã hết lòng hy sinh, nuôi nấng, và dạy dỗ Karol Con. Như người mẹ, ông chăm sóc, may vá, và giúp Karol Con học hành chăm chỉ. Là người cha, ông nêu gương và nhắc nhở con trong đời sống thiêng liêng. Kinh nguyện và lễ lạy là khía cạnh sống động trong cuộc sống gia đình của bố con Karol. Có thể nói, Karol Con

¹ Angelo Comastri, *Homily in Thanksgiving Mass for St. John Paul II Celebrated in St. Peter's Square*, April 28, 2014.

²Keith Fournier, “The Early Years of Saint Pope John Paul II.” *Catholic Online*. 15 Nov. 2014 <<http://www.catholic.org/pope/jp2/early-year.php>>. và “Pope John Paul II.” *Famous People*. 20 Nov. 2014 <<http://www.thefamouspeople.com/profiles/pope-john-paul-ii-81.php>>.

có được đời sống thánh thiện và nhiệt thành với đức tin Công Giáo là nhờ công lao và gương lành của Karol Bô. Năm lên chín tuổi, Karol chịu Lễ Lần Đầu. Năm 18 tuổi, cậu lãnh nhận Bí Tích Thêm Sức. Năm 1939, chàng thanh niên Karol theo học ngành kịch nghệ tại trường đại học Jagiellonian University ở Krakow.

Năm 1942, nghe tiếng Chúa gọi, Karol nhập chủng viện tại Krakow. Sau Đệ Nhị Thế Chiến, Karol tiếp tục học thần học tại đại học Jagiellonian, và vào ngày 01 tháng 11 năm 1946, Thầy chịu chức Linh Mục tại Krakow. Sau đó không lâu Cha được Đức Hồng Y Sapieha gửi sang Rôma làm việc và học tập. Năm 1948 ngài lấy bằng Tiến Sĩ Thần Học với luận án về “*Đức Tin trong Việc Làm của Thánh Gioan Thánh Giá*” tại Giáo Hoàng Học Viện Angelicum. Năm 1954, ngài lấy thêm bằng Tiến Sĩ Triết Học.

Bốn năm sau, năm 1958, ngài được tấn phong làm Giám Mục Phụ Tá của Krakow và trở thành Giám Mục trẻ nhất Balan. Danh tiếng ngài bắt đầu lan rộng và được các giới chức trong Giáo Hội biết đến. Tháng 12 năm 1963, ngài được Đức Giáo Hoàng Phaolô VI chọn làm Tổng Giám Mục của Krakow. Ngày 26 tháng 06 năm 1967 ngài được chọn vào Hồng Y Đoàn.

Sau khi Đức Giáo Hoàng Phaolô VI qua đời vào năm 1978, Albino Luciano lên kế vị với tước hiệu Gioan Phaolô I. Tuy nhiên, chỉ sau 33 ngày trên ngôi, Đức Gioan Phaolô I đã được Chúa gọi về. Trước sự ngạc nhiên của nhiều người, sau tám vòng phiếu, Karol Josef Wojtyla được bầu làm Giáo Hoàng với số phiếu 99/111. Chọn tước hiệu Gioan Phaolô II, Karol Josef Wojtyla đăng quang ngôi Giáo Hoàng vào ngày 22 tháng 10 năm 1978 và là vị Giáo Hoàng trẻ nhất trong lịch sử Rôma.

Đức Giáo Hoàng Phaolô II chèo lái con thuyền Hội Thánh được 27 năm và được Chúa gọi về vào ngày 02 tháng 04 năm 2005. Lễ an táng của ngài được cử hành vào ngày 08 tháng 04 năm 2005 với vô số người đến Rôma tham dự cũng như theo dõi qua kênh truyền hình và mạng internet. Trong số người tham dự có bốn vua, năm nữ hoàng, hơn 70 tổng thống và thủ tướng, và trên 14 vị lãnh đạo tôn giáo. Ngày 29 tháng 04 năm 2011 mộ ngài được khai quật trước sự chứng kiến của hàng ngàn người và xác ngài được đặt trước bàn thờ chính của Vương Cung Thánh Đường. Ngày 03 tháng 05 năm 2011 xác ngài được đặt vào bàn thờ bằng đá cẩm thạch trong

Nguyễn Đường Pier Paolo Cristofari của Thánh Sebastian, nơi Đức Giáo Hoàng Innôcentê XI được chôn cất.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II được Đức Giáo Hoàng Bênêdictô XVI phong Chân Phước vào ngày 01 tháng 05 năm 2011 tại Quảng Trường Thánh Phêrô và được Đức Giáo Hoàng Phanxicô phong lên bậc Hiển Thánh vào ngày 27 tháng 04 năm 2014. Ngày 11 tháng 09 năm 2014, theo yêu cầu của nhiều người trên thế giới, Đức Giáo Hoàng Phanxicô chỉ định thêm vào lịch Công Giáo lễ kính ngài. Từ đây, cả Giáo Hội mừng kính Thánh Gioan Phaolô vào ngày 22 tháng 10, tức là ngày kỷ niệm đăng quang Giáo Hoàng của Ngài. Kết thúc cuộc đời trần thế, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II để lại cho hậu thế những di sản vô cùng quý giá là gương lành đời sống và những tài liệu viết lách của ngài.

Những Công Trình Lớn của Thánh Gioan Phaolô II:

Thánh Gioan Phaolô II sinh ra và lớn lên với nhiều khó khăn dưới chế độ cộng sản. Mẹ, anh, và chị gái qua đời khi ngài còn rất trẻ. Cha ngài đã nuôi nấng và dạy dỗ ngài một mình. Nhờ lòng đạo đức và niềm tin mạnh mẽ vào Thiên Chúa được thừa hưởng từ gia đình, ngài đã lớn lên và trở thành dụng cụ đặc lực của Thiên Chúa. Có lẽ cũng vì vậy mà trong đời sống mục vụ cũng như khi lên ngôi Giáo Hoàng, ngài đã quan tâm đến những vấn nạn liên quan đến hôn nhân và gia đình. Trong khi còn là linh mục, ngài đã viết nhiều về thần học cũng như triết học. Năm 1960 ngài xuất bản quyển “*Tình Yêu và Trách Nhiệm - Love and Responsibility*.” Đây là cuốn sách thần học bảo vệ những giáo huấn về hôn nhân của Giáo Hội dưới cái nhìn của triết học. Cuốn sách chứa đựng những hiểu biết phong phú của ngài về bản tính con người, đó là con người được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa và được mời gọi sống yêu thương.

Năm 1962 ngài tham dự Công Đồng Vaticanô II và góp phần quan trọng với “*Sắc Lệnh Tự Do Tôn Giáo*” và “*Hiến Chế Mục Vụ về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay*.” Khi soạn thảo thông điệp “*Sự Sống Con Người - Humanae Vitae*,” Đức Giáo Hoàng Phaolô VI chọn ngài vào Ủy Ban Giáo Hoàng về Ngừa Thai để giúp cho việc soạn thảo, nhưng chính quyền Cộng Sản Balan không cho phép ngài sang Rôma tham dự. Tuy vậy, những tư tưởng trong *Tình Yêu và Trách Nhiệm - Love and Responsibility* của ngài đã

giúp ích rất nhiều cho bản thông điệp *Sự Sống Con Người*. Thật vậy, tư tưởng của ngài đã được triển khai trong phần cuối của thông điệp, nhưng những lý luận và từ ngữ ngài dùng đã không được thông điệp sử dụng chính xác, và có lẽ vì vậy mà nó đã không được đón nhận cách tích cực.³

Thánh Gioan Phaolô II có một niềm xác tín rất sâu sắc về tầm quan trọng của thông điệp *Sự Sống Con Người - Humanae Vitae*. Sau này, dựa vào những điểm chính yếu của thông điệp này, ngài đã khai triển thêm các tư tưởng về hôn nhân và gia đình. Chỉ trong năm năm đầu trong nhiệm vụ là Chủ Chăn, Thánh Gioan Phaolô II đã đưa ra sáu điểm quan trọng liên quan trực tiếp đến hôn nhân và gia đình: *Thượng Hội Đồng Giám Mục về vai trò của gia đình* (1980), *Tông Huấn về Gia Đình - Familiaris Consortio* (1981), Thành lập *Viện Gioan Phaolô II* cho việc *Nghiên Cứu về Hôn Nhân và Gia Đình* (1981), Trình bày về *Thần Học Thân Xác* gồm các bài giáo lý trong những buổi triều yết Thứ Tư hằng tuần (1979-1984), soạn lại *Bộ Giáo Luật* cho hôn nhân (1983), và bản *Tuyên Ngôn của Hiến Chương về Những Quyền Lợi của Gia Đình* (1983).⁴ Ngoài ra, ngài còn có vài tài liệu khác như *Sự Hiệp Nhất Nguyên Thủy của Người Nam và Người Nữ - Original Unity of Man and Woman* và *Thư Gửi Các Gia Đình - Letter to Families*.

Thần Học Thân Xác

Hôn nhân là cuộc khủng hoảng thời đại. Chúng ta thường nghe rằng một nửa trong số các đôi vợ chồng ly dị. Đây là một con số đáng buồn. Con số này phản ảnh qua thảm trạng hằng ngày trong thế giới hôm nay, đó là rất nhiều cha mẹ và con cái đã cảm nhận nỗi đau nhức nhối của ly dị. Song, thử hỏi có bao giờ chúng ta nghĩ đến 50% những đôi vợ chồng đang còn sống với nhau không? Cuộc sống của họ như thế nào? Họ có hạnh phúc và cuộc sống của họ có thực sự phản ảnh tình yêu chung thủy và hy hiến của Chúa Giêsu không?

Nếu đi sâu vào cuộc sống của những đôi vợ chồng còn sống với nhau, chúng ta sẽ thấy đời sống hôn nhân của họ có nhiều khó khăn. Theo Edward

³ George Weigel, *Witness to Hope* (HarperCollins, 2001). The encyclical was not drafted precisely as Wojtyła proposed.

⁴ *The Legacy of the Vision of Pope John Paul II on Marriage and Family*. <http://www.hprweb.com/2014/11/the-legacy-of-the-vision-of-pope-john-paul-ii-for-marriage-and-family/>. Truy cập ngày 20 tháng 12 năm 2014.

Sri, đa số những đôi vợ chồng này không cảm nhận được sự mật thiết trong hôn nhân. Trong thực tế, chỉ 12% trong số 50% cặp còn sống với nhau cho rằng họ nhận được sự thân mật tình cảm từ bạn đời.⁵ Điều này cho thấy một cuộc hôn nhân tốt không chỉ dựa vào việc sống chung với nhau mà còn phải phản chiếu tình yêu vị tha và hy hiến trọn vẹn của Chúa Giêsu.

Chúng kiến và nhận thức được tầm quan trọng của hôn nhân và gia đình, Thánh Gioan Phaolô II đã dành phần lớn đời mình đưa ra một cái nhìn trong sáng về một hôn nhân chính nghĩa. Ngài tin rằng gia đình đóng vai trò đặc biệt trong dòng chảy truyền giáo của Giáo Hội. Trong khi gia đình đang đối diện với những khó khăn trong một thế giới khủng hoảng về văn hóa, và con người đang tìm mọi cách để tái định nghĩa hôn nhân ngược với luân lý và Tin Mừng, Thánh Gioan Phaolô II tái định hướng cái nhìn về sự thật của hôn nhân Kitô Giáo như là hoa quả ơn Cứu Chuộc của Đức Kitô. Theo ngài, nếu con người sống đời sống hôn nhân đúng với ý hướng ban đầu của Thiên Chúa, thì con người có thể làm thay đổi nền văn hóa và thế giới, vì gia đình là chủ thể sống động trong việc thiết lập nền văn minh tình thương và canh tân văn hóa Kitô Giáo.⁶

Trong những công trình quan trọng về hôn nhân và gia đình của Thánh Gioan Phaolô II, *Thần Học Thân Xác- Theology of the Body* là tài liệu chứa đựng những giáo huấn sâu sắc nhất. Đây là ấn phẩm gồm 129 bài giáo lý về tình yêu hôn nhân và gia đình đã được ngài chia sẻ tại Roma vào những buổi triều yết Thứ Tư hằng tuần từ tháng 09 năm 1979 đến tháng 11 năm 1984.⁷ Những bài chia sẻ này đã giúp nhiều nhà thần học và giáo lý

⁵ Edward Sri, *God's Plan for Love & Marriage. John Paul II's Theology of the Body*. General ed. Father Juan-Diego Brunetta, O.P. (Knights of Columbus Supreme Council. 2008), 5-6. Đây là một chương từ sách *Men, Women and the Mystery of Love: Practical Insights from John Paul II's "Love and Responsibility"* của Edward Sri (Cincinnati: Servant Books, 2007).

⁶ Rolando Moreno, *John Paul II's Vision of Family and Marriage for the New Evangelization* (April 25, 2014). http://www.catholicworldreport.com/Item/3098/john_paul_ii_s_vision_of_family_and_marriage_for_the_new_evangelization.aspx. Truy cập ngày 10 tháng 11 năm 2014.

⁷ Theo Christopher West chú thích trong *Theology of the Body for Beginner: An Introduction to Pope John Paul II's Sexual Revolution* (Westchester, Pennsylvania: Ascension Press, 2009), 1., thì nội dung của những bài chia sẻ này là từ bản viết tay có đầu đề *Man and Woman He Created Them* mà Thánh Gioan Phaolô II đã hoàn tất trước khi được chọn làm giáo hoàng vào tháng 10 năm 1978.

viên canh tân cách dạy về tình yêu, tình dục, và hôn nhân. Những chia sẻ trong *Thần Học Thân Xác* rất khó hiểu vì chúng bao gồm những suy tư rất sâu xa về triết học, thần học, cũng như huyền nhiệm. Vì thế, xin dựa vào những ý tưởng trong tập sách nhỏ *God's Plan for Love & Marriage* của Edward Sri để tóm lược một số điểm then chốt của Thánh Gioan Phaolô II về ý nghĩa nguyên thủy của hôn nhân với mong ước nhỏ nhoi giúp người đọc hiểu hơn về đời sống hôn nhân và gia đình.

Tình Yêu Tự Hiến:

Khía cạnh quan trọng nhất về tình yêu hôn nhân chính là “tự hiến.” Thánh Gioan Phaolô II đề cập đến khía cạnh này trong bài chia sẻ đầu tiên của mình trong quyển *Thần Học Thân Xác*. Ngài nhắc lại câu Kinh Thánh, “*Chúng ta hãy dựng nên con người giống hình ảnh Thiên Chúa*” (St 1:26) và cho thấy Thiên Chúa tạo dựng con người để phản ánh cuộc sống nội tâm hay tình yêu tự hiến trọn vẹn của Người. Thiên Chúa Ba Ngôi hiện hữu như một cộng đoàn gồm Ba Ngôi Vị (Cha, Con, và Thánh Thần), chia sẻ trọn vẹn cho nhau trong tình yêu, và khao khát con người phản ánh sự hiệp thông yêu thương mật thiết này trong cuộc sống của họ. Được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa, con người cũng được mời gọi sống như Chúa Ba Ngôi. Nói cách khác, con người được dựng nên để sống yêu thương. Vì thế, khi trao ban chính mình cho người khác trong yêu thương, con người mới tìm thấy hạnh phúc thật sự.⁸

Sở dĩ nhiều cuộc hôn nhân tan vỡ hay nhiều đôi vợ chồng không cảm nghiệm được sự hiệp nhất sâu xa và niềm tin dành cho nhau là vì họ còn sống trong ích kỷ. Sự ích kỷ này đi ngược lại tình yêu hy hiến mà con người được mời gọi sống ngay từ khi họ được tạo dựng như Thánh Gioan Phaolô II đã chia sẻ. Thật thế, xã hội ngày nay đề cao chủ nghĩa cá nhân và khuyến khích mọi người sống cho riêng mình. Con người làm gì cũng chú trọng đến cái “tôi” trước, nên trong mọi tương quan, nhất là tương quan vợ chồng, mỗi cá nhân đều tìm sự vui thỏa, an nhàn, và có lợi cho mình. Vợ muốn chồng và con cái phải theo ý mình, ngược lại chồng cũng thế. Không ai dám hoặc muốn hy sinh cho người khác. Vì thế, Thánh Gioan Phaolô II nhắc nhở rằng tìm kiếm chính mình là ngõ cụt không bao giờ đưa hôn nhân đến tình yêu và

⁸ Sri, 7.

hạnh phúc đích thực. Bởi lẽ con người được dựng nên vì tình yêu tự hiến và cho tình yêu hy hiến, nên tình yêu này cũng đòi hỏi mỗi người phải mưu cầu hạnh phúc cho người khác, cho hôn nhân, và cho gia đình. Bao lâu tình yêu hôn nhân không phản ánh tình yêu tự hiến và hy hiến của Thiên Chúa, con người sẽ không bao giờ có được sự chung thủy và hạnh phúc trong hôn nhân và gia đình.⁹

Tình Trạng Cô Đơn Nguyên Thủy:

Sau khi tạo dựng Adam, Thiên Chúa phán, “*Con người ở một mình không tốt. Ta sẽ làm cho nó một trợ tá tương xứng với nó*” (St 2:18). Thực ra, Adam không ở một mình vì Thiên Chúa đã đặt để ông trong vườn cùng muông thú và cỏ cây. Thế nhưng, ông vẫn cảm thấy “cô đơn” vì mình có gì đó khác với các loài thú khác. Sự khác biệt này cho thấy Adam không chỉ có xác nhưng còn có hồn. Nói cách khác, con người khác với con thú vì con người được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa, có hồn và xác. Theo Christopher West, con người có tự do nhờ phúc được dựng nên giống hình ảnh Thiên Chúa. Adam có tự do vì ông được mời gọi sống để yêu và được yêu. Không có tự do thì không thể có tình yêu.¹⁰

Trong cô đơn ban đầu, Adam nhận thức mình được mời gọi sống ơn gọi mến Chúa yêu người. Thế nhưng, ơn gọi này khiến Adam khó xử vì nếu được dựng nên để sống tình yêu tự hiến với người khác thì ông lại cảm thấy trống vắng vì vườn địa đàng không có ai giống ông để ông có thể trao thân. Thánh Gioan Phaolô II giải thích rằng con người chỉ được thỏa mãn khi sống trong tình yêu tự hiến hỗ tương, tức là không sống cho chính mình nhưng cho người khác. Khi nói, “*Con người ở một mình không tốt*” (St 2:18), Thiên Chúa có ý xác nhận rằng con người không thể hoàn toàn ý thức được bản chất sự tự hiến hỗ tương này, nếu bao lâu con người còn sống trong cô đơn. Chỉ khi nào hiện hữu cùng “*với một người và cho một người*” nào đó, con người mới ý thức được bản chất này.¹¹

⁹ Ibid., 8.

¹⁰ Christopher West, *Theology of the Body for Beginners: A Basic Introduction to Pope John Paul II's Sexual Revelation*. (West Chester, Pennsylvania: Ascension Press, 2009), 22.

¹¹ John Paul II, *Man and Woman He Created Them: A Theology of the Body* (Boston: Daughters of St. Paul, 2006), 182.

Hiệp Nhất Nguyên Thủy:

Để lấp đầy sự cô đơn trống vắng của Adam, Thiên Chúa dựng nên Eva. Khi thấy Eva, Adam mừng rỡ reo lên, “*A, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi!*” (St 2:23). Có lẽ, đây là lần đầu tiên Adam vui mừng vì từ trước đến nay ông thiếu vắng một con người giống ông.¹² Adam vui mừng vì từ nay ông có thể sống tình yêu tự hiến mà mình được mời gọi lúc được tạo dựng. Khi hợp nhất với Eva, Adam đã làm cho ý nghĩa này được trọn vẹn. “*Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt*” (St 2:24). Kinh nghiệm hiệp nhất này giúp Adam vượt qua nỗi cô đơn khi thiếu vắng người khác. Sự hiệp nhất này không chỉ mang ý nghĩa thể lý mà còn nhấn mạnh đến sự hiệp nhất thiêng liêng sâu xa hơn, đó là hiệp nhất giữa hai con người với nhau.¹³

Thánh Gioan Phaolô II cho rằng sự hiệp nhất của xác và hồn trong một con người giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về tính dục con người. Ngôn ngữ thể xác có khả năng truyền đạt điều gì đó sâu xa hơn tư tưởng và thông tin. Những gì thể hiện nơi thân xác sẽ biểu lộ con người thực hay “linh hồn sống động” của họ. Thật vậy, thân xác biểu lộ con người và làm hiện hữu điều vô hình, khía cạnh thiêng liêng của con người. Điều này giúp con người thấu hiểu hơn về hành động tính dục trong hôn nhân. Hành động tính dục trong hôn nhân không chỉ giới hạn trong sự hiệp nhất thể lý, nhưng còn bày tỏ sự hiệp nhất cá nhân sâu xa hơn. Tất một lời, thể xác bày tỏ tâm hồn. Vì vậy, khi người nam và người nữ trao thân cho nhau trong cử chỉ âu yếm là họ trao ban chính mình cho nhau. Sự hiệp nhất thân xác bày tỏ sự hiệp nhất tinh thần sâu xa là vậy.¹⁴

Bàn về vấn đề này, Thánh Gioan Phaolô II cho rằng ngôn ngữ cá biệt của thân xác bộc lộ “ý nghĩa phụ thê của thân xác.” Nói cách khác, thân xác có ý nghĩa hôn nhân với “*sức mạnh để thể hiện tình yêu: chính qua tình yêu mà con người trở thành quà tặng cho nhau. Qua món quà này, con người được thỏa mãn về ý nghĩa con người và sự hiện hữu của nó.*”¹⁵

¹² Ibid., 161.

¹³ West, 24.

¹⁴ John Paul II, 183, 176, 203. Được Sri nhắc đến trong trang 10.

¹⁵ Ibid., 185-186. Được Sri trích trong trang 10-11.

Như thế, thân xác là một kịch trường quan trọng mà vở kịch các mối quan hệ nam nữ sẽ được diễn ra. Người nam có thể xem tình dục như một phương thế để tiến sâu trong mối liên hợp cá biệt của mình với vợ, trao ban chính mình cách trọn vẹn cho nàng, thể hiện sự cam kết trọn vẹn với nàng như một con người, và đem đến cho nàng điều tốt đẹp nhất. Người nam cũng có thể quan niệm tình dục như một hành động thể lý với người nữ chỉ để thỏa mãn thú vui, chứ không có bất kỳ cam kết nào với hạnh phúc của nàng. Nói cách khác, thay vì tôn trọng người nữ như một con người và chú trọng đến hạnh phúc của người nữ thì người nam chỉ xem họ như một món đồ nhằm thỏa mãn dục vọng trong chốc lát. Sự phỉ báng tình dục này, rất phổ biến trong văn hóa ngày nay, rất xa vời với “ý nghĩa vợ chồng” mà Thiên Chúa đã gắn kết cho thể xác ngay từ ban đầu.

Sự Trần Truồng Nguyên Thủy:

“Con người và vợ mình, cả hai đều trần truồng mà không xấu hổ trước mặt nhau” (St 2:25). “Trần truồng và không xấu hổ” ở đây có nghĩa là gì? Theo Sri, thuật ngữ “xấu hổ” có ý đề cập đến việc người này sợ người kia khi không chắc chắn mình có thể tin tưởng người đó hay không. Ngắn gọn, con người lo sợ bị lợi dụng hoặc tổn thương, vì vậy họ e ngại để người khác biết bộ mặt thật của mình.

Lịch sử loài người cho thấy: thuở ban sơ, Adam và Eva không xấu hổ. Cả hai đều tự tin và tin tưởng lẫn nhau. Sự trần truồng thể xác của họ thể hiện “sự trần truồng” cá biệt cách sâu sắc hơn khi họ cảm thấy được tự do bày tỏ tâm hồn cho nhau cách trọn vẹn mà không sợ bị lợi dụng, hiểu lầm, hoặc nhục mạ. Có thể nói, Adam và Eva hiểu thấu “ý nghĩa hôn nhân của thể xác.” Khi chưa phạm tội, cả hai sống trong mối tình lý tưởng. Họ hoàn toàn sống cho nhau, không vương chút ích kỷ. Người này biết rõ người kia luôn tìm kiếm và làm điều tốt cho mình chứ không cho bản thân họ. Cả hai đón nhận nhau như món quà cá biệt trao tặng người kia cùng với trách nhiệm sâu xa của nó. Cả hai biết tự chủ trước những đam mê và ham muốn của mình. Do đó, với trái tim trong sáng, họ không vướng vào những ham muốn ích kỷ và luôn kính trọng nhau. Họ luôn tìm điều tốt cho nhau và không bao giờ coi nhau như một thứ đồ vật để lợi dụng.

Thánh Gioan Phaolô II mô tả vẻ đẹp trong sáng này của đôi vợ chồng đầu tiên trên địa cầu như sau: trong Vườn Địa Đàng, Adam và Eva nhìn nhau với “cái nhìn của Thiên Chúa,”¹⁶ nghĩa là họ nhìn nhau như chính Thiên Chúa nhìn họ. Sri thì cho rằng Adam không chỉ nhìn thấy vẻ đẹp của thân xác Eva, nhưng còn nhìn thấy toàn diện sự thật về con người của bạn mình.¹⁷ Có thể nói, cả hai cảm nhận được tình yêu đôi bên dành cho nhau và trân trọng món quà Chúa đã ban tặng cho họ. Từ đó, cả hai cảm nhận mình có trách nhiệm để lo cho nhau và tìm mọi cách để làm đẹp lòng nhau. Tiếp nối ý tưởng này, Thánh Gioan Phaolô II viết, “Nhìn nhau cách hổ tương qua màu nhiệm sáng tạo, người nam và người nữ nhìn thấy nhau rõ ràng và trọn vẹn hơn là qua thị giác... Thật vậy, họ nhìn và hiểu nhau với tất cả sự bình an của cái nhìn nội tâm, điều tạo nên sự thân mật viên mãn của con người.”¹⁸

Khi con người sống trong môi trường trọn vẹn này thì tình yêu, trách nhiệm, và sự thân mật của họ sẽ triển nở. Một khi con người cảm nhận được sự an toàn và tin tưởng của nhau, họ sẽ không còn lo sợ mình sẽ bị lợi dụng hoặc tổn thương. Từ đó, họ sẽ tự do hiến dâng toàn thân mình cho người khác và biết rằng mình cũng sẽ được đón nhận như một món quà quý báu. Thánh Gioan Phaolô II quả quyết rằng, “Sự ‘xác nhận về con người’ không gì khác hơn là đón nhận quà tặng, điều...tạo nên sự hiệp nhất giữa con người với nhau.”¹⁹

Tóm lại, ngay từ nguyên thủy, người nam và người nữ không cảm thấy xấu hổ trong mối quan hệ của mình. Họ không sợ sẽ bị người khác lợi dụng, gây tổn thương, hoặc không đón nhận. Họ không bị nhiễm lây tội nên được tự do yêu đương. Như thế, khi yêu nhau với tình yêu hổ tương hoàn toàn, sẽ không có những bức tường xấu hổ. Giải thích cho điều này, Thánh Gioan Phaolô II nói rằng, “Được miễn nhiễm khỏi xấu hổ” là “kết quả của tình yêu.”²⁰

Sự Xấu Hổ Nguyên Thủy:

¹⁶ Ibid., 157.

¹⁷ Sri, 12.

¹⁸ John Paul II, 177-178.

¹⁹ Ibid., 188.

²⁰ Ibid., 191.

Từ ban đầu, con người đã biết kiềm chế những ước muốn ích kỷ của mình để tình yêu được tròn vẹn và thăng hoa. Sau khi phạm tội, họ đánh mất sự tự chủ và cảm thấy khó kiềm hãm những đam mê và ham muốn của mình. Từ đó, người chồng không còn nhìn vợ với “cái nhìn của Đấng Tạo Hóa.”²¹ Chàng không còn dễ dàng nhìn nàng như một con người Thiên Chúa ban cho mình, và không còn đón nhận nàng như một quà tặng mà chàng muốn phục vụ với tình yêu vị tha và trách nhiệm.

Thật vậy, sau khi phạm tội, trái tim người nam bị nhiễm độc bởi sự ích kỷ, nên chàng chỉ tìm cách để thỏa mãn những ước muốn của mình hơn là tìm cách làm đẹp lòng nàng. Thay vì tôn trọng người nữ như một con người thì người nam bắt đầu nhìn họ dưới khía cạnh của những giá trị tình dục, hoặc như một món đồ nhằm thỏa mãn dục vọng của mình. Sự ích kỷ này không thể thắng vượt được nếu không có ơn Chúa.

Theo Thánh Gioan Phaolô II thì sau khi phạm tội, dường như Adam cảm nhận khả năng hoạt động vượt trên loài vật của mình ngưng lại và Adam chẳng khác gì con thú sống theo bản năng và những ham muốn thấp hèn.²² Nói khác đi, Adam bắt đầu sống gần như các con thú, bị lòng muốn điều khiển làm những việc chỉ để thỏa mãn những ham muốn tình dục thay vì làm đẹp lòng người mình yêu. Đây chính là hậu quả của tội nguyên tổ.

Như thế, sau khi phạm tội, con người không còn khả năng kiềm chế những đam mê của mình và bắt đầu đến với nhau bằng dục vọng và ích kỷ. Họ không còn tin rằng người kia sẽ thật sự làm những gì tốt nhất cho mình, và tự bản năng họ biết rằng người tình của mình có thể lợi dụng mình. Bởi đó, Kinh Thánh cho thấy ngay sau khi Adam và Eva phạm tội, họ trở nên “trần truồng và xấu hổ” (St 3:7).

Tất một lời, tội nguyên tổ đã đánh mất sự hiệp nhất nguyên thủy của người nam và người nữ, và cản trở sự thân mật trong quan hệ của họ, để cho xấu hổ lên ngôi. Từ đây, xấu hổ “thay thế lòng tin tuyệt đối kết nối với sự ngây thơ ban sơ trong mối liên hệ hỗ tương giữa người nam và nữ.”²³ Một

²¹ Sri, 14.

²² Ibid., 245. Nguyên văn: “it is as if the “man of concupiscence” (man and woman “in the act of the knowledge of good and evil”) experienced that he had simply ceased, also through his body and his sex, to remain above the world of living beings or “*animalia*.”

²³ Ibid., 250.

khi tình yêu vị tha và lòng tin tuyệt đối không còn, họ không còn cảm thấy tự do để hiến thân cho nhau nữa.²⁴

Kết

Xã hội ngày nay đang đầu độc con người với những ý tưởng méo mó về tình yêu, hôn nhân, và gia đình. Nhiều đôi bạn không biết làm thế nào để có thể trở thành người chồng người vợ tốt. Họ cần và muốn có gì đó nhóm lên trong họ ngọn lửa ước muốn xây dựng đời sống hôn nhân mạnh mẽ và sâu sắc hơn. Chắc chắn một điều, họ cần phải trở về nguồn và tìm hiểu sâu xa hơn cái nhìn của Giáo Hội về đời sống hôn nhân và gia đình.

Một trong những tài liệu tốt nhất của Giáo Hội về điều này là những suy tư của Thánh Gioan Phaolô II về hôn nhân và gia đình, chứa đựng trong tác phẩm *Thần Học Thân Xác*. Ngài có một cái nhìn khác biệt với những gì thế giới đang lan truyền. Qua những suy tư sâu sắc, Ngài đưa con người trở về với ý nghĩa ban đầu của Thiên Chúa về hôn nhân và gia đình. Một khi con người hiểu đúng ý nghĩa của hôn nhân, họ sẽ sống đúng trách nhiệm và địa vị mình đã được đặt để. Có như thế, dù gặp bất cứ khó khăn nào trong cuộc sống, họ vẫn tôn trọng, hy sinh, và nhẫn nại giúp nhau vượt qua hầu mang lại hạnh phúc cho gia đình.

Cùng với Đức Giáo Hoàng Phanxicô chúng ta xin Thánh Gioan Phaolô II, vị Giáo Hoàng của gia đình, cầu nguyện và đồng hành với Giáo Hội trong những ngày dẫn đến Thượng Hội Đồng Giám Mục vào tháng Mười năm 2015 với chủ đề, “*Chúa Giêsu Kitô Mạc Khải Tin Mừng Gia Đình - Jesus Christ Reveals the Gospel of the Family.*” Xin cho Giáo Hội mở lòng cùng Chúa Thánh Thần trong khi thi hành mục vụ cho các gia đình.

²⁴ Ibid., 247.

BIBLIOGRAPHY:

“Pope John Paul II.” Famous People. 20 Nov. 2014
<http://www.thefamouspeople.com/profiles/pope-john-paul-ii-81.php>

Comastri, Angelo. Homily in Thanksgiving Mass for St. John Paul II Celebrated in St. Peter’s Square (April 28, 2014).

Fitzgibbons, Richard P. “Marital Love, Intimacy and Faith.” Marital Healing.com. 10 Dec. 2014 <<http://www.maritalhealing.com/conflicts/selfgiving.php>>.

Fournier, Keith. “The Early Years of Saint Pope John Paul II.” Catholic Online. 15 Nov. 2014 <<http://www.catholic.org/pope/jp2/early-year.php>>.

Francis, Pope. “Homily of Pope Francis.” The Holy See. 20 Nov. 2014 <http://w2.vatican.va/content/francesco/en/homilies/2014/documents/papa-francesco_20140427_omelia-canonizzazioni.html>.

John Paul II. *Man and Woman He Created Them: A Theology of the Body*. Boston: Daughters of St. Paul, 2006.

_____. *The Theology of The Body. Human Love in the Divine Plan*. Boston: Daughters of St. Paul, 1997.

Maguire, Bill. “St. John Paul II: The Pope of Marriage and the Family.” National Catholic Register. 15 Oct. 2014 <<http://www.ncregister.com/daily-news/st.-john-paul-ii-the-pope-of-marriage-and-the-family>>.

Moreno, Rolando . “John Paul II’s Vision of Family and Marriage for the New Evangelization” (April 25, 2014). Catholic World Report. 10 Nov. 2014 <http://www.catholicworldreport.com/Item/3098/john_paul_iis_vision_of_family_and_marriage_for_the_new_evangelization.aspx>.

Newton, William. “The Legacy of the Vision of Pope John Paul II on Marriage and Family.” Homiletic & Pastoral Review. 20 Dec. 2014 <<http://www.hprweb.com/2014/11/the-legacy-of-the-vision-of-pope-john-paul-ii-for-marriage-and-family/>>.

Sri, Edward. *God’s Plan for Love & Marriage. John Paul II’s Theology of the Body*. General ed. Father Juan-Diego Brunetta, O.P. Knights of Columbus Supreme Council, 2008.

_____. *Men, Women and the Mystery of Love: Practical Insights from John Paul II’s “Love and Responsibility.”* Cincinnati: Servant Books, 2007.

Weigel, George. *Witness to Hope*. HarperCollins, 2001.

West, Christopher. *Theology of the Body Explained: A Commentary on John Paul II’s Man and Woman He Created Them*. Boston: Daughters of St. Paul, 2007.

_____. *Theology of the Body for Beginners: A Basic Introduction to Pope John Paul II's Sexual Revelation*. West Chester, Pennsylvania: Ascension Press, 2009.

Wojtyla, Karol. *Love and Responsibility*. San Francisco: Ignatius Press, 1993.



Lm. Gioan Thành M. Trần Quốc Toản CMC, là tu sĩ thuộc Tỉnh Dòng Đồng Công Hoa Kỳ, với 24 năm khăn dòng và 9 năm linh mục, tốt nghiệp S.T.L. môn Luân Lý tại đại học Gregoriana, Rome, hiện là Cố Vấn I của Tỉnh Dòng.

CHƯƠNG V

GIÁO LUẬT

Tiêu Hôn: Vai Trò Tòa Án Trong Giáo Hội

Lm. Peter Hồ Việt J.C.L.

Vào tháng 10, 2014, Đức Thánh Cha Phanxicô đã cho triệu họp Thượng Hội đồng Giám Mục ngoại thường tại Roma vào tháng 10, 2014 để bàn thảo về những vấn đề gia đình. Một trong những đề tài nóng bỏng được đề cập đến trong Thượng Hội đồng là vấn đề tiêu hôn và vai trò của tòa án hôn phối. Về vấn đề này, một số dư luận, trong cũng như ngoài Giáo Hội, cho rằng Giáo Hội nên nhấn mạnh về tha thứ và bác ái, thay vì những thủ tục rườm rà của tòa án. Họ cho rằng Giáo Hội nên giống như Chúa Giêsu, cần chú ý đến mục vụ bác ái, thay vì pháp luật và những thủ tục của nó.¹ Hay nói cách khác, Giáo Hội của Chúa cần có tòa án hay không?

Vì những dư luận trên về tòa án của Giáo Hội, đề tài “Tiêu Hôn: Vai Trò Tòa Án Trong Giáo Hội” được viết ra, nhằm giúp quý độc giả hiểu rõ hơn về nguồn gốc và vai trò thực sự của tòa án hôn phối. Để đi sâu vào đề tài, bài viết được chia ra thành hai phần: phần thứ nhất sơ lược về lịch sử hay nguồn gốc, và những phát triển của tòa án Giáo Hội; phần thứ hai bàn thảo về vấn đề tiêu hôn và vai trò của tòa án hôn phối trong Giáo Hội.

1. Tòa Án Giáo Hội thời Sơ Khai

Lawrence Wrenn, một linh mục và giáo luật gia nổi tiếng của Hoa Kỳ, nói rằng, “Giáo Hội, có thể nói, là duy nhất, thánh thiện, công giáo, tông truyền, và phân xử /xét xử. Tòa án và việc xét xử đã từng là một phần của Giáo Hội từ lúc đầu.”² Tác giả Wrenn cho biết thêm, “Dựa vào thánh sử

¹ Để biết thêm về những dư luận và bàn cãi cho đề tài này, xin tham khảo bài viết của John L. Allen Jr.: “However dramatic, the Synod of Bishops 2014 was just the beginning” [Oct. 20, 2014] (www.cruxnow.com).

² *The Code of Canon Law, A Text and Commentary*: “Book VII: Processes” [ed. James A. Coriden; Thomas J. Green; Donald E. Heintschel (1985)], tr. 945.

Matthêô, chính Chúa Giêsu đã phác thảo điều luật đầu tiên về thủ tục cho giáo luật, cho toà án của Giáo Hội”:

Nếu người anh em của anh trót phạm tội, thì anh hãy đi sửa lỗi nó, một mình anh với nó mà thôi. Nếu nó chịu nghe anh, thì anh đã được món lợi là người anh em mình. Còn nếu nó không nghe, thì hãy đem theo một hay hai người nữa, để mọi công việc được giải quyết, căn cứ vào lời hai hoặc ba nhân chứng. Nếu nó không nghe họ, thì hãy đi thưa Hội Thánh. Nếu Hội Thánh mà nó cũng chẳng nghe, thì hãy kể nó như một người ngoại hay một người thu thuế.³

Sau này, khi Thánh Phaolô rao giảng ở những vùng dân ngoại, nhất là khi phải quyết định cho những vấn đề liên quan về đức tin, về luân lý, và những xung khắc trong cộng đồng, ngài cũng dạy tương tự như vậy. Ngài phê chuẩn và nhấn mạnh cho việc có hai hay ba nhân chứng trong mọi tranh tụng: có ít nhất hai lần ngài nhắc đến việc này. Lần thứ nhất, trong thư thứ hai gửi các tín hữu Côrintô, ngài nói: “Đây sẽ là lần thứ ba tôi đến thăm anh em. Mọi công việc phải được giải quyết nhờ có ba mặt một lời” (2 Cor 13:1). Lần thứ hai, trong thư thứ hai gửi cho ông Timôthêô, ngài nói: “Lời tố cáo một kỳ mục, anh em đừng chấp nhận, trừ phi có hai hoặc ba nhân chứng” (1Tim5:19).

Tiếp đến, trong chương thứ sáu của Thư thứ nhất gửi các tín hữu Côrintô, Thánh Phaolô bàn rộng thêm về việc xét xử các Kitô hữu; trong thư ngài đề nghị Giáo Hội nên lập một hệ thống toà án riêng để xét xử và giải quyết những vấn đề nội bộ:

Khi xảy ra tranh chấp với kẻ khác, có người trong anh em dám đi kiện cáo trước mặt người ngoại mà lại không đến trước mặt các thánh! Nào anh em chẳng biết rằng các thánh sẽ xét xử thế gian ra sao? Mà nếu được quyền xét xử thế gian, anh em lại không xứng đáng xử những việc nhỏ mọn ư? Nào anh em chẳng biết rằng chúng ta sẽ xét xử các thiên thần sao? Phương chi là những việc đời này! Thế mà khi phải xét xử những việc đời này, anh em lại đặt những người mà Hội

³ Mt 18: 15-18

Thánh coi nhẹ làm quan toà! Tôi nói thế cho anh em phải xấu hổ. Chẳng lẽ trong anh em lại không có người nào khôn ngoan có thể xét xử các vụ tranh chấp giữa anh em mình ư? Đấng này, anh em đã kiện cáo nhau thì chớ, lại còn đem nhau ra trước toà những người không có đức tin!⁴

Theo Wrenn, lời khuyên dạy của Thánh Phaolô có thể là tiếng nói và cũng là sự cổ vũ chính thức cho việc thành hình một hệ thống toà án trong Giáo Hội.

Vào năm 197, khi ông Tertullian⁵ viết cuốn *Apology* trong một nỗ lực để thuyết phục tổng trấn của đế quốc La Mã, ông cho rằng những Kitô hữu là những người tốt, không đáng bị bách hại. Và ông đưa ra vài ví dụ về lối sống thánh thiện và hệ thống tòa án để giải quyết những vấn đề nội bộ. Trong chương 39 của cuốn *Apology*, ông nhắc nhở những thủ lãnh La Mã rằng:

Của cải gia đình, là một thứ huỷ diệt tình huynh đệ giữa các ông, nhưng tạo tình liên kết giữa chúng tôi. Một lòng, một trí, chúng tôi không ngần ngại chia sẻ những vật chất chúng tôi có cho nhau. Tất cả là của chung... Nhưng việc chính là tình thương cao thượng, điều mà mọi người biết về chúng tôi. “Thấy không,” họ nói, “xem họ thương yêu nhau thế nào.”... Chúng tôi là một chi thể nối kết bởi cùng một đức tin tôn giáo, cùng sự đoàn kết và kỷ luật, và cùng một hy vọng chung... Cũng chính trong nơi sinh hoạt này những khích lệ được nêu ra, những khiển trách và kiểm điểm thiêng liêng được thực hiện. *Nhưng không kém phần quan trọng là việc phân xử được thực hiện giữa chúng tôi, nhằm mang lại sự an tâm cho những ai cảm thấy họ cần được xứng đáng trước thánh nhan Chúa.*⁶

⁴ 1 Cor 6:1-6.

⁵ Ông Tertullian sinh trưởng ở Carthage, bắc-Phi (156-220 AD), là một tác giả và là bút chiến Kitô giáo. Ông cổ vũ ngôn ngữ Latin, một ngôn ngữ thông dụng thời đó, thay vì Hy Lạp, là ngôn ngữ của Giáo Hội.

⁶ *The Ante Nicene Fathers* III, tr. 46-47. Thứ tự của văn kiện được thay đổi chút ít; và những chữ viết ngả là lời của tác giả Tertullian.

Những bản văn trên cho thấy những lời giảng dạy của Chúa trong Phúc Âm Mattheô và giáo huấn của Thánh Phaolô về việc trình người anh em trước cộng đoàn để xét xử vẫn còn thực hiện ở thế kỷ thứ hai. Và đến thế kỷ thứ ba, những tư tưởng của Tertullian được dùng đến như là tài liệu căn bản để phát triển thêm về khía cạnh thủ tục và phương pháp xét xử cho toà án. Những phát triển này được tóm tắt trong văn kiện *Didascalía*.⁷ Wrenn giải thích, “Từ trang này sang trang nọ, *Didascalía* chú trọng về hệ thống toà án của Giáo Hội, với những hướng dẫn đặc biệt cho các giám mục làm thẩm phán để xử lý những trường hợp bị vu khống, tham nhũng, hay những trường hợp làm minh bạch và công bằng cho hai bên cáo viên và bị cáo, và những trường hợp phân xét khác cho những Kitô hữu.”⁸

2. Toà Án Giáo Hội thời Hoàng Đế Constantinô

Vào năm 313, khi hoàng đế Constantinô ban sắc lệnh công nhận đạo Kitô là đạo chính thức của đế quốc La Mã, ông đồng thời ban cho các giám mục cùng quyền xét xử như các thẩm phán dân sự, nếu hai bên [cáo viên và bị cáo] đều đồng ý⁹. Sự cho phép này nói lên một việc quan trọng giữa Giáo Hội và xã hội: Giáo Hội có một ảnh hưởng rất lớn trong xã hội thời đó. Hệ thống toà án của Giáo Hội cũng có ảnh hưởng trong xã hội; và hệ thống luật pháp của Giáo Hội bị ảnh hưởng rất nhiều bởi hệ thống luật pháp La Mã, nhất là trong thủ tục thưa kiện và xét xử.¹⁰

⁷ *Didascalía* là một văn kiện được viết vào khoảng đầu thập niên của thế kỷ thứ 3, và chính thức được phát hành vào năm 1854 bởi Paul de Lagarde. Danh hiệu hoàn chỉnh của *Didascalía* là *Didascalía Apostolorum* nghĩa là *Giáo Huấn của Các Tông Đồ và Môn Đệ của Chúa Chúng Ta*. Nội dung của văn kiện này không đề cập về vấn đề tín lý, nhưng về những kỷ luật và tập tục của Giáo Hội, đặc biệt là những tập tục phụng vụ và cấu trúc tổ chức. Về nguồn gốc của *Didascalía*, tác giả J. Quasten trong cuốn *Patrology* giải thích rằng: “*Didascalía*, dựa trên những điều tra gần đây, được viết vào đầu thế kỷ thứ 3 cho những dự tông ở bắc phần Syria. Tác phẩm *Didascalía* được trình bày dựa theo *Didache* (cf. vol I, tr. 29-39) ~ [tạm dịch là *Giáo Huấn của 12 Tông Đồ*, được viết vào khoảng cuối thế kỷ thứ nhất hay là vào đầu thế kỷ thứ hai. *Didache* là một luận thuyết và được xem là văn bản giáo lý đầu tiên của Giáo Hội].”

⁸ *Constitutions of the Holy Apostles*, Book II, Sections III-VI, “The Ante Nicene Fathers”, tr. 398-421.

⁹ *Codex Theodosianus*, I 27, 1: Mommsen-Myers (Berlin, 1095), tr. 62.

¹⁰ “Once Constantine, the Roman emperor, became a Christian and, in particular, once he granted to bishops the same authority as civil judges...it was inevitable that the procedural law of the Roman civil courts would influence and change the procedures of

Một ví dụ rõ ràng về sự ảnh hưởng của hệ thống luật pháp La Mã trên luật của Giáo Hội được tìm trong lá thư số 45 trong tập XIII của Đức Thánh Cha Gregoriô Cả¹¹ gửi đến cho một người tên là Gioan, người biện hộ và là đại diện tư pháp riêng cho ngài. Nội dung và bối cảnh của thư liên quan đến một sự kiện rất tế nhị và quan trọng bùng nổ tại Tây Ban Nha và gây không ít sự chú ý cho toà án dân sự địa phương. Khi sự kiện xảy ra, Đức Thánh Cha Gregoriô phái ông Gioan đến Tây Ban Nha với hướng dẫn là duyệt lại và kiểm định những thủ tục, lời khai, và với quyền để xử. Trong lá thư số 45 ngài đã nhiều lần trích dẫn những tài liệu từ *Code* và *Novels* của Justianô, cũng được gọi là *Codex Justianus*, [*Cuốn Bộ Luật Justianus*],¹² để giải quyết vấn đề. Nói cách khác, ngài cho rằng những điều lệ của La Mã cùng với những tác phẩm *Institutes* và *Digest*,¹³ nghĩa là những tài liệu luật pháp của triều đại La Mã được thu thập qua vài thế kỷ và thi hành dưới thời hoàng đế Justinô, được dùng trong toà án của Giáo Hội.

Vào năm 1234 Đức Thánh Cha Gregoriô IX, qua việc thu thập và soạn thảo, cho phát hành một lệnh tập cho toà án của Giáo Hội; lệnh tập này được gọi là *Decretals* of Pope Gregory IX. Dùng phương pháp sắp xếp của Bernard ở Pavia, ngài chia Lệnh Tập thành 5 phần: 1) *Iudex* (thẩm phán); 2) *Iudicium* (toà án: thưa kiện & xét xử); 3) *Clerus* (tu sĩ); 4) *Connubia* (hôn nhân); 5) *Crimen* (trọng tội).

Những ví dụ vừa nêu trên cho thấy rằng sự phát triển của Giáo Hội cũng là sự phát triển của toà án và luật trong Giáo Hội. Sự phát triển nói lên sự cầu kỳ trong Giáo Hội, cũng có nghĩa là sự cầu kỳ, nếu không nói là phức

the church courts. And so it did. [tạm dịch: Khi Constantinô, hoàng đế La Mã, trở thành một Kitô hữu và, trong cách riêng, khi ngài cho phép các giám mục quyền tương tự như các thẩm phán dân sự... việc không thể tránh được đó là thủ tục luật lệ của La Mã có ảnh hưởng và thay đổi thủ tục của toà án Giáo Hội. Và nó đã xảy ra như vậy” (*New Commentary on the Code of Canon Law* [ed. John P. Beal; James A. Coriden; Thomas J. Green (2000)], tr. 1611.

¹¹ Gregôriô sinh vào một gia đình quý tộc tại La Mã vào năm 540. Trước khi chịu chức linh mục, Ngài là một luật sư dân sự nổi tiếng, là quận trưởng của thành La Mã, và là chủ tịch thượng viện của La Mã.

¹² Codex Justianô là bộ luật dân sự được thành lập bởi Hoàng Đế Justianô vào thế kỷ thứ 6. Sau khi lên ngôi hoàng đế, ông ban lệnh soạn và cập nhật một bộ luật mới cho đế quốc La Mã. Bộ luật Justianô thay thế 3 bộ luật cũ của *Codex Gregorianus*, *Codex Hermogenianus* và *Codex Theodosianus*. Cf. PL 77, tr. 1294-1300.

¹³ *Institutiones* IV 6, 13; *Digesta* IV 1, XLII, XLIV 1, 2.

tạp, cho những thủ tục của toà án. Đối diện với những phát triển cầu kỳ và phức tạp đòi hỏi Giáo Hội và toà án của Giáo Hội cần nên rõ ràng, và hệ thống xét xử cần có cấu trúc. Mặc dầu hệ thống luật lệ và phương cách xét xử của toà án của Giáo Hội bị ảnh hưởng bởi luật dân sự, dẫu rườm rà hơn, nhưng mục đích và vai trò của toà án Giáo Hội vẫn không khác gì với những lời giáo huấn của Chúa: xét xử và sửa lỗi với chủ ý là mang lại đoàn kết và hiệp nhất.¹⁴

¹⁴ Sự hiệp nhất và đoàn kết là căn bản của Giáo Hội học. Độc giả có thể tham khảo thêm về đề tài này qua Hiến Chương *Lumen Gentium* (*Ánh Sáng Muôn Dân*) #4 & #7 của Công Đồng Vaticanô II, và bài chia sẻ *Ecclesiology of Vatican II* của Đức Thánh Cha Benedictô XVI, khi ngài làm Hồng Y Trưởng của Bộ Tín Lý và Đức Tin, (ngày 15 tháng 09, 2001). Sau đây là một phần được trích ra từ bài nói của ngài: “Around the time of the extraordinary Synod of 1985 which attempted to make an assessment of the 20 years since the Council there was a renewed effort to synthesize the Council’s ecclesiology. The synthesis involved one basic concept: the ecclesiology of communion. I was very much pleased with this new focus in ecclesiology and I endeavoured, to the extent I was able, to help work it out. First of all one must admit that the word “*communio*” did not occupy a central place in the Council. All the same if properly understood it can serve as a synthesis of the essential elements of the Council’s ecclesiology. All the essential elements of the Christian concept of “*communio*” can be found in the famous passage from the First Letter of Saint John (1,3); it is a frame of reference for the correct Christian understanding of “*communio*.” “That which we have seen and heard we proclaim also to you, so that you may have fellowship (*communio*) with us; and our fellowship is with the Father and with his Son Jesus Christ. And we are writing this that our joy may be complete.” The point of departure of *communio* is clearly evident in this passage: the union with the Son of God, Jesus Christ, who comes to mankind through the proclamation of the Church. Fellowship (*communio*) among men is born here and merges into fellowship (*communio*) with the One and Triune God. One gains access to communion with God through the realization of God’s communion with man—it is Christ in person. To meet Christ creates communion with Him and therefore with the Father in the Holy Spirit. This unites men with one another. The goal of all this is the fullness of joy: the Church carries in her bosom an eschatological dynamic. This expression “fullness of joy” recalls the farewell address of Jesus, His Paschal mystery and the Lord’s return in the Easter apparitions which prefigure His definitive return in the new world. “You will be sorrowful, but your sorrow will turn into joy ... I will see you again and your hearts will rejoice ... ask, and you will receive, that your joy may be full (Jn 16, 20.22.24). If this verse is compared to the invitation to prayer in St Luke (Lk 11,13) it is apparent that “joy” and the “Holy Spirit” are equivalent. Although John does not explicitly mention the Holy Spirit in his first Epistle (1,3) he is hidden within the word “joy.” In this biblical context the word “*communio*” has a theological, Christological, soteriological and ecclesiological characteristic. It enjoys a sacramental dimension that is absolutely explicit in St Paul: “The cup of blessing which we bless, is it not a communion in the blood of Christ? The bread which we break, is it not a

3. Tòa Án của Giáo Hội dựa trên Bộ Giáo Luật 1983

Dựa vào những tư tưởng của các thế hệ trước, vào năm 1917 Đức Thánh Cha Piô IX cho ban hành Bộ Giáo Luật 1917¹⁵ mà Giáo Hội dùng suốt thời gian công đồng Vaticanô I, cho đến khi Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II ban hành Bộ Giáo Luật 1983 [*Codex Iuris Canonici* 1983] mà chúng ta đang dùng; Bộ Giáo Luật 1983 này là bản văn kiện cuối cùng của Công Đồng Vaticanô II.

Theo Wrenn, “Tất cả những điều luật và tác phẩm trong Bộ Giáo Luật 1983, phần nhiều là những lập lại được tìm thấy trong *Decretals* [*Lệnh Tập* của Đức Giáo Hoàng Gregoriô IX] của năm 1234 và một phần nhỏ được tìm thấy trong *Codex Justinianus* của năm 535.”¹⁶ Trong chương nói về phần xét xử, Bộ Giáo Luật 1983 nêu ra 5 yếu tố chính: 1) đối tượng vật chất [material object]; 2) chủ thể tích cực [active subject]; 3) hình thức [form]; 4) đối tượng thụ động [passive subject]; và 5) đối tượng chính thức [the formal object].¹⁷ Bộ Giáo Luật cũng nêu ra những thủ tục (*de processibus*)¹⁸ cần thiết cho toà án trong việc xét xử. Nói tóm lại, những thủ tục toà án nêu trong Bộ Giáo Luật 1983 có cấu trúc, hệ thống chặt chẽ, nhằm mang lại sự công bằng và bảo vệ quyền lợi cho hai bên tố viên và bị cáo, đồng thời giúp

communion in the body of Christ? Because there is one bread, we who are many are one body ...” (I Cor 10,16ff.). The ecclesiology of communion at its very foundation is a Eucharistic ecclesiology.”

¹⁵ Soạn giả chính cho phần luật hôn nhân trong cuốn Bộ Luật 1917 là Đức Hồng Y Pietro Gasparri (1852-1934): “The main architect of the law of the marriage in the first Code was Pietro Gasparri. He inherited the qualities of the classical Roman lawyers; his legal works are marked with clarity, conciseness and balance. His theological horizon, however, was rather narrow. His main concern was to uphold and to protect the institution of marriage. Hence, the Code drafted under his direction paid little attention to the legitimate desires and needs of individual persons. It stressed throughout the propagation of children as the primary end of the institution; it made the acts apt for the generation of the offspring the principal object of the contract” (Ladislas Orsy, *Marriage in Canon Law: Texts and Comments; Reflections and Questions* [1990], tr. 35).

¹⁶ *New Commentary on the Code of Canon Law: Text and Commentary*, tr. 1612.

¹⁷ Đối tượng vật chất là vấn đề trình lên toà án; chủ thể tích cực là thẩm phán hay là toà án xét xử sự kiện; hình thức là thủ tục, phương án cần thiết trong việc điều tra và xét xử; đối tượng thụ động gồm có tố viên, bị cáo, và những biện hộ cho hai bên; và đối tượng chính thức là sự kiện hay là sự phản cáo.

¹⁸ *Codex Iuris Canonici* [1983], LiberVII: canonici #1400-1572.

tránh những thiên vị và lạm dụng quyền hành bởi bề trên của Giáo Hội. Nhưng quan trọng hơn hết, mục đích chính của toà án Giáo Hội và những xét xử là “Ơn Cứu Rồi.” Bởi thế, điều luật cuối cùng của Bộ Luật 1983 đúc kết rằng: “Sự công bằng của giáo luật cần được quan sát, và ơn cứu rồi của linh hồn phải luôn luôn là điều luật cao cả nhất của Giáo Hội.”¹⁹ Nói cách khác, mục đích của giáo luật là phục vụ cho phần rỗi của các tín hữu trong Giáo Hội: “Mục đích của giáo luật là duy trì những giá trị con người và thần học và giúp cộng đồng sống xứng đáng với những giá trị đó.”²⁰

4. Tiêu Hôn và Vai Trò Toà Án Giáo Hội

Với ơn cứu rồi là mục đích chính của toà án Giáo Hội, vai trò toà án hôn phối trong việc cứu xét những hồ sơ xin tiêu hôn cũng nhắm về mục đích là mang ơn cứu rồi của Chúa đến cho những người đau khổ, bất hạnh: “Tôi đến không để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi sám hối ăn năn.”²¹ Ơn cứu rồi ở đây không ám chỉ riêng cho một hành động sám hối, nhưng là một con người lỗi lầm ăn năn trở về, chọn Chúa và trở thành một với Chúa Kitô. Ơn cứu rồi bàn thảo ở đây phải được hiểu trong bối cảnh đức tin: tin vào Chúa, chọn Chúa và trở về cùng Chúa, tức là nguồn thánh thiện.²²

Khi nhấn mạnh về ơn cứu rồi, Giáo Hội qua Bộ Giáo Luật 1983 muốn nhấn mạnh về khía cạnh con người; chỉ có “Con Người” [Giêsu] mới có thể ban ơn cứu rồi cho con người [nhân loại]. Sự chuyển hướng của luật hôn nhân ảnh hưởng rất nhiều cho toà án hôn phối. Trong việc tiêu hôn (*dissolutio*)²³ hay công bố sự bất thành (*declaratio nullitatis*)²⁴ của một hôn

¹⁹ *Codex Iuris Canonici* [1983], #1752.

²⁰ Ladislav Orsy, *Marriage in Canon Law: Texts and Comments; Reflections and Questions* [1990], tr. 11.

²¹ *Lk 5:31*

²² *Lumen Gentium* (Hiển Chương Ánh Sáng Muôn Dân của Công Đồng Vaticanô II) #4 & #7.

²³ Tiêu hôn (*dissolutio*) nói về Đặc Sủng Đức Tin của thánh Phaolô (điều luật #1143) hay của thánh Phêrô (điều luật #1142) trong việc huỷ bỏ hay tiêu hôn một hôn nhân ngoại đạo. Đặc Sủng của Thánh Phaolô nói về quyền tháo gỡ của Giáo Hội cho một hôn nhân, mà lúc thành hôn hai người nam và nữ chưa được rửa tội nhân danh Chúa Kitô, nhưng sau này hai người ly dị vì không thuận với nhau bởi vì người kia chọn Chúa Kitô. Đặc sủng này dựa vào việc thánh Phaolô rao giảng cho dân ngoại, và sau khi đón nhận tin mừng một trong hai người trong hôn nhân chọn Chúa. Việc chọn Chúa tạo cho hôn nhân

nhân, Giáo Hội nhắm vào đức tin, nghĩa là nhắm vào lợi ích thiêng liêng của người tín hữu, bởi vì hôn nhân không chỉ có đặc tính tổ chức (*institutio*), nhưng còn của tạo dựng (*creatio*) và thánh thiện,²⁵ tượng trưng cho giao ước giữa Thiên Chúa và dân của Ngài (*conventio / pactio*).²⁶ Khi công bố một hôn nhân bất thành, toà án hôn phối tháo gỡ những cản trở thiêng liêng và hồi phục nhân phẩm của người lỗi lầm, để họ được tiếp tục làm con cái Chúa và trở về hiệp thông cùng Giáo Hội, Chi Thể của Chúa Kitô.

5. Suy Tư của Tác Giả

Đề tài của bài là viết về “vai trò” của toà án trong Giáo Hội, nhưng phần nhiều tác giả qua vài điểm lịch sử viết về sự phát triển và mục đích của nó, đó là mang lại sự trật tự, công bằng, và ơn cứu rỗi. Dẫu biết rằng vai trò

đó bất hòa; vợ và chồng không thể sống chung vì đức tin Kitô. Thánh Phaolô cho rằng việc chọn Chúa là cao cả và huỷ hôn nhân đó vì đặc sủng đức tin, bởi chính Chúa đã nói: “Ai yêu cha hay yêu mẹ hơn Thầy, thì không xứng đáng với Thầy. Ai yêu con trai hay con gái hơn Thầy, thì không xứng đáng với Thầy...” (Mt. 10:37). Việc công bố hôn nhân bất thành (*declaratio nullitatis*) nói về quyết định của toà án, sau khi điều tra sự kiện, chính thức tuyên bố một hôn nhân Công Giáo hay không Công Giáo bất thành, bởi vì những người đi vào hôn nhân thiếu / không có năng lực (*incapaces*) từ lúc đầu (*ab initio*).

²⁴ Những lý do công bố một hôn nhân bất thành được tìm trong những điều luật sau đây: 1095-1103. Những cản trở làm cho hôn nhân vô hiệu được tìm trong điều luật 1083-1094.

²⁵ *Gaudium et Spes (Hiến Chương Vui Mừng và Hy Vọng của Công Đồng Vaticanô II)* #48.

²⁶ “In the Hebrew’s understanding of marriage, the institutional aspect dominated: the family was the primary source of the strength of the tribe. To have children in abundance was a great blessing; the survival and the future prosperity of the people depended on them. Yet, side by side with the appreciation of the institution, we are told also touching stories of marital relationships; that of Abraham and Sarah is one of them. The creation narratives, as we have them, are fruit of a long maturation; they contain a culturally advanced, even sophisticated understanding of marriage. The first human beings appear in a sacred context: they are part of the universe that has been created by God. They appear as a couple, as equals, in conversation with their Maker... The source of their equality and unity is now placed directly into God’s own powerful word. He gave them also the task of continuing his work in this creation... The ideal put forward in the creation is that of a monogamous marriage; a remarkable fact because the sacred books tell us about the polygamous unions of several outstanding personalities in the history of Israel. This orientation toward monogamy was certainly supported and strengthened by the developing symbolism attached to marriage; Israel used the image of the human couple to describe and to understand with increasing depth of the nation’s relationship to Yahweh; he was the ‘bridegroom,’ and they the ‘bride’. It was a jealous relationship: as Yahweh was the God of Israel, Israel had to be the people of Yahweh” (Ladislas Orsy, *Marriage in Canon Law: Text and Comments; Reflections and Questions*, tr. 15-16).

và mục đích là hai định nghĩa khác nhau, nhưng vai trò và mục đích của toà án Giáo Hội tựa như hai bộ mặt của một đồng tiền. Lý do là toà án của Giáo Hội chỉ là một trong những cơ cấu, bộ phận sinh hoạt và mục vụ của Giáo Hội. Là một bộ phận trong cơ cấu của Giáo Hội, mục đích và vai trò của toà án luôn luôn là một với Giáo Hội, và phản ánh bản chất của Giáo Hội, nghĩa là toà án phải là dấu chỉ của sự hiện diện của Chúa Kitô trong chương trình cứu rỗi của Thiên Chúa. Toà án Giáo Hội, qua việc xét xử, chỉ là một khí cụ của tha thứ, của công bằng, nhằm đến mục đích mang lại sự hiệp thông, tức là ước muốn cuối cùng của Chúa Giêsu trước cuộc thương khó: “Lạy Cha, con muốn rằng con ở đâu, thì những người Cha đã ban cho con cũng ở đó với con, để họ chiêm ngưỡng vinh quang của con, vinh quang mà Cha đã ban cho con, vì Cha đã yêu thương con trước khi thế gian được tạo thành.”²⁷

Nếu mục đích của Giáo Hội là phục vụ, thì mục đích của toà án cũng vậy. Nếu vai trò của Giáo Hội là bí tích của ân sủng Chúa, thì vai trò của toà án cũng vậy. Toà án của Giáo Hội, đầu mang tính chất và sắc thái của luật lệ, không thể tự lập hay khác biệt với mục vụ của Giáo Hội. Nó luôn luôn phản ánh nguồn ân sủng của Chúa Kitô qua Giáo Hội.

²⁷ Gn 17:24



Linh mục Peter Hồ Việt, J.C.L., thuộc Giáo Phận Orange, California, hoàn tất chương trình giáo luật tại Giáo Hoàng Học Viện Gregoriana, Roma năm 2008, hiện là Phụ Tá Tư Pháp và Giám Đốc cho Tòa Án Hôn Phối cho Giáo Phận Orange

GIÁO HỘI - TIÊU HÔN : TIẾN TRÌNH VÀ Ý NGHĨA

Linh mục Gioan Viannê Nguyễn Ngọc Thụ, J.C.L.

Thống kê CARA (CENTER FOR APPLIED RESEARCH IN THE APOSTOLATE) năm 2013 cho biết một trong năm cuộc hôn nhân Công Giáo đã kết thúc qua việc ly dị và một trong mười cặp hôn nhân khai là họ đang ly dị (*gồm có người đã tái hôn có hoặc không được tiêu hôn*).¹ Mặc dù đa số người ta đều có ý ngay lành là muốn gây dựng một gia đình nhưng nhiều hôn nhân đã bị đổ vỡ. Giáo Hội Công Giáo cảm thông với sự đau khổ và căng thẳng do hôn nhân đổ vỡ đã gây ra cho tất cả những ai liên hệ. Vai trò căn bản của Văn Phòng Tòa Án các Giáo Phận là để giúp đỡ quý vị thỉnh nguyện xin tiêu hôn. Không may, đã có nhiều sự hiểu lầm về vấn đề tiêu hôn trong Giáo Hội Công Giáo. Tài liệu này sẽ giúp hiểu biết thêm về **Tiêu Hôn: Tiến Trình và Ý Nghĩa**.

1. Tiêu Hôn là gì?

Để trả lời câu hỏi này, hãy tìm hiểu: “hôn nhân trong cái nhìn của Giáo Hội Công Giáo.” Giáo Hội hiểu rằng hôn nhân là một “giao ước hôn phối, mà qua đó người nam và người nữ cùng nhau tạo nên một cuộc thông hiệp trọn cả cuộc sống, mà tự bản tính giao ước hôn phối hướng về thiện ích của đôi bạn cũng như việc sinh sản và giáo dục con cái.”² Mỗi người phải hứa trung tín vĩnh viễn trong suốt cuộc đời, cho đến khi một trong hai người phối ngẫu qua đời.³

¹ Gray, M. (2013). Divorce (Still) Less Likely Among Catholics. Nineteensixty-four.blogspot.com

² Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1055, §1

³ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1056

Hôn nhân là một bí tích hoặc không phải là bí tích. Là một bí tích khi cả hai đã được rửa tội theo nghi thức Công Giáo hay theo nghi thức của các giáo phái Kitô hữu khác. Mọi hôn nhân (của người Công Giáo, Chính Thống Giáo, Tin Lành, Do Thái Giáo, không phải Kitô Giáo, không có đức tin), dù là bí tích hay không, đều được phỏng định là thành sự.⁴ Sự thiện ích của những thành phần có liên hệ (vợ/chồng, con cái, các thành viên gia đình, xã hội, Giáo Hội) đòi buộc việc phỏng định thành sự này. Giáo Hội Công Giáo vẫn trung thành với lời giảng dạy của Đức Giêsu Kitô về hôn nhân, ly dị và tái hôn.⁵

Mọi hôn nhân, ngay từ lúc ban đầu, được phỏng định là thành sự. Do đó, giây liên kết hôn nhân bị ràng buộc cho tới khi một trong hai người phối ngẫu qua đời.⁶ Với tất cả mọi suy đoán, sự trái ngược với việc thành sự cũng có thể được đặt ra. Nếu khi có bằng cứ đầy đủ cho thấy hôn nhân đó không thành sự, thì sự phỏng định lúc đầu về việc thành sự của hôn nhân đã không có. Giá trị của lời thề hứa giữa hai người phối ngẫu trao cho nhau trong hôn lễ là một điều hết sức quan trọng. Nếu một người không hiểu trọn vẹn đặc tính của hôn nhân trước khi thề hứa, hoặc không có sự tự do thề hứa,⁷ hay không có ý định coi đó là một hôn nhân như Giáo Hội hiểu (nghĩa là: về tính cách vĩnh viễn, sự trung tín, sẵn sàng đón nhận con cái, v.v),⁸ hoặc không có khả năng để chu toàn bổn phận và quyền lợi trong hôn nhân,⁹ thì người ấy đã bước vào một tương giao mà thiếu một (hoặc nhiều) yếu tố thiết yếu của hôn nhân như Giáo Hội Công Giáo hiểu. Do đó khi một hôn nhân không phản ánh được sự hiểu biết này, nó được coi là “bất thành” hoặc “vô hiệu.” Qua một tiến trình tiêu hôn, khi có thể chứng minh được là cuộc hôn nhân nào đó không thành sự, và rồi Giáo Hội có thể ban hành một “công bố về tính cách vô hiệu của hôn nhân,” việc công bố này nói lên sự phỏng định thành sự lúc ban đầu của hôn nhân đã không đúng. Giáo Hội không tuyên bố một thực tại mới, mà chỉ nói lên một thực tại mà nó đã thực sự hiện hữu lúc ban đầu. Nếu

⁴ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1060

⁵ x. Mk. 10:2-12; Lk 16:18; Mt. 5:31-32, Mt. 19:3-11; 1 Cor. 7:10-11; Rom. 7:2-3. *Giáo Lý Công Giáo*, số 1601-1666

⁶ 1 Cor. 7: 39

⁷ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1057, 1101

⁸ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1096

⁹ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1095

có điều gì được coi là “mới mẻ” thì đó là sự phỏng định thành sự ngay từ lúc ban đầu bây giờ được tuyên bố là không đúng.

Từ ngữ “tiêu hôn” thường được hầu hết mọi người dùng đến. Nên biết rằng định nghĩa tiêu hôn của Giáo Hội Công Giáo rất khác biệt với định nghĩa trong tự điển phổ thông. Người ta thường hiểu ý nghĩa của sự tiêu hôn với nhiều ý nghĩa mà nó ám chỉ Giáo Hội đang tiến hành điều gì đó trong hôn nhân của quý vị. Điều này không đúng. Thay vào đó, Giáo Hội chỉ ban hành một công bố về hôn nhân. Nếu sự tiêu hôn được ban hành, có nghĩa là Giáo Hội tuyên bố rằng hôn nhân ấy đã thiếu một (hoặc nhiều) yếu tố căn bản ngay từ lúc ban đầu khiến hôn nhân ấy không thành sự. Thay vì dùng từ ngữ “tiêu hôn,” mệnh đề thích hợp trong giáo huấn của Giáo Hội là: “một công bố về tính cách vô hiệu,” nghĩa là một công bố có ý nói rằng một hôn nhân bất thành nên không có sự ràng buộc cho tới khi một trong hai người phối ngẫu qua đời, như trong trường hợp một hôn nhân thành sự.

2. Có những mẫu đơn khác nhau trong việc xin một công bố vô hiệu hóa hôn nhân hay không?

Để giúp vào tiến trình xin vô hiệu hóa hôn nhân, linh mục, phó tế hay “Người Bảo Trợ của Người Đứng Đơn (*Petitioner*)” (ngoài các linh mục và phó tế, một số tòa án đã huấn luyện cho một số giáo dân làm công việc này), sẽ quyết định xem loại đơn xin nào người thỉnh nguyện phải điền. Các đơn xin phổ thông là đơn Formal (Những Trường Hợp Vô Hiệu Chính Thức Xin Công Bố Hôn Nhân Không Thành Sự),¹⁰ đơn Defect/Lack of Canonical Form (Thiếu Yếu Tố Giáo Luật),¹¹ và đơn Prior Bond (Ràng Buộc bởi Hôn Phối Trước).¹² Và có thêm đơn Đặc Ân Đức Tin: Pauline Privilege (Đặc Ân Thánh Phaolô),¹³ Petrine Privilege (Đặc Ân Thánh Phêrô) và *Ratum Tantum* (Hôn Nhân Chưa Hoàn Hợp).¹⁴ Có những thủ tục khác biệt với những loại đơn xin khác nhau. Các vị chuyên môn được nêu ở trên sẽ giúp người thỉnh nguyện trong tiến trình này.

3. Ai có thể bắt đầu tiến trình này? Họ bắt đầu như thế nào?

¹⁰ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1095, 1096-1098, 1099, 1101-1103

¹¹ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1108, 1111, 1116, 1117, 1127

¹² Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1085

¹³ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1143-1147

¹⁴ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1061, 1142

Bất cứ ai đã ly dị về phương diện dân sự, dù là Công Giáo hay không, cũng có thể khởi sự tiến trình này.¹⁵ Họ liên lạc với giáo xứ Công Giáo địa phương để lấy hẹn gặp Người Bảo Trợ cho Người Đứng Đơn. Người Bảo Trợ là một linh mục, phó tế hay giáo dân được giáo xứ chỉ định để cung cấp tài liệu, hướng dẫn và hỗ trợ Người Đứng Đơn trong suốt tiến trình. Người Bảo Trợ sẽ quyết định xem loại đơn nào đương sự cần phải điền. (Để có tờ đơn xin tiêu hôn hay cần sự giúp đỡ của Người Bảo Trợ đều miễn phí.) Với một số tòa án, không một đơn thỉnh nguyện nào nộp lên Văn Phòng Tòa Án được chấp nhận nếu không có sự giúp đỡ của Người Bảo Trợ.

4. Một người không phải là người Công Giáo và cũng không có ý định trở thành người Công Giáo. Tại sao họ cũng phải nộp đơn xin? Làm thế nào mà Giáo Hội lại áp dụng sự hiểu biết về hôn nhân của Giáo Hội trên họ, khi người đó không phải là người Công Giáo?

Chắc hẳn, người ấy có ý muốn kết hôn với một người Công Giáo trong Giáo Hội Công Giáo. Thường rất khó để một người không Công Giáo hiểu được sự cần thiết của tiến trình này, nhưng Giáo Hội Công Giáo tôn trọng sự toàn vẹn của mọi hôn nhân thuộc bất cứ loại nào: [tôn giáo, hợp thức hóa, dân luật (quan tòa, v.v), xã hội công nhận, v.v...]. Dù rằng tòa án dân sự đã cho mọi người quyền tái hôn trong lãnh vực dân sự, điều đó không có nghĩa là người không Công Giáo có một quyền tương tự trong Giáo Hội Công Giáo. Cũng xin hiểu cho rằng việc trở thành người Công Giáo không đòi buộc cho tiến trình xin tiêu hôn này hoặc để được kết hôn trong Giáo Hội.

Sự hiểu biết về hôn nhân của Giáo Hội được áp dụng cho mọi hôn nhân, vì sự hiểu biết này bắt nguồn từ bản tính loài người và bản chất của hôn nhân (luật tự nhiên). Và luật của Đức Giêsu cũng bắt nguồn từ thực tại ấy. Sự hiểu biết của Giáo Hội về hôn nhân không nhất thiết phải khác biệt với các tôn giáo khác. Điều khác biệt là sự hiểu biết của Giáo Hội được dựa trên sự giảng dạy của Đức Giêsu, đó là không ai có thể tái hôn sau khi ly dị, một khi người phối ngẫu cũ vẫn còn sống.¹⁶ Và sự giảng dạy của Đức Giêsu áp dụng cho mọi người, chứ không chỉ riêng cho người Công Giáo.

¹⁵ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1476

¹⁶ 1. Cor. 7:39; Rom. 7:2-3

5. Một người đã kết hôn nhiều lần. Họ có phải làm đơn xin cho mỗi một hôn nhân trước hay không?

CÓ. Một đơn xin vô hiệu hóa phải được nộp cho mỗi và mọi hôn nhân đã bị đổ vỡ thuộc bất cứ loại nào: [tôn giáo, hợp thức hóa, dân luật (quan tòa, v.v...), xã hội công nhận, v.v] nếu những người phối ngẫu trước vẫn còn sống và những hôn nhân ấy chưa được Giáo Hội Công Giáo tuyên bố là vô hiệu. Mỗi và mọi hôn nhân trước phải được duyệt xét, qua đơn xin hoặc bằng việc đệ trình giấy khai tử của (những) người phối ngẫu trước. Đây là điều bắt buộc, dù người ấy là Công Giáo hay không. Nếu không có (những) quyết định về tiêu hôn và/hoặc (các) giấy khai tử, người ta không thể kết hôn trong Giáo Hội Công Giáo. Người Bảo Trợ sẽ giúp Người Đứng Đơn với mỗi đơn thỉnh nguyện.

6. Tại sao Văn Phòng Tòa Án lại tiếp xúc với người phối ngẫu cũ (Người Bị Đơn = *Respondent*) của Người Đứng Đơn trong tiến trình tiêu hôn này? Các viên chức không tin những lời khai của Người Đứng Đơn hay sao?

Đây không phải là vấn đề không tin tưởng, nhưng đúng hơn đó là vấn đề công bằng và tôn trọng người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn. Người này có quyền được biết về một tiến trình đang xảy ra,¹⁷ cũng giống như họ có quyền được biết khi một thủ tục ly dị dân sự được tiến hành. Nếu Văn Phòng lơ là không tiếp xúc với người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn, sự kiện này có thể ảnh hưởng đến toàn thể tiến trình xin tiêu hôn.

7. Sự việc sẽ giải quyết như thế nào nếu Người Đứng Đơn không biết người phối ngẫu cũ của họ hiện đang sinh sống tại đâu? Nếu không thể nào tìm được người phối ngẫu cũ của họ thì sao?

Với tất cả những kỹ thuật hiện tại, người ta có thể tìm ra người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn. Xin tham khảo với Người Bảo Trợ, vì họ có những phương thức đã được đề nghị để giúp tìm địa chỉ người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn. Trong những trường hợp rất họa hiem người ta mới không thể biết được nơi cư ngụ của người ấy, như là khi việc ly dị đã xảy ra từ lâu và không có con cái, và/hoặc không còn tiếp xúc với người phối ngẫu cũ. Nếu tất cả các phương tiện đã được sử dụng để tìm địa chỉ của họ mà

¹⁷ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1509

vẫn không có kết quả, thì người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn sẽ được liên lạc qua địa chỉ của những người họ hàng của người ấy. Nếu thực sự không thể tìm được người phối ngẫu cũ cũng như gia đình của họ, Người Đứng Đơn phải cho biết đã cố gắng làm tất cả những phương cách nào để tìm kiếm địa chỉ của họ. Dĩ nhiên, cuối cùng đơn xin vẫn được tiếp tục cứu xét, nhưng Tòa Án sẽ chỉ định một Người Đại Diện/Được Ủy Quyền¹⁸ để đại diện cho người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn.

8. Nếu người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn cộng tác trong tiến trình này thì có hữu ích hơn không? Có thể nào người ấy cản trở tiến trình này không? Người phối ngẫu trước của Người Đứng Đơn có phải đồng ý hoặc “ký nhận” trước khi tiến trình được tiếp tục không? Chuyện gì xảy ra nếu họ không trả lời?

Tòa Án luôn luôn khuyến khích người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn cộng tác và chia sẻ về tương giao vợ chồng và những thất bại. Biết được cả hai phía của câu chuyện thì vẫn tốt hơn. Người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn không thể ngăn cản tiến trình này. Cũng không cần sự đồng ý hoặc “ký nhận” của họ để tiến trình được tiến hành. Tuy nhiên, họ có quyền kháng cáo bất cứ quyết định nào mà họ không đồng ý. Trong tiến trình xin chính thức tiêu hôn, Tòa Án sẽ liên lạc với người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn qua thư từ, và họ có ba lựa chọn: (1) Hoàn toàn cộng tác qua việc trả lời các câu hỏi tương tự như của Người Đứng Đơn và có cơ hội để muốn hoặc không muốn đưa ra các nhân chứng; (2) Từ chối hoàn toàn không muốn cộng tác; (3) Không muốn tiếp tục liên lạc với Văn Phòng Tòa Án. Nếu người phối ngẫu cũ của Người Đứng Đơn không trả lời các yêu cầu của Tòa Án, xin vô hiệu hóa hôn nhân vẫn được tiếp tục dù không có sự cộng tác của họ.

9. Có phải Giáo Hội Công Giáo nói rằng người chồng/vợ vẫn phải tiếp tục trong hôn nhân với người phối ngẫu để hành hạ và làm nguy hiểm đến tính mạng của đương sự?

KHÔNG. Giáo Hội xác nhận rằng có những lúc vợ chồng cần phải sống tách biệt.¹⁹ Vì những lý do như cấp dưỡng con cái và/hoặc tự lập về tài

¹⁸ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1481§1

¹⁹ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1152-1153, 1692

chánh, rất có thể cần có án ly dị dân sự. Tuy nhiên, một án ly dị dân sự không thể xóa bỏ mối ràng buộc vợ chồng để cho phép người ta kết hôn hợp luân lý với một người khác.²⁰

10. Tiến trình này được giữ kín như thế nào? Địa chỉ và điện thoại của Người Đứng Đơn có được đưa ra cho người phối ngẫu cũ của đương sự không?

Mọi dữ kiện, kể cả các văn kiện thuộc về dân sự và/hoặc thuộc về Giáo Hội, thu thập được trong tiến trình này là tài sản riêng và vĩnh viễn của Văn Phòng Tòa Án Giáo Phận. Mọi dữ kiện phải được các viên chức của Văn Phòng Tòa Án giữ bí mật và không bao giờ được đưa cho người khác, ngoại trừ những trường hợp Giáo Luật Công Giáo đòi buộc, như là: để duyệt lại bởi Người Đứng Đơn, Người Bị Đơn (Phối Ngẫu cũ).²¹ Những dữ kiện này cũng không bao giờ được đưa ra cho các nhân chứng, người phối ngẫu hiện tại/tương lai hay bất cứ ai khác. Nếu Người Đứng Đơn / Người Bị Đơn muốn duyệt xem lại các dữ kiện, việc này phải thực hiện trong văn phòng tòa án, và Người Đứng Đơn cũng như người phối ngẫu cũ không được phép sao chép tài liệu và đem ra khỏi văn phòng tòa án. Địa chỉ và số điện thoại của Người Đứng Đơn sẽ không được đưa ra cho người phối ngẫu cũ.

11. Tại sao Người Đứng Đơn lại cần đến các nhân chứng? Tòa Án không tin lời họ hay sao? Ai có thể làm nhân chứng? Trách nhiệm của Người Đứng Đơn đối với các nhân chứng là gì?

Đây không phải là vấn đề không tin tưởng Người Đứng Đơn. Việc cần các nhân chứng có nguồn gốc từ Thánh Kinh.²² Thực vậy, Giáo Luật đòi buộc phải dùng đến các nhân chứng.²³ Nhân chứng cũng được dùng để đảm bảo sự thật về mối tương giao được tỏ lộ. Ngay cả khi Người Đứng Đơn nghĩ là mối tương giao của họ thật “riêng tư” và có lẽ không bao giờ họ đề cập những khó khăn trong gia đình với người khác, nhưng nhiều lúc chính các nhân chứng lại có những nhận xét và cái nhìn có giá trị liên quan đến hôn nhân đã bị tan vỡ.

²⁰ 1 Cor. 7:10-11; theo *Giáo Lý Công Giáo*, số 1649

²¹ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1598

²² Mt. 18:16; Gn. 8:17; 2 Cor. 13:1

²³ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1526

Nhân chứng phải biết về quá khứ gia đình, thời thơ ấu của Người Đứng Đơn VÀ hiểu biết về sự tương giao giữa Người Đứng Đơn và người phối ngẫu cũ **Trước khi và trong toàn thể thời gian của hôn nhân này**. Những thân nhân ruột thịt trong gia đình (cha mẹ, anh chị em) là những người làm chứng hữu ích nhất. Những nhân chứng khác gồm có: họ hàng, bạn hữu, phụ dâu, phụ rể, bạn cùng sở làm, hàng xóm, ngay cả những người họ hàng của người phối ngẫu cũ, v.v... Không được dùng những người này làm chứng: Người Bị Đơn (Phối Ngẫu cũ), con cái của hôn nhân này hay con cái của người phối ngẫu hiện tại hoặc tương lai của Người Đứng Đơn, Trước khi đưa tên những người làm chứng cho Tòa Án, Người Đứng Đơn phải có sự ưng thuận của họ để làm như thế. Nếu không được sự ưng thuận này, hầu hết các nhân chứng sẽ ngạc nhiên và ngay cả tức giận khi họ nhận được những câu hỏi từ Tòa Án.

Tòa Án đòi buộc phải có ba hoặc bốn nhân chứng: tuy nhiên càng nhiều càng tốt. Người Đứng Đơn không được “phụ giúp” những nhân chứng với các câu trả lời của họ. Hãy cho các nhân chứng biết rằng: họ hãy trả lời các câu hỏi với tất cả sự thật; tôn trọng thời gian cho phép để hoàn tất và nộp lại câu trả lời cho Văn Phòng Tòa Án; và xin họ giữ hồ sơ lưu của bản trả lời trong trường hợp bản chính bị thất lạc khi gửi đến Văn Phòng Tòa Án.

12. Khi một công bố vô hiệu được đưa ra, đó có phải là quyết định sau cùng không? Nó có ảnh hưởng đến cả hai người phối ngẫu hay không?

Nếu một công bố chấp thuận cho tiêu hôn được đưa ra theo đơn thỉnh nguyện chính thức xin vô hiệu hóa hôn nhân bởi Tòa Án này, thì cần phải có một quyết định chấp thuận thứ hai được Tòa Thượng Thẩm của Các Giáo Phận đưa ra. Chỉ có đơn thỉnh nguyện chính thức xin vô hiệu hóa hôn nhân mới cần phải có quyết định thứ hai. Nếu một trong hai người phối ngẫu bất đồng ý kiến với quyết định chấp thuận hay không chấp thuận cho tiêu hôn, họ có thể theo một phương thức để kháng cáo trong một thời hạn nhất định.²⁴ Việc kháng cáo chính thức, với quyết định chấp thuận hay không chấp thuận của Tòa Án này, có thể trực tiếp lên Tòa Thượng Thẩm của Các Giáo Phận hay trực tiếp lên Tòa Thượng Thẩm Rôma.

²⁴ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1628

13. Có thể nào đơn xin của Người Đứng Đơn bị khước từ không?

Nhiều khi, ngay từ lúc đầu vì đơn xin đã thiếu các lý do hiển nhiên để được công bố vô hiệu hóa, đơn ấy không được chấp nhận để duyệt xem cách trọn vẹn. Ngay cả khi đơn xin được chấp nhận để duyệt xem cách trọn vẹn, rất có thể quyết định sau cùng sẽ là không chấp thuận cho tiêu hôn. Quyết định sau cùng, dù chấp thuận hay không chấp thuận, sẽ chỉ dựa trên tất cả các dữ kiện có thực đã thu thập được. Sự phỏng định hôn nhân được coi là thành sự vào lúc cử hành hôn lễ sẽ bị đảo ngược bởi tất cả các dữ kiện đã thu thập được. Nếu các dữ kiện không làm đảo ngược sự phỏng định việc thành sự, thì sự phỏng định ấy không thay đổi. Thật vậy, có nhiều cuộc hôn nhân thành sự đã không may tan vỡ.

14. Nếu một công bố vô hiệu được đưa ra, Người Đứng Đơn và/hoặc Người Bị Đơn (người phối ngẫu cũ) có được tự do để kết hôn trong Giáo Hội Công Giáo không?

Cả hai đương sự được tự do kết hôn, với điều kiện là mọi hướng dẫn về Phương Cách Dự Bị Sống Đời Hôn Nhân trong Giáo Phận được tuân hành. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, các điều kiện phụ thêm có tính cách mục vụ mà Tòa án bắt buộc (như là có thể phải có hướng dẫn chuyên môn) phải được thi hành trước khi bước vào một hôn nhân mới trong Giáo Hội Công Giáo.²⁵ Sự đổ vỡ tương giao vợ chồng luôn luôn là một kinh nghiệm khó khăn và gay go, thường để lại nhiều vấn đề chưa được giải quyết. Thông thường, các vấn đề này cản trở các nỗ lực thiết lập một hôn nhân mới và thành công hơn. Để giúp đương sự và người phối ngẫu tương lai xây dựng một tương giao vợ chồng bền vững và tránh được mọi khó khăn trầm trọng có thể xảy ra, những quan tâm có tính cách *mục vụ* đã được đề ra và bất cứ đòi buộc nào về phương diện hay *mục vụ* thì phải được chu toàn trước khi khởi sự một hôn nhân mới trong Giáo Hội. Phí tổn cho việc hướng dẫn chuyên môn, nếu bị đòi buộc, là điều đương sự phải chịu trách nhiệm. Nếu có những đòi buộc thêm về *mục vụ*, người giúp đương sự chuẩn bị hôn nhân trong Giáo Hội sẽ được yêu cầu liên lạc với Văn Phòng Tòa Án, và họ sẽ đề cập với đương sự và người phối ngẫu tương lai về những quan tâm này. Đương sự cũng sẽ bị đòi hỏi phải chu toàn, nếu chưa hoàn tất các bổn phận

²⁵ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1684

về luân lý và dân sự đối với người phối ngẫu cũ và/hoặc đối với con cái của (các) hôn nhân trước.

15. Tất cả mọi tiến trình phải mất bao lâu? Tại sao lại quá lâu như vậy?

Không thể nào nói trước được trong vòng bao lâu thì tiến trình của Người Đứng Đơn sẽ được kết thúc. Giáo Luật đề nghị rằng một đơn xin tiêu hôn chính thức sẽ được giải quyết trong vòng 18 tháng.²⁶ Nhưng không có sự đảm bảo nào cả. Có lúc nhanh hơn. Có lúc chậm hơn. Nó tùy thuộc các điều sau: thực chất của các dữ kiện thu thập được cho mỗi đơn xin; sự sẵn sàng cộng tác hay thiếu cộng tác của các nhân chứng; số đơn mà Tòa Án có thể xử lý vào khoảng thời gian đó; và số luật sư giáo luật có thể có vào thời gian đó để đưa ra một quyết định sau cùng. Mỗi đơn xin đều khác biệt, cần số lượng thời gian khác nhau để giải quyết. Nhân viên Văn Phòng Tòa Án hiểu rằng Người Đứng Đơn nóng lòng muốn biết quyết định sau cùng trong tiến trình này. Ngay cả khi có đầy đủ các dữ kiện, điều đó không có nghĩa là đơn xin của Người Đứng Đơn phải được quyết định ngay. Như Giáo Luật đòi buộc và cũng vì sự công bằng, đơn nào nộp trước đơn xin của Người Đứng Đơn, và có đầy đủ các dữ kiện thì Văn Phòng Tòa Án phải giải quyết trước. Tòa Án cố gắng giải quyết mỗi đơn thỉnh nguyện theo đúng kỳ hạn của nó.

16. Có phải tiến trình xin Tiêu hôn là một cách làm tiền của Giáo hội? Tại sao lại có tiền lệ phí?

KHÔNG PHẢI VẬY. Thực sự, nhiều Văn Phòng Tòa Án còn phải “tốn kém” thêm ngân khoản trong tiến trình này, vì Giáo Phận phải phụ giúp thêm ngân khoản để Người Đứng Đơn có thể hoàn thành tiến trình này. Giáo Hội Công Giáo không làm tiền nhưng đúng hơn Giáo Hội hỗ trợ mọi người trong sự tương giao thiêng liêng của họ với Giáo Hội. Đó là lý do tại sao nhiều Giáo Phận rộng rãi trợ giúp thêm ngân khoản cho tiến trình này. Quyết định sau cùng, dù chấp thuận hay không chấp thuận cho tiêu hôn, không tốn kém gì cả. Tuy nhiên, lệ phí được dùng để giúp cho việc tiến hành đơn xin.²⁷ Lệ phí này giúp trang trải chi phí điều hành Văn Phòng Tòa Án, như trả lương cho nhân viên, bưu phí, văn phòng phẩm, v.v... Có những lệ phí khác

²⁶ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1453

²⁷ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1649

nhau cho các đơn thỉnh nguyện khác nhau. Toàn phần lệ phí cho tiến trình phải được trả trước khi kết thúc mỗi vụ án. Nếu phải tốn kém cho bản phúc trình của các chuyên gia hướng dẫn tâm lý hoặc các chi phí phụ trội, Người Đứng Đơn sẽ phải chịu trách nhiệm cho những lệ phí này, cộng thêm lệ phí thông thường. Lệ phí tiến hành này chỉ là một phần của phí tổn thực sự.

Điều đáng để ý là có một số phàn nàn về việc phụ giúp trang trải những phí tổn cho tiến trình xin tiêu hôn. Nhưng hãy nhớ rằng, có những phí tổn liên quan đến một cuộc ly dị dân sự, và rồi có những phí tổn liên quan đến việc cử hành hôn lễ mới cũng như bữa tiệc liên hoan sau đó. Tóm lại, dù có tốn kém hay không, người ta chỉ có thể kết hôn trong Giáo Hội nếu khi một công bố vô hiệu hóa hôn nhân được đưa ra.

17. Nếu Người Đứng Đơn thực sự không trả nổi lệ phí thì sao?

Nếu Người Đứng Đơn thực sự không thể trả được tổng số lệ phí tiến hành, lệ phí ấy sẽ được bớt đi một phần hay toàn phần, tùy theo hoàn cảnh. Người Đứng Đơn hãy gửi đến Văn Phòng Tòa Án một lá thư cho biết lý do tại sao họ không có khả năng để trả lệ phí. Không ai bị từ chối sự phục vụ của Giáo Hội dựa trên sự việc không có khả năng để trang trải lệ phí. Hãy yên tâm là đơn thỉnh nguyện của Người Đứng Đơn cũng sẽ được cứu xét như bất cứ đơn xin nào khác.

18. Có đúng là sẽ dễ dàng hơn và mau hơn khi xin Tiêu hôn, nếu người ta cho tiền nhiều hơn hay có quen biết với các vị có thẩm quyền trong Giáo Hội?

KHÔNG. Quyết định sau cùng, dù chấp thuận hay không chấp thuận sẽ chỉ dựa trên các dữ kiện thu thập được. Văn Phòng Tòa Án sẽ không nhận bất cứ ngân khoản nào ngoài lệ phí tiến hành đơn xin và nếu có lệ phí phụ trội cho một đơn thỉnh nguyện. Như Giáo Luật đòi buộc và cũng vì sự công bằng, đơn nào nộp trước đơn xin của đương sự, và có đầy đủ các dữ kiện thì Văn Phòng Tòa Án phải giải quyết trước. Nếu một luật sư giáo luật quen biết Người Đứng Đơn và/hoặc người phối ngẫu cũ của đương sự, chính luật sư ấy không đủ thẩm quyền để có thể xử lý trong tiến trình xin tiêu hôn của

họ.²⁸ Giáo Luật đòi buộc mọi viên chức làm việc trong văn phòng tòa án, phải tuân theo các quy tắc đạo đức luân lý.²⁹

19. Có phải ngày nay thì dễ dàng để có được một công bố vô hiệu hóa hôn nhân hơn trước hay không?

Đúng và không đúng. Đúng, trong ý nghĩa là những năm gần đây, Giáo Hội hiểu biết hơn về con người. Nhờ sự phát triển của khoa tâm lý hiện đại, người ta thấy rằng có một số người không trưởng thành đủ vào lúc cử hành hôn lễ để biết tôn trọng hiệu quả của một lời thề hứa thật nghiêm trọng như lời thề hứa hôn nhân. Dĩ nhiên, điều này không có nghĩa là đôi vợ chồng phải có thể nhìn thấy trước tất cả các khó khăn trong hôn nhân. Nó có nghĩa, sự thiếu sót lớn lao trong việc thẩm định hay quý trọng hôn nhân, đã đưa đến sự cách biệt lớn lao giữa sự ưng thuận của một người, với thực tại của một lời thề hứa suốt đời đối với một người khác, nên không thể có một hôn nhân thành sự và có sức ràng buộc. Mặc dù sự cách biệt này thường xảy ra cho những người trẻ, tuy nhiên cũng đã có những sự việc xảy ra rất sai trái trong quá khứ khiến cho những người lớn tuổi cũng không có ý niệm đầy đủ để nhận thức chín chắn những gì mà hôn nhân đưa tới. Ngoài ra, càng ngày càng nhiều người bước vào “hôn nhân” với một sự hiểu biết đối nghịch với sự hiểu biết của Giáo Hội về hôn nhân, (như không muốn có con, tin rằng việc ly dị và tái hôn có thể chấp nhận được, v.v...). Sau cùng, ngày nay càng ngày càng có nhiều người ly dị và xin cho được tiêu hôn. Giáo Hội Công Giáo cố gắng thỏa đáp các thỉnh cầu này, trong khi vẫn trung thành với sự giảng dạy của Đức Kitô.

20. Có đúng là mọi đơn xin đều phải gửi sang Tòa Thánh Rôma không?

KHÔNG. Hầu hết các đơn thỉnh nguyện đều được tiến hành ở cấp địa phận. Chỉ trong trường hợp kháng cáo hoặc thỉnh cầu đặc biệt mới phải gửi sang Rôma.³⁰

21. Đương sự là người Công Giáo ly dị, chưa tái hôn. Họ có phải nộp đơn xin tiêu hôn hay không?

²⁸ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1448 §1

²⁹ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1454, 1456-1457

³⁰ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1442-1444

Không nhất thiết. Nếu không bao giờ muốn tái hôn nữa, đương sự ấy không phải nộp đơn thỉnh nguyện. Lý do duy nhất cần phải xin vô hiệu hóa hôn nhân cũ là để có thể kết hôn trong Giáo Hội Công Giáo. Nhưng xin vui lòng nhớ rằng, nếu đương sự muốn kết hôn trong Giáo Hội, đương sự phải xin tiêu hôn và người phối ngẫu tương lai của đương sự cũng không bị ngăn trở để kết hôn trong Giáo Hội Công Giáo.³¹ Có nghĩa là người ấy: chưa bao giờ kết hôn; góa bụa; và/hoặc đã nhận được việc chấp thuận cho tiêu hôn với (những) hôn nhân trước, dù người ấy là Công Giáo hay không.

22. Một người không thể chờ đợi tiến trình này được. Họ sẽ kết hôn “ngoài” Giáo Hội. Có thể nào hôn nhân ấy sau này được Giáo Hội công nhận khi Giáo Hội ban cho họ được tiêu hôn?

Nếu đương sự muốn kết hôn “ngoài” Giáo Hội Công Giáo, có nghĩa là họ muốn sống trong một tương giao không được Giáo Hội công nhận là một hôn nhân thành sự, dù dân luật có công nhận. Khi chọn lựa con đường đó và nếu đã thực sự sống như vợ chồng, họ sẽ không còn được lãnh nhận các bí tích Hòa Giải, Thánh Thể và Xức Dầu,³² ngoại trừ trường hợp lâm tử. Nếu sau này, hôn nhân cũ được công bố vô hiệu, họ mới có thể hợp thức hóa hôn nhân ấy, nghĩa là, họ phải nói lên lời thề hôn nhân trước một vị linh mục hay phó tế Công Giáo.³³ Nhưng hãy nhớ rằng, không có đảm bảo nào là sẽ có được một quyết định chấp thuận cho tiêu hôn.

23. Nếu Người Đứng Đơn không nhận được tuyên bố vô hiệu, và nếu họ tái kết hôn “ngoài” Giáo Hội Công Giáo, đương sự nghĩ họ không còn là người Công Giáo nữa. Điều đó đúng hay không?

KHÔNG. Đương sự ấy luôn luôn là người Công Giáo, trừ khi họ công khai từ bỏ đức tin Công Giáo bằng cách chính thức gia nhập một giáo phái hay tôn giáo khác. Họ luôn luôn được mời và khuyến khích tham dự Thánh Lễ. Tuy nhiên, không thể lãnh nhận các phép bí tích. Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã viết: *“Cùng với Thượng hội đồng, tôi khẩn thiết kêu gọi các Chủ chăn và toàn thể Cộng đồng Dân Chúa hãy giúp đỡ những người ly dị. Với sự quan tâm ân cần, làm cho họ đừng nghĩ rằng họ bị tách rời khỏi*

³¹ *Giáo Lý Công Giáo*, số 1650

³² 1 Cor 11:27-29

³³ Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1156-1160

Giáo hội, vì là người đã được rửa tội, họ có thể và họ phải chia sẻ đời sống của Giáo hội. Họ được khuyến khích nghe Lời Chúa, tham dự Thánh lễ, kiên tâm cầu nguyện, làm việc bác ái, xây đắp công bằng xã hội, nuôi dưỡng con em trong đức tin Công giáo, ngày ngày với ơn Chúa bồi bổ tinh thần và làm việc đền tội. Giáo hội cần cầu nguyện cho họ, khuyến khích họ, và tỏ cho họ thấy Giáo hội là bà mẹ thương xót, nhờ đó nâng đỡ đức tin và lòng trông cậy của họ.”³⁴

24. Giáo huấn về hôn nhân, ly dị và tái hôn dường như không thể nào thích hợp với thế giới ngày nay. Đức Giêsu không mong đợi chúng ta hiểu Người theo nghĩa đen, có đúng vậy không?

Đây là điều ngộ nhận khi nghĩ rằng chỉ có thế giới ngày nay mới phải đương đầu với ly dị, tái hôn. Việc ly dị rất phổ thông trong thời Đức Giêsu do đó Người mới giảng dạy chống lại điều đó. Cả những người đồng thời với Đức Giêsu cũng thấy sự giảng dạy của Người rất khó chấp nhận.³⁵ Đức Giêsu đã nói: “Không phải bất cứ ai cũng có thể chấp nhận được những gì Thầy nói, mà chỉ những người nào được ban cho.”³⁶ Giáo Hội Công Giáo vẫn trung thành với sự giảng dạy của Đức Kitô và không có quyền cho phép tái hôn sau khi ly dị (nếu người phối ngẫu cũ còn sống). Lời giảng dạy này quả thật là điều khó có thể theo được cũng như có nhiều giảng dạy khác của Đức Kitô khó thi hành, như là: “hãy yêu kẻ thù, và cầu nguyện cho những người bách hại anh em,”³⁷ phải tha thứ cho nhau “bảy mươi bảy lần bảy,”³⁸ v.v... Như vậy, chỉ nhờ ơn sủng của Thiên Chúa, chúng ta là con người, mới có thể sẵn lòng sống theo giảng dạy của Đức Kitô.³⁹

³⁴ Số 84 Tông Huấn về Gia Đình Kitô Giáo Trong Cuộc Sống Của Thế Giới; Giáo Lý Công Giáo, số 1651

³⁵ Mt. 19:10

³⁶ Mt. 19:11

³⁷ Mt. 5:44

³⁸ Mt. 18:22

³⁹ Giáo Lý Công Giáo, số 1615.



Linh mục Gioan Viannê Nguyễn Ngọc Thụ, J.C.L., thẩm phán toà án tổng giáo phận Galveston-Houston, Texas, phó xứ nhà thờ chánh toà Thánh Tâm giáo phận Houston, quản nhiệm cộng đoàn Việt Nam giáo xứ chánh toà Thánh Tâm, đại diện Đức Tổng Giám Mục cho cộng đồng Công Giáo Việt Nam trong tổng giáo phận, chủ tịch Cộng Đồng Công Giáo Việt Nam trong tổng giáo phận, và giữ chức vụ chủ tịch Liên Đoàn Công Giáo Việt Nam Miền Nam Hoa Kỳ.

LỊCH SỬ HÔN NHÂN CÔNG GIÁO

Dưới Nhãn Quan Giáo Luật

Lm. Dominic Nguyễn Đức Hạnh, O.S.B.

1. Giới Thiệu

Nội dung của danh từ “*hôn nhân*” không mang tính chất tự tiện, hoặc có thể được thay đổi ý nghĩa do bất kỳ một ai, ngay cả phía bên Hội Thánh và xã hội.¹

Làm người thì biết sống cho người khác. Không ai có thể sống cho riêng bản thân. Mỗi một người đều có khả năng biết tạo mối tương quan với người khác. Con người hoàn toàn được tự do yêu thương nhau và dẫn đến mối quan hệ với nhau. Chỉ có Thiên Chúa và con người là đối tượng “đáng yêu,” còn mọi loài thụ tạo khác chỉ là ở mức độ “hấp dẫn” mà thôi.²

Chiều kích tình dục được hiểu là chiều kích căn bản của một người. Căn tính tình dục liên quan đến thể lý, sinh lý, và ngay cả đến tâm thần. Nói tóm, căn tính tình dục khẳng định về một con người là gì, sống làm sao, họ là nam hay là nữ.³

Tông Huấn về Gia đình (*Familiaris consortio*) cũng có nhận định về căn tính tình dục trong hôn nhân. “Tính dục ấy chỉ được thực hiện một cách nhân bản đích thực, nếu nó là một thành phần làm nên tình yêu, trong đó người nam và người nữ hiến thân trọn vẹn cho nhau cho đến chết” (số 11).

Hôn nhân công giáo là một bí tích dựa trên truyền thống giảng dạy của Giáo Hội. Khi chúng ta hiểu hôn nhân là một ơn gọi, vì đã lãnh nhận bí tích rửa tội, và nếu chúng ta hiểu là một khi đã lãnh nhận bí tích rửa tội là để sáp nhập vào nhiệm thể Chúa Kitô, thì hôn nhân công giáo được cử hành

¹ Juan Ignacio Bañares, “Marriage,” in *Exegetical Commentary on the Code of Canon Law*, Vol. III/2, eds. Ángel Marzoa et al., (Montréal: Wilson & Lafleur, 2004) 1031.

² Juan Ignacio Bañares, 1035-1036.

³ Juan Ignacio Bañares, 1038

thành sự giữa hai người nam và nữ đã được rửa tội và nó là bí tích hôn nhân.⁴

“Vì thế, giữa hai người đã được Rửa Tội không thể có khế ước hôn nhân thành sự, nếu đồng thời không phải là bí tích” (GL 1055, §2).

Giáo Hội dạy khế ước hôn nhân và bí tích không thể tách rời. Hai người đã chịu phép rửa tội mới có thể giao hôn và nó trở thành bí tích, bởi vì điều kiện đòi hỏi cho hôn nhân trở nên bí tích là cả hai đã lãnh nhận phép rửa tội. Nếu cả hai người nam và nữ đã chịu rửa tội, và hôn nhân của họ thành sự, đồng thời hôn nhân công giáo của họ là bí tích.⁵

Lịch Sử Hôn Nhân Công Giáo được trình bày trong phạm vi công giáo, cụ thể hôn nhân là một bí tích. Trải qua dòng thời gian, bí tích hôn nhân được Giáo Hội có thẩm quyền định nghĩa và bảo tồn những quy định chung vì ích lợi của đôi phối ngẫu. Dưới nhãn quan giáo luật (GL), *lịch sử hôn nhân công giáo*, một cách tổng quát, được thiết lập trên nền tảng Kinh Thánh và thần học của Giáo Hội.

2. Bí Tích Hôn Nhân

Xét về mặt xã hội, hôn nhân là mối quan hệ tính dục theo một hệ thống văn hóa.⁶ Với Đạo Công Giáo, hôn nhân công giáo là mối quan hệ suốt đời, không thể phân ly giữa một người nam và một người nữ.

Do giao ước hôn nhân, một người nam và một người nữ tạo thành một sự hiệp thông trọn cả cuộc sống; tự bản chất, giao ước ấy hướng về lợi ích của đôi bạn, cũng như đến việc sinh sản và giáo dục con cái; Chúa Kitô đã nâng giao ước hôn nhân giữa hai người đã được Rửa Tội lên hàng bí tích (GL 1055, §1).

Hôn nhân công giáo giữa hai người đã được rửa tội, khi được coi là thành sự, thì đó là bí tích.⁷ Xét về thực tại con người, sự kết hiệp hôn nhân,

⁴ Adolfo N. Dacanáy, *Canon Law on Marriage. Introductory Notes and Comments*, (Quezon City: Ateneo de Manila University Press, 2003²), 2-3.

⁵ Adolfo N. Dacanáy, 3.

⁶ Waldemar Molinski, “Marriage,” in *Sacramentum Mundi*, Vol. III, ed. Kark Rahner, (London: Burns and Oats, 1969) 390.

⁷ Günter Koch, “What is the Sacramentality of Marriage?,” in *Theology Digest* 43:1 (Spring, 1996) 42.

qua sự ưng thuận, là khuôn mẫu nhân cách trên hàng bí tích; nó là thực tại mà được thành hình và thánh hiến trở nên bí tích vì đã chịu phép rửa tội.⁸

Hôn nhân công giáo là một thực tại với hình thức pháp lý riêng. Đã là hôn nhân công giáo, thì phải theo hệ thống luật của Giáo Hội Công Giáo, hơn bất cứ hệ thống luật thuộc văn hóa nào khác. Luật Giáo Hội mở ra một cánh cửa sổ lớn nhìn ra sự giàu có về hôn nhân công giáo và đồng thời hôn nhân công giáo là một thực tại được chính Thiên Chúa thiết lập và mang lại cho nó cách dồi dào ơn cứu rỗi.⁹

‘Hôn nhân đời’ khác với ‘hôn nhân giáo luật’. Giáo Hội dạy rằng ‘hôn nhân giáo luật’, theo ‘nguyên tắc’, là bí tích hôn nhân, dựa theo giao ước của Thiên Chúa với con người trong Đức Kitô.¹⁰ “*Thuở ban đầu, Đấng Tạo Hóa đã làm ra con người có nam có nữ... và cả hai sẽ thành một xương một thịt*” (Mt 19, 4-5).

Dưới cái nhìn của một số thần học gia và của Công Đồng Vaticanô II, hôn nhân công giáo không phải là *hợp đồng*, nhưng là ‘giao ước’. *Hiến Chế Ánh Sáng Muôn Dân* (số 11) hiểu bí tích hôn nhân là một sự thông dự vào tình yêu giữa Chúa Kitô và Giáo Hội. Song song với việc sinh sản và giáo dục con cái, phối ngẫu giúp nhau nên thánh, và nhờ đó gia đình trở ‘một giáo hội thu nhỏ’.¹¹

Theo dòng lịch sử Giáo Hội trong hôn nhân và bậc gia đình có chất chứa một kế hoạch thánh, một sự thật mà trong đó đời sống hôn nhân được mô phỏng theo công trình sáng tạo của Thiên Chúa, dựa trên nền tảng cần thiết chính Chúa Kitô sinh ích cho nhân loại.¹²

Rất công lý khi nói ‘vợ tôi’ hoặc ‘chồng tôi’. Đó là một hình thức diễn một thực tại người vợ người chồng thuộc về nhau cách nồng thắm. Mỗi tương quan vợ chồng không được thu nhỏ lại trong những gì là bản phận phải có và phải làm cho nhau. Cũng không thể cho rằng vợ chồng được phép sống tách biệt nhau như thể ai muốn có tự do hoặc sống ở đâu cũng được.

⁸ Adolfo N. Dacanáy, 2.

⁹ Carlos J. Errázuriz M., “Essenza del Matrimonio e Sistema Giuridico Matrimoniale,” in *Apollenaris* LXXV, (Rome, 2002) 598.

¹⁰ Carlos J. Errázuriz M., 601-602.

¹¹ Günter Koch, 42.

¹² Carlos J. Errázuriz M., 602.

Mỗi kết hợp vợ chồng trong hôn nhân hướng về cùng đích và những lợi ích, những trách nhiệm và bổn phận trong hôn nhân.¹³

Xét về mặt xã hội, thông thường sự kết hợp giữa người nam và người nữ là một sự kết hợp cách hỗ tương theo định luật tự nhiên. Còn việc kết hợp trong hôn nhân công giáo giữa một người nam và một người nữ là một sự ‘*kết hợp trong tự nhiên*’, nghĩa là theo ý định của Thiên Chúa. Kinh Thánh minh chứng: “Bởi thế, người đàn ông lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai thành một xương một thịt” (St 2,24).¹⁴

Vì thế sự ‘kết hợp trong tự nhiên’ này hoàn toàn mang tính cách pháp lý, được thể hiện bằng mối quan hệ chính nghĩa. Một cách hiển nhiên, tự trong mối quan hệ của hai người phối ngẫu là một mối quan hệ mang tính cách bất biến, mặc dù hai người phối ngẫu mất đi cá tính và sự tự do cá nhân. Nhưng sự tự trị đó được gói gọn trong mối quan hệ hoàn toàn dựa trên pháp lý, và hơn thế nữa đó là một mối quan hệ thực sự. Đặc tính chính yếu của hôn nhân, mà giáo luật nói rõ, là hiệp nhất nên một và bất khả phân ly. Bằng chứng cụ thể là hai người phối ngẫu được trở nên một xương và một thịt trong một mối quan hệ hết sức là thẩm thiết. Bên cạnh đó, hai người phối ngẫu đặt mình vào mối dây ràng buộc hôn nhân nói lên khả năng phán đoán và năng cách của họ.¹⁵

3. Hôn Nhân trong Cựu Ước

Trong Kinh Thánh không có một hệ thống giảng dạy gì về hôn nhân, hoặc có thể tìm thấy những gì nói về bí tích hôn nhân. Tuy nhiên, Kinh Thánh cung cấp những gì là nền tảng về hôn nhân.¹⁶

Sách Sáng Thế cho thấy kết hợp hôn nhân giữa người vợ và người chồng được căn cứ vào chuyện Thiên Chúa tạo dựng loài người (St 2,18-25; St 1,26-31). Thiên Chúa quan tâm đến họ cách đặc biệt và Ngài ban cho họ cai quản toàn mặt đất.¹⁷

¹³ Carlos J. Errázuriz M., 602-603.

¹⁴ Carlos J. Errázuriz M., 603.

¹⁵ Carlos J. Errázuriz M., 603.

¹⁶ Günter Koch, 44.

¹⁷ Günter Koch, 44.

Người nam và người nữ thành vợ chồng vì hai người sống tương trợ nhau. Do vậy, người nam phải bỏ cha mẹ mình mà kết hôn với vợ mình, thành một xương một thịt, bởi vì chỉ nơi người vợ, người chồng mới tìm thấy chính mình. Vì thế, mối quan hệ vợ chồng còn đặc biệt hơn cả mối quan hệ giữa người con với cha mẹ. Vì thế người nam và người nữ, khi thành vợ chồng thì sinh sản con cái trên khắp mặt đất.¹⁸

Xét về một khía cạnh trong Cựu Ước, hôn nhân không phải là lập gia đình theo nghĩa hẹp, cho bằng là tiếp tục đời sống gia đình đã có sẵn. Vì thế, con cái là sự chúc phúc và là món quà của Thiên Chúa ban tặng. Ngược lại, gia đình hiếm muộn được coi như là một sự chúc dữ.¹⁹

Trong hôn nhân, mối quan hệ hỗ tương, niềm vui trong quan hệ tình dục được coi là ý nghĩa và mục đích của hôn nhân.²⁰

4. Hôn Nhân trong Tân Ước

Các sách Phúc Âm cho thấy phối ngẫu, dưới ánh sáng thiết bách của Nước Thiên Chúa, là những người có trách nhiệm và có khả năng biết kết hợp bất khả phân ly (Mt 5,31; Mt 19,3-12; Mc 10,2-12). Chính Chúa Giêsu cho rằng phối ngẫu có trách nhiệm kết hợp cách vô điều kiện. Sự kết hợp này không bị đòi buộc, nhưng có thể thực hiện được khi Nước Chúa đến trong Đức Giêsu.²¹

Riêng với thánh tông đồ Phaolô, hôn nhân bất khả phân ly được Thiên Chúa thánh hóa (1 Tx 4,3-8; 1 Cr 7,1-16). Sự bất khả phân ly này dành riêng cách tuyệt đối trong hôn nhân của các tín hữu (Ep 5,21-33). Đồng thời, hôn nhân công giáo có ‘tính cách bí tích’ là sự thông phần vào mối kết hợp ơn cứu rỗi của Chúa Kitô với Giáo Hội.²²

Dựa trên truyền thống Do-thái cũ, Chúa Giêsu siêu nhiên hóa hôn nhân bằng cách không cho phép rẫy vợ và ly dị, vì luật căn bản của hôn nhân là người nam và người nữ đã trở nên một xương một thịt. Chúa Giêsu nhấn

¹⁸ Waldemar Molinski, 391.

¹⁹ Waldemar Molinski, 391.

²⁰ Waldemar Molinski, 391.

²¹ Günter Koch, 44.

²² Günter Koch, 44.

mạnh rằng mục đích sâu thẳm nhất của hôn nhân, dưới mắt Thiên Chúa, là vợ chồng trở nên một.²³

Hôn nhân thành sự giữa hai người đã được rửa tội thì mới chỉ là hôn nhân thành nhận, nếu chưa có sự hoàn hợp; hôn nhân được gọi là thành nhận và hoàn hợp, nếu hai người phối ngẫu đã thực hiện hành vi vợ chồng với nhau theo cách thức hợp với nhân tính, mà hành vi này tự nó có khả năng dẫn tới sinh sản là mục tiêu tự nhiên của hôn nhân và do hành vi đó mà vợ chồng trở nên một xương một thịt (GL 1061, §1).

Dưới một khía cạnh Tân Ước, quan hệ tình dục (xem 1 Cr 6,12-20) không nhắm tới khoái cảm, nhưng là một hành động, theo tính tự nhiên, diễn tả cách độc nhất lòng cởi mở và lòng cam kết. Về mặt tâm linh, khi thành vợ chồng người nam và người nữ bình đẳng.²⁴

Hôn nhân công giáo dựa theo hình ảnh hôn nhân giữa Chúa Giê-su Ki-tô và Giáo Hội (Ep 5,21-33). Do vậy, hôn nhân công giáo giữa người nam và người nữ bảo toàn mối quan hệ giữa Chúa Ki-tô và Giáo Hội. Nói cách khác, hôn nhân công giáo dựa trên nền tảng căn bản của mối quan hệ giữa Chúa Ki-tô và Giáo Hội. Người chồng yêu thương vợ như chính mình vì đó là điều Chúa Ki-tô yêu thương Hội Thánh (xem Cl 3,18; 1 Pr 3,1-7).²⁵

Bằng việc cử hành hôn nhân cách hữu hiệu theo phụng vụ, để minh họa rằng hai người phối ngẫu là biểu hiện của mầu nhiệm hiệp nhất và tình yêu phong phú giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, và họ tham dự vào mầu nhiệm ấy (GL 1063, 3°).

Để hiểu hôn nhân công giáo là bí tích, một khi đã ưng thuận nói lên lời giao ước hôn nhân, hai người phối ngẫu được Thiên Chúa kết duyên. Thiên Chúa biết một cách xác thực về từng cá nhân, họ là ai, tên gì. Cũng do nhờ hôn nhân là bí tích, hai người phối ngẫu luôn được đổi mới trong đời sống thường nhật và trong lúc gặp khủng hoảng, hoặc khi tuổi già sức yếu.²⁶

5. Hôn nhân trong lịch sử thần học

²³ Waldemar Molinski, 392.

²⁴ Waldemar Molinski, 392.

²⁵ Waldemar Molinski, 392.

²⁶ Günter Koch, 45.

5.1. Thời Giáo Hội sơ khai

Các tín hữu thời sơ khai đã không tận gốc thay đổi các tập tục trong hôn nhân. Họ để ý biết hôn nhân được thiết lập như nào, nhưng chỉ biết sống hôn nhân mà thôi. Họ sống đời sống hôn nhân theo những truyền thống sẵn có trong nền văn hóa riêng. Trước hết là văn hóa Do-thái, sau đó là văn hóa Hy-Lạp và Rô-ma. Nhưng họ sống đời hôn nhân theo thánh ý Thiên Chúa (x. 1 Cr 7,39).²⁷

Vì đã có những lệch lạc và hiểu sai trong đời sống hôn nhân, một số vị bậc thầy tiêu biểu, như Clémentê thành Alexandria mạnh bạo bảo tồn giá trị hôn nhân và việc sinh sản con cái. Các ngài dạy rằng việc đó là tốt theo ý của Thiên Chúa (x. St 1,28).²⁸

Luật lệ của văn hóa Do-thái, Hy-lạp, và Rô-ma lúc bấy giờ thừa nhận rằng hôn nhân là một ‘hiện tượng xã hội’, có kéo theo vài hậu quả pháp lý. Tuy vậy, hôn nhân hầu như không dính gì với chuyện của gia đình, tức cũng không cần đến phép tắc bên giáo quyền và chính quyền. Bên cạnh đó, từ từ luật phụng vụ của Giáo Hội có can thiệp vào. Mãi đến sau Công Đồng Trentô, vào thế kỷ thứ 16, Giáo Hội mới kiểm soát sự cần thiết cho việc cử hành hôn nhân thành sự.²⁹

Thánh Âu-tinh (354-431) đặt tính dục là phần quan trọng trong hôn nhân. Mục đích của hôn nhân là sinh sản con cái. Xét về mặt thần học, giao hợp là tốt, tuy nhiên tối thiểu cũng có ý xấu trong đó. Mọi người con được sinh ra đều bởi ‘tội’, vì việc sinh sản con cái chỉ có thể thực hiện nhờ có sự đòi hỏi dục vọng. Theo ý định của Thiên Chúa con cái được sinh ra, nên ‘tội’ này xem ra được phép hoặc chấp nhận được. Do vậy, xét về mặt luân lý, giao hợp trong hôn nhân với chủ đích sinh sản con cái, nên ‘tội’ này được xác nhận là đúng lý. Hơn nữa, việc bỏ phận vợ chồng trong hôn nhân cũng được cho là một quyền đến với nhau.³⁰

Thánh Âu-tinh không từ chối, và không hề có ý từ chối, hôn nhân là bậc sống đáng được kính trọng và là bậc sống thánh. Chính do những điều

²⁷ John P. Beal, “Marriage,” in *New Commentary on the Code of Canon Law*, ed., et al., BEAL, J., (Mahwah, N.J.: Paulist Press, 2000) 1234.

²⁸ John P. Beal, 1235.

²⁹ John P. Beal, 1235.

³⁰ Waldemar Molinski, 394.

‘tốt’ trong hôn nhân, đặc biệt hơn là do tình yêu vợ chồng mà ‘tội’ này có thể được thứ tha. Những điều tốt trong hôn nhân là: chung thủy, sinh sản con cái, và bí tích. Vợ chồng sống chung thủy thì không ngoại tình; sẵn sàng đón nhận con cái và giáo dục chúng biết kính sợ Chúa; vì hôn nhân là bí tích, vợ chồng không được ly dị.³¹ Đây là ba yếu tố ‘tốt’ của hôn nhân mà vợ chồng phải tôn trọng hoa trái Chúa ban trong hôn nhân và đồng thời họ tự biết giữ mình không sống lãng loạn.³²

Để có sự ưng thuận hôn nhân, hai người kết ước ít nhất phải biết hôn nhân là một sự hiệp thông vĩnh viễn giữa một người nam và một người nữ, nhắm đến việc sinh sản con cái do một sự cộng tác nào đó thuộc phạm vi phái tính (GL 1096, §1).

5.2. Thời Trung Cổ (thế kỷ 5-15)

Vào thời này, Giáo Hội cũng phải đối phó với những vấn nạn hôn nhân. Người ta không lấy vợ gả chồng theo lẽ bình thường. Trước hết họ nói lên lời giao hôn, sau đó còn nhiều thủ tục khác, như chú rể phải xin phép bố vợ; các gia đình đồng ý cách công khai; cung cấp của hồi môn cho gia đình bên vợ; hình thức trao cô dâu vào tay người chồng, vân vân.³³

Sau nhiều quan tâm cần thiết của một số nhà thần học, từ từ Giáo Hội nhận thấy phải lãnh trách nhiệm trực tiếp về hôn nhân. Các Đức Giáo Hoàng quyết định chuyển quyền bính điều khiển hôn nhân từ gia đình sang chính các đôi vợ chồng. Điều này đã dẫn đến hậu quả tốt, và từ đó đã chấm dứt được nhiều hôn nhân dàn xếp vụng trộm hoặc trong bóng tối. Hơn nữa, hôn nhân được thiết lập do sự ưng thuận của đôi phối ngẫu. Đồng thời, nó giúp tạo nên những bổn phận và trách nhiệm trong hôn nhân.³⁴

Với sự học hỏi và tra cứu về khái niệm ‘bí tích’ trong hôn nhân giữa những người đã rửa tội, Giáo Hội cảm nghiệm được trách nhiệm lương tâm thật lớn.

Thánh Phêrô Abelard (+ 1142), vào thời này, đã cho hôn nhân được coi như là một trong bảy bí tích. Thánh nhân nói rằng bí tích hôn nhân, cùng

³¹ Waldemar Molinski, 394.

³² John P. Beal, 1236.

³³ John P. Beal, 1236.

³⁴ John P. Beal, 1237.

với các bí tích Rửa Tội, Thêm Sức, Thánh Thể, Xức Dầu, cũng có tầm quan trọng. Vợ chồng cưới nhau về nhà không cách nào mang lại ơn cứu rỗi, nhưng nhờ việc kết hôn ơn cứu rỗi được thể hiện bằng đời sống hôn nhân.³⁵

Năm 1184, Công Đồng Vêrôna đã đặt hôn nhân là một trong bảy bí tích, theo ‘Luật Mới Hội Thánh’. Công Đồng Vêrôna đã đóng góp lớn cho nền thần học của Giáo Hội liên quan đến bí tích hôn nhân. Công Đồng Vêrôna nhận định rằng bí tích hôn nhân là dấu chỉ ân sủng được lãnh nhận.³⁶

Thánh Tôma Aquinô (1225-1274) nhấn mạnh đến khía cạnh mỗi quan hệ của đôi bạn cộng tác trong việc tạo dựng và ơn cứu rỗi trong bí tích hôn nhân. Thánh Tôma xem việc tình yêu vợ chồng là dấu chỉ ân sủng của Chúa Kitô với Hội Thánh. Thánh Tôma không hạ thấp tình dục trong hôn nhân.³⁷

Công Đồng Trentô (1545-1563) đã khẳng khái định nghĩa, hôn nhân là một trong bảy bí tích theo luật lệ có trong Tin Mừng, được thiết lập do Chúa Giêsu Kitô. Cùng một trật, Công Đồng Trentô cũng tái khẳng định quyền Giáo Hội được thiết lập những ngăn trở hôn nhân, những tiêu hôn, và có quyền chinh đôn hôn nhân.³⁸

5.3. Thần học tín lý

Hiến Chế *Vui Mừng và Hy Vọng* có dạy rằng: “Cộng đồng thân mật của đời sống và tình yêu hôn nhân, đã được Đấng Tạo Hóa thiết lập và quy định những luật lệ cho nó. Chính Thiên Chúa là tác giả của hôn nhân” (*Gaudium et spes*, số 48).

Sách *Giáo Lý Công Giáo* cũng có viết:

Ơn gọi hôn nhân đã được khắc ghi trong chính bản tính của người nam và người nữ, như chính họ phát xuất từ ban tay Đấng Tạo Hóa. Hôn nhân không phải chỉ là một định chế của phàm nhân, mặc dù đã có không ít những biến đổi mà hôn nhân đã trải qua suốt các thế kỷ, trong các nền văn hóa, cơ cấu xã hội và thái độ tinh thần khác nhau. Những sự khác biệt này không được làm quên đi những nét chung và trường tồn. Dù phẩm giá của định chế này không phải ở đâu cũng

³⁵ Waldemar Molinski, 394.

³⁶ John P. Beal, 1237.

³⁷ Günter Koch, 41.

³⁸ John P. Beal, 1237.

sáng tỏ như nhau, nhưng trong tất cả các nền văn hóa, vẫn có một ý thức nào đó về sự cao cả của việc kết hợp trong hôn nhân (GLCG 1603).

Thiên Chúa đã dựng họ có nam có nữ, nên tình yêu hỗ tương của họ là một hình ảnh của tình yêu tuyệt đối và bất diệt Thiên Chúa dành để yêu con người. Dưới mắt Đấng Tạo Hóa, tình yêu này là tốt, là rất tốt (x. St 1,31). “Và tình yêu này, được Thiên Chúa chúc phúc, được nhắm đến việc sinh sôi nảy nở và trong công trình chung, nhắm đến việc bảo tồn công trình tạo dựng” (GLCG 1604).

Giáo Hội dạy hôn nhân là bí tích để bảo chứng rằng đời sống vợ chồng là hợp pháp và lành mạnh. Nếu có ai phủ nhận tính cách bí tích hôn nhân công giáo, thì đời sống vợ chồng không có gì là sai dưới cái nhìn của họ. Từ bí tích ân sủng được lãnh nhận, nên hôn nhân công giáo giữa hai người rửa tội là bí tích. Hôn nhân công giáo giữa hai người rửa tội là dấu hiệu và là bằng chứng mô phỏng tình yêu Chúa Ki-tô mà chính ân sủng tạo nên hôn nhân. Do vậy hôn nhân công giáo bộc lộ cách toàn diện mối liên đới giữa Chúa Ki-tô và Giáo Hội.³⁹

Hôn nhân công giáo là hình ảnh ‘hôn nhân đại thể’ của Chúa Ki-tô đối với Hội Thánh. Vì thế, vợ chồng có bốn phận trình bày hình ảnh không thể sai lầm đó cho thế giới và con cái mình biết rằng tình yêu giữa Chúa Ki-tô và Giáo Hội trong hôn nhân công giáo là mối quan hệ tối hậu và bất khả phân ly, chung thủy cho đến chết.⁴⁰

5.4. Thừa tác viên hôn nhân

Một cách đúng lý, người chồng và người vợ là hai *thừa tác viên* của bí tích hôn nhân. Vì hôn nhân công giáo được nâng lên hàng bí tích, nên người thành hôn nhận lãnh bí tích hôn nhân. Điều quan trọng là người tiến đến giao ước hôn nhân có muốn lãnh nhận bí tích hôn nhân hay không. Do vậy, bí tích hôn nhân được cử hành khi người nam và người nữ nói lên lời giao hôn qua sự ưng thuận và chấp nhận nhau.⁴¹

³⁹ Waldemar Molinski, 395.

⁴⁰ Waldemar Molinski, 395.

⁴¹ Waldemar Molinski, 396.

Chính sự ưng thuận của đôi bên được biểu lộ cách hợp thức giữa những người có năng cách về mặt pháp lý làm nên hôn nhân và không một quyền lực nào của loài người có thể thay thế được sự ưng thuận ấy.

Sự ưng thuận hôn nhân là một hành vi của ý chí, nhờ đó một người nam và một người nữ hiến thân cho nhau và chấp nhận nhau qua một giao ước bất khả thu hồi để tạo thành hôn nhân (GL 1057, §1 & §2).

Không thể thiếu sự ưng thuận trong hôn nhân. Nói cách khác, sự ưng thuận là yếu tố cần thiết làm nên hôn nhân. Sách *Giáo Lý Công Giáo* khẳng định, rằng: “Hôn ước được ký kết giữa người nam và người nữ, cả hai đã được rửa tội và tự do để kết hôn, và họ tự nguyện bày tỏ sự ưng thuận của mình. ‘Tự do’ nghĩa là: không bị ép buộc; không bị ngăn trở theo luật tự nhiên hay giáo luật” (số 1625).

Sự ưng thuận phải được bộc lộ cách rõ ràng và cách có hợp thức, thì nhờ đó phát sinh kết quả pháp lý. Sự ưng thuận, điều kiện đủ trong hôn nhân, là hành động của ý chí mà người nam và người nữ, một cách hỗ tương, trao và nhận nhau với mục đích kết hôn. Vì là *giao ước bất khả thu hồi*, một khi đã trao nhận thì đời sống hôn nhân sẽ không tùy thuộc vào ý riêng của hai người phối ngẫu nữa.⁴²

Theo tính tự nhiên và mục đích của giao ước hôn nhân, đôi bạn thành hôn có ý kết bạn với nhau thành vợ chồng suốt đời bất kể chuyện gì sẽ xảy ra trong tương lai.⁴³ Vợ chồng trao hiến cho nhau cách trọn vẹn với tất cả bổn phận và trách nhiệm trong hôn nhân. Xét trên phương diện pháp lý, sự *ưng thuận* là điều kiện đủ trong hôn nhân và là căn bản của hôn nhân, chứ không phải *tình yêu* được hiểu theo nghĩa hẹp.⁴⁴

Tính tự nhiên và mục đích của hôn nhân, một khi đã thành là bí tích, tạo nên sự hiệp nhất và tính bất khả phân ly. Hiệp nhất nghĩa là trở nên một

⁴² Adolfo N. Dacanáy, 5-6.

⁴³ Waldemar Molinski, 396.

⁴⁴ Adolfo N. Dacanáy, 6. *Tình yêu* là quan trọng, chính vì thế trong Tông Huấn về Gia đình (*Familiaris consortio*) cho rằng hôn nhân là giao ước tình yêu. Tuy nhiên, một nhà giáo luật nổi tiếng (Urbano Navarrete) cho rằng tình yêu và tình cảm là một “thói quen,” một hiện tượng tâm lý mà không trực tiếp dưới sự điều khiển của ý chí. Do vậy, nó không phải là vấn đề dễ dàng trực thuộc về qui tắc của luật.

và hoàn toàn thuộc về nhau. Bất khả phân ly nghĩa là sự kết hiệp với nhau cho đến khi chết. Giáo Hội dạy rằng, một khi bí tích hôn nhân đã ‘thành sự và hoàn hợp’ thì tự bản chất không được phân ly. Chính vì thế, người phối ngẫu, dù là công giáo hay ngoại giáo, không bao giờ được khước từ hôn nhân mình và cưới người khác cách hợp lệ.⁴⁵

Vì là bí tích, đặc tính chính yếu của hôn nhân là sự đơn nhất và bất khả phân ly (GL 1056).

Giáo Hội dạy rằng vợ chồng kết hiệp nên một và bất khả phân ly, sau khi đã ưng thuận giao hôn, hướng về những điều tốt cho nhau, sinh sản và giáo dục con cái. Vợ chồng không được phép rẫy nhau. Trong những trường hợp vì ích lợi cho người tín hữu, Giáo Hội có quyền và tư cách giải hôn. Trên nguyên tắc, bí tích hôn nhân đã hoàn hợp thì tuyệt đối không được phân ly. Nói cách khác, cũng chính vì hôn nhân là bí tích, hai người phối ngẫu không được phép ly dị.⁴⁶

Riêng linh mục chủ sự hay phó tế là những vị chứng kiến việc cử hành Hôn Phối, nhân danh Hội Thánh nhận lời ưng thuận của đôi tân hôn và ban cho họ sự chúc lành của Hội Thánh (xem GLCG 1630).

Hôn nhân chỉ thành sự khi được kết ước trước mặt vị chứng hôn, là Đấng Bản Quyền địa phương hay cha sở, hoặc một linh mục hay một phó tế đã được ủy quyền, và trước mặt hai nhân chứng (xem GL 1108, §1). Như thế vị chứng hôn, không phải là *thừa tác viên*, đóng vai trò là người hiện diện để yêu cầu hai bên kết ước biểu lộ sự ưng thuận và để nhân danh Giáo Hội chấp nhận sự biểu lộ ưng thuận đó (xem GL 1108, §2).

5.5. Tình yêu vợ chồng

Vợ chồng sống trọn vẹn bằng cách giúp nhau thành thụ là người đàn ông và đàn bà. Hai người bỏ quyết về những khác biệt của nhau, mỗi người giúp bạn đời mình tìm ra chính bản thân. Vợ chồng sống cách trọn vẹn, qua mối quan hệ tình dục, một cách gián tiếp, họ chịu ảnh hưởng về nhiều khía cạnh của cuộc sống, như: xã hội, kinh tế, thể lý, tâm linh, và tôn giáo. Do đó,

⁴⁵ Waldemar Molinski, 397.

⁴⁶ Adolfo N. Dacanáy, 2.

sống cách trọn vẹn phải thích ứng hoàn cảnh sống, uyển chuyển, và thích hợp cho đôi bên. Tất một điều, đôi bạn phải hiểu nhau và sống hòa hợp.⁴⁷

Sự *khác biệt giới tính* giữa người nam và người nữ là một sự khác biệt *dĩ nhiên*. Sự khác biệt này không cần phải giải thích trên phương diện văn hóa và xã hội, hoặc đơn thuần hơn là trên phương diện pháp lý. Sự khác biệt giới tính này chứng minh cho hôn nhân công giáo được tồn tại và có luật lệ. Sự khác biệt về tính dục cũng góp phần trong vấn đề *bổ túc* cho hai người nam và nữ. Thực chất vì chính sự khác biệt này mà người nam và người nữ mới có thể bổ túc cho nhau. Như thế, nhờ sự khác biệt giới tính và sự bổ túc cho nhau, nên người nam và người nữ mới *tìm* đến nhau. Mỗi quan hệ sinh lý giữa người nam và người nữ rất là căn bản, nguyên toàn, và độc nhất, nên trong hôn nhân việc quan hệ tình dục theo tính xác thịt khác với việc quan hệ mà có khả năng *sinh sản* con cái.⁴⁸

Tình yêu phu phụ là một tổng thể bao gồm mọi yếu tố của con người: những đòi hỏi của thân xác và bản năng, những sức mạnh của giác quan và tình cảm, những khát khao của tinh thần và ý chí; tình yêu đó nhắm đến sự hợp nhất bản thân sâu xa, một sự hợp nhất rõ ràng là vượt quá việc chỉ nên một về thể xác, để trở thành một trái tim và một tâm hồn; tình yêu ấy thật sự đòi hỏi sự bất khả phân ly và lòng chung thủy khi trao hiến cho nhau một cách dứt khoát, và mở ngõ cho việc sinh sản. Nói tóm lại, đây là những đặt điểm thông thường của bất cứ tình yêu phu phụ tự nhiên nào, nhưng mang một ý nghĩa mới mẻ, một ý nghĩa không những thanh luyện và củng cố những đặc điểm đó, mà còn nâng cao chúng lên đến độ chúng được coi là biểu hiện của những điều thiện hảo riêng biệt của Kitô giáo (Tông Huấn Familiaris consortio, số 13).

Vì là bí tích và hiệp thông trong Đức Kitô, nên trong đời sống hôn nhân công giáo hai người phối ngẫu được củng cố, thanh luyện, và trở nên hoàn thiện. Họ hiệp thông với nhau cách thâm sâu hơn nhờ cùng sống đức tin công giáo và cùng lãnh nhận bí tích Thánh Thể chung với nhau (xem GLCG 1644).

⁴⁷ Waldemar Molinski, 400.

⁴⁸ Juan Ignacio Bañares, 1039.

Sự chung thủy của vợ chồng dựa trên động lực sâu xa nhất căn cứ vào sự trung tín của Thiên Chúa. Thiên Chúa hằng trung tín với dân Người, nơi Đức Kitô, Đấng hằng trung tín với Hội Thánh. Chính nhờ có bí tích, đôi phối ngẫu được lãnh ơn để thể hiện và làm chứng cho sự chung thủy hôn nhân. Cũng nhờ bí tích hôn nhân, tính bất khả phân ly mang một ý nghĩa mới mẻ và sâu xa hơn. Thiên Chúa yêu thương nhân loại bằng một tình yêu vĩnh viễn và không rút lại, hai người phối ngẫu được dự phần vào tình yêu đó của Thiên Chúa. Tình yêu Thiên Chúa hằng ở trong họ, hướng dẫn và nâng đỡ họ, và nhờ sự chung thủy với nhau, họ có thể là chứng nhân cho tình yêu trung tín của Thiên Chúa (xem GLCG 1647-1648).

Từ cuộc hôn nhân thành sự giữa những người phối ngẫu nảy sinh một mối dây liên kết vĩnh viễn và độc hữu tự bản chất; ngoài ra, trong hôn nhân Kitô giáo, những người phối ngẫu được củng cố và như được thánh hiến do một bí tích đặc biệt để chu toàn nghĩa vụ và nâng cao phẩm giá bậc sống của mình (GL 1134).

Hôn nhân công giáo không loại trừ sự hiện diện của Chúa và không tách biệt với thế giới bên ngoài. Đời sống hôn nhân không nên riêng rẽ cho chỉ hai người, mà còn đón nhận Thiên Chúa và mọi người đến với mình. Vì là bí tích, hai người phối ngẫu được nhận chìm sâu vào mầu nhiệm Chúa Kitô, đời sống hôn nhân cũng nên cởi mở kết hiệp với Thiên Chúa và với nhân loại.⁴⁹

⁴⁹ Waldemar Molinski, 401.



*Linh mục Dominic
Nguyễn Đức Hạnh, O.S.B., J.C.D.,
tiến sĩ giáo luật Giáo Hoàng Học Viện
Latêranô, Rôma, đan sĩ Dòng Biển
Đức, hiện là Đan Trưởng Đan Viện
Biển Đức Thiên Tâm, Kerens, Texas.*

SỰ QUAN TÂM ĐẾN MỤC VỤ CHUẨN BỊ HÔN NHÂN: VAI TRÒ ĐỊA PHẬN, GIÁO XỨ, VÀ LINH MỤC

Lm. John Baptist Nguyễn Quang Trục, J.C.L.

NHẬN ĐỊNH

Thời gian chuẩn bị cho bí tích hôn phối (kayrós)¹ là dịp may mắn và thuận lợi để truyền bá đức tin (evangelization) cho những người không có đạo và làm sống động lại niềm tin (renewal of faith) vào Chúa Giêsu cho những bạn trẻ tin vào Thiên Chúa Giáo và Công Giáo.

Xã hội ngày nay đã thay đổi nhiều về pháp luật ảnh hưởng đến gia đình và luân lý sống mỗi ngày một sa sút:

1. Sự định nghĩa của đời sống hôn nhân và gia đình không chỉ còn trong phạm vi một nam một nữ nhưng với người cùng hệ (same sex union).
2. Luân lý sống mỗi ngày một lung lay qua sự lựa chọn sống chung với nhau (cohabitation); tệ hại phá thai, ly dị và ly thân mỗi ngày một gia tăng.

Khi xã hội thay đổi cách sống của con người trở thành một cách vô thần và vô luân lý, Giáo Hội phải quan tâm nhiều và chú trọng đến việc giáo dục cho tương lai và chuẩn bị cho đời sống đức tin đặc biệt sự chuẩn bị hôn nhân và gia đình.

Sau Công Đồng Vatican II, sự hiểu biết qua bảy phép bí tích, Giáo Hội luôn nhấn mạnh đến những điểm quan trọng: 1. Giáo Dục (Education) 2. Tâm Linh (Spirituality) 3. Rèn Luyện Đức Tin

Xã hội thay đổi cách sống của con người trở thành một cách vô thần và vô luân lý...

¹“Kayrós – a period in which God calls upon the engaged and helps them discern the vocation to marriage and family life”(Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình, 1996, Câu số 2).

(Faith Formation).

Đa số các bí tích thời gian huấn đức đòi hỏi từ 1 năm đến 10 năm. Như ở Hoa Kỳ, chương trình giáo lý cho Bí Tích Thêm Sức, Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ đòi hỏi tối thiểu là 2 năm. Chương trình đào luyện một người thanh niên để chuẩn bị chịu chức Thầy Sáu Phó Tế Vĩnh Viễn cần đến từ 4 đến 5 năm và thụ phong linh mục từ 6-10 năm (có nhiều trường hợp thì lâu hơn hay không được chấp thuận cho dù đã hoàn tất mọi sự).

Tại sao sự chuẩn bị cho Bí Tích Hôn Phối, theo như thông kê chung, Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ chỉ đòi hỏi tối thiểu là 6 tháng? Có lẽ, đa số các bạn đính hôn lo việc chuẩn bị lễ cưới nhiều hơn và vì vui mừng sẽ lấy được người mình yêu nên đã chú tâm nhiều về việc tổ chức cho tiệc cưới & nghi thức cưới.

Chuẩn bị cho đời sống kết hôn và gia đình chứ không chỉ tiệc cưới... Plan your marriage not just your wedding...

Còn việc quan tâm đến sự chuẩn bị cho đời sống hôn nhân là một “giao ước” để trở thành “một cuộc thông hiệp trọn cả cuộc sống... hướng về thiện ích của đôi bạn, cũng như việc sinh sản và giáo dục con cái”² các bạn đính hôn đã không chú ý đến.

THẺ LOẠI CỦA SỰ CHUẨN BỊ

Trong Huấn Quyền Familiaris Consortio (FC) của Thánh Gioan-Phaolô II (1981) và Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình (1996) đã nêu lên vai trò của xã hội, giáo hội và gia đình góp phần quan trọng đến việc chuẩn bị và giáo dục cho giới trẻ tương lai thông hiểu thêm về đời sống hôn nhân và gia đình. Thánh Gioan-Phaolô đã liệt kê ra ba giai đoạn chính:

1. Chuẩn Bị Xa (Remote):³ Bắt đầu từ thơ ấu, thiếu niên, và thanh niên (infancy, childhood, and adolescence)

² Bộ Giáo Luật CIC 1983, khoản 1055, §1

³**Chuẩn bị xa:** Giai đoạn này người ta (gia đình, Giáo Hội, xã hội) dần ghi khắc vào tâm hồn sự quý chuộng mọi giá trị nhân bản đích thực, trong các tương quan liên vị cũng như xã hội, để các em biết tự chủ, biết xử dụng đúng đắn các xu hướng riêng của mình, biết nhận xét và gặp gỡ người khác phái... Đối với Kitô hữu, còn có sự đào tạo vững chắc về đời sống thiêng liêng và giáo lý, để hiểu hôn nhân là một ơn gọi, và là một sứ mạng đích thực, không loại trừ khả năng tận hiến cho Thiên Chúa trong ơn gọi độc thân vì Nước

2. Chuẩn Bị Gần (Proximate):⁴ Bắt đầu từ thời gian tìm hiểu và đính hôn và chiếu theo Bộ Giáo Luật 1983 CIC Điều 1063-1065.
3. Chuẩn Bị Trục Tiếp (Immediate):⁵ Giáo xứ chuẩn bị nghi thức thánh lễ hôn phối và giấy tờ cần thiết chiếu cho hợp lệ theo Bộ Giáo Luật CIC 1983, Điều 1066-1070.

Nhìn lại hơn 30 năm từ khi phát hành Huấn Quyền Familiaris Consortio, Bộ Giáo Luật CIC 1983 và Sách Giáo Lý Công Giáo (1992) về việc chuẩn bị cho Bí Tích Hôn Phối và đời sống gia đình, các địa phận vẫn còn chú trọng nhiều về giai đoạn hai và ba (chuẩn bị gần và trực tiếp). Gần như chỉ có một phần nhỏ của Hội Đồng Giám Mục trên toàn thế giới đã chú tâm về giai đoạn 1 (chuẩn bị xa). Đã có rất nhiều thảo luận và kế hoạch nhưng chương trình cụ thể vẫn không có. Nếu có thì tùy theo cá nhân của các giám mục tại địa phận.

Tim được sự giải đáp cho sự thiếu sót hay nêu lên những chương trình của xã hội và Giáo Hội Công Giáo cho việc chuẩn bị đời sống gia đình và đời sống hôn nhân thì ngoài phạm vi của bài viết này.

THỜI GIAN TÌM HIỂU VÀ NHẬN ĐỊNH – CHUẨN BỊ GẦN



Hành trình để nói lên hai chữ “Thưa Có” (I do) trên

Trời. (Huấn Quyền Familiaris Consortio (FC)#66 -

<http://www.songtinmungtinhyeu.org/?open=contents&display=2&id=1248>)

⁴**Chuẩn bị gần:** lứa tuổi thích hợp, với việc dạy giáo lý vào đời chuẩn bị chuyên biệt về các bí tích, giúp các bạn trẻ khám phá các bí tích. Đến lúc thích hợp và tùy theo đòi hỏi cụ thể, giáo dục tôn giáo cần bổ túc bằng một sự chuẩn bị cho đời sống lứa đôi. Trình bày cho các bạn trẻ như một tương quan liên vị phải được phát triển liên tục giữa người nam và người nữ, khuyến khích họ đào sâu những vấn đề về tính dục hôn nhân, về vai trò cha mẹ có ý thức trách nhiệm, những hiểu biết về lãnh vực sinh lý và y học, những phương pháp tốt giáo dục con cái,... (Huấn Quyền Familiaris Consortio (FC)#66 -

<http://www.songtinmungtinhyeu.org/?open=contents&display=2&id=1248>)

⁵**Chuẩn bị trực tiếp:** cử hành bí tích hôn phối diễn ra trong nhiều tháng và trong những tuần lễ cuối trước lễ cưới. Trong các yếu tố phải truyền đạt về đức tin, cần đào sâu: mầu nhiệm Chúa Kitô và Hội thánh, về ý nghĩa của ân sủng và trách nhiệm gắn liền với hôn nhân Kitô giáo. (Huấn Quyền Familiaris Consortio (FC)#66 -

<http://www.songtinmungtinhyeu.org/?open=contents&display=2&id=1248>)

đôi môi phải được ghi sâu vào con tim của đôi tân hôn và thấu hiểu được trong trí tuệ của họ.

Trong ba giai đoạn của sự chuẩn bị, giai đoạn chuẩn bị gần cần phải được lưu ý đến hơn khi đôi bạn đính hôn (engaged couple) trong thời gian tìm hiểu với nhau để bước vào đời sống hôn nhân và gia đình. Hành trình của việc chuẩn bị gần được chia ra làm hai cơ cấu trách nhiệm liên quan với nhau:

1. Tham gia (Participation) vào chương trình hay các khoá dự bị cho bí tích hôn phối dưới sự trách nhiệm của địa phận (cộng đồng) hay cộng đoàn.
2. Nhận định và sẵn sàng (Pastoral Assessment & Readiness) đàm thoại với nhau qua sự hướng dẫn của linh mục và các đôi hôn nhân trong giáo xứ.

Bộ Giáo Luật đã nhấn mạnh đến việc chuẩn bị Bí Tích Hôn Phối hơn là chú tâm đến sự thành sự (valid consent) của bí tích.

Vì tầm quan trọng của sự chuẩn bị, giáo xứ cần đòi hỏi tất cả các đôi bạn đính hôn ghi danh và tham gia vào cả hai mục vụ trên, tham dự các khoá và gặp gỡ chia sẻ với nhau. Chỉ có những hoàn cảnh đặc biệt hay khó khăn chính đáng, cha chánh xứ sẽ cho miễn.

Bài viết sẽ đào sâu về trách nhiệm của giáo xứ qua sự “nhận định và sẵn sàng” (pastoral assessment & readiness) qua vai trò của linh mục và giáo dân hỗ trợ, hướng dẫn, và đồng hành với các bạn đính hôn trong giáo xứ. Có thể đa số các giáo xứ hay cộng đoàn Việt Nam ở Hoa Kỳ nên chú tâm đến những góp ý trong phần hai này.

Kèm theo, bài viết sẽ chú tâm đến Bộ Giáo Luật CIC 1983 điều 1063-1065 và 1077 §1. Qua những điều khoản này, Bộ Giáo Luật đã nhấn mạnh đến việc chuẩn bị Bí Tích Hôn Phối hơn là chú tâm đến sự thành sự của bí tích.

Kế tiếp, những quan sát và đề nghị của bài viết được chiếu theo mục vụ của Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ và mục vụ sinh hoạt của các giáo xứ Việt Nam ở Hoa Kỳ.

TRÁCH NHIỆM CỦA ĐỊA PHẬN QUA VAI TRÒ

“BẢN QUYỀN SỞ TẠI” (LOCAL ORDINARY)

Bộ Giáo Luật 1983, CIC, Điều 1063: *Các Chủ Chăn (pastors of souls) có bốn phận lo liệu sao cho cộng đoàn Giáo Hội của mình biết trợ giúp các tín hữu bảo toàn bậc sống hôn nhân theo tinh thần Kitô giáo, thăng tiến bậc sống hôn nhân trên đường trọn lành...⁶*

Theo điều 1063, vai trò chính là bốn phận của các “Chủ Chăn.” Họ là các đứng hàng giám mục và linh mục trong địa phận với trách nhiệm điều động những chương trình thăng tiến, tài liệu, giảng huấn, phát huy truyền thông cho mọi lứa tuổi để quảng bá cho đời sống gia đình và hôn nhân.

Đa số các địa phận đã đáp lại lời mời gọi của Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình (1996) qua việc phát hành những khóa và buổi tĩnh tâm cho các lớp dự bị và thăng tiến hôn nhân: Pre-Cana, Engage

Encounter Weekend Retreat, Natural Family Planning, Marriage Enrichment Sessions, Retrouvaille Weekend Retreat.

Nhiều cộng đồng Công Giáo Việt Nam ở Hoa Kỳ đã mở ra các khóa dự bị hôn nhân từ 4 đến 10 tuần cho các bạn trẻ đã đính hôn. Các khóa đã đưa ra những vấn đề sinh sống và khó khăn trong vai trò vợ chồng và phương cách xây dựng gia đình hạnh phúc: tài chánh, sinh lý và sức khỏe, luật pháp, và sự đối thoại với nhau (finance, intimacy & health, law, and communication).

Bản Quyền Sở Tại (local ordinary) đóng vai trò chính để cổ võ và duy trì những chương trình cho đời sống hôn nhân và gia đình hầu tiếp tục hành trình truyền giáo và sứ điệp của Chúa Giêsu.

⁶Bộ Giáo Luật 1983, Điều 1063: “Sự trợ giúp này tiên vàn phải được thực hiện:

1° Bằng việc rao giảng, huấn luyện giáo lý thích hợp cho vị thành niên, thanh niên và người lớn, kể cả qua việc sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội, ngõ hầu các tín hữu được giáo dục về ý nghĩa của hôn nhân Kitô giáo và về nghĩa vụ của vợ chồng và của cha mẹ Công Giáo;

2° Bằng việc chuẩn bị riêng cho những người sắp kết hôn để đôi bạn được sửa soạn để lãnh nhận sự thánh thiện và những bốn phận của bậc sống mới;

3° Bằng việc cử hành phụng vụ hôn phối cách chu đáo, để làm sáng tỏ rằng đôi bạn trở thành dấu chỉ và tham dự vào mầu nhiệm hiệp nhất và tình yêu phong phú giữa Chúa Kitô và Giáo Hội;

4° Bằng sự giúp đỡ cho đôi bạn sống trung thành với giao ước vợ chồng, để mỗi ngày họ thêm thánh thiện và hoàn hảo hơn trong đời sống gia đình.

Theo như sơ đồ tổ chức của các địa phận, những vị giám mục và linh mục với danh hiệu “Bản Quyền Sở Tại” (local ordinary) đóng vai trò chính để cổ võ và duy trì những chương trình nói trên cho đời sống hôn nhân và gia đình hầu tiếp tục hành trình truyền giáo và sứ điệp của Chúa Giêsu.⁷

Chiếu theo Bộ Giáo Luật CIC 1983, điều 1064⁸, Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình đã nhắc nhở những vị với danh hiệu “Bản Quyền Sở Tại” (tuỳ theo nhu cầu và hoàn cảnh của địa phương) nên tham khảo hay “bàn hỏi” với những người chuyên môn (luật sư, nhà giáo dục, bác sĩ gia đình và tâm lý) hay với những cặp hôn nhân có nhiều kinh nghiệm sống. Mục đích để tiếp tục thăng tiến những đề mục, và có những người giảng thuyết hay và thực tế để đáp ứng lại những khó khăn của cuộc sống và thay đổi của xã hội.

THÀNH CÔNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH DO ĐỊA PHẬN

Thượng Hội Đồng Giám Mục ngoại thường tại Roma: Mục vụ Gia Đình vào cuối năm 2014 đã nhận định như sau: Đã có rất nhiều địa phận Công Giáo trên toàn quốc đã và đang có những chương trình chuẩn bị cho bí tích hôn phối rất thành công và có nhiều thành quả tốt.⁹ Những chương trình này được hướng dẫn và tổ chức bằng nhiều thành viên trong Giáo Hội: giám mục, linh mục, các nhà chuyên môn, và các cặp hôn nhân.

⁷**Bộ Giáo Luật 1983 CIC Điều 134:** §1 Trong luật, tiếng “Bản Quyền” ám chỉ, ngoài Đức Giáo Hoàng ra, cả Giám Mục giáo phận và những người đứng đầu - dù là lâm thời - một Giáo Hội địa phương hay một cộng đoàn tương đương nói ở điều 368, cùng những người hưởng quyền hành pháp thông thường tổng quát trong những nơi ấy, tức là: các tổng đại diện và đại diện Giám Mục; lại nữa, đối với các phần tử của mình, các Bề Trên cao cấp của các dòng tu giáo sĩ theo luật Giáo Hoàng và các Bề Trên cao cấp của các tu đoàn tông đồ giáo sĩ theo luật Giáo Hoàng, tức những người nắm giữ ít là quyền hành pháp thông thường.

§2 Tiếng “Bản Quyền sở tại” ám chỉ tất cả những người nói ở trong triệt §1, trừ các Bề Trên của các dòng và của các tu đoàn tông đồ.

⁸**Bộ Giáo Luật 1983 CIC Điều 1064:** Bản Quyền sở tại phải lo liệu để sự trợ giúp nói trên được tổ chức cẩn thận và nếu thấy thuận tiện, nên bàn hỏi với những nam nữ từng trải, kinh nghiệm và chuyên môn.

⁹ Thượng Hội Đồng Giám Mục ngoại thường tại Roma: Mục vụ Gia Đình vào cuối năm 2014 Đoạn 51-54.

Vào năm 1995, trung tâm chuyên môn về hôn phối và gia đình thuộc Đại Học Creighton ở Omaha, Nebraska đã phát hành bản thống kê và tham khảo về các chương trình dự bị hôn nhân của các địa phận ở Hoa Kỳ. Sau khi phỏng vấn những cặp hôn nhân đã cưới nhau từ 1 đến 8 năm, trung tâm đã kết luận với chủ đề: “Marriage Preparation in the Catholic Church: Getting it Right.”

Theo như thống kê này, những khóa dự bị hôn nhân đã giúp rất nhiều và có những đề mục rất hay và hữu hiệu cho các đôi hôn nhân đặc biệt khi các khóa chú trọng đến năm (5) đề tài: 1. Đối thoại (communication), 2. Cam kết (commitment), 3. Giao hoà (conflict resolution), 4. Con cái (children), và 5. Giáo Hội (church).

Những đề mục hay cho các đôi hôn nhân: 1. Đối thoại (communication), 2. Cam kết (commitment), 3. Giao hoà (conflict resolution), 4. Con cái (children), và 5. Giáo Hội (church).

Sau đó có rất nhiều bản thống kê khác do các cơ quan của nhà tâm lý, xã hội học và chính phủ cũng đi đến cùng một kết luận là sự hữu ích của chương trình dự bị hôn nhân.

1. 30% - Chương trình dự bị hôn nhân đã giảm bớt sự ly dị (Stanley, Amato, Johnson & Markman, 2006)
2. 79% - Đời sống hôn nhân và gia đình thêm hạnh phúc (Carroll & Doherty, 2003)

VAI TRÒ LINH MỤC TRONG GIÁO XỨ

Hành trình chuẩn bị cho bí tích hôn phối là cơ hội để truyền giáo trực tiếp và là một sự gặp gỡ để liên đới những cặp đính hôn đến với cộng đoàn giáo xứ. Người linh mục (danh xưng dùng chung cho trường hợp là thầy phó tế hay vị đại diện của giáo xứ) và các nhân viên trong giáo xứ mở tay đón tiếp và nâng đỡ những cặp đính hôn này như là một người thân trong gia đình của Giáo Hội.

1. NHẬN ĐỊNH VỀ ĐỨC TIN (PASTORAL & SPIRITUAL ASSESSMENT)

Có những hoàn cảnh, đôi bạn đính hôn không biết nhiều về Thánh Kinh, giáo huấn giáo lý và tín điều của Giáo Hội cũng như thủ tục cần thiết

của xã hội và Giáo Hội. Qua sự gặp gỡ này, nhân viên giáo xứ có thể mở cánh cửa đức tin của họ cho dù là người Công Giáo, Thiên Chúa Giáo, các đạo khác hay vô thần.

Chiều theo Bộ Giáo Luật 1983 CIC điều 1065¹⁰, nếu là người đính hôn Công Giáo mà chưa lãnh nhận bí tích Thánh Thể hay Thêm sức, vị linh mục hãy khuyến khích họ ghi danh vào các lớp giáo lý cho người lớn trong giáo xứ để họ hoàn tất ba bí tích khai tâm Ki-tô giáo (sacrament of initiation).¹¹

Việc lãnh nhận các bí tích khai tâm sẽ không ảnh hưởng đến lời cam kết của bí tích hôn phối.

A. Hoàn Cảnh Người Công Giáo

Vị linh mục hãy dùng cơ hội này khuyến khích các cặp đính hôn Công Giáo chuẩn bị tâm hồn và đón nhận bí tích Thánh Thể và bí tích hòa giải. Việc lãnh nhận các bí tích khai tâm sẽ không ảnh hưởng đến lời cam kết của bí tích hôn phối. Tuy nhiên, **nếu không có gì cản trở hay khó khăn**, thì việc lãnh nhận bí tích Thánh Thể, bí tích Thêm Sức và bí tích hoà giải là một điều cần thiết trong việc giữ đạo và đời sống đức tin để được lãnh nhận những ân sủng đặc biệt qua bí tích hôn phối.

B. Hoàn Cảnh Người Tin Lành & Các Đạo Khác (Phật Giáo hay Do Thái)

Nói chung các bậc phụ huynh Việt Nam ta thường hay khuyên các con dâu hay con rể tương lai *nên* hoặc *phải* theo đạo Công Giáo. Trực tiếp hay gián tiếp, có ép buộc hay tự do để trở lại đạo Công Giáo, đây là một điều

¹⁰**Bộ Giáo Luật 1983, CIC, Điều 1065:** (1) Những người công giáo chưa chịu Bí Tích Thêm Sức, thì phải lãnh Bí Tích ấy trước khi được nhận kết hôn, nếu có thể được và không có khó khăn trầm trọng.

(2) Để việc lãnh nhận Bí Tích Hôn Phối được dồi dào công hiệu, hết sức khuyến nhủ các đôi bạn nên lãnh Bí Tích Thống Hối và Thánh Thể.

¹¹Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo, Điều 1212: Ba bí tích: Thánh Tẩy, Thêm Sức và Thánh Thể là những bí tích khai tâm đặt nền tảng cho toàn thể đời sống Ki-tô hữu. “Nhờ ân sủng của Đức Ki-tô, con người được tham dự vào bản tính Thiên Chúa. Tương tự như việc sinh ra, lớn lên và bảo tồn trong đời sống tự nhiên, người tín hữu được tái sinh trong đời sống mới nhờ bí tích Thánh Tẩy, được củng cố nhờ bí tích Thêm Sức, và nhận lấy bánh ban sự sống đời đời trong bí tích Thánh Thể. Như vậy, nhờ các bí tích khai tâm Ki-tô giáo, họ được hiệp thông sâu xa hơn vào đời sống thần linh và ngày càng tiến tới đức mến hoàn hảo”(x. ĐGH Phao-lô VI, Tông huấn “Tham dự đời sống thần linh”; x. OICA tiền chú 1-2).

kiện mâu thuẫn của lời giao ước trong bí tích hôn phối về sự lựa chọn để trở lại hay theo Đạo Công Giáo.

Trên con đường phục vụ và truyền giáo, Giáo Hội khuyến khích các cặp đính hôn hãy chú tâm đến sự chuẩn bị cho bí tích hôn phối và hãy đợi ơn gọi theo đạo Công Giáo. Cả hai sự quyết định là lời cam kết sẽ ảnh hưởng đến suốt cả đời người. Qua sự gặp gỡ và chia sẻ đời sống đạo và đức tin, vị linh mục sẽ hiểu thêm hoàn cảnh tế nhị của mỗi cặp qua cái nhìn về đạo và đức tin.

2. NHẬN ĐỊNH VỀ SỰ SẴN SÀNG (READINESS)



Qua vai trò là thầy dạy (teacher) và qua thiên chức đại diện cho Giáo Hội, người linh mục tạo lên được một niềm tin thiêng liêng và sự cởi mở của các cặp đính hôn (spiritual relationship & openness). Người linh mục phụ trách nên hy sinh và dành thời gian gặp gỡ và thảo luận từ bốn đến năm lần (4-5 times) với các cặp đính hôn.

Vì thế, ngoài việc tham khảo về những đơn tự và các giấy bí tích đòi hỏi theo Bộ Giáo Luật CIC 1983 và những quy định riêng tùy theo từng địa phận, vị linh mục nên đề cập với cặp đính hôn về hành trình cuộc sống của gia đình trong quá khứ và hiện tại.

Xin được đề nghị những đề tài tham khảo với hai bạn đính hôn.

Phiên họp lần 1: Cuộc sống và Liên Hệ với Gia Đình, cha mẹ và anh em; sinh sống và trưởng thành có gì tốt hay khó khăn; công việc làm và sức khỏe của cha mẹ (family history & upbringing);

Phiên họp lần 2: Học vấn, Đức Tin, Việc Làm, và Thời Gian quen biết nhau; ngày lễ đính hôn có gì đặc biệt (Education, Faith, Career, Courtship);

Phiên họp lần 3: Tính Tình, Tài Chánh, Lý Thuyết Sống, Cách Đàm Thoại (character, finance, commitment, communication) (<http://www.foryourmarriage.org/dating-engaged/must-have-conversations/>).

Để giúp cho người linh mục trong cuộc đàm thoại, các cặp đính hôn có thể lấy những bài tâm lý học: 1. Miễn phí như Personality Audit

(http://www.foryourmarriage.org/wp-content/uploads/Personality_Audit1.pdf) 2. FOCCUS Test (giáo xứ mua để dùng) 3. Trên Mạng (online) cũng có nhiều đề nghị được sự giới thiệu của các địa phận: Catholic marriage prep (<http://www.catholicmarriageprep.com/>), (<http://www.avalonrcdvd.com/>)

Sau những buổi chia sẻ, vị linh mục phải đi đến sự “nhận định và sẵn sàng” (pastoral assessment & readiness) của đôi bạn đính hôn. Hãy đưa ra những đề nghị tổng quát và cụ thể tùy theo hoàn cảnh. Thí dụ, đôi cặp đính hôn cần gặp nhà tâm lý học. Đặc biệt khi quá khứ và hiện tại đôi bạn đính hôn có liên hệ đến việc nghiện ngập rượu hay thuốc (addiction to alcohol or drugs).

Có những hoàn cảnh tế nhị vị linh mục hãy can đảm quyết định hoãn lại việc cử hành bí tích hôn phối...

Có những hoàn cảnh tế nhị (hôn nhân vì mục đích di trú) vị linh mục hãy can đảm quyết định hoãn lại việc cử hành bí tích hôn phối chiếu theo Bộ Giáo Luật 1983 CIC Điều 1077§1.¹²

VAI TRÒ CỦA CẶP HÔN NHÂN TRONG GIÁO XỨ

Người giáo dân chọn ơn gọi “hôn nhân” trong giáo xứ đóng vai trò cố vấn và nhân chứng (mentor & witness) cho đời sống vợ chồng và cha mẹ của gia đình Công Giáo. Ngày nay, do những khả năng chuyên môn và những kinh nghiệm sống hằng ngày của họ, đôi hôn nhân đóng vai trò trợ giúp cho linh mục trong việc chuẩn bị hôn nhân cho các bạn đính hôn. Họ nêu ra được những ví dụ cụ thể (hạnh phúc và khó khăn, thành công và trở ngại - successes and struggles) về những vấn đề hôn nhân và gia đình.

1. THÀNH LẬP BAN CHUẨN BỊ HÔN NHÂN CHO GIÁO XỨ

Về việc chuẩn bị cho bí tích hôn phối qua sự trợ giúp của các bạn hôn nhân từ mục vụ Việt Nam hay Hoa Kỳ và đến các sắc dân ngoại quốc khác, gần như chưa có. Nếu có thì rất ít giáo xứ phát động được điều này. Có lẽ là

¹²Bộ Giáo Luật 1983 Điều 1077§1: “Trong một trường hợp riêng, Bản Quyền sở tại có thể cấm những người thuộc quyền mình hiện cư ngụ bất cứ ở đâu, và tất cả những người hiện đang ở trong lãnh thổ riêng của mình, không được cử hành hôn phối; nhưng sự cấm đoán chỉ có tính cách tạm thời, do một lý do quan trọng và bao lâu lý do ấy kéo dài.”

vì quá bận hay không biết làm cách nào để lập lên mục vụ mới này cho giáo xứ. Xin đề nghị những phương cách sau đây:

- a. Vị linh mục chọn ra từ 5 đến 10 cặp hôn nhân và hướng dẫn họ qua 1-3 phiên họp đề cập đến: mục đích, vai trò, tôn trọng sự chia sẻ kín đáo khi gặp các bạn đính hôn.
- b. Tùy theo học vấn và kinh nghiệm sống của đôi bạn đính hôn, người linh mục giới thiệu trực tiếp đến một cặp trong giáo xứ. Trước khi họ gặp gỡ nhau, người linh mục phải viết tóm tắt lời giới thiệu và lý lịch của cặp đính hôn.
- c. Sự gặp gỡ chỉ cần 1 hay 2 lần. Đôi cặp hôn nhân chia sẻ những kinh nghiệm hằng ngày của “sự chung thủy”, đặc biệt là trong cái nhìn của truyền thống văn hóa về hôn nhân mà các đôi cặp hôn nhân và đính hôn phải đối diện. Đặc biệt, đề tài chia sẻ cũng xoáy mạnh về đời sống thân mật và sinh lý với nhau (intimacy & sensuality) để nuôi dưỡng đời sống hạnh phúc.
- d. Qua những buổi đàm thoại, nếu có điều gì khó khăn hay trắc trở có thể ảnh hưởng đến sự cam kết của đôi bạn đính hôn, đôi hôn nhân nên gặp riêng với vị linh mục phụ trách. Nếu không có gì, đôi hôn nhân không cần viết về sự nhận định hay sẵn sàng của đôi bạn đính hôn.

2. NHỊP CẦU ĐỨC TIN & LIÊN ĐỐI



Một khía cạnh lớn lao khác của việc tham gia của các đôi bạn hôn nhân là họ như những người tạo nhịp cầu đức tin. Là những khuôn mẫu trong hành trình đức tin, họ chứng thực cho đôi bạn đính hôn thấy ý nghĩa như thế nào là hy sinh để tạo dựng nên một gia đình thánh gia mới cho Giáo Hội.

Liên quan đến tính cách dễ gần gũi và không phân biệt giai cấp như vị linh mục, đôi bạn hôn nhân và đôi bạn đính hôn tạo nên được sự thân mật và quen biết như là một phần tử trong giáo xứ. Sự liên đới giúp cho đôi bạn đính hôn chứng kiến được nét đẹp của đời sống gia đình và đời sống của xứ đạo. Qua đó, đôi bạn hôn nhân có thể thường xuyên đồng hành và hướng

dẫn họ để giúp họ trong việc trình bày Giáo Hội như một kiểu kêu mời và phúc âm hóa tha nhân.

Điều rất quan trọng, cánh đồng truyền giáo được thể hiện cách cụ thể qua sự cộng tác của các cặp hôn nhân cho các cặp đính hôn khi mà việc ủng hộ đời sống gia đình của họ bị thiếu sót hay những sự thử thách.

KẾT LUẬN

Qua Thượng Hội Đồng Giám Mục ngoại thường tại Roma: Mục vụ Gia Đình vào cuối năm 2014, một số hội đồng giám mục đã nêu lên những đề mục của chương trình dự bị hôn nhân đã được thay đổi và cấp tiến cho phù hợp với hoàn cảnh của cuộc sống. Tuy nhiên, các hội đồng giám mục cũng đều cảm thấy khi các bạn đính hôn đến giáo xứ xin thủ tục đám cưới thì đã quá trễ vì họ đã chọn ngày cưới (Đoạn 53).

...Nên có những khoản tài chánh dành riêng và thêm cho mỗi năm (increase annual budget) để phát huy những chương trình dự bị hôn phối...

Thượng Hội Đồng Giám Mục ngoại thường tại Roma đã đưa ra những khó khăn mà nhiều gia đình đang gặp phải mà Giáo Hội cần phải quan tâm đến (Đoạn 61-79): (a) Khó khăn qua sự liên hệ đối thoại với nhau (b) Sự đổ vỡ, hành hung, và sự lạm dụng (c) Sự lệ thuộc vào truyền thông qua các trò chơi trên các mạng internet (d) Chiến tranh và di dân (e) Chủ nghĩa tiêu dùng và cá nhân.

Về phương diện của xã hội, Bộ Giáo Dục ở Hoa Kỳ đã quan tâm phổ biến các chương trình cho các lớp trung học (lớp 9-12) chú trọng về sự phát triển sinh lý hay làm cách nào để chống ngừa thai. Còn giáo dục về đời sống gia đình coi như là không có.

Qua những biến cố thay đổi của xã hội và những khó khăn của thời đại, việc chuẩn bị cho bí tích hôn phối và đời sống gia đình cần phải có sự đầu tư lâu dài. Từ Giáo Hội, đến các nhà cầm quyền và các tư nhân thương mại, nên có những khoản tài chánh dành riêng thêm cho mỗi năm để phát

huy những chương trình dự bị hôn phối và huấn luyện nhân đức và hạnh phúc trong đời sống gia đình.

Tại địa phương từ địa phận đến các giáo xứ, giáo dân, đặc biệt những cặp hôn nhân chúng ta không quên được lời mời gọi Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình:

“Người Kitô Giáo trải qua chương trình dự bị hôn nhân là hành trình đức tin. Hành trình này phải được tiếp tục suốt cả cuộc sống của gia đình” (Thượng Hội Đồng Giám Mục về Gia Đình, đoạn 1996 câu 16).

Sự tham gia của đôi bạn hôn nhân vào chương trình chuẩn bị cho bí tích hôn phối tạo nên nhiều kiểu loại chương trình khác nhau từ giáo xứ đến địa phận. Việc chuẩn bị cho sự kết hôn và cho bí tích hôn phối cũng làm phong phú hóa đời sống hôn nhân. Chúng ta tăng cường sức mạnh cho việc giáo dục hôn nhân qua việc tăng cường củng cố ban giáo huấn chuẩn bị hôn nhân, nhờ đó dẫn đến việc củng cố hôn nhân cho các thế hệ tương lai.

Sự tham gia của hàng tu sĩ rất cần thiết để tiếp tục đào sâu những cuộc thảo luận liên quan đến các khó khăn có thể xảy đến trong thời gian chuẩn bị cho bí tích hôn phối hay là trong đời sống hôn nhân sau này. Cho dù mục vụ bạn đến bao nhiêu, vị linh mục không bỏ rơi được sự gặp gỡ với các bạn đính hôn. Sự gặp gỡ không thể rời rạc cho qua, nhưng phải giúp các bạn đính hôn nhìn thực tế sự liên hệ hay xung khắc với nhau. Một phần nào đó, vị linh mục là chiếc cầu đức tin giúp cho đôi bạn đính hôn đạt được lời cam kết của bí tích hôn phối.

Ước mong từ những cố gắng trong việc chuẩn bị tốt cho hôn nhân, chúng ta sẽ tạo nên được những mái ấm gia đình hạnh phúc. Mong rằng trong tương lai, Đức Giáo Hoàng Phanxicô và các địa phận sẽ quan tâm phổ biến các chương trình giáo dục trong các lớp trung học Công Giáo (Catholic high school) và các chương trình giáo lý của giáo xứ với chủ đề hôn nhân và gia đình.



Hành trình để nói lên hai chữ “Thưa Có” (I do) trên đôi môi phải được ghi sâu vào con tim của đôi tân hôn và thấu hiểu được trong trí tuệ của họ.



Linh mục Gioan Baotixita Nguyễn Quang Trục, J.C.L, thuộc Tổng Giáo Phận Los Angeles, California, hiện là đại diện tư pháp cho tòa án (Judicial vicar), là linh mục chánh xứ nhà thờ Cathedral Chapel of St. Vibiana, đã hoàn tất chương trình giáo luật tại Giáo Hoàng Học Viện St. Paul University, Ottawa, (Canada) 2006.

CHƯƠNG VI

LINH ĐẠO CÔNG GIÁO

CUNG THÁNH TẠI GIA CỦA GIÁO HỘI ¹

Lm . Phaolô Nguyễn Luật Khoa, OFM

1. Dẫn nhập

Hầu như những bài đọc hoặc các bài giảng trong thánh lễ Hôn phối Công giáo đều chọn thư của thánh Phaolô gửi cho cộng đoàn Êphêsô. Trong thư ấy có một đoạn văn nổi cộm do thánh Phaolô dạy về ý nghĩa bí tích hôn phối, Êphêsô 5:31-32. Đoạn văn này trích lại trình thuật sáng tạo, vốn nói về Adam và Evà trong Sáng thế 2:24 tiếp nối ý tưởng về tính bất khả phân ly trong hôn nhân Kitô giáo: “Chính vì thế, người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt.” Kèm theo với trích dẫn Cựu Ước, thánh Phaolô còn thêm vào một nhận định thần học khá quan trọng trong hôn nhân Kitô giáo: “*Mysterion, Mầu nhiệm* này thật là cao cả. Tôi muốn nói về Đức Kitô và Hội thánh.”²

¹ Cụm từ này được chuyển dịch từ “Domestic Sanctuary of the Church” trong số 11 của *Apostolicam Actuositatem*. Trong số này, Giáo hội nhấn mạnh đến tầm quan trọng cơ yếu của gia đình khi so sánh gia đình với xã hội và dạy về gia đình như “khởi đầu và nền tảng của xã hội loài người” và còn là “tế bào sinh tồn chính yếu của xã hội.” Chính giảng dạy này lột tả lên tầm cơ yếu của gia đình đối với gia đình nhân loại nói chung và từng xã hội địa phương nói riêng. Austin Flannery, O.P. biên soạn, *Vatican II*, (NY: Costello Publishing Company, 1996), vol. 1, 779. George Crespy, Paul Evdokimov và Christian Duquoc, *Mariage and Christian Tradition*, (Techny, Illinois: Divine Word Publication, 1968), Sister Agnes Cunningham dịch thuật, 85-87. Paul Evdokimov nghiên cứu hạn từ này cho thấy chính Titus Flavius Clemens (150-215) được người Kitô biết đến như Clement thành Alexandria đã gọi gia đình Kitô là “Nhà của Chúa” vì theo các Giáo phụ “nơi nào có sự hiện diện của Đức Kitô, nơi đó có Giáo Hội.” Chính thánh Phaolô đã nói đến “giáo hội tại gia” và thánh John Chrysostom cũng dùng cụm từ “giáo hội thu nhỏ” để làm sáng tỏ mối kết giữa Giáo hội hoàn vũ với gia đình Kitô vì trong các gia đình Kitô thời ấy, họ đã “thức dậy thật từ sớm, quỳ gối và cầu nguyện.” Gia đình của họ trở thành một nhà nguyện, một thánh đường. “Giáo hội tại gia nhỏ bé” tiếp tục giá trị theo hướng ấy khi sáng tối họ đứng trước mặt Thiên Chúa.

² Joseph Ratzinger, *Theology of the Liturgy: The Sacramental Foundation of Christian Existence* (San Francisco: Ignatius Press, 2014), 176.

Khi thánh Phaolô dùng lại hạn từ *mysterion*, màu nhiệm như ngài đã dùng trong các đoạn 1:9, 3:3, 9 và 6:19, chính hôn nhân Kitô giáo mặc lấy một ý nghĩa mặc khải hoàn toàn khác biệt với mọi hôn nhân thuộc các tôn giáo và dân tộc khác trên thế giới. Giờ đây, hôn nhân Kitô giáo không chỉ là một sự hiệp nhất giữa một người nam và một người nữ, nhưng còn sâu xa hơn, cơ bản và nội tại hơn một hiệp nhất trần thế xác thể, hôn nhân Kitô giáo là một ơn gọi phản ánh lại màu nhiệm Đức Kitô hiệp nhất với Hội thánh. Thần học gia Edward Schillebeeckx nhận định theo *logion* Nhất lãm đã viết như sau: “Hôn nhân có nghĩa là thánh hiến cuộc đời cho một con người khác.”³ Đức Bênêđictô XVI còn lý luận sâu sắc hơn bộc lộ ý nghĩa sâu xa của hạn từ màu nhiệm trong hôn nhân Kitô giáo như sau khi cho thấy tính nổi kết nội tại trong hôn nhân Kitô giữa màu nhiệm với thực tại gia đình Kitô như sau:

Đức Giêsu là *mysterion*..... : Câu này nói về Đức Kitô và Hội thánh, trong đó, giờ đây không chỉ nói về Israel nhưng còn về toàn thể nhân loại được đem vào trong hiệp nhất tình yêu vốn dẫn đến một hòa trộn bất khả phân ly vào trong một cuộc đời duy nhất... Nhưng đúng ra, vào trong một *thực tại* của sáng tạo: Hôn nhân – sự hiệp nhất giữa người nam và người nữ trong một cộng thể hôn nhân. Biến cố sáng tạo này được Kinh thánh bao gồm và như Kinh thánh cho thấy, biến cố ấy có tính *mysterium* riêng của nó và mang trong chính nó dấu ấn tính trong sáng mang tính Kitô học.⁴

Như thế, ngay trong chính hôn nhân Kitô giáo dù thông thường ta chỉ nhận ra một thực tại giữa hai cá nhân nam nữ cùng với con cái của họ, cùng với chuyện “com áo gạo tiền” hằng ngày, cùng với những thăng trầm vui buồn lẫn lộn rất dễ nhận ra, hôn nhân Kitô còn ẩn chứa một thực tại khác sâu xa hơn mọi thực tại trần gian, và thực tại này còn là nền tảng cho mọi thực tại. Người Kitô gọi thực tại uyên nguyên và chính yếu này là *mysterion*, *màu nhiệm*. Một khi thực tại màu nhiệm giữa “Đức Kitô và Hội thánh” lu mờ dần trong gia đình và hôn nhân Kitô, khi ấy gia đình Kitô đánh mất đi căn tính đức tin của nó.

³ Edward Schillebeeckx, *Marriage: Human Reality and Saving Mystery*, (London: Sheed and Ward, 1978), do N. D. Smith biên dịch, 207.

⁴ *Theology of the Liturgy*, *ibid.*, 176.

Các thống kê về gia đình hiện nay cho thấy rõ thực tại màu nhiệm hiệp nhất giữa Đức Kitô với Hội thánh trong hôn nhân Kitô giáo hiện nay đang “nhường chỗ” cho các trào lưu như tương đối hóa, tiêu thụ, duy tính dục, tự do cá nhân, duy mỹ, duy vật, v.v...⁵ Chính các trào lưu này đang dần “thuần hóa” gia đình Kitô giáo trở nên “đồng thuận” với mọi gia đình khác trên thế giới thành một thực tại hôn nhân phi bí tích và vô màu nhiệm. Gia đình nào theo tôn giáo nào cũng giống như nhau cả. Đau buồn thay, ngày nay còn gì khác biệt giữa các gia đình ngoại trừ chủng tộc, tài chánh, văn hóa, ngôn ngữ, giáo dục và chính trị!

Một khi tính *sacramentum* và *mysterion* trong hôn nhân Kitô giáo biến mất dần theo chân trời cá nhân chủ nghĩa, ly dị, ly hôn, tái hôn, hoặc sống chung với nhau nhưng không hôn thú trở thành một thảm trạng xã hội mang tính toàn cầu, khi ấy đức tin Kitô đi “thụt lùi” ra cửa sau để nhường chỗ cho các loại hình khoa học kỹ thuật hiên ngang đi vào cửa trước trong hôn nhân và gia đình Kitô giáo như hiện nay ta vẫn thường nhận ra tại không gian chính diện trong các gia đình. Hồng y Scola nhấn mạnh về ý nghĩa của màu nhiệm: “Hạn từ ‘màu nhiệm’ cho thấy trong việc tập hợp các dữ kiện, một cách nào đó, vô hạn tự hiện diện trong kinh nghiệm thân tình nhất của cái ‘tôi.’ Vì thế, bản chất của màu nhiệm hiện diện cả trong kinh nghiệm hôn nhân...”⁶

⁵ Carlos Granados biên soạn, *The Hope of the Family: Dialogue with Gerhard Cardinal Müller*, (San Francisco: Ignatius Press, 2014), Michael Miller chuyển dịch, 15-20. *Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội trong Thế Giới Ngày Nay* số 47. Pope John Paul II, *Familiaris Consortio, The Role of the Christian Family in the Modern World*, (Boston, MA: St. Paul Editions, 1981), số 6. Angelo Cardinal Scola. *The Nuptial Mystery*. (Grand Rapids, Michigan: William Eerdmans Publishing Company, 2005). Trans. by Michelle Borrás. Trong hai chương 7 và 8, Hồng y Scola lên án hai chủ nghĩa, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa khoa học kỹ thuật hiện đang phân hóa gia đình và con người. Ngài nói “khi nào đời sống con người không còn quyền thánh thiêng và bất khả xâm phạm nữa, nhưng chỉ còn là một món hàng tiêu thụ vốn được định giá dựa theo tính hữu dụng hoặc thu giã, ‘nền văn hóa chết’ triển khai và đe dọa cả con người lẫn nền văn minh. Mẫu số đơn độc của ‘phẩm chất cuộc đời’ trở thành chuẩn vật chất. Đau khổ trở nên vô dụng, hy sinh cho tha nhân không còn chính đáng nữa, và thai nhi trong bào thai của người mẹ trở thành gánh nặng phải vất đi không thương tiếc.” 169 và đặc biệt từ 141-170. Qua tham cứu quan trọng về thần học gia đình, Hồng Y Scola cung cấp cho ta một tầm nhìn bao quát về những gì Giáo hội muốn chia sẻ với ta về gia đình.

⁶ *The Nuptial Mystery*, *ibid.*, 85.

Từ thăm trạng nhân học ấy, tham cứu mang tính thần học và tu đức này muốn tái xây dựng lại một mô hình hôn nhân và gia đình Kitô nhất là cho gia đình Việt Nam đang sinh sống tại Hoa kỳ. Một loại hình gia đình Công giáo với bản sắc văn hóa Việt Nam đã tri ân xã hội Mỹ quốc với hơn 1.000 linh mục và hàng ngàn tu sĩ nam nữ chỉ sau hơn ba thập niên năm định cư tại quốc gia này. Có lẽ chưa có một bản sắc văn hóa nào tri ân một nền văn hóa khác bằng mâu nhiệm ơn gọi linh mục tu sĩ hơn bản sắc văn hóa Việt Nam trong một thời gian chỉ hơn 39 năm. Mô hình hôn nhân và gia đình Công giáo Việt nam tiếp tục phản ánh tính mâu nhiệm Kitô, dù tiềm ẩn, nhưng vẫn có thể nhận ra qua các thống kê của CARA.⁷

Mô hình thần học và Kinh thánh này đề nghị gia đình Kitô “vun trồng” lại, ý thức lại, và sống tính *sacramentum* và *mysterion* ngay trong gia đình của mình. Mô hình này được xây dựng trên nền tảng Thánh Gia như một mẫu gương và hải đăng để sống “hạt cải đức tin” chống lại các trào lưu đương đại vốn muốn biến gia đình thành một xã hội tiêu thụ thu nhỏ vốn chỉ nhận ra những gì trước mắt, quá thực tế và thực dụng đến nỗi đã hy sinh luôn tính *mysterion* và *sacramentum* trong hôn nhân Kitô.

Tham cứu thần học này được chia thành bốn phần. 1) Ý nghĩa cơ yếu của cung thánh; 2) Mô hình Thánh Gia; 3) “Cung thánh tại gia” và 4) Ngày Chúa Nhật và Cung thánh tại gia.

2. Cung Thánh

Thông thường tất cả mọi tôn giáo trên thế giới như đình, chùa, đền thờ, hoặc nhà thờ đều có một nơi dành riêng cho việc tế tự và thờ phượng. Bên trong nơi dành riêng cho việc thờ phượng, con người luôn luôn dành riêng một không gian chính diện để dành cho công việc tế tự. Ngoài công việc tế tự và thờ phượng tại không gian thánh này, không một hoạt động nào được xảy tại nơi đây vì theo mọi tôn giáo trên thế giới, không gian chính diện này “được dành riêng” cho Đấng Thánh, cho nên không gian này cực kỳ thánh thiêng.

⁷ Qua các thống kê hằng năm, trang web của Đại học Georgetown, cara.georgetown.edu, nghiên cứu phản ánh nhiều đóng góp cực kỳ quan trọng của bản sắc văn hóa Việt Nam cho quốc gia USA về con số ơn gọi linh mục tu sĩ.

Đối với người Công giáo, không gian dành riêng này được gọi là cung thánh. Cho dù ngôi thánh đường Công giáo có thể là một nhà thờ chính tòa nguy nga lộng lẫy, một vương cung thánh đường thật hoành tráng hoặc một ngôi nhà nguyện “mái dột tường hở” ở nơi vùng xa vùng xôi, cho dù ngôi thánh đường ấy là nhà thờ xứ hoặc một tu viện kín, tất cả đều dành riêng không gian chính diện làm cung thánh. Dù khác biệt rất nhiều về địa hình địa thế, nhưng không một thánh đường Công giáo lại nào không dành riêng chính diện làm cung thánh. Chính vì thế, cung thánh là “nơi” thờ phượng Thiên Chúa duy nhất và không cho phép bất cứ một loại hình hoạt động nào khác ngoại trừ Thánh Thể được xảy ra tại đây dưới bất cứ một lý do nào.

Trong không gian thánh hoặc cung thánh này, hầu như mọi vật thể hiện diện trong không gian này đều được người Công giáo Việt Nam thêm vào một hạn từ khác là hạn từ “thánh” như khăn thánh, chén thánh, bàn thánh, bánh thánh, ...kinh thánh, thánh truyền, thánh tích, thánh giá... Không những vật thể được thêm vào hạn từ “thánh” nhưng đa phần, những cá nhân nào tham dự vào những hoạt động trên cung thánh cũng được người Công giáo Việt Nam ghép cho một thực tại khác như “chức thánh” cho dù hạn từ “chức” có phần giới hạn vì hạn từ này chỉ mang tính hiện tượng luận hơn là bản thể học, cho nên hạn từ ấy chỉ lột tả lên tính “chức năng” hơn là tính bản thể của những cá nhân đang thực hiện các công việc tế tự trên cung thánh.

Thần học gia Kinh thánh Joseph Atkison phân tích về tính thánh thiêng trong Cựu Ước làm sáng tỏ các hạn từ ghép của người Công giáo Việt Nam. Ông viết:

Trong Cựu Ước, Thiên Chúa chọn các tạo vật vì những lý do đặc thù và đặt để chúng ra bên ngoài, làm cho chúng thành các dấu chấm phá về Hiện Diện của Người bên trong công trình sáng tạo. Người làm cho chúng nên thánh bằng cách định hướng chúng về chính Người. Điều này bao gồm nhiều yếu tố khác nhau trong lãnh vực kinh nghiệm người như a) thời gian (ngày sabát và các lễ hội); b) các lãnh vực địa lý (đồi núi, nơi thánh, đất); các đơn vị xã hội (quốc gia, dân tộc, và gia

đình); d) thân thể (con đầu lòng); e) các vật thể (các đồ dùng trong Đền thờ).⁸

John Gammie đồng ý với Joseph Atkinson trong phân tích cách chi tiết về hiện tượng thánh trong Cựu Ước khi thần học gia này luận bàn về Nhà Tạm, ngày Sabát, cá nhân và dân tộc thánh, và hành vi thánh.⁹

Người Công giáo Việt nam cũng dành riêng các vật thể được sử dụng trong Cung thánh với ý thức thánh thiêng. Yếu tố trần thế của các vật thể này được “lồng vào” tính thánh thiêng vì các vật thể này chỉ được “dành riêng” cho công việc tế tự mà thôi.¹⁰ Các vật thể trên cung thánh và cả không gian chính diện, cung thánh, chỉ được dùng cho việc thờ phượng Thiên Chúa mà thôi. Khía cạnh thường ngày trần thế của các vật thể này nhường bước cho tính thánh thiêng vì các vật thể này được “đề qua một bên” để “chia sẻ” tính thánh thiêng của Thiên Chúa.¹¹ Không gian chính diện được dành riêng cho Thiên Chúa chứ không để cho một hoạt động “thư giãn mua vui” nào cả cho con người.

Để có thể nắm bắt được ý nghĩa sâu xa về gia đình và hôn nhân Kitô mang tính *sacramentum* và *mysterion* mà Giáo Hội Công giáo muốn so sánh trong cụm từ “Cung thánh tại gia của Giáo Hội,” ta cần đào sâu ý nghĩa hạn từ “thánh” là gì? Đây là sự khác biệt giữa các vật thể mang tính “thánh” với các vật thể khác không thể nào là thánh? Phải chăng những hành vi đang xảy ra trên cung thánh đều là thánh? Và những cá nhân nào đang cử hành các hành vi này tại cung thánh cũng là con người thánh? Làm thế nào để phân biệt giữa một hành vi thánh, hiện diện thánh, và trở nên thánh ngay tại cung thánh? Dựa vào chuẩn mực nào để ta có thể gán cho một vật thể là thánh, một cá nhân thánh, và một hành vi thánh? Tóm lại, một gia đình Kitô nào có

⁸ Joseph Atkinson, *Biblical & Theological Foundations of the Family: The Domestic Church*, (Washington, D.C.: CUA Press, 2014), 136. Thần học gia Kinh thánh Joseph Atkinson hiện đang dạy môn Kinh thánh tại Viện Gioan Phaolô II, CUA. Tôi tri ân sâu xa Joseph Atkinson vì chính cuốn sách nghiên cứu sâu xa về gia đình Do thái và Kitô này đã trở thành cơ sở cho tham cứu của tôi. Sự liên kết giữa Cựu Ước với Tân Ước, giữa Do thái Giáo với Kitô giáo biến thành viên đá tảng cho giáo hội tại gia chuyển tải Ôn Chúa vì chính gia đình Do thái cũng đã sống căn tính Giao Ước như chính gia đình Kitô sống mẫu nhiệm.

⁹ John Gammie, *Holiness in Israel* (Minneapolis: Fortress Press, 1989), 9-41.

¹⁰ *Holiness in Israel*, *ibid.*, 9-12.

¹¹ *Biblical & Theological Foundations of the Family: The Domestic Church*, *ibid.*, 136.

thể là một gia đình thánh đang chuyển tải Ôn Chúa, và gia đình nào không thể là thánh?

Từ nhận thức về ý nghĩa của hạn từ thánh, ta bước dần đến gia đình và hôn nhân Kitô để so sánh và lượng định xem phải chăng đề nghị của Giáo hội về gia đình và hôn nhân Kitô vẫn còn là một “cung thánh tại gia của Giáo Hội”?

a. Bản thể về tính Thánh¹²

Trước khi luận cứu về “cung thánh tại gia,” ta tìm hiểu về bản thể của tính thánh là gì vì có sự khác biệt tận căn giữa hiện hữu thánh, trở nên thánh, và làm những công việc mang tính thánh thiêng.

Từ điển Oxford đưa ra định nghĩa thánh như là “phẩm chất của hiện hữu thánh.”¹³ Định nghĩa này cung cấp hai khái niệm, phẩm chất và hiện hữu thánh. Nhưng chính định nghĩa này lại gây ra thêm nhiều câu hỏi hơn là đưa ra một câu trả lời cách minh bạch. Phẩm chất nào? Phẩm chất của ai hoặc sự vật nào? Và hiện hữu thánh là hiện hữu nào?

Thần học gia Alister McGrath đưa ra một giải thích khá quan trọng về bản thể của thánh là gì.¹⁴ Thần học gia này nhận định rằng hạn từ “thánh” liên quan đến “đạo đức,” đến “thánh thiêng” hoặc “sự thanh khiết.” Trong Do thái, thuật ngữ *kadad* lột tả ý nghĩa sâu xa của bản thể thánh. Thuật ngữ này có nghĩa là “sự chia cắt” hoặc “đặt để qua một bên.” Ý nghĩa này được Tân Ước nhấn mạnh khá rõ trong khái niệm “thánh” vốn làm thành cơ sở nền tảng cho hướng đi hiến dâng. McGrath cho rằng “thánh có nghĩa là được để qua một bên và hiến dâng phục vụ Thiên Chúa.”¹⁵ Như thế, việc dành để ra một bên như không gian chính diện và như các vật thể trên cung thánh cấu thành một thực tại thánh thiêng.

Trong Cựu Ước, ta nhận ra khá nhiều nhân vật tiên trung, *typos*, đã được Thiên Chúa dành để qua một bên như Abraham, Môsê, Isaac... Họ là

¹² Colin Brown biên soạn, “Hagios,” *The New International Dictionary of New Testament Theology*, (Michigan: Zondervan Publishing House, 1971), vol. 2, 223-238.

¹³ *The Oxford English Dictionary*, (Oxford: Clarendon Press, 1991), vol. VII, second edition, 307.

¹⁴ Alister McGrath, *Christian Theology: An Introduction*, (Malden, MA: Blackwell Publishers Inc., 2001).

¹⁵ *Christian Theology: An Introduction*, *ibid.*, 499.

những cá nhân được “đề qua một bên” để hiến dâng chính cuộc đời của họ cho việc phục vụ Thiên Chúa. Chính vì thế, “phẩm chất của hiện hữu thánh” luôn hàm chứa việc được chọn “đề ra một bên” cho việc thờ phượng Thiên Chúa. Phải chăng “cung thánh tại gia” cũng được “chọn lựa đề qua một bên” cho việc thờ phượng Thiên Chúa ngay tại trong gia đình Do thái-Kitô như thánh Gioan Chrysostom dạy về “giáo hội tại gia thu nhỏ” ngay từ bình minh lịch sử Giáo hội?

Karl Valdimir Truhlar công hiến ý nghĩa của bản thể thánh khi thần học gia này nối kết với Thiên Chúa qua nhận định cho rằng “nguồn gốc tối hậu của mọi thánh thiêng là sự thánh thiện của Thiên Chúa, nơi đó, Người là “Toàn Bộ Đáng Khác”.... . Chính Thiên Chúa truyền đạt cho con người. Qua ân sủng, Người lôi kéo con người vào trong cuộc đời cá thể của riêng Người, và ban chính Người Như Đáng Thánh.”¹⁶ Khi Thiên Chúa lôi kéo những cá nhân như Abraham và Môsê trong Cựu Ước ra khỏi đời sống thường ngày và muốn họ thực hiện một sứ mệnh cao cả của Người, chính Thiên Chúa, Đáng Thánh, cũng ban cho họ ân sủng được tham dự vào trong Cuộc Đời của Người, vào “nguồn tối hậu của mọi thánh thiêng.” Họ được trở nên thánh vì thực hiện sứ vụ của Đáng Thánh giao cho họ.

J. Lachowski tán đồng với Truhlar khi làm sáng tỏ thuật ngữ này qua nhận định cho rằng “ý nghĩa sâu xa của thánh thiêng thuộc về riêng của Thiên Chúa, sự tuyệt đối thánh thiêng bao gồm trong “tính Đáng Khác” của Người hoặc sự siêu việt phi sáng tạo của Người và tính cao quý của Người, một ý nghĩa liên quan đến vinh quang của Người.” Ông tiếp tục ý tưởng này khi cho rằng “tính toàn năng vô hạn của Người tự chiếu tỏa ra bên ngoài trong vinh quang.”¹⁷ Vinh quang ấy phản ánh qua cuộc đời của các trung gian được Thiên Chúa kêu mời sống sứ vụ Người trao ban. Lachowski tiếp tục

Thánh thiện là việc tham dự vào trong việc Thiên Chúa tự tỏ lộ Người ra. Trong con người, thánh thiện là ân sủng ban cho để cho con người

¹⁶ Karl Valdimir Truhlar, *Encyclopedia of Theology: The Concise Sacramentum Mundi*, Karl Rahner biên soạn (New York: The Seabury Press, 1975), 635-639.

¹⁷ J. Lachowski, *The New Catholic Encyclopedia* (Gale Publisher, 2000), Berard Marthaler biên soạn, bộ 7, 2-4.

lắng nghe Thiên Chúa và dẫn thân cho Người, bất cứ nơi nào con người nghe được lời kêu mời của Người.¹⁸

Như thế khi nào Thiên Chúa “đặt để” một cá nhân ra bên cạnh và khi nào họ tự hiến chính họ để phục vụ cho Thiên Chúa, chính hai hành động này, một phát xuất từ Thiên Chúa như lời mời gọi trước tiên, và một lời đáp trả từ con người cách tự do để tự hiến dâng, làm cho con người có khả năng tham dự vào trong sự tự thông ban của Thiên Chúa. Chính đây là thời điểm mà Lachowski gọi là “ân sủng ban cho để lắng nghe Thiên Chúa.” Không có ân sủng thông ban này, khả năng lắng nghe của con người chỉ dừng lại ở hiện tượng “mắt thấy, tai nghe, tay sờ” chứ không có khả năng kinh nghiệm thực tại *sacramentum* và *mysterion*.

Nhưng tự sức con người họ lại không thể nào đạt tới sự thánh thiêng của Thiên Chúa vì sự thánh thiêng vượt ra khỏi mọi tạo vật và vì “phẩm chất của hiện hữu thánh” hoàn toàn hệ tại vào Thiên Chúa, cho nên, con người phải trở lại cùng Đức Giêsu thành Nadarét vì Ngài là Nguồn mọi thánh thiêng.

Trong Đức Giêsu Kitô, thực tại ngôi hiệp cực kỳ nổi cộm lộ tả lên sự tham dự cách tuyệt đối vào Đấng Thánh. Thực tại ngôi hiệp giữa thần tính và nhân tính trong cuộc đời trần thế của Đức Giêsu thành Nadarét trở nên điểm khởi động và cùng đích cho sự thánh thiêng của con người. Thomas Merton đóng góp tư tưởng chủ đạo trong việc nên thánh qua ngôi hiệp như sau:

Thánh thiện mang tính Kitô không đơn thuần chỉ là vấn đề sự hoàn thiện mang tính đạo đức. Thánh thiện Kitô bao gồm mọi nhân đức, nhưng còn hiển nhiên hơn mọi nhân đức gộp chung lại với nhau. Thánh thiện không chỉ bao gồm trong các công việc tốt lành hoặc cả những hành động mang tính đạo đức anh hùng, nhưng trước tiên, thánh thiêng bao gồm trong hiệp nhất bản thể luận với Thiên Chúa trong “Đức Kitô.”¹⁹

¹⁸ *The New Catholic Encyclopedia*, *ibid.*, 637.

¹⁹ Thomas Merton, *Life & Holiness*, (Mansfield Centre, CT: Martino Publishing, 2013), 70-74.

Như thế, chính việc tham dự vào trong hiệp nhất bản thể luận với Thiên Chúa trong Đức Kitô làm cho con người có khả năng chia sẻ tính thánh thiêng. Vì như con người đang trong tiến trình trở nên để nhận lãnh “phẩm chất của hiện hữu thánh” bằng cách tham dự vào trong cuộc đời của Đức Giêsu Kitô, vốn là Ngôi Hiệp, vì con người có khả năng *capax Dei* (khả năng đón nhận Thiên Chúa) và có khả năng chia sẻ sự Thánh thiêng của Ngôi Hiệp. Nghĩa là, chia sẻ chính Hiện Hữu Thánh của Ngôi Hiệp. Hồng Y Scola xác nhận sự chia sẻ tính thánh này trong đời sống gia đình khi nhắc lại cuộc trò chuyện giữa hai vợ chồng triết gia Jean Guilton khi đưa ra câu hỏi tại sao vợ chồng lại tiếp tục yêu thương và sống chung với nhau sau hôn nhân. Người vợ là Marie-Louise nhận định về tình yêu gia đình như sau. “Tình yêu trong hôn nhân liên quan đến thời gian và vĩnh cửu. Một mặt, tình yêu trong hôn nhân tỏ lộ tâm hồn có “khả năng” vĩnh cửu. Và mặt khác, vĩnh cửu tự liên hệ với con người. Theo nghĩa này, tình yêu [trong hôn nhân] là cuộc hội ngộ giữa vĩnh cửu với thời gian.”²⁰

Trong Ba Ngôi, thánh Augúttinô thẩm định như sau. “Con người không chỉ là một cá nhân nào đó được cứu rỗi; nhưng con người được kêu mời để được cứu rỗi –trong Đức Kitô, Đấng Cứu thế vì Ngài là *capax Dei* và *capax infiniti*.” Thánh Augúttinô tiếp “tâm trí là hình ảnh của Thiên Chúa, trong tâm trí này có khả năng cho Người và là con người chia sẻ Người.”²¹

Là con người, ta cũng có khả năng *capax infiniti* như Đức Giêsu Kitô.²² Sự vô hạn này hiện diện trong cuộc đời ta cùng với khả năng từ chối khả năng vô hạn này, *simul justus et peccator*. Ta vừa đang trong tiến trình trở nên thánh nhân và hiện tại, ta cũng vừa là tội nhân. Cả hai thực tại này trở thành một “cuộc chiến” không có hồi kết cho đến khi ta được “nghỉ ngơi” trong Đấng Thánh như thánh Augúttinô đã cảm nhận.

Ta có khả năng nhận lãnh “phẩm chất của hiện hữu thánh” bằng cách tham dự vào trong cuộc đời của Đức Giêsu thành Nadarét và cụ thể hơn nữa, Thánh gia mà ta sẽ trở lại trong phần sau để thẩm định lý do tại sao một gia đình nhân loại tại Nadarét lại có khả năng *capax Dei* và *capax Infiniti* như

²⁰ *The Nuptial Mystery*, ibid., 86.

²¹ Augustine, *De Trinitate* XVI, 8.11.

²² Edward Oakes, S.J., *Infinity Dwindled to Infancy: A Catholic and Evangelical Christology*, (Grand Rapids, Michigan: William Eerdmans Publishing Company, 2011).

thể để chia sẻ Ôn Chúa cho nhân loại. Qua cách sống như thế nào, một gia đình nhân loại lại trở nên “cung thánh” chuyển tải Ôn Chúa không chỉ cho một dân tội địa phương vùng Địa Trung Hải, nhưng còn cho cả thế gian, thời ấy và cho đến muôn đời?

b. Kinh Nguyện Thánh Thể

Trong toàn bộ Thánh lễ, ta nghe điệp khúc “thánh” nhắc đi nhắc lại đến 24 lần. *Sancti* (6), *sanctos*, *sanctus* (5), *sancto* (3), *sanctum* (3), *sanctam*, *sancta* (3), *sanctorum*, *sanctas* và *sanctis*. Tất cả những hạn từ La tinh này đều được chuyển dịch qua tiếng Việt là thánh.

Thứ nhất, trong kinh Vinh Danh, ta nghe tiếng vang vọng âm thanh hòa lẫn giữa trời với đất như sau: “*Tu solus Sanctus. Tu solus Dominus. Tu solus Altissimus.*” Cả ba danh xưng “Đấng Thánh, Đức Chúa, và Đấng Tối Cao” đều hướng về Thiên Chúa duy nhất. Chính Người là Nguồn, là Nội Dung, và là Trung Gian cho mọi thánh thiện trần gian.

Trong Kinh nguyện Thánh Thể thứ ba, vị chủ tế đại diện cho cộng đoàn Công giáo lại cầu nguyện như sau: “Lạy Chúa, Chúa thật là **Đấng Thánh**,...” Hạn từ “thánh” trong Kinh Nguyện Thánh Thể thứ ba được viết hoa cùng với hạn từ “Đấng.” Chính “Đấng Thánh” là phẩm chất cho sự hiện hữu thánh (viết thường).

Trong tham cứu thần học chuyên sâu gần đây nhất về *Mầu nhiệm Giáo Hội*, linh mục Benoit-Dominique de La Soujeolo, OP đã phân biệt các thực tại thánh trong Thánh lễ như sau. “Các ân huệ thánh của Thiên Chúa cho dân thánh của Thiên Chúa, *sancta santis.*”²³ Ngài nghiên cứu hạn từ *communio sanctorum* theo ngôn ngữ học, vì trong đó *sanctorum* là số nhiều sở hữu cách của cả hai, *sancti* (những con người thánh), hoặc *sancta* (các vật thể thánh). Phân tích mang tính ngôn ngữ này giúp làm sáng tỏ các thực tại thánh, *sancta*, như các bí tích, giảng dạy về chân lý của Giáo hội, *sana doctrine*. Và *sancti* có nghĩa là những ai nhận lãnh *sancta*, và vì *sancta* là “các thực tại thánh,” cho nên, chính *sancta* thánh hóa những cá nhân nào lãnh nhận *sancta*. Hành vi tự nguyện lãnh nhận *sancta* biến cá nhân họ trở nên *sancti*. Linh mục La Soujeole xác nhận rằng “việc thông hiệp vào trong

²³ *Biblical & Theological Foundations of the Family*, ibid., 555-558.

sancta... là một loại hình diễn đạt về Giáo hội.”²⁴ Ngài định nghĩa Giáo hội là “một cộng thể được hình thành do những ai cùng đồng quy về *sancta* để được trở nên *sancti*.” Cuối cùng, trên cùng một tư duy, ngài cho rằng cộng đoàn các thánh là cộng đoàn của những ai đã nhận lãnh *sancta*, và biến đổi cuộc đời của họ cho phù hợp với Đức Kitô trong đức tin, đức cậy và lòng mến.

Khi được thông phần với *sancta*, con người được trở nên *sancti*, và càng tiến bộ trong tính thánh này, con người càng tham dự vào trong *sancta*. Có một tương quan hỗ tương giữa hai thuật ngữ này: *Sancta* sinh ra *sancti*, và sự lớn mạnh của *sancti* đòi hỏi việc nhận lãnh *sancta*.²⁵

Cũng thế, khi đề cập đến Cộng đoàn các Thánh, Giáo lý Công giáo số 948 phân biệt hai thuật ngữ trên cách rõ ràng như sau “cả hai có ý nghĩa nối kết chặt chẽ với nhau: Hiệp thông trong các vật thể thánh, *sancta*,” và “giữa những con người thánh, *sancti*.”

Joseph Ratzinger bạch hóa tư tưởng thánh thiêng như sau. “Thánh thiện trong từng cá nhân Kitô duy nhất và luôn luôn là sự chia sẻ sự Thánh Duy nhất Của Đức Giêsu Kitô, vì qua công trình cứu độ của Ngài, từng thành viên trong Dân Chúa được mời gọi ... và công chính trong Chúa Giêsu.”²⁶

Phụng vụ của Giáo hội Đông phương còn vạch rõ hơn nữa về hai thuật ngữ này. Trong khi các Hồng Ân Thánh được nâng cao lên trước khi rước lễ, vị chủ tế công bố “*Sancta sanctis!* Hồng Ân Thánh của Thiên Chúa cho dân thánh của Thiên Chúa. Người tín hữu, *sancti*, được Mình Máu Thánh của Chúa Kitô, *sancta*, nuôi dưỡng để lớn lên trong hiệp thông với Chúa Thánh Thần, *koinonia*, và hiệp thông sự thánh thiêng này cho trần gian.”

Như thế, để cá nhân con người có khả năng nhận lãnh “phẩm chất thánh” và để có thể “hiện diện thánh,” họ phải nhận lãnh *sancta*, vì đối với người Kitô, *sancta* là Mình Máu Cực Thánh. Cho nên “bản thể của thánh là

²⁴ *Biblical & Theological Foundations of the Family*, *ibid.*, 556.

²⁵ *Biblical & Theological Foundations of the Family*, *ibid.*, 557.

²⁶ Maximilian Heinrich Heim. *Joseph Ratzinger: Life in the Church and Living Theology, Fundamentals of Ecclesiology with Reference to Lumen Gentium*. (San Francisco: Ignatius Press, 2005). Trans. by Michael Miller, 101-102.

sự hiệp thông linh thiêng với *sancta*. Chính Chúa mạc khải Người ra trong các Thực Tại thánh, mà theo người Kitô, họ gọi là các Bí tích, *Sancta*.”

Khi nào sự hiện diện bí tích này thiếu vắng trong gia đình và hôn nhân Kitô, khi ấy những thảm trạng như “cân đo đong đếm,” “quy ra thóc,” tiện dụng và tiện nghi, “cái tôi” chắc chắn sẽ tha hóa và tiêu hóa cung thánh tại gia của Giáo hội. Chính khi ấy tính mâu nhiệm và thực tại hiệp nhất giữa Đức Kitô với Hội thánh được thay thế bằng thực tại có càng nhiều con số zero trong nhà băng càng cảm thấy an toàn và tự tin.

Maximilian Heinrich Heim còn cụ thể hóa định nghĩa về thánh như sau. “Thánh thiêng trong từng cá nhân người Kitô luôn luôn là việc chia sẻ sự thánh của Đức Giêsu Kitô. Chính qua công trình cứu rỗi của Ngài, từng cá nhân trong Dân Chúa... được mời gọi và nên công chính trong Chúa Giêsu, không dựa trên những việc làm của riêng cá nhân họ, nhưng cậy dựa vào ân sủng.”²⁷

Giờ đây ta trở về nguồn Kinh thánh để tìm hiểu xem mô thức Thánh gia mà Giáo Hội đề nghị cho gia đình Kitô để hiểu thêm về cung thánh tại gia.

3. Mô hình Thánh Gia: Cung thánh tại gia vì sống theo Ý Chúa.

Nếu phải bắt đầu với Nhất lãm, ta nhận ra chính Đức Maria và Đức Giuse đã trở nên thánh từ khi họ còn sống trên trần thế này vì cả hai công dân Do thái thành Nadarét này không bao giờ sống theo ý cá nhân, chương trình và kế hoạch cá nhân, theo trí tuệ cá nhân, nhưng cả cuộc đời họ đều “thuận” theo ý Chúa cho dù trí tuệ họ chưa có khả năng thấu hiểu *sacramentum* và *mysterion* mà Thiên Chúa mời gọi họ tham dự vào.

Đức Maria với lời *Fiat* tuyệt vời trong Luca 1:38 “Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin **Chúa cứ làm cho tôi** như lời sứ thần nói” cho thấy việc Đức Maria đã tham dự vào Đấng Thánh không phải ngay tại thời điểm sứ thần thăm viếng Đức Maria nhưng đã xảy ra trước đó rồi vì chính sứ thần Gabriel đã chào “Đấng đầy ân sủng.” “Cứ làm cho tôi” nên thánh như Chúa muốn tôi được tham dự vào cuộc đời của Chúa. Thông thường ta dừng lại

²⁷, *Joseph Ratzinger: Life in the Church and Living Theology, Fundamentals of Ecclesiology with Reference to Lumen Gentium, ibid.*, 101-102.

việc chú giải Fiat theo *diachronic*, nhưng chính lời chào của Sứ thần Gabriel và toàn thể cuộc đời của Đức Maria lại mời gọi cách chú giải mang tính *synchronic*.²⁸

Lời chào “**Đấng đầy ân sủng**” của sứ thần Gabriel, Trung gian của Thiên Chúa, cho thấy tính *mysterion* luôn thể hiện trong cuộc đời của Đức Maria. Sự hiệp nhất với Ý Chúa còn được minh họa ngay trong khi Đức Maria tuân theo **luật Môisen**. “Khi đã đến ngày lễ thanh tẩy của các ngài theo luật Môsê, bà Maria và ông Guise đem con lên Giêrusalem, để tiến dâng cho Chúa, như đã chép trong **Luật Chúa** rằng: ‘Mọi con trai đầu lòng phải được gọi là của thánh, dành cho Chúa’ (Lc 2:22-23). Và còn hơn thế nữa “khi hai ông bà đã làm xong mọi việc như **Luật Chúa truyền**, thì trở về nơi cư ngụ là thành Nadarét, miền Galilê” (Lc 2:39).

Nói chung, lời Xin Vâng của Đức Maria được chú giải cách minh bạch trong việc để cho cuộc đời của cá nhân mình quy chiếu về và xoay quanh tâm điểm của luật Môisê, Luật Chúa, và Ý Chúa. Như thế còn chỗ nào cho cá nhân chủ nghĩa và tục hóa nữa?

Cũng như Đức Maria, Đức Giuse cũng hoàn toàn sống theo Ý Chúa và Luật Chúa. Đức Giuse “...tỉnh giấc, ông Guise **làm như sứ thần Chúa dạy...**” (Mt 1:24). Cũng thế, “Ông Guise liền trời dậy, và đang đêm, đưa Hài Nhi và mẹ Người trốn sang Ai Cập” (Mt 2:14). Trình thuật khá rõ khi chỉ nêu đích danh tên Đức Guise nhưng lại không nêu danh tánh Hài Nhi và nhất là Mẹ Người. Theo lẽ thường tình là “đem con của mình và vợ mình trốn sang Ai Cập” như cá nhân chủ nghĩa vẫn thường dùng. Thế nhưng, cụm đại danh từ “Hài Nhi và Mẹ người” diễn tả về căn tính Thánh Gia này luôn hiệp nhất với nhau để sống Luật Chúa và Ý Chúa.

Cuối cùng, Thánh gia này bao gồm cả người Con Giêsu, Đấng vâng phục Chúa Cha từ bình minh lịch sử nhân loại đến cả cuối cuộc đời trần thế của mình. Ngay từ khi sống cuộc đời trần thế, Đức Giêsu đã ý thức việc sống theo ý Cha. “Cha mẹ không biết là con có **bổn phận ở nhà của Cha** con sao?” (Lc 2:49). Nhà Cha con là đền thờ Giêrusalem, là *Shekina*, là Cung Thánh, là nơi Chúa cư ngụ. Đó là Nhà Cha theo Cựu Ước.

²⁸ *Infinity Dwindled to Infancy: A Catholic and Evangelical Christology*, *ibid.*, 26-28.

Đến cuối đời, Ngài cũng cầu nguyện “Lạy Cha, nếu có thể được, xin cho con khỏi uống chén này. Tuy vậy, xin đừng theo ý con, mà xin theo ý **Cha**” (Mt 26:39). “Lạy Cha, nếu con cứ phải uống chén này mà không sao tránh khỏi, thì xin vâng ý **Cha**” (Mt 26:42). “Người để mặc các ông mà đi cầu nguyện lần thứ ba, nói lại cũng một lời đó” (Mt 26:44). Tất cả các trích dẫn này chỉ muốn vạch rõ lên sự hiệp nhất *mysterion* trong cuộc đời của Đức Giêsu với Cha Ngài trên trời. “Ápba. Cha ơi. Cha làm được mọi sự, xin cất chén này xa con. Nhưng xin đừng làm điều con muốn, mà làm **điều Cha muốn**” (Mc 14:36). “Lạy Cha, nếu Cha muốn, xin cất chén này xa con. Tuy vậy, xin đừng làm theo ý con, mà làm theo ý **Cha**” (Lc 22:41).

Cả ba cá nhân trong Thánh gia này có làm gì khác hơn ngoài việc sống theo Ý Chúa. Chính sự hiệp nhất với Ý Chúa làm cho gia đình Nadarét trở thành Thánh Gia, thành Cung Thánh muôn đời chuyển tải Ôn Chúa không chỉ cho riêng cá nhân họ, nhưng còn cho dân “được tuyển chọn,” và cho toàn thể nhân loại thời ấy và đời đời. Theo ngôn từ của Edward Oakes là “vĩnh cửu thu nhỏ lại thành bé thơ.” Như thế, Thánh Gia là “vĩnh cửu” hiện diện trong thời gian, Ôn Chúa hoạt động trong xã hội trần thế, *mysterion* nhân cách hóa trong khuôn mặt người. Tóm lại, Thánh gia là Cung Thánh vì Thánh Gia đem Ôn Chúa đến cho tha nhân. Chính trong Thánh Gia này, ta nhận ra tính *sacramentum* và *mysterion*. Họ là *typos* cho mẫu nhiệm Đức Kitô hiệp nhất với Hội thánh.

Ngày 17 tháng 12 năm 2014, Đức Giáo Hoàng Phanxicô mở đầu giảng dạy về gia đình Kitô như sau. “Gia đình là ân ban cao cả Thiên Chúa đã ban cho thế gian ngay từ khởi nguyên... Ân ban này đã được Đức Giêsu xác nhận và đóng ấn trong Tin Mừng của Ngài.”²⁹

Chính trong Tin Mừng này một chương mới đã mở ra cho lịch sử phổ quát giữa người nam và người nữ. Chương mới này không xảy ra ngoài vũ trụ trong chân không, nhưng “xảy ra ngay trong gia đình Nadarét.” Mẫu nhiệm nhập thể của Con Thiên Chúa đã đến như một người con trong một gia đình. Ngài không đến như một vị hoàng đế tầm cỡ hoặc như một chiến sĩ. Con Thiên Chúa đã sinh ra trong một gia đình nhân loại. Chính trong gia

²⁹ Phần này được tóm biên soạn lại giảng dạy của Đức Giáo Hoàng Phanxicô vào ngày thứ tư 17 tháng 12 năm 2014 khi giảng dạy về gia đình Kitô.

đình Nadarét này, một gia đình lao động bình dân như bao gia đình Do thái khác, Ngài đã được Mẹ Ngài là Đức Maria và Cha Ngài là Đức Giuse, dưỡng nuôi, dạy dỗ, và giáo dục. Dù cho Tin Mừng không nói gì nhiều về những khó khăn bên trong mà Cha Mẹ Ngài đã trải qua khi dạy dỗ bảo ban Người Con của mình và Con Thiên Chúa, nhưng ta cũng cảm nhận những xung đột ngay từ bên trong tâm hồn của gia đình Nadarét này khi vừa phải dạy con của mình học đánh vần, học cầu nguyện các Thánh vịnh, học ca tụng Chúa qua các Thánh Thi, và cung cách thờ phượng Thiên Chúa khi lên Đền thờ Giêrusalem hằng năm. Chính qua những khó khăn bên trong này, gia đình Nadarét trở thành Thánh Gia vì luôn chu toàn theo Ý Chúa, Luật Môisen, và Luật Chúa.

Đức Giáo Hoàng Phanxicô tiếp tục:

Cũng như Đức Maria và Đức Giuse đã sống, trước tiên từng gia đình Kitô phải đón chào Đức Giêsu, lắng nghe Ngài, trò chuyện cùng Ngài, cho Ngài cư ngụ trong gia đình, lớn lên với Ngài; và theo cách thức này, gia đình Kitô làm cho thế giới trở nên tốt lành hơn. Ta hãy tạo ra một không gian trong tâm hồn, và trong tháng ngày của ta cho Thiên Chúa. Đó là những gì Đức Maria và Đức Giuse đã sống... Gia đình Nadarét mời gọi ta tái khám phá lại ơn gọi và sứ vụ của gia đình, của từng gia đình... Không phải tình cờ mà Đức Maria “ghi nhớ mọi kỷ niệm ấy và suy đi nghĩ lại trong lòng” (Lc 2:19). Từ đó, gia đình này lưu giữ màu nhiệm này, một màu nhiệm nằm bên ngoài tâm của thế gian, màu nhiệm Con Thiên Chúa đang hành động...

Thánh gia trở thành Cung Thánh chuyên tải Ôn Chúa cho toàn thể nhân loại vì từng thành viên trong Thánh Gia đều “cùng nhau tôn vinh Thiên Chúa” (*Gaudium et Spes* số 48). Tóm lại nếu như một gia đình và hôn nhân Kitô nào sống theo Ý Chúa, gia đình Kitô ấy được Ý Chúa thánh hóa họ, và họ nhân cách hóa và hiện tại hóa lời mời gọi của Giáo hội và trở thành Cung thánh tại gia của Giáo hội.

4. “Cung Thánh tại gia”

Sách Giáo lý Công giáo số 532 sử dụng thuật ngữ “giáo hội tại gia” để nói về gia đình Kitô vì ý nghĩa nền tảng của gia đình Kitô luôn mang bản tính giáo hội vì cách cụ thể, chính Đức Kitô biến đổi gia đình và hôn nhân

Kitô vì cả thành viên trong gia đình Kitô được “rửa” vào trong Cái chết và sự Sống lại của Đức Kitô. Chính trong bối cảnh Sinh Ra-Chết Đi-Sống lại của Đức Kitô, mọi hoạt động mang tính Kitô giáo trong gia đình Kitô như đọc kinh sáng tối, tham dự Thánh lễ, đi dâng Thánh giá, lần chuỗi Mân côi, “xin lễ” cầu nguyện cho người quá cố, tham gia các hội đoàn Công giáo, giúp đỡ người già nua, nghèo đói bệnh tật, cô nhi quả phụ .v.v... được “khoác vào” đặc ân Kitô thuộc đại gia đình Giáo hội mang tính lịch sử, phổ quát và hoàn vũ cách chính yếu.³⁰

Khi so sánh gia đình Kitô với gia đình Do thái theo chiều kích giao ước, Joseph Atkinson lột tả lên tính thánh thiêng trong gia đình khi viết “gia đình phải là một phạm vi thường ngày nhưng thánh thiêng,...”³¹ *Gaudium et Spes* số 48 còn nhấn mạnh đến tính thánh thiêng trong gia đình Kitô khi dạy về “phần rỗi đời đời của mỗi thành phần trong gia đình” vì “sợi dây liên kết thánh thiện không lệ thuộc vào sở thích của con người.” Có lẽ hiện tượng mâu nhiệm thánh thiêng “phần rỗi đời đời” đang mất dần chỗ đứng trong gia đình và hôn nhân Kitô khi từng cá nhân trong gia đình Kitô chỉ biết xoay quanh “của ăn của để” mà quên đi căn tính Kitô luôn kèm theo “phần rỗi đời đời.” Khi ấy thay vì sợi dây thánh thiêng nối kết từng thành viên trong gia đình Kitô như Giáo hội dạy, nhưng lúc ấy sở thích cá nhân “choán lấy” chỗ của mâu nhiệm Đức Kitô kết hiệp cùng Hội thánh. Chính vì hôn nhân Kitô trở nên thánh thiện không hệ tại vào công việc làm của các thành viên trong gia đình nhưng được trói buộc vào trong hiện diện của Đức Kitô, số 48 tiếp tục “Người còn ở lại với họ để cho hai vợ chồng cũng mãi mãi trung thành yêu thương nhau.” Như thế tình yêu của vợ chồng đối với nhau phải có nền tảng trên sự hiện diện của Đức Kitô. Khi nào tình yêu *eros* và *agape* không có cơ sở trên Hiện Diện của Đức Kitô, khi ấy gia đình Kitô và các gia đình trong các tôn giáo khác trên thế giới có gì khác nhau? Chính sự Hiện Diện của Đức Kitô làm cho gia đình Kitô trở nên khác biệt và làm cho các gia đình ấy trở thành cung thánh chuyển tải Ôn Chúa cho nhau và cho con cháu của họ. Khi gia đình Kitô trở nên trọn lành và thánh hóa lẫn nhau, chính khi ấy tình yêu của họ dành cho nhau được “kết hiệp vào trong tình yêu Thiên Chúa.” Họ được “củng cố và thánh hiến” qua chính kết hiệp này.

³⁰ *Biblical & Theological Foundations of the Family: The Domestic Church*, ibid., 1.

³¹ *Biblical & Theological Foundations of the Family: The Domestic Church*, ibid., 134.

Nhưng Joseph còn cho thấy tính thánh thiêng này đang mất dần ý thức trong bối cảnh hiện đại vì Cựu Ước hiểu tính thánh thiêng này như được “đề ra một bên.” Sau khi dựng nên mọi tạo vật, Thiên Chúa phân chia ngày thứ bảy với sáu ngày khác. “Người chúc lành cho ngày thứ bảy và thánh hóa nó” (St 2:3). “Chính khi Thiên Chúa tách ngày thứ bảy ra khỏi các ngày khác, sự tách biệt của Người làm cho ngày thứ bảy mang tính thánh thiêng.”³² Thần học gia này còn ghi nhận thêm: “Tôi hậu chỉ một mình Thiên Chúa là Thánh và những gì Người làm cho nên thánh đều do việc Người muốn những điều ấy tham dự vào tính thánh thiêng này.”³³ Robert Hodgson còn sâu xa hơn khi viết “Sự thánh thiện không cố hữu trong tạo vật nhưng xuất xứ từ việc Thiên Chúa ra lệnh.”³⁴ Phân tích tuyệt vời nổi kết của Đức Bênêđictô XVI về ý nghĩa ngày Sabát và ngày Chúa Nhật sẽ giúp làm sáng tỏ việc Thiên Chúa dành để ngày thứ tám, ngày Chúa Nhật, cho cung thánh tại gia.³⁵

5. Ngày Chủ Nhật và Cung thánh tại gia

Trong phân tích thần học và lịch sử, Đức Bênêđictô nhắc lại tầm quan trọng của “Ngày của Chúa,” ngày Chúa Nhật, khi ngài trích dẫn lại khẳng định cương quyết của Emeritus. “Chúng tôi không thể nào hiện hữu nếu như không có Ngày của Chúa.”³⁶ Gia đình Kitô không thể hiện hữu nếu như không có ngày Chúa Nhật. Mọi hoạt động Công giáo trong toàn thể Ngày Chúa Nhật làm cho gia đình Kitô có khả năng *capax Dei* và *capax Infiniti*. Tức là gia đình Kitô trở thành “Cung Thánh” chuyển tải Ôn Chúa.

Chính “ngày của Chúa,” ngày Chúa Nhật, làm cho mọi hoạt động, chức năng, và tương quan sống trong gia đình và hôn nhân Kitô trở nên hoàn toàn khác biệt với mọi gia đình trên thế giới. Gia đình và hôn nhân Kitô không thể nào hiện hữu nếu như không có “Ngày của Chúa.”

Thế nhưng thăm trạng cô lập “Ngày của Chúa” với các hoạt động khác trong gia đình và giới hạn “Ngày của Chúa” trong thời gian từ ½ tiếng đến 1 tiếng trong Ngày Chúa Nhật không chỉ mới xảy ra gần đây nhưng

³² *Biblical & Theological Foundations of the Family*, *ibid.*, 135.

³³ *Biblical & Theological Foundations of the Family*, *ibid.*, 136.

³⁴ Robert Hodgson. “Holiness” trong *The Anchor Bible Dictionary*, do D. N. Freeman biên soạn, 1992

³⁵ *Theology of Liturgy*, *ibid.*, 187-206.

³⁶ *Theology of Liturgy*, *ibid.*, 188.

Sự cố ấy đã hiển nhiên bắt đầu khi không còn cảm thấy nhu cầu nội tại nữa cho Ngày Chúa Nhật nữa: Thay vì “Chúng tôi không thể hiện hữu nếu như không có Ngày Chúa Nhật,” luật buộc tham dự Ngày Chúa Nhật xuất hiện như thể một luật do Giáo Hội đòi buộc, một nhu cầu ngoại tại.³⁷

Kết quả hiển nhiên hiện nay là việc gia đình Kitô tham dự Ngày Chúa Nhật bị thoái hóa thành những hoạt động bên ngoài như “đi lễ” vì luật buộc, hình thái của vụ luật, thay vì việc tham dự của gia đình Kitô vào Ngày Chúa Nhật trở thành một định luật ắt có cho “sự hiện hữu sinh tồn” mang tính căn tính nội tại của gia đình Kitô. Chính căn tính kín múc từ việc tham dự vào *sancta* của Ngày Chúa Nhật làm cho gia đình Kitô có khả năng trung chuyển Ôn Chúa cho mọi người.

Khả năng trung chuyển Ôn Chúa này khởi đi từ tương quan ngay trong gia đình giữa vợ chồng với nhau và giữa cha mẹ với con cái. “Vợ chồng Kitô hữu được củng cố và thánh hóa bằng bí tích riêng,” Bí tích Hôn phối (*Gaudium et Spes* số 48). Trong số này, Giáo hội nhấn mạnh đến tính tương giao này khi dạy “Con cái là những phần tử sống động trong gia đình nên cũng góp phần riêng vào việc thánh hóa cha mẹ.” “Con cái thánh hóa cha mẹ” và ngược lại, trở thành cơ sở thần học và Kinh thánh để cho gia đình Kitô sống căn tính Kitô. Hơn thế nữa tính trung gian này còn được số 11 của *Apostolicam Actuositatem* làm rõ vai trò của cha mẹ như “những cộng tác viên của ân sủng và chứng nhân đức tin.”³⁸

Chính các giảng dạy này làm nổi cộm vai trò “trung gian hai chiều” cùng chuyển tại Ôn Chúa cho nhau đang xảy ra ngay trong gia đình Kitô. Cả hai bên, cha mẹ và con cái, đều là những trung gian Ôn Chúa cho nhau. Nhưng cả hai trung gian này đều là những “trung gian hai chiều bất toàn.” Cha mẹ cộng tác với Ôn Chúa qua gương sáng đạo đức, kinh nguyện gia đình hằng ngày, khuyến khích ơn gọi linh mục tu sĩ, tham gia các hoạt động mục vụ trong giáo xứ, thông phần vào việc “cứu rỗi” các linh hồn không còn khả năng cầu nguyện cho chính họ nữa bằng việc “xin lễ,” và nhất là vui sống trong “Ngày của Chúa.” Ngược lại, con cái đáp trả lại cách sống quảng đại của cha mẹ qua “lòng biết ơn, tâm tình hiếu thảo và tin cậy, và theo đạo

³⁷ *Theology of Liturgy*, *ibid.*, 188-189.

³⁸ *Vatican Council II*, 778.

làm con mà phụng dưỡng cha mẹ trong nghịch cảnh cũng như trong tuổi già cô quạnh” (số 48). Chính qua trung gian hai chiều này “các gia đình Kitô quảng đại san sẻ cho nhau những của cải thiêng liêng” không những cho con người đời này, nhưng còn cho cả đời sau.

Tóm lại, cha mẹ không những là “những cộng tác viên” của Thiên Chúa, nhưng còn là “những chứng nhân đức tin” cho con cái và cho toàn thể nhân loại khi cha mẹ nhận ra căn tính “cộng tác” của mình với Ông Chúa, chứ không phải “sở hữu chủ” con cái. Căn tính cộng tác và chứng nhân làm cho gia đình Kitô buộc phải gắn bó “sống chết” với “Ngày của Chúa” vì họ không thể cộng tác và sống chứng nhân khi không có gì, hoặc có AI để cộng tác và càng không làm chứng gì cả khi cuộc sống của họ chỉ có quy nhân, và quy vật chất.

Để kết tham cứu thần học và Kinh thánh này, tôi muốn trở lại giảng dạy nền tảng của Giáo hội qua hiền thánh Gioan Phaolô II để tóm kết vì ngài đã ra đi nhưng còn để lại cho gia đình Kitô một gia sản đức tin trong *Familiaris Consortio, Vai Trò Của Gia Đình Kitô trong Thế Giới Ngày Nay*.³⁹ Ngài nói: “Gia đình Kitô được mời gọi nên thánh và thánh hóa cộng đoàn Giáo hội và thế giới.” Chính lời mời gọi bắt đầu từ cuộc đời trần thế này nhưng còn tràn sang đời sau, làm thành lực đẩy và sức bật để cho Gia đình Kitô thành Cung thánh tại gia chuyển tải Ông Chúa cho toàn thể nhân loại qua trường hợp của gia đình Công giáo Việt Nam tại USA đã và còn đang tri ân Giáo Hội Công giáo Hoa Kỳ với mọi hoạt động tôn giáo và ơn gọi.

*Lễ thánh Gioan Tông đồ
Holy Apostles Collge and Seminary, 2014
Phaolô Nguyễn Luật Khoa, OFM*

³⁹ Michael Wrenn biên soạn, *Pope John Paul II and the Family*, (Chicago: The Franciscan Herald Press, 1983), 179.

Sách Tham Khảo:

Angelo Cardinal Scola. *The Nuptial Mystery* (Grand Rapids, MI: William Eerdmans Publishing Company, 2005).

Andreas J. Kostenberger. *God, Marriage, and Family* (Wheaton, Ill: Crossway Books, 2004).

Benot-Dominique de La Soujeole, O.P. *Introduction to the Mystery of the Church*. (Washington D.C.: CUA Press, 2014). Trans. by Michael Miller.

Blessed John Paul II. *Familiaris Consortio*. (Boston, MA: Pauline Books and Media, 1998).

_____. *Letter to Families*. (Boston, MA: Pauline Books and Media, 1994).

_____. *Theology of the Body* (Boston, MA: Pauline Books and Media, 1997). Trans. By Michael Waldstein.

Carlos Granados. *The Hope of the Family: Dialogue with Gerhard Cardinal Müller*. (San Francisco: Ignatius Press, 2014). Trans. by Michael Miller.

Edward Schillebeeckx. *Marriage: Human Reality and Saving Mystery* (NY: Sheed and Ward, 1965). Trans. by N. D. Smith.

John Gammie. *Holiness in Israel* (MN: Fortress Press, 1989).

Joseph Atkinson. *Biblical & Theological Foundations of the Family: The Domestic Church*. (Washington, D. C.: CUA Press, 2014).

Joseph Ratzinger. *Collected Works: Theology of the Liturgy*. (San Francisco: Ignatius Press, 2014). Vol. 11.

M. A. Fahey. "The Christian Family as Domestic Church at Vatican II." *Concilium* (Fall 1994/1995): 85-92.

M. Eminyan. *Theology of the Family* (Malta: Jesuit Publications, 1994).

Marc Cardinal Ouellet. *Divine Likeness: Toward a Trinitarian Anthropology of the Family* (Grand Rapids, MI: 2206).

Michael Kaufman. *Love, Marriage, and Family in Jewish Law and Tradition* (Northvale, NJ: Jason Aronson Inc., 1996).

Paul Evdokimov. *Marriage and Christian Tradition*. (Techny, Il: Divine Word Publications, 1966). Trans. by Sr. Agnes Cunningham.

Pope John Paul II and the Family. (Chicago: Franciscan Herald Press, 1983). Ed. by Michael Wrenn.

Robert Hodgson Jr. "Holiness." *The Anchor Bible Dictionary*. (NY: Double Day, 1992). Vol. 3, ed. by D.N. Freedman.

Romanus Cesario, O.P. *Theology and Sanctity*. (Ave Maria, Florida: Sapientia Press, 2014). Ed. by Cajetan Cuddy, O. P.

Vatican II: The Conciliar and Post Conciliar Documents. (Northport, NY: Costello Publishing Company, 1996). Ed. by Austin Flannery, O.P.

Tu sĩ Phaolô Nguyễn Luật Khoa, thuộc dòng Phanxicô, tỉnh dòng Holy Name, New York. Tốt nghiệp thần học tại Washington Theological Union và Catholic University of America, Washington, D. C. Giảng dạy các bộ môn như Thần học Nhập môn, Kitô học, Tu đức học, Thần học Mục vụ và Hermeneutics. Biên dịch hơn 15 đầu sách thần học của các thần học gia như Karl Rahner, Joseph Ratzinger và Rudolf Schnackenburg. Hiện tại đang làm công tác linh hướng tại chủng viện Holy Apostles. Chủng viện này có hơn 50 linh mục và tu sĩ Việt nam đang du học.

GIA ĐÌNH VÀ CON ĐƯỜNG NÊN THÁNH

Sr. Mary Margaret Phan Miên Miên, LHC

Sr. Marie Claire Phạm Thanh Thư, LHC

Lời Mở Đầu

Tất cả chúng ta đều được kêu gọi để trở nên thánh. Đó là lời mời gọi của Chúa Giêsu và là giáo huấn của Giáo Hội. Một trong những món quà của Công đồng chung Vatican 2 là phục hồi quan niệm về Giáo Hội dựa trên tình hiệp thông và đặt lại nguyên tắc quyền bính và phẩm trật trong viễn tượng ấy. Công đồng dạy rằng tất cả Kitô hữu trong tư cách là những người đã chịu phép rửa đều có cùng phẩm giá trước mặt Thiên Chúa và được mời gọi để trở nên thánh. Như vậy, ơn gọi nên thánh không chỉ dành riêng cho một số người, nhưng cho tất cả mọi người trong bất cứ bậc sống nào. Tu sĩ và hàng Giáo phẩm được kêu gọi để trở nên thánh trong tư cách là những người được thánh hiến cho Thiên Chúa; những người sống trong bậc gia đình được mời gọi để nên thánh trong gia đình của mình; và những người độc thân được mời gọi nên thánh trong ơn gọi của mình.

Nhưng có rất nhiều người sống trong bậc gia đình cho rằng mình không thể trở nên thánh vì việc nên thánh chỉ dành cho những ai xa rời đời sống và công việc thường nhật để chăm chú vào việc cầu nguyện. Nên họ đã bỏ cuộc ngay lúc ban đầu. Nhưng chính trong đời sống thường nhật, trong những chúng tá Kitô, trong những công việc tầm thường hằng ngày làm với tình yêu thương mà họ được mời gọi để nên thánh. Vậy con đường đó như thế nào? Bài viết này sẽ khai triển về con đường nên thánh trong viễn tượng đời sống gia đình. Con đường nên thánh này nhằm hướng dẫn gia đình Kitô giáo trở lại với tình yêu thương ban đầu, tình yêu trong vườn Địa Đàng. Trước hết, chúng ta sẽ mô tả một gia đình Kitô giáo lý tưởng sẽ như thế nào. Kế đến, chúng ta sẽ nhìn đến thực tại của đời sống gia đình và vài khó khăn làm ngăn trở việc đạt tới mục tiêu là trở thành gia đình lý tưởng. Sau cùng chúng

ta sẽ khai triển về con đường nên thánh – trở lại với tình yêu trong vườn Địa Đàng – qua việc sống ơn gọi riêng của từng người, qua việc sống yêu thương và tự hiến, và qua việc cầu nguyện. Trung tâm và tận cùng của con đường nên thánh này phải là Chúa Giêsu. Vì vậy, dù sống ơn gọi riêng của mình, sống yêu thương và tự hiến, hay cầu nguyện, Chúa Giêsu là mẫu gương cho chúng ta nhìn lên và noi theo vì chính Ngài là Đấng Thánh.

Ơn Gọi Nên Thánh Trong Bậc Gia Đình: Trở Về với Môi Tình Đầu của Thiên Chúa

Trong Tông Huấn *Familiaris Consortio*, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II khuyến khích các gia đình trở về lúc khởi đầu khi Thiên Chúa sáng tạo để khám phá ra căn tính của mình, cái mình “là,” và khám phá ra “sứ mạng” của mình, cái mình có thể và phải “làm.”¹ Để nên thánh trong bậc hôn nhân là cơ hội cho đôi vợ chồng trở về nguồn với môi tình đầu của Thiên Chúa. Từ nguyên thủy Thiên Chúa đã vì yêu mà dựng nên con người có nam và nữ giống hình ảnh của Ngài và liên kết họ thành một xương một thịt. Thiên Chúa đặt trọn tình yêu của Ngài nơi người nam và người nữ đầu tiên với mục đích là phát sinh tình yêu đó cho nhau và với nhau. Thiên Chúa chúc phúc cho đôi hôn nhân đầu tiên: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất... Thiên Chúa thấy mọi sự Người đã làm ra quả là rất tốt đẹp” (St 1: 28- 31). Thật là một niềm hạnh phúc cho Thiên Chúa khi thấy con người biết chia sẻ tình yêu đó với nhau đầy tâm huyết của mình. Lời yêu thương đầu tiên phát ra từ môi miệng con người là: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi” (St 2:23). Tình yêu Thiên Chúa đã liên kết đôi tân hôn đầu tiên nên một trong tình yêu của Ngài.

Mối tình đầu giữa Thiên Chúa với con người đã bị phá vỡ bởi nguyên do con người sa chước cám dỗ. Thật tiếc thay đôi hôn nhân đầu tiên đã không đáp lại tình yêu Thiên Chúa với lòng tin tưởng vào Lời của Ngài. Từ đó ân sủng của Thiên Chúa không còn lưu lại nơi con người và sự thánh thiện của con người cũng bị đánh mất.

Vì yêu, Thiên Chúa vẫn trung thành với con người. Cũng vì quá yêu thương con người Thiên Chúa đã ban con Một của Ngài xuống thế làm

¹ Gioan Phaolô II. Tông Huấn. *Familiaris Consortio*. 22 tháng 11, 1981. Web. <http://xuanbichvietnam.net/trangchu/tong-huan-familiaris-consortio/>, số 17.

người bởi Chúa Thánh Thần trong cung lòng Mẹ Maria. Qua Chúa Giêsu, Thiên Chúa biểu lộ tình yêu viên mãn của Ngài dành cho nhân loại. Trong thư của Thánh Gioan viết: “Tình yêu của Thiên Chúa đối với chúng ta được biểu lộ như thế này: Thiên Chúa đã sai Con Một đến thế gian để nhờ Con Một của Người mà chúng ta được sống. Tình yêu cốt ở điều này: không phải chúng ta đã yêu mến Thiên Chúa, nhưng chính Người đã yêu thương chúng ta, và sai Con của Người đến làm của lễ đền tội cho chúng ta” (1 Gn 4: 9). Vì yêu Chúa Giêsu chấp nhận thánh ý Chúa Cha mà chịu chết trên thập giá để giao hoà giữa Thiên Chúa với loài người. Ước vọng của Chúa Giêsu nơi con người là không những được giao hoà với Thiên Chúa nhưng còn đưa họ trở về và nên một với Thiên Chúa như thuở ban đầu. Trong bữa tiệc ly, Chúa Giêsu tha thiết cầu nguyện với Chúa Cha cho các môn đệ và cũng như cho hết mọi người: “Lạy Cha, con đã ban cho họ vinh quang mà Cha đã ban cho con, để họ được nên một như chúng ta là một: Con ở trong họ và Cha ở trong con, để họ được hoàn toàn nên một” (Gn 17: 23). Chúa Giêsu hy sinh mạng sống của mình để liên kết chúng ta nên một với Thiên Chúa. Vậy thì Ngài muốn chúng ta làm gì để đạt được sự kết hiệp mật thiết đó với Thiên Chúa?

Chúa Giêsu kêu mời các môn đệ và mọi người: “Các con hãy trở nên trọn lành như Cha các con ở trên trời” (Mt 5: 48). Trở nên trọn lành có nghĩa là trở nên thánh thiện. Sự thánh thiện này đòi hỏi từng cá nhân phải nỗ lực sống đức ái một cách trọn lành hơn. Trong Tín Lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium*, “Tất cả các Kitô hữu, bất cứ theo bậc sống hay địa vị nào, đều được kêu gọi tiến đến sự viên mãn của đời sống Kitô giáo và đến sự trọn lành của Đức Ái.”² Trong đời sống gia đình, mục đích của đôi vợ chồng là giúp nhau nên thánh qua việc thực thi đức ái một cách tích cực hơn để họ cũng biết yêu nhau như Chúa Giêsu yêu thương Hội Thánh. Tình yêu Chúa Giêsu thánh hóa Hội Thánh qua các Bí Tích và Hội Thánh được nuôi dưỡng bởi Thần Khí. Khi đôi vợ chồng có cùng một lòng ao ước sống trọn lành và giúp nhau trở nên thánh qua việc sống đức ái là lúc họ đang sống trong tình yêu viên mãn của Thiên chúa. “Thiên Chúa là tình yêu: ai ở lại trong tình

² Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II. Hiến Chế Tín Lý Về Giáo Hội. *Lumen Gentium*. 21 tháng 11, 1964. Web. <http://www.catholic.org.tw/vntaiwan/vatican2/lumen00.htm>, số 40.

yêu thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy. Căn cứ vào điều này mà tình yêu đã nên hoàn hảo với chúng ta” (1Ga 4: 16-17). Qua việc sống đức ái trọn lành noi gương Chúa Giêsu, đôi vợ chồng được trở nên một trong tình yêu Thiên Chúa như từ lúc nguyên thủy.

Gia Đình Kitô Hữu: Cộng Đoàn Hiệp Thông

Giáo lý Hội thánh Công Giáo mô tả gia đình Kitô hữu như sau:

Số 2204: Gia đình Ki-tô giáo bày tỏ và thể hiện một cách đặc biệt sự hiệp thông trong Hội Thánh vì lẽ đó... phải được coi là một “Hội Thánh tại gia” (x. FC 21, x. LG 11), là một cộng đoàn đức tin, đức cậy và đức mến (x. Ep 5:21-6,4, Col 3:18-21; 1 Pr 3:1-7). Tân Ước cho thấy gia đình có một tầm quan trọng đặc biệt trong Hội Thánh.

Số 2205: Gia đình Ki-tô giáo là một hiệp thông nhân vị là dấu chỉ và hình ảnh của sự hiệp thông giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần. Việc sinh sản và giáo dục con cái phản ánh công trình sáng tạo của Chúa Cha. Gia đình được mời gọi tham dự vào sự cầu nguyện và hy tế của Đức Ki-tô. Kinh nguyện hằng ngày và chăm đọc Lời Chúa củng cố đức mến trong gia đình. Gia đình Ki-tô giáo mang sứ mạng loan báo Tin Mừng truyền giáo.

Số 2206: Những mối tương quan trong gia đình đưa tới những cảm nghĩ, những tình nghĩa, những sở thích, những quyền lợi giống nhau, nhất là do việc biết tôn trọng lẫn nhau. Gia đình là một cộng đoàn ưu việt được mời gọi để thực hiện “sự đồng tâm nhất trí giữa vợ chồng và sự ân cần cộng tác của cha mẹ trong việc giáo dục con cái” (x. GS 52,1).

Những thành viên trong cộng đoàn hiệp thông này gồm có chồng và vợ, cha mẹ và con cái, họ hàng thân thích, được xuất phát từ hôn nhân, “một hôn nhân như là hình ảnh và nói lên sự tham dự giao ước yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội.”³ Khi gia đình sống đúng căn tính của mình là một

³ Thánh Công Đồng Chung Vaticanô II. Hiến Chế Mục Vụ Về Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay. *Gaudium et Spes*. 7 tháng 12, 1965. Web. <http://www.catholic.org.tw/vntaiwan/vatican2/spes00.htm>, số 48.

cộng đoàn hiệp thông, gia đình “sẽ biểu hiện trước mặt mọi người sự hiện diện sống động của Đấng Cứu Thế trong thế giới và bản chất đích thực của Giáo Hội qua tình yêu, qua niềm quảng đại chấp nhận sinh sản con cái, qua sự hiệp nhất và trung tín của hai vợ chồng cũng như qua sự hợp tác thân ái của mọi thành phần trong gia đình.”⁴ Điều này có thể được khi “mọi thành phần trong gia đình, mỗi người theo ơn riêng của mình, đều có ân sủng và trách nhiệm để ngày này sang ngày khác tiếp tục xây dựng sự hiệp thông giữa các ngôi vị, bằng cách biến gia đình thành một ‘trường học đào tạo cho nhân tính được hoàn hảo và phong phú hơn.’”⁵

Ở đây vẽ ra hình ảnh của gia đình Kitô hữu, cái mà gia đình phải “là” (what it ought to be). Nhưng thực tế vẽ ra một hình ảnh rất khác. Trong thực tế, nhiều gia đình đã bị đổ vỡ bởi những đau khổ, những vật lộn. Dưới đây sẽ trình bày vài thách đố trong đời sống gia đình làm ảnh hưởng đến và đe dọa tính hợp nhất và tình yêu mà gia đình đang cố thực hiện.

Những Thách Đố Trong Đời Sống Gia Đình

Một trong những nguyên nhân của sự đổ vỡ trong gia đình là do việc ly dị của các cặp hôn nhân. Thống kê ly dị ở Hoa kỳ cho biết, khoảng 50% các hôn nhân sẽ kết thúc trong ly dị.⁶

Ảnh hưởng của việc ly dị này rất lớn – gia đình không còn nguyên vẹn, cha mẹ mỗi người một nẻo, và con cái bị giằng co bởi đôi bên. Chúng lớn lên thiếu sự hướng dẫn và đồng hành của cha mẹ.

Đời sống gia đình không chỉ bị ảnh hưởng bởi ly dị mà còn bởi việc thiếu thời gian dành cho nhau. Trong nhiều gia đình, thời gian dành cho nhau cũng như những sinh hoạt chung bị giảm sút rất nhiều vì chương trình của mỗi thành viên làm cho họ đi mỗi người một đường hướng khác nhau: người thì đi làm, người thì đi học, người thì trong môn thể thao này, người thì trong môn thể thao kia hoặc chương trình này, chương trình kia, và nhiều những sinh hoạt khác. Cuối cùng, chẳng ai gặp mặt ai. Những nghiên cứu cho thấy các đôi vợ chồng đi làm chỉ nói với nhau trung bình 12 phút mỗi ngày, và trong khoảng 20 năm qua, những bữa cơm gia đình đã giảm 33% và

⁴ GS, số 48.

⁵ FC, số 21.

⁶ “Divorce Statistics.” Web. 27 Nov. 2014. <http://www.divorcestatistics.org/>.

gia đình đi nghỉ chung giảm 28%.⁷ Gia đình không còn thời giờ để họp mặt, để kể cho nhau những truyền thống của gia đình, để chia sẻ kinh nghiệm, để nâng đỡ và nuôi dưỡng nhau về tình cảm cũng như về tinh thần.

Nhiều người con, thiếu sự hướng dẫn của cha mẹ, càng ngày càng nghiêng về ảnh hưởng của đồng bạn và nhiều phương tiện truyền thông xã hội khác nhau. Theo một bản tin đưa ra vào năm 2010, trẻ em tuổi từ 8 đến 18 đã dành khoảng 7 tiếng 38 phút mỗi ngày (hoặc 53 tiếng mỗi tuần) cho những truyền thông giải trí.⁸ Với quá nhiều thời gian dành cho truyền thông xã hội, những nguy hiểm chúng nhận được thật đa dạng, kể cả nạn khủng bố trên mạng, sách báo khiêu dâm, tấn công tình dục của những con hạm dâm ô, v.v. Khi con cái phí nhiều giờ ngồi trước màn hình máy vi tính, có nghĩa là còn rất ít giờ để kết nối với cha mẹ. Mối dây tình cảm và hỗ trợ dựa trên sự đầm ấm và tin yêu nhau triển nở lúc ban đầu không còn nữa và việc đối thoại giữa cha mẹ và con cái cũng bị giảm bớt đi. Khi cha mẹ không mấy lưu ý tới đời sống của con mình vì bận bịu làm việc, và khi chúng cảm thấy rằng cha mẹ không còn hiểu chúng nữa, chúng sẽ sống khép kín. Cha mẹ càng giảm quan tâm tới đời sống con cái, thì con cái càng dễ sa vào nghiện ngập, trầm cảm, ăn uống thất thường, trốn học, và nhiều vấn đề khác.

Sự giảm bớt thời gian cho nhau trong gia đình cũng ảnh hưởng đến việc giáo dục đức tin của con cái. Công đồng Vatican II đã dạy rằng: “Vì là người truyền sự sống cho con cái, nên cha mẹ có bổn phận hết sức quan trọng phải giáo dục chúng, và vì thế, họ phải được coi là những nhà giáo dục đầu tiên và chính yếu của chúng. Vai trò giáo dục này quan trọng đến nỗi nếu thiếu sót sẽ khó lòng bỏ khuyết được.”⁹ Tuy được trao phó trách nhiệm quan trọng này, nhiều cha mẹ cảm thấy họ không đủ khả năng để giáo dục con cái trong đường đạo lý. Vì thế họ dựa vào sự giúp đỡ của cộng đoàn giáo xứ. Họ ghi danh cho con học những chương trình giáo lý, với niềm hy

⁷ Gurian, Anita. “Family Meals Matter - Staying Connected.” *The Child Study Center*. NYU Child Study Center. Web. http://www.aboutourkids.org/articles/family_meals_matter—staying_connected.

⁸ “Daily Media Use Among Children and Teens Up Dramatically From Five Years Ago.” The Henry J. Kaiser Family Foundation, 20 Jan. 2010. Web. <http://kff.org/disparities-policy/press-release/daily-media-use-among-children-and-teens-up-dramatically-from-five-years-ago/>.

⁹ *FC*, số 36.

vọng rằng con mình sẽ học và lớn lên trong đức tin. Nhưng ở nhà lại không có giờ để gia đình cùng cầu nguyện chung. Như thế, những gì học được trong lớp cũng mất đi khi chúng không được củng cố và thực hành ở nhà. Trẻ em có thể lớn lên nhận mình là Kitô hữu và cũng biết chút chút về đức tin, nhưng rất nghèo về lòng đạo bởi vì chúng không có cảm nghiệm gì về đức tin.

Con Đường Nên Thánh

Giữa những khó khăn này và những thách thức khác mà gia đình Kitô phải đối diện, Đức Giêsu tiếp tục mời gọi từng người hãy nên thánh. Ngài đã dạy cho các môn đệ cách sống thánh, và đã làm gương bằng cuộc sống và cái chết của Người. Mỗi người, trong bất cứ điều kiện sống nào, đều được mời gọi để nên thánh. Công đồng Vatican II dạy rằng, mọi Kitô hữu trong tư cách là những người đã nhận phép rửa, đều có cùng phẩm giá trước mặt Thiên Chúa và được liên kết với nhau bởi một ơn gọi, là ơn gọi nên thánh.¹⁰ Vì thế ơn gọi nên thánh không chỉ dành cho các giám mục, linh mục, và tu sĩ như nhiều người thường nghĩ. Mọi người đều được mời nên thánh theo lối sống riêng của mình. ĐTC Phanxicô trong bài huấn dụ cho buổi tiếp kiến chung ngày 19 tháng 11, 2014, đã nhấn mạnh rằng: “sự thánh thiện không phải chỉ là đặc quyền của vài người: sự thánh hiện là một hồng ân được trao tặng cho tất cả mọi người, không loại trừ một ai, và qua đó tạo nên đặc tính nổi bật của mỗi Kitô hữu.”¹¹ Nhưng việc nên thánh này gồm những gì? Làm sao có thể sống thánh trong môi trường gia đình?

ĐTC Phanxicô dạy rằng: “sự thánh thiện không phải là cái gì chúng ta tự tìm cho mình, hoặc là điều chúng ta đạt được nhờ những đức tính và khả năng của chúng ta. Sự thánh thiện là một hồng ân, là món quà Chúa Giêsu ban cho chúng ta, khi Chúa nhận lấy chúng ta, làm cho chúng ta được mặc lấy Người, cho chúng ta được trở nên như Người.”¹² Trong thư gửi tín hữu Êphêsô, Thánh Phaolô viết: “Đức Kitô yêu thương Hội thánh và hiến mình

¹⁰ cf. *LG*, số 39-42.

¹¹ G. Trần Đức Anh, OP chuyển ngữ. “Đức Thánh Cha Tiếp Kiến Chung: ơn Gọi Mọi Người Nên Thánh.” *Đài Vatican*. 19 Nov. 2014. Web.

http://vi.radiovaticana.va/news/2014/11/19/%C4%91%E1%BB%A9c_th%C3%A1nh_cha_t%C3%A0i%BA%BFp_ki%E1%BA%BFn_chung:%C6%A1n_g%E1%BB%8Di_m%E1%BB%8Di_ng%C6%B0%E1%BB%9Di_n%C3%AAn_th%C3%A1nh/vie-837020

¹² Ibid.

vì Hội thánh; như vậy, Người thánh hóa và thanh tẩy Hội thánh bằng nước và lời hằng sống, để trước mặt Người, có một Hội thánh xinh đẹp long lanh, không tỳ ố, không vết nhăn hoặc bất cứ một khuyết điểm nào, nhưng thánh thiện và tinh tuyền” (Ep 5: 25-27). Món quà nên thánh được dành cho tất cả mọi người, không trừ ai, để cho dù họ là giáo sĩ hay giáo dân, ai cũng được mời nên thánh. Nói như thế có nghĩa là, những ai đang sống trong bậc gia đình cũng được mời nên thánh trong chính đời sống gia đình của họ. “Theo ý định của Thiên Chúa, tất cả mọi đôi bạn đều được mời gọi sống thánh thiện trong hôn nhân, và ơn gọi này được thực hiện trong mức độ mà con người xét như ngôi vị có khả năng đáp trả lại luật buộc của Thiên Chúa, nhờ được sinh động bởi lòng tín thác bình an vào ân sủng Thiên Chúa và vào ý muốn của Ngài.”¹³

Việc nên thánh trong bối cảnh gia đình có thể bắt đầu từ cá nhân. Như đã nhắc ở trên, gia đình bao gồm những cá nhân - chồng và vợ, cha mẹ và con cái, họ hàng thân thích. Nếu lời mời nên thánh dành cho mỗi người, và mỗi thành viên của gia đình cùng nhau nên thánh, thì rất cuộc, chúng ta có một cộng đoàn gồm những người thánh - một gia đình thánh.

Sau đây xin được trình bày những gợi ý cho gia đình cùng nhau đáp lại lời mời nên thánh. Chúng không phải là những giải đáp của những thách đố gia đình đang gặp phải trong cuộc sống hôm nay, và cũng không phải là những bảo đảm để gia đình tránh được những khó khăn. Đúng hơn, chúng chỉ đưa ra một lộ trình mà mỗi cá nhân có thể theo để thực thi lời mời nên thánh của họ trong bối cảnh gia đình.

Một Cách Nên Thánh: Sống Ơn Gọi Dành Cho Mỗi Người

Mỗi phần tử của gia đình đều có một vai trò riêng trong gia đình. Mỗi vai trò lại có những bổn phận và trách nhiệm cụ thể. Con đường nên thánh là sống và chu toàn những bổn phận của mỗi người trong vai trò của mình. Nếu là người chồng, người cha trong gia đình, người ấy nên thánh khi thể hiện chức vụ làm chồng, làm cha của mình; nếu là người vợ, người mẹ, bà sẽ nên thánh khi sống tình mẫu tử; nếu làm con cái, chúng nên thánh khi chu toàn những bổn phận là những người con trong gia đình.

Người Chồng/Cha Nên Thánh – Hy Sinh Trong Tình Yêu

¹³ FC, số 34.

Ơn gọi của bậc làm chồng/cha trong gia đình là sống khả năng và vai trò làm chồng và làm cha. Họ được gọi nên thánh qua việc yêu thương và hy sinh cho vợ con mình. Thánh Phaolô ví ơn gọi nên thánh của họ như thể chính Chúa Giêsu yêu thương Hội Thánh. “Hỡi người làm chồng, hãy yêu thương vợ, như chính Đức Ki-tô yêu thương Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh” (Ep 5: 25). Ý thức được lời mời gọi này, họ sẽ yêu vợ mình như yêu chính thân thể họ và sẵn sàng hy sinh vất vả làm việc để nuôi nấng và chăm sóc vợ con mình như Chúa Giêsu hy sinh hiến thân mình trên thập giá. Qua cái chết và sự Phục sinh của Chúa Giêsu, Ngài thánh hoá Hội Thánh và làm cho “Hội Thánh xinh đẹp lộng lẫy, không tỳ ô, không vết nhơ hoặc bất cứ một khuyết điểm nào, nhưng thánh thiện và tinh tuyền” (Ep 5: 27). Khi người chồng/cha noi gương tình yêu Chúa Giêsu dành cho Hội Thánh và biết kết hiệp với Ngài trên Thập giá, họ sẽ là nguồn cung cấp sự sống và tình yêu cho gia đình và làm cho gia đình họ trở nên thánh thiện hơn trước mặt Thiên Chúa.

Những cử chỉ nhỏ giúp cho người chồng nên thánh là biết tôn trọng vợ mình, coi nàng như người cùng địa vị với mình, sống tình bạn đặc biệt với nàng. Thánh Ambrôsiô viết, “Con không phải là chủ của nàng nhưng là chồng nàng; nàng được trao cho con để làm vợ chứ không phải làm nô lệ ... Hãy đáp lại những chú ý nàng đã dành cho con, và hãy biết ơn tình yêu của nàng.”¹⁴ Những cử chỉ biết ơn và yêu thương có thể là những lời khen hoặc lời “cám ơn,” “làm ơn,” “xin lỗi,” v.v....

Những hình thức giúp người cha nên thánh là sống chức năng và vai trò làm cha trong gia đình. Người cha nên thánh khi quảng đại thi hành trách nhiệm nuôi nấng con cái mình, những đứa con ông đã hoài thai và sinh ra qua mối tình của ông đối với vợ mình. Ông dành thời giờ cho con mình và đồng trách nhiệm với vợ để giáo dục con cái. ĐTC Phanxicô cho một ví dụ cụ thể: “Khi về nhà, đứa con xin bạn nói chuyện một chút về những chuyện tưởng tượng. Bạn nói: “Ba mệt lắm, hôm nay ba đã làm việc nhiều lắm.” Nhưng nếu bạn kiên nhẫn lắng nghe con, thì đó là một bước tiến đến sự thánh thiện.”¹⁵ Như vậy, việc nên thánh cho người chồng/cha trong gia đình

¹⁴ FC, số 25.

¹⁵ “Đức Thánh Cha Tiếp Kiến Chung: ơn Gọi Mọi Người Nên Thánh.” *Đài Vatican*.

là noi theo gương hy sinh hiến thân của Chúa Giêsu khi thi hành bổn phận đối với vợ và con của mình.

Người Vợ/Mẹ Nên Thánh – Phục Vụ Trong Khiêm Nhường

Như bậc làm chồng/cha người phụ nữ cũng được mời sống ơn gọi làm vợ và làm mẹ trong gia đình. Họ được gọi nên thánh qua việc yêu thương chồng và con trong tinh thần phục vụ như Chúa Giêsu đến thế gian để yêu thương và phục vụ con người. “Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mc 10:35-45). Khi xưa Chúa Giêsu khiêm nhường cúi xuống rửa chân cho từng môn đệ trong bữa tiệc ly như thế nào thì người vợ/mẹ trong gia đình cũng được mời gọi phục vụ cho chồng và con như thể phục vụ chính Chúa Giêsu vậy.

Đức khiêm nhường phải là nền tảng của những công việc và hy sinh người vợ/mẹ làm để phục vụ cho gia đình mình. Với đức khiêm nhường, người vợ sẽ cảm thấy dễ dàng tùng phục chồng như Hội Thánh tùng phục Đức Kitô. Thánh Phaolô khuyên rằng: “Người làm vợ hãy tùng phục chồng như tùng phục Chúa, vì chồng là đầu của vợ cũng như Đức Ki-tô là đầu của Hội Thánh, chính Người là Đấng cứu chuộc Hội Thánh, thân thể của Người. Và như Hội Thánh tùng phục Đức Ki-tô thế nào, thì vợ cũng phải tùng phục chồng trong mọi sự như vậy” (Ep 5:22-24). Khi phục tùng hoặc phục vụ chồng, con, người vợ hãy làm trong niềm vui vì tin rằng họ đang làm vì yêu mến Chúa. Vậy, người vợ/mẹ nên thánh khi yêu thương và kính trọng chồng mình, khi quan tâm quan tâm đến đời sống con cái, trở nên nguồn nâng đỡ cho chúng, khi nhiệt tâm nhận trách nhiệm giáo dục chúng, nhất là giáo dục về đức tin, khi dạy chúng cầu nguyện và giúp chúng nhận ra ơn gọi làm con Thiên Chúa, và tìm cách gìn giữ sự hiệp nhất trong gia đình. Bà làm tất cả trong khiêm nhường, noi theo Chúa Giêsu, Đấng đã đến để phục vụ.

Người Con Nên Thánh – Vâng Lời Trong Tâm Tình Biết Ơn

Ơn gọi của những người con trong gia đình là hoàn thành những bổn phận và nhiệm vụ của mình. Họ được gọi trở nên thánh qua việc vâng lời cha mẹ như Chúa Giêsu vâng lời Thiên Chúa Cha cho đến phút cuối cùng trên Thập giá. “Đức Giê-su Ki-tô vốn dĩ là Thiên Chúa mà không nghĩ phải nhất quyết duy trì địa vị ngang hàng với Thiên Chúa... Người lại còn hạ

mình, vâng lời cho đến nỗi bằng lòng chịu chết, chết trên cây thập tự. (Pl 2: 6, 8) Việc vâng lời của Chúa Giêsu hoàn toàn dựa trên việc cầu nguyện và lòng tin và tín thác vào tình yêu Thiên Chúa Cha. Chúa Giêsu phải trải qua nhiều giai đoạn cầu nguyện để biết được Thánh ý Chúa Cha. Trong vườn Gethsemani, Ngài cầu nguyện: “Lạy Cha, nếu có thể xin Cha cất chén này xa con. Nhưng xin đừng làm theo ý con, mà làm theo ý Cha” (Ep 22:42). Chúa Giêsu ý thức rằng sự vâng lời sẽ đem đến nhiều đau khổ và thậm chí ngược với ý muốn của mình. Nhưng vì yêu Chúa Cha và mưu ích cho nhân loại, Ngài chấp nhận chịu chết để đền bù tội lỗi cho nhân loại. Noi gương Chúa Giêsu, những người con cần phải tập cầu nguyện để nhận ra thánh ý của Chúa và dễ dàng vâng phục cha mẹ mình như Chúa Giêsu đã vâng phục Thánh Giuse và Mẹ Maria (cf. Lc 2:51). Thánh Phaolô cũng nhắc nhở bổn phận người con trong gia đình: “Kẻ làm con, hãy vâng lời cha mẹ theo tinh thần của Chúa, vì đó là điều phải đạo” (Ep 6:1). Sống vâng lời cha mẹ như thể vâng lời Thiên Chúa trong tinh thần cầu nguyện sẽ là con đường dẫn đưa những người con gần với Chúa và giúp cho họ trở nên đạo đức và thánh thiện hơn.

Những người con cũng nên thánh khi nhận trách nhiệm đối với cha mẹ để báo hiếu. Khi còn bé, con cái nhận được tình yêu thương và sự săn sóc từ cha mẹ. Sẽ đến lúc cha mẹ trong tuổi già không còn tự săn sóc cho mình được. Lúc này con cái cần phải nâng đỡ cha mẹ về mặt vật chất cũng như tinh thần và săn sóc cho cha mẹ, nhất là những khi các ngài đau yếu, cô đơn, hoặc lo buồn. Khi người con trả hiếu cho cha mẹ, họ cần phải ý thức mình làm với lòng tôn kính, vì đó là điều răn quan trọng đối với Thiên Chúa. Trong sách Huấn ca có khuyên bảo rằng: “Ai tôn kính cha, sẽ được đền bù tội lỗi, và ai tôn vinh danh mẹ thì giống như người tích lũy kho tàng. Ai tôn kính cha sẽ được con cái mình làm vui lòng, và khi nó cầu xin sẽ được ban cho. Ai làm vinh danh cha sẽ được sống lâu, và ai vâng theo Chúa sẽ làm mẹ an lòng” (Hc 3: 3-6).

Gia Đình Cùng Nên Thánh – Yêu

Khi sống ơn gọi dành cho mỗi người, tất cả phải dựa trên nền tảng là tình yêu. Vì vậy đối tượng duy nhất của đời vợ chồng phải là Thiên Chúa vì chính Ngài là *Tình Yêu*. Tình yêu duy nhất của lòng họ phải xuất phát từ Thiên Chúa để họ được thánh hoá và trở nên thánh thiện. Thánh Gioan xác

tín rằng: “Thiên Chúa là tình yêu: ai ở lại trong tình yêu, thì ở lại trong Thiên Chúa, và Thiên Chúa ở lại trong người ấy” (1Ga 4: 16). Mỗi thành viên trong gia đình – người chồng, người vợ, người con – cần phải có một tương qua riêng biệt với Thiên Chúa. Họ cần phải tìm đến và cảm nghiệm tình yêu Thiên Chúa dành riêng cho cá nhân họ. Khi họ tận tình tìm kiếm Thiên Chúa họ sẽ khám phá ra tình yêu tuyệt đẹp nơi Thiên Chúa. Thiên Chúa sẽ mạc khải cho họ thấy Thiên Chúa như là một người tình của họ. Thiên Chúa tỏ tình với con người như một người tình đặt trọn tình yêu của mình vào người mình yêu. Sách Diễm Ca diễn tả tình yêu Thiên Chúa dành cho dân riêng của Ngài như thế này:

*“Em là đoá thủy tiên của Sa-rôn đồng bằng,
là bông huệ thắm hồng trong thung lũng.*

*Bạn tình tôi giữa đoàn thiếu nữ
có khác gì cánh huệ giữa bụi gai.*

*Người tôi yêu giữa đoàn trai tráng
như cây táo giữa muôn cây rừng.
Được ngồi dưới bóng chàng, tôi thoả lòng mơ ước,
và hoa trái của chàng ngọt lịm trong miệng tôi.*

*Chàng đã đưa tôi vào phòng tiệc, cho tôi uống rượu nồng,
đã thắm tôi nhờ sức mạnh tình yêu. (Dc 2: 1-4)*

Tình yêu chưa được đáp lại thì chưa phải là một cuộc tình tuyệt đẹp. Thiên Chúa xem con người như một người tình của Ngài và chỉ ao ước con người đáp lại tình yêu đó. Thiên Chúa mong chờ người tình của Ngài đáp lại như những lời diễn tả trong Sách Diễm Ca:

*“Hãy kéo em theo anh, đôi ta cùng mau bước!
Quân vương đã vờ thiếp vào cung nội,
ngài sẽ là nguồn hoan lạc vui sướng của chúng em.*

*Ân ái của ngài, chúng em quý hơn rượu.
Thương yêu ngài phải lẽ biết bao nhiêu” (Dc 1: 4)*

Ước muốn của Thiên Chúa được con người đáp lại tình yêu đã trở nên một thực tại nơi con người Chúa Giêsu, Con Một của Ngài. Chúa Giêsu là hình ảnh trung thực của Thiên Chúa mà Ngài đã có trước khi tạo dựng nên con người: “Thiên Chúa đã nhờ Người mà dựng nên vũ trụ, đã đặt Người làm Đấng thừa hưởng muôn vật muôn loài. Người là phản ánh vẻ huy hoàng, là hình ảnh trung thực của bản thể Thiên Chúa” (Dt 1: 2-3). Chúa Giêsu là hình ảnh sống động của tình yêu Thiên Chúa. Suốt cuộc đời của Chúa Giêsu, Ngài luôn liên kết mật thiết với Chúa Cha để biết và thực thi Thánh ý của Cha Ngài trên trời. Vì yêu Thiên Chúa và nhân loại, Ngài chịu chết trên Thánh giá để chuộc tội và đem lại ơn cứu độ cho nhân loại. Ai tuyên xưng đức tin vào Con Thiên Chúa thì được hiệp thông với Thiên Chúa. “Hễ ai tuyên xưng Đức Giêsu là Con Thiên Chúa, thì Thiên Chúa ở lại trong người ấy và người ấy ở lại trong Thiên Chúa” (1Ga 4: 15). Nhờ và qua Chúa Giêsu Kitô con người được biết về tình yêu Thiên Chúa và được tình yêu đó thánh hoá họ để trở nên một với Thiên Chúa.

Tình yêu Chúa Giêsu đáp lại với Chúa Cha là một tình yêu trao ban. Chúa Giêsu mong ước nơi con người cũng biết đáp lại và trao ban tình yêu đó cho nhau. Lời trăng trối và cũng là điều răn của Chúa Giêsu cho con người trước khi lìa thế là: “Anh em hãy yêu thương nhau, như Thầy đã yêu thương anh em. Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình (Ga 15:11-13). Tình yêu hiến trao của Chúa Giêsu đã được đáp lại qua biết bao đôi hôn nhân đã kết hôn trong nhà thờ. Cuộc tình giữa đôi hôn nhân thật đẹp khi họ đến ngôi Thánh Đường để tự nguyện tuyên xưng đức tin vào Chúa Giêsu Kitô và thề hứa sống chung thủy với nhau nhờ ơn thánh và tình yêu của Thiên Chúa. Sự kết hôn của họ gồm có ba: Thiên Chúa và đôi tân hôn. Tình yêu Thiên Chúa thánh hóa họ và làm cho họ trở nên thánh thiện trong đời sống hôn nhân. “Nếu chúng ta yêu thương nhau, thì Thiên Chúa ở lại trong chúng ta, và tình yêu của Người nơi chúng ta mới nên hoàn hảo” (1Ga 4: 12).

Tình yêu thánh hóa và kết hiệp gia đình với Thiên Chúa một cách tuyệt hảo là Bí Tích Thánh Thể. Khi gia đình tham dự buổi tiệc Thánh Thể là lúc bậc chồng/cha kết hiệp sự hy sinh của mình cho gia đình với Chúa Giêsu qua việc hiến tế của Ngài trên bàn thờ; bậc vợ/mẹ kết hiệp sự khiêm

nhường phục vụ cho gia đình với Chúa Giêsu qua việc Ngài trở nên tấm bánh nuôi dưỡng các tín hữu; bậc người con kết hiệp đức vâng lời và lòng thảo kính cha mẹ mình với Chúa Giêsu qua việc tuyên xưng đức tin trong Kinh Tin Kính và tạ ơn Thiên Chúa khi Thánh lễ kết thúc. Qua Bí Tích Thánh Thể, gia đình họ được cùng trở nên một với Thân Thể Chúa Giêsu và với nhau. Khi từng phần tử trong gia đình đều có Chúa trong lòng là khi họ đang sống Nước Thiên Đàng nơi trần thế.

Gia Đình Nên Thánh: Cầu Nguyện

Cha Patrick Peyton, C.S.C. có câu: “Family that prays together, stays together - Gia đình cầu nguyện chung với nhau thì ở lại với nhau.” Cầu nguyện là một phần quan trọng trong đời sống Kitô hữu. Thánh Gioan Kim Khẩu viết: “Không có gì sánh được với cầu nguyện: nhờ cầu nguyện, chúng ta làm những điều tưởng chừng không thể làm nổi, làm dễ dàng những điều tưởng chừng khó khăn. Người cầu nguyện thì không thể phạm tội.”¹⁶

Đức Giêsu dạy phải cầu nguyện luôn, không được nản chí. (xem Lc 18: 1) Ngài đã làm gương qua việc cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh. Ngài cầu nguyện khi vui cũng như khi buồn; Ngài cầu nguyện khi có người khác ở chung quanh; và Ngài cầu nguyện một mình trong tịch mịch của đêm khuya. Ngài cầu nguyện ở trên núi và ở nơi thánh, và ở trên đất bằng, nơi cuộc sống hằng ngày được diễn ra. Thánh Phaolô đã tiếp tục giáo huấn này trong thư thứ nhất gửi tín hữu Thêxalônica: “Hãy cầu nguyện không ngừng. Hãy tạ ơn trong mọi hoàn cảnh. Anh em hãy làm như vậy, đó là điều Thiên Chúa muốn trong Đức Kitô Giêsu” (1Tx 5: 17-18).

Nhưng cầu nguyện là gì? Và làm sao cầu nguyện có thể dẫn tới việc nên thánh?

Thánh Têrêxa thành Lisieux, một cách đơn sơ nhưng có chiều sâu, đã định nghĩa cầu nguyện như sau: “Đối với tôi, cầu nguyện là sự hứng khởi của tâm hồn, là cái nhìn đơn sơ hướng về trời, là lời kinh tri ân và yêu mến giữa cơn thử thách cũng như lúc hân hoan.”¹⁷ Còn Thánh Gioan Đamat định nghĩa: “Cầu nguyện là nâng tâm hồn lên Chúa hay cầu xin Người ban cho

¹⁶ *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*. Bản dịch của Tổng Giáo Phận Sài Gòn năm 1993. Web. <http://www.giaoly.org/vn/tai-lieu/giao-ly-hoi-thanh-cong-giao/>, số 2744.

¹⁷ *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, phần 4, đoạn 1.

những ơn cần thiết.”¹⁸ Như vậy, khi cầu nguyện, con người tiếp xúc với Thiên Chúa để thờ lạy, để ca ngợi, để cảm tạ những gì mình đã lãnh nhận, để đền những tội mình đã phạm, và để cầu xin cho những nhu cầu khác nhau.

Gia đình Kitô giáo tiến trên đường thánh thiện bằng cách làm cho việc cầu nguyện trở nên một thói quen đều đặn mỗi ngày. Những việc cụ thể như đọc kinh dâng ngày khi thức dậy, cầu nguyện trước bữa ăn, lần chuỗi, đọc kinh dâng mình trước khi đi ngủ sẽ giúp họ ý thức sự hiện diện của Thiên Chúa trong từng giây phút sống và giúp họ kết hiệp với Thiên Chúa.

Cầu nguyện qua Kinh Thánh

Một gia đình nên thánh là gia đình có Chúa Giêsu làm trung tâm điểm trong đời sống của họ. Để hiểu biết và yêu mến Chúa Giêsu thì cần phải biết và yêu Kinh Thánh. Thánh Giêrônimô đã khẳng định: “*Không biết Kinh Thánh là không biết Đức Kitô.*” Gia đình cần có những giây phút cầu nguyện với Kinh Thánh riêng hoặc chung với nhau. Những đoạn Kinh Thánh có thể là những bài đọc của ngày Chúa Nhật. Có rất nhiều cách để cầu nguyện với Kinh Thánh và mỗi gia đình có thể tìm ra một phương cách thích hợp cho gia đình mình. Một phương cách cầu nguyện với Kinh Thánh đơn giản nhất là:

- Xin ơn Chúa Thánh Thần
- Đọc đoạn Phúc Âm ngày Chúa Nhật
- Thinh lặng vài phút
- Chia sẻ những thắc mắc trong đoạn Phúc Âm
- Cầu nguyện xem Chúa đang nói gì với chính tâm hồn mình
- Chia sẻ với nhau những điều mình được đánh động
- Thinh lặng để nói với Chúa những quyết tâm của mình
- Dâng lời nguyện tạ ơn Thiên Chúa

Nếu có nhiều giờ, gia đình có thể cầu nguyện với Kinh Thánh qua phương cách Lectio Divina được tóm tắt bằng bốn giai đoạn như sau:

¹⁸ *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*, số 2559.

1. **Đọc bản văn** (Lectio)
2. **Suy niệm** (Meditatio)
3. **Cầu Nguyện** (Oratio)
4. **Chiêm niệm** (Contemplatio)

Lương thực hàng ngày của Chúa Giêsu là cầu nguyện để kết hiệp mật thiết với Thiên Chúa Cha. Để giúp nhau nên thánh, mỗi phần tử trong gia đình cần phải cố gắng tìm thời giờ để cầu nguyện với nhau qua Lời Chúa để Lời Chúa trở nên lương thực hằng ngày cho họ và đưa họ đến đời sống vĩnh cửu. Thánh Phêrô giúp cho ta xác tín được điều này khi ngài tuyên xưng: “Thưa Thầy, bỏ Thầy thì chúng con biết đến với ai? Thầy mới có những lời đem lại sự sống đời đời” (Ga 6: 68).

Cầu Nguyện Trong Mọi Hoàn Cảnh

Như Chúa Giêsu đã cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh thế nào, gia đình cũng noi gương Ngài bằng cách cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh của đời sống gia đình như vậy. Những lúc vui cũng như buồn, khi hy vọng hay thất vọng, lúc sinh con hay lúc kỷ niệm sinh nhật, kỷ niệm thành hôn, khi có ai đi xa, khi chia tay, khi có ai trở về, khi phải đưa ra những quyết định quan trọng và khó xử, khi một người qua đời, v.v. Đây là những dịp thuận lợi cho các gia đình Kitô hữu dâng lên Thiên Chúa những lời nài van, chuyển cầu, tạ ơn, và ca ngợi. Khi cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh, gia đình sẽ nhận ra sự hiện diện và sự an bài của Thiên Chúa trong cuộc sống của mình. Khi dâng lời tạ ơn, khi ca tụng Thiên Chúa, khi xin Chúa tha thứ, khi van nài, khi kêu cầu danh Chúa, là khi gia đình cùng kết hiệp với Thiên Chúa. Thánh Phaolô xác tín điều này trong thư gửi Tín Hữu Êphêsô: “Trong mọi hoàn cảnh và mọi sự, hãy nhân danh Đức Giê-su Ki-tô, Chúa chúng ta, mà cảm tạ Thiên Chúa là Cha” (Eph 5: 20). Đây là một bước nên thánh cho gia đình. Như thế, đời sống gia đình trở nên một chuỗi lời kinh. Mọi giây phút trong đời sống gia đình giống như một của lễ dâng lên trước nhan Thiên Chúa.

Gương Thánh Cho Gia Đình: Gia Đình Thánh Gia

Gia đình đầu tiên mà Thiên Chúa dựng nên đã làm mất đi ân sủng của Thiên Chúa dành cho loài người bởi tính kiêu ngạo và sự bất tuân của A-dong và E-va. Để phục hồi ân sủng đó, Thiên Chúa chọn một gia đình nơi

Nazareth làm nơi Ngài trú ngụ. Gia đình Nazareth gồm có Thánh Giuse, Mẹ Maria, và Chúa Giêsu. Mỗi nhân vị trong gia đình đều trở nên thánh nhờ sự vâng phục và tin yêu vào Thiên Chúa Cha. Vì vâng phục Thánh ý Chúa Cha, Mẹ Maria đã khiêm nhường đáp tiếng “xin vâng” để Con Một Thiên Chúa nhập thể trong cung lòng Mẹ. Vì vâng phục Thánh ý Chúa Cha, Thánh Giuse đã khiêm nhường chấp nhận Mẹ Maria làm vợ và Chúa Giêsu làm con nuôi của mình. Vì vâng phục Thánh ý Chúa Cha, Chúa Giêsu khiêm nhường chấp nhận chịu chết trên Thánh giá để cứu chuộc nhân loại. Qua sự vâng phục Thiên Chúa Cha, cả ba Đấng trở nên Thánh và nên một với Thiên Chúa Cha. Chúa Giêsu quả quyết rằng: “phàm ai thi hành ý muốn của Cha tôi, Đấng ngự trên trời, người ấy là anh chị em tôi, là mẹ tôi” (Mt 12: 48). Đây là gia đình đầu tiên nên Thánh làm đẹp ý Thiên Chúa Cha là Đấng ngự trên trời.

Nhờ cái chết và sự phục sinh của Chúa Giêsu, Thiên Chúa Cha đã mở lối cho nhân loại trở về với Ngài để hưởng Nước Thiên Đàng. Thánh Gioan xác tín điều này nơi Chúa Giêsu: “Thầy là đường, là sự thật và là sự sống. Không ai đến với Chúa Cha mà không qua Thầy” (Ga 14: 6). Chúa Giêsu đã chỉ lối cho mọi người trở nên thánh và về cùng với Chúa Cha trên Nước Thiên Đàng. Nhưng biết bao gia đình trong thế giới hôm nay còn chưa tin vào Chúa Giêsu? Biết bao nhiêu gia đình đang chạy theo tình yêu hưởng thụ, trốn tránh đau khổ, và ham muốn vật chất để những thứ đó làm chủ tâm trí họ và Thiên Chúa không còn cần thiết trong cuộc đời họ? Thử hỏi, có bao nhiêu gia đình công giáo thật sự đặt Chúa Giêsu làm trung tâm điểm của gia đình họ và đang nỗ lực trở nên thánh. Đây là một thách đố lớn cho những gia đình công giáo ngày nay để sống thánh thiện và giúp nhau trở nên thánh giữa một thế giới còn nghi ngờ sự hiện diện và tình yêu của Thiên Chúa.

Trong mọi thử thách, bấn khoăn và đau khổ của cuộc đời, Thánh Giuse và Mẹ Maria vẫn đặt trọn niềm tin vào Thánh ý của Thiên Chúa và trung thành với tình yêu dành cho Chúa Giêsu và cho nhau. Gương thánh của các Ngài sẽ là động lực thúc đẩy các đôi vợ chồng biết chấp nhận thánh ý Thiên Chúa trong mọi cảnh huống của cuộc đời. Khi gặp những khó khăn và đau khổ thì họ biết tin tưởng vào Thiên Chúa và trung thành với tình yêu dành cho Chúa Giêsu và cho nhau.

Kết Luận

Mỗi gia đình Kitô hữu đều được mời gọi để nên thánh. Con đường này bắt nguồn từ lời mời gọi của Chúa Giêsu cho từng người, xoay quanh Chúa Giêsu là trọng tâm và mẫu mực của sự thánh thiện, và nhắm tới cùng đích là Chúa Giêsu. Khi Chúa Giêsu kêu gọi mỗi người trở nên thánh, Ngài mời gọi chúng ta trong hoàn cảnh và bậc sống của mình. Ngài không đòi hỏi chúng ta phải theo đuổi một ơn gọi đặc biệt nào hoặc làm những việc phi thường, nhưng ngay trong ơn gọi và môi trường sống của mình. Ơn gọi nên thánh là món quà cho tất cả mọi người.

Vì vậy khi người chồng/cha thi hành chức vụ và trách nhiệm của mình đối với vợ và con trong sự hy sinh và với tình yêu tự hiến như Chúa Giêsu đã làm cho Giáo hội, ông đang tiến bước trên con đường nên thánh. Khi người vợ/mẹ phục vụ gia đình trong khiêm nhường như Chúa Giêsu đã đến để phục vụ, bà đang tiến bước đến sự thánh thiện. Khi người con sống tinh thần vâng phục như Chúa Giêsu đã vâng phục thánh ý Chúa Cha và sống tâm tình biết ơn trong mối tương quan với cha mẹ mình, họ đang tiến bước trên con đường nên thánh. Và khi cả gia đình cố gắng sống trong yêu thương để tạo nên một cộng đoàn hiệp thông và sống đời sống cầu nguyện để kết hiệp với Thiên Chúa, họ đang tiến bước trên con đường nên thánh. Mỗi bước nhỏ là một bước dẫn đưa chúng ta đến sự thánh thiện. Trên con đường nên thánh, mỗi phần tử trong gia đình không đi một mình nhưng có Thiên Chúa luôn ở cùng để ban ơn và giúp sức cho họ và có những người bên cạnh cùng đồng hành với họ. Vậy bậc cha mẹ và những người con có thể nâng đỡ nhau để cùng nhau tiến bước đạt tới sự thánh thiện Thiên Chúa kêu gọi từng người.



Sr. Mary Margaret Phan Miên Miên, LHC (phải)

Thuộc Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, Tỉnh Dòng Thừa Sai Hoa Kỳ, lãnh nhận Hồng Ân Vĩnh Khẩn vào năm 2007. Tốt nghiệp Trường Thần Học Phanxicô tại Berkeley, California với bằng Master of Art in Ministry in Multicultural Church, năm 2005. Hiện nay đang phục vụ trong lãnh vực Giáo lý dành cho trẻ em và người lớn tại Giáo xứ Chúa Ba Ngôi, San Jose, California.

Sr. Marie Claire Phạm Thanh Thu, LHC (trái)

Thuộc Dòng Mến Thánh Giá Qui Nhơn, Tỉnh Dòng Thừa Sai Hoa Kỳ; lãnh nhận Hồng Ân Vĩnh Khẩn vào năm 2010. Tốt nghiệp trường Thần Học Phanxicô tại Berkeley, California với bằng Master of Arts in a Multicultural Church và Master of Theological Studies, năm 2013. Hiện nay đang phục vụ trong lãnh vực Giáo lý dành cho trẻ em tại Giáo Xứ St. Monica, Moraga, California.

Mục Vụ Cho Người Sống Chung: Hợp Nhau, Hợp Luật, Hợp Đạo?

Lm. Anthony Đào Quang Chính, Ed.D.

Nếu cách đây vài thập niên, sống chung trước hôn nhân¹ là hiện tượng bất thường, thì ngày nay, sự kiện bất thường đó trở thành khá bình thường. Để tìm hiểu thêm về hiện tượng này, cùng nhau chúng ta sẽ thảo luận:

1. Định nghĩa sống chung.
2. Các loại sống chung
3. Thống kê
4. Lý do đưa đến sống chung
5. Mục vụ giúp người sống chung.

Khi đã biết những lý do, điều kiện, hoàn cảnh của người sống chung, chúng ta sẽ dễ tìm ra phương cách mục vụ giúp đỡ họ cách hiệu quả hơn.

I. Định nghĩa.

Sống chung là sự thu xếp khiến cho hai người, tuy chưa có hôn nhân, sống chung với nhau cùng một nơi, cùng chia sẻ liên hệ tính dục hoặc cảm quan trong thời gian dài. Sống chung thường hiểu giữa một người nam và một người nữ. Tuy nhiên, thời gian gần đây, cụm từ sống chung được áp dụng cả cho những người đồng phái.

II. Các loại sống chung

Xét theo thời gian, sống chung lâu hay ngắn tùy theo liên hệ giữa hai người. Điều này có nghĩa, sống chung có thể vài tháng hay một năm, hoặc nhiều năm, cho đến khi họ quyết định chính thức lấy nhau theo luật pháp dân sự cũng như theo giáo hội. Các nhà xã hội cũng đồng ý, nếu hai người sống chung trong thời gian quá ngắn, thí dụ vài ngày, thì không được xếp vào loại sống chung. Nên biết, theo thống kê mà hội đồng giám mục Hoa Kỳ

¹ Trong bài này chúng ta sẽ gọi ngắn gọn là sống chung

xử dụng, thì tại xứ sở này, trung bình, thời gian sống chung là 1 năm 3 tháng²!!!

Còn theo phái tính, thì có khi là sống chung giữa 2 người: một nam và một nữ; nhưng có thể nhiều nam, một nữ; một nữ, nhiều nam; hoặc nam với nam, và nữ với nữ.³

Ngoài ra, **theo luật pháp** thì có hình thức sống chung của những người chưa bao giờ lập gia đình. Đây là nhóm mà tài liệu tổng kết của thượng hội đồng giám mục 2014 gọi là những người muốn kéo dài thời thanh niên, và thấy hôn nhân quá thách đố, nên không dám dấn bước vào đời sống gia đình. Một loại khác nữa là sống chung của những người đã ly dị. Họ sống chung, đôi khi có giấy hôn thú dân sự, có khi chẳng có giấy tờ gì.

Tại Hoa Kỳ, trước thập niên 1960, luật pháp cấm một đôi nam nữ không có giấy hôn phối được quyền mượn khách sạn ở chung. Những cặp này gần như không thể mượn nổi tiền mua nhà hoặc bất động sản chung. Tuy nhiên từ năm 1998, luật này bị coi như bãi bỏ.⁴

Theo khía cạnh tôn giáo, nhiều người sau thời gian sống chung, quyết định nhận lãnh bí tích hôn nhân lần đầu, có người phải chờ giấy tiêu hôn. Chính vì sự nhiều khê này, các linh mục, thầy sáu hoặc thừa tác viên giáo lý, khi giúp dạy đạo hoặc hướng dẫn các đôi hôn phối, nên biết họ thuộc vào trường hợp nào, hầu hướng dẫn cho thích đáng.

Nhìn trên toàn thế giới, thì những quốc gia không cho phép sống chung hợp pháp, là các nước chịu ảnh hưởng mạnh của Hồi giáo. Tại Trung đông, có thể bị tử hình bằng cách ném đá nếu bị bắt gặp sống chung, hoặc ngay cả chưa sống chung, nhưng đã có những liên hệ vợ chồng.

III. Thống kê

² United States Conference of Catholic Bishops (USCCB), *Marriage Preparation And Cohabiting Couples*. 1999

³ Trong bài này, chúng ta chú trọng đến sống chung giữa hai người khác phái. Đã một thời, bộ phim truyền hình “*The Three Company*” (1977-1984) rất nổi tiếng và được nhiều người xem. Có thể đây là giai đoạn khởi đầu của truyền thông Hoa kỳ nhìn đến sống chung như hình thức hợp lý và hợp pháp.

⁴ Cho đến năm 2013, bốn tiểu bang Idaho, Utah, South Carolina và Minnesota vẫn chưa nhìn nhận giá trị pháp lý của các cặp sống chung.

Hội đồng giám mục Hoa Kỳ dựa trên tài liệu “*The State of Our Unions: The Social Health of Marriage in America*,”⁵ cho biết vào năm 1970, có khoảng 500.000 người sống chung. Đến năm 2004, con số này lên đến hơn 5 triệu. Còn theo nghiên cứu của Hsien-Hen Lu, thì vào năm 2000, có đến 60% các cuộc hôn nhân khởi sự bằng sống chung.⁶

Các nước tỷ lệ sống chung cao nhất:

1. Sweden 24.06 trên 100 người.
2. Finland 18.84
3. Norway 18.82
4. Brazil 16.18
5. Denmark 15.77
6. Germany 15.55
7. Netherlands 13.21
8. France 12.91
9. Chile 9.55
10. New Zealand 9.38
11. Austria 9.11
12. Great Britain 8.68
13. Switzerland 8.57
14. Hungary 8.48
15. Czech Rep 8.02
16. Belgium 7.61
17. USA 6.83⁷

⁵ Popenoe, David and Barbara Whitehead, *The State of Our Unions: The Social Health of Marriage in America*, National Marriage Project, Rutgers University. 2005.

⁶ Lu, Hsien-Hen, *Trends in Cohabitation and Implications for Children's Family Contexts in the U.S.* 2000.

⁷ Gubernskaya, Zoya, *Attitudes toward Cohabitation in 28 Countries: Does Marital Status Matter?* University of California, Irvine. 2008.

Bối cảnh tôn giáo và xã hội. Dựa theo các cuộc nghiên cứu mà ủy ban mục vụ gia đình của hội đồng giám mục Hoa Kỳ thu thập, những người sống chung có những bối cảnh tôn giáo và xã hội như sau:

1. Đa số người sống chung ơ hờ với tôn giáo.
2. Học vấn thấp sống chung nhiều hơn học vấn cao.
3. Tiền lương thấp sống chung nhiều hơn tiền lương và lợi tức thu nhập cao
4. Nếu đã sống chung một lần sẽ dễ sống chung lần nữa.
5. Người chưa bao giờ sống chung ngần ngại khi phải sống chung.
6. Người đã lập gia đình dễ sống chung hơn người chưa lập gia đình.
7. Học vấn: Có bằng trung học sống chung nhiều hơn có bằng đại học. 41% nữ sinh sau trung học sống chung, trong khi đó sau đại học là 26%.
8. Nữ giới sống chung mong lập gia đình với người đang sống.
9. Nam giới sống chung có khuynh hướng thử và đi tìm người kế tiếp.
10. Người sống chung chịu ảnh hưởng từ gia đình. Họ có cha/mẹ không yên hàn với đời sống gia đình.
11. Người sống chung là người chấp nhận tệ hại xảy ra hơn là người không đồng ý sống chung.
12. Các gia đình sống chung tỷ lệ bạo hành cao hơn các gia đình bình thường⁸.
13. Người đã sống chung, kết hôn, rồi kết thúc bằng ly dị, tỷ lệ cao hơn người không sống chung là 50% .
14. Một số người sống chung tưởng lầm, sau thời gian tìm hiểu và thử thách thêm, họ sẽ đi đến kết hôn!!! Thống kê cho biết 30% không bao giờ có ý định kết hôn với người đang sống chung.⁹

IV. Lý do đưa đến sống chung.

⁸ United States Conference of Catholic Bishops, *ibid*

⁹ Bumpass, Larry L., James A. Sweet, *Cohabitation, Marriage and Union Stability*, University of Wisconsin-Madison. 1995.

Theo các nghiên cứu chung thì có nhiều lý do đưa đến sống chung, mà chính yếu là:

1. Kinh tế. Tiền thu nhập không đủ để trang trải đời sống gia đình.
2. Không chắc về tương lai hai người sẽ hợp nhau đến mức nào. Họ biết để đồng một lòng, một ý, cần có những tương giao tốt đẹp về nhiều phương diện, nhưng họ chỉ hợp với nhau vài phương diện, do đó, lời hứa trung thành với nhau cho đến chết trở thành thách đố lớn
3. Khác biệt văn hóa nên không muốn lấy nhau ngay
4. Không dám làm phép hôn phối trong nhà thờ vì sợ bị mất tiền bảo hiểm, an sinh xã hội hoặc các lợi nhuận khác.
5. Mất niềm tin vào tôn giáo và vào các định chế sẵn có trong xã hội.
6. Liên hệ tình dục quá sớm
7. Sợ có con
8. Lớn lên từ gia đình mà cha mẹ hoặc anh chị em kết thúc hôn nhân bằng ly dị khiến họ sợ rằng mình sẽ giống như vậy
9. Rời nhà quá sớm, không thấy nhu cầu cần một mái ấm gia đình.

V. Những hậu quả của sống chung

Dĩ nhiên không phải cặp sống chung nào cũng đưa đến ly thân hoặc ly dị. Có khi cứ sống chung như vậy... cả đời. Theo tài liệu “*National Estimates of Cohabitation*”¹⁰ cho biết, thì những người sống chung lần đầu có khuynh hướng khá mạnh tiến đến hôn nhân. Theo thống kê, khoảng 60% các cặp sống chung lần đầu hôn nhân. Đây cũng là dấu hiệu tốt. Còn những cặp đã có kinh nghiệm sống chung trong quá khứ, thì tỷ lệ hôn nhân rất thấp; ngược lại, tỷ lệ tách rời thêm một lần nữa cao lên. Như vậy, kết quả rõ ràng, kinh nghiệm sống chung không giúp họ nhiều trong việc tìm ra người bạn đời như lòng mong ước nhưng càng khiến họ dễ đi tìm người khác. Họ quyết định sống chung và lại sống chung, vì không muốn bị mang tiếng là đã ly dị, hoặc bị quấy rầy vì những vấn đề tài chánh gây ra do việc chính thức ly dị. Trên thực tế, khi hai người sống chung và phải tách rời, họ trải qua các giai

¹⁰ Demography 26. *National Estimates of Cohabitation*, các trang từ 615-630. 1989

đoạn pháp lý khi phân chia của cải, sở hữu, con cái.. không khác gì người lập gia đình!

Ly dị. Theo Bumpass & Sweet thì ngay sau khi đã thành hôn,¹¹ tỷ lệ ly dị và bạo hành của người sống chung cao hơn người thành hôn bình thường lên đến 50%. Tại nhiều quốc gia Tây Âu, lên đến 80% cao hơn hôn nhân bình thường.

Bạo hành. Tuy nhiên với những cặp sống chung không đi đến hôn nhân, vấn đề đáng lưu tâm vẫn là bạo hành trong gia đình xảy ra thường xuyên hơn những cặp lấy nhau bình thường.¹²

Tỷ lệ sinh con. Quan trọng nhất là các cặp sống chung không muốn có con. Tỷ lệ sinh con rất thấp. Hình như việc thiếu lời đòan quyết sống với nhau cả đời khiến họ ngần ngại cùng nhau đòan quyết có con.

Song song với vấn đề này là **thời gian dành cho nhau** cũng ít hơn.¹³ Họ cũng không thích đối diện với vấn đề, hầu tìm ra cách giải quyết. Khi có chuyện không vừa ý, thay vì tìm hiểu tại sao và cố gắng tìm ra câu trả lời, họ thường trốn tránh, cuối cùng quyết định theo ý riêng¹⁴. Họ không muốn cho người sống chung biết những dự định riêng.

Liên hệ tình dục. Điểm quan trọng khác nữa là một trong hai người dễ dùng tình dục như sức mạnh buộc người kia phải chiều theo mình. Trong khi các cặp hôn nhân bình thường chú trọng đến tình yêu, và tình dục là quà tặng đi theo cùng, thì các cặp sống chung không cần lưu ý nhiều đến tình yêu cho bằng tình dục.¹⁵ Ngay cả về vấn đề này, theo nghiên cứu của Linda Waite¹⁶ thì các cặp sống chung, liên hệ tình dục mỗi tháng khoảng 7 lần, trong khi đó các cặp hôn nhân bình thường là 6 lần. Tuy nhiên, đa số các cặp

¹¹ Bumpass & Sweet, *ibid.*

¹² Bumpass & Sweet, *ibid.*; Davis Hall and John Zhao, *Cohabitation and Divorce in Canada: Testing the Selectivity Hypothesis*, *Journal of Marriage and the Family*, v. 57. 1995

¹³ Bumpass & Sweet, *ibid.*

¹⁴ Booth, Alan; David Johnson, *Premarital Cohabitation and Marital Success*, *Journal of Family, Issues* 9. 1988

¹⁵ Booth, Alan; David Johnson, *ibid.*

¹⁶ Waite, Linda, *The Negative Effects of Cohabitation*, vol. 10; issue, dựa trên thống kê của “National Health and Social Life Survey.” 2000

sống chung cho biết, họ không chỉ liên hệ tình dục với một người, mà với nhiều người trong cùng một thời gian!

Liên hệ tài chánh. Bên cạnh liên hệ tình dục là khó khăn tài chánh. Các cặp sống chung vì không muốn có nhiều ràng buộc về tài chánh, nên đa số sống theo tiêu chuẩn “góp gạo thổi cơm chung” hoặc “tiền ai, người nấy giữ.” Do đó, các sinh hoạt chung trở nên dễ tính toán, và thiếu tương trợ. Xem ra “tiền ai, người nấy giữ” công bằng trên lý thuyết, nhưng thực tế, khi phải cùng sống chung một mái nhà, rất nhiều sự va chạm xảy ra, và những va chạm này khiến tình yêu thương khó phát triển. Các người sống chung vẫn ao ước người bạn của mình rộng rãi thêm chút nữa khi chi tiêu! Những người sống chung có khuynh hướng thiên về cá nhân chủ nghĩa, và lo lắng về kinh tế nhiều hơn các cặp hôn nhân bình thường. Chính vì vậy họ thường xuyên tranh luận, cãi nhau về chuyện tiền bạc.¹⁷ Họ sợ những khó khăn tài chánh có thể xảy ra cho họ, nên rất nhạy cảm khi phải chia sẻ tài chánh. Điều này ảnh hưởng họ ngay cả sau khi đã quyết định đi đến hôn nhân, dù với người sống chung hay với người khác.

VI. Mục vụ cho người sống chung. Giáo hội Công giáo có thể làm gì?

Sống chung trở thành vấn đề lớn và quan trọng đến nỗi Giáo hội Công giáo trong năm 2014 đã nhóm họp thượng hội đồng bàn về chương trình phúc âm hóa gia đình. Cùng nhau chúng ta tìm hiểu thượng hội đồng viết gì về sống chung?

Thượng hội đồng dành các số từ 80-85 chuyên biệt về vấn đề này.

Số 80: “*Đứng trước những khó khăn của thế giới ngày nay, khi trong lãnh vực hôn nhân, đang có chiều hướng sống chung, Giáo hội, được gọi là nhà Cha, phải mở rộng cánh cửa, sao cho đây chính là nơi chốn, mà mọi người, với mọi khó khăn của họ có thể sống (GE, 47).*¹⁸ Mục vụ đích thực cần lo lắng chăm sóc cho những người này, và mang ơn chữa lành đến cho họ, nhờ đó họ có thể tiếp tục đồng hành với toàn thể dân Chúa. Tình yêu

¹⁷ Singh, Supriya and Jo Lindsay, *Money in heterosexual relationships*, Australian and New Zealand Journal of Sociology. 1996; Ressler, Rand W and Melissa Waters, *Risk, cohabitation and marriage*, 1995.

¹⁸ *Gravissimum Educationis*, viết tắt là GE, số 47

thương của Chúa không thể chỉ coi như viên thuốc tạm thời che bọc các lầm lỗi của cá nhân, nhưng cần mang đời sống con người đến với tận gốc sự giao hòa, một sự giao hòa mang lại niềm tin mới, sự trong lành mới, nhờ canh tân nội tại. Mục vụ gia đình, cần đi xa hơn những giới hạn của luật lệ, mang một sứ vụ kêu gọi mọi người nhìn lại ơn gọi vĩ đại của yêu thương, mà mỗi người được mời gọi đến, và giúp cho họ sống đúng với nhân phẩm của lời kêu gọi ấy.”

Cần ghi nhận nơi đây, thượng hội đồng không lên án người sống chung như kẻ tội lỗi, dù vẫn nói rằng, việc làm của họ cần được chữa lành, nhưng chú tâm đến tình yêu của Chúa và sự giao hòa của con người với Chúa.

Mục vụ của Giáo hội Công giáo Hoa kỳ

Giáo hội Công giáo Hoa kỳ nhắc nhở hai vấn nạn quá khích cần phải tránh, khi giúp mục vụ cho người sống chung:

1. Không nên ngay lập tức lên án những cặp sống chung và cho rằng họ là người tội lỗi. Mục vụ cho họ sẽ dựa trên cơ sở này. Các linh mục, thầy sáu và người chuẩn bị bí tích hôn phối cũng nên đặt mình vào hoàn cảnh của đôi hôn phối. Thay vì nghĩ rằng những người này thiếu thiện chí, không muốn tuân thủ luật Giáo hội, thì nên nhìn họ với cặp mắt yêu thương và thông cảm. Đa số, không ai muốn đặt mình vào hoàn cảnh trở trêu. Họ nhiều khi lựa chọn sống chung vì thấy cách này tốt đẹp và hữu hiệu nhất cho mình.

2. Đẳng khác, cũng không thể bỏ qua khía cạnh sống chung trong liên hệ tương giao. Một cách tích cực, giúp cho họ nhìn thấy giá trị đáng quý trọng của bí tích hôn nhân Công giáo, và tin vào ơn Chúa trợ giúp vượt qua những khó khăn. Đưa ra những tấm gương tốt, thực tế và cụ thể; cho họ biết rằng lời hứa trung thành không phải là điều cản trở đời sống hôn nhân. Ngược lại, đây chính là động lực nối kết, yêu thương và nâng đỡ nhau nhiều hơn.¹⁹

Vì hoàn cảnh của các cặp sống chung không giống nhau, do đó, mục vụ dành cho họ cũng không hoàn toàn đồng nhất.

¹⁹ USCCB, ibid

A. Tổng quát. Nơi đây, lại một lần nữa, nên nhớ đến mạch văn và ngôn ngữ của thượng hội đồng giám mục 2014. Văn bản đã dùng lời lẽ rất nhẹ nhàng khi nói về các vấn đề gia đình và đời sống hôn nhân. Thượng hội đồng dùng cụm từ “những cặp sống trong hoàn cảnh bất thường,²⁰ thay vì người tội lỗi.

Một cách cụ thể, khi hai người sống chung đến gặp linh mục, thầy sáu²¹ xin giúp đỡ tư vấn gia đình, xưng tội, chứng nhận giấy tờ, nên dùng cơ hội này nhắc nhở họ về định nghĩa hôn nhân theo Giáo hội. Một số chuyên viên xã hội và linh hướng gia đình đề nghị, sau khi lắng nghe hoàn cảnh và nhìn nhận thiện chí tìm về Giáo hội, dù vì cần bí tích cho con cái, hay nhu cầu nào đó, nên đặt ra những gợi ý chung như:

Hôn nhân là vấn đề của toàn gia đình, trong đó có vợ-chồng, cha-mẹ, con cái hay chỉ là sự lựa chọn của hai người?

Hôn nhân phải chăng là sự kết hiệp của hai người cùng chia sẻ một tâm tình, một đời sống, hay chỉ là sự chung sức trong một thời gian?

Xã hội, Giáo hội và gia đình đóng vai trò nào trong liên hệ của hai người?

Gia đình, Giáo hội có thể làm gì giúp họ hơn nữa?

Từ quan niệm nền tảng trên, những câu hỏi sau sẽ rất giúp ích cho hai người nhìn đến mỗi liên hệ của họ như:

1. Đây là lý do khiến các bạn quyết định sống chung? Sự dấn thân dành cho nhau bây giờ có khác với sự dấn thân lúc mới quyết định sống chung không?
2. Gia đình, cộng đoàn và xã hội nghĩ thế nào về việc sống chung này? Bạn cảm thấy thế nào khi gặp gỡ gia đình?
3. Các bạn có nghĩ rằng mối liên hệ hiện nay sẽ thay đổi? Sẽ tốt hơn, sẽ tệ hại hơn?
4. Bạn có nghĩ rằng ngày nay là thời điểm tốt để chính thức cử hành bí tích hôn phối trong nhà thờ?

²⁰ Thượng hội đồng 2014, số 92

²¹ Chúng ta sẽ gọi chung là các thừa tác viên mục vụ

B. Trường hợp hai người đến xin làm lễ cưới thì vấn đề dễ hơn. Sau khi chúc mừng quyết định can đảm của họ, thừa tác viên mục vụ giúp họ hiểu biết ý nghĩa và giá trị của bí tích hôn nhân, của lời hứa trung thành, và sự bền vững của hôn phối.²²

Các vị có trách nhiệm nên giải thích cho đôi hôn phối hiểu Tin mừng theo quan niệm của người trẻ. Đa số những người này sống chung là vì sợ trách nhiệm, sợ hy sinh, không muốn chịu khó, và ngần ngại khi nhìn đến tương lai. Do đó, nếu chúng ta chỉ nhấn mạnh hy sinh theo nghĩa chịu đau khổ -dù là hy sinh vì Chúa hay vì gia đình- chúng ta lại đào sâu thêm những khó khăn mà họ đang muốn tránh!!! Cần cho họ nhận ra có nhiều loại hy sinh, và không phải hy sinh nào cũng buồn phiền. Có những hy sinh hạnh phúc. Giúp họ nhớ, trong tiến trình tình yêu, đã có bao giờ họ cảm nghiệm được hạnh phúc trong hy sinh chưa? Đã có bao giờ họ chờ đợi nhau với lòng mong đợi; khi gặp nhau thì mọi nỗi mệt nhọc đều tan biến? Đã có bao giờ họ tự hào vì làm việc tốt giúp đỡ người khác? Giúp người khác là hy sinh, và hy sinh này mang lại hạnh phúc. Rõ ràng các bạn trẻ ngày nay sẵn lòng hy sinh dần thân giúp người, nhưng chưa nhìn ra hy sinh cho nhau trong gia đình!

Song song với hy sinh là ơn Chúa. Hỏi họ ý hiểu thế nào ý nghĩa của kinh Lậy cha, của lời kinh “*Xin tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con?*”

Bên cạnh việc đưa ra những lời khuyên nhủ, vị thừa tác viên mục vụ nên lắng nghe, và giúp chính đôi hôn phối nói ra tâm sự của họ, giúp họ tìm ra phương hướng cho đời sống dựa trên Tin mừng và Tình yêu đích thực của Thiên Chúa.

C. Với những người sống chung lâu năm, đã có con cái, vấn đề chính mà họ quan tâm là bí tích của con cái, là việc hợp thức hóa đời sống hôn nhân, là việc xin tiêu hôn, hoặc một trong hai người quyết định theo đạo Công giáo. Bên cạnh các vấn đề liên quan đến giáo luật phải làm, vị thừa tác viên mục vụ cần mang tâm tình của người chăn chiên tìm được con chiên lạc -mà hơn thế nữa, không phải mình đi tìm nhưng chính họ đến với Chúa qua mình,- hay tâm tình của người phụ nữ đốt đèn tìm thấy đồng tiền bị mất.

²² Tuy nhiên, bước đầu tiên là làm sao để biết cặp nam nữ đó đang sống chung? Thông thường, địa chỉ trên bằng lái xe cho họ biết có đang sống chung hay không.

Đừng ngần ngại hỏi họ mong mỗi Giáo hội làm gì, và những gì mình có thể làm cho họ. Nhiều cặp vợ chồng cho biết, họ xa lìa Giáo hội không chỉ vì các luật lệ, mà còn vì các thừa tác viên mục vụ quá cứng rắn khi giải thích luật!!!

Thực ra, ngay trong các buổi tranh luận của thượng hội đồng, các nghị phụ cũng không hoàn toàn đồng ý với nhau. Một khuynh hướng chủ trương không nên nhân nhượng quá mức vì như vậy sẽ làm sai ý Chúa. Khuynh hướng khác cho rằng mọi người vẫn phải sống theo lời dạy phúc âm, nhưng đồng thời hãy để ơn Chúa tác động trong người nhận, dù bây giờ kết quả tốt đẹp đó chưa rõ ràng.

Cũng nên biết, nơi nhiều giáo xứ Hoa kỳ, có các mục vụ khác nhau, như chương trình giáo lý cho người tân tòng, giáo lý cho người Công giáo nhưng từ lâu không sống đạo, chương trình dự bị hôn nhân, chương trình giáo lý trẻ em... Các vị giảng viên giáo lý này, đa số vì đang sống đời hôn nhân, nên sự thông cảm xem ra dễ dàng hơn với người trong cùng hoàn cảnh.

Mục vụ cho người sống chung quả thực quan trọng và cần thiết cho người thời nay. Như thượng hội đồng nhận xét, tuy bây giờ hiện tượng sống chung phổ thông nơi các nước Âu Mỹ hơn là Á châu và Phi châu, nhưng cứ theo triều sóng toàn cầu, vấn đề sẽ nhanh chóng lan ra mọi nơi. Trong khi không thể chấp nhận sống chung như một sự kiện đương nhiên, Giáo hội đã và đang đi tìm những mô thức mục vụ tốt đẹp giúp cho mọi người.

D. Với người Việt Nam thì sao? Tuy chưa có số thống kê chính thức dành riêng cho người Việt Nam -dù tại hải ngoại hay tại quê nhà- nhưng hoàn cảnh xã hội chung quanh chắc chắn tác động nhiều trên đời sống của người Việt. Chịu ảnh hưởng văn hóa và truyền thống, chúng ta vẫn chưa nhìn đến sống chung như lựa chọn công khai. Dưới áp lực của hệ thống đại gia đình, cộng đoàn, bên cạnh những thói quen xấu như nói hành, nói tỏi, được hỗ trợ thêm nhờ các phương tiện truyền thông và điện thoại miễn phí, rất khó cho người Việt Nam dám sống chung cách công khai, trừ khi cá nhân đó tách rời ra khỏi hệ thống đại gia đình. Nhiều bậc cha mẹ lấy làm lo lắng, buồn phiền và tủi hổ, khi thấy con mình sống chung, dù với người bản xứ.

Bên Việt Nam, cụm từ phổ biến nhất nói về sống chung là “Sống Thử.” Người Việt sống thử gặp nhiều khó khăn, trở ngại hơn người Hoa kỳ hoặc Âu châu. Hiển nhiên, sống thử không được luật pháp bảo vệ. Trước mặt pháp luật và trước mặt xã hội, họ luôn bị thiệt thòi. Luật hôn nhân và gia đình in ấn vào các năm 1959, 1986 và 2000 quy định hôn nhân chính thức khi:

1. Hội đủ các điều kiện kết hôn
2. Không vi phạm điều luật của luật hôn nhân và gia đình
3. Thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Còn với người Việt Nam tại cả hải ngoại -cũng như nước nhà-, các cặp sống chung - trước khi quyết định về ở chung với nhau- dù trong thời gian ngắn hoặc dài, nên nhớ đến các thách đố đã được nêu trên như:

○ Hôn nhân là vấn đề của toàn gia đình, trong đó có vợ-chồng, cha-mẹ, con cái hay chỉ là sự lựa chọn giữa hai người? Đại gia đình của bạn đóng vai trò nào trong đời sống của bạn? Phải chăng sau khi quyết định sống chung, bạn chấp nhận mất cả đại gia đình, trong đó có cha mẹ, ông bà và họ hàng? Bạn nghĩ thế nào khi vào các dịp lễ lớn của gia đình, bạn vắng mặt, và không thấy an bình khi phải mang người sống chung về cùng vui? Bạn có can đảm giới thiệu người bạn đó cho bà con thân thuộc? Dù bạn có thể “phốt lờ” những lời đàm tiếu, nhưng bạn cảm nhận thế nào phản ứng của người chung quanh? Cuối cùng, người bạn cùng sống chung cảm thấy thế nào trong đại gia đình của bạn?

○ Hôn nhân phải chăng là sự kết hiệp của hai người cùng chia sẻ một tâm tình, một đời sống, hay chỉ là sự chung sức trong một thời gian? Phải chăng sống chung vì tài chánh? Tài chánh của bạn có cần thiết đến mức phải lệ thuộc vào người khác, hơn là vào gia đình, vào nhà băng, vào bạn bè? Phải chăng sống chung vì một lý do nào nữa? Tính dục, tiền bạc, văn hoá đóng vai trò nào trong liên hệ của bạn với người sống chung? Quan trọng hơn, chắc chắn bạn đã biết, hôn nhân không phải chỉ là sự tính toán của những con số. Thông cảm, lo lắng, thương yêu, chăm sóc rất quan trọng trong các liên hệ của hai người. Bạn dự định sống chung bao lâu?

○ Xã hội và gia đình đóng vai trò nào tương giao giữa hai người? Đây vẫn là vấn đề đầy thách thức. Nhiều cặp quyết định sống chung vì cha mẹ không đồng ý. Trong trường hợp này, các buổi nói chuyện, thuyết trình dành cho cha mẹ đóng vai trò quan trọng. Xã hội đã thay đổi, hoàn cảnh đại gia đình cũng thay đổi, và đương nhiên các liên hệ, tương quan của mọi người trong gia đình cũng thay đổi. Cha mẹ cần tôn trọng tự do, quyền quyết định và sự trưởng thành của con cái. Các vị nên đóng vai trò hướng dẫn, cố vấn, chia sẻ kinh nghiệm hơn là vai trò cảnh sát. Trên thực tế, có nhiều bậc cha mẹ khi còn trẻ, đã trải qua kinh nghiệm tương tự như con cái của họ bây giờ, vì vậy, không muốn cho con cái phải trải qua khó khăn như mình. Tuy nhiên, không nên thiếu tin tưởng vào sự trưởng thành của con cái.

○ Gia đình, giáo hội có thể làm gì giúp họ hơn? Đây là điểm son tích cực của gia đình Công giáo Việt Nam. Chúng ta không thiên về khuynh hướng cá nhân như người Âu Mỹ, do đó gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc nâng đỡ và bao bọc nhau. Tuy giáo hội và thượng hội đồng, trong tình yêu thương, chỉ dùng từ ngữ “bất thường” khi nói về các cặp sống chung, nhưng với người Việt Nam, văn hóa và phong tục không chấp nhận trạng thái này. Dầu vậy, khi giải thích lý do, những ý tưởng như “niềm tự hào của dòng họ, làm gia đình xấu hổ, mất mặt, danh giá”... không ảnh hưởng nhiều trên các người trẻ muốn sống chung. Ngược lại, càng khiến họ -vì nghĩ mình làm xấu gia đình, nên càng xa người thân hơn. Chính sự nâng đỡ, tình yêu thương, kỷ niệm giúp họ mau quay trở lại cuộc sống và hôn nhân bình thường. Chuyện người con hoang đàng là biểu tượng: “*Bấy giờ anh ta hồi tâm và tự nhủ: biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được cơm dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói!*” Những kỷ niệm đẹp của gia đình khiến anh quyết định trở lại. Nếu sợ bị trừng phạt, có lẽ anh đã không dám quay về.

○ Người Việt chúng ta có khuynh hướng lý tưởng hóa các mong ước, và thích nói về các lý tưởng này. Ngày nay, tuổi trẻ sống với thực tế. Vì vậy, những tiêu chuẩn quá tuyệt vời mà ngay các bậc cha mẹ cũng không đạt được, khiến con cái đi tìm lối sống riêng cho mình. Giáo dục không gì tốt đẹp và cụ thể cho bằng đời sống gia đình của chính mình. Làm sao có thể dạy dỗ con cái phải hy sinh, nhường nhịn khi chính các bậc phụ mẫu cờ bạc, rượu chè, ăn nhậu be bét? Thánh giáo hoàng Gioan Phaolo II đã nói: Ngày

nay, người ta lắng nghe các chứng nhân hơn là thầy giảng dạy. Đúng vậy. Chứng nhân và chứng từ là những bài giảng hay nhất.

Kết luận

Nhìn tổng quát, chưa chắc vì hợp nhau và hợp luật mà đôi hôn phối sống chung. Rất nhiều đôi cần nhu cầu hơn là cần người. Do đó, khi nhu cầu chỗ này không còn nữa, thì họ đi tìm chỗ khác. Giáo hội và xã hội nên giúp những nhu cầu tâm linh và vật chất tương xứng cho họ.

Giáo hội, đang khi mở rộng cánh cửa chào đón, phải thực sự tìm ra những phương cách cụ thể và thực tế giúp họ trở về trong an bình. Mở rộng cửa mang những nét yêu thương chân thành của người cha nhân hậu, của người mục tử tốt lành đi tìm chiên lạc, của người phụ nữ vui mừng thấy đồng bạc bị mất²³. Không ai có thể sửa Thánh Kinh, cũng không thể giải thích sai Thánh Kinh, nhưng không thể áp dụng cách cứng nhắc phương cách giải thích Thánh Kinh, đến nỗi chính con cái của mình cũng khó nhận ra tình yêu thương và tha thứ. Do đó, trong khi nhắc nhở các cặp hôn nhân: *“Bác ái mục vụ thúc đẩy Giáo Hội giúp đỡ những người đang phải chịu đựng hôn nhân tan vỡ của họ, và đang sống trong hoàn cảnh bất thường đó, hãy trông cậy vào ân sủng của Chúa Kitô.”*²⁴ thì Giáo hội cũng dậy dỗ các người có trách nhiệm mục vụ trong Giáo hội: *“Rõ ràng, trong những trường hợp bất thường này, Giáo hội không nên có thái độ của một quan toà, lên án,²⁵ nhưng mang tâm tình của người mẹ luôn luôn đón nhận con cái của mình và băng bó những vết thương đó cho mau lành (Xc. GE, 139-141). Với lòng thương xót sâu thẳm, Giáo hội được mời gọi tìm ra những phương cách cùng đồng hành nhằm nâng đỡ con cái của mình trên con đường hòa giải. Với lòng kiên nhẫn và hiểu biết, mẹ Giáo hội cần giải thích cho những người này hiểu rằng khi họ không được nhận lãnh các bí tích, không có nghĩa là họ bị khai trừ khỏi đời sống Kitô giáo và khỏi các liên hệ với Thiên Chúa.”*²⁶

Nếu Chúa sống vào thời đại này rao giảng Tin mừng cứu độ, Chúa sẽ giúp chúng ta sống ra sao? Chắc chắn, dụ ngôn người cha nhân hậu luôn mở rộng cửa, chào đón con mình trở về sẽ là phương cách quan trọng Chúa

²³ Luca 15

²⁴ Thượng hội đồng 2014, số 103

²⁵ Xin coi bài giảng của Đức giáo hoàng Phanxico, 28 tháng 2 năm 2014

²⁶ Thượng hội đồng 2014, ibid

dùng. Nên lưu ý thêm nơi đây, vào phần cuối câu truyện dụ ngôn, Chúa kể lại chuyện người con lớn cảm thấy bất mãn vì cha của cậu đón tiếp người em đầy tình yêu thương: *“Lúc ấy người con cả của ông đang ở ngoài đồng. Khi anh về gần đến nhà, nghe thấy tiếng đàn ca nhảy múa, liền gọi một người đầy tớ ra mà hỏi xem có chuyện gì. Người ấy trả lời: “Em cậu đã về, và cha cậu làm thịt con bê béo, vì cậu ấy mạnh khoẻ.” Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà. Nhưng cha cậu ra năn nỉ. Cậu trả lời cha: “Cha ơi, đã bao nhiêu năm trời con hầu hạ cha, và chẳng khi nào trái lệnh, thế mà chưa bao giờ cha cho lấy được một con dê con để con ăn mừng với bạn bè. Còn thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn đàn đúm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng!”*

“Nhưng người cha nói với anh: “Con à, lúc nào con cũng ở với cha, tất cả những gì của cha đều là của con. Nhưng chúng ta phải ăn mừng và hoan hỷ, vì em con đây đã chết, nay lại sống, đã mất, nay lại tìm thấy”²⁷.

Đây chính là tâm tình mục vụ Giáo hội và chúng ta nên có khi chào đón những anh chị em sống chung trở về nhà cha: *“Vì em con đây đã chết, nay lại sống, đã mất, nay lại tìm thấy.”* Nói cách khác đi, tâm tình “Người anh cả liền nổi giận và không chịu vào nhà vì thằng con của cha đó, sau khi đã nuốt hết của cải của cha với bọn đàn đúm, nay trở về, thì cha lại giết bê béo ăn mừng” không giúp nhiều cho cậu em đi lạc lối, nhưng chính tình yêu thương của người cha đã giúp cậu trở lại và ở lại trong nhà cha của mình là Giáo hội.

“Hãy mang tâm tình của người mẹ luôn luôn đón nhận con cái của mình, và băng bó những vết thương đó cho mau lành”

²⁷ Luca 15: 11-32



Linh mục Anthony Đào quang Chính, Ed. D., tiến sĩ giáo dục và cao học thần học, chánh xứ giáo xứ Saint Catherine of Alexandria, Temecula, California. Cộng tác với các báo Trái Tim Đức mẹ, Đức mẹ Hằng cứu giúp, The Priests và chương trình công giáo Mái Ấm Gia đình.

**CHƯƠNG VII:
TÂM LÝ
XÃ HỘI
TRUYỀN THÔNG**

GIA ĐÌNH VÀ ẢNH HƯỞNG TRUYỀN THÔNG NGÀY NAY QUA INTERNET

Linh mục John Trần Công Nghị S.T.D.

Theo dõi diễn tiến Thượng Hội Đồng Giám Mục Ngoại Thường về Gia Đình họp trong tháng 10 năm 2014 vừa qua tại Vatican hầu sửa soạn cho Thượng Hội Đồng Giám Mục chính thức về gia đình dự tính được tổ chức cũng tại Vatican vào năm tới từ ngày 4-25/10/2015 với chủ đề: “*On gọi và Sứ mệnh của Gia đình trong Giáo hội và trong Thế giới hiện đại,*” chúng ta có thể thấy tầm ảnh hưởng của truyền thông đã ảnh hưởng mạnh mẽ thế nào tới diễn biến và ngay cả kết quả của nghị hội này.

Một kinh nghiệm về Truyền thông qua Thượng Hội Đồng Giám Mục Ngoại Thường về Gia Đình

Bản phúc trình được công bố ngày 13 tháng Mười vừa qua, thường được gọi là bản phúc trình sau thảo luận, nhưng thực ra gọi là bản phúc trình giữa khóa mới đúng, vì cuộc thảo luận tại Thượng Hội Đồng có tính chuẩn bị này vẫn chưa hoàn tất. Các nhóm thảo luận nhỏ theo ngôn ngữ đang làm việc ráo riết để hoàn tất mục tiêu của Thượng Hội Đồng lần này. Bản phúc trình vì thế là dụng cụ để các nhóm này đào sâu. Phòng Báo Chí của Tòa Thánh cũng chính thức cảnh cáo rằng: đã có những giá trị được gán cho bản tường trình này nhưng không tương hợp với bản chất của nó. Nó chỉ là bản tóm lược cuộc thảo luận trong tuần trước của Thượng Hội Đồng, là “một tài liệu để làm việc,” nó không phải là một văn kiện có tính thẩm quyền, mà chỉ được dùng làm căn bản để Thượng Hội Đồng thảo luận tiếp trong tuần lễ thứ hai

Đức Hồng Y Raymond Burke chẳng hạn cho rằng bản phúc trình này không phản ánh chính xác các cuộc thảo luận tại Thượng Hội Đồng, mà thực tế, đã “*đẩy mạnh các chủ trương mà nhiều nghị phụ Thượng Hội Đồng*

không chấp nhận, và, tôi dám nói, trong tư cách các mục tử trung thành của đoàn chiên không thể chấp nhận.” Ngài mạnh mẽ cho hay “một số đông các nghị phụ Thượng Hội Đồng thấy bản tường trình này đáng phản đối.”¹

Phiên họp chung thứ mười hai ngày 17/10/2014, của Thượng Hội Đồng đặc biệt về Gia Đình đã nghe phần trình bày các Phúc Trình của 10 nhóm nhỏ,² phân chia theo ngôn ngữ: hai nhóm tiếng Pháp, ba nhóm tiếng Anh, ba nhóm tiếng Ý và hai nhóm tiếng Tây Ban Nha. Nói chung, các nhóm nhỏ trình bày cả việc đánh giá “Bản Tường Trình Sau Thảo Luận” (RPD), tức tài liệu tạm thời công bố vào giữa khóa họp của Thượng Hội Đồng, lẫn các đề nghị để tổng hợp vào trong “Bản Tường Trình của Thượng Hội Đồng” (RS), tức văn kiện dứt khoát và có tính kết luận của Thượng Hội Đồng.

Trước nhất, có việc lên tiếng tỏ ra bối rối trước việc công bố, dù họp lệ, Bản RPD, vì cho rằng đây chỉ là tài liệu để làm việc, chưa nói lên ý kiến nhất thống của mọi nghị phụ Thượng Hội Đồng. Do đó, sau khi phát biểu sự đánh giá của mình đối với công việc soạn thảo bản văn và cấu trúc của nó, các nhóm nhỏ đã trình bày các gợi ý của họ.

Vì có những phát biểu gây tranh cãi về bản tóm lược được công bố, nhiều nghị phụ đã công khai tỏ ý không tán thành phương pháp phối trí của Đức HY Balfisseri, tổng thư ký của Thượng Hội Đồng. Lý do chính là vì ngài quyết định không công bố phúc trình của các nhóm nhỏ cho công chúng. Quyết định này đã bị Đức HY Erdo, tổng tường trình viên của Thượng Hội Đồng, phản đối, với lý do: “đã công bố bản phúc trình sau khi thảo luận thì cũng nên công bố bản phúc trình của các nhóm nhỏ.”³ Do đó nội dung các cuộc thảo luận của các nhóm nhỏ đã được công bố. Sự kiện này tạo nên sự cảm thông và hiểu biết sâu xa hơn diễn tiến và những gì được bàn luận chi tiết trong Thượng Hội Đồng.

¹ X. “Thượng Hội Đồng về Gia Đình: các nhận định không thuận lợi cho phúc trình sau thảo luận” (10/14/2014) <http://vietcatholic.net/News/Html/131190.htm>

² X. “Thượng Hội Đồng về Gia Đình: phiên họp chung mười hai” (17/10/2014) <http://vietcatholic.net/News/Html/131216.htm>

³ X. “Thượng hội đồng về gia đình: phúc trình của các nhóm nhỏ (1)” 5/11/2014 <http://vietcatholic.net/News/Html/131229.htm>

Nhờ thế, phúc trình của các nhóm nhỏ đã lần lượt được công bố. Trước nhất là các phúc trình của ba nhóm nói tiếng Anh, sau đó là các phúc trình của các nhóm nói tiếng Tây Ban Nha.⁴

Một số nghị phụ tại Thượng Hội Đồng Ngoại Thường về Gia Đình, như Đức Hồng Y Robert Sarah, chủ tịch Hội Đồng Tòa Thánh Cor Unum, cảm thấy thất vọng vì vấn đề rước lễ của người ly dị và tái hôn được chú ý nhiều quá trong khi những vấn đề nghiêm trọng hơn của gia đình như ảnh hưởng của truyền thông đối với gia đình không được thảo luận đến nơi đến chốn.

Truyền thông trong thế giới hôm nay

Truyền thông thời hiện đại cung ứng cho con người ngày nay một khối lượng thông tin rất lớn và đa dạng. Về tâm lý mà nói, những lứa tuổi khác nhau, giới tính khác nhau, kinh nghiệm sống khác nhau có những sở thích khác nhau. Cho nên, một số nghị phụ mô tả gia đình ngày nay như một party - 24/24 7 ngày trong tuần - trong đó mỗi người trong gia đình có những vị khách riêng và họ bận rộn tiếp những vị khách ấy đến mức gia đình mất đi ý nghĩa của một tổ ấm và đi xa đến mức nó trở nên một hotel của những người khách chỉ còn giờ để nói “Hi, chào” với nhau trong những dịp gặp mặt, nếu có. Ngay cả trong những cộng đoàn tu sĩ cũng có tình trạng trên. Người ta busy trả lời email, chat... không còn giờ cho những sinh hoạt chung.

Trong những năm 1990s và đầu thập niên 2000, phương tiện chủ yếu để tiếp cận với Internet là desktop. Ngày nay, mỗi thành viên trong gia đình đều có những phương tiện đa dạng và rẻ tiền để access vào Internet: Smart phones, I pads, Tablets ... và họ chìm sâu vào thế giới riêng của mình.

Có nghị phụ còn mô tả gia đình ngày nay như một con thuyền trong đó các thành viên đang say sóng vì con thuyền đó không có người cầm lái. Nó bị giằng co để đi về những hướng khác nhau. Người cha, người mẹ trong gia đình truyền thống là những người định hướng, và thông truyền đức tin

⁴ X. “Thượng hội đồng về gia đình: phúc trình của các nhóm nhỏ (2)” 5/11/2014 <http://vietcatholic.net/News/Html/131522.htm> & “Thượng hội đồng về gia đình: phúc trình của các nhóm nhỏ (3)” 6/11/2014 <http://vietcatholic.net/News/Html/131534.htm>

cho con cái. Ngày nay, họ không còn làm được những công việc ấy vì con em họ và cả chính bản thân họ lúng túng khi tiếp cận với một khối lượng thông tin rất lớn và đa dạng, nhiều thứ trong đó không tương hợp (compatible) với đức tin, nếu chưa muốn nói là thù hận (hostile) với những gì họ tin tưởng. Hình ảnh tiêu biểu nhất trong các gia đình ngày nay là người cha, người mẹ không có khả năng, và đôi khi là sự kiên nhẫn, để trả lời những vấn nạn đức tin do con cái đặt ra cho họ.

Vấn đề có tính cấp bách nhất là làm sao người Công Giáo có thể dùng ngay chính các điều kiện kỹ thuật mới này để **đối thoại với thế giới và tân Phúc Âm hóa ở mức độ dễ hiểu nhất nhưng không compromise tín lý của mình**. Cách riêng đối với Giáo Hội Việt Nam, cái nguy hiểm hiện nay là ít ai tha thiết muốn làm chuyện đó. Người ta hứng thú viết những bài với những triết lý sâu xa nhưng ít ai quan tâm đến chuyện trang bị cho những tín hữu đơn sơ những hiểu biết nhất định về tín lý, học thuyết xã hội của Giáo Hội và lập trường của Giáo Hội trước những vấn nạn của thế giới hôm nay, tăng cường đời sống thiêng liêng cho họ và cảnh báo với họ về những nguy cơ đang đặt ra cho các gia đình.

Chúng ta cần những giám mục, linh mục, những chuyên gia trong hàng giáo dân dám làm những công việc người Mỹ dám làm trên đài truyền hình EWTN: trình bày những vấn đề phức tạp nhất bằng những lời giải thích dễ hiểu nhất.

Một thực tại bi đát nhất là tình trạng say mê những thành công, đam mê sự nổi tiếng trong lãnh vực truyền thông. Có những nhóm hay thậm chí có những cá nhân “xông pha” vào lãnh vực truyền thông bằng cách đơn giản là sao chép, hay duplicate những efforts của người khác, thay vì hoạt động chung với nhau. Nếu muốn công việc tông đồ của mình thành công hơn người khác thì định luật dễ bị cám dỗ là cần việc tông đồ của người khác kém thành công hơn mình dưới những hình thức như:

- Nhẹ nhàng thì bất hợp tác và ao ước họ đừng thành công như mình. Không đóng góp chia sẻ để họ không ngang bằng mình.
- Và xấu xa nhất là nói xấu, phá hoại công việc của người khác cho họ thua kém mình đi.

Ảnh hưởng của Truyền thông qua Internet trên các Gia đình và con em

1. Vài hàng dẫn nhập về Truyền thông qua internet

Bài trình bày này của tôi muốn hạn hẹp phạm vi Truyền thông qua phương tiện internet nhằm các gia đình Công giáo mà hầu hết ngày nay họ đều quan tâm và lo ngại khi con em họ sử dụng internet, làm thế nào để phòng ngừa? làm thế nào kiểm soát đây? Mặt trái tối tăm của internet và những tác hại khôn lường cho mỗi người, nhất là các con em trong gia đình, cho Giáo Hội và xã hội.

Từ những năm cuối cùng của thế kỷ 20 vừa qua, chúng ta đã chứng kiến một sự bùng nổ các kỹ thuật thông tin dẫn đến sự ra đời của các phương tiện truyền thông mới đang định hình xã hội, đang thay đổi Giáo Hội và gia đình chúng ta. Một thí dụ cụ thể và mang tính thời sự là biến cố Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI thăm Ba Tây vừa qua. Khi Đức Giáo Hoàng còn đang trên máy bay, những gì ngài nói với các ký giả đã được truyền đi trên toàn thế giới bằng đủ các thứ tiếng, trong đó có tiếng Việt. Và ngay khi ngài đáp xuống phi trường quốc tế São Paulo, nếu chúng ta có máy điện toán và truy cập vào VietCatholic thì dù chúng ta đang ở đâu trên thế giới này, chúng ta cũng có thể thấy được những hình ảnh của ngài và đọc được những lời tuyên bố của ngài gần như tức thời. Chỉ hơn một thập niên trước đây, những điều này nằm mơ cũng không thấy nổi!

Ngay từ những ngày đầu của kỹ thuật Internet, Giáo Hội đã thấy ở đây những cơ hội thật bất ngờ và lớn lao. Nó cho phép người ta trực tiếp và tức khắc tiếp cận những tài nguyên tôn giáo và tâm linh quan trọng - những thư viện khổng lồ, những nhà bảo tàng và những nơi thờ phượng, những văn kiện giáo huấn của Huấn Quyền, những bài viết của các Giáo Phụ và các Tiến Sĩ Hội Thánh và kho tàng khôn ngoan tôn giáo của nhiều thời đại. Internet có một khả năng đáng kể để vượt qua khoảng cách và sự cô lập, giúp con người có thể tiếp xúc với những người thiện chí có cùng tư tưởng, những người gia nhập vào những cộng đồng đức tin ảo (*virtual communities of faith*) để khích lệ và nâng đỡ lẫn nhau. Giáo Hội có thể thực thi một sự phục vụ quan trọng cho người Công Giáo cũng như không Công Giáo bằng

sự lựa chọn và truyền đi những dữ liệu hữu ích qua phương tiện truyền thông này.⁵

Sau gần 20 năm hoạt động, hiện nay đã có trên 50 triệu lượt người vào đọc các tài liệu trên mạng lưới VietCatholic, đó là chưa kể cho đến năm 2010 (*khi đó người ở Việt Nam không vào internet được*) mỗi ngày VietCatholic gửi hàng mấy ngàn email về Việt Nam cho các linh mục tu sĩ mà vì điều kiện cấm cách không thể vào VietCatholic được. Cũng trong 20 năm hoạt động đó, các Giám Mục, linh mục, tu sĩ và anh chị em giáo dân cộng tác với VietCatholic đã biên soạn, phiên dịch hơn 1,000,000 trang tài liệu.

Chúng ta có thể nói như Đức Cố Giáo Hoàng Gioan Phaolô II: “*Chúa đang đặt vào tay chúng ta một phương tiện truyền bá sứ điệp của Đức Kitô vượt quá trí tưởng tượng phong phú nhất của những người truyền giảng Tin Mừng đi trước chúng ta.*”⁶

Tuy nhiên, chúng ta có thể nói đồng tiền có hai mặt. Phương tiện truyền thông mới này trong khi có thể được dùng cho lợi ích của cá nhân, gia đình, cộng đồng, xã hội và Giáo Hội thì chính nó cũng có thể được dùng để khai thác, gây ảnh hưởng, thống trị và làm băng hoại các gia đình.

2. Những ảnh hưởng đối với người lớn

2.1 Vấn đề những hình ảnh dâm dục trên Internet

Ngay những ngày đầu của Internet, người ta đã thấy trước hiểm họa này. Tuy nhiên, tất cả những cố gắng ngăn chặn đều tỏ ra vô hiệu, phần lớn vì thái độ không quyết tâm của chính quyền các nước. Quyền tự do phát biểu đã được các chính quyền nại ra để tránh né phải đối đầu với những thế lực tư bản khổng lồ trong kỹ nghệ hình khiêu dâm trên Net. Hiện tượng hình ảnh, sách báo dâm dục là một thực trạng kinh hoàng. Các hình ảnh khiêu dâm đã tràn lan hơn bao giờ trong lịch sử loài người.

⁵ X. Hội Đồng Giáo Hoàng về Truyền Thông Xã Hội, “Giáo Hội và Internet” (22/2/2002), 6: Thành Vatican, 2002, tr. 13-15. <http://vietcatholic.net/News/Html/24159.htm>.

⁶ X. Tông Thư “Sự Phát Triển Nhanh Chóng” (24/1/2005), Đức Gioan Phaolô II, 2005, tr. 2. <http://vietcatholic.net/News/Html/24110.htm>.

Trong thư Mục Vụ nhan đề *“Giá phải trả: Những hình ảnh khiêu dâm và cuộc tấn công vào Đền Thờ Sống Động của Thiên Chúa,”* Đức Cha Paul Loverde, Giám Mục giáo phận Virginia, Hoa Kỳ đã lên tiếng báo động về thực trạng kinh hoàng đang hoành hành như một trận dịch khổng lồ cướp đi linh hồn người ta và tàn phá hôn nhân gia đình.⁷

Đức Cha Loverde nhận định: *“Ngày nay có lẽ hơn bao giờ, người ta thấy hồng ân thị giác của mình và qua đó là viễn ảnh về Thiên Chúa bị bóp méo bởi những hình ảnh dâm dục tội lỗi. Chúng cản trở và hủy hoại khả năng con người nhìn thấy tha nhân như những biểu hiện độc đáo và đẹp đẽ của kỳ công sáng tạo của Thiên Chúa. Thay vào đó chúng làm tối tăm tầm nhìn của họ, khiến họ nhìn người khác như những thứ để lợi dụng và lèo lái.”*

Lo ngại của Đức Cha Loverde hoàn toàn có căn cứ. Thật vậy, trong số ra ngày 28/5/2006, tờ Independent tại Anh công bố một kết quả nghiên cứu về việc truy nhập vào các trang chuyên cung cấp các hình ảnh khiêu dâm trên Net. Cuộc nghiên cứu được thực hiện bởi Nielsen NetRatings cho thấy hơn 40% người nam tại Anh đã truy nhập vào các trang dâm dục trong năm 2005.

Cuộc nghiên cứu cũng ghi nhận hơn 50% trẻ em tại Anh đã vào các trang dâm dục trong khi *“đang tìm kiếm những thứ khác.”*

Một khi computer đã nối vào Internet thì việc truy cập vào các trang dâm dục là vô cùng dễ dàng, nếu người sử dụng chủ ý muốn truy cập vào các trang đó. Điều đáng quan ngại là trong nhiều trường hợp, người dùng không chủ ý vào các trang này nhưng các chương trình tìm kiếm trên Internet cũng vẫn trình bày ra những hình ảnh khiêu dâm hay những nối kết (links) dẫn vào các trang dâm dục.

Trong số ra ngày 10/11/2006 tờ Colorado Catholic Herald ghi nhận rằng những người thường truy cập vào các trang dâm dục trên Net thường nhanh chóng trở thành nghiện ngập. Ông Dan Spadaro của Trung Tâm Tư Vấn Imago Dei Counseling ở Colorado Springs cho biết thêm: *“Khi tình trạng nghiện ngập này đạt đến một mức độ nào đó, tính dục thay vì hướng đến một*

⁷ X. VietCatholic News. Con dịch hình ảnh khiêu dâm
<http://vietcatholic.net/News/Html/39795.htm> 14/12/2006

quan hệ yêu thương, nó chỉ còn đơn thuần như một cảm giác,” và khi đó người ta có khuynh hướng “tìm những cảm giác lạ hơn.”

Thật vậy, tại Úc Châu, tờ The Age ở Melbourne, trong số ra ngày 4/6/2006 cảnh cáo rằng những người thường truy cập vào các trang dâm dục cũng thường là những kẻ “*săn tình trên Net,*” và những “*mối tình trên Internet này*” đang làm gãy đổ hạnh phúc của nhiều gia đình. Bà Simone Buzwell, giáo sư môn Tâm Lý tại Đại Học Swinburne cho biết “*nhiều mối quan hệ hôn nhân bị tan nát bởi những mối tình bí mật trên mạng, trong khi các luật sư cho biết ngày càng có sự gia tăng những vụ li dị có liên quan đến Internet.*”

Trong báo cáo nhan đề “*Finding Love Online*” (Tìm Tình Trên Mạng), bà Simone Buzwell đã phỏng vấn hơn 1000 người có dính líu đến những mối tình trên Net và ghi nhận rằng hơn một nửa số người được phỏng vấn nhìn nhận đã đi xa đến mức có quan hệ tính dục với người “*bạn tình*” trên Net.

Trong số ra ngày 16/8/2006 tờ Christian Science Monitor tại Hoa Kỳ ghi nhận rằng những hình ảnh khiêu dâm trên Net đang làm thay đổi nhân cách nhiều người theo chiều hướng xấu đi và bạo lực. Corydon Hammond, đồng giám đốc của Trung Tâm Tính Dục và Hôn Nhân tại Đại Học Utah cho biết: “*Tôi chưa từng thấy một kẻ tấn công tính dục nào lại không có dính líu đến những hình ảnh dâm ô.*”

Tờ Colorado Catholic Herald cho biết đối với những kẻ nghiện hình dâm ô, tất cả các mối quan hệ quan trọng đều bị dẹp qua một bên. Những kẻ nghiện thường có khuynh hướng phủ nhận các vấn nạn hay đổ lỗi cho người khác. Ông Dan Spadaro ghi nhận những kẻ nghiện này thường phải chống đỡ với những u uất.

Dan Spadaro cũng lưu ý rằng việc những người chồng truy nhập vào những trang dâm ô gây ra một ảnh hưởng tiêu cực nơi người vợ. Với những người chồng công khai xem những hình ảnh này, người vợ cảm thấy lo ngại mình không đủ hấp lực để giữ nổi hạnh phúc gia đình. Trong khi với những người chồng lén lút truy nhập vào các trang dâm ô, người vợ cảm thấy bị phản bội hay là nạn nhân của những lời dối trá.

Một chuyên gia tâm lý khác, ông Rob Jackson, nói với tờ Colorado Catholic Herald rằng những bà vợ của những ông chồng nghiện hình ảnh dâm ô thường có “*những biểu hiện phức tạp về cảm xúc bao gồm giận dữ, buồn phiền và u uất.*”

Văn hóa của thế giới ngày nay thường coi vấn đề hình ảnh dâm ô chỉ là một sự yếu đuối cá nhân, người ta thường tình; hay ngay cả một thú vui hợp pháp. Ở đây, tôi muốn nhấn mạnh rằng việc nhìn ngắm những hình ảnh dâm ô này là một tội trọng, một lỗi hết sức nghiêm trọng, như đã được nêu trong sách Giáo Lý Công Giáo số 2354.

Tính chất vô luân của hành vi này là ở chỗ nó xuyên tạc sự thật về tính dục của con người. Và do đó, điều đáng lẽ là biểu hiệu sự kết hiệp thân mật của đôi lứa trong cuộc sống và trong tình yêu thì giờ đây bị giản lược thành một thứ giải trí tầm thường hay ngay cả một thứ lợi ích cho những kẻ khác.

Đức Cha Loverde cảnh cáo rằng các hình ảnh dâm ô phương hại đức khiết tịnh vì nó dẫn đến những ý nghĩ dơ bẩn trong trí người nhìn nó và thường dẫn đến các hành vi đồi bại như thủ dâm hay ngoại tình.

Các hình ảnh dâm ô cũng vi phạm công lý. Vì chúng gây ra các thương tổn nghiêm trọng cho phẩm giá những người dự phần, mỗi người trong đó trở thành vật mua vui hay thứ dùng để đem lại lợi nhuận cho kẻ khác.

Các hình ảnh dâm ô chìm tắt cả những kẻ dự phần vào trong một thế giới đầy ảo tưởng, trong đó con người hướng chú ý và tình cảm của mình khỏi người phối ngẫu của mình. Chúng làm cho những người nam nữ ngày nay khó lòng sống trung tín với nhau hơn bao giờ.

2.2 Vấn đề những trang thù địch với Công Giáo

Một trong những vấn nạn đặc thù do Internet đưa ra là sự có mặt của những trạm thông tin thù địch dành riêng cho việc hạ nhục và tấn công vào Giáo Hội Công Giáo. Như chúng ta đã biết, một thực tế đáng buồn là thường khi thế giới truyền thông tỏ ra thờ ơ hay ngay cả thù địch với đức tin và luân lý Kitô Giáo.

Trong bài nói chuyện với các Đức Giám Mục Ba Tây hôm 11/5, Đức Thánh Cha nói: “*Thời đại ngày nay chắc chắn là một giai đoạn khó khăn đối với Giáo Hội, và nhiều tín hữu đang chao đảo. Cuộc sống xã hội đang trải*

qua những giai đoạn mất định hướng. Tính chất thánh thiêng của hôn nhân và gia đình bị tự do tấn kích, và người ta nhượng bộ trước các áp lực có hậu quả tiêu cực cho các tiến trình luật pháp; người ta biện minh cho một vài tội ác chống lại sự sống nhân danh tự do và quyền cá nhân; người ta mưu sát phẩm giá con người; nạn dịch ly dị và tình trạng chung sống ngoài hôn nhân lan tràn.”⁸

Trong bối cảnh quốc hội các nước liên tục thông qua những dự luật cho phép phá thai, cho phép kết hôn đồng tính, trợ tử, an tử.. Giáo Hội mạnh mẽ đi ngược lại trào lưu sự chết này. Trong khi văn hóa truyền thông tiêm nhiễm quá đậm một ý tưởng tiêu biểu của thời hậu hiện đại theo đó sự thật duy nhất tuyệt đối là không có sự thật tuyệt đối, Giáo Hội không ngừng đưa ra những xác quyết khách quan, dứt khoát và chung cuộc về luân lý. Thành ra, một số nhóm trong xã hội có những mâu thuẫn gay gắt với Giáo Hội.

Hơn thế nữa, lại có một số nhóm tôn giáo quá khích chủ trương truyền bá tôn giáo mình bằng cách hạ nhục các tôn giáo khác. Điều này cũng góp phần làm xấu thêm tình hình.

Anh chị em cũng biết là điều hành một Web site không tốn bao nhiêu tiền đâu. Thế nên, những địa chỉ thông tin thù địch với Giáo Hội Công Giáo ngày nay nhiều vô kể, tiếng Việt thôi cũng phải có hàng trăm!

Điều chúng tôi muốn nói ở đây là không ít người Công Giáo chao đảo trước những luận điệu của những thành phần thù địch với Giáo Hội. Lượng thông tin choáng ngợp trên Internet, nhiều thứ chưa được đánh giá về phương diện chính xác và tầm quan trọng, là một vấn đề cho nhiều người. Nhiều thủ pháp thông tin giật gân, kích động, lặp đi lặp lại cũng góp phần làm cho nhiều người giáo dân chao đảo. Nhiều người không có khả năng phán đoán đến mức Hội Đồng Giáo Hoàng về Truyền Thông Xã Hội đã phải chua chát nhận định rằng: *”Thực tại, đối với nhiều người, là những gì truyền thông cho là thật”* (Hội Đồng Giáo Hoàng về Truyền Thông Xã Hội, *Aetatis Novae*, 4).

Trong bài giảng Thánh Lễ Khai Mạc Cơ Mật Viện tháng 4/2005, Đức Thánh Cha lúc bấy giờ là Đức Hồng Y Joseph Ratzinger đã nói: *“Biết bao*

⁸ X. VietCatholic News. Diễn từ của Đức Thánh Cha với các Giám Mục Ba Tây ngày 11/05/2007 <http://vietcatholic.net/News/Html/43852.htm> 13/5/2007.

nhieu làn gió chủ thuyết mà chúng ta đã biết đến trong những thập niên cuối cùng ... Con thuyền nhỏ tư duy của nhiều Kitô hữu đã thường bị đánh bởi những đợt sóng này - trôi giạt từ thái cực này sang thái cực khác: từ Mác Xít tới chủ nghĩa tự do, tới mức chủ nghĩa tự do phóng túng; từ chủ nghĩa tập thể đến chủ nghĩa cá nhân; từ chủ nghĩa vô thần tới chủ nghĩa duy huyền bí tôn giáo mơ hồ; từ chủ nghĩa vô tín đến chủ nghĩa hỗn tạp và vân vân. Nhiều giáo phái mới được đẻ ra mỗi ngày và xảy ra điều mà Thánh Phaolô đã nói về sự lờng gạt con người và sự tinh quái nhằm lôi kéo con người đến chỗ lầm lạc(x Eph 4:14).”⁹

2.3 Vấn đề những trang giả danh Công Giáo

Sự lan tràn của những trạm thông tin tự xưng là Công Giáo cũng tạo ra một vấn đề thuộc dạng khác. Nhiều giáo dân tỏ ra lúng túng khi cần phân biệt giữa những diễn giải của những giáo lý chuyên biệt, những thực hành đạo đức cá nhân, những tranh luận về ý thức hệ mang nhãn hiệu Công Giáo với những lập trường chân thật của Giáo Hội.

Không phải chỉ giáo dân mới lúng túng. Trên Catholic Standard & Times số ra ngày 21/12/2006, cha Ronald M. Vierling, M.F.C., M.A., M.Div. giáo sư Thần Học tại Lansdale Catholic College thuộc tổng giáo phận Philadelphia, Hoa Kỳ lên tiếng báo động rằng: Ngày nay ngày càng có nhiều bài làm của các sinh viên phân khoa Thần Học trích dẫn những giáo huấn sai lạc của Giáo Hội hay cho rằng Công Đồng Vatican II đã đề cập đến điều này, điều nọ nhưng trong thực tế không đúng như thế.

Phân tích những bài làm này, cha Ronald ghi nhận rằng nhiều sinh viên đã truy cập các nguồn tài liệu này từ các Web sites giả danh Công Giáo nhưng thực ra là chống Công Giáo hay những thứ “We are the Church” (Chúng ta là Giáo Hội) trong đó chủ trương đại đồng, hồ lớn.

Điều đáng báo động là những Web sites “truyền bá Tin Buồn và Tin Đòn” này ngày càng nhiều và một số giáo dân cũng bị chao đảo.

Thánh Phaolô cảnh cáo chúng ta: “*Sẽ đến thời người ta không còn chịu nghe giáo lý lành mạnh, nhưng theo những dục vọng của mình mà kiếm hết*

⁹ X. VietCatholic News. Bài giảng của ĐHY Joseph Ratzinger trong thánh lễ khai mạc Cơ Mật Viện <http://vietcatholic.net/News/Html/25797.htm>

thầy này đến thầy nọ, bởi giữa tai muốn nghe. Họ sẽ ngoảnh tai đi không nghe chân lý, nhưng hướng về những chuyện hoang đường” (2 Tim 4:3-4).

Tôi muốn nói điều này để giúp chúng ta phân biệt đâu là truyền thông Công Giáo chân chính. Truyền thông Công Giáo về bản chất phải là những truyền thông về Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô. Đó là việc công bố Tin Mừng như một lời có tính tiên tri và giải thoát cho những người nam, người nữ trong thời đại chúng ta. Đó là lời chứng cho sự thật thánh thiện và cho phẩm giá cao trọng của con người trước sự tục hóa tận gốc. Đó là chứng tá được đưa ra trong tình liên đới với tất cả những tín hữu, chống lại sự tranh chấp và chia rẽ để minh chứng cho công lý và sự hiệp thông giữa các dân tộc, các quốc gia và các nền văn hóa. Truyền thông Công Giáo chân thực phải hướng đến sự hiệp thông, hiệp thông trong các cộng đoàn, trong Giáo Hội, và hiệp thông cao nhất là hiệp thông giữa từng cá nhân với Chúa Kitô – chứ không phải cố vũ diễn cuồng cho chia rẽ, và thù hận. Cứ dẫu đó mà chúng ta nhận biết thực hư.

3. Những ảnh hưởng đối với con em chúng ta

Sứ Điệp Của Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI cho Ngày Thế Giới Truyền Thông Lần Thứ 41 được tổ chức vào ngày 20/5/2007 có chủ đề: “Trẻ em và Truyền Thông: Một Thách Thức cho Giáo Dục.” Trong phần kết luận, Đức Thánh Cha đã trích dẫn câu Thánh Kinh nguyên rủa những kẻ gây gương mù cho trẻ em “*Thà buộc cối đá lớn vào cổ nó và xô xuống biển, còn lợi cho nó hơn là để nó làm cờ cho một trong những kẻ bé nhỏ này vấp ngã”* (Lc 17:2). Tôi đề nghị chúng ta đọc kỹ sứ điệp này. Trong phạm vi bài này, tôi chỉ muốn nói rằng chủ đề của sứ điệp này và việc trích dẫn câu Thánh Kinh trên đã đủ cho thấy tính chất nghiêm trọng và cấp bách phải đề ra một phương thế an toàn cho con em chúng ta trong việc sử dụng máy điện toán và Internet.

3.1 Đánh giá tình hình:

Internet là cánh cửa mở ra một thế giới ồn ào náo nhiệt với ảnh hưởng định hình mạnh mẽ. Internet định hình căn bản những yếu tố mà qua đó con người cảm nhận thế giới chung quanh họ, xác nhận và biểu tỏ ra điều mà họ cảm nhận. Tình trạng sẵn sàng thường xuyên của hình ảnh và ý tưởng cùng với sự truyền đạt nhanh chóng ngay cả từ lục địa này sang lục địa khác, đang

có những hệ quả sâu sắc, cả tích cực lẫn tiêu cực, đối với sự phát triển về phương diện tâm lý, đạo đức, và xã hội của giới trẻ.

Không phải mọi thứ ở đằng sau cánh cửa Internet là an toàn, lành mạnh và trung thực đâu. Việc đào tạo liên quan đến các phương tiện truyền thông xã hội cần được mở ra cho trẻ em và thanh niên nhằm chống lại con đường dễ dàng của sự tuân theo mà không biết phê phán, chống lại áp lực bạn bè và khai thác thương mại. Người trẻ có bốn phận với chính họ - và với cha mẹ, gia đình và bạn bè, các vị mục tử và thầy cô giáo, và trên hết là với Thiên Chúa - phải dùng Internet một cách lành mạnh.

Internet đặt trong tầm với của thanh niên ở vào tuổi rất sớm một khả năng bao la để làm điều tốt cũng như để gây hại, cho chính họ và cho người khác. Nó có thể làm phong phú đời sống họ vượt xa những mơ ước của các thế hệ đi trước và đến lượt lại cho họ khả năng để làm phong phú đời sống của những người khác. Internet cũng có thể nhận chìm họ trong chủ nghĩa tiêu thụ, hoang tưởng dâm dăng và bạo lực, và cô lập về tâm lý.

Thanh niên, như thường được đề cập đến, là tương lai của xã hội và Giáo Hội. Việc sử dụng lành mạnh Internet có thể giúp chuẩn bị cho họ gánh vác trách nhiệm với xã hội và Giáo Hội. Nhưng điều này không tự động xảy đến. Internet không chỉ đơn giản là một phương tiện truyền thông dành cho vui chơi giải trí và mua sắm. Nó là dụng cụ để hoàn thành công việc hữu ích, và thanh niên phải học để xem và dùng nó như thế. Trong không gian điện toán, tối thiểu giống như ở những hoàn cảnh khác, họ có thể được kêu gọi để đi ngược lại với trào lưu, chống lại xu hướng văn hóa, ngay cả chịu bất bớ vì lẽ công chính.

3.2 Những đề nghị cụ thể

3.2.1 Phụ huynh phải kiểm soát việc truy cập vào Internet

Điều đầu tiên tôi muốn nói là những cha mẹ nào đưa máy điện toán dù có nối vào Internet hay không vào trong phòng riêng của con em mình thì xin lỗi cha mẹ đó, anh chị em khờ dại quá. Chính anh chị em đang gây ra dịp tội cho con cái mình.

Tờ Sunday Telegraph tường thuật rằng trong năm tài khóa 2005-2006, gần 2000 công chức các cấp tại Úc bị sa thải vì bị bắt gặp quả tang nhiều lần

đang coi những hình khiêu dâm trên máy điện toán. Tôi muốn nhấn mạnh chữ “nhiều lần.” Họ là những người lớn, những người ý thức đầy đủ những hậu quả của hành vi mình và họ bị bắt quả tang “nhiều lần.” Con cái chúng ta chống nổi những cám dỗ tinh vi của thế giới sa ngã này hay không trong bối cảnh của một căn phòng riêng, đóng kín cửa lại? Kho tàng tu đức khôn ngoan dạy rằng “tránh xa dịp tội.” Anh chị em có lỗi nghiêm trọng trước mặt Chúa khi chính mình mang dịp tội đến cho con cái mình.

Tôi xin trích dẫn ở đây một lời lên án mạnh mẽ của Đức Hồng Y Justin Rigali của Philadelphia đã đăng trên VietCatholic, tuy hơi nặng nề nhưng có lẽ phải nói mạnh như vậy để chúng ta thấy được tác hại về mặt thiêng liêng với con trẻ. Ngài nói: *“Những bậc cha mẹ nào đưa computer vào phòng riêng của con cái thì hoặc là quá ngu, hoặc là chủ tâm muốn giết linh hồn của chúng”*¹⁰

Xin các bậc phụ huynh dọn computer ra giữa nhà, nhiều người qua lại và cách nào đó kiểm soát việc truy nhập vào Internet của các em. Năm ngoái, Trung Tâm Nghiên Cứu Tông Đồ Mục Vụ (CARA) của trường đại học Georgetown Hoa Kỳ cho biết những gia đình có khả năng kiểm soát việc truy cập vào Internet của con cái nhiều nhất là những gia đình duy trì nề nếp cầu nguyện chung vào buổi tối. Gia đình cầu nguyện chung vào một thời điểm nhất định sau khi chấm dứt mọi hoạt động khác.

3.2.2 Nhận thức đầy đủ về lợi hại của computer và Internet

3.2.2.1 Computer Game:

Nhiều gia đình để con em chơi game và chat thoải mái với bạn bè hết giờ này sang giờ khác. Hầu hết những gia đình đều có rất nhiều game, đó là chưa kể một loại game rất đang thịnh hành là game Internet hay còn gọi là game online, game trực tuyến. Anh chị em ở đây, xin nói thử cho tôi biết trẻ em chơi game thì được những lợi ích gì nào?

Tôi xin giới thiệu một nghiên cứu của trường đại học Edith Cowan ở Tây Úc trong năm 2006. Người ta khảo sát hai nhóm, mỗi nhóm 50 học sinh lớp 6. Một nhóm gồm những học sinh chơi game nhiều giờ trong tuần và

¹⁰ X. VietCatholic News. Sứ Điệp Ngày Truyền Thông Thế Giới lần thứ 41 <http://vietcatholic.net/News/Html/44053.htm>

một nhóm gồm những học sinh không chơi game bao giờ. Các em được trao cho một đề toán như sau: “Chu vi của một hình vuông là 24cm, hỏi diện tích hình vuông bằng bao nhiêu?”

Để trả lời đúng, học sinh phải làm thành hai bước. Bước thứ nhất là chia chu vi cho 4 để ra cạnh là 6cm. Bước thứ hai là lấy cạnh nhân với cạnh để ra diện tích là 36cm vuông.

Đa số những học sinh không chơi game làm hai bước như trên. Trong khi đó, đa số các học sinh chơi game làm bài rất nhanh nhưng chúng chỉ đưa ra những đáp số vớ vẩn, chẳng hạn như lấy 24cm nhân với 4 hay nhân với chính 24. Có đứa còn trừ cho 4!

Những nhà nghiên cứu nhận xét rằng những học sinh chơi game nhiều thường có xu hướng phản ứng rất nhanh, hậu quả của những phản xạ chớp nhoáng khi đương đầu với những game trong computer. Điều này gây khó khăn nghiêm trọng khi học sinh phải suy nghĩ thành nhiều bước như trong đề toán nêu trên. Nói cách khác, khả năng suy luận và phán đoán thận trọng, là những yếu tố then chốt trong việc học tập của những học sinh chơi game bị giảm sút đáng kể. Nói nôm na cho dễ hiểu, trẻ em càng chơi game nhiều càng KHÓ có triển vọng học hành đến nơi đến chốn.

Không những thế, người ta cũng nhận thấy những học sinh này có vấn đề trong quan hệ với cha mẹ và thầy cô giáo. Theo phản xạ hấp tấp, chúng thường có khuynh hướng “độp lại” tức khắc, không chịu suy nghĩ trước những lời răn dạy của cha mẹ và thầy cô giáo.

Trong sứ điệp Ngày Truyền Thông Xã Hội năm nay, Đức Thánh Cha viết: *“Khi được tiếp cận với những gì thật đẹp đẽ và đạo đức, trẻ em được trợ giúp để phát triển khả năng đánh giá, sự thận trọng và những năng khiếu về nhận thức... Thậm chí, một hình thức phản ánh Thiên Chúa, linh hứng và làm sống động con tim và tâm trí những người trẻ, trong khi sự xấu xí và thô tục có một tác động gây chán nản trên thái độ và hành vi.”*¹¹

Trung tâm CARA của trường đại học Georgetown đã làm một cuộc khảo sát và họ thấy rằng hơn 90% các loại game hiện nay có màu sắc bạo

¹¹ X. [3] *ibid.*

lực, trong đó hơn 78% có liên quan đến những hành động giết người hàng loạt (massacre).

Bạo lực và tính dục: hai yếu tố tai hại của Computer Games

Câu hỏi được đặt ra ở đây là làm sao chúng ta có thể xây dựng một nhân sinh quan đề cao những giá trị Kitô giáo trong đó có việc bảo vệ và kính trọng sự sống trong khi hàng ngày, hàng giờ cha mẹ để con em mình sống trong một môi trường thô tục, đề cao một nhân sinh quan bạo lực: càng giết nhiều càng được thưởng nhiều? Đó là một thứ nhân sinh quan đối nghịch và thù hận sâu xa với những giá trị Kitô Giáo.

Bậc cha mẹ cần phải suy nghĩ thận trọng và dùng dưng computer như người giữ trẻ cho chúng ta. Bản tin sau đây có thể giúp chúng ta nhận thức rõ hơn một chút:¹²

My Friend, một tạp chí Công Giáo dành cho trẻ em, do các nữ tu dòng Thánh Phaolô điều hành trong 28 năm qua, đã quyết định dành hẳn tháng 5/2004 cho một loạt bài phân tích tệ lạm dụng Internet, computer game cũng như các phương tiện truyền thông khác như TV và video.

Theo tờ *My Friend*, chính phủ nhiều nước trên thế giới đã có kế hoạch đưa lên Internet rất nhiều những tài nguyên hữu ích cho ngành giáo dục. Và trong thực tế nhiều trẻ em khôn ngoan đã biết tận dụng Internet nói riêng và computer nói chung cho việc học hành. Tuy nhiên, theo một thống kê được đưa ra trong Hội Nghị Giáo Chức Công Giáo Hoa Kỳ, quy tụ hơn 15,000 nhà giáo dục Công Giáo, được tổ chức từ 13 đến 16/4/2004 tại Hynes Convention Center, Boston, hơn 80% trẻ em học càng ngày càng sa sút từ khi có computer và Internet trong gia đình.

Các nhà giáo dục than phiền rằng tuy đã có những hướng dẫn rất cụ thể, nhiều bậc cha mẹ vẫn để mặc cho con chơi game hay đại dốt đặt computer trong phòng riêng của con cái và không thể nào phân biệt nổi các em đang học hay đang tán dóc (chat) với bạn bè trên Net.

3.2.2.2 Chat:

¹² X. [6] *ibid.*

Tôi đặc biệt muốn gióng lên một tiếng chuông về một vấn nạn trầm trọng khác ở đây; đó là vấn đề chat hay tán dóc trên Internet. Bây giờ gần như gia đình nào trong chúng ta cũng có computer và đi đến đâu cũng thấy một thực trạng đáng buồn là các bậc phụ huynh để mặc cho con cái chat thoải mái, hết giờ này sang giờ khác, có khi chat thâu đêm suốt sáng.

Tôi nghĩ chữ “tán dóc” dùng để dịch chữ “chat” trong tiếng Anh là rất hay vì nó nói lên một khía cạnh rất phổ biến khi người ta chat; đó là nói dóc, nói ba hoa, nói gian, nói dối. Anh chị em nên biết một đặc trưng của Internet là tính chất anonymity, tức là nặc danh. Những người tán dóc với nhau trong các chat room, hay qua các chương trình như ICQ, Yahoo Messenger,.. thường là chưa hề quen biết nhau. Tình trạng nặc danh trên Internet khiến người ta ăn nói bạo dạn hơn, xuồng xả hơn, “nổ” bạo hơn so với trường hợp mặt đối mặt. Người ta có một cảm tưởng rằng họ không phải chịu bất cứ một trách nhiệm nào về hành động của mình.

Một khía cạnh đáng quan tâm là nhiều người tin rằng những luật luân lý và xã hội không có hiệu lực trên Internet. Cụ thể, rất nhiều người tin rằng nói dối, kể cả gian dâm cũng không phải là một tội trên Internet mặc dù họ nhìn nhận rằng những điều này ghi rõ trong Mười Điều Răn.

Như thường xảy ra với trẻ con, những gì chúng làm ở ngoài đường hay khi chúng tán dóc trên Net sẽ nhanh chóng len lõi và hình thành nhân cách của chúng. Từ việc nói dối trên Net tới dối cha, dối mẹ gần lắm.

Một khía cạnh nữa là khi chúng ta để cho con trẻ tán dóc với những người xa lạ thì điều đó cũng không khác gì chúng ta để cho bất cứ một người không quen biết nào vào nhà mình tán tỉnh, tán dóc, tán hươu, tán vượn với con em mình về đủ mọi đề tài mà chúng ta không hề hay biết. Nếu cứ để mặc cho bá tánh tứ phương tán tỉnh, dạy dỗ chúng như thế, chúng ta mất dần ảnh hưởng trên con cái mình và không còn khả năng dạy bảo chúng được nữa.

Các nhà tâm lý ghi nhận rằng những trẻ thường tham gia vào các chat rooms thường là những trẻ không hài lòng với thực tại nhưng không cố gắng xoay chuyển tình hình bằng những nỗ lực và ý chí phấn đấu. Chúng muốn tìm đến một thế giới khác nơi những lời tâng bốc của đối phương và những lời dối trá chúng đưa ra, mà oái ăm thay, lừa được cả chính chúng, đang cho

chúng có cảm tưởng về chính mình như một con người mới đẹp hơn, tài ba hơn, giàu sang hơn, và thành công hơn. Trong hoàn cảnh mơ màng như vậy, con cái chúng ta dễ bị quyến rũ, đặc biệt bởi những kẻ tinh quái vẫn hằng rình rập để dụ dỗ trẻ con trên Net.

3.2.3 Kiểm soát việc dùng Internet làm bài của con cái

Trước đây để ‘sao y bản chính’ cũng cần một chút cố gắng nào đó. Những học sinh nào muốn gian lận trong các bài làm, ít ra cũng cần phải vào thư viện tìm ra một vài cuốn sách đúng đề tài đang làm, rồi chép ra nguyên văn hay sửa lại đôi chút. Hoặc giả cũng phải nhờ vả hay thuê mướn một người nào đó làm cho mình. Nhưng ngày nay, chỉ cần không quá 5 phút để vào Internet ‘download’ xuống với đầy đủ trích dẫn và thư mục tham khảo, từ văn chương Hoa Kỳ cho đến Shakespeare và lịch sử thế giới. Càng ngày càng có nhiều Web sites cung ứng dịch vụ này miễn phí hoặc với một phí tổn không đáng một cây cà rem.” Sơ Mary Heather, giảng dạy tại một trường Công Giáo thuộc tổng giáo phận Baltimore đã cho biết như trên trong khóa học đặc biệt về “Plagiarism” (tình trạng học sinh cạo dề, đạo văn, ăn cắp tài liệu hay sao y bản chính bài vở của người khác và cho rằng chính mình đã làm).¹³

Hội nghị đã nhận định rằng cùng với đà phát triển vũ bão của Internet, Plagiarism đang làm tê liệt guồng máy giáo dục ở nhiều nước, đặc biệt ở các nước nói tiếng Anh. Bất chấp các cố gắng của các nhà giáo dục, thành quả đào tạo không cao nổi. Trong khi điểm số cho các bài về nhà làm (project, assignment) khá cao, điểm số trong các kỳ thi thấp đến mức đáng kinh ngạc.

Điều đáng băn khoăn là các tài liệu trên Net quá nhiều nên trong trường hợp học sinh đạo văn của người khác, các thầy cô giáo rất khó biết. Điều đáng nói nữa là trong nhiều trường hợp chính phụ huynh lại là người tiếp tay cho con em họ trong việc lục lọi trên Net. Trong nhiều trường hợp, học sinh và ngay cả phụ huynh làm lẫn giữa việc đạo văn và việc tham khảo tài liệu (là một việc tốt, đáng khuyến khích).

Tổng giáo phận Baltimore đã thông qua một kế hoạch phức hợp để đối phó với tệ nạn này. Kế hoạch này bao gồm việc giải thích về plagiarism và

¹³ X. VietCatholic News Tạp chí Công Giáo My Friend tấn công tệ lạm dụng Internet <http://vietcatholic.net/News/Html/17801.htm> 21/04/2004

tác hại của nó cho học sinh và phụ huynh, đề ra những chính sách khắt khe hơn với những học sinh vi phạm, tăng cường tu nghiệp cho thầy cô giáo và tất cả các bài làm của học sinh sẽ được dò tìm dấu vết đạo văn thông qua một dịch vụ trên Net tại địa chỉ <http://www.turnitin.com>. Mạng lưới này chịu trách nhiệm thiết kế một cơ sở dữ liệu (database) các tài nguyên trên Net về tất cả các môn học. Tổng giáo phận Baltimore cũng đưa ra lời kêu gọi bộ Giáo Dục Hoa Kỳ tiếp tay trong vấn đề này.

3.2.4 Phụ huynh phải biết dùng computer và Internet

Một trong những lời khuyên của Hội Đồng Giám Mục Anh và chúng tôi thấy rất hợp lý là chúng ta không thể nào kiểm soát đúng đắn việc sử dụng computer và Internet của con em mình nếu chính bản thân chúng ta không biết dùng và không nêu gương cho chúng trong việc dùng computer và Internet.

Văn kiện Giáo Hội và Internet của Hội Đồng Tòa Thánh về Truyền Thông¹⁴ cũng khuyến cáo:

Vì lợi ích của con cái họ, cũng như của chính họ, các bậc cha mẹ cần phải “học và thực hành những năng khiếu của những người xem, nghe và đọc một cách nhạy bén, hành xử như những mẫu gương về sự sử dụng thận trọng các phương tiện truyền thông xã hội tại gia.” Về phương diện Internet, trẻ em và thanh niên thường tỏ ra quen thuộc hơn là cha mẹ chúng, nhưng cha mẹ vẫn phải hướng dẫn và giám sát con cái họ trong việc sử dụng Internet. Nếu điều này có nghĩa là họ phải học hỏi thêm về Internet, thì đó cũng là điều đáng làm.

Việc giám sát của cha mẹ phải bao gồm cả việc phải bảo đảm rằng kỹ thuật lọc (filtering technology) được dùng trong những máy điện toán dành cho con cái khi điều kiện tài chính và kỹ thuật cho phép, ngõ hầu bảo vệ con trẻ tối đa có thể được khỏi những tài liệu khiêu dâm, những kẻ săn tìm tính dục, và những đe dọa khác. Tiếp cận với Internet mà không có giám sát là điều không thể cho phép. Cha mẹ và con cái cần đối thoại với nhau về những điều đã thấy và đã kinh qua trong không gian điện toán; chia sẻ với

¹⁴ X. VietCatholic News Các trường Công Giáo ở Baltimore: Phụ huynh phải chú ý hơn đến việc trẻ con dùng Internet <http://vietcatholic.net/News/Html/1080.htm> 16/08/2002.

những gia đình khác có cùng những giá trị và cùng những mối ưu tư sẽ rất là hữu ích. Bốn phận căn bản của cha mẹ ở đây là giúp con cái trở nên những người sử dụng biết phân định và có trách nhiệm, và không là những kẻ nghiện Internet đến nỗi lơ là những tiếp xúc với chúng bạn và cả với thiên nhiên.

Đề nghị cuối cùng của tôi là quý cha, và các Hội Đồng Mục Vụ nên tổ chức những buổi sinh hoạt hướng dẫn các bậc phụ huynh về vấn đề này. Tôi biết nhiều người trong chúng ta rất quan tâm dạy dỗ con cái trong ánh sáng đức tin Công Giáo nhưng chúng ta gặp những khó khăn rất lớn về ngôn ngữ, và kỹ thuật để có thể am hiểu vấn đề. Tôi thiết nghĩ chúng ta cần có ngay một chương trình Mục Vụ Gia Đình trong lãnh vực giáo dục để cung ứng cho các bậc phụ huynh không những kiến thức về Internet nói riêng mà cả những vấn đề rộng lớn hơn trong việc giáo dục thế hệ trẻ là tương lai của Giáo Hội và đất nước chúng ta.

4. Kết Luận

Để kết luận, tôi xin đưa ra hai nhận định sau:

Thứ nhất, chúng ta cảm tạ Chúa vì sự hiện diện của những phương tiện truyền thông mạnh mẽ như Internet. Qua Internet, Chúa đang đặt vào tay chúng ta một phương tiện truyền bá sứ điệp của Đức Kitô vượt quá trí tưởng tượng phong phú nhất của những người truyền giảng Tin Mừng đi trước chúng ta. Vấn đề đặt ra là phải sử dụng kỹ thuật truyền thông mới này trong sự khôn ngoan để mưu ích cho bản thân, gia đình, xã hội và Giáo Hội.

Thứ hai, Internet đang làm cho hàng tỷ hình ảnh hiện ra trên màn hình của hàng triệu máy điện toán trên hành tinh này. Từ dải ngân hà của hình ảnh và âm thanh này, có ló dạng thiên nhan của Đức Kitô và tiếng của Ngài có được lắng nghe không hay chỉ là những lạm dụng, thù hận, bạo lực, vu cáo, khủng bố, và lèo lái. Tất cả lệ thuộc vào suy tư và sự khôn ngoan của chúng ta trong sự tuân phục ánh sáng của Thánh Thần.



Linh mục John Trần Công Nghị,

sinh quán Đồng Nhân, giáo phận Phát Diệm. Học Tiểu chủng viện Phát Diệm ở Saigòn (1957-1963), học Triết học tại Đại Chủng viện Saigòn (1963-1966) học Thần học tại Đại học Giáo hoàng Urbano VIII, Roma (1967-1971 và 1977-1979).

Thụ phong Linh mục tại Roma năm 1971. Tiến sĩ Thần học Đại học Urbano năm 1980. Học Xã hội học tại Fordham University (1971-1975). Từ 1975-1976 và 1980-1986 phục vụ trong các chương trình định cư người Việt tị nạn tại Fort Chaffee, New Orleans, Washington DC, Portland. Từ năm 1986 cho đến nay làm mục vụ tại TGP Los Angeles và kiêm giám đốc VietCatholic Network. Hiện tại là Chánh xứ giáo xứ St. Catherine of Alexandria, Catalina, Los Angeles.

ĐỜI SỐNG TÍNH DỤC VÀ HẠNH PHÚC HÔN NHÂN

Trần Mỹ Duyệt, Ph.D.

Hôn nhân là tiếng đáp trả của tình yêu, là lời thề hứa chung thủy trong cuộc sống lứa đôi của hai người yêu nhau. Hôn nhân được bao bọc và ràng buộc bởi luật pháp, và sự thừa nhận của xã hội. Dưới nhãn quan Kitô Giáo, hôn nhân là một ơn gọi, một giao ước yêu thương giữa một người nam và một người nữ. Hôn ước này được chúc phúc bởi Thiên Chúa, Đáng là “tình yêu” (1 Ga 4:8). Từ tình yêu hai người dành cho nhau ấy phát sinh tình yêu cha mẹ, tình yêu con cái, tình yêu anh chị em, họ hàng, người thân, tình yêu xã hội, và tình yêu nhân loại. Hạnh phúc hôn nhân còn được tiếp nối do được thông phần với Thiên Chúa trong việc sản sinh con cái: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất...” (St 1:28).

Một hồng ân bao la. Một hạnh phúc vô biên. Một bầu trời chan hòa và đầy ắp những ước mơ cho mọi cuộc tình. Nhưng mặt sau của hôn nhân là một thảm kịch. Thống kê mới nhất cho thấy có đến 50% những cuộc hôn nhân kết thúc bằng ly dị.¹

Những con số thống kê tượng trưng:

Câu hỏi được nêu lên là tại sao và đâu là lý do của những đổ vỡ trên. Trong những câu trả lời, phần lớn có liên quan đến ngoại tình.²

-41% người chồng, người vợ hoặc cả hai thừa nhận có ngoại tình trong tư tưởng và hành động.

-57% nam giới và 54% nữ giới đã thừa nhận hành động ngoại tình. Trong đó:

-36% ngoại tình với những người cùng sở, hoặc nơi làm việc.

-36% ngoại tình trong khi công tác xa nhà.

Kết quả những hành động ngoại tình này đưa đến 31% đổ vỡ gia đình và kết thúc bằng ly dị.

Từ những dữ kiện trên, đưa đến một kết luận thực hành liên quan đến hạnh phúc hôn nhân là đời sống tính dục và sự hài hòa về sinh lý.

Tính dục là gì?

Tính dục là gì mà nó làm điên đảo lòng người, và gây ra thảm họa cho đời sống hôn nhân gia đình như vậy?

-Tính dục là một bản năng và nhu cầu:

Theo tiến sỹ Juli Slattery, khác biệt giữa người chồng và người vợ là người chồng kinh nghiệm về tính dục như một nhu cầu vật lý chính của họ. Cũng như thân thể chúng ta bảo cho biết khi nào mình đói, mình khát hoặc mệt mỏi, thân thể của người đàn ông sẽ bảo cho họ biết khi nào cần nhu cầu thỏa mãn sinh lý. Nhu cầu này lại bị ảnh hưởng do những yếu tố ngoại cảnh, được thúc đẩy bởi kích thích tố nam testosterone. Và như một sự thỏa mãn chính đáng sau khi nhu cầu sinh lý được giải tỏa, người đàn ông cảm thấy mình thoải mái, hạnh phúc.

Ngược lại, ham muốn tình dục của người phụ nữ không do những thôi thúc của thể lý, nhưng liên quan đến tình cảm. Người đàn ông có thể bị kích thích một cách dễ dàng chỉ do nhìn ngắm một người phụ nữ khỏa thân. Thanh sắc là hai yếu tố thường gây nên những thèm muốn dục vọng nơi người đàn ông: "...Ai nhìn người phụ nữ mà thèm muốn, thì trong lòng đã ngoại tình với người ấy rồi" (Mt 5: 28).

Tuy vậy, đàn ông thường dùng yếu tố bản năng để biện minh cho hành động ngoại tình và cho sự chung thủy của họ. Khác biệt căn bản giữa tính dục người đàn ông và đàn bà là đàn ông có thể phân biệt rõ ràng hành động sinh lý và sự ràng buộc tình cảm với một người phụ nữ, trong khi đó đối với người phụ nữ cả hai chỉ là một. Tóm lại, "tính dục đối với người đàn ông có một ảnh hưởng rất lớn trên tình cảm, hạnh phúc hôn nhân và tinh thần của họ."³

Tính dục với cái nhìn bản năng là điều tốt và cần thiết. Nó cũng là một ân huệ Thiên Chúa ban cho con người, đặc biệt cho những ai sống trong đời sống hôn nhân. Thế nên con người hưởng dùng ân huệ này là điều chính đáng.

-Thèm muốn của thân xác:

Đàn ông “luôn luôn” nghĩ về tình dục. Theo những khảo cứu của the Kinsey Institute for Research in Sex, Gender and Reproduction thuộc Đại học Indiana, công bố trên the journal Proceeding of the National Academy of Scientists, 54 % đàn ông và 19% đàn bà nghĩ về tình dục năm, ba lần mỗi ngày.⁴

Gần đây, theo một cuộc khảo cứu tại Anh Quốc, người ta trung bình nghĩ đến sinh lý 13 lần một ngày. Kết quả này phù hợp những gì mà chính người Việt Nam chúng ta cũng vẫn thường nói:

“Đêm bảy, ngày ba

*Vào ra không kể.”*⁵

Tháng Giêng năm 2012, Tạp Chí Khảo Cứu Về Sinh Lý (Journal of Sex Research) đã phổ biến nghiên cứu do Giáo sư Terri Fisher thực hiện tại Đại học Ohio dựa vào việc thăm dò 120 sinh viên nam và 163 sinh viên nữ từ 18 đến 25 tuổi. Kết quả cho thấy trung bình một sinh viên nam nghĩ đến sinh lý 19 lần mỗi ngày, trong khi đó một sinh viên nữ là 10 lần một ngày.

Một khảo cứu khác, theo bác sĩ Louann Brizendine, thì đàn ông nghĩ về sinh lý cứ 52 giây, trong khi người phụ nữ là 1 lần mỗi ngày.⁶

Qua những dữ liệu trên, đưa đến kết luận chung là: Tính dục là bản năng, và đàn ông nghĩ về sinh lý nhiều hơn đàn bà. Tùy theo mức độ hormone Testosterone trong cơ thể mỗi người đàn ông mà mức độ nghĩ đến, cũng như ham muốn dục vọng nhiều hay ít.

-Bao nhiêu cho vừa?

Nhu cầu sinh lý và thỏa mãn sinh lý là một trong những yếu tố đem đến sự điều hòa của đời sống tâm sinh lý, dẫn đến hạnh phúc hôn nhân. Nhưng ngược lại, nó cũng là một trong những nguyên nhân đưa đến bất hạnh trong hôn nhân nếu nhu cầu này không được giải quyết một cách tốt đẹp với sự hiểu biết và ý thức trưởng thành. Sau đây là tổng hợp những cuộc khảo cứu của Kinsey và Morton Hunt cho thấy con số trung bình ân ái vợ chồng (làm tình) trong một tuần dựa theo tuổi tác.⁷

Theo kết quả khảo cứu của Kinsey năm 1948, 1953:

Từ 16-25 2.45 lần

Từ 26-35 1.95 lần

Từ 36-45 1.40 lần

Từ 46-55 .85 lần

Từ 55-60 .50 lần

Con số trung bình mỗi tuần có chỉ số cao hơn theo khảo cứu của Morton Hunt năm 1974:

Từ 18-24 3.25 lần

Từ 25-34 2.55 lần

Từ 35-44 2.00 lần

Từ 45-54 1.00 lần

55 tuổi trở lên 1 lần

Sự khác biệt có thể được diễn giải tùy theo quan niệm về tính dục, ảnh hưởng của văn hóa, xã hội, phim ảnh, và ảnh hưởng sức khỏe, tâm lý, giáo dục và tôn giáo. Nói chung phần đông những người có gia đình tại Hoa Kỳ, trung bình làm tình 2 hoặc 3 lần một tuần. Tuổi từ 50 đến 59, trung bình 4 hoặc 5 lần một tháng (Laumann et al., 1994).⁸ Và theo khảo cứu của (Michael et al., 1994, p.136), con số trung bình là 7 lần một tháng.⁹

Tóm lại, nhu cầu và sự đòi hỏi tình dục là một nhu cầu đi liền với con người. Đối với những người có hay không có gia đình, nó vẫn là một cái gì rất thu hút và rất hấp dẫn. Qua bài thơ nói về những thói hư của mình, thi sỹ Trần Tế Xương đã viết:

“Một trà, một rượu, một đàn bà

Ba cái lãnh nhăng nó quấy ta

Chừa được cái gì hay cái nấy

Có chăng chừa rượu với chừa trà!”¹⁰

Những ai đã dính vào những thứ “lãnh nhăng” như Trần Tế Xương đều thấy rõ rằng chừa bất cứ thứ nào trong những thứ đó cũng đều khó, và như nhà thơ Non Côi Sông Vị thì chừa đàn bà vẫn là thứ khó chừa nhất. Thực tế đã chứng minh ông nói đúng. Nhiều võ nhân, quân tử, nhiều vua,

quan, chính trị gia và những nhân vật lẫy lừng trong lịch sử đã thân bại danh liệt vì đàn bà. Ngay cả những vị tu hành đức cao danh trọng cũng không thoát khỏi những ràng buộc và quyến rũ của nó. Do đó, đối với những ai đang sắp sửa bước vào đời sống hôn nhân, hoặc đang sống trong đời sống này cần phải ý thức và hiểu một cách trưởng thành về hồng ân tính dục, và học hỏi biết xử dụng nó cách khéo léo để mang lại hạnh phúc cho gia đình, và chính mình.

Hồng ân tính dục

Nhiều lần hay ít, đàn ông hay đàn bà, nhìn vấn đề bằng cặp mắt tự do hay bảo thủ, tính dục vẫn là trái táo của vườn Địa Đàng năm xưa đã từng làm mê mẩn lòng người. Không một ai đã dám can đảm tuyên bố mình không cần và không bị thu hút bởi nó.

Không chỉ đến từ bản năng và sự thôi thúc của con người tự nhiên, chính Thiên Chúa cũng chúc lành và khuyến khích vợ chồng về việc hưởng dùng ân huệ tính dục.

*“Cùng với người vợ yêu thương,
bạn hãy hưởng trọn cuộc đời, hết mọi ngày trong kiếp sống phù du
đã được ban cho bạn dưới ánh sáng mặt trời.” (Gv 9:9)*

Lời tình ca của Salômôn cũng chính là lời thì thầm, lãng mạn của hai người tha thiết yêu nhau, và đăm đuôi bên nhau:

*“Ước gì chàng hôn ta những nụ hôn chính môi miệng chàng!
Ân ái của anh còn ngọt ngào hơn rượu.” (Diễm Tình Ca 1:2)*

Và trong ân ái ngọt ngào đó,

*“Chàng đưa tôi vào phòng tiệc, cho tôi uống rượu nồng,
đã thắng tôi nhờ sức mạnh tình yêu.” (Diễm Tình Ca 2:4)*

Rượu nồng tượng trưng sức mạnh của tình yêu. Tình yêu chơi với và lâng lâng đưa hai thân xác gặp lại nửa phần kia của chính mình. Chỉ qua hành động tính dục, người vợ và người chồng mới có thể nói với nhau rằng: “Và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt” (Mc 10:8). Theo Đức Biển Đức XVI:

“Con người một cách nào đó không trọn vẹn, nên phải đi tìm kiếm nơi người khác phần nào đó cho sự toàn vẹn của mình, nghĩa là con người chỉ trong sự hiệp thông với phái tính khác mới có thể trở nên “trọn vẹn,” đó chính là điều tìm thấy trong Kinh Thánh.”¹¹

Cái lãng mạn, chất ngất của tình yêu đã được cặp mắt thi nhân thần thánh hóa:

“Trời cao xanh ngất. - Ô kìa!

Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.”¹²

Chôn bồng lai của “đôi vợ chồng” phải bay về chính là tổ ấm yêu thương. Và trung tâm tổ ấm ấy là cái giường nơi mà cả một vùng trời tình yêu xanh ngất ngự trị. Ở đó, Ô kìa “cả hai trần tròng mà không xấu hổ trước mặt nhau” (St 2:25).

Vì sợ con người lợi dụng và lạm dụng tình dục, Thiên Chúa đã có lệnh cấm không cho phép những người ngoài hôn nhân được bén mảng đến chốn bồng lai tiên cảnh này: “Người không được ngoại tình.” (Xh 20:14) Đối với những người đã có gia đình và đã biết thế nào là cái hạnh phúc ngất ngây của tình dục thì Ngài bảo họ: “Người không được ham muốn vợ người ta” (Xh 20:17).

Và để tình yêu vợ chồng được trọn vẹn qua hồng ân tính dục, sau đây là một số những chỉ dẫn của Giáo Hội Công Giáo được ghi trong sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo:¹³

Số 2360: “Theo ý định của Thiên Chúa, phái tính hướng về tình yêu vợ chồng. Trong hôn nhân, ái ân trở thành dấu chỉ và bảo đảm của sự hiệp thông tinh thần. Giữa hai tín hữu, dây liên kết hôn nhân được thánh hóa bằng bí tích.”

Số 2361: “Nhờ khả năng tính dục, người nam và người nữ hiến thân cho nhau qua những hành vi dành riêng cho vợ chồng. Tính dục không chỉ là hành vi sinh lý, nhưng liên can đến những điều thâm sâu nhất của nhân vị. Tính dục chỉ thực sự xứng đáng với con người, khi nó là thành phần không thể thiếu của tình yêu giữa người nam và người nữ đã cam kết hiến thân cho nhau trọn vẹn suốt đời.”

Số 2362: “Những hành vi thực hiện sự kết hợp thân mật và thanh khiết của đôi vợ chồng đều cao quý và chính đáng. Được thi hành cách thực sự nhân linh, những hành vi ấy biểu hiện và khích lệ sự hiến thân cho nhau nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong hoan lạc và biết ơn.”

Chính Đấng Sáng Tạo ... đã muốn rằng trong nhiệm vụ truyền sinh đôi vợ chồng cảm thấy một sự vui thú và thỏa mãn nơi thân xác và tinh thần. Vì vậy, vợ chồng chẳng làm điều gì xấu khi tìm kiếm và tận hưởng sự khoái lạc đó. Họ đón nhận những gì Đấng Sáng Tạo đã ban cho. Tuy nhiên, họ phải biết giữ tiết độ (Pi-ô XII, bài giảng 29 - 10 - 1951).

Trách nhiệm tính dục

Không chỉ là một hồng ân, tính dục còn là một trách nhiệm: “Theo nhân quan Kitô Giáo, đức khiết tịnh tuyệt nhiên không có nghĩa là phủ nhận hay miệt thị tính dục con người, nhưng đúng hơn nó là một năng lực tinh thần biết bảo vệ tình yêu khỏi những nguy hiểm của sự ích kỷ và của tính bạo động, và đưa tình yêu đến mức thể hiện trọn vẹn” (Thánh Gioan Phaolô II - FC 33).¹⁴

Tính dục trong hôn nhân không phải là những đòi hỏi cần thỏa mãn theo nhu cầu thể lý và tâm lý. Dưới ánh sáng lời Chúa, nó còn là một bổn phận bắt buộc giữa người chồng và người vợ. Thánh Phaolô đã giải thích vấn nạn này một cách rất rõ ràng với người Corinthô hai ngàn năm trước:

“Chồng hãy làm tròn bổn phận đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy. Vợ không có quyền trên thân xác mình, nhưng là chồng; cũng vậy, chồng không có quyền trên thân xác mình, nhưng là vợ. Vợ chồng đừng từ chối nhau, trừ phi hai người đồng ý sống như vậy trong một thời gian, để chuyên lo cầu nguyện; rồi hai người lại ăn ở với nhau, kéo vì hai người không tiết dục nổi mà Xa-tan lợi dụng để cám dỗ” (1 Cr 7:3-5).

Để xóa tan tư tưởng sai lạc về tính dục, và làm cho tính dục nhuốm màu sắc quá thiên về vật chất, sau khi tạo dựng mọi loài, Thiên Chúa đều hài lòng với sản phẩm của mình và thấy nó tốt đẹp. Vậy nếu Thiên Chúa không cho hành động tính dục là dơ bẩn, con người cũng không được phép nghĩ nó là dơ bẩn. Hơn nữa, phải cho đây là một hành động nghiêm túc và thực hành nó một cách có trách nhiệm, bởi vì hành động tính dục trong hôn nhân là

một bốn phần như Thánh Phaolô đã cắt nghĩa cho người Corinthô, và chắc chắn là ngài cũng muốn nói điều ấy với con người qua mọi thời đại.

Đặc biệt ở thời đại hôm nay khi tính dục được đưa vào sinh hoạt xã hội mang màu sắc văn hóa và chính trị. Một dịch vụ buôn bán, trao đổi và kiếm lời. Nguyên số tiền mà người ta chi ra cho các dịch vụ mãi dâm mỗi năm cũng lên đến hàng trăm triệu mỹ kim. Và đây là một lời cảnh báo cho những thất bại về tính dục trong hôn nhân. Để giúp cho vợ chồng hiểu về trách nhiệm cao cả của mình trong đời sống tính dục, tài liệu giáo lý chuẩn bị cho Đại Hội Gia Đình Thế Giới 2015 viết:

Trong niềm hân hoan qua ngôn ngữ của Adam lần đầu gặp Evà: “Cuối cùng, đây là xương của xương tôi, và thịt của thịt tôi” (Gen 2:23, NRSV). Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo ghi rằng, từ nguyên thủy, “người nam nhìn ra người nữ như cái “tôi” khác chia sẻ cùng nhân tính” (CCC, 371). Người nam và người nữ chia sẻ phẩm tính bình đẳng đến từ Thiên Chúa là Tạo Hóa của họ. Trong chương trình của Thiên Chúa, cả hai giống nhau, và cái khác của người nam và người nữ xảy ra cùng lúc trong tình trạng bổ khuyết sinh lý của họ như giống đực và giống cái. Được tạo dựng với nhau (Gen 1:26-27), người nam và người nữ sẵn sàng cho nhau. (CCC, 371) Sự khác biệt tính dục là một lời nhắc nhở căn bản rằng việc chúng ta được dựng nên để trao hiến cho nhau đã được hướng dẫn bằng đức hạnh và tình yêu Thiên Chúa.¹⁵

Trách nhiệm về tính dục do đó bắt nguồn từ mẫu nhiệm con người, và đến từ Thiên Chúa. Trong Sáng Thế Ký, Thiên Chúa đã truyền cho con người phải làm việc này không chỉ vì nhu cầu tâm sinh lý, mà còn để duy trì, bảo vệ nòi giống. Ngài đã trao quyền được cộng tác với Ngài trong việc tạo dựng con người: “Hãy sinh sôi nảy nở thật nhiều, cho đầy mặt đất, và thống trị mặt đất” (St 1:28). Tính dục trong hôn nhân vì thế còn có một mục đích tối hậu là sinh sản con cái.¹⁶

Sách Giáo Lý Công Giáo số 2363 dạy: “Nhờ sự kết hợp của vợ chồng, hai mục đích của hôn nhân được thực hiện: lợi ích của chính đôi vợ chồng và lưu truyền sự sống. Không thể tách rời hai ý nghĩa hoặc hai giá trị này của hôn nhân mà không làm biến chất đời sống tinh thần của vợ chồng cũng

như phương hại đến lợi ích của hôn nhân và tương lai của gia đình. Như thế tình yêu vợ chồng đòi hỏi người nam và người nữ vừa phải chung thủy vừa phải sẵn sàng đón nhận con cái.”

Những hội chứng bất thường của tình dục

Rất nhiều người có những vấn nạn, những khó khăn về sinh lý và hành động sinh lý. Họ thường hay che giấu và không muốn trao đổi với người khác ngay cả với vợ hoặc chồng. Nhưng vì không thỏa mãn được nhu cầu và ước muốn tình dục nên vợ chồng luôn có những xung khắc trong đời sống sinh lý, biến nó trở nên nhàm chán, dờ dẫm, hoặc ghê tởm. Những căn bệnh chính sau đây được liệt kê trong cẩm nang Diagnostic and statistical Manual of Mental Disorders (DSM) năm 2000 của Hiệp Hội Các Nhà Tâm Thần Học Hoa Kỳ:

-Mất ham muốn (Sexual desire disorders): Liên quan đến thái độ lạnh nhạt, coi thường, hoặc không vui thích hành động giao hợp. Người mất ham muốn tình dục được gọi là người mang hội chứng hypoactive sexual disorder. Đây là căn bệnh thông thường đối với những nhà chuyên môn trị liệu tình dục (Letourneau & O'Donohue, 1993)¹⁷. Triệu chứng thông thường dẫn đến tình trạng mất ham muốn bao gồm những lý do thể lý và tâm lý như bực bội, nóng giận, sợ hãi mất khả năng, sợ có thai, hoặc có những tai nạn trong quá khứ liên quan đến hành động sinh lý.

-Mất hưng phấn (Sexual arousal disorders): Mất kích thích tình dục đối với đàn ông là không có khả năng cương cứng dương vật hoặc khả năng giao hợp. Đối với đàn bà là không tạo được kích thích để tiết ra chất nhờn trong âm đạo. Họ mất hứng thú hoặc không có khả năng tạo hưng phấn trong tình dục (American Psychiatric Association, 2000). Căn bản của bệnh này dẫn đến liệt dương (impotence) của phái nam và lãnh cảm (frigidity) của phái nữ. Có ít nhất 30 triệu đàn ông ở Hoa Kỳ bị liệt dương (Goldstein, 1998).¹⁸ Tâm lý mệt mỏi, chán chường, nghiện rượu, là lý do của căn bệnh. Sự lặp đi lặp lại những thất bại của mình cũng là điều khiến cho tình trạng bệnh lý trở thành trầm trọng hơn đối với nam giới. Với nữ giới, tình trạng mất kích thích tình dục cũng đến từ những lý do thể lý và tâm lý. Những trường hợp quá khứ như bị hiếp dâm, bị xâm phạm tình dục, hoặc ái ân thô

lỗi và bạo tợn của người yêu, của chồng cũng đã khiến cho nhiều phụ nữ trở nên mất hứng thú.

- *Không đạt kích ngát (Orgasmic disorders)*: Trong khi phụ nữ khó lòng đạt kích ngát, hoặc bị kích ngát một cách đột ngột và khác thường (rapid orgasm). Phái nam thường xuất tinh sớm (premature ejaculation), hoặc có những người không xuất tinh được. Tình trạng không đạt kích ngát không chỉ đối với đàn ông mà còn đối với cả đàn bà. Đối với đàn ông xuất tinh trong vòng 30 giây được cho là xuất tinh sớm. Cũng như các chứng bệnh khác của tình dục, không đạt kích ngát khi giao hợp cũng có những lý do thể lý và tâm lý.

- *Đau rát khi giao hợp (Sexual pain disorders)*: Đàn ông cũng như đàn bà đều có thể gặp phải chứng đau rát khi giao hợp (dyspareunia). Triệu chứng này ở phụ nữ còn dẫn tới có cảm giác không muốn để cho dương vật lọt vào âm đạo (vaginismus). Đau rát khi giao hợp thuộc cả hai phái, nhưng phần đông xảy ra cho giới phụ nữ. Nó xảy ra có thể là do nguyên nhân thể lý và cũng có thể là lý do tâm lý.¹⁹ Tuy nhiên phần lớn sự đau rát của phụ nữ xảy ra là thiếu chất nhờn tiết ra từ âm đạo. Cũng có thể là phản ứng do những hóa chất từ những bao cao xu (condoms), những dụng cụ ngừa thai hoặc do những hành động giao hợp mạnh bạo, cuồng loạn của đàn ông.

-*Liệt dương và xuất tinh sớm của phái nam*, lãnh cảm và không đạt kích ngát của phái nữ, đau rát khi giao hợp của cả hai phái là những căn bệnh thông thường của đời sống tình dục. Những căn bệnh này là lý do dẫn đến những tư tưởng tiêu cực, những ý nghĩ xấu về tính dục và hành động ân ái vợ chồng. Ảnh hưởng của nó sẽ làm cho đời sống hôn nhân trở nên căng thẳng, tẻ nhạt, nhàm chán, và đưa đến đổ vỡ. Để chữa trị những căn bệnh sinh lý bất thường, đòi hỏi người chồng, người vợ hoặc cả hai phải đối diện với thực tế, có nghĩa là phải chấp nhận mình có bệnh để có sự thông cảm của nhau, và tìm phương pháp chữa trị.

Về phương diện y khoa, họ cần bác sỹ gia đình và các bác sỹ chuyên môn để khám nghiệm, chữa trị các chứng cao mỡ, cao máu, tiểu đường, yếu tim, yếu thận, hoặc liên quan đến nang thượng thận (adrenal glands), tuyến giáp trạng (thyroid) hay nghiện ngập. Về phương diện tâm sinh lý, họ phải đến gặp các nhà tâm lý, các nhà chuyên môn về sinh lý để phân tích và trị

liệu những hội chứng đang ảnh hưởng đến đời sống và khả năng tình dục. Tóm lại, để chữa trị những căn bệnh về sinh lý không nên dựa vào kinh nghiệm của người này, người khác, hoặc những toa thuốc bí truyền, những cách thức chữa trị gia truyền. Nhưng phải được chẩn đoán và chữa trị một cách khoa học đôi khi phức tạp và tốn kém.

Một trong những quan niệm rất thiếu khoa học về sinh lý và di truyền học liên quan đến số phận phụ nữ và các bé gái là quan niệm trọng nam khinh nữ, “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô.” Do quan niệm này nhiều bà mẹ và nhiều bé gái đã phải đau khổ, tủi hận, mặc cảm và chết oan. Nhưng việc sinh con trai hay con gái hoàn toàn không do phụ nữ. Theo khảo cứu của khoa học, tinh trùng được chia ra làm hai loại, một nửa tính nam (male sperm) mang nhiễm sắc thể giới tính (sex chromosomes) Y. Một nửa tính nữ (female sperm) mang nhiễm sắc thể giới tính X. Trong khi giao hợp, nếu tinh trùng mang nhiễm sắc thể giới tính Y gặp trứng, thai nhi sẽ là con trai. Ngược lại, nếu tinh trùng mang nhiễm sắc thể giới tính X gặp trứng, thai nhi sẽ là con gái. (Phạm, 2006)²⁰

Tôi thuộc về người yêu của tôi

Lời người yêu trong Diễm Tình Ca (7:11) diễn tả cách tuyệt vời sự thao thức, cuốn hút của giây phút ân ái vợ chồng. Nhưng vì hành động ái ân không phải là một việc làm theo bản năng, và bị thúc đẩy bởi những thèm muốn xác thịt. Để có những giây phút hạnh phúc bên nhau, người chồng cũng như người vợ cần phải hiểu biết những trạng thái tâm sinh lý của nhau, và đi vào những giây phút ấy bằng sự chuẩn bị tâm lý cũng như thể lý.

Trong Human Sexuality, 5th Edition, (Spencer A. Rathus et al., 2002)²¹ đã tóm lược những trạng thái sinh lý của Masters and Johnson, ²² tùy thuộc vào sự thay đổi của cơ thể và những kích thích bên ngoài. Những rạo rức, thôi thúc của sinh lý theo đó mang 4 đặc tính: excitement (kích thích), plateau (đạt đỉnh), orgasm (kích ngất) và resolution (trạng thái bình thường).

-Excitement (kích thích): Do được kích thích khoảng từ 3 tới 8 giây, cơ quan sinh dục của đàn ông từ từ cương cứng, dịch hoàn và bao bọc dịch hoàn trở nên săn chắc. Về phía nữ giới khoảng từ 10 tới 30 giây âm đạo bắt đầu ẩm ướt do chất nhờn tiết ra, âm vật, vành trong và vành ngoài của cơ quan sinh dục nở và mở rộng, đổi màu.

-Plateau (đạt đỉnh): Sự cương cứng của dương vật và toàn bộ cơ quan sinh dục của phụ nữ kể cả phần sâu nhất của âm đạo được biến đổi. Cặp nhũ hoa của phụ nữ trở thành căng phồng và hai đầu nhũ hoa cũng cứng lên. Do bị kích thích và hưng phấn một vài giọt tinh dịch có thể tiết ra từ đầu dương vật của đàn ông. Lúc này, máu trong cơ thể tiếp tục bơm nhanh, hơi thở dồn dập, tim đập từ 100 đến 160 nhịp một phút. Thời gian sẵn sàng cho hành động giao hợp.

-Orgasm (kích ngát): Sự hòa nhập giữa hai thân xác, tạo nên một cảm giác sung sướng và mê mê chất ngất. Các bắp thịt ở vùng chậu và thành âm đạo co thắt. Máu trong người tăng lên tới đỉnh. Tim đập lên đến 180 nhịp một phút. Hơi thở dồn dập 40 cái một phút. Một cảm giác thôi thúc, âm áp, vỡ òa, và thoải mái. Đối với người đàn ông kích ngát được đánh dấu bằng việc xuất tinh. Một lượng tinh dịch và tinh trùng được bắn ra từ 2 tới 3 giây.

-Resolution (trạng thái bình thường): Sau khi xuất tinh, dương vật của đàn ông bắt đầu thu lại và trở về trạng thái bình thường. Âm đạo và thành âm đạo của người phụ nữ cũng từ từ trở lại trạng thái cũ. Thời gian trong vòng 5 phút sau khi kích ngát đối với cả nam và nữ. Mặc dù thời gian cần cho cơ thể trở lại bình thường của hai phái tương tự như nhau, nhưng riêng với nữ giới thời gian trở lại trạng thái bình thường không nhanh như nam giới. Do đó, nếu được kích thích và nếu họ muốn, họ có thể tiếp tục giao hợp.

Do những khác biệt về thể lý và tâm sinh lý, phản ứng sinh lý của phái nam được ví như chiếc máy vi ba sóng (microwave) dùng hâm nóng đồ ăn, và phái nữ như chiếc lò nướng (oven). Microwave mở lên nóng liền, và tắt đi nguội liền. Nhưng oven mở lên từ từ mới nóng, và khi tắt cũng nguội từ từ. Vì những khác nhau về tâm sinh lý, nên để có một cuộc ái ân đem lại hạnh phúc cho cả hai vợ chồng, đòi hỏi cả hai, đặc biệt người đàn ông phải hiểu được khác biệt này. Và việc chuẩn bị cho một cuộc ái ân cũng có những bước căn bản của nó.

-Thời giờ cho nhau: Hành động ân ái, một cuộc hội ngộ đem lại hạnh phúc cho hai thân xác và hai tâm hồn nên phải có thời giờ cho nhau. Nó không thể được thực hiện một cách chộp giật, chớp nhoáng hay máy móc, vì điều này không phù hợp với những đòi hỏi thể lý cũng như tâm lý phụ nữ.

Bởi đó thời gian đầu là lúc vợ chồng cần để quán quít, hôn hít, vuốt ve và ôm ấp. Những hấp dẫn thể lý cộng với những lời tình lãng mạn sẽ đem lại hưng phấn cho những phản ứng tâm sinh lý. Giây phút vợ chồng bên nhau phải là những giây phút đắm đuối, thơ mộng, tình tứ, và của nhịp đập hai trái tim.

Để có những giây phút này, cả hai cần có những đôi đũa thân mật, yêu thương, và dành thời giờ cho nhau trước đó qua những giao tiếp thường ngày giữa hai vợ chồng. Những lời nói yêu thương, cử chỉ tế nhị, sẵn đón, và quan tâm đến nhau chính là những yếu tố cần để chuẩn bị cho giây phút ân ái.

-Cho nhau biết là mình được yêu: Tác động ân ái, giao hợp vợ chồng là những tác động của yêu thương. Người chồng cũng như người vợ cần phải cho nhau biết rằng tình yêu và những thu hút của tình yêu đã dẫn hai người và đem họ lại với nhau. Nói cho nhau nghe và bày tỏ cho nhau tình yêu của mình, để cả hai thấy rằng mình đang yêu và được yêu. Ân ái vợ chồng không phải là một thỏa mãn hoàn toàn dục vọng, và hành động theo bản năng. Nó phải được diễn ra bằng những lời nói, cử chỉ và hành động của tình yêu. Tình yêu sẽ níu kéo, ghì chặt hai thân xác, và hòa hợp hai tâm hồn: “Chàng đưa tay trái cho tôi gồi đầu, đưa tay phải ghì chặt lấy tôi” (Diễm Tình Ca 2:6).

-Môi trường an toàn: Giây phút vợ chồng bên nhau là thời gian của riêng tư giữa hai người. Nó phải được thực hiện trong không gian an toàn. Những tiếng động đặc, những chi phối bên ngoài thường làm cho người phụ nữ cảm thấy mất hứng thú, và dĩ nhiên sự đáp trả sẽ không nồng nàn, tha thiết:

*“Đương khi bếp tắt cơm sôi,
Con ngồi khóc đói, chồng đòi tòm tem.
Bây giờ bếp đã cháy lên,
Cơm đã sắp chín, tòm tem thì tòm.”²³*

Cơm chưa chín, bếp lửa tắt ngấm, và con ngồi bên khóc lóc đòi ăn chắc chắn không phải là thời gian, hoàn cảnh và môi trường thuận tiện cho một cuộc ân ái.

-Cảm ơn anh, cảm ơn em: Kinh nghiệm thường ngày cũng như những kết quả khảo cứu cho thấy sau khi đã xuất tinh, tức là đạt kích ngất, thỏa mãn được nhu cầu, người chồng thường lặn ra ngủ. Họ không quan tâm đến những thao thức, những hạnh phúc còn rơi rớt lại nơi người vợ. Nhưng nếu bỏ qua, hoặc không quan tâm đến nó vô tình sẽ tạo cho người vợ, người yêu cái cảm giác họ bị lợi dụng, hoặc chỉ là dụng cụ để cho chồng đạt được thỏa mãn. Hành động này sẽ ghi vào tâm tư người vợ sự tủi hổ, giận hờn, và coi thường. Kết quả nó sẽ để lại hình ảnh xấu, một cái nhìn tiêu cực về sinh lý, về tình yêu vợ chồng, và khiến cho những lần ân ái sau trở nên khó khăn, hoặc dễ dàng bị từ chối.

Kết luận

Hành động ân ái chính là biểu tượng của tình yêu, là trách nhiệm và bổn phận cần thiết của đời sống hôn nhân. Không ai được coi thường hành động sinh lý vợ chồng, và cũng không ai có thể nói đó là những hành động, những việc làm dơ bẩn, tội lỗi, xấu xa.

Người vợ khôn ngoan và yêu chồng không để chồng bị đói, thèm khát và bị bỏ rơi. Hành động như vậy chỉ tạo ra những cơ hội cho việc vụng trộm và thèm muốn ngoài hôn nhân mà không phải là chính mình, và mở đường cho chồng đi hoang. Người chồng khôn ngoan, yêu vợ cũng không thể thiếu sót bổn phận chăn gối. Không tìm thỏa mãn dục vọng hay nhu cầu sinh lý một cách hoàn toàn theo bản năng. Làm như vậy sẽ tạo cho người vợ cảm giác bị xúc phạm và bị lợi dụng thân xác.

Hạnh phúc của đời sống ân ái vợ chồng là những lúc:

“Chàng đưa tôi vào phòng tiệc, cho tôi uống rượu nồng, đã thắng tôi nhờ sức mạnh tình yêu.” (Diễm Tình Ca 2:4)

Tài liệu tham khảo:

1. *U.S. Divorce Rates and Statistics.* Divorcesource.com.
2. *Infidelity Statistics. Infidelity facts.* Infidelityfacts.com.

3. Slattery, J. (2009). Sex Is a Physical Need. *No More Headaches*. Tyndale House Publishers, Inc.
4. How Often Do Men Think About Sex?- Netscape Men's
5. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. *Tục Ngữ Phong Dao*. AR: Sống Mới, 1978, Tập 1, tr.123.
6. Brizendine, L. (2006). *Female Brain*. New York: Random House, Inc.
7. M. Hunt (1974). *Sexual Behavior in the 1970's*. New York: Playboy press, p.191.
8. Laumann, E.O., Gagnon, J.H., Michael, R.T., & Michael, S. (1994). *The social organization of sexuality: Sexual practices in the United States*: Chicago: University of Chicago Press.
9. Michael, R.T., Gagnon, J.H., Laumann, E.O., & Kolata, G. (1994). *Sex in America: A definitive survey*. Boston: Little, Brown.
10. Trần Tế Xương. *Ba cái lãng nhãng*. Nxb Văn hóa - Thông tin, 1998.
11. Lm. Augustinô Nguyễn Văn Dụ. (2010). *Để Có Được Một Cái Nhìn Kitô Giáo Về Tính Dục*. Ban Mục Vụ Gia Đình Tổng Giáo Phận Saigon, tr. 47.
12. Hoài Thanh và Hoài Chân. *Tiếng sáo Thiên-thai*. Thế Lữ trong Thi Nhân Việt Nam. Hoa Tiên xuất bản, Saigon 1967. tr. 66.
13. *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*. Ủy Ban Giáo Lý. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.
14. Lm. Augustinô Nguyễn Văn Dụ. (2010). *Để Có Được Một Cái Nhìn Kitô Giáo Về Tính Dục*. Ban Mục Vụ Gia Đình Tổng Giáo Phận Saigon, tr. 61.
15. World Meeting of Families 2015 Philadelphia. *Love Is Our Mission. The Family Fully Alive* (2014), 44. Our Sunday Visitor, Inc.,
16. *Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo*. Ủy Ban Giáo Lý. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam.
17. Letourneau, E., & O'Donohue, W. (1993). Sexual desire disorders. In W. O'Donohue & J.H. Geer (eds.) *Handbook of sexual dysfunctions: Assessment and treatment*. (pp. 53-81). Boston: Allyn & Bacon.
18. Goldstein, D. (1998, October 18). Chemistry of sexual desire yields its elusive secrets. *The New York Times*, pp. C1, C15.
19. Meana, M., & Binik, Y.M. (1994). Painful coitus: A view of female dyspareunia. *Journal of Nervous and Mental Disease*, 182(5), 264-272.
20. Bác sỹ Tiên Sỹ Phạm Viết Tú (2006). *Y Học Thường Thức Hỏi & Đáp*. (Tr. 611). B N Magazine xuất bản.
21. Rathus, S.A., Nevid, J. S., & Rathus, L. F. (2002). *Human Sexuality in a World of Diversity*. 5th Edition. (pp. 157-163). Boston: Allyn & Bacon.

22. Masters, W.H., & Johnson, V.E. (1966). *Human sexual response*. Boston: Little, Brown.
23. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. *Tục Ngữ Phong Dao*. AR: Sóng Mới, 1978, Tập 2, tr.96.



Trần Mỹ Duyệt, Cử Nhân Tâm Lý Ứng Dụng, Cao Học Tâm Lý Trị Liệu và Cộng Đồng, Tiến Sĩ Tâm Lý. Sinh hoạt trong lãnh vực tâm lý. Tác giả, dịch giả, và diễn giả về các chủ đề liên quan đến tâm lý, hôn nhân, gia đình, xã hội và giáo dục. Cùng với Lm. Trịnh Ngọc Danh và một số giáo dân thiện chí, khởi xướng và phát triển Gia Đình Nazareth một sinh hoạt mục vụ với mục đích duy trì, phát triển vẻ đẹp và giá trị của ơn gọi hôn nhân. Hiện đang sinh sống tại Westminster, CA.

BAO HÀNH TRONG GIA ĐÌNH

John Lê Mừng, MA

Marie Lê Lan, MA, MFT

Hằng năm, Giáo Hội Công Giáo Hoa Kỳ dành trọn Tháng 10 cho việc Tôn Trọng Sự Sống để kêu gọi sự chú ý đến tệ nạn xúc phạm nhân phẩm là Bao Hành Gia Đình. Bao hành gia đình là một vết thương che kín của nhiều gia đình và trong cộng đồng chúng ta. Các nạn nhân thường yên lặng chịu đựng vì nhiều lý do khác nhau: vì sợ hãi, xấu hổ hoặc mượn lớp vỏ “quan hệ gia đình” để giữ danh giá cho gia đình. Còn những người bạo hành, nếu có nhận ra khiếm khuyết của mình, cũng thường không tìm cách giải quyết, không nhận trách nhiệm về hành vi bạo hành của mình. Trái với lối suy nghĩ thông thường, bạo hành gia đình không phải chỉ xảy ra ở giới hạ lưu kém lợi tức mà là vấn đề của mọi lứa tuổi, mọi giai cấp xã hội, chủng tộc, trình độ học vấn, bất kể tôn giáo, những cặp hôn nhân đồng tính cũng như dị tính.

Hầu như mỗi ngày báo chí, truyền thanh, truyền hình đều đăng những tin tức đáng tiếc về bạo hành trong gia đình. Đa số người bị hành hung là người được coi là yếu đuối, phụ thuộc, người vợ. Hiệp Hội Y Khoa Hoa Kỳ ước lượng hằng năm có tới 4 triệu người vợ bị hành hung: 1 trong 4 bà vợ cho biết đã bị hành hung ít nhất là 1 lần trong đời; 3 trong 4 người ở Hoa Kỳ có biết về một nạn nhân bạo hành, mặc dầu hầu hết các trường hợp xảy ra không được khai báo với nhà chức trách.

Có người cho rằng bạo hành trong gia đình là một bản năng tự nhiên trong bất cứ xã hội nào nên không thể ngăn ngừa và sửa đổi được. Hầu hết các quốc gia đã quan tâm khá đặc biệt bằng cách quy định các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn bạo hành trong gia đình theo luật pháp quốc gia mình. Tuy nhiên, bạo hành vẫn xảy ra và khi xảy ra, thì cả gia đình cần được giúp đỡ. Có thể chính bạn phải chịu đựng sống trong tình trạng bạo hành cho dù chỉ xảy ra có một lần; có thể người bạn đồng nghiệp hoặc người thân nào đó hiện đang bị ngược đãi. Cho dù bạn là ai đi nữa, hãy kêu gọi giúp đỡ.

Dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm sau nhiều năm làm việc trong chương trình Bảo Vệ Trẻ Em và Hỗ Trợ Gia Đình (Children and Family Services) chúng tôi chú tâm trình bày những nguyên nhân và ảnh hưởng của bạo hành gia đình, và đề nghị những phương thức cụ thể có thể áp dụng được để giúp các gia đình chuẩn bị cũng như phòng ngừa các trường hợp bạo hành gia đình. Chúng tôi đặc biệt quan tâm đến những ảnh hưởng lâu dài về cả thể chất lẫn tâm thần cho con cái, đôi khi chính bản thân chúng cũng là nạn nhân của bạo hành. Nhận định của nhiều nghiên cứu cho thấy sự bạo hành bắt nguồn từ các em thưở còn thơ ấu vì đã chứng kiến cảnh bạo hành giữa cha mẹ trong gia đình.

Thế nào là bạo hành gia đình?

Bạo hành gia đình có thể được định nghĩa là những hành vi bạo lực xảy ra giữa các thành viên trong gia đình, thường xảy ra giữa vợ chồng và trong bất cứ mối tương quan tình cảm nào nhằm nắm được quyền hành hay kiểm chế việc xử thế của một người gần gũi với mình. Bạo hành trong gia đình là một mô hình do lâu ngày thành thói quen dùng để khống chế người khác qua việc gây sợ hãi, đe dọa tâm thần hoặc dùng bạo lực. Bất cứ ai cũng có thể là nạn nhân của bạo hành gia đình. Nạn nhân có thể là đã lập gia đình hoặc độc thân, ly thân hoặc sống chung với nhau trong thời gian hẹn hò. Không có một loại nạn nhân bạo hành tiêu biểu ngoại trừ một điều, nạn nhân thường là phụ nữ. Thống kê của Văn Phòng Biện Lý cho biết 92% trong tất cả các vụ bạo động trong gia đình, phần lớn người bạo hành là đàn ông, người chồng cũ, nhưng cũng có một số ít là đàn bà. Thống kê còn cho thấy bạo hành tinh thần là một trong những nguyên nhân chính gây nên bệnh trầm cảm nơi người phụ nữ.

Bạo hành thể xác:

-Các hành vi có tác động trực tiếp đến sức khỏe của nạn nhân “thượng cẳng chân hạ cẳng tay” có thể gây thương tích bầm dập cho đến chết người như đánh đấm, đập, xô đẩy, tát, nắm tóc kéo lê, vặn cổ tay v.v. Bạo hành thường bắt đầu bằng các va chạm bình thường rồi dần dần leo thang thành các công kích xảy ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn.

-Không cho đi bác sĩ để giữ gìn sức khỏe, dấu dược phẩm, thực phẩm, nước uống, phá rối không cho ngủ hoặc ép dùng rượu, cần sa ma túy, bỏ rơi

nơi đường vắng vẻ nguy hiểm. Theo thống kê của Tòa Án Nhân Dân tại Việt nam, trung bình mỗi năm trên cả nước có tới 8000 vụ ly hôn mà nguyên nhân là do bạo hành gia đình. Cũng theo thống kê của các bệnh viện và phòng y tế cấp cứu, có hơn 27% phụ nữ nhập viện vì bị hành hung.

Bạo hành tình dục:

Các hành vi bạo hành về thể lý thường đi liền hoặc tiến đến bạo hành về tình dục trong đó nạn nhân bị cưỡng bức giao hợp, ép buộc làm tình hội đồng. Người bạo hành cưỡng ép giao hợp khi nạn nhân đang ngủ, xúc phạm vào bộ phận sinh dục trên cơ thể, coi người phối ngẫu như thứ đồ chơi, hoặc không quan tâm đến nhu cầu sinh lý của người phối ngẫu.

Bạo hành tâm lý:

-Người bạo hành thường xuyên dùng lời nói hăm dọa khủng bố đến nỗi nạn nhân bị hoảng loạn tâm thần, hăm dọa tự tử hoặc sẽ sát hại người phối ngẫu và con cái, đập phá đồ thị uy.

-Cô lập người phối ngẫu khỏi bạn bè và không cho liên lạc với gia đình của họ, kiểm soát việc giao du di chuyển, nhục mạ trước công chúng, nói nặng lời để hạ nhân phẩm và làm mất niềm tự trọng, kể lại một cách điều cốt những vụ tình ái riêng tư, coi người phối ngẫu như tội tở, độc đoán mọi việc lớn nhỏ.

Bạo hành kinh tế:

Người bạo hành kiểm soát các nguồn tài chánh, không cho sử dụng tiền, cấm đoán đi làm, tước đoạt các nguồn tài trợ, hủy hoại tài sản cá nhân.

Chu Trình Của Bạo Hành:

Có nhiều giả thuyết đã được đặt ra để giải thích tại sao người đàn ông lại dùng bạo lực đối với người phối ngẫu của mình như các vụ cãi cọ thường xuyên trong gia đình, thiếu khả năng truyền đạt cảm thông, lạm dụng rượu chè ma túy, tinh thần căng thẳng, gặp tình trạng khó khăn về tài chánh. Các hành vi bạo hành thường tiếp diễn vì bạo lực là một phương pháp hữu hiệu mà người bạo hành dùng để kiểm soát và khống chế một người khác, và vì họ không phải chịu các hậu quả bất lợi do các hành vi của họ. Trong thâm tâm, người bạo hành không bao giờ nhận trách nhiệm về các hành vi bạo

hành gây ra, nhưng đưa ra những lý do nguy hiểm để bào chữa cho hành động của mình.

-Giai đoạn dồn nén:

Tâm lý của người đàn ông bạo hành thường từ chối chia sẻ những ưu tư về việc làm, bất đồng trong gia đình, những lo lắng và áp lực trong đời sống hằng ngày. Họ thường khép kín và cố giữ trong lòng những vết thương, đau khổ, bức tức, thất vọng cho chính mình. Giai đoạn này có thể kéo dài đến cả năm hoặc chỉ có một vài ngày. Trong thời gian này, chính đương sự nhiều khi không để ý nhưng những người xung quanh đều nhìn thấy và quan tâm

-Giai đoạn bộc phát:

Đến giai đoạn này, người bạo hành không kiềm chế chính mình được nữa, chỉ cần một câu nói nghịch ý, một hành vi không đáng kể cũng đủ làm đương sự “nổi khùng” và hành động bất cứ gì để lấy lại uy thế. Một khi đã bùng nổ, các hành vi bạo hành sẽ tiếp tục tái diễn và càng ngày càng leo thang cho đến khi người bạo hành bị bắt giữ hoặc can thiệp.

-Giai đoạn “tuần trăng mật”

Sau khi được can thiệp, người bạo hành bắt đầu hối lỗi vì đã làm tổn thương những người thân. Họ sẽ xin lỗi và hứa từ nay về sau sẽ không có hành vi bạo hành quá đáng nữa. Họ đồng ý đi gặp các vị cố vấn gia đình và bắt đầu tâm sự, chia sẻ những khắc khoải, dồn nén mà đang chất chứa trong lòng. Họ đi nhà thờ, mua hoa cho người phối ngẫu và làm tất cả những gì người phối ngẫu hằng ước muốn. Nhưng sau vài lần thất hứa trở lại “chúng nào tạt đó,” người bạo hành bắt đầu trách móc và đổ lỗi, “nếu cô ốm bết thì tôi đâu có chửi cô” hoặc “nếu mày là người vợ đảm đang thì tao đâu có đánh mày làm gì.” Thực tế là người vợ chặng hè có lỗi gì, nhưng chỉ vì người chồng cảm thấy mất uy quyền và thiếu tự chủ.

Một khi giai đoạn “tuần trăng mật” chấm dứt, chu trình bạo động sẽ ngắn hơn và người bạo hành sẽ có hành vi bạo động mãnh liệt và thường xuyên hơn. Bạo hành gia đình sẽ càng ngày càng gia tăng, trừ khi người chồng thức tỉnh và chấp nhận chịu trách nhiệm về hành vi bạo động sai trái của mình. Giận dữ là một cảm giác bình thường, nhưng có thể đi quá trớn

đến mức độ không thể kiềm hãm được. Chế ngự được sự giận dữ là một quyết tâm khó giữ nhưng lại là một điều kiện then chốt để tránh bạo hành.

Những nguyên nhân và ảnh hưởng của bạo hành trong gia đình

Có nhiều lý do dẫn đến các hành vi bạo hành, từ việc gia đình không có một chức năng bình thường cho đến sự thiếu thông đạt cảm thông; từ sự dồn nén tâm lý của người chồng đến sự khêu khích của người phối ngẫu, hoặc vì các chất kích thích như rượu, ma túy, hoặc vì thiếu một cuộc sống tâm linh cho đến tình trạng kinh tế khó khăn. Kết quả của những nghiên cứu về bạo hành đã chứng minh rằng những người có hành vi bạo hành thường muốn chế ngự người khác, chẳng những bằng bạo lực mà còn dùng những khả năng trỗi vượt về tâm lý, kiến thức, thông đạt, và ngay cả về dáng dấp, màu da hay giọng nói.

Bạo hành gia đình thường có tỷ lệ cao ở các gia đình có những hoàn cảnh đặc thù như trình độ văn hóa thấp, bệnh tật, thất nghiệp hoặc nghiện ngập. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là những gia đình giàu có hay trí thức sẽ không có bạo hành. Theo ủy ban về các vấn đề xã hội, nguyên nhân sâu xa của bạo hành gia đình bắt nguồn từ tư tưởng bất bình đẳng giới từng tồn tại trong văn hóa Việt Nam. Từ lâu nay, chế độ phụ hệ, tư tưởng “nam trọng nữ khinh” kéo theo sự bất bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới.

Bạo hành gây ảnh hưởng từ thể chất đến tâm lý của nạn nhân. Nhiều hành vi bạo hành gây thương tật suốt đời, thậm chí tử vong. Nhiều người vợ không chịu nổi hoàn cảnh bị bạo hành đã bức tử con cái và gây thương vong cho chính bản thân họ.

Tại sao nạn nhân bạo hành không bỏ đi

Một câu hỏi thường được đặt ra là tại sao nạn nhân bạo hành không chịu dứt khoát xa lánh người hành hung mình. Nhiều lý do đã được nêu ra dựa theo thống kê và các nghiên cứu xã hội, văn hóa:

-Quyết định ra đi là một việc cần chuẩn bị trước, chứ không thể quyết định ngay.

-Tình yêu đã mất nhưng vẫn nặng nghĩa vợ chồng.

-Lệ thuộc tài chánh, chưa bao giờ đi làm, cần tiền cấp dưỡng.

- Muốn có một gia đình đầy đủ vì con cái còn nhỏ.
- Sợ người chồng bắt con, đe dọa tánh mệnh, phá hại tài sản.
- Tự trách mình đã làm phật ý chồng vì vụng về, thiếu duyên dáng v.v.
- Tôn giáo là một yếu tố có ảnh hưởng lớn: gia đình không cho phép dứt bỏ vì sợ đưa đến ly dị.

Đa số các nạn nhân không biết các chương trình tư vấn địa phương để giúp đỡ họ khi bị hành hung, và cũng không biết có những nhà tạm trú dành riêng cho nạn nhân của bạo hành. Các phụ nữ còn cần được giải thích để hiểu rõ bạo hành gia đình là một hành động cần lên án. Nhấn nhục chịu đựng tình trạng bạo hành không phải là phương cách an toàn và để gia đình có được hạnh phúc.

Trong văn hóa Việt Nam, nhiều người thường quan niệm rằng chuyện chồng đánh vợ chỉ là chuyện bình thường trong lúc nóng giận. Đó là quan niệm sai lầm và là một vấn nạn chung cho xã hội. Trách nhiệm của mọi người là phải tích cực góp tay giúp những nạn nhân bị bạo hành gia đình thông hiểu về những luật lệ chống bạo hành.

Nhận diện các dấu hiệu về bạo hành gia đình

Các dấu hiệu sau đây có thể cho thấy hoặc dẫn đến sự bạo hành trong gia đình:

- Người phối ngẫu hay người tình của bạn có đánh, đấm, bạt tai, hoặc đá bạn hay không? Người này có cưỡng ép bạn làm tình khi bạn không muốn không ?

- Người phối ngẫu hay người tình của bạn có ngăn cản bạn giao du với bạn bè hay đi lại với gia đình như bạn muốn hay không?

- Người phối ngẫu hay người tình của bạn có nghiện rượu hoặc dùng các loại ma túy hay không?

Kết quả nhiều nghiên cứu cho thấy có đến 50% các trường hợp bạo hành là do người nghiện rượu hoặc ma túy gây ra, nhưng đó không phải là một biện minh chính đáng cho các hành vi bạo hành. Người bạo hành đôi khi giả say để tránh lưới pháp luật.

-Bạn có sợ hãi khi người phối ngẫu hay người tình nổi nóng hay không, và vì thế lúc nào bạn cũng tìm cách làm hài lòng? Người này có nghĩ là bạn phải hoàn toàn tuân theo các quyết định của anh ta hay không? Một số đàn ông còn ôm lấy quan niệm hủ lậu rằng vợ con là sở hữu của họ nên khi bực mình là mang vợ ra hành hạ.

-Người chồng hay bạn tình có đe dọa sẽ hại bạn hoặc con của bạn hay không?

Hàng triệu phụ nữ phải đương đầu với bạo hành trong gia đình mỗi ngày. Không có lý do gì chính đáng để bào chữa cho các hành vi bạo hành của người phối ngẫu đối với bạn, cho dù bạn nói hay làm bất cứ gì. Bạo hành trong gia đình không ngưng, nhưng thường trở thành tệ hại hơn. Bạo động trong gia đình không bao giờ là lỗi của bạn. Nếu bạn là nạn nhân của một vụ bạo hành trong gia đình, hãy tự bảo vệ lấy mình và gia đình, đồng thời đi tìm sự giúp đỡ. Nhiều người tin rằng hành hung vợ là chuyện bình thường trong hôn nhân vì khi còn bé đã thường xuyên chứng kiến cảnh bạo hành xảy ra giữa bố mẹ.

Bạn có thể làm gì để tự bảo vệ lấy mình:

Đa số các trường hợp bạo hành đều không được đưa ra ánh sáng vì người hành hung đương nhiên phủ nhận mà nạn nhân lại dấu diếm. Họ sợ bị chồng hành hạ trả thù nên cắn răng chịu đựng. Họ cũng không muốn ai biết chuyện chẳng lành vì nếu hôn nhân tan vỡ thì miệng người đàm tiếu.

Bạn cần phải dùng những cách thức sau đây để bảo vệ tánh mạng của mình:

-Gọi cảnh sát ngay hay số điện thoại cấp cứu nếu bạn gặp nguy hiểm hoặc cần sự giúp đỡ.

-Thỏ lộ với bạn bè hoặc bà con mà bạn tin cậy để được hỗ trợ về tinh thần.

-Nếu bạn bè hoặc bà con biết về tình trạng của bạn, hãy đặt ra các lời ám hiệu qua điện thoại hoặc các phương cách khác để báo cho họ biết là bạn đang bị hành hung.

-Nếu bạn có con cái, hãy báo cho trường học biết về các đe dọa có thể xảy ra và tình trạng giữ con hiện tại. Nhớ cho nhà trường biết là ai có thể hoặc không thể đón con.

-Liên lạc với các chương trình trợ giúp về bạo hành gia đình tại địa phương của bạn để được giúp đỡ tìm nơi tạm trú, xin tòa án ban hành lệnh cấm tới gần, cố vấn tâm lý và hướng dẫn xin trợ cấp xã hội. Hầu hết các cơ quan địa phương đều có nhà tạm trú ngắn hạn cho các nạn nhân bị bạo hành.

-Nếu dự tính rời khỏi nhà, bạn nhớ đặt ra một kế hoạch rõ ràng. Đưa cho người nào mà bạn tin cậy một túi đựng quần áo thay đổi cho chính bạn và con cái phòng khi gặp trường hợp khẩn cấp.

-Để dư ra một bộ chìa khóa, tiền mặt dùng trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, đem theo hồ sơ về chứng tích các bạo hành trước đây như báo cáo của cảnh sát, giấy chứng thương của bác sĩ v.v

Khi bạn quyết định cắt đứt mối liên hệ

-Xin tòa án ban hành lệnh tạm thời cấm người bạo hành đến gần.

-Đổi số điện thoại.

-Thanh lọc các cú điện thoại gọi đến.

-Đổi ổ khóa, nếu người bạo hành có chìa khóa

-Đặt ra một kế hoạch thoát thân trong trường hợp người bạo hành chạm trán với bạn.

-Thay đổi đường đi lối về, đi khác giờ, luôn quan sát chung quanh xem có ai theo dõi.

-Thông báo cho sở làm về tình trạng của bạn và xin giúp đổi giờ làm, cảnh giác về an toàn.

-Nếu bạn và người bạo hành có con chung, bạn có thể nộp hồ sơ xin cấp dưỡng cho con.

Những điều chúng ta có thể làm để giúp nạn nhân của bạo hành:

Đôi khi thật khó hiểu tại sao những nạn nhân của bạo hành lại có thể chịu đựng như vậy, nhưng chính bạn có thể giúp họ thay đổi cuộc sống.

Điều quan trọng nhất là tìm cách hỗ trợ và khích lệ để chứng tỏ cho họ biết là bạn quan tâm và cảm thông tình trạng khó khăn họ đang trải qua:

-Đến với nạn nhân bạo hành một cách tế nhị, cho họ biết bạn rất quan tâm, lo lắng cho họ và giải thích tại sao.

-Lắng nghe nạn nhân bạo hành mà không phê phán gì hết.

-Coi sự bạo hành là vấn đề nghiêm trọng vì có thể gây tổn thương cả về tâm lý lẫn thể lý. Đừng coi thường mỗi nguy hiểm mà nạn nhân này có thể gặp phải.

-Giúp họ đặt ra một kế hoạch để tự vệ, khuyến khích người này liên lạc với một chương trình giúp các nạn nhân bạo hành gia đình tại địa phương cư ngụ.

-Giúp họ tìm những phương cách để phòng để sống an toàn nếu họ quyết định ở lại, thí dụ như tránh các căn phòng không có lối thoát (garage), hoặc phòng có vũ khí (nhà bếp) khi cãi nhau.

-Giúp cho người này nghĩ ra một ám hiệu để họ có thể dùng trên điện thoại khi họ đang trong tình trạng nguy hiểm.

-Tôn trọng các quyết định của họ cho dù bạn không hoàn toàn đồng ý.

-Tiếp tục hỗ trợ họ sau khi họ đã cắt đứt mối liên lạc với người bạo hành.

Những hậu quả có thể xảy ra cho trẻ em:

Bạo động trong gia đình giữa vợ chồng không những gây thương tích đến người phối ngẫu mà còn để lại những ảnh hưởng lâu dài đến trẻ em trong nhà. Các cuộc nghiên cứu cho thấy là từ 80 đến 90 phần trăm số trẻ em sống trong nhà có bạo hành động đều biết về bạo động. Các chuyên gia tâm lý tin rằng chứng kiến cha mẹ đánh nhau khiến trẻ em lo lắng, sợ hãi liên tục và nếu xảy ra thường xuyên, trẻ em sẽ bị tổn thương cả về thể lý lẫn cảm xúc, ngay cả khi các em đã trưởng thành.

Gia tăng nguy cơ ngược đãi trẻ em:

-Trong những gia đình có vợ hoặc chồng bạo hành, khuynh hướng ngược đãi con cái tăng lên tới 15 lần hơn các gia đình bình thường.

-75% số đàn ông bạo hành với người phối ngẫu đều có khuynh hướng ngược đãi con cái.

-Những người mẹ là nạn nhân của bạo hành có khuynh hướng ngược đãi con cái tới 8 lần hơn là những người mẹ sống an toàn.

Gia tăng nguy cơ phát triển hành vi bạo hành và ngược đãi:

-Các em trai từng chứng kiến bạo hành trong gia đình có khuynh hướng ngược đãi người vợ tương lai của họ gấp mười lần hơn là các em được nuôi nấng trong một gia đình lành mạnh.

-Các cô gái chứng kiến bạo hành trong gia đình có khuynh hướng liên hệ tình cảm với những người có hành vi bạo hành khi lớn lên.

-75% các trẻ em bạo động xuất phát từ các gia đình có bạo hành.

-Việc cố chịu đựng và nhịn nhục lâu ngày là nguyên nhân khởi phát bệnh trầm cảm nơi một số phụ nữ.

-Nếu phải sống trong môi trường bạo hành, các em gái khi trưởng thành sẽ khó đặt niềm tin vào đàn ông và do đó thường gặp rắc rối trong hôn nhân. Các em luôn nghi ngờ người phối ngẫu vì những lý do bắt nguồn từ chứng kiến các hành vi bạo hành giữa cha mẹ hoặc đã xảy ra cho chính mình.

Tác hại về tinh thần

Trẻ em có thể :

-Tự trách mình và mang mặc cảm có lỗi vì không thể ngăn chặn và bảo vệ nạn nhân bạo hành.

-Không thích giao tiếp hoặc không dám kết thân với người khác.

-Hoang mang về cảm xúc đối chọi đối với cha mẹ: nên thương, ghét, hay xa lánh.

-Sợ bị bỏ rơi, tức giận về sự bạo hành làm xáo trộn đời sống các em.

-Buồn nản, nếu trình trạng bạo hành kéo dài các em sẽ dần rơi vào trạng thái lãnh cảm.

-Cảm thấy vô dụng, thiếu tự tin, hay thất vọng và dễ giận dữ hơn các trẻ khác.

- Có nguy cơ bị lạm dụng tình dục cao hơn.
- Các em trai có thể trở nên bướng bỉnh, học hành kém và nhiều em trở nên hư hỏng.
- Các em dễ có những hành vi chống đối,ngỗ nghịch, bất kính.

Tác hại về thể lý:

- Hay đau lật vật, than phiền nhức đầu, đau bụng.
- Nói cà lăm
- Bồn chồn, lo lắng và không thể chú tâm lâu
- Lo là việc giữ vệ sinh cá nhân.
- Đái dầm, mút tay.
- Không nhạy cảm, dửng dưng trước đau đớn.
- Chơi đùa rất táo bạo, không sợ bị rui ro.
- Tự lạm dụng mình: rạch tay, tự xâm mình.

Các khó khăn về giao tiếp do bạo hành gây ra:

- Cô lập khỏi bạn bè và người thân
- Các mối quan hệ thường dồn dập, bắt đầu mau và chấm dứt đột ngột.
- Khó tin bất cứ ai, nhất là người lớn.
- Kém cỏi về kỹ năng giải quyết xung đột và kiềm chế tức giận
- Có thể quá thụ động hoặc hung hãn với các bạn đồng lứa
- Chơi đùa với các bạn đồng lứa một cách lỗ mãng quá đáng.

Bạo hành trong gia đình là một vấn nạn xã hội mà các quốc gia và các tổ chức xã hội đã quan tâm từ nhiều năm qua. Đa số các trường hợp bạo hành không được đưa ra ánh sáng vì nạn nhân không biết tin tưởng ai và cũng không biết cơ quan chính quyền nào có thể giúp họ giải quyết vấn đề. Người bạo hành thì đương nhiên phủ nhận các hành vi sai trái của họ và đưa ra đủ lý do để đổ lỗi cho nạn nhân hoặc hoàn cảnh. Nhiều nạn nhân bị hăm dọa đến tính mạng cũng như sự an toàn của con cái và người thân. Qua kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong Cơ Quan Xã Hội, chúng tôi nhận thấy

phần lớn các nạn nhân bạo hành trong cộng đồng Việt Nam, mặc dù vì lý do an toàn, không muốn rời nhà để vào các nhà tạm trú hoặc ở trọ với người thân. Nạn nhân bạo hành không muốn báo cáo cho cơ quan chính quyền vì sợ người phối ngẫu có thể bị bắt giam, gia đình sẽ thiếu thôn tài chánh và từ đó, tình trạng gia đình sẽ trở thành tan nát, phân ly. Nhiều nạn nhân muốn giữ gia đình “trọn vẹn” vì con cái còn nhỏ. Họ quan niệm nếu gia đình phân tán, cha ở một nơi mẹ ở một chỗ, sợ con cái khó lập gia đình khi lớn lên. Do đó, nạn nhân đành cắn răng chịu đựng và không dứt khoát lánh xa người hành hạ mình. Vấn đề tôn giáo cũng là một trong những lý do rất tế nhị có ảnh hưởng quan trọng trên quyết định của nạn nhân bạo hành. Nhiều nạn nhân lo ngại việc đi ra khỏi nhà là ngưỡng cửa đưa đến ly thân, ly dị và như vậy trái với những giáo điều của Giáo Hội dạy. Trong thực tế, các trường hợp bạo hành trong gia đình thường đi đôi với vấn đề ngược đãi các trẻ em. Do đó, Cơ Quan Xã Hội không chỉ giúp các nạn nhân bạo hành mà còn quan tâm đến đời sống của cả gia đình trong đó có các trẻ em trong nhà. Để hiểu rõ hơn, mục tiêu tối hậu của các chương trình bảo vệ trẻ em, hỗ trợ gia đình hoặc các chương trình giúp đỡ các nạn nhân bạo hành là làm sao giúp gia đình đoàn tụ càng sớm càng tốt. Sau một thời gian cách ly để vợ chồng hay cha mẹ có cơ hội tham dự các lớp hướng dẫn làm cha mẹ, học hỏi về kỹ năng truyền đạt hữu hiệu và nhất là cảm nhận những ảnh hưởng sâu đậm và lâu dài của bạo hành gia đình trên con cái, vợ chồng hoặc cha mẹ sẽ được trở về sum họp với con cái trong một bầu khí mới và lành mạnh, một môi trường sống an bình hơn.

Người bạo hành không thể dùng bất cứ lý do gì để biện minh cho các hành vi bạo động của mình. Bạo hành trong gia đình không phải là bị chọc tức hay bởi người khác gây ra, nhưng trách nhiệm nằm ngay chính người bạo hành. Bạo hành gia đình không phải gây ra vì ma túy hay uống rượu vì bạo hành ít khi chấm dứt ngay, kể cả khi người bạo hành ngưng uống rượu hoặc dùng ma túy. Bạo hành gia đình cũng không phải là vấn đề liên hệ gia đình, do đó tư vấn về hôn nhân không phải là giải pháp thích đáng.

Bạo hành trong gia đình chỉ chấm dứt khi người bạo hành nhận chịu trách nhiệm về các hành vi bạo động của họ và quyết tâm sửa đổi với sự trợ giúp của các cơ quan xã hội địa phương. Điều tiên quyết là các chương trình giúp đỡ nạn nhân bạo hành cần được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng để

nạn nhân bạo hành có thể được giúp đỡ khi cần. Cả vợ chồng hoặc cha mẹ cần nhận thức những hậu quả nghiêm trọng do bạo hành gia đình gây ra, nhất là những ảnh hưởng sâu đậm về tâm lý và cảm xúc trên trẻ em để cắt đứt vòng lẩn quẩn của bạo hành có thể bắt đầu trở lại khi các trẻ em lớn lên.

Chúng ta không chấp nhận để bạo hành gia đình xảy ra cho bất cứ ai. Dứt khoát là như vậy.

John Lê Mừng, MA

Marie Lê Lan, MA, MFT

Tham chiếu:

“Domestic Violence: Basics and Beyond” presented by the Association for Batterers’ Intervention Programs.

“Domestic Violence and Children” by Lydia Bodin, Deputy District Attorney, Los Angeles County.

“A Batterer’s Story” by Alice LaViolette

“I Pushed Them, I Bit Them” by Los Angeles Times

“The Outcome of Court-Mandated Treatment for Wife Assault” by Donald Dutton

“Domestic Violence” by Orange County District Attorney’s Office.

Domestic Abuse Services Unit (DASU) Orange County Social Services Agency.



Marie Lê Lan, MA, MFT (Marriage & Family Therapist), tốt nghiệp Cao Học Tâm Lý Khải Dẫn năm 1994, National University, San Diego, CA. Về hưu sau 30 năm làm việc cho Cơ Quan Xã Hội Quận Orange trong chương trình Bảo Vệ Trẻ Em và Hỗ Trợ Gia Đình (Child Protective Services và Children & Family Services). Hiện thời là Mediator cho văn phòng Consortium for Children, CA.

John Lê Mừng, MA, tốt nghiệp Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh năm 1979, University of Iowa, Iowa City; Cao Học Tâm Lý Khải Dẫn năm 1996, Trinity College of Graduate Studies, CA. Về hưu sau 32 năm làm việc cho Cơ Quan Xã Hội Quận Orange trong chương trình Adult Employment Services và Children & Family Services. Hiện thời là Gia Trưởng Gia Đình Nazareth, Mục Vụ Gia Đình của Cộng Đoàn Công Giáo Việt Nam - Giáo Phận Orange.

VAI TRÒ KHẢI DẪN TÂM LÝ TRONG ĐỜI SỐNG HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Trần Mỹ Duyệt, Ph.D.

Tâm lý là một ngành học nhằm khảo cứu não trạng con người và sinh hoạt của nó. Con người suy nghĩ và hành động như thế nào. Những suy nghĩ ấy ảnh hưởng đến hành vi nhân tính hoàn toàn tự do, và thái độ của con người ra sao. Gần đây ngành này đã được san định và khảo cứu theo nhiều trường phái, đặc biệt là phân tâm học và tâm lý trị liệu. Hai ngành này giúp chẩn định và trị liệu hay chữa trị những hội chứng tâm lý và tâm thần, trong đó cũng bao gồm việc khảo cứu và hướng dẫn những khó khăn, khủng hoảng của đời sống hôn nhân và gia đình. Dưới con mắt của những nhà chuyên môn, thì đời sống hôn nhân gia đình cũng là một bệnh nhân của khoa tâm lý trị liệu.

Đặc sủng khai dẫn

Đặc sủng tuy nhiều, nhưng chung một nguồn gốc:

“Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí. Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng chỉ có một Chúa. Có nhiều hoạt động khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người. Thần Khí tỏ mình ra nơi mỗi người một cách, là vì ích chung. Người thì được Thần Khí ban cho ơn hiểu biết để trình bày. Kẻ thì được Thần Khí ban cho lòng tin; kẻ thì cũng được chính Thần Khí duy nhất ấy ban cho những đặc sủng để chữa bệnh. Người thì được ơn làm phép lạ, người thì được ơn nói tiên tri; kẻ thì được ơn phân định thần khí; kẻ khác thì được ơn nói các thứ tiếng lạ; kẻ khác nữa lại được ơn giải thích các tiếng lạ. Nhưng chính Thần Khí duy nhất ấy

làm ra tất cả những điều đó và phân chia cho mỗi người mỗi cách, tùy theo ý của Người.” (1 Cr 12: 4-11)

Dưới nhãn quan thần học, Thần Khí của Thiên Chúa luôn luôn có mặt và hiện diện trong đời sống con người. Ở mỗi người Ngài ban cho sở hữu một số đặc sủng khác nhau để xây dựng đời sống và làm tăng thêm ý nghĩa cho đời. Tóm lại, tất cả mọi người đều được ban tặng một đặc sủng nào đó. Riêng đối với những người được coi như những người cha tinh thần, những người thầy khôn ngoan, và những người hiểu biết sâu xa về tâm lý con người, theo Thánh Phaolô, họ được ban cho ơn hiểu biết để trình bày, ơn chữa lành, ơn nói tiên tri, ơn phân định thần khí, và ơn giải thích các tiếng lạ. (x. 1 Cr 12: 8-10) Họ là:

- Những vị linh mục.
- Những nhà tu hành có ảnh hưởng tinh thần.
- Những người lớn tuổi khôn ngoan.
- Những bậc trưởng thượng trong gia đình, dòng họ.
- Những người trí thức và hiểu biết.
- Những nhà tâm lý có niềm tin và đạo đức.

Vai trò khải dẫn

Công việc của những người trên, dù với cái nhìn tôn giáo, tâm linh, đạo đức xã hội, giao tế xã hội, hay đi sâu vào những phân tích tâm lý, tình cảm cá nhân, nói chung là:

Chữa lành thương tích tâm hồn. Linh hướng khi có những chuyện cần giải quyết về đời sống tâm linh, tinh thần và sống đạo. Đây là vai trò đặc thù của những nhà tu hành, những linh mục.

Phân tích, tìm hiểu và hướng dẫn những khó khăn trong đời sống tình cảm cá nhân, gia đình và xã hội, những trách nhiệm và bổn phận giáo dục của cha mẹ. Việc khuyên giải, hướng dẫn này trước đây vẫn là công việc của các linh mục, các vị tu hành, những người lớn tuổi, những bậc thầy. Trong sự phát triển của ngành tâm lý trị liệu và tâm lý ứng dụng, đặc biệt tâm lý hôn nhân, tâm lý gia đình, tâm sinh lý, tâm lý giáo dục và tâm lý xã hội, công việc khải dẫn, cố vấn hôn nhân gia đình ngày nay được qui về những

nhà tâm lý. Trong sách Giáo Lý chuẩn bị cho Đại Hội Gia Đình Thế Giới năm 2015 tại Philadelphia, Hoa Kỳ, đã nhấn mạnh đến vai trò, nhiệm vụ hướng dẫn và cố vấn con cái của “những bậc cha mẹ, trong đại gia đình, những cha mẹ đỡ đầu, những người khải dẫn, và những nhà giáo dục.”¹

Như những người được Thần Khí bao phủ và trao phó một trách nhiệm, trên phương diện nghề nghiệp, những tâm lý gia trị liệu, hướng dẫn và cố vấn còn là những người có kiến thức rộng rãi và được huấn luyện chuyên môn một cách đầy đủ cho nghề nghiệp và sứ vụ của họ.

Những đòi hỏi chuyên môn

Những nhà chuyên về tâm lý, những bác sỹ tâm lý và những nhà khải đạo được huấn luyện và đào tạo một cách chuyên môn, thông thường với học vị tiến sỹ (doctorate) từ các trường đại học và chuyên nghiệp theo những trường phái tư tưởng tâm lý chính mà họ nghiên cứu như:

Lý thuyết nhấn mạnh việc nghiên cứu những tác dụng của tâm lý và hành vi (Functionalism). Học thuyết trường phái tâm lý Gestalt (Gestalt Psychology). Phân tích những uẩn khúc của tiềm thức (Psychoanalysis). Chẩn đoán và kiểm soát hành vi, thái độ (Behaviorism). Tâm lý nhấn mạnh về sự thôi thúc tự nhiên dẫn đến hành động sáng tạo và động lực để nhận ra khả năng đầy đủ của con người (Humanistic Psychology). Nghiên cứu khả năng nhận thức dẫn đến sự hiểu biết sâu xa tâm lý con người (Cognitivism).

²

Từ những học thuyết trên, khoa tâm lý chia thành nhiều ngành học chính như:

Clinical psychology (Tâm lý trị liệu), Cognitive psychology (Tâm lý nhận thức), Developmental psychology (Tâm lý phát triển), Evolutionary psychology (Trắc nghiệm tâm lý), Forensic psychology (Tâm lý tội phạm), Health psychology (Tâm lý sức khỏe), Neuropsychology (Tâm lý thần kinh), Occupational psychology (Tâm lý lao động), và Social psychology (Tâm lý xã hội).³

Tóm lại, tùy theo trường phái và ngành học, các nhà nghiên cứu về tâm lý ra trường với những chuyên môn đặc biệt. Những người mang học vị và chuyên môn như clinical psychologist (tâm lý gia trị liệu), cognitive

psychologist (tâm lý gia phân tích nhận thức), personality psychologist (tâm lý gia phân tích nhân cách), psychometric (khảo sát tâm lý), counseling psychologist (tâm lý gia khái dẫn), health psychologist (tâm lý gia về sức khỏe thể lý và tâm lý) và education psychologist (tâm lý gia giáo dục) là những người trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến việc phân tích, trị liệu và hướng dẫn về cá nhân, về hôn nhân và gia đình. Trực tiếp nhất là clinical psychologist, counseling psychologist, và education psychologist.

Cũng như những môn học khác, tâm lý học cũng có những ngành chuyên môn như tâm lý trẻ em, tâm lý người cao niên, tâm lý đàn bà, tâm lý đàn ông, tâm sinh lý, tâm lý tình yêu, tâm lý hôn nhân, tâm lý đạo đức...

Ngoài khả năng nghiên cứu, học hỏi và chuyên môn, những người này còn phải trải qua thời gian thực tập và thi đậu bằng hành nghề, lúc đó họ mới được công nhận là những bác sỹ tâm lý, tâm lý gia trị liệu và được phép mở văn phòng để phân tích, chữa trị và cố vấn. Do tính chuyên nghiệp, họ phải thi hành nghiêm ngặt những qui luật của chức năng và đạo đức nghề nghiệp. Một trong những đòi hỏi này là luật bảo mật (confidentiality), buộc họ phải giữ tuyệt mật những gì họ nghe, họ biết về thân chủ trong chương trình trị liệu, hoặc khái dẫn hay cố vấn.

Do những đòi hỏi gắt gao về giáo dục, huấn luyện và chuyên môn, các nhà tâm lý học, những nhà cố vấn, khái dẫn về tâm lý hoàn toàn khác với những ông, những bà thầy bói, những nhà tử vi tướng số, những người xem chỉ tay hoặc bói bài. Theo quan niệm chung, việc làm của những người bói toán, tử vi, tướng số ít nhiều có tính cách mê tín, dị đoan. Hơn nữa khả năng nghề nghiệp của họ được đào tạo như thế nào, từ trường sở nào cũng không rõ ràng:

“Bói ra ma, quét nhà ra rác.”⁴

Và:

“Hòn đất nó biết nói năng,

Thì thầy địa lý hàm răng chẳng con.”⁵

Khác biệt giữa bác sỹ tâm lý và bác sỹ tâm thân

Mặc dù đã sống và làm quen nhiều năm với xã hội cũng như các phương pháp chữa trị của Tây Phương, đặc biệt là tại Hoa Kỳ, nhưng phần

lớn người Việt hải ngoại cho đến nay vẫn còn lẫn lộn và không hiểu rõ sự khác biệt thế nào giữa tâm lý trị liệu và tâm thần trị liệu. Do đó, phần đông hiểu nhầm đến tâm lý là nghĩ đến tâm thần. Nghĩ đến tâm thần là nghĩ đến thần kinh. Và nghĩ đến thần kinh là nghĩ đến điên, mất, hay khủng. Và vì hiểu như vậy nên có rất nhiều người mang những triệu chứng khác nhau thuộc lãnh vực chuyên môn này cần được chữa trị đã không tìm được sự trị liệu đúng lúc, đúng mức, và khi khám phá ra thì mọi việc đã đi khác xa. Vậy tâm lý và tâm thần học khác nhau như thế nào? Nói một cách đơn giản, làm sao phân biệt một bác sĩ tâm lý và một bác sĩ tâm thần?

Bác sĩ tâm thần (psychiatrist), là một bác sĩ y khoa chuyên nghiên cứu và trị liệu những bệnh nhân tâm thần. Bệnh nhân của họ là những người mang những hội chứng như mất khả năng lý trí, rối loạn trí phán đoán, trầm cảm, mất ngủ, tâm thần phân liệt, ảo tưởng, ảo giác, ảo vọng, hoảng hốt, bối rối, mộng du, nói cười vu vơ, vô cảm... Những bệnh nhân mà theo ngôn ngữ bình dân vẫn cho là điên, là mất hay khủng. Những bệnh nhân này chủ yếu là phải chữa trị bằng thuốc. Thí dụ antianxiety drug, antidepressant drug, hoặc antipsychotic drug. Tuy nhiên trong một số trường hợp một bệnh nhân tâm lý cũng là bệnh nhân tâm thần, và một bệnh nhân tâm thần cũng là bệnh nhân tâm lý hoặc cả hai.

Bác sĩ tâm lý (clinical psychologist), sau khi đã trải qua thời gian thực tập hậu tiến sĩ, và sau khi thi lấy bằng hành nghề mới trở thành bác sĩ tâm lý. Như vậy, không phải hết mọi người có bằng tiến sĩ tâm lý đều là bác sĩ tâm lý. Cũng như không phải hết mọi bác sĩ y khoa đều là bác sĩ tâm thần.

Bệnh nhân tâm lý là những người mang những hội chứng có nguồn gốc từ tâm lý, do những dồn nén trong cuộc sống, do những xáo trộn của nội tâm, hoặc do những khắc nghiệt của cuộc đời đưa đến. Những chứng như mất ngủ, buồn bực, cáu giận, ợ chua, khó chịu, kinh nguyệt bất thường, sinh lý yếu kém, lãnh cảm, đau rát khi giao hợp, bất lực, xuất tinh sớm, nhức đầu, lở loét dạ dày, nghiện rượu, nghiện xì ke ma túy, bài bạc, cuồng dâm, bạo dâm, trẻ em bướng bỉnh, khó dạy, vợ chồng tranh cãi, bất hòa, khắc khẩu, có tư tưởng tự tử... là những triệu chứng phát xuất từ tâm lý bất ổn.

Tóm lại, các bác sĩ tâm thần dùng thuốc hay y dược trị liệu (medical therapy), các bác sĩ tâm lý dùng những phân tích và hướng dẫn tâm lý hay

tâm lý trị liệu (psychotherapy) để chữa trị, và hướng dẫn các bệnh nhân hoặc thân chủ. Điểm khác nhau ở đây là các bác sĩ tâm thần cho toa, các bác sĩ tâm lý đưa ra những chương trình trị liệu.

Khác biệt giữa vai trò linh mục và nhà tâm lý

Đối với số đông giáo dân Việt Nam, khi có vấn đề gì khó khăn liên quan đến đời sống tâm linh cũng như đời thường, họ vẫn tìm đến các linh mục vì nghĩ rằng “cha nói là Chúa nói,” và rằng cha biết hết mọi sự. Tuy nhiên, trong những lãnh vực chuyên môn, thí dụ, hôn nhân, gia đình, giáo dục, và tâm lý, hiểu biết của nhiều linh mục rất giới hạn. Chính vì thế, có những trường hợp khi một người gặp khó khăn về hôn nhân đến với một linh mục, không những không đem lại kết quả gì mà ngay cả vị linh mục ấy cũng đã bị rơi vào cơn khủng hoảng tình ái và “bỏ áo dòng.” Vì thế, với ý thức trưởng thành và sự hiểu biết vai trò linh mục và nhà tâm lý trong lãnh vực chuyên môn về hôn nhân, gia đình cũng giúp giải quyết những khó khăn không những cho các cặp vợ chồng, mà còn cho cả những vị linh mục nữa:

Khi một ứng viên tiến lên để được Đức Giám Mục đặt tay, xức dầu trở thành một linh mục, thánh chức ấy đã trở nên một ơn gọi, một năng quyền thiêng liêng, và cũng có thể nói là một “nghề thiêng liêng” của vị tân linh mục.

Nhiệm vụ chính của linh mục là chăm lo cho phần linh hồn, phần tâm linh của những người sẽ được trao phó cho họ. Do bản phận thiêng liêng và cao cả ấy, các linh mục phải chuyên chú vào việc cử hành thánh lễ, giảng giải, rao truyền lời Chúa, và cử hành các bí tích. Đó cũng là sứ mạng của ơn gọi đời linh mục.

Nhưng trong vai trò là người cha tinh thần của một cộng đoàn, một giáo xứ, vị linh mục cũng phải kiêm nhiệm luôn cả vai trò hòa giải và khai dẫn. Kiến thức của các linh mục xét cả về tôn giáo lẫn khoa học thường thức được coi là phổ thông và trội vượt hơn phần lớn tầng lớp giáo dân, đặc biệt, giáo dân tại các nước kém mở mang và thiếu phương tiện học hỏi. Đó là chưa kể một số linh mục với ơn gọi tu muện trước khi vào chủng viện, họ đã là những người có bằng cấp và khả năng chuyên môn như bác sĩ, nha sĩ, tiến sĩ, tâm lý gia, luật sư, kỹ sư, giáo sư, giảng sư... Nhưng phần lớn các linh mục không hành nghề tâm lý và khai dẫn theo một nghĩa thông thường.

Ngoài những linh mục được chỉ định để hành nghề tâm lý trong các chủng viện, trong các dòng tu, các trường học, các trung tâm trị liệu... các linh mục thường ngày không có đủ thời giờ để thực hiện các trường hợp phân tích, trị liệu về tâm lý. Bởi vì nhiệm vụ thiêng liêng và trách nhiệm tổng quát của các ngài đã quá vất vả và choán nhiều thời giờ. Do đó, khi gặp những vấn đề có tính cách chuyên môn, thông thường các linh mục giới thiệu đến những nhà chuyên môn.

Trong khi vị linh mục hướng dẫn phần tinh thần, áp dụng những nhân đức và noi theo gương Chúa, Đức Mẹ, các thánh để hàn gắn những đổ vỡ trong hôn nhân, giúp các cặp vợ chồng sống nhẫn nại, chấp nhận và chịu đựng nhau. Nhà tâm lý trái lại, phân tích, hướng dẫn và trị liệu các trường hợp liên quan đến đời sống tình cảm, tâm lý cá nhân, tâm lý khác biệt nam nữ, tâm lý hôn nhân, tâm lý xã hội, tâm lý giáo dục, tâm sinh lý. Thí dụ, qua những phân tích về cá tính và những phức tạp của đời sống, nhà tâm lý tìm được cái mấu chốt hiện đang làm cho vợ chồng trở nên bất hòa, tranh cãi và mất hạnh phúc. Đồng thời cũng tìm ra được phương thức để củng cố và giải hòa những bất đồng ấy.

Tuy không phải là một vị linh mục hoặc linh hướng, nhiều nhà tâm lý cũng đã được huấn luyện trong những môi trường đạo đức, thí dụ, các vị linh mục tâm lý gia hội tục, các cựu chủng sinh, tu sỹ hội tục sau đó trở thành những nhà tâm lý, hoặc những tâm lý gia có đời sống nội tâm vững vàng... Những người này, với lòng đạo đức, với tư cách của những Kitô hữu trưởng thành, họ rất ảnh hưởng trong việc hướng dẫn và chữa trị của họ. Tâm lý đạo đức ảnh hưởng trong tiến trình trị liệu và khai dẫn. Trong những lần Chúa làm phép lạ chữa cho người này, người khác, Ngài đã đề cao sức mạnh của niềm tin: “Đức tin con đã chữa con!” (Xem Luca 8:48).

Bởi đó khi chọn lựa một nhà tâm lý, điều cần thiết phải biết không chỉ là kiến thức chuyên môn, mà cả đến quan niệm và đời sống tâm linh của nhà tâm lý ấy nữa. Tìm được một nhà tâm lý có đức tin và đời sống đạo là một điều may mắn. Cũng như tìm được một vị linh hướng với kiến thức về tâm lý là một ân huệ.

Những căn bệnh của hôn nhân

St. John Berchmans, (13 tháng Ba 1599 - 13 tháng Tám 1621) một tu sĩ Dòng Tên đã có lần nói: “*Vita communis est mea maxima penitentia.*” Câu nói được chuyển ngữ sang tiếng Anh: “Life in common - that is the common, daily life of every man and woman - is my greatest penance.” Nó lột tả rất sống động về những hy sinh, vất vả và đôi lúc rất nghiệt ngã của đời sống hôn nhân khi hai người nam và nữ phải sống chung với nhau: “Đời sống chung - chung đụng - của một người đàn ông và một người đàn bà là một cực hình lớn lao nhất của tôi.”⁶

Ứng dụng vào đời sống hôn nhân gia đình, tư tưởng này diễn tả một thực tế phũ phàng nhưng cũng không ai có thể phủ nhận. Thi sỹ Hồ Dzếnh đã tóm lại bằng hai câu thơ rất lãng mạn:

*“Tình mất vui khi đã vẹn câu thề
Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở.”*⁷ (Ngập Ngừng)

Qua cái lãng mạn trong tình yêu, Hồ Dzếnh như vậy cũng đã nói lên cái “cực hình lớn lao nhất” của John Berchmans, không phải với con mắt của một nhà tu hành, nhưng bằng thực chất khắc nghiệt của đời sống chung. Bởi vì trong hôn nhân có sẵn tâm lý khác biệt giữa nam và nữ. Tâm lý này phát xuất từ ngàn xưa khi trong cái mệnh mang của đất trời và khi người nam và người nữ đầu tiên còn cảm thấy hạnh phúc bên nhau. Thánh Kinh kể Adam khi được Thiên Chúa đem Evà đến giới thiệu cho ông, ông đã hờn hờ nói: “Phen này, đây là xương bởi xương tôi, và thịt bởi thịt tôi.” (St 2:23) Nhưng rồi cũng chính xương và thịt của ông lại làm khổ ông, khi đưa trái cấm cho ông ăn, để rồi cả hai phải chịu án phạt: “Người đàn bà Ngài cho ở với con, đã cho con trái cây ấy, nên con ăn” (St 3:12).

Nhưng có lẽ án phạt nặng nề nhất là Ngài để cho hai tâm lý khác biệt lại phải sống chung với nhau. Đàn ông và đàn bà, theo John Gray đến với nhau từ hai hành tinh xa thẳm. Một người đến từ Hỏa Tinh và một người đến từ Kim Tinh (Men are from Mars, Women are from Venus). Đây là sự khác biệt mà chính Sigmund Freud sau nhiều năm nghiên cứu về tâm lý học cũng đã không phân tích và lý giải nổi: “...cả tâm lý nữa cũng không thể giải thích được cái bí ẩn của nữ giới...” (...that psychology too is unable to solve the riddle of femininity...).⁸ Như vậy, đối với ông tổ ngành phân tâm học, phụ nữ vẫn luôn luôn là một “huyền nhiệm.” Và “chỉ khi nào người đàn ông

và người đàn bà có thể tôn trọng và chấp nhận những khác biệt của nhau, lúc đó tình yêu mới có cơ hội nở hoa.” (When men and women are able to respect and accept their differences then love has a chance to blossom.)⁹

Khác biệt thể lý dẫn đến những khác biệt tâm lý và tâm sinh lý, tự nó đã làm cho đời sống của người chồng và người vợ vốn đã phức tạp, khó hiểu càng trở nên phức tạp và khó hiểu hơn. Hơn nữa với thời gian, sức ép của công ăn việc làm, những cám dỗ của vật chất và xã hội bên ngoài càng làm cho họ, mặc dù đã mặn nồng yêu thương nhau ban đầu cũng có những thử thách và khó khăn trong cuộc sống chung. “Tình mất vui khi đã vụn câu thề,” và kết quả là cãi vã, giận hờn, ngoại tình.

Dưới cái nhìn của tâm lý hôn nhân, tâm lý gia đình thì “ngoại tình” chính là một căn bệnh mà nhiều người đã mắc phải, và hậu quả dẫn đến thường là hôn nhân đổ vỡ. Kết quả của một cuộc khảo cứu phổ biến trên Associated Press, Journal of Marital and Family, ngày 1 tháng 1 năm 2014 về tình trạng ngoại tình của những người trong đời sống hôn nhân được tóm lược như sau:¹⁰

41 % Cả hai người phối ngẫu đã thừa nhận ngoại tình trong tư tưởng và hành động.

57 % Đàn ông thừa nhận đã ngoại tình qua những tương quan giao tế.

54% Đàn bà thừa nhận đã ngoại tình qua những tương quan giao tế.

31 % Hôn nhân đổ vỡ sau khi thừa nhận ngoại tình hoặc bị khám phá đã ngoại tình.

Theo một khảo cứu khác tại Liên Hiệp Vương Quốc Anh và Wales, trong năm 2007, con số những gia đình đổ vỡ vì ngoại tình là 29%; và trong năm 2006, con số này là 32%. Cũng theo kết quả khảo cứu này, 75% trường hợp đàn ông ngoại tình đã dẫn đến ly dị, và con số này là 22% đối với phụ nữ.¹¹

Cũng theo các nhà chuyên môn, người đàn ông ngoại tình vì cảm thấy thiếu thốn, hoặc thừa thãi trong gia đình. Tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Những phân tích cho thấy, nhiều người đàn ông ngoại tình vì thấy mình bị vợ bỏ rơi, coi thường, và xa cách. Trong nhiều trường hợp, người vợ đã không dành thời giờ cho chồng. Không có những đáp ứng nhu cầu sinh lý.

Đối với họ, thời giờ cho chồng là thứ yếu và là sau hết. Người chồng là người sau cùng được hỏi han tới, được quan tâm nếu như nàng đã hoàn tất xong công việc ở sở, công việc ở nhà, và hằng trăm thứ linh tinh khác với con cái, bạn bè. Ngoài ra, còn tùy thuộc vào lúc nào nàng muốn, nàng hài lòng, và nàng thích thì nàng mới chiều chuộng, mới thăm hỏi, và âu yếm.

Riêng đối với nữ giới, thì lý do ngoại tình là vì nàng đã mất sự kính trọng dành cho chồng. Chồng đã đánh mất vẻ đẹp thần tượng của mình bằng những lời ăn, tiếng nói, bằng thái độ cư xử, hoặc bằng lối sống ích kỷ... Ngoài ra, nàng còn muốn chứng minh cho chồng biết là nàng vẫn còn hấp dẫn và vẫn có người khác đang ở ngoài kia chờ nàng. Đặc biệt, cuộc sống lứa đôi nhàm chán, thiếu hấp dẫn từ phía người chồng. Kết quả của 50% những vụ ly dị là câu trả lời cho những hôn nhân đổ vỡ.¹²

Tại sao khả dẫn tâm lý lại cần thiết?

*“Đói thì ăn rau, đau thì uống thuốc.”*¹³

Lý do đưa đến hôn nhân mất hạnh phúc và đổ vỡ bao gồm:

-Cá tính khác biệt của người chồng và người vợ.

-Những cuộc hôn nhân cưỡng ép hoặc bắt buộc do cha mẹ, hay do ảnh hưởng văn hóa trong đó hôn nhân là do cha mẹ hai bên hứa hẹn với nhau (chỉ phúc vi hôn).

-Những cuộc hôn nhân mà người chồng, người vợ, hoặc cả hai đã có ý lường gạt nhau, và lợi dụng nhau. Thí dụ, người chồng đã có vợ nhưng nói dối mình vẫn còn độc thân. Người vợ lợi dụng nhan sắc, sự khêu gợi của mình để bước vào một hôn nhân mang lại cho mình, cho gia đình mình những toan tính vật chất, hoặc mang ý định trả thù.

-Những cuộc hôn nhân mà người chồng hay người vợ hoặc cả hai thiếu trưởng thành về tâm lý, không đủ ý thức về tình yêu, trách nhiệm và bổn phận của hôn nhân. Họ lấy nhau vì cảm tình, vì cái bông bột của tình yêu và sự thu hút của dục vọng.

-Người chồng hoặc người vợ thiếu hoặc vô trách nhiệm trong việc xây dựng một đời sống hôn nhân hạnh phúc, bao gồm trách nhiệm lo tìm công ăn việc làm, trách nhiệm chu toàn bổn phận làm chồng, làm vợ, bổn phận sinh lý trong hôn nhân, cũng như trách nhiệm sinh thành và dưỡng dục con cái.

-Và những cuộc hôn nhân mà người vợ hoặc người chồng trước khi lấy nhau đã có những vấn đề về thể lý, tâm lý hoặc tâm thần. Thí dụ mất khả năng sinh sản, liệt dương, có khuynh hướng đồng tính, hoặc những căn bệnh về tâm thần.

Đối với những cuộc hôn nhân như thế, mầm mống của chia rẽ và mất hạnh phúc nằm ngay trong những quyết định từ ban đầu. Theo từ ngữ Công Giáo, thì đây là những hôn nhân “không thành sự,” những hôn nhân không do “Thiên Chúa liên kết,” nhưng là do những thiếu sót, tính toán loài người, hoặc do đã tâm lờng gạt nhau, lợi dụng nhau. Theo tâm lý, đó là những hôn nhân bệnh hoạn. Do đó, tính cách vững bền và trách nhiệm hôn nhân không đòi hỏi người chồng hay người vợ phải trung thành với hôn nhân ấy. Điều mà rất nhiều người Kitô hữu và ngay một số linh mục vẫn hiểu lầm hoặc cắt nghĩa một cách chủ quan, quá khích là: “Vậy, sự gì Thiên Chúa đã phối hợp loài người không được phân ly” (Mc 10:9).

Trong buổi tiếp kiến sáng ngày 5-11-2014, dành cho các tham dự viên khóa học do Tòa Thượng Thẩm Rota ở Roma tổ chức về hôn phối kết ước thành sự nhưng chưa hoàn hợp (super rato). Trong vai trò là cha, là thầy, và là nhà khai dẫn chung toàn thể Giáo Hội, Đức Thánh Cha Phanxicô cũng đã khuyến khích các tòa án hôn phối trong Giáo Hội tiến hành mau lẹ hơn để vô hiệu hóa những cuộc hôn nhân này. Ngài nói: “Có một số thủ tục quá dài hoặc quá nặng nề không có lợi và dân chúng bỏ không xin tòa án cứu xét nữa...”¹⁴

Nếu nhưc đầu, sổ mũi, ho, cúm hoặc những vấn đề liên quan đến bệnh tật, chúng ta tìm đến bác sỹ, hoặc nếu có những vấn đề liên quan đến luật pháp chúng ta đi tìm các luật sư...thì khi có những khó khăn, những nan đề trong đời sống hôn nhân, việc tìm đến các nhà tâm lý chuyên môn là một hành động khôn ngoan và cần thiết.

Điều cần lưu ý về tình trạng sức khỏe tâm lý trong hôn nhân, đó là có những khó khăn mà ta cứ tưởng để vậy sẽ qua đi, nhưng trong thực tế thì không. Thí dụ, những bất đồng về cá tính, vợ chồng cãi vã, bất hòa, giận hờn, ghen tương, những khó chịu hằng ngày với vợ hoặc với chồng, những dồn nén về sinh lý, những bất đồng về việc nuôi dạy con cái... Những thứ đó nếu không được giải tỏa sẽ dẫn đến chỗ mất niềm tin với chính mình, và

sự nghi ngờ, bất tín với chồng hoặc vợ mà hậu quả của nó sẽ vô cùng lớn lao.

Tóm lại, khi nghĩ đến đời sống hôn nhân gia đình, chúng ta cần phải ý thức rằng cuộc sống này tuy là một ơn gọi tốt lành, đẹp đẽ, giá trị và cần thiết, nhưng nó cũng là một cuộc sống với nhiều khó khăn xét về mọi mặt, đặc biệt là tâm lý. Và khi có những vấn đề hoặc khi gặp những khó khăn này, không những người có vấn đề mà điều rất nên làm là cả hai vợ chồng cùng phải tìm kiếm sự giúp đỡ chuyên môn. Đối với các linh mục hoặc những ai có trách nhiệm tinh thần liên quan đến hạnh phúc hôn nhân của người khác cũng nên ý thức rằng, nếu khả năng chuyên môn mình bị giới hạn trong những lãnh vực ấy, thì trách nhiệm đòi buộc và hành động khôn ngoan trong những trường hợp này là giới thiệu cho những người đến với mình một sự giúp đỡ chuyên nghiệp.

Chúa Giêsu: Bác sỹ và Nhà Tâm Lý

Trong bốn Tin Mừng, Chúa Giêsu không những được người đương thời coi là Thầy Thuốc (Bác Sỹ) nhưng chính Ngài cũng đã tự xác nhận: “Người khỏe mạnh không cần thầy thuốc, người đau ốm mới cần... tôi không đến để kêu gọi người công chính, mà để kêu gọi người tội lỗi.” (Mt 9:12-13; xem thêm Mc 2:14-17; Lc 27-32).

Không những là một Bác Sỹ, Ngài còn là một Bác Sỹ Tâm Lý và Bác Sỹ Tâm Thần nữa: “Chiều đến, khi mặt trời đã lặn, người ta đem mọi kẻ ốm đau và những ai bị quỷ ám đến cho Người. Cả thành xúm lại trước cửa. Đức Giê-su chữa nhiều kẻ ốm đau mắc đủ thứ bệnh tật, và trừ nhiều quỷ, nhưng không cho quỷ nói, vì chúng biết Người là ai” (Mc 1:32-34). Trong khi bị giam trong ngục, Gioan Tẩy Giả sai môn đệ đến tìm hiểu Chúa Giêsu là ai, và họ được Ngài cho biết căn tính Ngài qua những việc Ngài làm: “Chính giờ ấy, Đức Giê-su chữa nhiều người khỏi bệnh hoạn tật nguyên, khỏi quỷ ám, và ban ơn cho nhiều người mù được thấy. Người trả lời hai người ấy rằng: ‘Các anh cứ về thuật lại cho ông Gioan những điều mắt thấy tai nghe: người mù được thấy, kẻ què được đi, người cùi được sạch, kẻ điếc được nghe, người chết trỗi dậy, kẻ nghèo được nghe tin mừng, và phúc thay người nào không vấp ngã vì tôi’” (Lc 7:21-23).

Và là một Cố Vấn Kỳ Diệu (Is 9:5) có sức hàn gắn, xoa dịu mọi vết thương lòng. Ngài đã cho người thiếu phụ phạm tội ngoại tình biết rằng chị ta vẫn được yêu thương: “Tôi cũng không lên án chị đâu... Chị đi và từ nay đừng phạm tội nữa” (Ga 8:11). Phục hồi danh dự cho người đàn bà bị xã hội coi là tội lỗi và ruồng bỏ, đang đổ thuốc thom rửa chân cho Ngài bằng những lời an ủi “Tội của chị đã được tha rồi” (Lc 7:48). Và nhất là khi Ngài chỉ cho những người bối rối hay lầm lạc con đường đem lại bình an trong tâm hồn: “Thưa thầy nhân lành, tôi phải làm gì để được sự sống đời đời” (Lc 18:18).

Đời sống hôn nhân sẽ không thể hạnh phúc nếu những khủng hoảng (cá nhân hay gia đình) chiếm ngự tâm trí chúng ta. Cùng lúc khi chúng ta tìm kiếm sự chữa lành và hướng dẫn của các linh mục, các người khôn ngoan, và các bác sỹ tâm lý, chúng ta còn phải đến với Bác Sỹ, Tâm Lý Gia, Cố Vấn Kỳ Diệu Giêsu để được Ngài băng bó và chữa lành các vết thương tâm hồn và tâm lý cá nhân, gia đình, và đời sống hôn nhân của chúng ta. Chính Ngài đã hứa: “Thầy để lại bình an cho các con” (Ga 14:27).

Việc tìm kiếm sự giúp đỡ, chữa lành để đem lại bình an, hạnh phúc trong hôn nhân gia đình là điều cần thiết và hợp thánh ý Thiên Chúa.

Tài liệu tham khảo:

1. *Love Is Our Mission The family fully alive*. World Meeting of Families-Philadelphia. Published 2014, p. 56
2. *Koenig David, Media Demand*. Six Major Schools of Thought in Psychology. www.classroom.synonym.com
3. What is psychology? What are the branches of psychology?
www.medicalnewstoday.com
4. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. *Tục Ngữ Phong Dao*. AR: Sống Mới, 1978, Tập 1, tr.36
5. *Ibid.*, tr. 168
6. Martin, James, SJ. *My Life With The Saints*. Chicago: LoyolaPress, 2006, p. 338

7. Hồ Dzếnh. Quê Ngoại, xuất bản năm [1943](#).
8. Freud, *Sigmund*. Femininity (1993). In Trouse, J., ed., *Women and analysis*. New York: Grossman, 1974
9. Gray, John. *Men Are From Mars, Women Are From Venues*. New York: Karper Collins, 1992, p. 14
10. *Marriage Infidelity Statistics*. statisticbrain.com
11. Redmond, Jodee. *Rates of Divorce for Adutery and Indifelity*. Lovetoknow divorce
12. *U.S. Divorce Rates and Statistics*. Divorcesource.com
13. Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc. *Tục Ngữ Phong Dao*. AR: Sóng Mới, 1978, Tập 1, tr.119
14. Lm. Trần Đức Anh, OP. Nguồn: vietcatholic.net



Trần Mỹ Duyệt, Ph.D., Cử Nhân Tâm Lý Ứng Dụng, Cao Học Tâm Lý Trị Liệu và Cộng Đồng, Tiến Sĩ Tâm Lý. Sinh hoạt trong lãnh vực tâm lý. Tác giả, dịch giả, và diễn giả về các chủ đề liên quan đến tâm lý, hôn nhân, gia đình, xã hội và giáo dục. Cùng với Lm. Trịnh Ngọc Danh và một số giáo dân thiện chí, khởi xướng và phát triển Gia Đình Nazareth một sinh hoạt mục vụ với mục đích duy trì, phát triển vẻ đẹp và giá trị của ơn gọi hôn nhân. Hiện đang sinh sống tại Westminster, California.

GIÁO DỤC CON CÁI TRÊN ĐẤT MỸ: HỘI NHẬP KHÔNG QUÊN TRUYỀN THỐNG

Lê Xuân Hy Ph.D.

Giáo dục tại Mỹ: Một vấn đề nghiêm trọng

Người cũng như muông thú được Chúa ban cho ơn coi trọng việc nuôi con. Chó đẻ con sẽ hung dữ để bảo vệ con. Người mẹ từ ngày đầu sanh con đã thức khuya dậy sớm cho con bú và thay tã cho con. Khi con lớn lên và gặp khó khăn, bố mẹ còn cảm thấy đau hơn cả đứa con. Khi con thành công, bố mẹ sung sướng khoe đi khoe lại với mọi người.

Vì việc quan trọng như vậy nên nước Mỹ chi trên 900 tỉ mỗi năm cho việc giáo dục cấp trung tiểu học—nhiều nhất thế giới, không những về tổng số mà còn theo đầu người nữa. Năm 2011, trường Sư Phạm của University of Southern California đã so sánh 12 cường quốc và cho biết là mỗi năm Mỹ chi \$7,743 cho mỗi học sinh. Các nước khác chi ít hơn nhiều. Nhật chi \$3,756 và Nam Hàn \$3,759, tức là 48% của Mỹ. Ba Tây chi \$1,683¹.

Dù chi nhiều như vậy, giáo dục của Mỹ lại gặp nhiều vấn đề nan giải. Trước khi hội nhập hoàn cảnh này, chúng ta nên nhìn rõ vài khía cạnh của vấn đề giáo dục con em tại Mỹ.

Học Vấn

Năm 2014 Mỹ vui mừng vì 80% các em tốt nghiệp trung học, so với 71% của năm 1998². Vậy là 20% các em không học hết trung học. Ở nhiều thành phố lớn, tỉ lệ này còn cao hơn. Tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, 41% không học hết trung học. Ngay cả các em học giỏi trong trung học công lập cũng có vấn đề. Điểm toán của học sinh Mỹ là 489/600, đứng thứ 10 trong 12 nước,

¹ <http://rossieronline.usc.edu/u-s-education-versus-the-world-infographic/> [1/1/2015].

² http://www.manhattan-institute.org/html/cr_baoe.htm [1/1/2015].

so với Nhật là 531 và láng giềng Canada 534³. Yếu toán thì các em không học các ngành khoa học được. Nhiều người không dè là cả các ngành khoa học xã hội cũng cần toán. Thí dụ như ngành tâm lý: hầu hết các em rớt bậc cử nhân vì rớt lớp toán thống kê, và không giỏi toán thống kê thì không được nhận vào chương trình thạc sĩ hay tiến sĩ.

Sức Khỏe

Một dấu hiệu các em Mỹ thiếu sức khỏe là cân lượng. Suốt thập niên qua, tỉ lệ béo phì (obesity) của các em từ 2 đến 19 tuổi là 17%.⁴ Các em béo rất khó xuống cân, nên khi lớn lên bị nhiều thứ bệnh trầm trọng như tiểu đường, dễ đưa tới mù loà và chết yểu. Có nhiều lý do làm các em béo phì, và một trong những lý do dễ hiểu là đồ ăn của các em. Các em ăn nhiều. Phần ăn lớn hơn, và khi đưa các em phần ăn lớn thì các em tự động ăn nhiều hơn. Một cái bánh ngọt ngày nay lớn hơn bánh trong thập niên 1970 gấp bảy lần,⁵ và từ đó mỗi em ăn thêm 200 calories mỗi ngày.⁶ Số lượng tăng, nhưng phẩm chất lại kém: 40% là đường và mỡ,⁷ mà em nào ăn nhiều đường và mỡ lúc 3 tuổi thì tới 8 tuổi trí thông minh sẽ cùn đi.⁸

Các em Mỹ, cách chung, ăn uống một cách khó khăn. Có một truyện nhi đồng tên là *D. W. the Picky Eater*.⁹ Truyện này khá phổ biến, vì đánh đúng vào tâm trạng kén ăn của nhiều em. Và các em thường chọn đồ ăn không tốt về mặt dinh dưỡng. Ngược lại, các em bên Nhật được huấn luyện ăn bất cứ đồ gì được dọn ra, và ăn cho hết, tới hạt cơm cuối, thế mà tỉ lệ béo

³ <http://rossieronline.usc.edu/u-s-education-versus-the-world-infographic/> [1/1/2015].

⁴ Center for Disease Control and Prevention. *Overweight and Obesity: Childhood Obesity Facts*, <http://www.cdc.gov/obesity/data/childhood.html> [1/1/2015].

⁵ Christine Gross-Loh, *Parenting Without Borders: Surprising Lessons Parents Around the World Can Teach Us* (New York: Penguin, 2013), 58. Cuốn này trình bày cách rõ ràng và chi tiết hơn nhiều bài khảo cứu được nói tới trong bài này.

⁶ Carmen Piernas & Barry M. Popkin, "Food Portion Patterns and Trends among U.S. Children and the Relationship to Total Eating Occasion Size, 1977-2006," *The Journal of Nutrition*, ngày 27/4/2011.

⁷ Jill Reedy & Susan M. Krebs-Smith, "Dietary Sources of Energy, Solid Fats, and Added Sugars Among Children and Adolescents in the United States," *Journal of the American Dietetic Association* 110, no. 10 (October 2010), 1477-1484.

⁸ Kate Northstone, "Are Dietary Patterns in Childhood Associated with IQ at 8 Years of Age? A Population-based Cohort Study," *Journal of Epidemiology and Community Health*, ngày 2/7/2011.

⁹ Marc Brown, 1997. Little, Brown Books for Young Readers.

phì tại Nhật chỉ có 4%. Trẻ em tại nhiều nước Tây phương khác—như Canada, Pháp, Thụy Điển—cũng dễ dàng hơn trong việc ăn uống, và kết quả lành mạnh hơn Mỹ.¹⁰

Tâm Lý

Một giáo sư nhiều kinh nghiệm hướng dẫn tôi khi tôi mới tới dạy tại Seattle University, “các em sinh viên dễ vỡ như thủy tinh vậy”¹¹, nên phải nhẹ tay. Một trong những lý do mà các em trở nên yếu đuối, mỏng manh như vậy là tại phụ huynh, và có khi cả thầy cô nữa, cứ muốn giúp các em tự đánh giá mình cao (self-esteem), vì nghĩ rằng khi tự tin như vậy các em sẽ nhiệt tình học hỏi và từ đó thành công hơn. Tuy nhiên, sau vài thập niên đi theo chiều hướng này, một số tâm lý gia tiên phong trong ngành đã nhận ra mình sai lầm, mà lại không thay đổi được chiều hướng của cả xã hội. Thế là các em được khen nhiều, trong khi không chắc về khả năng của mình, nên luôn lo sợ bị người khác chê; nói cách khác, càng được khen nhiều khi không thật sự có khả năng thì càng dễ mất tự tin và lệ thuộc vào người khác, tức là ngược lại cái kết quả của cái tự tin thật dựa vào khả năng thật.¹²

Xã Hội

Tôi xin bàn tới hai khía cạnh: với bố mẹ và với bạn. Với bố mẹ, các em Mỹ muốn độc lập, đi đến căng thẳng nữa. Một hôm gia đình tôi đi ăn. Tại bàn bên cạnh, một em Mỹ quăng 5 tuổi gọi món ăn cho chính mình, làm cô tiếp viên khâm phục. Còn cháu bé 5 tuổi nhà tôi hỏi tôi, “Bố ơi, con nên gọi món gì?” Tôi rất vui là cháu biết hỏi, và bàn với cháu là bố mẹ tính gọi mấy món này rồi, nên con nên gọi món khác để thử được nhiều thứ. Trong học vấn cũng vậy. Sheena Iyengar, khi còn ở Stanford University, làm thí nghiệm sau: cô cho các em xếp mẫu tự thành chữ; có khi thì để cho các em tự chọn các tập mẫu tự, có khi lại xin mẹ em chọn cho em. Khi các em Mỹ trắng tự chọn thì làm giỏi hơn là khi mẹ chọn; lại có em còn than phiền là tại sao lại cho mẹ chọn. Trong khi đó, các em gốc Á châu làm giỏi hơn nhiều

¹⁰ Christine Gross-Loh. “Global food rules: How parents around the world teach their kids to eat.” *Parents without border*, 56-88.

¹¹ John Bean, đối thoại riêng, “Students are made of glass.”

¹² Christine Gross-Loh. “Feeling good: Can self-esteem be harmful?” *Parenting Without Border*, 89-115.

khi nghĩ là mẹ chọn, và còn nhờ cô giáo khoe với mẹ là em làm được.¹³ Hai cách nhìn đời và hành động khác nhau.

Trong khi độc lập với bố mẹ, thì các em Mỹ lại lệ thuộc bạn bè nhiều, kể cả đi tới liên hệ tình dục. Bản khảo cứu Youth Risk Behavior Surveillance (YRBS) cho biết quãng 50% học sinh trung học đã có liên hệ tình dục, và trên 1/3 đang có liên hệ đó, chứ không phải chỉ trong quá khứ mà thôi.¹⁴ Liên hệ này dễ đưa tới những khó khăn, và vì còn quá trẻ nên ảnh hưởng rất nặng, ảnh hưởng nhiều tới việc học, còn có khi tự tử nữa. Ngay cả cuốn *Kama Sutra* nổi tiếng của Ấn Độ cũng khuyên rõ ràng là khi học thì tránh liên hệ tình dục.¹⁵

Tôn Giáo

Các học sinh trung học hầu như không được học gì về tôn giáo, dù rằng tôn giáo là một phần quan trọng trong lịch sử phương Tây cũng như trong thế giới ngày nay. Lý do là trong khung cảnh luật pháp ngăn cách đạo và đời, mà nhiều người vô thần luôn sẵn sàng kiện bất cứ chuyện gì liên quan đến đạo, nên các nhà xuất bản sách giáo khoa tránh đề tài này để khỏi bị kiện.¹⁶

Các tiến bộ về khoa học và y khoa cũng làm con người ít đến với Chúa hơn. Ông Thomas Groome, một giáo sư về giáo lý nổi tiếng tại Boston College, kể là khi ông lớn lên bên Ái Nhĩ Lan, chị của ông qua đời khi còn nhỏ vì sốt xuất huyết. Khi tới phiên ông sốt xuất huyết, bố ở xa, còn mẹ không đưa con tới nhà thương giữa mùa đông được, nên chỉ biết quỳ cạnh giường con và năn nỉ với Chúa là bà chỉ đứng lên nếu con qua cơn bệnh. Bà quỳ suốt đêm, thiếp đi, và khi tỉnh lại thì con đã đỡ sốt, và bà tin là Chúa đã cứu. Nếu chuyện đó xảy ra bây giờ, bà mẹ sẽ gọi 911, xe cứu thương chở đi, rồi bà trông cậy vào bác sĩ.

¹³ https://www.ted.com/talks/sheena_iyengar_on_the_art_of_choosing [1/1/2015].

¹⁴ <http://recapp.etr.org/recapp/index.cfm?fuseaction=pages.StatisticsDetail&PageID=555> [1/1/2015].

¹⁵ "... [C]elibacy should be observed while one is a student acquiring knowledge." "Chapter Two. The Suitable Age." *Kama Sutra: A guide to the art of pleasure*, Vatsyayana, bản dịch mới của A. N. D. Haksar (New York: Penguin, 2011).

¹⁶ Nicole Smith. *Problems and Weaknesses in the American Educational System*. <http://www.articlemyriad.com/problems-weaknesses-american-educational-system/> [1/1/2015].

Kinh Nghiệm

Không cần đọc bài này, đa số bố mẹ cũng từng có kinh nghiệm xương máu về cái khó, và thất bại nữa, trong việc này. Các bố mẹ kể cho tôi nghe nhiều kinh nghiệm khó khăn khác nhau. Có một ông khi mới qua Mỹ, có gánh nặng gia đình, yếu tiếng Anh, ít được giúp đỡ, thế mà tận lực học, lấy được bằng cử nhân khoa học và trở thành một chuyên viên cao cấp; trong khi bây giờ con cái ông lớn lên có đủ mọi cơ hội mà phí giờ, chơi trò chơi điện tử, học kém. Một vị khác khoe là con em học rất giỏi và giàu sụ, nhưng ngay sau đó than là cả con lẫn cháu mất đi tiếng Việt và văn hóa Việt, kể cả đức tin mạnh của người Công Giáo Việt. Bố mẹ khát khao được nghe con “mời Bố Mẹ xoi cơm” mà cả đời không được. Con không đi nhà thờ, mà cũng không đưa cháu tới nhà thờ nữa. Nay bố mẹ đã lớn tuổi, gần về với Chúa, và có phần hối hận là trước kia dồn hết sức cho con thành công về học vấn nhưng xao nhãng cộng đoàn và đức tin, mà bây giờ không biết cách nào để kéo lại!

Tôi không có ý trình bày hay lượng giá toàn bộ về việc giáo dục con cái trên đất Mỹ. Trên đây chỉ là một số lược lặt về cái khó của việc này. Còn nhiều khó khăn khác cũng như nhiều cái hay chưa được nói tới. Tôi chỉ xin nói qua tới ba cái hay quan trọng. Một là các em mạnh dạn phát biểu, thích áp dụng, và có óc sáng tạo. (Tuy nhiên phải có căn bản vững thì mới đi tới sáng tạo được, mà nhiều em không đạt được căn bản này, nên vẫn nói nhiều nhưng chỉ nói tầm bậy, mà lại cứ tin là mình hay.) Hai là có nhiều cơ hội và xã hội tương đối ít lên án. Thí dụ như một em gái 16 tuổi mà có bầu thì trường có người giúp, sanh con rồi học tiếp. Ba là người lớn rất trọng các em, nhất là em nào chịu tôn trọng và nghe lời người lớn. Vì vậy những em Á Đông nào giữ được sự tôn trọng thầy cô sẽ được các thầy cô Mỹ nâng đỡ tận tình hơn hầu hết thầy cô Á Đông.

Trước những khó khăn trên, một giải pháp dường như rõ ràng là đưa các em vào văn hoá Việt. Sau đây là 3 bằng chứng cho giải pháp đó. Một, bố mẹ lớn lên trong văn hoá Việt nên vượt được nhiều trở ngại và thành công. Hai, các em học trung tiểu học tại Việt Nam rồi mới qua Mỹ giỏi toán hơn các em lớn lên ở Mỹ nhiều. Ba, trong những em ở Mỹ mà giỏi toán có vẻ là vì các em lớn lên trong gia đình giữ truyền thống Việt, và có khi học thêm

các phương pháp toán theo lối Á châu như Kumon. Như vậy câu trả lời là giữ văn hoá Việt, phải không ạ? Vấn đề phức tạp hơn vậy.

Văn hoá Việt trên đất Mỹ

Văn hoá Việt là gì? Văn hoá có một cấu trúc phức tạp, liên quan đến nhiều phương diện. Một mặt thì văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên. Ứng xử đây là gồm cả ứng phó lẫn tận dụng môi trường này. Thí dụ như một cộng thể tại thôn quê với nhiều sông nước trong vùng khí hậu nhiệt đới sẽ có những lối sinh hoạt và quần áo khác hẳn vùng thành thị gần đó, hay là vùng thôn quê tại xứ lạnh.

Một mặt khác, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội, như cách nhận thức về vũ trụ, về con người, cách tổ chức đời sống cộng thể, cách đối phó với môi trường xã hội, và nhiều mặt khác.¹⁷ Các khảo cứu tiếp tục khám phá ra các sự khác biệt giữa các nền văn hoá đông-tây. Thí dụ như về cách suy nghĩ. Khi được hỏi, “Xin chọn một trong hai: con bò đi với gà hay con bò đi với cỏ?” thì đa số người Á đông chọn bò và cỏ (liên hệ: bò ăn cỏ), trong khi người Tây phương chọn bò và gà (phân loại: cùng là giống vật).¹⁸

Vì văn hoá liên quan đến nhiều yếu tố như vậy, nên một nền văn hoá như văn hoá Việt rất đa dạng và chuyển mình liên tục. Thí dụ như mỗi miền có phần khác nhau. Rồi người rời Việt Nam năm 1980 có những kinh nghiệm về văn hoá Việt mà người rời năm 1975 không có, và văn hoá năm 2015 tại quê nhà cũng đổi khác phần nào rồi. Như vậy khi bảo tồn văn hoá Việt, ta bảo tồn cái gì hay là dạng nào? Nhất là khi có nhiều cái không có được.

Một cái rõ ràng: khi ở trên đất Mỹ thì không ở trên đất Việt được. Hoàn cảnh làng xóm cũng thay đổi nhiều. Tại khá nhiều giáo xứ bên Việt Nam, giáo dân có thể đi bộ tới nhà thờ được, rồi la cà từ nhà này qua nhà khác một cách dễ dàng. Các em bên này vất vả học tiếng Việt, và khi nói được tiếng Việt thì cách suy nghĩ ít nhiều vẫn có mùi Mỹ.

¹⁷ Xin xem *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* của giáo sư Trần Ngọc Thêm.

¹⁸ Richard G. Nisbett, *The Geography of Thought: How Asians and Westerners Think Differently...and Why* (New York: Free Press, 2003).

Vì văn hoá phức tạp như vậy, nên việc bảo tồn văn hoá Việt không phải là đơn giản. Hơn thế nữa, ngoài việc bảo tồn, ta còn phải đáp ứng, vì cái hay của Việt Nam chưa hẳn có thể dùng thẳng như vậy tại Mỹ.

Cách hay nhất mà tôi từng nghe thấy là một đề nghị của thầy Quyên Di: kiếm ra cái hồn Việt nằm sâu dưới bề mặt đa dạng. Như vậy ta vừa giữ được cái tinh túy, vừa uyển chuyển đáp ứng được. Hình như thầy đề nghị hai đặc tính, là tình thương và lòng tin vào Trời.¹⁹ Yêu thương và thờ phượng—theo thứ tự đó, lại chính là cách xây dựng cộng đoàn, như cha giáo Nguyễn Khắc Hy PSS dạy.²⁰

Làm gì bây giờ?

Theo văn hoá thực dụng của Mỹ, tôi xin gợi ý một số điểm mà gia đình Việt Nam tại Mỹ có thể áp dụng để bảo trì và phát triển cái hay của hồn Việt Nam trong khi đáp ứng vào và tận dụng những cái hay của văn hoá và hoàn cảnh Mỹ.

Yêu thương và diễn tả tình thương với con em

Trọng tâm của văn hoá Việt cũng như của đời sống Công Giáo là tình thương. Vậy việc quan trọng nhất là bố mẹ Việt Nam tiếp tục sống đời yêu thương hết lòng. Nhưng khác một điều là cần diễn tả, bằng lời, lặp đi lặp lại, tình thương vô điều kiện của cha mẹ cho con cái. Các em Việt Nam có khi nhìn qua gia đình Mỹ một cách thèm thuồng vì bố mẹ Mỹ thường nói “I love you,” mà các em Việt không được nghe câu đó từ bố mẹ mình. Người Việt tị nạn có một tình thương con thật đậm đà, một phần vì phải hy sinh rất nhiều cho tương lai của con. Bố tôi là một nhà ngoại giao, nhưng khi qua Mỹ, ngay trong tuần đầu Ông đi làm gác gian, kể cả chùi nhà cầu, ca ban đêm, cho một trường nghèo tại Mỹ. Lương tháng \$600 vào năm 1975, Ông cần kiệm từng đồng khi trả tiền nhà, tiền ăn, để gửi những đồng còn lại giúp cho hai đứa con đi học đại học, và sau này khi có cơ hội thì gửi về Việt Nam. Mỗi khi tôi về thăm Ông, Ông chỉ nói, “Con về rồi đó hả?” nhưng tôi biết Ông đã chờ từ lâu. May mắn là tôi còn đủ gốc Việt Nam để nhận ra tình

¹⁹ Bài nói chuyện với các linh mục tu sĩ Việt Nam du học tại Hoa Kỳ, Tustin, CA, ngày 29 tháng 12, 2014.

²⁰ Bài nói chuyện với các linh mục tu sĩ Việt Nam du học tại Hoa Kỳ, Tustin, CA, ngày 30 tháng 12, 2014.

thương đậm đà của Ông qua cuộc sống này, dù Ông không nói thẳng ra, và tôi còn cảm thấy tình thương không nói này lại càng đậm đà hơn. Tuy nhiên, đối với các em lớn lên bên Mỹ này, phải nói đi nói lại nhiều lần may ra các em mới nghe thấy, nên cha mẹ cần phải nói. Năm nào tôi cũng tâm sự vài lần với các con, “Con càng gặp trở ngại, nhất là khi con có lỗi, thì Bố sẽ càng cố gắng nhẹ nhàng và bình tĩnh con, nên khi gặp trở ngại gì thì xin cho Bố biết liền, để Bố con mình cùng hợp trí, hợp sức giải quyết vấn đề, và nhờ đó mà các con càng trưởng thành hơn, thông cảm với người yếu đuối hơn, giúp người hoạn nạn được hơn; mà dù có bị nặng tới đâu đi nữa cũng đừng buông tay kết liễu đời mình.” Diễn tả rõ như vậy, mong là con nghe.

Cách bố mẹ đối thoại và cư xử với nhau

Con cái không chỉ nghe những điều bố mẹ nói với mình, mà còn nghe và nhìn cách bố mẹ đối xử với nhau. Con cái dễ học hặc với bố mẹ vì chúng còn bồng bột, thiếu trưởng thành. Đây là điểm thuộc về căn tính nhân chủng học, không liên quan gì mấy đến văn hoá. Nhưng cách giải quyết những xung khắc này hoàn toàn khác nhau trong những văn hoá khác nhau.

Là những người Việt Nam, chúng ta có thể nói được rằng văn hoá Mỹ mắc sai lầm khi ứng dụng lối giải quyết mà nghe thì có vẻ hay nhưng kết quả chưa hẳn đã tốt: đối xử với các em như đối xử với người lớn, để luyện cho các em trưởng thành.²¹ Tôi nghĩ rằng cách huấn luyện có hiệu quả hơn là những người làm bố mẹ phải giáo dục con cái bằng gương sống vợ chồng đối xử với nhau cách trưởng trong tình thương, và tôn trọng nhau trong cách cư xử. Mẫu gương cũng như tổ ấm tình yêu này thành công trong việc nuôi dưỡng và huấn luyện các em.²² Hôn nhân nào cũng có những lúc căng thẳng, và chính lúc đó là lúc con em học được nhiều về cách cư xử trong yêu thương khi gặp khó khăn. Khi bố mẹ lớn tiếng hay cư xử cộc cằn với nhau, mà sau đó biết xin lỗi, làm hoà, thì lại dạy được cho con cách xử sự khi mình có lỗi.

Đại gia đình và cộng đoàn tình thương

²¹ Darlena Cunha, “I’m a die-hard liberal. It ruined my parenting,” *Washington Post*, November 4, 2014.

²² P.R. Amato, “The impact of family formation change on the cognitive, social, and emotional well-being of the next generation,” *Future of Children* 15-2 (2005):75-96.

Không phải chỉ trong gia đình, mà không khí yêu thương và tôn trọng trong đại gia đình và cộng đoàn Việt Nam cũng nuôi dưỡng các em. Vậy đưa các em vào cộng đoàn càng sớm càng tốt, đồng thời nhiệt tình đóng góp vào kho tình thương của cộng đoàn. Chúa ban cho các mối liên hệ giữa người gốc Việt với nhau có một tình thân đậm đà hơn đa số các mối liên hệ giữa người Mỹ hay với người Mỹ. Thí dụ như một em lớn lên trong phong trào Thiếu Nhi Thánh Thể Việt Nam sẽ được hưởng nhiều ảnh hưởng cũng như liên hệ tốt. Khi gặp khó khăn với bố mẹ, em có thể tâm sự với một huynh trưởng hay một bạn tốt trong phong trào. Còn nếu em đã tới tuổi choai choai rồi bố mẹ mới đưa vào phong trào thì chắc lúc đầu khó đáp ứng. Theo thiên ý của tôi, và theo kinh nghiệm của một số bố mẹ, thì nên đặt nặng những mối liên hệ Việt Nam này cho dù phải hy sinh một số cái hay khác. Thí dụ như gần nhà tôi, đi bộ tới được, là một giáo xứ Mỹ giàu mạnh, cơ sở thật đầy đủ, với các thầy cô có bằng cấp cao, một số được trả lương hậu nữa, và đôi khi có cả người Việt dạy bằng tiếng Anh trong một số lớp. Nhưng gia đình tôi chọn lái xe đi xa, tới nhà thờ Việt không đủ chỗ đậu xe, phòng học thiếu tiện nghi, thầy cô không được huấn luyện kỹ như bên kia. Tôi thấy kết quả tốt đẹp: các con lớn lên, làm huynh trưởng, đi dạy giáo lý, trong khi các em cùng lớp trong giáo xứ Mỹ hững hờ và đa số không còn sinh hoạt trong nhà thờ nữa. Một số phụ huynh Việt khác cũng nhận ra điều này, nên kéo các con từ xứ Mỹ và chương trình thuần tiếng Anh qua chương trình song ngữ. Khi kéo giữa đường như vậy, lúc đầu thì đầy nước mắt, nhưng khi thành công rồi thì cả bố mẹ, con cái cùng hài lòng.

Tiếng Việt

Một phần quan trọng trong cái nội văn hoá của gia đình và cộng đoàn Việt Nam là tiếng Việt. Một thí dụ là cách xưng hô. Cái hay của tiếng Anh hay tiếng Hoa là bình đẳng trong ngôn ngữ: I và you, ngô và nị. Còn cái hay của tiếng Việt liên quan trực tiếp đến cái tinh túy của hồn Việt như đã bàn ở trên, đó là tình thương và mối tương quan. Khi em Vi “mời chị Ái vào xoi com,” em diễn tả và nuôi dưỡng một tình thân thương khác hẳn “Ái, come eat.”

Nhiều phụ huynh có thể đã nản chí trong việc khuyến khích con cái nói tiếng Việt, và nghĩ là càng lớn càng khó bắt đầu, nên buông xuôi luôn. Thật ra ngay cả tuổi lớn hơn, dù khó, vẫn học được. Vài năm trước tôi gặp

một em trai đã ngoài 20 tuổi, không biết tí tiếng Việt nào, thế mà chỉ sáu tháng sau là em nói nhuễn, vì em quen một cô bạn gái mới từ Việt Nam qua. Chủ yếu là động lực và cách khuyến khích.

Một cách để khuyến khích con tôi nói tiếng Việt là tôi xử theo văn hoá của ngôn ngữ mà các cháu dùng. Nếu con xin điều gì bằng tiếng Anh, tôi sẽ lý luận, đắn đo, suy nghĩ, không vội quyết định, xem rằng có thể có những nguy hiểm nào, mà một nguy hiểm là không được rồi. Thí dụ như con xin đi chơi khuya thì có nguy hiểm, không được. Còn nếu con xin bằng tiếng Việt thì tôi xử theo tình cảm và mối liên hệ, cùng kiếm cách xem làm sao có thể thực hiện được điều đó, có khi bằng cách góp ý để thay đổi đôi chút theo tinh thần liên hệ. Thí dụ như con đừng khuya quá, đi với bạn nào mà bố biết, và có cách nào liên lạc khi cần thiết, và nếu cần nữa thì bố chở đi và bố đón về dù bố có phải thức khuya hơn.

Một cách khác nữa là sưu tập và chia sẻ với các em cái hay trong tiếng Việt mà không thể dịch ra tiếng Anh được. Thí dụ như lễ hội tình yêu Tiên Dung – Chử Đồng Tử của tỉnh Hưng Yên vào ngày 10 tháng 2 âm lịch. Truyện tình yêu luôn thu hút các em lớn. Thầy Quyên Di đưa ra những ý nghĩa tâm linh của từng chi tiết trong câu chuyện này (cũng như nhiều truyện khác). Thí dụ, Chử Đồng Tử nghèo tới độ không có tên riêng nữa. “Đồng Tử” là một em trai. Em từ làng Chử Xá. Chử là bên nước. Xá là làng. Vậy Chử Đồng Tử là một em trai từ một làng bên bên nước. Thế mà em lại được Tiên đoái hoài tới, rồi cho em làm con rể vua. Chuyện này làm người Công Giáo có thể nghĩ tới việc Đức Giáo Hoàng Phanxicô muốn có Giáo Hội nghèo cho người nghèo. Trong Kinh Thánh thường nhắc đến việc Thiên Chúa luôn bên vực người nghèo, cô thế, bị áp bức. Dùng những từ ngữ và câu chuyện có tính cách văn hoá để dạy con em chúng ta tinh thần Phúc Âm Kitô giáo là điều Giáo Hội luôn khuyến khích, và các nhà thần học gọi là “hội nhập văn hoá.” Việc này được công đồng Vatican II cổ võ nhiều, và rõ ràng nhất là trong hiến chế *Gaudium et Spes* và văn kiện *Nostra Aetate* của Công Đồng.

Còn một số cách khác mà chúng tôi thử nghiệm và thấy có kết quả, đã được trình bày trong cuốn *Mở Cửa Tâm Linh*, xuất bản năm 2013. Đề tài cách dạy tiếng Việt cho các em ở nước ngoài hấp dẫn và cần thiết, nhưng

cần nhiều chuyên viên cộng tác, có thể đưa tới một tập sách riêng, giống như tập sách về gia đình này.

Nhấn nại

Tôi từng thấy một số trường hợp mà ảnh hưởng của bố mẹ chỉ có kết quả sau khi các ngài đã qua đời. Dù ta qua đi, Thiên Chúa vẫn dẫn dắt con cái mình. Vì vậy mình cứ bàn hỏi và cân nhắc việc gì cần làm, rồi kiên trì thực hiện, nhưng để kết quả trong tay Thiên Chúa.

Nhận tình thương từ Thiên Chúa

Sức người có hạn. Ta phải có nguồn tình yêu thì mới tiếp tục yêu thương được, nhất là gặp khi khó khăn trường kỳ. Tình thương vợ chồng và cộng đoàn nâng đỡ chúng ta, nhưng cũng có hạn thôi. “Chỉ trong Chúa linh hồn con an nghỉ,” thánh Augustinô tâm sự. Mỗi người cần nguồn trợ lực đó suốt cuộc đời, nhất là trong lúc khó khăn—vì lỗi mình hay vì hoàn cảnh, vượt qua được hay phải gánh chịu suốt đời. Đời sống cầu nguyện hằng ngày, nhất là qua phút hồi tâm, xét lại bao nhiêu ơn lành Thiên Chúa ban cho ta mỗi ngày, giúp chúng ta bắt đầu từ Thiên Chúa, nhận lãnh từ Thiên Chúa, rồi trao lại tình thương cho nhiệm thể Ngài—nhất là nơi con cái. Phép Thánh Thể và phép Giải Tội cũng giúp ta nhận lãnh tình thương để làm lương thực nuôi cuộc sống tình thương.

Một vài ý cuối

Bài này không có tham vọng lượng giá trọn vẹn nền giáo dục Mỹ hay tóm tắt văn hoá Việt, mà chỉ trưng ra vài khó khăn trong vấn đề nuôi con tại Mỹ, và kết thúc bằng vài gợi ý làm sao tận dụng một vài cái hay Việt trong hoàn cảnh Mỹ. Tôi chỉ là một trong những phụ huynh vật lộn với khó khăn này, và chia sẻ những trăn trở của mình, chứ không dám khuyên nhủ ai. Mong rằng chúng ta cùng hợp sức, lắng nghe tiếng Chúa, xây dựng cộng đoàn tình yêu và thờ phượng, để cả chúng ta và con cái, cộng đoàn cùng được hưởng phần nào hạnh phúc trong Chúa, trên đường về quê trời. Cũng xin cảm ơn người bạn đời của tôi giúp tôi viết bài chia sẻ này, một số bố mẹ chia sẻ kinh nghiệm, một số em tâm sự, và Thầy Quyên Di cũng như Cha Nguyễn Khắc Hy PSS, hướng dẫn.



Giáo sư tiến sĩ Lê Xuân Hy, Ph.D., dạy tâm lý, làm trưởng khoa Công Giáo Học, giám đốc viện phát triển con người (Institute for Human Development) và giữ Gaffney Endowed Chair, tại Seattle University.

CON CÁI : QUÀ TẶNG CỦA THIÊN CHÚA

Phó tế Phêrô Trần Vân

Hàng năm, khi mùa Giáng Sinh về. Phố phường tung bừng tấp nập, người người đua nhau mua sắm, chọn mua những món quà tốt đẹp nhất để tặng cho nhau. Ai cũng đoán xem người mình sắp cho sẽ thích cái gì, món quà nào sẽ làm vui lòng người nhận nhất. Ai cũng mong muốn mình sẽ nhận được những món quà mà mình ao ước. Có một món quà mà chúng ta không có quyền đòi hỏi, và cũng không biết món quà đó sẽ như thế nào, nhưng đó lại là món quà quý giá nhất: Quà Tặng của Thiên Chúa.

Một năm sau ngày cưới, Chúa ban cho chúng tôi món quà đầu tiên. Một đứa con trai. Thật đúng như lòng mong ước, như lời chúc mừng của bạn bè trong ngày cưới: “Đầu năm con trai, cuối năm con gái.” Ông bà nội vui mừng vì đã có cháu đích tôn. Vợ chồng bàn tính đặt tên cho con, đứa con đầu lòng phải chọn một cái tên gì cho có ý nghĩa, sau những ngày bàn bạc kỹ lưỡng, chúng tôi chọn tên cho con là Hợp, để nói lên tâm tình hòa hợp của hai tâm hồn, và tình yêu vợ chồng được kết hợp nơi Thiên Chúa, nhưng vì trong gia đình đã có người tên Hợp. Nên đổi thành tên là Hiệp, tên Hiệp nghe cũng hay hay.

Thằng bé xinh xắn, bụ bẫm, dễ nét, ăn ngủ tối ngày như chó con vậy. Từ đó nó được gọi là Thằng Chó Con. Chó Con càng lớn càng láu lỉnh, khôn ngoan, lại có tài coi nhà rất giỏi, người lạ đến nhà không ai lấy được một thứ gì ra khỏi cửa. Có lần, một bà cô tới chơi, lúc về gĩa bộ cầm cái nón rách của mẹ nó đi ra. Nó trông thấy liền chạy lại giữ tay bà, nó nói: “Đừng, đừng, của mẹ mà”, nhất định không cho bà cầm chiếc nón đi ra, ai cũng bảo nó là: “Thằng chó giữ cửa.” Buồn cười nhất là một hôm nó đang chơi ở ngoài sân, có lẽ mãi chơi nên “xấu” ra quần. Một con chó đánh mùi, từ đâu chạy tới, cắn ngay vào đũng quần nó mà lôi đi sòng sộc, nó vừa khóc vừa kéo co với con chó, miệng thì không ngừng: “Bố sư cha mày, cha sư bố mày.” Nó vừa gào to, vừa khóc nên cả xóm túm lại xem, ai cũng phải cười. Thì ra những

lời văn hoa đó, nó học được từ nơi bà hàng xóm, bà này thường hay mắng chửi các con như vậy.

Cuộc sống trở nên khó khăn hơn sau năm 1975, mọi người phải tham gia lao động. Tôi cũng phải đi làm ruộng rẫy, vợ ở nhà nuôi con và chăn mấy con heo, căn nhà của ông bà nội để lại, nhà đã cũ, mái lại dột. Những ngày mưa là phải đem thau, nôi ra hứng nước, mỗi lần như vậy Thăng Chó thích lắm, vì được chơi nghịch nước. Việc đồng áng làm chưa quen nên nhiều khi chán nản, nhưng niềm an ủi lớn nhất vẫn là Thăng Chó. Mỗi khi về đến nhà là nó chạy ra ôm lấy chân, mừng vui, líu lo đủ chuyện, rồi nhõng nhẽo đòi cấp bé, đi đâu cũng phải cõng nó trên lưng.

Một đêm kia trời mưa tầm tã. Thăng Chó lên cơn sốt, người nóng bừng bừng, run lập cập. Tôi nói nhà tôi lấy thuốc cho con uống, chắc là cả ngày đi chơi trúng mưa bị cảm. Nhưng rồi suốt đêm nó lăn lộn, vật vã không sao ngủ được, thỉnh thoảng lại kêu lên: “Bố ơi lấy thuốc chảm (cảm) uống đi, lấy nước uống đi.” Trong nhà chỉ có một lọ thuốc Aspirin cho người lớn, mỗi lần nó đòi là tôi bẻ một mẩu nhỏ, bỏ vào miệng cho nó uống. Hai vợ chồng thức coi cho đến sáng, rồi vội vàng đưa Thăng Chó vào bệnh viện. Một giờ sau nó tắt thở!

Người ta nói nói bị hạch chuột. Chuột ơi! Mày đem cái chết đến con tao, mày giết con tao. Rồi tôi mua bẫy, tôi thức, tôi canh, giết chuột để trả thù. Như một người điên, tôi trách mình, trách đời, trách Chúa. Như kẻ mất hồn tôi chẳng cần làm việc, tôi lang thang, thơ thẩn, bỏ nhà thờ, bỏ gia đình, bỏ quê hương, bỏ luôn người vợ đáng thương, tìm đường tôi vượt biên.

Được một người quen mách bảo, mấy tháng sau tôi đã lên tàu. Con tàu bé nhỏ, ra khơi trong một đêm bão tố, đêm vọng lễ Phục Sinh. Chúa cho thoát chết! Tám tháng vất vưởng nơi trại tị nạn. Cuối cùng tôi được nhận vào Mỹ, hai ông bà người Mỹ nhận về sống chung với họ. Cô đơn, buồn tủi, mỗi khi ngồi vào bàn ăn tôi khóc, nhớ nhà, nhớ con, nhớ vợ. Tình cờ một hôm, thấy trên tờ báo có hình một đứa bé, nhìn mặt nó sao giống Thăng Chó quá. Tôi cắt ra, dán vào tờ bìa cứng, rồi đem treo trong phòng ngủ, mỗi ngày tôi nói chuyện với con. Sau một thời gian mất liên lạc, bỗng nhiên được tin vợ tôi cũng đã ra đi, và hiện nay đang ở Pháp. Thế rồi sau hơn hai năm xa cách, thật không ngờ còn có ngày đoàn tụ. Gặp lại nhau. Ôi chan hòa nước mắt!

Sau ngày đoàn tụ, Chúa lại ban cho chúng tôi món quà thứ hai, một đứa con trai. Thằng bé thật kháu khỉnh, hai mắt to tròn, đen lánh, trông thật dễ thương. Tôi bắt đầu cảm tạ ơn Ngài sau bao năm than oán. Vợ chồng đặt tên cho nó là Kim Phát, tên một giáo xứ mà bố mẹ chúng tôi là những giáo dân từ vùng Kim Sơn, Phát Diệm di cư vào miền nam. Nơi rừng núi cao nguyên, cuộc sống buổi ban đầu cơ cực, thiếu thốn mọi bề, thương nhớ quê hương, nhớ người thân còn ở lại, hoàn cảnh như nhau, nên mọi người coi nhau như anh em ruột. Chúng tôi, hai đứa trẻ cũng gọi nhau là anh em họ.

Sau một năm chung sống với hai ông bà Mỹ, chúng tôi dọn ra riêng. Ông bà giúp vốn mua cho chiếc trailer, rồi kéo ra đặt trong khu Trailer Park. Trước mặt nhà là một quán ăn xập xệ, mỗi buổi sáng xe rác tới phía sau để lấy rác đi. Thằng bé, khi nghe tiếng xe ầm ì là nó vội chạy ra xem, nhảy mừng thích lắm, vì cả ngày bị nhốt trong cái trailer chật hẹp, mà chung quanh hàng xóm toàn là người lớn, nên xe đổ rác là một “entertainment” hấp dẫn nhất cho nó. Có lần hỏi sau này lớn lên Kim Phát muốn làm gì? Nó trả lời ngay: “Làm xe đổ rác”, từ đó nó được gọi là Thằng Xe Rác. Cuộc sống cũng quen dần, nhưng trong lòng vẫn mang một nỗi băn khoăn: Chẳng lẽ cứ sống mãi trong cái khu trailer tồi tệ này sao? Chẳng lẽ cứ để đứa con chỉ mong lớn lên làm người phu đổ rác? Không thể được. Tôi phải vươn lên, phải có tiền, phải có nhà, phải có xe. Tôi làm hai job, làm cả cuối tuần.

Thế rồi ngày tháng qua mau, tôi miệt mài làm việc kiếm tiền. Vợ chồng chúng tôi không còn trong khu Trailer Park nữa. Thằng Xe Rác cũng lớn khôn lên, nó đã có em, nó đi học, nó có bạn bè, hết tiểu học nó lên trung học, bố con chẳng còn thân mật như xưa, cứ xa dần trong quan hệ. Nó ham bạn bè kệ nó, bố cũng có bạn bè của bố, cuối tuần bố thường hay đi vắng. Thánh lễ Chúa nhật, thường hay đến trễ, nhiều khi chỉ đứng cuối nhà thờ, lễ chưa xong đã vội dắt con ra, dần dần thành thói quen cho cả gia đình. Sau này khi Thằng Xe Rác đã biết lái xe, tự nó đi lễ một mình, thì lễ cuối nhà thờ, lễ ngồi ngoài xe, lễ không có mặt.

Một lần kia, hai vợ chồng sửa soạn để đi chơi Las Vegas, nó đòi ở nhà một mình, viện lý do mười sáu tuổi. Sau một hồi cãi vã, cuối cùng cũng cho nó ở nhà. Tối thứ Sáu, từ Las Vegas gọi về, nó trả lời: “Bố mẹ yên tâm, tối nay con chỉ rủ mấy đứa bạn tới chơi, coi movie thôi.” Tối thứ Bảy lại gọi về, nó cũng trả lời như vậy. Sau mấy ngày vui chơi thoải mái, chúng tôi về tới

nhà chiều hôm Chúa Nhật, thấy trong nhà ngoài sân vẫn sạch sẽ, ngăn nắp còn hơn cả trước lúc ra đi. Vợ chồng thầm khen Thăng Xe Rác! Nhưng đâu có ngờ đến ngày hôm sau. Vừa đi làm về, ông hàng xóm bên cạnh nhà qua hỏi: “Cuối tuần này nhà you có gì mà party dữ thế? Hàng xóm chúng tôi phải gọi police tới dẹp tối hôm thứ Bảy, chúng nó say sưa, đánh nhau âm ỹ.” Tôi nghe xong, chết đứng người, thì ra Thăng Xe Rác đã nói dối, nó đã thu dọn trước khi chúng tôi về.

Sau lần đó, quan hệ bố con trở nên gay gắt. Tôi kiểm soát chặt chẽ, không cho nó đi đâu. Nhưng rồi nó vẫn tìm cách để đi chơi. Có lần gọi về la mắng, nó cãi tay đôi. Tức quá, đang ngồi nơi bàn ăn, trên bàn sẵn có chai pickle, tôi liền chộp lấy, ném ngay vào mặt nó. Nhưng may thay, nó né kịp, chai pickle bay qua cửa sổ, kính vỡ tan tành, mảnh văng tung tóe. Tôi hoảng hồn. Tim tôi thất lại. Tôi chạy tới ôm chầm lấy con rồi khóc. Tôi khóc cho con, tôi khóc cho tôi. Tan vỡ hết rồi!

Từ sau hôm đó nó trở nên lìm lì ít nói, về đến nhà là vào phòng đóng cửa, học hành sa sút hẳn. Ngày ra trường High School với điểm số hai chấm chẵn (GPA 2.0). Nó mừng lắm! Nó nói với mọi người rằng, từ nay nó không còn phải đi học nữa, tôi thất vọng, mẹ nó đau buồn. Nó kiếm việc làm rồi đòi dọn ra riêng, mẹ nó khóc than, đêm ngày cầu nguyện, tìm cách khuyên lơn, tôi hứa thay đổi. Nó không đòi dọn ra nữa, mấy năm sau tự nhiên đi học lại, ban ngày đi làm tối đến trường, chăm chỉ ngoan ra.

Ngày nó ra trường, cả nhà hớn hờ, các bạn nó cũng vui mừng, có đưa lấy sơn bột viết lên kính xe của nó: Congratulations Kim Fat! 10 year degree! Lấy bằng về nó trao cho mẹ, nó nói: “Bằng của mẹ đây.” Mẹ hỏi tại sao? Nó trả lời: “Vì mẹ muốn, con làm cho mẹ.” Rồi nó vẫn tiếp tục làm công việc cũ, bòn đủ tiền down, nó mua một căn nhà nhỏ và xin dọn ra riêng.

Ra ở riêng rồi, nhưng mẹ vẫn thường gọi nó đến ăn cơm. Có lần mẹ hỏi: “Sao con không đổi nghề, con đã ra trường, con đã có bằng, sao không đi tìm job khác.” Nó vẫn trả lời: “Bằng của mẹ mà.” Lúc này tính nết nó đã thay đổi nhiều, thân mật hơn với bố, gần gũi nhiều với mẹ, chơi đùa vui vẻ với các em. Một năm sau nó khoe là có job mới. Mẹ nó ngỡ ngàng, thì ra nó đã nộp đơn và được County phỏng vấn nhưng giấu mẹ. Thăng Xe Rác bây

giờ đã là một công chức nhà nước, đi làm quần áo chỉnh tề veston cà vạt. Mẹ nó vui mừng lắm!

Món quà thứ ba, Chúa ban cho là đứa con gái. Nhìn nó mà buồn! Đầu không có tóc, trán thì vồ, môi lại cong lên, vợ chồng phàn nàn với nhau: “Chán thật, có tí con gái sao mà xấu thế!” Thằng anh Xe Rác gọi nó là em bé, em bé được đặt tên là Liên Khương, giáo xứ Liên Khương. Vì nơi đang ở mất an ninh, nên hai gia đình chúng tôi phải dời đi nơi khác, lần này hai nhà bố mẹ chúng tôi cũng lại ở gần nhau, chỉ cách có một căn. Cô em họ hàng ngày vẫn thường sang chơi với các em tôi.

Thời gian này tôi đã vào quân đội, cuối tuần thỉnh thoảng mới về thăm. Tối hôm ấy, giáo xứ có chiếu xinê, tôi hẹn gặp nàng nơi cuối sân nhà thờ. Dưới một gốc cây, chúng tôi đứng bên nhau. Coi phim Chúa mà tim sao hồi hộp, lấy hết can đảm tôi ghé tai nàng: “Chúng mình không phải là anh em họ.” Nàng sững sờ, đứng im chẳng nói, rồi không biết tự bao giờ, đang lúc coi phim, bàn tay tôi đã nắm lấy tay nàng. Cái nắm tay run run đầu tiên ấy, đã dẫn đến một cuộc tình, một lễ cưới đơn sơ trong ngôi Thánh Đường Liên Khương bé nhỏ này.

Bé Liên, lớn lên, tính tình nhanh nhẹn, ưa nhảy nhót, múa hát suốt ngày, thích môn Gymnastic. Nó nhào lộn, ngã té liên miên, đầu lúc nào cũng sung u mấy cục, nhưng được cái thông minh, học giỏi. Ngay khi còn học Junor High, nó đã được nhà trường cho sang Nhật biểu diễn. Lên High School chơi Basket ball, Tennis, rồi được tuyển vào đội Cheer Leader. Những lần xem con tung lộn lên trời mà chóng mặt. Ngày ra trường High School bé được mang vương miện, được chọn là hoa khôi. Ôi! Lúc này ai cũng khen con bé đẹp và có duyên.

Bé say mê chơi tuyết, năm đó nó đoạt giải nhất môn biểu diễn Snowboard, được đăng hình lên trang đầu của tờ báo mỹ, rồi được lên Catalog thời trang Sport, quảng cáo TV. Được các hãng thể thao tài trợ đi nhiều nơi trong nước Mỹ và cả Âu châu. Các bạn coi nó như thần tượng, còn vợ chồng tôi thì chẳng vui gì, chỉ mong con mình học sao cho giỏi, để sau ra làm bác sĩ, nha sĩ hay dược sĩ, chứ thể thao thì có ra gì. Ngoài ham thích snowboard, bé còn chơi suboard, skydiving, toàn những thứ nguy hiểm. Mẹ

nó rầu rĩ lắm, khuyên nhiều lần không được, gọi nó là Liên Crazy, Liên Khùng!

Vào đại học, nghe lời bố mẹ chọn theo ngành y khoa, được một năm thì chuyển sang thương mại. Sau khi ra trường bé làm việc ngay cho các hãng thể thao, hết vùng biển lại lên miền núi. Thấy bố mẹ chẳng vui, mấy năm sau bé chuyển sang dụng cụ y khoa (surgical). Nhờ trước kia đã học các lớp dự bị ngành y, cộng thêm khiếu ăn nói, bé hội nhập dễ dàng.

Công việc hàng ngày phải tiếp xúc với các bác sĩ, đến các nhà thương, vào trong phòng mổ. Nó không biết sợ, có lần còn gọi điện thoại về hỏi mẹ: Mẹ ơi “Con khéo” nghĩa là gì? Hôm nay trong ca mổ, có một ông bác sĩ Việt Nam nói con như vậy, con không hiểu, thì ông nói con gọi về hỏi mẹ. Nghe xong, mẹ nó cười to trả lời: “Con khéo là con khôn, con không khùng nữa.” Nhưng chỉ một thời gian sau, bé tâm sự với mẹ rằng: Con không thích hợp với không khí ở nhà thương, con thấy các bác sĩ mệt lắm, làm việc nhiều giờ, bị stress, bị gọi bất cứ giờ nào. Con không muốn tiếp tục, thế rồi nó lại quay về với cảnh thiên nhiên, trời xanh, núi tuyết.

Món quà cuối Chúa ban là đứa con trai út. Nó có khuôn mặt “đẹp giai” giống bố đầu vồ, ai cũng nói vậy. Vợ chồng đặt tên cho nó là Michael, với tên đệm là Jones để ghi nhớ lại thời gian ban đầu nơi quê hương thứ hai là đất Mỹ. Ông bà Jones đã coi chúng tôi như là con ruột. Cả ba lần sinh con, hai ông bà đều tới nhà thương ngồi chờ xem mặt cháu, đến ngày xuất viện là hai ông bà dành phần bế cháu về. Sau đó ở lại cả tuần lễ, bà lo săn sóc cho hai mẹ con, ông thì nấu ăn, rửa chén. Ông bà rất thương các cháu, các cháu gọi ông bà là Granpa, Grandma Jones. Có lần ông bà đã cùng chúng tôi và các cháu về thăm quê hương Việt Nam.

Qua kinh nghiệm của hai đứa trước, Michael được để ý hơn các anh chị nó, được học trường Công Giáo ngay từ tiểu học, được vào đội giúp lễ, được tham gia Thiếu Nhi Thánh Thể, được các anh chị lớn “take care” thật là chu đáo. Nó có tính hay làm, không chịu ngồi yên một chỗ, nhất là lo o bé chiếc xe của mẹ. Nào là thay nhớt, rửa xe, hút bụi, lau nhà, đổ rác. Đặc biệt mỗi khi thấy mẹ hơi khó chịu là lấy thuốc bắt mẹ uống, rồi bóp vai, đấm lưng cho mẹ. Đi chợ với mẹ là nó coi label cho mẹ, thứ nào cao mỡ, nhiều đường, nhiều muối thì không cho mẹ mua, ngày nào cũng nhắc mẹ phải

uống nhiều nước. Những lúc thấy mẹ buồn, mẹ ngồi yên một chỗ là nó lại đến chọc phá cho mẹ phải cười. Nhiều lần mẹ nó phải cúi lên, nhưng nó vẫn cứ thích đùa giỡn với mẹ suốt ngày.

Cuộc đời nó đang êm đẹp, khi sắp học xong trung học, nó đi khám mắt để lấy kính, khám xong, ông bác sĩ ra gặp riêng tôi, ông nói: Đôi mắt của Michael có vấn đề, chỉ có một cách duy nhất là phải lấy giác mạc (cornia) của một người hiến (donor) để thay. Tôi không hiểu ông ta nói gì. Quá bất ngờ, tôi chẳng nói được lời nào! Bệnh gì mà quái lạ? Ông ta lẳng lẳng viết cho tôi một dòng chữ trên tờ giấy nhỏ: “Keratoconus.” Chúa ơi sao lại như vậy? Một tương lai nó đang ấp ủ, một giấc mơ được làm Cảnh Sát (CHP), làm lính như bố khi xưa... Tôi không thể tin được lời ông bác sĩ này, tôi phải tìm thêm các bác sĩ khác, nhưng họ đều nói giống nhau, họ cho biết hiện nay chỉ có một loại thử nghiệm (study) duy nhất nhưng chưa được FDA công nhận, và bảo hiểm cũng sẽ không trả tiền. Vợ chồng tôi cũng vẫn làm, dù chỉ là một hy vọng mong manh. Nhưng rồi tiền mất tật mang!

Tội nghiệp cho Michael, các bạn cùng lớp nay đã đi xa, đưa đi đại học, đưa đi làm, đưa vào quân đội. Nó chẳng còn ai, vợ vẫn một mình, tinh thần xuống dốc. Một ngày kia bỗng nhiên nó lên cơn sốt nặng, đưa vào bệnh viện, thử máu, chụp phim. Nó lại bị thêm một bệnh: Valley Fever. Một loại nấm độc (Coccidioidomycosis) bay theo gió bụi. Ôi gió bụi cuộc đời! Cuộc đời con tôi! Hơn một năm nay, vào ra bệnh viện, cho đến hôm nay vẫn còn chuyen thuốc, phản ứng đờn đau, mất ăn, khó ngủ, rụng tóc, xuống cân.

Ở nhà một mình buồn quá, nó xin được nuôi một con chó. Con chó nhỏ màu vàng được nó nhận về từ Animal Shelter, con chó ốm yếu, tả tơi, coi thật thảm thương. Chẳng ai biết tên nó là gì? Gọi tên nào nó cũng cứ ngơ ra trông rất buồn cười. Michael liền đặt tên cho nó là Hair-ral, vì lúc mới đem về lông lá nó lù xù. Bây giờ được Michael săn sóc, tắm rửa, chải chuốt mượt mà, trông cũng dễ thương. Nó còn dạy con Hair-ral biết nghe lời, biết đứng, biết ngồi, làm trò đủ kiểu, hai đứa suốt ngày đùa giỡn, Michael ngồi đâu nó nhảy vào lòng, đi đâu nó cũng chạy theo. Hai đứa cùng chung cảnh ngộ! Mỗi lần nhìn con mà trong lòng xót xa. Thương con, trách Chúa.

Chúa ơi! Thấm thoát đã bốn mươi năm, bốn mươi năm trong đời sống vợ chồng. Chúa đã kếp hợp chúng con bằng tình yêu của Chúa, và Chúa đã

ban cho chúng con những đứa con, là những quà tặng vô giá. Con hết lòng cảm tạ, vì qua những quà tặng đó mà con nhận ra những giá trị, và nét đẹp của từng đứa con, đồng thời con cũng cảm nghiệm những niềm vui hòa lẫn với những đau buồn, con ân hận, con xót xa cho những thiếu sót, sai lầm trong bản phận của con.

Quà tặng đầu tiên: Thằng Chó Con.

- Con cảm nghiệm được niềm vui lớn lao và hạnh phúc thật tuyệt vời khi đứa con còn bé, nó hồn nhiên, đơn sơ, ngây thơ, nó chưa biết phân biệt phải trái, tốt xấu, nhưng chỉ biết hành động theo bản năng, bắt chước làm theo.
- Đứa con đầu lòng là mối dây liên kết mật thiết đầu tiên của chúng con, cũng từ đó mà tình yêu của hai chúng con đã dành hết cho con.
- Qua những âu lo, vất vả, nhọc nhằn, hy sinh chạy vạy nuôi con, đã làm cho vợ chồng con cảm thông và gắn bó với nhau hơn.
- Chúa cho rồi Chúa cất! Con không thể hiểu được, nhưng con tin rằng không gì ngoài thánh ý của Thiên Chúa. Vì Thiên Chúa là Đáng Trọn Lành.

Quà tặng thứ hai: Thằng Xe Rác.

- Nếu con biết dành thời giờ cho Chúa và làm gương sáng cho con, thì con của con bây giờ đâu khô khan bỏ lễ.
- Nếu con biết dành thời giờ để chăm nom, gần gũi, dạy bảo, thì việc học hành của con con có đâu chậm trễ, dở dang.
- Nếu con biết cảm thông và hướng dẫn chứ không nóng nảy, thì đâu có hậu quả con nó oán hờn, xa cách.

Quà tặng thứ ba: Con Liên Khùng.

- Con nhận ra cái khùng đó chính là bản tính tự nhiên, là tài năng riêng biệt của mỗi con người mà Chúa ban cho.
- Con nhận ra con cái của chúng con được hấp thụ một nền văn hóa khác với chúng con, nếu con không chấp nhận sự khác biệt đó thì giữa chúng con và con cái khó có thể sống hòa hợp với nhau.
- Con nhận ra rằng chúng con là cha mẹ, phải có thái độ tôn trọng, khích lệ, cảm thông, nâng đỡ con cái, thì việc hướng dẫn và giáo dục con mới đạt nhiều kết quả.

Quà tặng thứ tư: Michael Jones

- Con cảm nghiệm được tình Chúa thương con qua những con người có lòng nhân ái, những cha mẹ nuôi, những cha mẹ thiêng liêng.
- Con đã biết cảm thông với những đứa trẻ bơ vơ, tật nguyền, đau bệnh và những người cha, người mẹ quên mình vì cuộc đời bất hạnh của con.
- Qua đứa con bệnh tật, con mới biết chạy đến với Chúa nhiều hơn và thêm lòng cậy trông qua lời cầu nguyện.
- Con tin rằng Chúa chẳng bỏ chúng con, Chúa sẽ ban ơn chữa lành trong chương trình nhiệm mầu của Chúa.
- Con xin chấp nhận và xác tín rằng: Chúa yêu thương con cái chúng con, còn hơn chúng con yêu thương chúng.

Con cái là niềm hạnh phúc mà Chúa ban cho chúng ta trong đời sống hôn nhân, vậy mà sao cũng có những cặp vợ chồng không thể có con? Rồi những đứa con sinh ra tật nguyền, bệnh tật thì sao? Chẳng lẽ Chúa lại không thương chúng? Và có những đứa con lớn lên trở nên ngỗ nghịch, khó dạy, sa đoạ thì sao? Trong những hoàn cảnh ấy, là cha mẹ chúng ta ai không tránh khỏi những lo âu, buồn phiền, than trách. Nhưng chúng ta sẽ không tìm ra được câu trả lời cho thỏa đáng, và cũng không thể hiểu nổi với trí khôn hạn hẹp của con người. Nhưng chúng ta phải tin một điều rằng Thiên Chúa chắc chắn thiện hảo, nếu Ngài để bất cứ sự dữ nào xảy ra, chỉ vì Ngài biết rằng từ những sự dữ ấy sẽ có sự tốt lành lớn lao hơn về sau.

Qua những câu chuyện thật về con cái mà tôi mạo muội kể ra với tất cả tấm lòng chân thành, chỉ với một mong ước được chia sẻ những kinh nghiệm đau thương ấy, hy vọng sẽ giúp cho các bậc làm cha mẹ nhận ra được tầm quan trọng, và trách nhiệm cao quý của mình đối với con cái. Để rồi tự xét lại coi:

- Mình đã thật sự yêu quý món quà mà Thiên Chúa đã ban tặng chưa?
- Mình đã nhận ra được giá trị của những món quà đó chưa?
- Mình đã tìm ra một phương hướng nào tốt đẹp nhất trong việc nuôi nấng, dạy dỗ và giáo dục con chưa?

- Và mình đã hứa sẽ làm tất cả những gì có thể, để những “Quà Tặng” này, trở nên những hoa trái tốt đẹp nhất của “Tình Yêu Vợ Chồng” chưa?

Chúng ta hãy cảm tạ Thiên Chúa vì Ngài đã tạo dựng nên con người, và đã ban cho chúng ta những quà tặng quý giá nhất: Đó là con cái.



***Phó Tế Trần Vân**, trước năm 1975 phục vụ Không Quân VNCH, hai lần tu nghiệp tại Hoa Kỳ. FCC License Viễn Thông Liên Bang, hơn 30 năm làm việc cho ngành dầu khí ExxonMobil / Shell. Chịu chức Phó Tế ngày 15 tháng 1 năm 2011. Hiện đang phục vụ Cộng Đoàn Việt Nam tại Giáo Xứ Saint Francis of Assisi, Bakersfield, California. Thuyết trình viên cho Gia Đình Nazareth Giáo Phận Orange và Chương Trình Thăng Tiến Hôn Nhân Gia Đình TGP Los Angeles.*

GIÁO DỤC CON CÁI: CHIA SẺ CẢM NGHIỆM SỐNG

Nguyễn Văn Huệ & Nguyễn Thu Nhi – Sương Mai

Biến cố đổi đời

Ngày 30 tháng 4 năm 1975, Miền Nam rơi vào tay Cộng Sản. Sự kiện này không xảy ra đột ngột, nhưng từ nhiều tháng trước khi mất Miền Nam, đã có nhiều dấu hiệu cho thấy Hoa Kỳ ngưng tiếp viện khí giới cho Việt Nam Cộng Hoà, đồng thời từ từ rút quân về nước. Tin nầy lửa như thế làm sao dân chúng Miền Nam không hoang mang, thất vọng, từ đó nhiều người tự hỏi: “Tại sao Hoa Kỳ bỏ Miền Nam? Quân đội Việt Nam Cộng Hoà giỏi nhất thế giới làm sao thua được!” Vì sợ phải sống dưới chế độ dã man, vô thần của Cộng Sản, nên rất nhiều người tìm đường ra khỏi Việt Nam, bất chấp hiểm nguy, gian khổ, kể cả cái chết.

Những ngày di tản buồn

Gia đình chúng tôi cũng trong tình trạng thoát ly đau đớn như trên, và quyết tâm rời khỏi Việt Nam để thực hiện cuộc ra đi này. Ngày 28 tháng 4 năm 1975, tôi và 5 con nhỏ ra khỏi Việt Nam bằng phi cơ của Toà Đại Sứ Hoa Kỳ. Việc phải đến đã đến : ngày 30 tháng 4 năm 1975, Miền Nam Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản. Ông xã của tôi bị kẹt lại, nhưng vẫn tiếp tục tìm đường đi và ngày 4 tháng 5 năm 1975 đã vượt biên bằng một tàu nhỏ. Thật may mắn, cũng ngày 4 tháng 5 năm 1975, 6 mẹ con chúng tôi được Hoa Kỳ đưa vào Camp Pendleton. Ngày 23 tháng 7 năm 1975, ông xã nhà tôi được đoàn tụ với gia đình tại Camp Pendleton. Cuối cùng, ngày 30 tháng 7 năm 1975, giáo xứ St. Catherine De Siena cử người đón gia đình chúng tôi ra khỏi trại, để chính thức định cư tại Tiểu Bang California, Hoa Kỳ.

Khi chưa ra khỏi Việt Nam, thì lo sợ phải ở với Việt Cộng, con cái mất Đức Tin, sợ khổ. Nhưng khi thoát được Cộng Sản, đến định cư tại Hoa Kỳ, một quốc gia vĩ đại và trôi vượt thế giới về nhiều phương diện, từ văn

hoá, xã hội đến kinh tế, khoa học, mọi sự đều tiến nhanh tiến mạnh. Một quốc gia tuyệt đẹp, đẹp về phong cảnh, đẹp cả về lòng người tin vào Thiên Chúa được thực hiện qua hành động cụ thể là lòng bác ái đón nhận nhiều sắc dân, giúp đỡ tiền bạc, thức ăn, thuốc men cho các nước nghèo, một niềm tin yêu dành cho Thiên Chúa, tôi vui mừng nhìn thấy một hàng chữ tuyệt vời trên các tờ giấy bạc “In God we trust.” Con người được hưởng các thứ tự do: tự do ngôn luận, tôn giáo, di chuyển.v.v...

Tạ ơn Chúa đã đưa gia đình chúng tôi đến định cư tại một nước đứng hàng đầu thế giới về nhiều phương diện. Nhìn lại nước Việt Nam thì quá nhỏ bé, chậm tiến, nghèo khổ.v.v... Như vậy là gia đình chúng tôi được sống trong 2 quốc gia quá chênh lệch nhau. Mặc dầu được sống trong một cường quốc có nhiều ưu điểm nhất thế giới như Hoa Kỳ, nhưng chúng tôi vẫn chỉ coi Hoa Kỳ là quê hương thứ hai mà thôi. Chúng tôi luôn tạ ơn Chúa và xin Ngài ban muôn ơn lành xuống trên nước Hoa Kỳ.

Còn nước Việt Nam, dù nhỏ bé và thấp kém về mọi sự, nhưng vẫn là quê hương thứ nhất của chúng tôi. Chúng tôi vẫn hãnh diện được là người Việt Nam, con rồng cháu tiên, thuộc giòng dõi các thánh anh hùng tử đạo Việt Nam.

Trở lại với nếp sống của Hoa Kỳ, về cơm áo thì không sợ vì sống ở đây không lo đói rét, chỉ cần chịu khó làm việc là có cơm ăn áo mặc, nhưng còn việc giáo dục thì sao? Rất khó, vì ở đây có nhiều mục hấp dẫn, lại được tự do hưởng thụ. Đất nước quá rộng lớn, cha mẹ khó theo dõi được con cái. Khi con còn trong các lớp tiểu học, cha mẹ có thể theo dõi con được 100%, các lớp 9 tới 10, theo dõi con được khoảng 60%, khi con học lớp 11, 12 thì chỉ còn 40%. Nhưng khi con vào đại học, rất khó theo dõi con, không ảnh hưởng được con nữa. Con có tự do lựa chọn cách sống, do đó, có nhiều cha mẹ thất bại trong việc giáo dục con, có cha mẹ có các con học rất giỏi, các con đưa bác sĩ, người luật sư, con khác là giáo sư, và có con lấy bằng Tiến Sĩ v.v...cha mẹ này thành công về sự nghiệp của các con, nhưng tất cả chúng đều mất đức tin và bỏ đạo. Giáo dục thất bại 50% mà 50% này lại rất quan trọng, vì nó đặng tới phần rỗi đời đời. Có những phụ huynh ở vào tình trạng đau khổ hơn. Con không chịu học hành, chỉ lo ăn chơi, cha mẹ vui sao được. Có trường hợp tệ hơn nữa, con bỏ học, bỏ đạo, chơi bời trác táng, mê

tứ đồ tường, trộm cắp, giết người, thất bại về việc giáo dục con về cả đạo và đời.

Ưu tư về việc giáo dục con.

Gia đình chúng tôi, sau khi tìm hiểu nước Hoa Kỳ, nhận thấy việc giáo dục con cái ở đây vô cùng khó khăn. Chúng tôi rất lo sợ và nói với nhau: Làm sao giáo dục con ở Hoa Kỳ này được thành công về đạo và đời đây ? Nhớ lại khi tìm đường ra khỏi Việt Nam cũng khó lắm. Nỗi lo này cũng giống như khi muốn thoát khỏi Việt Nam, một phần tự mình đi tìm kiếm đường đi, một phần chạy đến với Chúa và Đức Mẹ, xin các Ngài tìm giúp. Nhờ các Ngài hướng dẫn, chúng tôi tìm được đường đi. Với kinh nghiệm cứ đến với Chúa và Đức Mẹ, chắc chắn sẽ được như ý. Chính các Ngài đã giúp chúng tôi cách hướng dẫn con. Chúng tôi xin được chia sẻ cùng quý vị với tất cả lòng biết ơn Chúa và Đức Mẹ..

Khi các con bước vào đại học, cha mẹ phải cố gắng mua xe để chúng tự lái xe tới trường. Ngoài giờ học, chúng tự do đi chơi với bạn, đi movie, shopping.v.v... Cha mẹ không thể kiểm soát, theo dõi con được. Vì thế tất cả các bậc phụ huynh đều có những lo lắng giống nhau. Chúng tôi cũng thế, lo cho con đủ thứ, không kể hết được. Nhưng cũng may, vì là người Công Giáo, nên đặt niềm tin vào Chúa và Đức Mẹ, phó thác con cái cho các Ngài chăm sóc, hướng dẫn. Chúng tôi vẫn nói với nhau : “Ở nước Hoa Kỳ rộng lớn này, lại có tự do, bởi vậy cha mẹ bó tay và chỉ biết phó thác và dâng hiến cuộc đời các con cho Chúa. Từ việc phó thác này, Chúa lại cho chúng tôi một ý nghĩ rất tuyệt vời. Đó là:

Giúp các con có Chúa.

Vì chỉ có Chúa là Đấng gần gũi và theo dõi mà thôi. Chúng tôi rất sung sướng và quyết định phải giúp các con có Chúa, vì Thiên Chúa là Đấng thiêng liêng và đầy quyền năng ở đâu cũng có Ngài. Có Chúa là có bình an, niềm vui và thánh thiện. Có tất cả mọi sự tốt lành. Ngài hướng dẫn từng chút, từng bước. Có Chúa quý thân phải tránh xa. Tư tưởng cho các con có Chúa vừa đến trong chúng tôi, thì một câu hỏi nảy ra trong chúng tôi: Giúp các con có Chúa bằng cách nào ? Câu hỏi rất khó, tôi xin ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần. Và có câu trả lời:

Cho các con Đức Tin.

Lại một câu hỏi nữa trong tôi: Lấy Đức Tin ở đâu để cho con? Câu hỏi hắc búa quá ! Xin Chúa Thánh Thần giúp con. Ngài nói trong tôi: Chính cha mẹ phải có Đức Tin và cho con chính Đức Tin của mình. Vâng, đúng vậy, chúng tôi là cha mẹ phải cho các con cái mình có. Nếu tôi không có Đức Tin thì lấy gì cho các con. Thí dụ, tôi là mẹ nói với các con: “Các con ơi! phải đặt trọn niềm tin vào Chúa nhé.” Nhưng chính tôi lại có hành động ngược lại khi tôi xin Chúa ban cho tôi điều này việc kia. Cả tuần không thấy được như lời cầu xin, rồi than van trách Chúa trước mặt các con, tỏ vẻ nghi ngờ Chúa không thương. Những lời trách Chúa, thiếu niềm tin vào Chúa, như vậy là tôi không đặt niềm tin vào Chúa, và tôi không có đức tin để cho các con. Trái lại, tôi đã cho các con sự nghi ngờ Chúa, nếu cứ tiếp tục, chính tôi sẽ làm cho các con mất đức tin vào Thiên Chúa. Đức tin rất cần thiết. Có đức tin chắc chắn có Chúa và có đức tin phần rỗi nắm chắc trong tay. Trong Kinh Thánh, nhiều lần Chúa nói: “Đức Tin đã cứu con” (Lc, 7:50).

Chúng tôi là cha mẹ muốn cho con cái Đức Tin, thì chúng tôi phải cho chúng. Đức Tin như Chúa muốn qua lời thánh Giacôbê: “Đức tin không việc làm là Đức Tin chết” (Jacôbê 2:17). Nhờ ơn Chúa giúp, chúng tôi đã cho các con chúng tôi Đức Tin có việc làm qua biến cố sau đây.

Một lần, tôi cúi xuống giếng múc một ca nước nhỏ khoảng 1kg, nước mấp mé miệng giếng. Nhưng khi vừa đứng lên, thì bên hông trái của tôi rất đau buốt, lúc đó baby trong bụng được 4 tháng, tôi đi nằm nghỉ, hy vọng sẽ hết, nhưng không hết, trái lại đau đón ngày càng gia tăng., đi bác sĩ uống nhiều thứ thuốc cũng không thuyên giảm, đi uống thuốc thầy đông y cũng không hết. Cái đau đón quá sức này kéo dài 1 năm, 2 năm và cứ thế tiếp tục đau. Ai mách ở đâu có thầy giỏi thuốc hay là có tôi. Đau quá ngủ không được, ăn cũng không ngon. Mỗi bữa ăn thật khổ, thí dụ 6 giờ ăn, thì 5 giờ 30 tôi đã phải ngồi vào bàn ăn rồi. Vì khi ngồi vào ghế thì giống như cả mấy ngàn cây kim đâm vào mông trái đau buốt vô cùng, cái đau này người ta gọi là đau thần kinh toạ, nhiều lúc đau quá đi không nổi. Cái đau kinh khủng này kéo dài 15 năm. Khi hết đau, không phải nhờ thuốc hay bác sĩ giỏi, mà chính nhờ cầu nguyện, cả gia đình cầu nguyện. Phó thác và đặt trọn niềm tin vào Chúa và Mẹ.

Để có can đảm vượt qua được thánh giá đau buốt này, tôi phải coi như đây là một cửa lễ dâng lên Thiên Chúa để xin ơn tha thứ cho chính mình,

cho mọi người thân yêu, cho nhân loại và các linh hồn nơi luyện hình. Đặc biệt cầu cho các con ngoan, học giỏi và có đức tin tuyệt đối vào Chúa. Trước khi hết thánh giá đau thì đau lại tăng thêm, tức là từ thần kinh toạ kéo thêm xuống đùi, tới bụng chân, ngón chân. Các con tội nghiệp thay nhau bóp chân cho mẹ. Tôi xin các con cầu nguyện, viết thư về Việt Nam xin cầu nguyện.

Tôi không tiếp tục uống thuốc và đi chữa bệnh nữa. Tôi chấp nhận và đặt trọn niềm tin vào Chúa. Đúng như lời Chúa đã nói với những bệnh nhân được Chúa chữa lành: “Đức tin đã chữa con.” Lời Chúa cũng đã ứng nghiệm với tôi. “Đức tin đã cứu con.” Vâng, tôi đã được chữa lành sau 15 năm vác thánh giá đau đớn, để được phục sinh với Ngài. Các con tôi chứng kiến mẹ chúng đau, nhưng không bao giờ nghe mẹ chúng oán trách Chúa, hay có thái độ, lời nói bất mãn Chúa. Tuyệt đối không. Đó là đức tin tôi cho các con tôi.

Kiểm việc làm cho Đức Tin các con.

Đây là những việc làm giúp đức tin các con sống động.

Người ta thường nói: “Vô tri bất mộ.” Mọi việc trong gia đình, nhất là việc đạo đức, để các con hiểu và dễ chấp nhận, chúng tôi thường giải thích cho các con hiểu lợi ích của mỗi việc, và dạy cho chúng biết làm. Vì thế, mỗi khi đề nghị các con làm việc này việc kia, thì các con rất phấn khởi và thích được làm.

Sinh hoạt hàng ngày.

Sáng thức dậy, mỗi người tự động dâng ngày cho Chúa và Mẹ Maria, để cả ngày thuộc trọn về Chúa và Mẹ, để các Ngài chăm sóc che chở, chúc lành. Sau đó, mỗi người đi làm việc riêng của mình, và ăn điem tâm. Người lớn đi làm, các con đi học. Sau giờ học về nhà nghỉ ngơi, coi TiVi giải trí khoảng 50 phút, rồi đi làm homework. Còn tôi là mẹ lo vào bếp để nấu cơm chiều cho cả nhà ăn lúc 6 giờ. Ăn xong, mọi người xúm lại, mỗi người một tay thu dọn chén đĩa đem ra chậu rửa chén, dọn dẹp lau chùi nhà bếp cho sạch. Cát thức ăn còn dư cho vào tủ lạnh, sau khi mọi người hoàn tất các việc thuộc về nhà bếp rồi, cả nhà giải trí theo ý thích mình muốn. 9 giờ tối, cả nhà quây quần trước bàn thờ để cầu nguyện.

Chương trình cầu nguyện của gia đình :

1/- Làm dấu thánh giá.

- 2/- Hát hoặc đọc kinh Chúa Thánh Thần.
- 3/- Kinh ăn năn tội.
- 4/-Dâng 12 Kinh Kính Mừng kính 12 nhân đức của Đức Mẹ.
- 5/- Đọc một đoạn Kinh Thánh, chia sẻ cảm nghiệm Lời Chúa.
- 6/- Xin lỗi nhau nếu có lời nói, hành động làm cho nhau buồn, cảm ơn đã giúp nhau làm được việc tốt như chỉ dạy nhau làm toán.v.v...
- 7/- Cảm ơn, trông cậy.
- 8/- Hát một bài kính Đức Mẹ.
- 9/- Chúc bình an của Chúa cho nhau, chúc nhau ngủ một đêm bình an.

Sinh hoạt ngày Thứ Bảy

Ngày thứ 7, cả nhà từ bố mẹ và 5 con cùng xúm lại làm các việc trong nhà, ngoài sân, đã được phân chia công việc cho mỗi người rõ ràng rồi. Vì thế, đến giờ làm cứ thế mà thi hành.

Trong nhà 4 mẹ con đàn bà lo các việc: lau nhà, hút bụi, lau bàn ghế, chùi bồn rửa chén, lau chùi bếp. Mẹ nấu cơm, các cô gái xong việc vệ sinh trong nhà thì phụ mẹ nấu ăn. Đây cũng là cơ hội học nấu ăn nơi mẹ.

Ngoài sân, 3 bố con lo cắt cỏ, nhổ cỏ dại, cắt tỉa lá sâu, cành khô bỏ đi, quét lá cây. Thế là có một vườn cây thật đẹp.

Bữa ăn chung thân tình.

Khi tất cả đã hoàn tất các việc trong nhà, ngoài sân, thì mẹ cũng sẵn sàng bữa ăn trưa ngon miệng cho cả nhà. Ba ngồi vào bàn ăn trước nói lớn tiếng: “Các con ơi! Ba đói bụng rồi, các con ngồi vào bàn ăn để thưởng thức tài nấu ăn của má chứ.” Thế là tất cả ngồi vào bàn ăn, vui vẻ ăn ào ào. 30 phút sau đã sạch bách.

Những bữa cơm gia đình, chỉ có 2 ngày cuối tuần là cả nhà được ăn chung, mỗi ngày 2 bữa trưa và chiều, còn những ngày trong tuần chỉ ăn chung một bữa cơm chiều thôi.

Trong các bữa cơm chung với nhau, chúng tôi quý lắm, vì thế tránh không lợi dụng bữa ăn để tỏ khở nhau. Nhưng chúng tôi cố gắng tạo cho nhau những bữa ăn đầy tình Chúa và tình người, thí dụ, mỗi người có những

câu chuyện vui, tếu, kể cho nhau nghe. Tâm lý tuổi trẻ thích nghe kể chuyện, tôi là mẹ tìm những mẩu chuyện vui, hoặc có tính cách giáo dục, lành mạnh.

Sau ăn trưa, các con chơi vui, coi TV, một giờ sau đó đi học bài, làm homework, nếu có. Rồi chuẩn bị cho bữa cơm chiều, bữa chính của gia đình. Sau bữa ăn chính này, cả nhà nghỉ ngơi, rồi cầu nguyện chung trước khi đi ngủ.

Sinh hoạt ngày Chúa Nhật

Chúa Nhật, gia đình chúng tôi ưu tiên đi tham dự thánh lễ. dịp này, chúng tôi giải thích cho các con hiểu giá trị và lợi ích của thánh lễ. Chúng tôi nghĩ, nếu các con không hiểu giá trị của thánh lễ, thì khi dự lễ chúng chỉ dự cho có lệ mà lòng thì không có cảm xúc nào, vì “vô tri bất mộ” mà. Nhưng nếu được hiểu về thánh lễ có giá trị làm vui lòng Chúa Cha, qua thánh lễ, các con tham dự sẽ đón nhận được ơn lành của Thiên Chúa ban, đặc biệt là được tham dự tiệc thánh thể của Chúa Giêsu và được thông hiệp vào việc cứu nhân loại, thì các con phải có của lễ dâng lên Chúa Giêsu, chính Ngài đón nhận của lễ từ các con và biến của lễ đó thành của Ngài và dâng lên Chúa Cha, để xin Chúa Cha tha thứ cho cả nhân loại sa đoạ tội lỗi ngày nay.

Vậy các con lấy của lễ ở đâu để dâng trong thánh lễ hôm nay? Tôi nói, của lễ của các con là các việc hy sinh, hãm mình má đã dạy các con, chuối mân côi, lời cầu nguyện, các việc trong nhà: quét nhà, lau nhà, rửa chén, hút bụi, cắt cỏ, phụ nấu ăn với má. Các con phải biến tất cả thành lễ vật dâng lên Chúa Giêsu, Ngài sẽ nhận của lễ của mỗi con như của lễ của Ngài, và chính Ngài dâng lên Chúa Cha để đền tội cho nhân loại, trong đó có mọi người trong gia đình mình. Nhờ thánh lễ, các tội nhân được ơn tha thứ, các linh hồn trong luyện hình được giải thoát.

Dâng lễ vật của các con vào thời điểm nào trong thánh lễ? Thời điểm thích hợp nhất là khi Linh Mục chủ tế dâng bánh rượu, lúc đó, các con dâng lễ vật của các con lên Chúa để cùng với lễ vật của Linh Mục và cộng đoàn dân Chúa hợp lại và Linh mục dâng lên Thiên Chúa thay chúng ta. Của lễ của mỗi người chúng ta rất nhỏ bé, nhưng nếu các con làm với tình yêu được kết hợp với lễ vật và tình yêu của Chúa Giêsu, thì của lễ nhỏ bé của các con sẽ trở nên vĩ đại, của lễ tầm thường sẽ trở nên phi thường, có giá trị cứu thế

giới. Khi các con tham dự thánh lễ, ngoài lễ vật thường xuyên, nếu các con có được lễ vật sát tế dâng lên trong thánh lễ thì tuyệt vời.

Lễ vật “sát tế” ?

Chắc chắn các con không hiểu “sát tế” là gì. Tôi giải thích: “Sát tế là khi một người nào đó có lời nói, hay hành động làm tổn thương danh dự của các con. Chắc chắn cái tôi, cái tự ái của các con sẽ nổi lên mãnh liệt, rồi cái danh dự hão chổi dậy, làm cho các con bức tức, muốn ăn thua đủ với người ấy. Lúc đó, các con bình tĩnh, lắng đọng tâm hồn, xin Chúa, Đức Mẹ giúp để có đủ sức giết chết đi cái tôi, tự ái, tiêu diệt danh dự hão đi. Thế là các con có của lễ “sát tế” dâng trong thánh lễ. Tuy nhiên, vì con người yếu đuối, có thể vài giờ sau nó lại chổi dậy, không chịu chết, không sao, cứ để nó chổi dậy, nhưng rồi lại cố gắng bắt nó phải chết đi, cũng có thể nó chổi dậy sau một tuần, hai tuần, 1, 2 tháng, thì cứ mỗi lần nó muốn sống lại, thì các con cố gắng càng sớm càng tốt, và cuối cùng nó phải thua các con. Má có nhiều kinh nghiệm về việc tiêu diệt cái tôi, tự ái, má rất thông cảm.

Má thí dụ tượng trưng một lần. Lần đó, má bị 2 người đánh cho một trận chí tử, tức là một người vu khống cho má, còn một người thì tin lời vu khống đó, thế là phân lại xỉ vả la lối um xùm, không cho má cơ hội đính chính, rồi cúp phôn, và giận má lâu lắm. Ngay giây phút má bị vu khống, bị nghe nhiều lời nói xúc phạm, làm cho má rất bức bối, tự ái nổi lên, khiến toàn thân má giống như lên cơn sốt nóng ở độ cao nhất. Nhưng sau khoảng 2 giờ lên cơn sốt nóng “tự ái,” má xin Chúa, Đức Mẹ giúp diệt cái tôi xuống, diệt được cái tôi tự nhiên cảm nhận ngay được sự bình an trong tâm hồn. Nhưng khi đi ngủ, khoảng quá nửa đêm nó lại chổi dậy, làm cho cơn tức giận chổi dậy theo, má vội vàng ấn nó xuống, để có của lễ sát tế. Thế là một tháng sau, 2, 3 tháng kế tiếp, tự ái lại vùng dậy, sau 10, 15 phút má lại sát tế được. Cuối cùng, tự ái nó thua má hoàn toàn. Trong Kinh Thánh, Chúa dạy: “Hãy tha thứ không phải 7 lần, mà phải tha 70 lần 7” (Mt 18:22) và “hãy yêu thương kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em” (Lc 6: 27,28).

Kẻ thù trở thành ân nhân.

Tha thứ cho người làm nhục mình đã khó, Chúa lại muốn mình cầu nguyện cho người ấy. Càng khó! Má cầu xin Chúa giúp để làm được điều Ngài muốn. Má suy nghĩ, và trong đầu má có tư tưởng này: “Đây là của lễ

quí giá, tự nhiên mình không có được để dâng lên Chúa, bây giờ mình có được là nhờ có người sắm cho mình. Như vậy người này là đại ân nhân. Nhờ Chúa ban tư tưởng này làm cho má thật là vui, và má cầu nguyện, thân thưa với Chúa: “Chúa ơi! Đây là của lễ Chúa yêu thích, tự con không có được, nhưng người này đã sắm cho con, nhờ đó mà con có để dâng lên Chúa. Vì thế, họ không còn là kẻ thù của con nữa, mà là đại ân nhân của con. Cầu xin Chúa ban muôn ơn lành hồn xác cho họ.

Một điều phân khởi má chia sẻ với các con: người đó chỉ sắm của lễ quý đó một lần thôi, nhưng Chúa làm phép lạ cho của lễ hoá ra thật nhiều. Vì thỉnh thoảng nghĩ tới việc bị họ vu khống và xỉ vả, thì tự ái lại xung lên, bực bội lại vùng dậy. Má lại cố gắng giết chết cái tôi. Cái tôi của má có dịp chết đi sống lại nhiều lần, nhờ đó má có nhiều của lễ dâng lên Chúa. Qua kinh nghiệm, mỗi khi sát tế cái tôi, giết chết tự ái thì đau đớn vô cùng, nhưng sau đó đem lễ vật sát tế đi đến thánh lễ để dâng lên Chúa thì rất sung sướng. Má thưa với Chúa: “Chúa ơi! Hôm nay, con có của lễ sát tế dâng lên Chúa.”

Nhờ sống thánh lễ mà mọi người trong gia đình không để lòng thù ghét, giận hờn, nhưng luôn có niềm vui và bình an trong tâm hồn.

Gia đình gia nhập Đạo Bình Hồn Nhỏ.

Để đức tin có việc làm nội tâm sâu đậm hơn, chúng tôi thấy cần phải tìm một đoàn thể công giáo tiến hành nào mà cả gia đình cùng gia nhập được. Nhưng tôi nghĩ rất khó, vì mỗi đoàn thể thường dành cho từng giới như: Liên Minh Thánh Tâm dành cho các ông, Hội Các Bà Mẹ Công Giáo dành cho các bà đã có gia đình. Thiếu Nhi Thánh Thể dành cho các em thì các con đã gia nhập rồi. Ba đoàn thể tôi kể trên và nhiều đoàn thể khác thì cũng không thể vào cả gia đình được. Mặc dầu khó, nhưng tôi vẫn cứ mong muốn, hy vọng và đợi chờ.

Cuối cùng, Chúa thương ban cho tìm được một đoàn thể mà cả gia đình cùng tham gia được. Lại rất có chiều sâu, với cái tên thật thu hút: Đạo Bình Hồn Nhỏ Thánh Tâm Nhân Hậu Chúa Giêsu.” Chúa Giêsu đã ban cho đạo bình này một sứ điệp tình yêu, mà tôi đã đọc hết 2 cuốn trước khi gia nhập. Càng đọc tôi càng bị lôi cuốn, nhất là lời Chúa Giêsu: “Đạo Bình Hồn Nhỏ không phải là sản phẩm của loài người, mà là công cuộc cứu độ phát

xuất từ Thánh Tâm Cha. Thánh Tâm đã bị tan nát, luôn xót thương thế gian khốn khổ.” (TĐTYNH ngày 30-12-1972)

Lời tiếp của Chúa Giêsu: “Để chống Đạo Binh Satan, các con hãy lập Đạo Binh Hồn Nhỏ. Con cái Thiên Đàng chống con cái bóng tối. Lửa từ trời chống lửa hoả ngục. Khí giới của các con là Tình Yêu.” (TĐTYNH ngày 10-10-1967)

Lời tiên tri của Thánh Têrêsa Hải Đòng Giêsu: “Sẽ có một đạo binh của những tâm hồn bé nhỏ, hiến mình vì tình thương độ lượng. Đạo Binh này sẽ đông như sao trời, nhiều như cát biển, gây khủng khiếp cho Satan, và giúp Đức Maria đập nát cái đầu của thần kiêu ngạo.” (Thánh Têrêsa thành Lisieux)

Đạo Binh Hồn Nhỏ rất thích hợp với lòng mong ước của chúng tôi, cho nên chúng tôi mau mắn gia nhập.

Cả gia đình chúng tôi sốt sắng tận hiến làm con nhỏ của Chúa vào dịp đại lễ Giáng Sinh năm 1978.

Đời sống nội tâm (=Linh đạo) của Đạo Binh Hồn Nhỏ chính là tinh thần thơ ấu thiêng liêng của Thánh Tiến sĩ Têrêsa Hải Đòng Giêsu, và chúng tôi bắt đầu làm việc tông đồ cho môi trường này.

Cho con kiến thức về nữ công gia chánh.

Về nữ công, các con đã được huấn luyện qua việc giúp má phụ may để gia đình được chi tiêu thoải mái hơn.

Về gia chánh (nấu ăn), các con cũng đã nấu được kha khá các món ăn thường ngày rồi. Đã đến lúc các con cần biết nấu những món ăn ngon và đặc biệt cho việc giao tế với bạn bè, thân hữu, nhất là nấu những món ăn ngon cho ông bà nội, ông bà ngoại, cha mẹ đôi bên, anh chị em ruột thịt, chú bác cô dì, cho những dịp lễ đặc biệt như: Giáng Sinh, Phục Sinh, Tết Nguyên Đán, sinh nhật, kỷ niệm thành hôn.v.v... Vì thế, việc giúp các con biết nấu ăn rất quan trọng, nhất là con gái. Vì trong tương lai, con gái sẽ lập gia đình, trong nhiệm vụ làm vợ làm mẹ rất cần biết nấu ăn. Ngoài việc giao tế, người vợ người mẹ nhờ có kiến thức về nấu ăn sẽ biết thay đổi món ăn để chồng con ăn ngon và không bị chán ngấy. Nếu chỉ có 4,5 món cứ ăn hết ngày này

qua ngày kia, ăn hoài sẽ chán ngán, không muốn ăn nữa, Với tình trạng trên, tôi quyết định sẽ dậy các con 3 món ăn đặc biệt vào Chúa Nhật này.

Sáng Chúa Nhật, sau khi cả nhà vừa tham dự thánh lễ về, cô út hỏi: “Má ơi, hôm nay đi chơi đâu hả má?” Tôi trả lời: “Chúa Nhật trước đã đi shopping rồi. Tuần này, ở nhà nấu ăn, má muốn dậy nấu mấy món ăn thật ngon để cả nhà cùng thưởng thức. Ba và các con đều vui vẻ đồng ý ngay. Các con nhao nhao hỏi: “Má ơi! hôm nay mình ăn món gì? Tôi đáp: “Hôm nay sẽ nấu 3 món đặc biệt. Mấy chị em phấn khởi theo má vào bếp. Má vừa làm vừa chỉ các con từng li từng tí và thực hành ngay. Tất cả 3 món ăn đã hoàn tất và được đặt trên bàn ăn. Ba được mời vào bàn trước, rồi cả nhà cùng quây quần chung quanh bàn ăn. Ba lên tiếng: “Mùi thơm từ các món ăn làm ba đã đói lại đói hơn, chắc ngon lắm đây! Mấy cô con gái được thể: “Ba ơi, chắc là phải ngon vì có các con đóng góp với má. Cả mấy ba con vừa ăn vừa khen ngon quá, ngon hơn ăn tiệm nhiều, lại có nhiều chất bổ, không có bột ngọt. Má nói bột ngọt không tốt cho sức khỏe. Má ơi, tuần sau má dậy chúng con nấu 3 món ăn khác nhé.” Tôi trả lời: “Không, tuần sau má chỉ nấu một món thôi, vì ba má có một chương trình rất đặc biệt cho gia đình mà các con sẽ là vai chính. Vì thế chỉ ăn một món, còn dành giờ cho sinh hoạt đặc biệt. Các con lựa một món: phở bò tái chín, bún riêu, bún thang, bún bò Huế” . Thừa má, chúng con chọn phở ạ. Tôi Thứ Bảy má sẽ dậy các con nấu phở. Sáng Chúa Nhật đi lễ về, ăn sáng chút chút, rồi đi vào sinh hoạt. Sau sinh hoạt, cả nhà ăn phở. Mấy con tò mò hỏi: “Ba má ơi, sinh hoạt gì làm chúng con hồi hộp quá ! Chúng con biết trước được không? Tôi đáp: “Được chứ. Bây giờ ba má cho các con biết trước để các con chuẩn bị.”

Chúa Nhật tuần sau có cuộc họp mặt để rút ưu khuyết điểm về ba má. Các con tỏ vẻ ngạc nhiên vì chưa bao giờ xảy ra. Các con ngạc nhiên lắm phải không?! Vì bình thường chỉ cha mẹ rút ưu khuyết điểm con cái, chứ không có việc con cái rút ưu khuyết điểm cha mẹ. Lần này, ba má làm một cuộc cách mạng: ba má cho các con được nhận xét về ba má. Chúa Nhật tuần sau đi lễ về, các con ăn sáng một chút, sau đó ba má và các con ra phòng khách, ba má và các con rút ưu khuyết điểm cho nhau, các con sẽ được nhận xét cái hay cái dở của ba má. Sau đó, ba má nhận xét về cái hay cái dở của các con. Các con có một tuần để suy nghĩ, nhớ lại ba má đã làm những gì tốt đẹp, những gì không tốt đẹp, nói và làm gì cho các con khó

chịu, bất mãn. Sau nhận xét của các con về ba má, điều gì ba má sai làm các con buồn, ba má sẽ ghi nhận và sửa, kế tiếp ba má sẽ nhận xét về các con, về cái hay cái dở.

Tôi để ý theo dõi các con, lúc nào rảnh rỗi là lại thấy 5 cái đầu chúi vào nhau, rì rầm, tôi nghĩ: “Chắc mấy đứa đang tìm khuyết điểm của ba má, rồi đem ra tố khổ đây.” Thấm thoát đã qua một tuần và ngày họp mặt đã tới. Đi dâng thánh lễ về, ăn qua loa, rồi tất cả ra phòng khách. Để bắt đầu, ba đề nghị mọi người đứng lên và làm dấu thánh giá, đọc kinh Lậy Cha. Má dâng lời nguyện tự phát. Sau lời nguyện, mọi người ngồi. Ba đề nghị: “Đề lên tinh thần, chúng ta nói điểm hay trước, rồi khuyết điểm sau. Ba má mời các con cứ tự nhiên nhận xét về ba má.”

Các con nhận xét về ba má.

Mở đầu, mấy cô cậu khen ba má tối đa. Sau đó, chúng nhận xét về khuyết điểm cũng rất mạnh. Lần lượt từ cô lớn nhất dần dần đi xuống tới cô út. Chúng thi nhau đả kích, lên án ba má, nào là ba độc tài, độc đoán. Má ý quyền làm mẹ, bắt các con phải theo ý má.v.v...chúng kể đủ thứ, vừa khóc vừa tố khổ ba má nhiều điều khiến các con phải đau buồn và bất mãn. Chúng tôi cứ ngồi yên nghe các con kể tội.

Ba má nhận xét về phê phán của các con.

Chúng tôi nói: “Trước hết, ba má cảm ơn các con đã can đảm nói ra tất cả những gì u uất từ sâu thẳm của tâm hồn. Có điều ba má làm sai khiến các con buồn, bây giờ các con nói ra ba má mới biết, và nhận thấy ba má làm sai thật. Ba má xin lỗi các con nhé, xin các con tha cho ba má. Ba má hứa sẽ không để xảy ra nữa.” Còn một số lỗi chúng kể ra không đúng sự thật, có sự hiểu lầm. Nhân cơ hội này, chúng tôi kiên nhẫn giải thích cặn kẽ cho tới khi chúng hiểu rõ mới thôi. Khi hiểu thấu đáo rồi, chúng tỏ ra ân hận và xin lỗi cha mẹ. Tạ ơn Chúa. Chúng tôi cảm ơn các con.

Ba má nhận xét về các con.

Tôi nói: “Các con ơi, bây giờ đến lượt ba má nhận xét về các con. Trong việc nhận xét này, ba má không chủ tâm kể tội, lên án các con. Mục đích chỉ để ba má và các con hiểu nhau, thông cảm và thương nhau hơn. Một phần muốn giúp các con đã tốt thì tốt hơn, đã ngoan thì ngoan hơn. Ba má

lúc nào cũng là ba má yêu quý của các con, chứ không phải là quan toà kết tội các con. Bây giờ ba má nhận xét về các con với tất cả tình thương nhé.”

Chúng tôi rất ôn tồn, nhẹ nhàng rút ưu khuyết điểm về các con. Chúng ngồi yên lặng và chăm chú nghe bố mẹ nhận xét. Quan sát, chúng tôi nhận thấy tai nghe, nhưng cặp mắt thì lăm lét nhìn ba má, nhiều lúc nhìn nhau. Vợ chồng chúng tôi thay phiên nhau nói. Mỗi người nói mấy điều, rồi nhường lời cho người kia nói tiếp cho tới khi không còn gì để nói nữa.

Tôi là mẹ nói với các con: “Tất cả những gì ba má muốn nói thì ba má đã nói ra hết rồi. Vậy, điều gì ba má nhận xét không đúng, thì các con cứ việc đính chính để ba má hiểu các con không có lỗi đó. Ba má sẵn sàng nghe những lời giải thích của các con.

Các con nhận xét về phê phán của ba má.

Một đứa con lên tiếng: “Thưa ba má, nghe ba má nói lên những sai lỗi của chúng con, chúng con thấy rất đúng, chúng con không ngờ đã có những thái độ, lời nói và hành động làm buồn lòng ba má. Chúng con thành thực xin lỗi ba má. Chúng con hứa sẽ chữa từ từ và cố gắng làm ba má vui. Có một điểm má hiểu lầm, chúng con xin đính chính...”

Một đứa khác có ý kiến: “Thưa ba má, nhờ việc rút ưu khuyết điểm hôm nay, chúng con nhận ra tình thương dạt dào ba má dành cho chúng con. Ba má hy sinh thật nhiều cho chúng con mà chúng con không để ý. Kể từ nay, chúng con nhất định phải là con ngoan, hiếu thảo của ba má.”

Kết thúc, cả nhà đứng lên, với lòng tri ân Thiên Chúa, cùng lớn tiếng đọc chung Kinh Sáng Danh, rồi ăn phở.

Hãm mình, hy sinh để cầu nguyện.

Cũng có những câu chuyện giúp cho lòng đạo đức gia tăng như : muốn các con biết và thích làm việc hãm mình, thì tôi kể chuyện của thánh tiến sĩ Têrêsa Hải Đồng Giêsu, rồi khuyến khích các con và tạo cơ hội cho các con hãm mình để dâng lên Chúa và Mẹ Maria, cầu các linh hồn trong luyện hình, cho người tội lỗi. Đây là điều mọi Kitô hữu nên làm, các việc hãm mình cũng có thể cầu nguyện cho mình, cho gia đình, hay cho công tác nào đó mình đang chuẩn bị thực hiện.v.v...

Muốn giúp các con có việc hãm mình, chúng tôi tìm việc cho chúng. Thí dụ, trong bữa ăn, món nào ngon thì ít phút sau đã hết rồi, mà thường thì cha mẹ nhường cho các con ăn, nhưng món ăn nào các con không thích thì cha mẹ phải ăn thay 5 con, vì thế 2 người thay cho 5 cũng lâu hết lắm, do đó, 2, 3 bữa rồi mà vẫn còn. Để món ăn mau hết, chúng tôi phải thánh hoá món ăn ế ẩm kia bằng cách kêu gọi các con hỗ trợ.

Tôi còn nhớ bữa cơm hôm đó có một món ăn các con không thích, vì thế cứ mỗi bữa ăn đem ra, bố mẹ ăn được tí nào thì ăn, còn lại đem vô tủ lạnh, mà bỏ thì sợ phí của Chúa có tội. Hôm đó, vì vừa kể chuyện về chị thánh Têrêsa trong câu chuyện này, tôi nhấn mạnh tới việc hy sinh hãm mình của chị thánh, nhờ đó cứu được nhiều linh hồn. Các con có vẻ thích, bữa cơm tối hôm đó, tôi hỏi các con : “Trong bữa cơm này, các con có muốn cứu các linh hồn không ?” Tất cả giơ tay: “Dạ có ạ.” Tôi chỉ vào món ăn các con không thích: “Các con hãm mình ăn một miếng xin Chúa cứu một linh hồn, muốn cứu 5 linh hồn thì ăn 5 miếng.” Thế là thi nhau ăn, chỉ ít phút sau là hết, và hết trước các món ăn khác.

Mùa lạnh ở Mỹ này, mọi người đều dùng nước ấm để xúc miệng, rửa mặt, tắm. Tôi xin các con, thay vì rửa mặt, xúc miệng bằng nước ấm, thì hãm mình dùng nước lạnh. Còn tắm thì không nên tắm nước lạnh, nguy hiểm. Muốn uống nước coca, thì hãm mình uống nước thường. Những việc nhẹ nhàng ngay trong tầm tay ai cũng có thể làm được, miễn là có người chỉ dẫn. Muốn các con ham thích lần chuỗi Mân Côi, tôi kể cho các con nghe về việc Đức Mẹ hiện ra ở Fatima ban 3 mệnh lệnh: “Ăn năn đền tội, Tôn sùng Trái Tim Mẹ, Lần hạt Mân Côi.” Giải thích cho các con từng mệnh lệnh. Chúng tôi đã dạy các con lần hạt Mân Côi từ khi chúng còn nhỏ, mới học lớp mẫu giáo, cho nên chúng tập được thói quen lần chuỗi hàng ngày khi lên tới Trung học và Đại học.

Chủ động giờ cầu nguyện.

Còn việc làm này rất quan trọng tôi cần phải giúp các con. Bình thường thì bố mẹ điều khiển các buổi đọc kinh tối, các con đọc theo. Hôm đó, được Chúa soi sáng, tôi nghĩ bây giờ cứ bố mẹ thay nhau điều khiển các buổi cầu nguyện trong gia đình. Ít năm nữa, các con vô đại học ở xa nhà, hoặc sau này các con lập gia đình, trong 2 trường hợp này không có ba má

điều khiển đọc kinh, thì các con sẽ làm gì, chúng sẽ đọc kinh hay bỏ đọc kinh. Chắc chúng dám bỏ vì chưa biết điều khiển nên ngại và bỏ luôn thì sao.

Từ tư tưởng tiêu cực trên, tôi quyết tâm phải tập cho các con chủ động trong việc cầu nguyện của gia đình. Tối hôm đó, khi các con đã sẵn sàng tham dự buổi cầu nguyện với bố mẹ, chúng tôi nói : “Từ trước tới giờ, thường là ba má điều khiển cầu nguyện, ba má muốn các con cũng phải chủ động trong việc cầu nguyện. Ba má muốn mỗi con phải chủ động việc cầu nguyện trong gia đình mình chứ không phải là ba má nữa. Vậy, hôm nay các con phải để ý má điều khiển cầu nguyện đọc kinh một tuần liền. Sau một tuần, tôi chỉ vào người con lớn: “Con theo dõi mà làm một tuần sau đó con làm một tuần, tuần kế tới em con. Chúng tôi có 5 con, thì chỉ có 4 tuần là 4 đứa điều khiển giờ kinh tối rất ngon lành, trừ đứa con út còn nhỏ chưa làm được. Từ đó, chúng tôi không còn làm chủ buổi cầu nguyện chung của gia đình nữa, mà chính các con lần lượt chủ động.

Một việc vô cùng quan trọng chúng tôi không lơ là mà phải đặt lên hàng đầu, đó là cho các con đi học giáo lý để xưng tội lần đầu và chịu phép thêm sức. Để các con có tinh thần tông đồ, ưa thích giúp người kém may mắn, chúng tôi cho các con đi Thiếu Nhi Thánh Thể, Hướng đạo. Những đoàn thể tốt này giúp các con có đời sống tâm linh tốt và tinh thần thiện nguyện giúp đời, giúp người rất nhiệt thành. Đó là kết quả của Đức Tin có việc làm. Với kinh nghiệm hướng dẫn các con có đức tin bằng việc làm, thì cùng một lúc các con có thêm 2 nhân đức cần thiết, đó là Đức Cây và Đức Mến. Đây là 3 nhân đức vô cùng quan trọng, làm nền tảng cho đời sống đạo. Tuy nhiên Đức Tin phải đứng hàng đầu. Như đã nói ở trên, muốn có Chúa thì phải giúp con có Đức Tin vì Đức Tin giúp các con gần Chúa và phó thác trọn vẹn trong tay Chúa và Đức Mẹ. Đức Cây giúp các con tìm ra ánh sáng trong khi tâm trí đang ở trong bóng đêm tăm tối, trong buồn nản và thất vọng. Đức Mến giúp các con yêu Chúa và yêu người.

Nhờ giúp các con có đức tin bằng việc làm mà các con yêu Chúa, nhưng yêu Chúa không phải chỉ qua môi miệng, mà phải bằng việc làm, việc đầu tiên cho con là chúng tôi phải tạo cho các con có việc làm bằng chính gương sáng về Đức Ái của chúng tôi. Sống tại đất Hoa Kỳ này vốn vẹn chỉ có 2 vợ chồng chúng tôi và 5 con.

Còn tất cả 2 bên gia đình đều kẹt lại Việt Nam. Tổng số người ruột thịt gần 100, tất cả ở trong hoàn cảnh thiếu ăn thiếu mặc, chúng tôi không thể làm ngơ được. Mỗi khi nhận được thư bên nhà xin giúp đỡ, thì cũng chỉ gửi được một chút thôi. Vì khi sang Hoa Kỳ, 5 người con của chúng tôi còn nhỏ, không để chúng ở nhà mà không có người lớn. Vì thế, chỉ một người đi làm, mà một đi làm nuôi 7 miệng ăn thì không thể đủ được. Tôi là mẹ ở nhà trông các con và nhận hàng may về nhà làm để vừa trông các con vừa làm phụ với ông xã mới đủ ăn.

Cũng may mắn hàng năm có 3 thời điểm có nhiều hàng may, đó là :

-Trọn tháng 12 dịp lễ Giáng Sinh.

-Một tháng dịp lễ Phục Sinh.

-2 tháng mùa hè.

Những dịp này, để có thể giúp 2 bên gia đình tại Việt Nam được nhiều hơn, tôi phải làm mỗi ngày 16 giờ. Vào mùa hè, tất cả các con đều phải phụ giúp may. Còn những tháng đi học thì chúng không phải giúp mẹ, tôi ưu tiên cho chúng học.

Trình diễn văn nghệ tại chỗ.

Riêng 2 tháng hè, nhờ các con phụ giúp, tôi cảm thấy rất vui và hạnh phúc, vì có nhiều ngày được gần gũi các con trọn vẹn. Quan sát thấy các con phấn khởi giúp mẹ, mỗi đứa một việc theo khả năng, các con vừa làm vừa hát, đôi khi kể chuyện vui. Tối bố về kể chuyện tếu cho cả nhà cười ra nước mắt. Hai tháng hè biến garage thành sân khấu rất linh động, hấp dẫn. Cả nhà ai cũng thích thú, tôi cảm thấy hạnh phúc tràn ngập. Nhờ cả nhà chịu khó làm việc, tiền vào khá hơn, việc chi tiêu trong gia đình được thoải mái hơn. Sau kỳ hè, chúng tôi có khả năng giúp đỡ những người thân yêu ở Việt Nam. Mỗi gia đình một thùng quà và tiền. Các con thì được thưởng cho đi chơi Disney Land, Sea World, hoặc đi mua sắm quần áo, giày, và các thứ cần thiết để chuẩn bị cho niên học mới. Chúng tôi vẫn dạy các con : “Các con ơi ! Chúa dạy các con phải thương yêu, kính trọng và hiếu thảo với ông bà, cha mẹ. Anh chị em phải thương yêu nhau, đùm bọc nhau. Sau này, con nào làm khá tiền thì phải giúp đỡ anh hay chị nghèo hơn.”

Việc giúp các con biết phụ mẹ làm may rất ích lợi, chúng có làm mới ý thức được sự lao động cực khổ của cha mẹ, nhờ đó biết yêu thương, thông cảm và giúp đỡ những người kém may mắn.

Sau khi gửi quà về giúp cho người nhà ở Việt Nam, tôi nói với các con: **“Đức ái phải lan rộng tới mọi người.”**

Bác ái không phải chỉ thực hiện cho người trong gia đình, mà còn phải lan rộng tới bạn bè thân hữu. Nếu họ cần các con yểm trợ, như tài chánh, công việc làm, nhờ đưa đi bác sĩ, hay tới nhà thờ tham dự Thánh Lễ Chúa Nhật.v.v...vì họ không có phương tiện. Những trường hợp trên các con không nên làm ngơ, nhưng hãy mau mắn tiếp tay theo khả năng của các con.

Nói tới những người đói khổ trên thế giới, thì nước nào cũng có, trong đó có Việt Nam chúng ta. Nhiều người túng thiếu cùng cực, nhất là Phi Châu. Ngay cả Hoa Kỳ này được tiếng là có lòng bác ái và làm bác ái nhiều nhất, nhưng cũng có nhiều người thiếu ăn thiếu mặc. Các con đừng quên những người xấu số này.

Đức ái ở nhiều khía cạnh.

Thay vì nói hành, nói xấu, vu oan, giá hoạ, làm mất danh dự người này người kia là tội lỗi đức ái rất nặng, thì các con không nên làm, nhưng hãy thực thi đức ái bằng nói tốt, nghĩ tốt và làm tốt cho mọi người.

-Cầu nguyện cho người gặp hoạn nạn, người bệnh, người gặp đau khổ...

-Cầu nguyện cho người tội lỗi trở lại với Chúa.

-Cầu nguyện, lần chuỗi Mân Côi và xin lễ cho các linh hồn trong luyện hình, những linh hồn này không còn dịp để lập công đền tội. Chỉ còn việc đền tội trong luyện hình cho tới khi hết mọi tì ố. Họ cần chúng ta đền thay để mau chóng được tinh tuyền hầu bước vào quê trời hưởng hạnh phúc tuyệt vời, bất diệt.

Má lưu ý các con điều quan trọng này: tội nói hành nói xấu, vu khống, xuyên tạc, làm mất danh dự người ta khó đền lắm. Để hết tội này, các con phải làm 3 việc cần thiết sau đây :

-Xin lỗi người mình làm mất danh dự.

-Đi xưng tội.

-Lấy lại tiếng tốt cho họ.

Giúp các con có bạn tốt.

Giúp các con có bạn tốt cũng là giúp các con có Chúa. Sống trên đời này, ai cũng cần có bạn để chia vui sẻ buồn, thông cảm, ủi an, bạn có lòng đạo đức sẽ giúp gần Chúa, trong số 5, 7 bạn tốt, chắc chắn sẽ có một người trở thành tri kỷ. Người bạn này với mình rất tâm đầu ý hợp về nhiều khía cạnh. Trong cuộc sống đôi khi gặp thất bại về việc làm ăn, gia đình vợ chồng bất hoà căng thẳng, tinh thần đi xuống, chán nản, thất vọng, muốn buông xuôi tất cả. Nhưng có bạn “tri kỷ” tới chia sẻ, thông cảm và trao tặng những lời an ủi, khích lệ, nhờ đó mọi đau đớn, chán nản, thất vọng sẽ tan biến rất nhanh. Có người thành công trên trường đời nhờ bạn. Vì vậy, các cụ có câu: “Học thầy không tày học bạn.”

Nếu các con có bạn xấu, ít nhiều sẽ bị ảnh hưởng, bị lây tính hư tật xấu của bạn. Nhiều người chúng ta đã chứng kiến họ là người tốt, chăm chỉ làm ăn, rất ngoan, nhưng sau này vì chơi với mấy bạn ăn nhậu, nên người này cũng bị nhiễm vi trùng ăn nhậu rất nhanh, làm cho vợ con bất mãn, buồn rầu, nhất là mỗi khi đi ăn nhậu về tới nhà, say sưa, ăn nói lảm nhảm, đi đứng khập khiễng như người điên, rồi ói mửa đầy nhà, vợ con phải lau dọn. Tuổi trẻ còn đi học mà gặp bạn xấu, mê chơi, sớm muộn sẽ bị rủ rê bỏ học đi chơi theo bạn. Như vậy, việc học sẽ đi xuống, đang điểm A thành C và cả F nữa.

Bạn yếu đức tin hay vô thần rất dễ làm cho các con bị lung lay đức tin. Con người nhân vô thập toàn, bởi vậy chắc chắn có những khuyết điểm, những sai trái có thể từ chính cha mẹ của mình, cũng có thể từ các đảng bậc trong giáo hội có những sai quấy, bạn đức tin nửa vời hay bạn vô thần sẽ sẽ nhân cơ hội đó có lời nói tiêu cực làm cho đức tin các con bị chao đảo, rồi có thành kiến không đẹp với giáo hội.v.v...

Giúp các con chọn bạn đời tốt.

Các con thương, nếu các con muốn chọn được bạn đời tốt, các con nên thực hiện những điều sau đây :

1/- Cầu nguyện xin Chúa và Đức Mẹ giúp tìm được người bạn tốt.

2/- Chính các con phải là người tốt.

3/- Về ngoại hình (sắc đẹp), tùy ý thích của mỗi người, ba má không có ý kiến, ít nhất là trung bình.

4/- Tính tình cởi mở, dễ chịu, điềm đạm, ăn nói lịch sự ôn tồn.

5/- Sở thích, tập quán, quan niệm ...phải hợp với mình thì mới tâm đầu ý hợp được, nếu khác biệt chút ít thì cũng tạm được, rồi từ từ giúp nhau hoà hợp. Còn nếu quá khác biệt thì không thể hạnh phúc được, tối ngày gây nhau, sớm muộn cũng xa nhau, phải chấm dứt sớm.

6/- Trình độ học vấn và việc làm: nếu đàn ông thì 2 vấn đề này cần lắm, vì là trưởng gia đình nắm vai chính, học lực bằng hay hơn thì tránh được mặc cảm. Tuy nhiên, vấn đề này cũng không nên đặt quá nặng.

7/- Lòng đạo sâu sắc rất cần thiết, sẽ giúp vượt qua nhiều khó khăn.

8/- Sức khoẻ dồi dào sẽ góp phần vào việc xây dựng hạnh phúc. Để ý gốc gác dòng họ xem có ai bệnh truyền nhiễm không, nếu có, thì phải tìm cách giãn ra.

9/- Liên hệ họ hàng: cũng rất quan trọng. Nếu có tiếng đạo đức hiền lành, thì cảm ơn Chúa và cứ việc tiến tới.

10/- Quan niệm nghiêm chỉnh về việc chọn vợ kén chồng: không nên lấy cho có. Thật nguy hiểm!

11/- Sau khi suy nghĩ, cầu nguyện và quyết định tiến đến hôn nhân, các con phải trung thành sống trọn ơn gọi hôn nhân cho tới cùng.

12/- Sau khi cưới rồi, nếu bạn đời gặp rủi ro, sức khoẻ không bình thường, các con vẫn phải chấp nhận thực tế, và chăm sóc với tất cả tình yêu thông cảm.

Từ từ hội nhập vào Hoa Kỳ

Thời gian đi quá nhanh, mới ngày nào gia đình xuất trại Camp Pendleton để thực sự hội nhập vào nước Hoa Kỳ cũng là thời điểm gần niên học mới. Các con chúng tôi phải chuẩn bị ngay cho kịp. Ngày đầu tiên các con chúng tôi tới trường với vốn liếng Anh Ngữ còn yếu kém. Nhưng, nhờ ơn Chúa ban cho trí khôn thông minh, chúng chăm chỉ học hành, cố gắng hết sức, lại có bố giúp kèm học. Cho nên chỉ mấy tháng sau là chúng theo kịp các bạn học. Ra trường Junior High School và High School, chúng đều được

xếp vào loại học sinh xuất sắc, nhờ đó chúng dễ dàng được nhận vào trường đại học UCI một trường gần nhà, chúng có thể sáng đi chiều về được, rất tiện lợi

Đưa con đầu tiên bước vào đại học UCI là con gái lớn nhất của chúng tôi. Rất may mắn khi cháu vào UCI, thì các Linh Mục Dòng Tên cũng bắt đầu mở Khoá Linh Thao cho giới trẻ. Cháu được chúng tôi khuyến khích tham dự Khoá Linh Thao một cuối tuần. Sau khoá về, cháu và mấy bạn thành lập một nhóm để sinh hoạt. Nhóm thành lập được 7 sinh viên với tên dễ thương “Nhóm Hạt Cải.” Mỗi tuần họp nhóm một lần vào buổi tối. Các nhóm viên ngồi lại với nhau, cùng cầu nguyện, đọc và chia sẻ Lời Chúa. Dần dần, con số lên tới 48 sinh viên. Nhóm Hạt Cải này được nối kết từ người trước tới người sau, cho đến bây giờ vẫn sống và sống mạnh.

Sau này, những con còn lại của chúng tôi cũng lên đại học UCI, thì cũng đi khoá Linh Thao và vào Nhóm Hạt Cải.

Như chúng tôi đã chia sẻ, việc giáo dục con cái là quan tâm lớn nhất, nhưng nhiều khi chúng ta cũng chỉ biết nương tựa vào Thiên Chúa và nhận ra sự hạn chế của mình. Việc con cái thành công, dĩ nhiên là niềm vui vô hạn của cha mẹ, nhưng không luôn là “thành quả do tay mình tạo nên” mà quả là hoàn toàn “hồng ân Thiên Chúa.”

Chúng tôi tin rằng tình yêu chân thành, lòng chung thủy và sự quan tâm chúng tôi dành cho nhau là món quà quý báu nhất chúng tôi dành cho con cái, bên cạnh tình yêu tự nhiên của mọi cha mẹ dành cho con mình.

Chính quà tặng này có thể là động cơ thúc đẩy các con chúng tôi phấn khởi học hành để đạt kết quả mỹ mãn. Với cố gắng, con cái chúng tôi có thể được xem là thành công ngoài xã hội, như có sự nghiệp vững vàng, cuộc sống ổn định v.v... Nhưng là những người làm cha mẹ, đó chưa phải là niềm vui lớn lao, mặc dù những người cha mẹ như chúng ta không bao giờ muốn thấy con cái sống trong thiếu thốn.

Nhưng niềm vui và an ủi nhất là khi con cái sống đức tin sau khi đã trưởng thành, và dần thân làm việc tông đồ khi có điều kiện. Không gì vui hơn khi gia đình chúng tôi thấy được cả 3 thế hệ đang cùng làm việc tông đồ trong giáo xứ. Tạ ơn Chúa vô cùng.

*Hồng ân Thiên Chúa bao la
Muôn đời con sẽ ngợi ca ơn Người.*



Nguyễn Thu Nhi nhiệt thành sinh hoạt Công Giáo Tiến Hành từ khi còn niên thiếu; Hội Trưởng điều hành Đoàn Con Đức Mẹ tại giáo xứ Thăng Long, Saigon, trước 1975, hướng dẫn giáo lý cho các em xưng tội lần đầu và giáo lý tân tòng nhiều năm, trước khi lập gia đình. Tại Hoa Kỳ, vẫn tiếp tục hướng dẫn giáo lý tân tòng cho đến nay. Góp bài với bút hiệu **Sương Mai** cho tiết mục Mái Ấm Gia Đình trên Nguyệt San Trái Tim Đức Mẹ suốt 8 năm. Cùng với phu quân là **Nguyễn Văn Nhuệ**, đồng Giảng viên lớp Dự Bị Hôn Nhân gần 30 năm tại Giáo Phận Orange. Cặp phu thê Nguyễn Văn Nhuệ & Thu Nhi cùng với linh mục Trịnh Ngọc Danh và một số anh chị thành lập và điều hành Chương Trình Gia Đình Nazareth, nhằm phục vụ các gia đình.

Lời Kết

Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S.

Có thể là lần đầu tiên trong lịch sử văn minh của nhân loại, con người đang phải đối diện với nhu cầu cho một định nghĩa mới về hai cụm từ ngữ “hôn nhân” và “gia đình.” Những khủng hoảng căn tính xuất phát từ sự thiếu hiểu biết tường tận cả về văn hoá và tôn giáo đã mượn danh nghĩa chính trị để đạt được những gì họ mong muốn trong một thế giới chuộng tự do và dân chủ. Nói cách khác, khi con người dùng lá phiếu để chính trị hoá mọi tiêu chuẩn sống, kể cả đạo đức và tình cảm con người, thì trong xã hội dân chủ, thiếu số phải phục tùng đa số. Sâu xa hơn, họ biến những ao ước hay đòi hỏi cá nhân thành *Quyền*, và như thế họ *phải* được thụ hưởng mà không còn sợ bị tước đoạt. Tất cả tiến trình này được hợp thức hoá bằng việc dùng sức mạnh của số đông để biến nó thành *Luật* trong xã hội.

Các thế hệ tương lai lớn lên và thừa kế một môi trường vắng tiếng nói của Chân Lý, của khách quan tuyệt đối, và thay vào đó bằng tiếng nói của số đông. Xã hội đề cao, hay đúng hơn thần thánh hoá tự do cá nhân nên chấp nhận việc làm của mọi người nếu việc làm đó không gây hại đến người khác. Quan niệm đạo đức “Đúng – Sai, Tốt - Xấu” trở nên tương đối, và được xã hội phân định tùy theo lợi ích của đám đông mà nó phục vụ.

Cụm từ “hôn nhân” hay “gia đình” không còn được hiểu theo nghĩa truyền thống của nhân loại. Nhân danh lòng khoan dung, một nhóm nhỏ những người chủ trương tôn trọng tự do lựa chọn của cá nhân, yêu cầu mọi người phải chấp nhận “hôn nhân đồng tính” và đón nhận định nghĩa “gia đình như tập hợp của những người yêu thương và quan tâm cho nhau khi sống chung một nhà.” Những ai không chấp nhận những quan điểm này, họ cho là thiếu thông cảm, không rộng lượng, không khoan dung, hay nặng nề hơn là thiếu kiến thức, thiếu hiểu biết khoa học. Nói đơn giản, họ suy tư dựa trên duy vật biện chứng và đòi lấy cơ sở kiến thức khoa học là nguyên nhân chấp nhận và cắt nghĩa mọi hoạt động của con người.

Trong khi những người có đức tin vào tôn giáo hay vào thế giới đời sau cho rằng có những điều con người không thể làm được vì nghịch lại ý trời, hay trong giáo lý Công Giáo gọi là những cấm dỗi nghịch lại lời dạy của

Thiên Chúa, thì xã hội loại bỏ yếu tố thần linh trong quyết định của mình khi chấp nhận cho con người sống theo bản năng đòi hỏi.

Với lý luận như thế, họ muốn loại bỏ những từ ngữ “cha - mẹ” hay giới tính “nam - nữ” trong bản kê khai căn tính con người với lý do kỳ thị vì không phản ánh đúng vai trò của hai người đều là “cha” hay là “mẹ” khi nuôi dưỡng con cái, hay với người mà giới tính không hẳn là nam hay nữ. Và nếu con người sinh ra có khuynh hướng đồng tính tự bản chất, họ cổ vũ cho những người này sống theo bản năng như mong ước.

Đây chính là thách thức rất lớn cho các cha mẹ muốn giáo dục con cái theo truyền thống họ đã hấp thụ và lớn lên. Đây là nguyên nhân dẫn đến tệ nạn này?

Nếu phân tích về mặt xã hội, chúng ta có thể kê khai hằng trăm nguyên nhân dẫn đến kết quả này. Nhưng đứng về mặt đức tin, chúng ta có thể dễ dàng kết luận rằng thiếu căn bản giáo lý là nguyên nhân dẫn đến từ chối đối thoại với Giáo Hội để tìm ra sự thật.

Sự thật không thể chủ quan. Sự thật đến từ Thiên Chúa. Là những Kitô hữu, chúng ta tin rằng Thiên Chúa tạo dựng “con người giống hình ảnh Thiên Chúa” (Gen 1:27), và sắp xếp cho họ thành đôi bạn tương xứng (Gen 2:18, 23). Ngài ban phát khả năng tính dục gắn liền với việc truyền sinh (Gen 1:28). Mọi thay đổi mà con người đòi hỏi hiện tại đều xuất phát từ “lòng chai dạ đá” của họ (Mk 10:5).

Trong bối cảnh đầy dẫy những lẫn lộn của thực - hư, của tốt - xấu, những cha mẹ Công Giáo cần tái khẳng định giá trị hôn nhân và gia đình cho con cháu hiểu và tin theo. Đóng góp nhỏ nhất này của một số anh chị em đang sống tại Hoa Kỳ hy vọng sẽ giúp giáo dân hiểu hơn về những vấn nạn mà con cháu chúng ta đang bị hệ thống truyền thông xã hội hiện nay nhồi sọ và bóp méo.

Có hai ước vọng nhỏ cho tập sách này. Thứ nhất, gửi đến anh chị em Công Giáo những lời dạy căn bản của Giáo Hội và nhắc lại những thách đố hiện tại đang đe dọa đời sống gia đình chúng ta. Thứ hai là trình bày cho mọi người, kể cả những người không đồng ý với lời dạy của Giáo Hội, hiểu tại sao người Công Giáo tin và sống những điều họ đang tin.

Mọi người đều có bổn phận tìm kiếm sự thật, vì cuối cùng, “sự thật sẽ giải thoát chúng ta” (Jn 8:32). Không cùng một niềm tin không nhất thiết phải nhắm mắt, bịt tai trước những trình bày của người đối diện, nhưng là điều kiện để những người thiện tâm tìm hiểu thêm những gì họ chưa nghe, chưa biết và vì thế chưa hiểu.

Riêng với những người Công Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ, tập sách nhỏ này nhắc nhở chúng ta hiểu rằng Giáo Hội đang quan tâm cách đặc biệt đến đời sống hôn nhân và gia đình trong xã hội ngày nay, nhất là cuộc họp của Thượng Hội Đồng Giám Mục thế giới bắt đầu từ tháng 10 năm 2014 nhưng sẽ tái họp vào tháng 10 năm 2015 chỉ nhằm bàn luận và tìm ra một giải pháp mục vụ cho những thách đố mà các gia đình Công Giáo đang gặp phải.

Tôi mượn lời nguyện của thánh Phaolô gởi cho tín hữu Êphêsô để cầu xin cho mọi người trong xã hội ngày nay, không riêng người Công Giáo, hiểu thấu ý định của Thiên Chúa dành cho hôn nhân và gia đình, và cố gắng sống đúng với mục đích Thiên Chúa đã định:

“Vì lý do đó, tôi quỳ gối trước mặt Chúa Cha,¹⁵ là nguồn gốc mọi gia đình trên trời dưới đất.¹⁶ Tôi nguyện xin Chúa Cha, thể theo sự phong phú của Người là Đấng vinh hiển, ban cho anh em được củng cố mạnh mẽ nhờ Thần Khí của Người, để con người nội tâm nơi anh em được vững vàng.¹⁷ Xin cho anh em, nhờ lòng tin, được Đức Ki-tô ngự trong tâm hồn; xin cho anh em được bén rễ sâu và xây dựng vững chắc trên đức ái,¹⁸ để cùng toàn thể dân thánh, anh em đủ sức thấu hiểu mọi kích thích dài rộng cao sâu,¹⁹ và nhận biết tình thương của Đức Ki-tô, là tình thương vượt quá sự hiểu biết. Như vậy anh em sẽ được đầy tràn tất cả sự viên mãn của Thiên Chúa.²⁰ Xin tôn vinh Đấng có thể dùng quyền năng đang hoạt động nơi chúng ta, mà làm gấp ngàn lần điều chúng ta dám cầu xin hay nghĩ tới,²¹ xin tôn vinh Người trong Hội Thánh và nơi Đức Ki-tô Giê-su đến muôn thuở muôn đời. A-men. (Eph 3:14-21)

Mẹ Maria, Nữ Vương các gia đình: Xin cầu cho chúng con.

Các Thánh Tử Vì Đạo Việt Nam: Xin cầu cho chúng con.

***Lm. Mat. Nguyễn Khắc Hy P.S.S. - Chủ biên
Baltimore 9 tháng 1 năm 2015***